

ĐIỀU VĨ QUÂN

Bí ẩn của TUỔNG THUẬT



ĐẠI VĂN HÓA
DIỄN TRUNG HOA
TÍCH

BÍ ẨN CỦA TƯỚNG THUẬT

Những người dịch:
GS. LÊ HUY TIÊU
GS. NGUYỄN ĐỨC SÂM
THỤ ÂN

Dịch từ nguyên bản tiếng Trung Quốc

Nhân dân Quảng Tây Xuất bản xã

Bản in năm 1996

**ĐẠI ĐIỂN TÍCH
VĂN HOÁ TRUNG HOA**

VƯƠNG NGỌC ĐỨC (Chủ biên) – TRẦN HUNG NHÂN

**BÍ ẨN
CỦA TƯỚNG THUẬT**

(NGHIÊN CỨU VÀ PHÊ PHÁN
THUẬT XEM TƯỚNG CỔ ĐẠI)

Tái bản lần thứ I

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ THÔNG TIN

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Trong vài năm gần đây, nhất là từ khi chúng ta bước vào thời kỳ chuyển đổi từ nền kinh tế tập trung sang nền kinh tế thị trường, một số hiện tượng mê tín dị đoan, có một thời tạm lắng xuống, nay lại có dấu hiệu xuất hiện trở lại.

Đây đó, những cuốn sách in trái phép như: Tử vi, Tướng số, Lịch vạn sự, Xem tướng tay tướng mặt... được lén lút bày bán.

Kinh nghiệm cho thấy, để chống lại có hiệu quả những tàn tích của văn hoá lạc hậu, cần phải xây dựng một nền văn hoá văn minh, khoa học và tiến bộ.

Với mục đích trên Nhà Xuất Bản Văn Hóa - Thông Tin cho ra mắt bạn đọc phần Văn hóa Thần bí Trung Hoa trong bộ “ĐẠI ĐIỂN TÍCH VĂN HÓA TRUNG HOA”. Với nội dung trên, các tác giả - những học giả lớn của Trung Quốc đương đại - đã trình bày một cách có hệ thống những nghiên cứu công phu về những hiện tượng văn hoá mang tính chất thần bí sâu đậm.

Bằng việc vận dụng các quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, với thái độ khách quan khoa học, các tác giả đã chỉ ra những nhân tố hợp lý cần kế thừa trong số các kinh nghiệm và tri thức của người xưa để lại trong các thuật Phong thủy, Trạch cát, Quyển mưu, Chiêm tinh, Chiêm mộng... đồng thời cũng chỉ ra các điểm vô lý mê tín dị đoan, các lý luận mâu thuẫn và phản khoa học trong các hiện tượng đó.

Đây là một bộ sách rất đồ sộ, dày tới hàng vạn trang, trong đó không khỏi có đôi điều thiếu sót, Nhà Xuất Bản Văn Hóa - Thông Tin rất mong được các bạn đọc lượng thứ và góp ý để có được những ấn phẩm tốt hơn.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

LỜI TỰA BỘ SÁCH

ĐẠI ĐIỂN TÍCH VĂN HOÁ TRUNG HOA

Văn hoá Trung Hoa không chỉ nổi tiếng vì lâu đời, phong phú, mà còn được người Trung Quốc và nước ngoài ngưỡng mộ vì tính chất thần bí sâu đậm của nó. Nói thần bí, có nghĩa là thần kỳ và bí ẩn. Tất cả những nền văn hoá mang màu sắc thần bí, đều có thể gọi là văn hoá thần bí. Tam hoàng ngũ đế, hậu phi thê thiếp, thái giám ngoại thích (họ ngoại nhà vua), thuật sĩ thầy mo, ẩn sĩ tiên nhân, thiện nam tín nữ, bang hội, tam giáo cửu lưu, tam phần ngũ điển, mật tịch cấm thư, dị đoan tà thuyết, âm dương ngũ hành, thiên nhân cảm ứng, kỳ môn độn giáp, tiên tri cấm kỵ, tập tục hủ lậu, xem tướng đoán chữ, luyện đơn dương sinh, chiêm tinh phong thủy, việc lạ chuyện kỳ, vũ thuật khí công, đều là văn hoá thần bí.

Bất cứ văn hóa nào, do tính chất đặc biệt của nó, đều có chỗ đứng nhất định. Văn hoá thần bí Trung Hoa là một bộ

phần quan trọng cấu thành văn hóa Trung Hoa. So với nền văn hoá tao nhã lấy Nho học làm hạt nhân, thì có thể gọi nó là văn hoá đời thường; so với văn hóa quan trường khoa cử, thì có thể gọi nó là văn hoá đại chúng; so với dòng văn hóa chính thống do các nhà cầm quyền đề xướng qua các thời đại, thì có thể gọi nó là mạch ngầm; so với văn hóa hiện đại của nền đại công nghiệp, thì có thể gọi nó là văn hóa truyền thống; so với nền văn hóa Tây phương gió Âu mưa Mỹ, thì có thể gọi nó là văn hóa bản địa.

Trong lâu đài văn hóa, không có một nền văn hóa nào khiến người ta say mê, đớp lấy hồn vía, lôi kéo người ta đi sâu tìm hiểu, khiến người ta ngạc nhiên thán phục như văn hóa thần bí. Hán Vũ Đế trong bài "Thơ du tiên" viết: "Thủy Hoa cứu linh ảo, Dương Tinh trắc thần bí" - Thế nào là "cứu" "trắc"? Cổ kim vội bóp nghẹt bao nhiêu tao nhân mặc khách. Có người từ nhỏ đã dẫn thân vào đây, như "Tấn thư - Trần Huấn truyện", có ghi: "Huấn từ nhỏ thích đọc những chuyện thần bí, thiên văn lịch pháp, âm dương, xem thời tiết, môn nào cũng tới mức tinh thông". Có người trở thành nhà thông thái, tài cao học rộng như Mao Dĩnh mà Hàn Dũ chép trong "Xương Lê tập" quyển 36: "Dĩnh có trí nhớ tốt, lại kiên trì, biên soạn các truyện, từ thời kết nút dây thừng để nhớ, đến các công việc nhà Tấn, không sót chuyện nào. Âm dương, bói toán, xem tướng, y lý, sắc tộc, sơn kinh, địa chí, chữ viết, đồ họa, cừu lưu bách gia, thiên nhân thư, phù độ. Lão tử, các thuyết của nước ngoài, thấy đều cần kể".

Văn hóa thần bí là một cái kho biến ảo thần kỳ, người theo nghiệp học nhìn thấy ở đây ánh hào quang của trí tuệ; người cầm quyền qua đây mà tổng kết những quyền mưu gìn giữ chính quyền; người kinh doanh lấy từ đây vô vàn của cải; kẻ mê tín thì xin ở đây sợi dây để tự trói mình. Nhìn qua xã hội bây giờ, ở Trung Quốc cũng như ở nước ngoài, không ít người bận rộn với văn hoá thần bí, và thành quả cũng không nhỏ. Rất tiếc và đáng giận, trong cảnh huyên náo ấy, có một số tên vô lại trà trộn vào, chúng là những tên bất học vô thuật, nhưng lại biên soạn những sách nhỏ "Ngũ hoa nhập môn" in giấy nến để tuyên truyền mê tín, đảo lộn trắng đen, đầu độc dân chúng, nhằm vét tiền đây túi. Kẻ tiểu nhân làm vậy, người quân tử nghĩ sao? Một số người thừa chữ coi văn hoá thần bí là "không phải học thuật" "văn hoá thấp kém", thậm chí cho rằng "thịt chó không thể bày trên mâm chính", sợ ảnh hưởng đến thanh danh cao quý của mình. Mặc cho kẻ tiểu nhân hò hét trên đất bụi, người quân tử nhắm mắt làm ngơ. Thế là, văn hóa thần bí càng huyên hô, càng xám xịt, càng không thể thấu hiểu, thậm chí rơi vào vũng bùn đen.

Trước tình thế ấy, chúng tôi bắt tay vào nghiên cứu văn hoá thần bí.

Mâu sắc thần bí rất sợ bị sự thật phá vỡ, đồng rác mê tín phải được khoa học quét sạch. Mây mù tư tưởng không thể dùng búa chém chết, những hiện tượng lịch sử phải từ góc độ lịch sử mà giải thích. Những hiện tượng văn hóa thần bí đang

diễn ra trước mắt chúng tôi, là một thể cộng đồng phức tạp, quái gở li kỳ, là hình thái ý thức pha trộn giữa tinh hoa và thô thiển. Nó có truyền thống thâm căn cố đế, có thị trường mà tất cả ngóc ngách đều lọt vào, có khả năng tái sinh từ suy vi đến hưng thịnh. Từ sau khi nước Trung Quốc mới ra đời, văn hóa thần bí đã một thời bị phiêu bạt, nhưng nó chuyển từ trên mặt đất xuống dưới mặt đất, từ chỗ đang lan tràn rút về tạm thời co lại. Một khi mở cửa, trào lưu lịch sử bùng ra, mạch ngầm này sẽ hóa nhập với phong tục ngoại lai từ Hồng Kông, Đài Loan thừa cơ tràn vào, loang khắp hang cùng ngõ hẻm, tổ chức truyền thống hóa trộn với màu sắc hiện đại, xấu tốt khó mà phân biệt. Nếu không xem xét ngọn nguồn, không làm rõ đúng sai, không hướng dẫn đúng đắn cho quần chúng, thì những phong tục cũ kỹ lạc hậu và những tập tục phong kiến sẽ hồi phục trong dân, nó sẽ bôi đen và thay thế dần phong tục xã hội chủ nghĩa đã vun đắp được trong bốn mươi năm, rồi thay thế hẳn. Đây là điều nguy hiểm. Để phối hợp với việc xây dựng nền văn minh tinh thần xã hội chủ nghĩa, phối hợp với việc trừ sáu cái hại, nên tích cực, hành động, nghiên cứu văn hóa thần bí. Nhất là những người làm công tác khoa học xã hội ở bậc cao học, học thuật, phải phục vụ bốn hiện đại hoá, phục vụ cho cải cách, mở cửa, phục vụ xã hội, nhân dân; nghiên cứu văn hóa thần bí là nghĩa vụ và trách nhiệm của chúng ta. Huống hồ, bản thân văn hoá thần bí là một hiện tượng văn hóa, các học giả ở bậc cao học không nghiên cứu thì ai nghiên cứu?

Mấy năm gần đây, chúng tôi đang nghiên cứu "Văn hóa thần bí và Văn minh phương Đông", hai đề tài lớn. Đúng lúc đồng chí Âu Vi Vi (Quảng Tây Nhân dân xuất bản xã) đặt chúng tôi viết: "Những bí ẩn của bát quái - (Chu Dịch)". Sau khi in ra, dư luận đánh giá tốt, rất nhiều học giả và quần chúng công nông viết thư khen ngợi và cổ vũ, mong muốn có nhiều loại sách mang tính khoa học, có tính chất học thuật, để đọc như thế. Để khỏi phụ lòng bạn đọc, chúng tôi quyết định ra loại sách này.

Loại sách này do Vương Ngọc Đức chủ biên, Diêu Vi Quân phó chủ biên, được Quảng Tây Nhân dân xuất bản xã hết sức ủng hộ, nhất là được đồng chí Âu Vi Vi, chủ nhiệm Phòng Biên tập văn, sử giúp đỡ cụ thể. Trong loại sách này, chúng tôi cố gắng vận dụng quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, với thái độ khoa học, thực sự cầu thị và phương pháp học thuật nghiêm túc, kết hợp với nhiệm vụ xây dựng văn minh tinh thần, phối hợp với hiện thực xã hội, khai thác tư liệu lịch sử, nghiên cứu một cách nghiêm chỉnh từng vấn đề trong văn hoá thần bí, cần phê phán thì phê phán, cần kế thừa thì kế thừa, để cận bã phải lắng xuống, để hủ lậu hoá thành thần kỳ, để học thuật trong đục rõ ràng, để văn hoá Trung Hoa toả sáng.

Người xưa nói: "Đường đi ngàn dặm, bắt đầu từ đôi chân". Khi loại sách này ra đời, chúng tôi cảm thấy đây mới chỉ là bước đầu của việc nghiên cứu văn hoá thần bí, vất vả

gian truân, đường xa gánh nặng. Do công việc nghiên cứu này mới chỉ khởi đầu, lại thêm trình độ có hạn, loại sách này chắc hẳn có chỗ sai sót, rất mong bạn đọc gần xa thông cảm, giúp đỡ, cùng chúng tôi ra sức nêu cao nền văn hoá Trung Hoa.

VƯƠNG NGỌC ĐỨC

*Phòng Nghiên cứu tư liệu lịch sử
Trường Đại học Hoa Trung-
Tháng 10 năm 1990.*

1

KHÁI LUẬN

"Hãy nhận thức bản thân mình"

Đó là một châm ngôn của các nhà hiền triết cổ Hi Lạp được khắc trên một phiến đá đặt trước cửa miếu thần Đenphơ - Apollon ở Aten. Từ xưa tới nay, nhân loại đã tỏ ra cực kỳ quan tâm đến vận mạng của mình. Hơn hai ngàn năm nay, người Trung Quốc đã tích cực tìm hiểu về khởi nguyên và kết cục của sinh mạng, và trong hình thái ý thức đã hình thành một cảm nhận cố chấp, thần bí về vận mạng. Kết quả của việc tìm hiểu và cảm nhận đó giúp chúng ta ngày nay có được nhận thức ngày càng phong phú, ngày càng toàn diện về nhân sinh quan của người Trung Quốc. Một mặt với tính cách là văn hoá chính thống, các đạo Nho, Lão, Phật với những giải thích và quy định về nhân sinh, đã ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống hàng ngày và sự lựa chọn giá trị của con người, mặt khác với tính cách là văn hoá thông tục, người xưa đã xây dựng nên một hệ thống triết học nhân sinh mang tính hiện thực và thế tục để tự nhận thức bản thân và nắm vững tương lai, như các thuật xem sao, xem tướng,

bói toán... Những điều đó đã lắng đọng trong tâm linh nhiều người, được coi như bài thuốc tiên để cầu xin may mắn, tránh xa tai họa.

Văn hoá chính thống và văn hoá thông tục gắn bó chặt chẽ với nhau. Văn hoá thông tục "tìm hiểu vận mạng con người" đã thịnh hành không suy giảm trong lịch sử Trung Quốc, là bộ phận tổ thành quan trọng, thần bí của văn hoá truyền thống. Trong nền văn hoá thông tục này, thuật xem tướng (tướng thuật) là một ngành xét về mặt thần bí, có ngọn nguồn xa xưa và lưu truyền lâu dài nhất, chỉ đứng sau Bát quái mà thôi.

Nói đến tướng thuật, trong ta loé lên một nguồn điện, giống như trong đêm tối loé lên một tia sáng hi vọng. Nhưng khi đêm tối qua đi, luồng điện biến mất, ta bỗng nhiên lại trở nên bán tín bán nghi và nảy sinh rất nhiều ngờ vực.

Tướng thuật là cái gì? Phải chăng những thầy tướng đầu quán khân vương, hoặc mù loà hoặc sáng mắt, hoặc bấm tay, hoặc giẫm chân, tính toán như thần, li kỳ bí hiểm, thường hành nghề ở các chợ búa quán xác là những người điều khiển và truyền bá thuật này? Phải chăng chính họ đã giúp người đời vén mây mù, tìm ra bờ bến, trải rộng con đường tiến tới hạnh phúc? Họ đã là những chuyên gia hiểu rõ mặt người, lòng người, nắm vững quá khứ, thông tỏ tương lai, thì tại sao họ lại không đường hoàng bệ vệ, mặt mày rạng rỡ? Chẳng lẽ khuôn mặt của họ đã quyết định số phận họ chỉ đáng làm những thầy tướng địa vị thấp kém khiến mọi người thương hại hay sao?

Những căn cứ của tướng thuật là gì? Tại sao tướng thuật lại có thể nắm được luồng suy nghĩ của người ta một cách bí hiểm và dẫn dắt họ trong suốt cuộc đời dài dặc? Tại sao người ta lại sẵn sàng

quy vận mạng của mình vào hình thể tướng mạo do cha mẹ sinh ra?. Những thầy tướng ở đầu đường cuối ngõ rút cục nắm được bao nhiêu tướng lý? Tại sao những lời lẽ ba hoa, tùy cơ ứng biến của các thầy tướng lại thường được người ta coi là những chứng cứ đáng tin chi phối vận mạng của mình? Những lời đoán của thầy tướng là điều đáng tin với mỗi người hay chỉ là một trò lừa bịp?

Tướng thuật có đúng là ứng nghiệm không? Tại sao có những người tướng mạo tương tự mà vận mạng lại khác nhau xa? Lý luận tướng thuật (tướng lý) nói ai có hai con người là tướng tốt mà vua Thuần mạt có hai con người, Hạng Vũ mạt cũng có hai con người. Lý Dục thời Ngũ Đại cũng một mạt có hai con người, mà vận mạng của ba người đó khác nhau rất xa! Tại sao Tuân Tử lại lớn tiếng kêu gọi "phản đối tướng thuật" ("Phi tướng")?

Tại sao các triết nhân hiền sĩ các thời đại lại giận dữ bài xích tướng thuật, cho đó là chuyện vô căn cứ?

Tướng thuật là chuyện mê tín chăng? Tại sao trước nhà các thầy tướng thường thường "đẩy những khách thành thị thôn quê, không lúc nào vắng"? Lễ nào mọi người đều hồ đồ gửi gắm niềm hi vọng về số phận vào ba tác lưỡi của thầy tướng? Tại sao những câu chuyện về sự linh nghiệm của tướng thuật chép đầy các sách vở, không có chân mà lan truyền khắp nơi, các thế hệ nối tiếp nhau đều coi đó là những chuyện thú vị, luận bàn không chán?

Tại sao nhà thơ Đỗ Mục phải thốt lên lời cảm thán "Phép xem tướng thuật không phải là sai" vậy? Nếu tướng thuật là thuật lừa bịp, thì tại sao hàng ngàn năm nay từ người bình thường đến người quý phái đều đua nhau chạy theo, ham mê không bỏ?

Tại sao tướng thuật lại thần bí như thế? Tại sao sách "Tướng lý hành chân" nói: "Mũi có màu xanh, trong 90 ngày có tai hoạ tới con cháu, lại cần đề phòng hoả hoạn, màu đen lan sang nhân trung (chỗ lõm giữa môi trên -ND) là tai hoạ tù tội, hoặc chết? Mũi có màu xanh lại là điềm xúi quẩy đến như vậy sao? Đó là những điều huyền bí không hiểu được của tướng lý hay đó chỉ là một trò huyền hoặc do các thầy tướng cố tình bày đặt ra? Người ta mê mải theo tướng thuật, gửi gắm số mệnh không thể đoán biết được của mình cho môn tướng thuật, phải chăng chỉ để có được niềm an ủi lập lờ?

Chúng ta còn có rất nhiều nghi hoặc. Chúng ta không sao chịu được việc để các mối nghi hoặc đó tồn tại mãi trong lòng, chúng ta càng không thể chịu được chuyện để bọn thầy tướng giương chiêu bài tướng thuật để lừa dối tình cảm và khát vọng của quần chúng cũng như thái độ của các nhà lí học chỉ hùng hổ công kích tướng thuật một trận thậm tệ rồi bỏ đó cho qua. Chúng ta cần có dũng khí, cần có lý trí để gỡ bỏ những vướng mắc trong lòng, đồng thời có trách nhiệm phải vạch trần tấm màn thần bí của tướng thuật khiến cho ánh sáng khoa học của thế kỷ hai mươi soi tỏ chân tướng của môn tướng thuật.

Loài người đã "tự nhận thức mình" qua một chặng đường dài đặc, quanh co. Với tính cách là một học vấn, tướng thuật có cả một hệ thống lý luận và cương lĩnh thực tiễn nghiêm mật. Muốn nghiên cứu mổ xẻ môn tướng thuật cho thật thấu triệt, thật không phải là một chuyện dễ dàng. Tôi không dám nói rằng mình đã nhận rõ được phương hướng trong màn sương tướng thuật, nhưng xin nguyện tập trung tâm sức, dùng quan điểm duy vật lịch sử làm ngọn đèn pha, dùng phương pháp biện chứng làm rìu búa, để bóc dần từng lớp bức màn sương khói bao phủ môn tướng thuật.

Chúng ta hãy cùng nhau tìm vào thế giới thần bí của tướng thuật, bóc đá lấy vàng, chắt cặn bã lấy tinh hoa. Chúng ta hi vọng qua việc phân tích quá trình phát sinh phát triển và lan truyền của môn tướng thuật mà phát hiện ra mối quan hệ nội tại giữa nó và triết học, y học và các hiện tượng văn hoá khác cùng các nguyên lý văn hoá quyết định diện mạo của nó Thông qua phân tích tướng lý phát hiện ra hạt nhân hợp lý và sắc thái mê tín của môn tướng thuật đã được hình thành và nuôi dưỡng trong nền văn hoá Trung Quốc, để từ đó có được nhận thức sâu sắc về lý luận tướng thuật. Thông qua việc miêu tả phong tục xem tướng và hình tượng các thầy tướng để vạch rõ ảnh hưởng sâu sắc của môn tướng thuật đối với trạng thái tinh thần, đời sống văn hoá phong tục và dân tình của người Trung Quốc.

1. TƯỚNG VÀ THUẬT XEM TƯỚNG

Thời viễn cổ, tổ tiên chúng ta sinh sống trong thế giới nguyên thủy rậm rạp, đầy dã thú. Họ kinh ngạc, nhìn môi trường sống xung quanh, nơi họ dựa vào để sinh tồn nhưng bất kỳ lúc nào cũng mang tới hiểm hoạ. Việc quan sát môi trường sống có muôn ngàn cảnh tượng luôn thay đổi là nguồn vui lớn ngoài việc kiếm ăn cho no bụng. Theo sự phát triển của đại não và việc đi sâu tổng kết những điều quan sát được, người ta dần dần kết hợp cảnh quan tự nhiên với những gì hình thành trong đầu óc, tức kết hợp hình tượng tự nhiên với tư duy trong đại não, do đó dẫn tới xu thế chung của người Trung quốc là chú trọng tư duy hình tượng. Sự ra đời của chữ Hán là sản phẩm của lối tư duy hình tượng đó. "Thời xưa, họ Bào Hy làm chúa tể thiên hạ, ngẩng lên xem cảnh tượng trên trời, cúi xuống xem phép tắc dưới đất, trông đáng vẻ loài cầm thú cùng trạng thái đất đai, gần thì lấy ở thân mình, xa thì lấy ở muôn vật, rồi bắt đầu

làm tám quẻ Dịch để truyền lại hiển tượng về sau. Đến họ Thân Nông thắt nút dây làm dấu để ghi mọi việc, ngày càng rườm rà, sinh ra lằng lẩn. Sử quan của Hoàng Đế là Thương Hiệt nhìn vết chân chim muông chạy nhảy biết rằng có thể phân biệt được các loài khác nhau, mới bắt đầu làm ra chữ viết. (Hứa Thân đời Hán "Bài tựa sách thiên văn giải tự").

Họ Bào Hy, Thương Hiệt trong khi ngẩng xem cảnh tượng trên trời, cúi xem phép tắc dưới đất, nhận dấu vết để phân biệt ý nghĩa, thậm chí không bỏ qua cả dấu vết chim muông, chứng tỏ rằng họ đã quan sát hết sức tỉ mỉ, không sót vật gì. Còn tám quẻ Dịch và chữ viết (chữ tượng hình) là kết quả tư duy sau khi đã quan sát những hình tượng ấy. Con đường lô-gích đi từ hình tượng muôn vật tới tư tưởng cũng là định thế tư duy của người Trung Quốc. Tướng thuật là ngành đi từ việc quan sát tướng mạo con người để rút ra nhận xét về số mệnh tốt xấu của người đó. Rõ ràng là định thế tư duy hình tượng là cơ sở lô-gích của tướng thuật.

Trước hết chúng ta xuất phát từ hàm nghĩa của "tướng" để làm rõ nội dung của "được xem tướng", đồng thời tìm ra mối liên hệ lý luận giữa "tướng" và "được xem tướng" để từ đó tìm hiểu hàm nghĩa thực sự của "tướng thuật".

Sách "Thuyết văn" nói: "Tướng 相 là tỉnh thị 省視, do chữ mục 目 và chữ mộc 木. Kinh Dịch nói: "Những cái đáng xem trên đất, không gì đáng xem hơn cây. Kinh thi nói: "Xem chuột có da" (Tướng thử hữu bì). "Tỉnh thị" tức là "quan sát", có cái ý quan sát, xem xét kỹ. Như vậy có thể thấy "tướng" khác với sự xem xét nói chung, mà là một sự xem xét cực kỳ nghiêm túc, tỉ mỉ. Trong xã hội nguyên thủy, người xưa nhìn xung quanh không thấy gì khác ngoài

cây cối, điều đó là nguyên nhân chữ "tướng" 相 do chữ mục 目 và chữ mộc 木 hợp thành.

"Tướng" là việc xem xét kỹ mọi vật xung quanh, đối tượng xem xét cũng luôn luôn là đối tượng được đánh giá. Theo sự thay đổi của môi trường sản xuất và sinh hoạt, những cư dân thời xưa từ rừng rú tiến sang xã hội nông nghiệp, nội dung và hứng thú xem xét của người ta có thay đổi lớn.

Trong việc sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi lâu dài của Trung Quốc, bò ngựa lục súc trở thành vô cùng quan trọng, tất nhiên chúng cũng trở thành đối tượng quan sát, xem xét của người ta. Trước khi "thuật xem tướng người" ra đời rất lâu, Trung Quốc đã có tập tục xem tướng ngựa và trâu bò. Tương truyền thời Hoàng Đế ở giai đoạn thượng cổ đã có Mã Sư Hoàng làm nghề thú y "giỏi đoán bệnh hành thể, sức lực và việc sống chết của ngựa". Bộ "Tướng ngư Kinh" (sách dạy xem tướng trâu bò) đầu tiên của Trung Quốc ra đời từ thế kỷ thứ 7 TCN là do người đánh xe của Tề Hoàn Công là Ninh Thích viết ra, sau đó truyền lại cho Bách Lý Hề. Việc đúng sai của những truyền thuyết đó, hiện không có cách gì thẩm tra được, nhưng trong sử sách đúng là có nhiều đoạn ghi chép về việc xem tướng gia súc. Như thời Chiến Quốc đã xuất hiện những người nổi tiếng về xem tướng ngựa như Vương Lương, Bá Nhạc, Trình độ nhân xét của họ đã đạt tới mức kỳ diệu. Sách Trang Tử có chép truyện Từ Vô Quỷ gặp Ngụy Hầu "bảo cho cách xem tướng chó, ngựa" Sử ký - Nhật Giả liệt truyện chép "Hoàng Trục là quan đại phu,... nổi tiếng trong thiên hạ về tài xem tướng ngựa", "Lưu Trường Nho nổi tiếng vì tài xem lợn nái, Vinh Dương Chủ thì nổi tiếng vì tài xem tướng trâu bò". Ngoài ra, còn đủ các loại xem tướng hạc, ngỗng trời, vịt, gà, ngan, ngỗng. Thiên Quang Biểu trong sách Lã Thị Xuân Thu ghi chép về thuật xem tướng càng rõ ràng

hơn: "Những người giỏi xem tướng ngựa thời xưa, có Hàn Phong xem răng miệng. Mã Triều xem má, Tử Nữ Lệ xem mắt, Vệ Kỳ xem ria mép, Hứa Bĩ xem móng dít, Đâu Phật Hạt xem ngực, Quản Thanh xem bụng, Trần Bĩ xem đùi và chân. Tần Nha xem phía trước, Tấn Quân xem phía sau. Mười người đó đều là loại giỏi trong thiên hạ".

Định thế tư duy lô-gích loại suy từ vật đến người, tất nhiên đã gợi mở cho người ta đi từ việc xem tướng ngựa, tướng trâu bò, tới việc xem tướng cho chính con người. Nếu loài vật có tuổi thọ, tính nết, năng lực khác nhau được biểu hiện trên bộ xương, hình thể, màu da, tình trạng lông, thì con người cũng là sản phẩm của tình anh trời đất hoá thành, nói như sách Trang Tử-Tri Bắc du "Cuộc sống của con người là do khí tụ lại, khí tụ thì sống, khí tan thì chết" nên có sự khác nhau về bản tính, sự thông minh hay ngu tối, thọ hay yếu, cả đến việc sang hèn, hoạ phúc... tương ứng được biểu hiện thành đặc trưng có tính quy luật trên hình thể. Thiên Quang Biểu trong sách Lã Thị Xuân Thu cho rằng toàn thân con ngựa đều cần được xem xét, vì các bộ phận khác nhau có những đặc trưng khác nhau "sở dĩ có những nhận xét khác nhau vì chỉ xem xét một đặc trưng của ngựa, vì vậy phải căn cứ vào khớp xương cao thấp, chân có nhạy không, móng có chắc không để biết được điểm mạnh điểm yếu của ngựa. Việc xem tướng không chỉ có dụng với ngựa, mà con người cũng có những biểu trưng, mỗi công việc và cả quốc gia cũng có những biểu trưng", "Biểu trưng" tức là những dấu hiệu hiện ra bên ngoài biểu thị bản tính, năng lực, trí tuệ, tình trạng bệnh tật, điều lành dữ. "Biểu trưng" ở súc vật chủ yếu là những dấu hiệu biểu hiện ra bên ngoài của tình trạng thân thể, tuổi thọ và sức làm việc. "Biểu trưng" ở người, chủ yếu là những dấu hiệu biểu hiện ra ở mình mẩy, da dẻ, râu tóc nói lên tình trạng thân thể, tính tình, năng

lực, trí tuệ, sự lành dữ, số sang hèn... Bất kỳ là với người hay súc vật, những "biểu trưng" ấy đều chỉ nhận biết được qua sự xem xét cẩn thận, tỉ mỉ. Nếu không xem xét kỹ, thì không thể nhận rõ và phân biệt được những "biểu trưng" ấy. Do đó, người xưa đi từ việc xem tướng súc vật tới việc xem tướng người, là quá trình phát triển tự nhiên của lý tính.

Trong thời Xuân Thu- Chiến Quốc "xem tướng người" đã trở thành một từ ngữ ổn định phổ biến. Sách Tuân Tử nói: "Xem tướng người là thuật người đời xưa chưa có, các học giả không nói đến"s. Thị hiếu xem tướng người dần dần được lan rộng, bước đầu hình thành tập tục trong dân chúng. Thuật xem tướng lúc đó chủ yếu rút ra kết luận về hai mặt. Một là, kết luận về y học do chuyển từ quan sát súc vật sang quan sát người. Người xưa cho rằng: "Cái ẩn dấu ở bên trong tất có dấu hiệu ở bên ngoài". Trong nội bộ của cơ thể nếu có sự thay đổi về bệnh lý, thì nhất định sẽ biểu hiện ra ở thân thể và bộ mặt. Việc chuẩn đoán căn cứ vào quan sát (vọng chẩn) của Trung y là qua sự xem xét hình sắc, thần thái trên mặt bệnh nhân để phán đoán tình trạng (dấu hiệu) bệnh lý của họ. Sách Hoàng Đế Nội Kinh, một sách kinh điển về Trung y sớm nhất của Trung Quốc đã thông qua "vọng chẩn", tức quan sát mọi đặc trưng bên ngoài ở mặt người, ngũ quan và khí sắc để phán đoán một cách tương đối chính xác về triệu chứng bệnh lý của một con người, đồng thời cũng đưa ra sự phân tích liên quan tới tính tình của con người đó, như "thiếu lòng tin", "sáng suốt trong xét việc", "coi thường tiền bạc", "nham hiểm", "dũng cảm hay khiếp nhược", "sống lâu hay chết yểu". v. v.. Việc quan sát đó, tóm lại là những phán đoán từ góc độ y học. Hai là, sự quan sát thông qua đặc trưng của hình thể để đi tới kết luận về số mệnh. Người xưa cho rằng giữa đặc trưng của hình thể, tướng mạo với số mệnh có một mối quan hệ đối ứng thần kỳ, do đó có thể

qua hình thể, tướng mạo để phán đoán số mệnh của một cá nhân. Đúng như lời của Thalex Marơ, một nhà tướng học phương Tây tinh thông về tướng thuật Trung Quốc: "Các thầy tướng Trung Quốc ngoài việc cho rằng hình thể, vị trí tướng mạo cùng với những đặc trưng khác đủ để biểu hiện tính cách của một cá nhân, còn cho rằng nó cũng nói lên số mệnh của người đó nữa". Thuyết số mệnh là sự giải thích xã hội học về trạng thái sinh mệnh. Sự giải thích đó ban đầu là thuần lý tính và không nhằm vào một đối tượng cụ thể. Tướng thuật thì đem hình thể tướng mạo liên hệ với số mệnh cát hung. Từ đó, đặc trưng tướng mạo, tướng mạo trở thành phù hiệu tượng trưng số mệnh của người Trung Quốc.

Theo ghi chép trong "Tả truyện - Văn Công nguyên niên": "Mùa xuân, thiên tử nhà Chu phái nội sử Thúc Phục đến nước Lỗ tham gia tang lễ. Công Tôn Ngao nghe nói Thúc Phục biết xem tướng mặt, liền gọi hai con trai ra yết kiến ông ta. Thúc Phục nói: "Cậu Cốc có thể nuôi dưỡng, tể tự ông; còn cậu Nan có thể an táng ông. Cầm của cậu Cốc đầy đặn, con cháu cậu ta tất sẽ hưng vượng".

Theo Thúc Phục, cầm của người ta (tướng thuật gọi là địa các) biểu thị số phận cuối đời của một con người. do cầm của Cốc rất đầy đặn nên Thúc Phục căn cứ vào đó mà đoán rằng vận khí cuối đời của anh ta rất tốt, tức là con cháu hưng vượng, có người nối dõi, ở đây, cầm tượng trưng cho vận khí cuối đời. Tại sao lại có sự tượng trưng đó? Đây là nội dung nghiên cứu của tướng thuật.

Nói tới đây, chúng ta có thể cho tướng thuật một định nghĩa. Vậy thì tướng thuật là gì? Tướng thuật trên thực tế là một quan điểm về số mệnh, nó là một học thuyết thông qua đặc trưng hình thể được bộc lộ ra của một sinh mạng mà suy ra sự lành dữ, sang hèn của sinh mạng đó. Hoặc, có thể nói, tướng thuật là một quan

điểm về sinh mạng, nó thông qua hình thể, ngôn ngữ, hành động của một con người để đưa ra lời giải thích phù hợp với đạo đức xã hội và tiêu chuẩn công lợi. Lại có thể nói, tướng thuật là môn học dự đoán về sinh mạng, nó thông qua đặc trưng bản thân của một con người để dự đoán động thái tương lai của người đó.

Gần như đồng thời với việc phổ biến cụm từ “xem tướng người” thì “tướng” cũng mang hàm nghĩa “hình thể, diện mạo”. Thiên “Phi tướng”, sách Tuân Tử nói “Hình tướng tuy ác nhưng tâm thuật thiện thì không trở ngại đến việc trở thành người quân tử, hình tướng tuy thiện nhưng tâm thuật ác cũng không thể không trở thành kẻ tiểu nhân”. Sách “Luận hành” của Vương Sung có thiên “Cốt tướng” cũng có ý nghĩa hình cốt thể và cốt tướng mạo. Chính vì vậy đời sau chỉ gọi “xem tướng người” là “xem tướng” mà thôi.

2. SỐ PHẬN CỦA MÔN TƯỚNG THUẬT

Thị hiếu xem tướng ít nhất đã hình thành trong tầng lớp quý tộc thời Xuân Thu. Trong các thuật về số phận, tướng thuật là cổ nhất. Câu chuyện có thực ghi chép trong Tả Truyện về việc Công Tôn Ngao mời Thúc Phục xem tướng cho hai con trai mình, có thể được coi là khởi nguồn của tướng thuật. Viên Liễu Trang, một đại gia về tướng thuật nổi tiếng nhất đời Minh cũng nói: “Giỏi xem tướng người, có Thúc Phục đời Đông Chu”.

Quan nội sử nhà Chu Thúc Phục là thầy tướng đầu tiên được ghi chép trong sử sách. Trải qua bao biến thiên lịch sử lâu dài, thay đổi biết bao nhiêu triều đại, tướng thuật được các thế hệ thầy tướng trình bày thành một môn vô cùng ảo diệu, thần bí khôn lường. Nó đã trải qua một số phận thế nào? “Xem tướng” cho tướng thuật rõ ràng là một việc hết sức thú vị.

"Xem tướng" cho tướng thuật, ngoài việc vạch rõ những điều vừa thật vừa giả, biến hoá đủ trò của tướng lý, còn phải chú ý đến tinh thần thời đại, tiêu chuẩn giá trị và các mặt lịch sử, văn hoá như triết học, chính trị, luân lý, tôn giáo, tâm lý... Nhưng nói chung người ta luôn căn cứ vào những điều được ghi chép trong sử sách và những chuyện truyền khẩu về tướng thuật để bình phán về việc thật giả đúng sai của nó, vì vậy chúng ta có thể tìm hiểu số phận khi được tôn vinh, lúc bị vùi dập của tướng thuật qua những ghi chép và đồn đại đó.

Trong thời lịch sử lâu dài của tướng thuật, không hiếm những chuyện "linh nghiệm" về tướng thuật được chép trong hàng đống sử sách, đó là những của gia bảo để thầy tướng các thế hệ đem ra khoe khoang. Chúng ta có thể tuỳ ý lượm ra mấy chuyện để xem xét:

Truyền thuyết nói Hán Cao tổ Lưu Bang có một khuôn mặt như mặt rồng, mũi rất to, râu dài phơ phất khác thường, đuôi trái có 72 nốt ruồi. Khi ông ta còn là một tiểu lại, Lã Công xem tướng mặt ông ta, biết sau này ông ta sẽ được thiên hạ, liền gả con gái cho ông ta. Một ông già trong làng sau khi xem tướng cho hai con trai của Bái Công và Lã Thị, nói với Bái Công "Hai cậu con trai của bà nhà ta ở làng đều có tướng vương giả, cao sang không thể nói hết được".

Danh tướng Vệ Thanh của nhà Hán xuất thân ty tiện, là con ngoài giá thú giữa một quan lại nhỏ với một tì nữ, không ngờ một ông thầy tướng cứ khẳng khẳng nói "sẽ làm tới tước hầu" sau Vệ Thanh năm lần đầu quân đánh Hung Nô, vì luôn thắng trận, được phong tước vượt cấp, đúng như lời thầy tướng nói.

Đặng Thông là một sủng thần của Hán Văn Đế đời Hán, địa vị tôn quý gần như ngang với nhà vua. Nhưng thầy tướng nổi tiếng là Hứa Phụ sau khi xem tướng cho Đặng Thông lại nói: "Nếp nhăn

chạy thẳng vào miệng, sẽ chết đói". Hán Văn Đế nói: "Trẫm bảo đảm giàu sang cho khanh", rồi đem những núi đồng ở đất Thục, bán cho Đặng Thông để ông ta tự đúc lấy tiền tiêu. Khi Hán Cảnh Đế lên ngôi, cho rằng ông ta dám đúc tiền trái pháp luật, Đặng Thông buộc phải đi trốn, cuối cùng khốn khó lao đao, chết đói tha hương.

Danh tướng Chu Á Phu khi chưa được phong hầu, cũng được Hứa Phụ xem tướng cho, nói: "Ba năm sau sẽ được phong hầu, tám năm sau sẽ kiêm tướng văn, tướng võ, nắm giữ quốc chính, cực kỳ hiển quý nhưng sau chín năm nữa sẽ bị chết đói". Á Phu cười, không tin. Hứa Phụ chỉ vào miệng Á Phu, nói: "Nếp nhàn chạy vào miệng, đó là điềm sẽ chết đói", Về sau, quả nhiên Chu Á Phu bị chết đói.

Thời Đường Tuyên Tông, phò mã Vu Tông làm quan coi việc sắt và muối, thường có tin đồn là ông ta có tài tế bạt (tài làm tới tế tướng). Tế tướng lúc đó là Lộ Nham vốn bất hoà với Vu Tông, nghe lời đồn đó rất không yên tâm, liền mời thầy tướng là Đinh Trọng tới, để khi tế tướng mời khách dự tiệc thì hé màn xem tướng trộm, xem Vu Tông có thật đúng có tướng là tế tướng không. Đinh Trọng xem xong nói: "Đúng là sẽ làm tế tướng, mà chỉ trong khoảng một tuần, một tháng nữa sẽ ứng nghiệm". Lộ Nham nói: "Chắc là ông thấy ông ta là thân thích nhà vua nên nói như vậy phải không?". Đinh Trọng nghiêm sắc mặt nói: "Xem tướng, đâu phải chuyện dựa dẫm vào nhân sự? Tôi xưa nay vốn không biết gì về ông ta, hôm nay mới thấy, quan sát cốt trạng của ông ta, thì đúng là quý nhân". Lộ Nham lúc đó mới tin, vội thay đổi cách cư xử. Sau quả nhiên Vu Tông được chọn làm tế tướng.

Đời Tống, nhà văn học nổi tiếng Âu Dương Tu khi còn nhỏ, được một thầy tướng nói: "Tai trắng hơn mặt, nổi tiếng khắp triều

đình thôn dã, môi không che kín răng, sẽ bị chuốc lấy hiểm nghi". Sau này, Âu Dương Tu tuy làm quan tới bậc tể phụ nhưng cuối cùng bị gièm pha nên phải từ quan.

Lưu Tư Lễ đời Đường, từ nhỏ đã ham thích tướng thuật, xin học thần tướng Trương Cảnh Tang. Trương Cảnh Tang nói Lưu Tư Lễ có tướng làm thứ sử và thăng tới thái sư. Khoảng niên hiệu Thông Thiên (tức Vạn tuế Thông Thiên, dương lịch 696, 697 - ND), Lưu Tư Lễ quả nhiên làm thứ sử Cơ Châu, lại càng mê tín tướng thuật, tự mình xem tướng cho viên lục sự tham quan ở Lạc Châu là Kỳ Liên Diệu, nói với Kỳ: "Tướng ngài có khí rồng, như bậc đại đế". Do đó, cùng nhau mưu phản, sự việc bại lộ, bị tru di, các danh sĩ bị liên lụy có hơn 30 người, hơn 1000 người trong gia tộc bị giết.

Những chuyện truyền tụng về tướng thuật thuộc loại như trên có thể thấy khắp nơi, sách tướng thuật các thời đều truyền bá những chuyện như vậy, càng tỏ rõ tài tiên tri của tướng thuật.

Còn cảnh quan xã hội của tướng thuật thì lại càng rôm rả. Sau đời Đường Tống, người đời hết sức tin vào tướng thuật, đến độ mê cuồng. Trước nhà các thầy tướng, ngựa xe nhộn nhịp, náo nhiệt phi thường, thậm chí phải xin hẹn trước, cứ 2 ngày lại đến "hãy" thầy tướng một lần. Để tìm hiểu rõ số mệnh của mình, người ta rủ nhau cùng đi năm lần bảy lượt, hầu như việc gì cũng đến hỏi thầy tướng căn cứ đến chân tơ kẽ tóc. Như tể tướng nhà Đường là Lý Kiến, đã năm lần bảy lượt mời các đại tướng sư Viên Thiên Vọng, Mã Sư Lộc đến xem tướng cho mình, đối đãi hết sức chân thành cung kính. Đời Minh lại càng tôn sùng hơn nữa, ngay đến hoàng đế cũng một mực tin vào tướng thuật. Hoàng đế Vĩnh Lạc Chu Lệ (tức Minh Thành Tổ, ở ngôi 1403-1425-ND) chăm chỉ học tướng thuật và đối đãi cung kính với thầy tướng không khác gì các sĩ tử mài miệt kinh

sử, tôn trọng ân sư. Thậm chí, khi triều đình muốn định ra điển chương chế độ cũng đi tìm hỏi các thầy tướng, đối chiếu với tướng thuật. Như tướng thuật cho rằng con gái có thân thể thơm tho là tốt, thân thể hôi hám là xấu, thì thời Vĩnh Lạc, khi tuyển cung nữ vào hậu cung, bắt các con gái dự tuyển phải mặc áo bông chạy gấp một lúc cho ra mồ hôi, rồi cho người đến ngửi mùi để quyết định chọn hay thải. Chu Lệ hết sức muốn chọn một cô gái mặt vuông làm phi, thầy tướng Viên Cung vội can: "Phàm mặt vuông đều là mặt hổ, phần nhiều là sát tinh, sao có thể nhập cung làm quý nhân". Vì vậy Hoàng đế đành bỏ ý định. Hoàng đế còn như vậy, thì dân gian mê tín tướng thuật thế nào, không nói cũng đủ rõ.

Nhưng, trong biển mê mẩn về tướng thuật, thời nào cũng vẫn có những người tỉnh táo, họ là những đấng sĩ đứng lên đả kích và bóc trần không thương tiếc tướng thuật, giáng cho các thầy tướng những đòn choáng váng. Tuân Tử, người kế thừa học phái Nho gia thời Chiến quốc, là người đầu tiên vung tay giáng đòn đau vào tướng thuật. bài hịch văn chiến đấu "phi tướng" của ông đã trở thành tiếng kèn hiệu kêu gọi các đời tiến công vào tướng thuật. Vương Phù thời Đông Hán tuy không hoàn toàn phản đối tướng thuật, nhưng có nêu lên những nghi vấn. Ông nói: "Ngựa thiên lý tuy có đủ cốt tướng, nhưng nếu không có roi thúc cũng không tới đích được. Phàm đồ sùng, nếu không được đẽ gọt, không thể trở thành bình đựng rượu, kẻ sĩ nếu không được ra làm quan, cũng chẳng có chức vụ gì". Cũng giống như con người "có đủ cốt tướng, nhưng không có sự thúc đẩy, cũng không đạt tới mục đích". Nói thế có nghĩa là tuy tướng mạo do cha mẹ sinh ra có tốt đẹp, nhưng nếu không có điều kiện phấn đấu của bản thân thì không thể có mệnh lộc. Cho nên, xét về căn bản, số mệnh của con người "trời đất không thể cho sang hèn, quỷ thần không thể làm cho giàu hay

nghèo". Quan điểm trên của Vương Phù, thật là sự bóc trần thẳng thừng đối với tướng lý. Sự phê phán tướng thuật của Hùng Bá Long đầu đời Thanh là tương đối toàn diện. Trong tác phẩm "Vô Hà Tập" ông không đồng ý với thuyết của tướng thuật "Thánh nhân phải có tướng lạ" và đưa ra dẫn chứng tận mắt mình trông thấy về một người đồ tể "có bốn bầu vú" giống như Văn Vương, thế mà một người thì có phúc trạch hiếm có từ cổ chí kim, một người thì không có một lộc vị gì dù nhỏ. Điều đó nói rõ rằng thánh nhân sở dĩ là thánh nhân, không phải vì tướng mạo có gì đặc biệt, mà chỉ vì có cái tâm khác người. Với hiện tượng có một số thầy tướng đoán đúng được lộc mệnh của người khác, ông cũng có sự phân tích. Dẫu trường hợp Chu Nguyên Bảo thời Hậu Đường có thể xem tướng đúng cho Minh Tông lúc còn hàn vi, là sau này nhất định sẽ đại quý, ông cho rằng đó chỉ là sự gặp may, "những trường hợp không đoán đúng thì không được truyền lại". Nay thử lấy một người không biết tướng thuật xem tướng cho 100 người, tất sẽ đoán được cho một hai người, rồi chỉ truyền lại chuyện xem tướng cho một hay hai người đó, mà khen là đoán giỏi, không biết rằng đó chỉ là ngẫu nhiên thôi". Thị hiếu xem tướng lan tràn là do lòng hiếu kỳ và tâm lý cầu may của người ta góp phần gây nên. Sự phân tích đó tỏ ra là rất xác đáng.

Tuy có sự mổ xẻ, vạch trần của nhiều nhà tri thức sáng suốt, nhưng do được giới quý tộc đề xướng và tin theo, cộng thêm sự truyền bá rộng rãi của các thầy tướng, sự ngu muội dốt nát của quần chúng, nên suốt trong lịch sử lâu dài, tướng thuật như một dòng nước đục chảy xuyên vào hoà lẫn trong phong tục tập quán của nhân dân.

Từ giải phóng đến nay, đông đảo nhân dân quần chúng, được giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa, lại được nâng cao trình độ

văn hoá, đã nhận thức sâu sắc rằng tương lai hạnh phúc phải được xây dựng trên cơ sở nỗ lực lao động, cùng nhau làm giàu, số mệnh của cá nhân chỉ có ý nghĩa chân chính khi gắn liền với vận mệnh của Tổ Quốc, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, cán bộ trở thành người đầy tớ của nhân dân, thời đại "làm quan phát tài" đã mất đi không trở lại. Trong tình hình đó, loại hoạt động mê tín như tướng thuật không còn thị trường nữa. Do đó, từ ngày thành lập nước Trung Hoa mới là thời đại xúi quẩy nhất của tướng thuật, đến mức có thể nói là không còn tâm tích nữa. Nhưng từ sau cải cách mở cửa, cùng với sự tăng trưởng của ý thức làm giàu, sự xâm nhập của tư tưởng tư sản, những căn bã mê tín phong kiến lại được một số người xối lên hoặc chìm đắm say mê vào đó, hoặc dùng để mê hoặc người khác, hình thành một dòng nước đục mới, làm ruồng nát nhân tâm, đầu độc xã hội.

Sự tồn tại của tướng thuật, có nhân tố xã hội và nguồn gốc lịch sử cực kỳ phức tạp. Muốn triệt để xoá bỏ sự mê tín tướng thuật của người ta xem ra không thể chỉ dựa vào các văn bản cấm lệnh, mà biện pháp tốt nhất là tỉnh tâm, tiến hành sự phân tích lý tính khách quan, tỉ mỉ như tổ chim sẻ, phơi bày nguyên hình của tướng thuật trước ánh sáng mặt trời, để mọi người có sự bình phán khoa học, sâu sắc, để mọi người thấy rõ chân tướng của tướng thuật, được đeo mặt nạ thần bí, tất nhiên sẽ phân biệt được là thiệt hay giả, đúng hay sai. Chúng tôi vững tin rằng, cùng với sự nâng cao trình độ khoa học, người ta sẽ không còn tin vào tướng thuật, và tướng thuật cuối cùng sẽ chỉ còn là những tiêu bản để chúng ta nghiên cứu lịch sử phong tục. đó là số phận cuối cùng của tướng thuật.

3 . ĐẶC TRƯNG THẦN BÍ CỦA TƯỚNG THUẬT

Nói đến sự thần bí của tướng thuật, trước hết chúng ta hãy nghe sự rao giảng của các thầy tướng thời cổ đại.

Sách "Ma Y Tướng Pháp" phần "Xem tướng mặt" nói "Mặt, là nơi phơi bày sự ẩn náu của mọi bộ phận, là con đường thần diệu thông với ngũ phủ (tức ngũ tạng: tâm, can, tì, phế, thận - ND), quy định sự thành bại của con người. Cho nên ngũ nhạc tứ độc cần phải hướng vào nhau, tam đình chư bộ cần phải đầy đặn. Diện mạo đoan chính, thần thái bình tĩnh, khí sắc ôn hoà nói lên số giàu sang. Nếu xiêu vẹo không ngay ngắn hoặc lệch lạc lồi lõm, sắc trạch hôn ám, khí mạo xấu dữ, là tướng nghèo hèn. Nếu những người sắc mặt trắng như bạc, nước da sáng như sơn, hoặc vàng như kê hấp, hoặc tía như tô nhuộm đều là bậc đại phú quý. Nếu sắc mặt đỏ rực như lửa, thọ mệnh sẽ ngắn. Nếu lông tóc lờm chờm khô đục như bụi bặm, là nghèo xác. Nếu khi nổi giận mặt xanh xám, là người độc ác. Mặt gồ lên như ba cái gò, thì nam giới xung khắc với con, nữ giới xung khắc với chồng, thuộc loại hèn hạ. Mặt đầy đặn như mặt trăng, thanh tú và quắc thước gọi là bộ mặt như ráng buổi sớm, nam tất là công khanh, nữ sẽ là quý phi, quý nhân. Mặt có da dày, tính thuần phác và có hiếu. Mặt có da mỏng, tính nhanh nhạy nhưng nghèo. Người béo mặt gầy, thì mệnh dài và tính thông thả, người gầy và mặt dài, mệnh ngắn và tính tình nóng nảy. Mắt trắng mà mình đen thì tính dễ dãi, hèn hạ, mặt đen mà mình trắng thì tính nết cởi mở và giàu sang. Mặt như dưa chuột, phú quý vinh hoa, mặt như thanh qua là người hiền triết".

Trong thuật xem tướng người, một trong những điều quan trọng là xem tướng mặt, nên các sách tướng thuật đều nói nhiều về vấn đề này. Sự thần bí của tướng thuật cũng biểu hiện điển hình trong việc xem tướng mặt. Về đoạn sách dẫn trên Ma Y Đạo giả coi mặt là then chốt quyết định "thành bại cả một đời", nhưng sự bình

phần của ông về biểu hiện sang hèn, thọ yếu trên các bộ phận của mặt hầu như thiếu mối liên hệ tất nhiên, tạo nên sự thần bí cổ lỗ không thể hiểu được. Như "mặt trắng" như bạc, da lãng như sơn, vàng như kê hấp, tía như tơ nhuộm", nhiều nhất cũng chỉ thể hiện là người có thân thể khoẻ mạnh, dinh dưỡng đầy đủ, chứ tại sao nhất định lại phải là "đại phú quý". Những người có sắc mặt như thế dứt khoát không thể là người sống trong cảnh lao khổ nhà tranh vách đất, thế thì phải chăng chỉ những con em nhà giàu có mới trở thành "đại phú quý" được? Lại như "da mặt dày là tính thuần phác, có hiểu, còn da mỏng là tính nhanh nhẹn nhưng nghèo. Sự dày mỏng của da mặt, sao lại liên quan tới tính tình và sự giàu nghèo? Điều không thể hiểu nổi nữa là: "Mặt như dưa chuột, phú quý vinh hoa. Mặt như thanh qua, là hiền triết gia". Kiểu đoán như thế, ngoài mặt thần bí, còn có chút giống như nói bừa không căn cứ.

Sách "Tướng lý hành chân" quyển 10, nói: "Ấn đường có màu tía, trong một ngày là thăng quan, kiếm được nhiều tiền, trong một quý tăng thêm ba khoảnh ruộng vườn". Ấn đường có màu tía là trong phút chốc thăng quan phát tài, mở rộng điền Trạch. Thật là thần kỳ bí ẩn! Chúng ta chỉ biết rằng, từ góc độ trung y mà suy xét, thì khí sắc trên mặt chỉ phản ánh trạng huống sinh lý trong lục phủ ngũ tạng, nhưng không thể biết nó có quan hệ gì đến hoạ phúc. Các thầy tướng có thể nói những điều thần bí, thì người thường hiểu thế nào được? Thật đúng là thần bí!

Nói cụ thể, đặc trưng thần bí của tướng thuật chủ yếu biểu hiện trên mấy mặt sau đây:

Một là, *sự kết hợp tương trưng giữa tướng và bản thể số mệnh*. Người xưa cho rằng trời đất muôn vật đều có tướng, tướng là biểu trưng sự lưu động của sinh mệnh của trời đất muôn vật. Con người

ta sống giữa trời đất muôn vật nên hình thái của trời đất muôn vật tức là "Sự phản ánh hình thái sinh mệnh của con người". Từ hiện trạng đó có thể biết trước được tương lai.

Rõ ràng, các nhà tướng thuật cho rằng giữa tướng và số mệnh có mối liên hệ bản chất. Thế nhưng tại sao trời đất muôn vật mỗi thứ lại có tướng khác nhau? Ngay dù cùng một loại vật thì tướng cũng nhiều màu nhiều vẻ, nên số mệnh họ là thứ không thể nắm bắt. Người xưa gắng sức đi tìm số mệnh, mong biết được số mệnh rút cục là cái gì. Nhưng kết quả càng tìm càng mịt mù. Đến nỗi Khuất Nguyên phải đau khổ đi "hỏi trời" (thiên tẩn) mãi không thôi. Có điều tổ tiên thông minh của chúng ta trong khi mịt mù không biết trông cậy vào đâu, vẫn suy nghĩ không mệt mỏi, cuối cùng từ việc xem xét sự sống chết của sinh vật trong tự nhiên bỗng như bừng thấy một số điều bí mật huyền ảo của sinh mệnh, liên tưởng đến sinh mệnh của mình. Do đó, rất tự nhiên, con người đã coi sinh mệnh trong tự nhiên là một loại tượng trưng để gắn ghép với sinh mệnh của mình.

Tượng trưng sinh mệnh trong tướng thuật chủ yếu gồm hai loại: tượng trưng ngũ hành (Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ) và tượng trưng chim muông, thú vật. Loại trên căn cứ vào tính đặc trưng của ngũ hành để gán hình thái số mệnh của người vào đó, có thể gọi đây là phương pháp tượng trưng đặc tính. Như hoả gấp mảnh liệt, sáng rực, tượng trưng cho người có phẩm tính thuộc loại đó. Như lời trong sách "Thần tướng thiết quan đao".

"Hình Hoả" (là những người) đầu nhọn, da thịt đỏ, tính nóng, tóc đen, râu vàng, mũi lộ cốt, xương gò, má gồ, mắt đỏ, lông mày thưa, ngực nở, bàn tay mỏng lộ gân, đi đứng nghiêng ngả, tai nhọn vểnh, tiếng nói to gât, trán cao, môi hở lộ răng... đúng tính Hoả".

Người có hoả hình là người có tính cách và hình thái như lửa. Loại người này tính tình nóng nảy, xương thịt gồ ghề, đối nhân xử thế có phong cách riêng. Nếu cộng thêm sự quan sát về những mặt khác, sẽ rất dễ thấy xu hướng trong cuộc sống. Đó là một loại tượng trưng.

Phương pháp tượng trưng đặc tính không khỏi có ngoại tế, bởi vì một người có thể gồm những đặc trưng đa hướng trong ngũ hành, nên lại cần phân tích tỉ mỉ, toàn diện. Vì vậy "Thần tượng thiết quan dao" có bổ sung: "Hình hoả, bàn tay gầy, ngón nhọn, lộ gân xương. Nếu mặt đỏ, hơi lạnh, tóc cháy mất đỏ là kim hoả. Nếu mặt xanh là kèm mộc, nếu xương đầu lớn là có kèm kim, nếu mặt vuông, đầy đặn, sắc vàng, là có kèm thổ, nếu mặt trắng, tròn là có kèm kim".

Như vậy, một người có thể có nhiều đặc tính, nhưng nhất định có một đặc tính chủ yếu.

Cái tượng trưng chim muông thú vật là căn cứ hình trạng của động vật để gán vào hình thái của người, từ đó để biểu thị hiện tượng số mệnh mang tính hình tượng. Có thể nói đây là phương pháp tượng trưng hình dạng. Phương pháp tượng trưng này tương đối thông tục dễ hiểu, nội dung cũng rất rộng rãi. Nhưng loại chim muông có hình phượng, hình hạc, hình chim ưng, hình chim én, hình bồ câu, hình ngỗng, hình công, hình uyên ương, hình chim khách, hình gà, hình vịt. Loại thú vật có hình rồng, hình sư tử, hình hổ, hình voi, hình khỉ, hình rùa, hình rắn, hình ngựa, hình trâu, hình dê, hình chó, hình gấu, hình cáo, hình mèo, hình chồn... Người thời viễn cổ đặc biệt chú ý đến động vật cho nên mới có sự gán ghép siêu hình như vậy truyền lại đời sau. Trong các văn vật của đời Ân truyền lại có không ít hình vẽ và điêu khắc về hổ, báo, dê, rồng, tê giác, voi, được vẽ nặn rất khéo léo, sinh động nhưng lại thấy rất ít

những tác phẩm về dung mạo và thân thể người. Cần suy xét kỹ về hiện tượng này. Phép tượng trưng hình trạng trong tướng thuật không thể không có quan hệ đến hiện tượng này.

Để hình trạng động vật có thể tượng trưng cho tướng người thì cần phải cho hình tượng động vật một hàm nghĩa nào đó, nếu không thì không có ý nghĩa gì. Hàm nghĩa đó nói chung là sự giải thích liên quan đến động thái sinh mệnh đương thời, hoặc là một số những nhận biết văn hoá khác. Như chim phượng mà chúng ta gặp trong thần thoại, được coi là con chim chỉ điềm lành. Đem chim phượng gán cho người, chúng ta có được đoạn miêu tả dưới đây.

"Mắt dài, lông mày thanh, thương khố thấp, mũi cao gãy, cốt cách thanh tú, tiếng nói thanh, tính tình ôn nhã: thuộc loại hơn người. Gãy thì thông, béo thì trệ, cằm vênh lên phía trán là biểu tượng trời đất tương ứng. Nếu lông mày và mặt nhỏ, dưới ngắn trên dài, người lệch là tướng chim phượng nhỏ. Nếu thân dài mắt to, mũi cao thẳng, tinh thần nhanh, cấp, là tướng chim phượng đỏ".

Hình thái trên cho người ta một cảm giác vô cùng nhanh nhạy thanh tú, là một mỹ cảm ưu nhã hài hoà. Những người có đủ hình thái đó, nhà tướng thuật cho là có phúc lớn và giàu sang. Kỳ thực, đó chẳng qua là người ta đem điều lành của "phượng" gán cho con người rồi sau đó mở rộng nghĩa ra mà thôi.

Có thể thấy rằng, sự kết hợp tượng trưng giữa tướng và bản thể sinh mệnh chẳng qua chỉ là hình thức sơ cấp của nhận thức của người ta đối với số mệnh và bản thân, chứ không có gì là thần bí cả. Vả lại, người là chủ thể có trí tuệ trong muôn vật, thuộc tính bản chất của con người có sự khác nhau một trời một vực so với ngũ hành và động vật. Các nhà tướng thuật căn cứ tính chất của ngũ

hành và hình thái của động vật, để suy đoán ra số mệnh con người thì kết quả sẽ nguy hiểm đồng thời rất thần bí.

Hai là, *sự ám thị khoa trương giữa tướng và trạng thái tâm lý*. Tướng mạo của người ta dù mỗi người một khác, nhưng có thể phân thành một số loài lớn như người phương bắc, người phương nam, trong số người phương nam lại có thể phân thành người Khách Gia (ở huyện Mai), người Quảng Châu.... Căn cứ vào tướng mạo, lại có thể phân chi tiết theo đặc trưng khuôn mặt, như loại người to lớn có sống mũi cao, loại người thấp nhỏ gầy bé... Người xưa quan sát hết sức chi tiết, đã chú ý thấy có một loại người tuy tướng mạo khác nhau nhưng lại có những đặc trưng giống nhau, để tìm ra một cơ sở vật chất cho tướng thuật. Quan trọng hơn nữa là, người ta còn gán ghép một cách chủ quan những trạng thái (xu thế) tâm lý cho những đặc trưng tướng thuật nhất định, khiến cho giữa tướng và trạng thái tâm lý có mối liên hệ. Mối liên hệ này đầu tiên là một loại ám thị, tức là từ việc một loại người nào đó thường có những cảnh ngộ nào đó chuyển sang ám thị một loại tướng mạo nào đó sẽ gặp cảnh ngộ nào đó. Như những người cổ thời Hạ, Thương, Chu qua quan sát, phát hiện thấy có vị thánh nhân như Phục Hi, Thần Nông, Đế Cốc, Hoàng Đế, Nghiêu, Thang... có tướng mạo quái dị, liền rút ra kết luận sơ bộ "tướng mạo lạ là thánh nhân", để căn cứ vào đó mà đoán nhận người thường và thánh nhân. Tướng mạo của Khổng Tử rất kỳ dị như miệng giống ông Cao Dao (theo truyền thuyết, là một quan tư pháp công minh thời Nghiêu Thuấn - ND), như mỏ chim. Từ đó suy ra, những ai không có mặt mũi quái dị thì muốn thành tiên, thành thánh chỉ là việc uống công mà thôi, nên yên phận làm một người bình thường. Loại ám thị này, qua việc tô vẽ của các thầy tướng, cộng thêm sự mê tín si cuồng của mọi người, liền trở thành rất đáng tin và càng được khoa trương thêm.

Loại ám thị này bắt nguồn từ một ảo tưởng, muốn cải tạo hiện thực, cầu mong hạnh phúc. Do sự hạn chế của nhiều điều kiện, và quan trọng hơn, là do trình độ nhận thức thấp kém, sự bất lực trước tự nhiên, nên người ta gửi gắm mộng tưởng vào ý trời, tức vào tướng mạo mà không đặt vào sự cố gắng cải tạo hiện thực. Việc những người xưa đem "cát", "hung" vốn là những trạng huống hiện thực được tâm lý đánh giá quy kết cho tướng mạo là một thí dụ điển hình. Sách "Tướng lý hành chân" quyển hai, xuất bản đời Thanh có viết: "Phàm người nào mặt tròn, mắt tròn, tai tròn, được coi là mặt chữ viên (viên là tròn) thì âm vượng dương suy, không hợp quy cách. Nam giới có tướng đó thì cha mẹ mất sớm, cốt nhục phân tán, tuổi thọ không cao. ..." Niềm vui của con người ta là cầu mong sao cho được sống lâu, nhưng nếu sinh ra có khuôn mặt tròn thì niềm mong ước ấy sẽ tan thành mây khói, chỉ còn biết tự thương thân mà thôi.

Gửi gắm niềm hy vọng của cuộc đời vào bộ mặt là việc nguy hiểm và cũng rất thần bí. Trên thực tế, giữa tướng mạo và trạng thái tâm lý sao có thể có mối liên hệ tất nhiên được? Tướng mạo là do cha mẹ sinh ra, còn sự mong muốn lại do hoàn cảnh hiện thực và quan niệm thế tục chi phối, giữa hai cái đó sao có thể có sự nhất trí? Tất cả những cái đó, do không thể nào giải thích được, lại càng làm tăng thêm tính thần bí!

Ba là, *sự kết hợp gò ép giữa tướng mạo và luân lý*. Chúng ta biết rằng, trong tình huống không có cách nào đối chọi với hiện thực hoặc bó tay trước hoàn cảnh hiện thực và quan niệm thế tục do hoàn cảnh làm nảy sinh sẽ chi phối tư tưởng của người ta như thế nào. Hiếu liêm, và trình tiết là một trong những nội dung chủ yếu của luân lý phong kiến, tiêu chuẩn của nó là sự hiếu đễ đối với cha mẹ anh em và sự trung trinh, không đổi của người phụ nữ. Điều kỳ

quái, là quan niệm luân lý đó lại phụ thuộc vào tướng mạo, tức là từ tướng mạo có thể biết được một người nào đó có hiếu để và trinh tiết không. Như thế tức là quy đạo đức được hình thành do giáo dục và ảnh hưởng của hoàn cảnh cho tướng mạo là cái do cha mẹ sinh ra. Thật là một sự "chuyển đổi" thần bí. Tướng thuật cho rằng, hiếu tử tự có phúc tướng, bất hiếu tất sinh hoạ hoạn. Tương truyền, có một người con có hiếu tên là Lưu Hành Chi, người mẹ mắc bệnh đau mắt trong nhiều năm, anh ta tận tâm tận lực, đi khắp mọi nơi tìm thấy thuốc. Sau nghe nói có Câu Long Sinh ở chùa Đại Từ giới xem tướng người, lại giỏi bói toán, anh ta liền đến xem bói về bệnh của mẹ. Câu Long Sinh xem thấy tướng mạo của anh ta nói: "ánh sáng hồng hào, thấu tới đỉnh ngũ nhạc, có dáng vẻ mặt trời ra khỏi đám mây, thiên khí nghinh nhân, gặp hung hoá cát". Lại nói với anh ta: "Bệnh của mẹ anh không cần dùng thuốc cũng khỏi". Lưu Hành Chi nghi hoặc, về nhà xem, thấy mẹ từ trên giường ngã xuống, anh ta vội vực mẹ lên thì đôi mắt người mẹ đã sáng trở lại.

Còn về truyện phụ nữ trinh tiết. Sách tướng thuật có loại chuyên về "tướng phụ nữ", trình bày rất kỹ lưỡng, đều là nói chuyện từ tướng mạo "xét thấy thiện ác, "phân biệt sang hèn", "rõ được dâm dật hay trung trinh". Như mặt vuông, lưỡng quyền cao, răng không đều, lưng thô, mặt có nốt ruồi, tiếng nói thô, hay nói lảm bảm, nói năng rối loạn, gặp người thì che mặt, hay chống cằm cắn ngón tay, ngồi hay nhấp nhồm... đều thuộc loại người phụ nữ hèn hạ. Một phụ nữ nào bị các thầy tướng chỉ ra là có dâm tướng thì dù có trăm ngàn miệng cũng không phân trần được, không biết mình có tội gì, chỉ có cách than thân trách phận mà thôi.

Quan niệm luân lý là một văn hoá, là sự định hình tâm lý dân tộc. Là kết quả của tư tưởng, quan niệm luân lý có thể nhận thấy qua ngôn ngữ hành động của con người, cũng có thể tìm thấy trong

những vật phẩm được chế tác (như công trình kiến trúc) theo quan niệm đó. Nhưng nếu đem quan niệm luân lý (bao gồm cả những mặt văn hoá khác) gộp lẫn với tướng mạo, thì sẽ hết sức bí hiểm. Lý lẽ của nó, e rằng ngay cả các thầy tướng cũng không thể nói được rõ ràng, còn người khác thì khỏi phải nói, cứ như bị chìm trong mây khói, chỉ có việc nhầm lẫn tin theo mà thôi.

4 - TƯỚNG THUẬT XÉT TRÊN GÓC ĐỘ VĂN HOÁ

Tập tục xem tướng đã gây ảnh hưởng sâu sắc đến hoạt động tâm lý và động thái hành vi của người Trung Quốc thời cổ, là một trong hiện tượng văn hoá phổ thông nhất trong xã hội. Nhưng vì xem tướng là "một nghề hèn kém, không được coi trọng" nên người ta coi nhẹ giá trị văn hoá đặc thù của nó. Vì vậy, ngày nay chúng ta không được thấy những tài liệu bình luận tương đối có hệ thống về văn hoá tướng thuật. Đó là một điều có thể nói là đáng tiếc đối với việc nghiên cứu văn hoá trong xã hội cổ đại. Tin rằng rồi sẽ có nhiều người quan tâm tới vấn đề thú vị và có ý nghĩa này, trong khi việc nghiên cứu văn hoá cổ đại đặc biệt là văn hoá thần bí đang được đi sâu.

Về khái niệm văn hoá, hiện nay ở Trung Quốc và thế giới có mấy chục loại quan niệm khác nhau. Loại quan điểm phổ thông cho rằng, văn hoá là tổng số thành quả về tư duy và sáng tạo vật chất. Văn hoá tướng thuật có thể coi là một loại thành quả tư duy về xu hướng của sinh mệnh (thọ hoặc yếu, sang hoặc hèn...), tức là một loại nhân sinh quan siêu hình. Văn hoá tướng thuật quyết không phải là một "quái vật" vượt ra ngoài văn hoá truyền thống Trung Quốc. Nó là một loại cây "biến chủng" nảy nở trên miếng đất của văn hoá truyền thống Trung Quốc. Do đó, nghiên cứu văn hoá

tướng thuật, điều quan trọng nhất là tìm ra mối liên hệ nội tại giữa nó với những nhân tố văn hoá truyền thống như triết học, luân lý, tôn giáo, khoa học v.v.. tìm ra chất dinh dưỡng văn hoá và sự biến hoá cá tính nội tại của nó.

Một là, tướng thuật với triết học. Triết học Trung Quốc là sự nhận thức từ cảm tính, vật chất cụ thể tiến lên sự khái quát lý tính, siêu hình đối với vũ trụ, tự nhiên và cuộc sống con người. Tướng thuật là sự biến chủng dị dạng từ trong triết học cổ đại Trung Quốc. Nó dần dần trở nên thành thực cùng với nền triết học cổ đại Trung Quốc, và phản ánh tập trung cơ chế nội bộ và gien di truyền ở tầng sâu của nền triết học đó. Cơ chế nội bộ ở tầng sâu của triết học cổ đại Trung Quốc là mô thức bản thể, cho trời đất tự nhiên, hình thái sinh mệnh, nhân sự trong xã hội là đồng nguyên đồng lý, cái bên trong và cái bên ngoài đối với nhau, có trình tự vận động tăng giảm liên quan đến nhau và biến thông đồng bộ với nhau.

Triết học Trung Quốc từ Tần Hán về sau, đã tổng hợp tư tưởng Đạo gia với thuyết Âm Dương, Ngũ Hành, phác thảo nên bộ khung của thế giới gồm tam vị nhất thể là: vũ trụ tự nhiên, hình thái sinh mệnh và nhân sự trong xã hội. Chương Thiên văn huấn của sách Hoài Nam tử đã miêu tả một cách sâu sắc hình thái vận động của bộ khung đó như sau:

"Trời đất chưa hình thành, còn mịt mù hỗn độn, gọi là Thái Thuỷ. Thái Thuỷ sinh Hư Quách, Hư Quách sinh Vũ Trụ, Vũ Trụ sinh Nguyên khí. Nguyên khí có sự phân chia, chất trong và nhẹ bay lên thành trời, chất đục và nặng chìm xuống thành đất. Chất trong và nhẹ dễ dịch chuyển, chất đục và nặng lâu chìm lắng; nên trời hình thành trước, đất hình thành sau. Tinh hoa của trời đất hợp thành âm dương; sự chuyển vận của âm dương sinh ra bốn mùa.

Tinh hoa của bốn mùa phân tán ra muôn vật. Tích lũy khí nóng của dương lâu ngày sinh ra hỏa, tinh chất của hỏa khí là mặt trời. Tích lũy khí lạnh của dương sinh ra thủy, tinh chất của thủy khí là mặt trăng. Tinh chất của âm khí mặt trời mặt trăng sinh ra tinh tú. Trời nhận mặt trời mặt trăng và tinh tú, đất nhận nước và đất bụi".

Như vậy tức là cái đạo của thái thủy "vô hữu" sinh ra thành vũ trụ, vũ trụ sản sinh ra nguyên khí, nguyên khí liền biến thành âm dương, âm dương vận động tạo nên trời đất và vạn vật. Do đó, bất luận là gió, mưa, sấm, chớp, sương mù ở trên trời và loài lông vũ, loài lông mao, loài có vảy, có móng và con người ở dưới đất, mọi hiện tượng tự nhiên và hình thái sự sống, cho đến nhân sự trong xã hội đều là sự biểu hiện ra bên ngoài của tinh thần vũ trụ, đều là kết quả sự vận động của khí âm dương, đều có sự quy tụ đối ứng với nó.

Nếu gộp cả đồ thức vũ trụ của thuyết bản nguyên vũ trụ, nguyên lý sinh thành vũ trụ, và thuyết âm dương ngũ hành, thì sẽ tạo thành mô thức vũ trụ "trên ứng với trời, dưới nghiệm với đất, giữa hợp với đất, giữa hợp với người, không gì là không có thể, không có gì là thoát ra ngoài", gồm cả thời gian, không gian, bao quát vạn vật trời đất tự nhiên, hình thái sinh mệnh, nhân sự trong xã hội, tất cả đều đồng nguyên đồng lý, đều là trong và ngoài của nhau và có động thái tiêu trưởng (tăng giảm) đồng bộ.

Sự nổi lên của tướng thuật chính là một hành tinh trong mô thức vũ trụ đó. Sách Thái Thanh Thần Giám đời Thanh, phần Nguyên Tự, viết:

"Cái chí thân không thể diệu, vạn vật là thể của nó; chí đạo không có phương cổ, vạn vật là dạng của nó. Cho nên khi vũ trụ còn hỗn độn, chỉ có bầu khí mịt mờ, thái cực mới phân ra, tam tài được

đây đủ. Đó là do âm dương là vô tư, thuận theo lý của vạn vật mà sinh ra, trời đất là vô vi, phụ vào tính của vạn vật mà thành. Người ta sinh ra trong khoảng trời đất, tuy được bẩm sinh từ ngũ hành, là anh linh trong vạn vật, nhưng cái hình chưa tỏ rõ ra, cái thể chưa phân ra, tức có chứa đựng cái tốt cái xấu, tiềm tàng điểm lành điểm dữ. Cho nên cuộc sống là do trời đất, đâu có thể khéo léo xoay trở mà được? Chẳng qua chỉ là thuận theo đời, tuân theo lý, phụ theo tự nhiên mà thôi. Cho nên chứa chất cái thiện thì được hình mạo đẹp đẽ mà có phúc lộc vậy, nếu chứa cái ác thì hình mạo xấu mà sinh yếu tiện vậy. Điều đó rõ ràng có thể biết được đích xác không thể thay đổi được".

Có thể thấy trong con mắt của nhà tướng thuật, người là một vật thể do trời đất tạo ra hoà tan và hợp nhất trong dòng chảy tuần hoàn của đại vũ trụ. Đại vũ trụ là mô thức kết cấu tam vị nhất thể của trời đất tự nhiên, hình thái sinh mệnh và nhân sự trong xã hội. Nội dung bao gồm trong đại vũ trụ cũng có thể được bao gồm trong tiểu vũ trụ. Vì vậy, trong tướng thuật còn nói đến "ngũ tinh lục diệu", "tam tài ngũ phủ lục quan", "thập tam bộ vị".

Tóm lại, cái căn bản của tướng thuật là ở chỗ người noi theo đất, đất noi theo trời, trời noi theo đạo, đạo noi theo tự nhiên. Nhà tướng thuật nắm vững nguyên lý chung về vận động biến hoá của mô thức vũ trụ đó, chỉ cần hiểu rõ một trong nhiều sự vật cùng loại là có thể, hoặc từ cái này suy ra cái kia trong loại đó, suy đoán dĩ vãng, dự đoán tương lai, hoặc xuất phát từ tiền đề siêu hình để diễn dịch ra manh mối của sự vật cụ thể tương ứng.

Cho nên có thể nói rằng, cái gọi là tướng thuật thực ra dựa theo nguyên lý thiên nhân tương phù (trời và người phù hợp với nhau), âm dương tiêu trưởng (giữa âm và dương, cái này tăng thì cái kia

giảm), từ quy luật sinh thành của đại vũ trụ trong trời đất tự nhiên để suy ra cái mầm khí phức tạp cùng với tổ chất tiên thiên và vận mệnh hậu thiên liên quan với nó được phản ánh ra từ hình thái sinh tồn đặc hữu của cái tiểu vũ trụ là con người.

Cái gien di truyền của triết học cổ đại Trung Quốc mà tướng thuật tiếp nhận được là lý, khí, tượng, số, những mật mã sinh mệnh cực kỳ sâu xa, linh hoạt. Sách Mông Tuyền Tử nói "Thái Sơ, là bắt đầu của lý. Thái Hư là bắt đầu của khí, Thái Tố, là bắt đầu của tượng. Thái Ất, là bắt đầu của số. Thái Cực là bắt đầu của cả lý, khí, tượng, số vậy".

Cũng có nghĩa là, trước khi trời đất sinh ra, đã tồn tại lơ lửng một tổng nguyên tắc quyết định sự sinh thành của vạn vật, tức là Thái Sơ. Nguyên tố sinh mệnh để vạn vật trong thế giới có thể sinh thành được, là "khí", tức Thái Hư, nó là bản nguyên của trời đất, vạn vật. Kết quả tác động của lý và khí sẽ tạo thành hình thái vật chất cụ thể. Nội dung chủ yếu của lý và quy luật cơ bản của âm dương, động tĩnh, khí hoá vạn vật. Vận động tuần hoàn có quy luật của khí âm dương, phản ánh tới tự nhiên, xã hội sẽ thông qua nguyên lý âm dương ngũ hành mà hoá sinh vạn vật. Quá trình thành tượng từ không đến có đó tức là Thái Tố. Sự vận động tuần hoàn có quy luật của khí, trong thời gian không gian khác nhau, ở các giai đoạn khác nhau, do khác nhau về tỉ trọng phối hợp giữa âm và dương, mức độ xen kẽ giữa động và tĩnh mà sinh sản ra một loạt những sai biệt vô cùng nhỏ, đó được gọi là "số" của Thái Ất. "Số" thực ra là số trị về chất lượng của sự sinh sản vạn vật, nó quyết định hình thái sinh tồn của vạn vật và đường đi (quỹ tích) tất nhiên của sự phát triển tuần hoàn có trật tự của nó. Cái bao gồm của bốn nguyên tố: lý của Thái Sơ, khí của Thái Hư, số của Thái Ất, tượng của Thái Tố tức là Thái Cực.

Đó chính là cái mà người đời sau sửa đổi đi và gọi là "đạo", được coi là tổng nguyên lý của vũ trụ, quy định cái lý sinh hoá của vạn sự, vạn vật.

Về "tượng", Hệ Từ trong kinh Dịch có viết:

"Thị cố dịch giải, tượng dã, tượng dã giả, tượng dã" (cho nên Dịch là hình tượng vậy, hình tượng là phỏng theo vậy).

"Tượng" không chỉ là sự miêu tả hình tượng cụ thể cái hình thần của sự vật khách quan, mà quan trọng hơn là sự trừu tượng hoá cao độ cái hình thần sinh động của các sự vật khách quan cùng loại có sự tương ứng trong ngoài giữa bản thể và biểu hiện. Xét từ độ cao triết học, nhận thức bản chất của sự vật khách quan đồng thời suy đoán cách thức phát triển tương lai của sự vật tức là trừu tượng hoá sức sống của sự vật khách quan thành các phù hiệu âm dương phối hợp những số trị chất lượng khác nhau của các phù hiệu âm dương trong động thái của nó. Lại từ khí âm dương được phối hợp bởi những số trị chất lượng đồng nhất, có thể sinh hoá ra các sự vật khách quan cùng loại, có sự tiêu trưởng đồng bộ. Hình thái của chúng có thể hoặc to hoặc nhỏ, khoảng cách giữa chúng với chủ thể nhận biết có thể gần hoặc xa, nhưng mạch sống và quỹ tích phát triển được biểu hiện ra thì hoàn toàn nhất trí. Tướng thuật chính là như vậy, cái cầm chắc sự "linh nghiệm" đối với các sự vật sống động chưa hề hay biết, chính là nhờ phép loại tỉ từ hình thức sinh thái của các sự vật cùng loại đã được biết, để đạt tới sự xem xét chỉnh thể đối với sự vật chưa biết.

Căn cứ vào nguyên lý đồng nguyên, đồng lý giữa trời đất tự nhiên, hình thái sinh mệnh, nhân sự xã hội trong triết học Trung Quốc đã nói trên, tướng thuật cổ đại Trung Quốc cho rằng sinh

mệnh của con người không thoát khỏi sự chế ước của lý, khí, tượng, số.

Khi bàn tới khởi nguyên của sinh mệnh con người, sách "Thần tượng toàn biên" đời Thanh viết:

"Cái đạo của nhân sinh là do tinh hoa chung đức, âm dương ngũ hành hợp thành, vừa phú cho cái hình, lại phú cho cái lý. Tuy vạn vật đều chịu cái đạo sinh thành, nhưng đều ngu muội, không loài nào có được sự linh diện như con người.

"Trời trước hết sinh ra nước (thủy), ở con người là thận. Khiếu của thận là tai, lại chủ về xương và răng. Đất sinh ra lửa (hoả), ở con người là tim. Khiếu của tim là lưỡi, lại chủ về huyết khí, lông tóc. Trời sau đó sinh ra mộc, ở con người là gan. Khiếu của gan là mắt, lại chủ về gân và móng. Đất tiếp đó sinh ra kim, ở người là tì. Khiếu của tì là mũi, lại chủ về bắp thịt. Khiếu của phổi là mũi, lại chủ về da dẻ, hô hấp. Trời tiếp đó sinh ra thổ, ở người là phổi. "

Sách "Thái Thanh thân giám" phần "Luận khí" viết:

"Điều tốt đẹp nhất đối với một người, là chế ngự được hai khí để tạo nên đức. Thông suốt và hoà hợp thì muôn vật sẽ có số mệnh tốt. Ngang trái và không điều hoà thì muôn vật sẽ mất đi cái lý tự nhiên. Đó là cái khí của trời đất, biểu hiện ra sự biến hoá vậy".

Những điều trên có ý nghĩa là, mọi cảnh ngộ phức tạp nhiều vẻ trong số mệnh giữa con người đều có thể tìm được đáp án đối ứng và mối liên hệ nhân quả tất nhiên từ sự thịnh suy vượng tương của bẩm khí có hoà hợp với nhau hay không. Tức là chất lượng bẩm khí của con người quyết định tố chất tiên thiên thông minh hay ngu tối, mức độ thông minh hay ngu tối của bẩm tính tiên thiên lại quyết định tiền đồ hậu thiên (tiên thiên, chỉ thời kỳ còn là bào thai, hậu

thiên, chỉ từ sau khi đã được sinh ra -ND). Đó là lô gích mệnh lý của tướng thuật.

Hai là, tướng thuật là luân lý. Chúng tôi đã nói ở trên, một trong những đặc trưng chủ yếu của sự thần bí trong tướng thuật là sự gán ép gượng gạo giữa tướng thuật và luân lý, nếu nhìn thấu suốt vấn đề bằng cái nhìn triết học văn hoá, ta có thể thấy được cái quá trình lý tính lâu dài của sự "gán ép" gượng gạo đó.

Đổng Trọng Thư, đại sư kinh học thời Hán, đã chính thức đưa "tam cương ngũ thường" đại biểu cho luân lý đạo đức phong kiến Trung Quốc vào trong mô thức vũ trụ lấy thuyết âm dương ngũ hành làm cơ sở. Nhưng trên thực tế, phạm mô thức vũ trụ lấy khí âm dương làm bản nguyên sinh mệnh của vạn vật thì ngay từ đầu, đã gieo hạt giống nhân luân trong xã hội. Mô thức vũ trụ được luân lý hoá đó của Đổng Trọng Thư là kết quả tất nhiên của sự phát triển văn hoá trong lịch sử cổ đại Trung Quốc. Từ thời Hán về sau mô thức vũ trụ đó đã trở thành tư tưởng luân lý chiếm địa vị thống trị thời cổ đại Trung Quốc, có ảnh hưởng tới mọi mặt trong đời sống hàng ngày của người Trung Quốc. Tướng thuật, với tính cách là thuật chỉ ra xu hướng của số mệnh, rất tự nhiên, cũng nhiễm sâu tư tưởng đó.

Sự hình thành mô thức tư tưởng đó bị ảnh hưởng ở một mức độ khá lớn của quan niệm huyết thống thị tộc. Sự hình thành mối quan hệ huyết thống tông pháp bắt đầu từ quan hệ nam nữ, cốt lõi là quan hệ vợ chồng. Cốt lõi về luân lý trong xã hội cổ đại Trung Quốc và nguyên tố cơ bản quyết định sự phát triển của nó cũng là sự phân biệt nam nữ, là đạo vợ chồng, về bản chất là sự phân chia ra chủ và tòng, tôn và tì giữa chồng và vợ trong nhân luân.

Trai gái, chồng vợ lại có thể gò ép thành âm dương, trời đất. Do đó, người xưa xuất phát từ nguyên lý phổ biến của sinh vật, "nam nữ cấu tinh, vạn vật hoá sinh", để loại suy ra nguyên lý sinh thành tự nhiên, trời đất tương cảm mà hoá sinh vạn vật". Đạo sinh ra âm dương, sự hình thành bản nguyên luận vũ trụ; âm dương hoá hợp vạn vật lại khiến cho nam nữ, chồng vợ thành sản vật của âm dương hoá sinh dưới sự khống chế của đạo. Mà nam tôn nữ ti, chồng là chủ vợ là tòng, lại khiến cho khí âm dương bản nguyên của vũ trụ cũng có tính chất tôn ti, chính phụ. Có thể thấy điều này trong mô thức vũ trụ của các quẻ trong Kinh Dịch.

"Càn là trời, là hình tròn, là vua, là cha... Khôn là đất, là mẹ" (Chu Dịch - Thuyết quái) .

"Trời cao đất thấp, định ra Càn Khôn

Cao thấp bày ra, nêu rõ sang hèn" (Chu Dịch-Hệ Từ).

Nguồn gốc sinh mệnh trong mô thức vũ trụ trời đất tự nhiên, hình thái sinh mệnh, nhân sự xã hội, đồng nguyên đồng lý, đồng bộ tăng giảm là khí âm dương. Tính chất tôn ti của khí dương và khí âm lại quyết định quan hệ đẳng cấp có tôn ti của vạn sự vạn vật được âm dương hoá hợp bao dung. Do đó mà nói rằng bản thân mô thức vũ trụ của Trung Quốc cổ đại đã bao trùm một sắc thái luân lý đậm đặc.

Tương thuật muốn vạch rõ những điều chỉ dẫn về số mệnh có liên quan đến luân lý như bẩm tính, sang hèn, vinh nhục, tôn ti, thiện ác, lục thân (những người thân thuộc-ND), hợp hôn... Cho nên, mọi quy phạm luân lý đạo đức trong hệ thống cương thường phong kiến đều trở thành một trọng những tiêu chuẩn để các thầy

tướng lấy làm căn cứ lập luận và bình phán. Cái đó được gọi là "có thể bày tỏ đầu mối lành dữ, phối hợp với đạo nhân luân".

Âm dương có sự phân biệt, nguyên tắc chung về luân lý đạo đức phong kiến: dương là chủ âm là phụ, dương là tôn quý, âm là thấp hèn, cũng là nguyên tắc chung của tướng thuật.

Căn cứ vào những nguyên tắc trên, tướng thuật cho rằng con người sinh ra nhờ khí âm dương, hình thể của nam nữ cũng tương ứng biểu hiện những đặc trưng khác nhau của âm dương, nam giới có đặc trưng hình thể dương cương là tốt, nữ giới có đặc trưng hình thể âm nhu là tốt. Mỗi giới có tính chất đặc trưng của mình, nếu ngược lại thì là đảo lộn âm dương, đi ngược lại cái lý âm dương phân biệt. Người nào có hình thể đó là có tướng hung ác hèn hạ. Nói cụ thể tướng của phụ nữ, theo mệnh lý là phải nhu thuận, không được lấn lướt chồng. Nếu lại có tính cương cường thì sẽ có số làm hại chồng con. Nếu người chồng lại quá mềm yếu, không có khí dương cương, sẽ không có lợi cho việc làm chủ thân mệnh để vươn lên về công danh.

Tiến một bước, tướng thuật lại từ ngũ thường, ngũ sự (tức: nét mặt, lời nói, nhìn nghe, suy nghĩ) để suy ra mối liên hệ "tất nhiên" với bẩm khí và bẩm tính, phẩm chất của con người, đem phối hợp những đặc trưng ngũ hành của hình thể, khí quan, khí sắc của con người với ngũ đức để suy ra đức hạnh của con người. Như cho rằng người có thân hình cao gầy, mắt mày thanh tú là người thuộc mộc, nhiều lòng nhân. Người thấp lùn vuông vức là thuộc kim, nhiều nghĩa khí. Người chắc đậm là thuộc thổ, nhiều tín nghĩa. Người trên thanh dưới đậm là thuộc hỏa, nhiều lễ nghĩa. Người nhỏ nhắn thanh thoát là thuộc thủy, nhiều trí mưu.

Quan niệm luân lý còn được chiết xạ cụ thể vào đức hạnh của những người bình thường vì tướng thuật luôn lấy quan niệm luân lý làm một trong các căn cứ lý luận, nên phẩm đức, cái thể hiện của quan hệ luân lý chính thống cũng trở thành nguyên tắc xem xét quan trọng vượt trên hình thể của lý luận tướng thuật. Sách "Thái Thanh Thần giám" đời Thanh, thiên "Luận Đức" viết:

"Đức là cái nghĩa lớn vậy thay! Trời có đại đức, bốn mùa vận chuyển mà bậc trưởng ở vị cao, đất có chí đức, vạn vật sinh sôi mà bậc trưởng ở vị hậu; người có đức thì cũng như vậy.

Cho nên, nếu được đạo trời bảo trợ thì lòng người theo về, được hưởng lộc trường thọ, có thể hiếu với người trên, giữ lòng trung với vua, hoà hợp với mọi người, giúp ích cho muôn vật, nêu gương về đức, làm tiêu biểu về hạnh; nếu không được ban thưởng của cõi dương thì tất được báo đáp ở cõi âm, nếu bản thân không được hưởng thì con cháu sẽ được hưởng. Cho nên người giỏi xem tướng trước hết xét cái đức rồi sau mới xem tướng mạo. Vì vậy, có đức tốt mà tướng mạo xấu không gây trở ngại cho việc trở thành người quân tử; tướng mạo tốt mà đức hạnh xấu không khỏi trở thành kẻ tiểu nhân".

Có thể thấy, đức hạnh, quan điểm luân lý gồm cả trung hiếu là điều xuất phát và điểm cuối cùng của phép xem tướng. Trong lý luận tướng thuật, cái đức siêu hình phụ thuộc vào quan niệm chiếm vị trí có ý nghĩa quan trọng nhất so với mọi tư liệu cảm tính. Cho nên nói "đức đặt trên tướng mạo, tướng mạo chiếm vị trí sau đức". Tiêu chuẩn đầu tiên của đối tượng xem xét được tướng thuật diễn hình ca ngợi là "Thà có đức mà tướng xấu, chứ không nên có tướng mạo tốt mà vô đức". Đương nhiên, nếu một cá nhân có đủ cả đức

lần tướng mạo, "tướng đức song toàn" thì sẽ được các như tướng thuật tôn sùng.

Ba là tướng thuật với tôn giáo. Tôn giáo chủ yếu của Trung Quốc cổ đại là Đạo giáo và Phật giáo. Ban đầu, giữa tôn giáo và tướng thuật không có quan hệ gì. Bởi vì tướng thuật dung hợp tiêu chuẩn luân lý và nhân sinh được Nho gia tôn sùng, nên có thể coi tướng thuật là chi lưu của Nho gia. Nho gia ra sức chủ trương nhân thế, coi trọng thực tế, "không nói chuyện thánh thần quái dị", coi Thích gia, Đạo gia là tà thuyết dị đoan. Người tin ở mệnh cũng chỉ công nhận số trời đã được định đoạt lúc tiền thiên, mà không lấy nhân sự hậu thiên (như chân thành cúng lễ và làm việc thiện) để bàn về mệnh. Nhưng theo thời gian và sự thay đổi của tướng thuật, tướng thuật dần dần ngấm bổ sung và dung nạp, hoà giải với hai tôn giáo kia. Và thế là, tướng thuật trở thành một phương thuật chung cho cả Nho, Đạo, Phật. Phật giáo pha lẫn vào tướng thuật có thể truy ra lịch sử từ thời Ngụy Tấn Nam Bắc Triều sau thời Đông Hán. Lúc đó, do Đạo Phật truyền từ Ấn Độ sang được phổ biến rất rộng trong dân gian, nhưng người ta vẫn cho rằng đó là "dị giáo" truyền từ Tây Vực sang nên vẫn chưa đạt tới trình độ được hoàn toàn tin phục, còn trong trạng thái bán tín bán nghi. Do đó, những tầng đồ tuân theo quy củ Phật giáo hành đạo gian nan mà chưa thu được hiệu quả lớn, phải sống khổ sở. Mà lúc đó, tướng thuật lại phát triển mạnh mẽ, một số hoà thượng không giữ nghiêm quy củ lắm phát hiện thấy nếu trà trộn vào hàng ngũ các thầy tướng để khua môi múa mép, thì có thể được no bụng. Họ liền quyết định tham dự, để không bỏ lỡ cơ hội đón lấy trào lưu, tìm phương thức tốt nhất để mưu cầu danh lợi. Đến thời Tuỳ-Đường, Phật giáo hoạt động tướng thuật đã rất phổ biến. Có câu chuyện nói rằng. Bàng Nghiêm, tôn triêu doãn đời Đường, khi làm thứ sử Cù Châu có nằm mơ thấy hai

vị sư tiến vào nhà ngủ. Bàng Nghiêm vốn không tin vào Phật giáo, liền lớn tiếng quát mắng muốn đuổi họ đi. Hai nhà sư vội nói: "Sứ quân chớ giận, chúng tôi tiến tri được việc vị lai, nên đến báo với Ngài". Bàng Nghiêm nghe nói chuyển giận sang mừng, vội nhiệt tình tiếp đãi họ, hỏi han về hoạn lộ (bước đường công danh). Có thể thấy rằng, tầng đồ tham dự vào tướng thuật đa số là vì sinh kế bức bách. Vì vậy sau này, trong số tầng đồ các đời, thường không thiếu những người tinh thông tướng thuật. Như "Bác Tề thư-Bạo Hiễn truyện" có ghi chép khi Bạo Hiễn còn nhỏ, có một tầng đồ xem tướng cho ông ta, nói ông ta "Sẽ trở thành tướng giỏi, ngôi vị đứng đầu các bề tôi". Lại tương truyền vào năm Trường Khánh thời Đường, ở Thanh Long tự có một tầng nhân rất tinh thông tướng thuật, nổi tiếng khắp triều đình thôn dã, các nhà quyền quý và dân thường tấp nập đến thăm hỏi, xin ông ta xem tướng cho. Lại tương truyền các bộ sách có ảnh hưởng to lớn trong lịch sử như "Đại ma tướng kinh", "Ma Y tướng thư" cũng đều do các tầng nhân viết ra. Tống Chân Tông cũng từng triệu kiến một dị tăng giỏi xem tướng, xem tướng khắp cho chư vương, lấy đó làm công cụ đấu tranh quyền lực.

Đạo sĩ các đời cũng có không ít người là cao thủ tinh thông tướng thuật. Như đạo sĩ Tang Đạo Mậu thời trung Đường từng có tiếng lừng lẫy một thời. Cái "đạo" làm nền tảng cho lý luận đạo giáo có sự khác nhau về chất với cái "đạo" làm nền tảng cho tướng thuật. Vì họ cho rằng sự thao túng của "Nguyên thủy Thiên Tôn" hoặc "Ngọc Hoàng Đại Đế" là những thần linh, nắm giữ lực lượng thần bí giữ quyền sinh sát với vạn vật. Nhưng xem trong các tài liệu có, thì các đạo sĩ khi xem tướng, đại đa số đều tuân theo các công thức có sẵn từ trước của tướng thuật, không pha trộn nhiều lý luận đạo giáo vào đó.

Nhưng từ sau thời Đường, có một loại tăng nhân và đạo nhân cố ý dùng giáo nghĩa của Phật giáo và Đạo giáo để thay đổi mệnh lý, qua việc xem tướng để truyền bá tôn giáo. Từ đó, tướng thuật có nhuộm sắc thái tôn giáo. Những người đó có con mắt rất tinh tường, họ bắt đầu từ những lý luận căn bản của tướng thuật rồi thản nhiên đem thay đổi cái "đạo" và "khí" quyết định số mệnh cá nhân bằng "quỷ thân", "âm ty"; đánh tráo "định số luận" coi bản nguyên của tướng thuật là bả khí thành "tiên định luận" coi bản nguyên là nhân duyên. Loại trước là căn cứ vào bả phú tự nhiên để suy ra số mệnh một đời người; loại sau thì lại lấy giáo nghĩa nhân quả luân hồi, truyền thế báo ứng của Phật giáo hoặc lý luận về thiện ác công tội, đời nào làm đời ấy nhận báo ứng của Đạo giáo, để từ hành vi trong xã hội mà suy ra kết quả số mệnh được đời trước hoặc đời này báo ứng. Sau khi sửa đổi như thế, tướng thuật truyền thống chỉ còn hình thức mà mất đi thực chất, bị biến hình, biến dạng. Vì vậy, những tăng nhân đạo sĩ đó xem tướng cho người, tuy vẫn áp dụng phép tắc chính tông truyền thống không thay đổi gì, nhưng khi bàn tới mệnh lý thì lại đề cập đến quỷ thân. Như Trương Kiến Phong thời Đường, khi trấn thủ Từ Châu có gặp một nhà sư từ Triều Tiên tới, giỏi xem tướng. Trương Kiến Phong hỏi nhà sư: "Bản thân mình và các quan dưới quyền có ai làm quan tới Tể tướng không?" Nhà sư đáp: "Không". Trương Kiến Phong rất không phấn khởi. Sau đó, gọi Lý Tuấn Quan tới, nhà sư vừa nhìn thấy Lý Tuấn Quan, vội xuống thêm đón tiếp, gọi Tuấn Quan là người trong lồng the. Trương Kiến Phong lấy làm quái lạ hỏi nhà sư "lồng the" là vật gì. Nhà sư nói: "Tể tướng, dưới âm ty thường dùng lồng the để bảo vệ, sợ dị vật xâm phạm đến. Các quan khác không được hưởng cái đó". Đó là một thí dụ điển hình về việc Phật giáo dùng số sinh tử ở âm ti để thay thế cho mệnh định luận về bả khí.

Còn những ghi chép về việc dùng quan hệ nhân quả của hành vi xã hội thiện ác hoặc sự thưởng phạt của quỷ thần để thay thế cho thuyết bẩm khí tự nhiên thì nhiều không kể xiết. Như khoảng niên hiệu Hoảng Trị thời Minh có một vị tiến sĩ tên là Từ Ngang, gặp một thần tướng, hỏi về việc con nối dõi, thấy tướng đó nói ông là người tuyệt dòng. Khi Từ Ngang làm Thái Thú Tây An, giữa đường gặp một người con gái nhan sắc tuyệt vời. Hỏi ra mới biết cô gái đó là con gia đình quan lại, bị giặc cướp đem đi bán. Từ Ngang phát từ tâm, liền giúp cô huỷ giấy bán mình, rồi chọn gả cho người có phẩm đức cao thượng trong quận. Sau Từ Ngang hết hạn về kinh, giữa đường lại gặp thấy tướng đó, thấy tướng kinh ngạc kêu lên: Từ Ngang thể hiện rõ tướng sinh con, do làm điều thiện dẫn tới. Câu chuyện đó ra sức biểu dương việc thiện, có thể coi là một cước chú tướng thuật của giáo lý nhân duyên, "thiện có thiện báo" của Phật giáo. Sau này, những câu chuyện dùng tướng thuật để tuyên truyền Phật giáo càng nảy nở tràn lan, một thời gian, rất khó phân biệt được đó là chuyện tướng thuật hay chuyện Phật giáo.

Phật giáo diễn dịch tướng thuật thành công cụ truyền giáo, Đạo giáo cũng không chịu lạc hậu, đặt ra rất nhiều chuyện pháp thuật. Như chuyện ghi trong sách "Quan Dị chí": Thượng thư thời Đường là Tô Đình Hiệt, lúc trẻ được tướng sư đoán là sẽ làm quan đến nhất phẩm, nhưng sau chỉ làm thượng thư nhị phẩm, mắc bệnh nặng, mời thầy bói xem tướng cho, thầy bói nói, tướng mặt của ông đáng lẽ làm quan đến nhất phẩm, nhưng do khi làm quan, ông giết oan hai người, nay hai oan hồn đó kiện ông ở dưới âm ty. Bởi đó quyết định giảm tuổi thọ của ông. Tô Đình Hiệt than thở mãi, rồi ôm hận mà chết.

So với Phật giáo, Đạo giáo tỏ ra thực tế hơn, các đạo sĩ không nói quá nhiều về chuyện kiếp sau, mà chú trọng tới hạnh phúc của

kiếp này. Vì vậy, họ vượt hơn Phật giáo một bước. Qua việc xem tướng, các đạo sĩ cực lực đề xướng: "Làm việc thiện ở cõi dương người tốt sẽ báo đáp, làm việc thiện ở cõi âm, quỷ thần sẽ báo đáp. Làm việc ác ở cõi dương sẽ bị kẻ hạ tiện trừng trị, làm việc ác ở cõi âm, sẽ bị quỷ thần trừng trị". Đồng thời với thuyết báo ứng ở cõi đời này, Đạo giáo còn vận dụng toàn bộ các pháp thuật như thuật đuổi quỷ trừ tà trong nhà, cầu cúng trừ tai... hợp những cái đó với tướng thuật thành một hệ thống hoàn chỉnh để nghiên cứu nắm vững và dự đoán số mệnh của con người. Đạo giáo dùng những cái đó để bổ khuyết vào điểm yếu đáng tiếc là nhân bất thắng thiên của tướng thuật. Đối với những người bị các thầy tướng đoán số làm cho sợ hãi, lâm vào cảnh không có cách nào thoát khỏi số xấu, hết lòng mong muốn giải bớt được khổ nạn thì cách làm trên của Đạo giáo chẳng khác nào giúp họ có được một cọng rơm cứu mệnh. Do đó, tướng thuật trong tay các đạo sĩ càng tỏ rõ là có pháp lực vô biên, càng có sức hấp dẫn mạnh mẽ.

Đồng thời, tướng thuật cũng tiếp thu một phần tinh túy của Phật giáo và Đạo giáo, để bổ sung cho những chỗ còn hổng trong vận dụng. Ban đầu, tướng thuật chỉ cho rằng tướng mạo của con người ta quyết định số mệnh, đó là quy luật không thể thay đổi. Điều đó rõ ràng là đoạn tuyệt con đường sống của những người có tướng mạo xấu. Để mở ra con đường sống cho những người có tướng mạo xấu, đồng thời đáp ứng nhu cầu của bọn phong kiến thống trị muốn phổ cập luân lý phong kiến, về sau tướng thuật liền bổ sung thêm thuyết khí vận, cho rằng số mệnh con người là có thể chuyển biến được. Đó là sự bổ sung quan trọng vào thuyết mệnh tướng vốn cho rằng số mệnh người ta là suốt đời không thay đổi.

"Hữu tâm vô tướng, tướng trục tâm sinh, hữu tướng vô tâm, tâm tùy tướng diệt" (Sách "Ngự Định Tử Sử tinh hoa". Phần Tướng,

quyển 118) có nghĩa là: Số mệnh tốt xấu, vừa được quyết định bởi "khí" là cái thiên bẩm, đồng thời vừa không tách rời "tâm thuật" hậu thiên, "Tâm thuật" vốn chỉ sự tu dưỡng đạo đức của Nho gia, nhưng từ khi Phật giáo, Đạo giáo được truyền bá, thì tướng thuật khi giải thích về "tâm thuật" lại bổ sung thêm nội dung, cho đó là lòng thiện ác tức là "ác thì kết hoạ, thiện thì được phúc". Như vậy là, chỉ cần có cái đức của Nho gia và lòng làm việc thiện của Phật, Đạo thì dù có sinh ra với tướng hung hoạ cũng có thể sẽ dần dần biến đổi thành tướng phúc lộc tức là "tướng trục tâm sinh" vậy. Cũng lý lẽ như vậy, nếu sinh ra với tướng phúc lộc, nhưng tâm thuật bất chính, làm nhiều việc ác, thì phúc tướng sẽ biến thành ác tướng, tức "tâm tùy tướng diệt". Về điều này chúng tôi đã trình bày trong phần tướng thuật và luân lý nên không rườm rà thêm nữa.

Bốn là Tướng thuật với khoa học.

Người noi theo đất, đất noi theo trời, trời noi theo đạo, đạo noi theo tự nhiên. Đó là nhận thức căn bản của tướng thuật về nguyên lý sinh thái và quy luật số mệnh và cũng là điểm xuất phát cơ bản về kết cấu thuật số của bản thân lý luận tướng thuật. Tuy xét về tổng thể, tướng thuật có rất nhiều điều viển vông, mê tín, nhưng trong tướng thuật có thể thấy được chút ít căn cứ khoa học của thời cổ đại Trung Quốc hay không? Câu trả lời là khẳng định.

Căn cứ vào nguyên tắc chủ đạo là âm dương động tĩnh, trời đất giao cấu, tuy tướng thuật chưa trình bày được một cách khoa học nguyên lý hình thành vũ trụ, chưa chỉ rõ được một cách khoa học bí mật của sự sống là từ vật thể vô cơ tiến hoá thành vật thể hữu cơ, càng chưa làm rõ được cơ sở bí ẩn của "đạo âm dương" nhưng nó đã cho rằng vũ trụ là một thể giới vật chất, giới tự nhiên có quy luật sinh hoá tổng thể, nhất là đã đề xuất ý kiến cho rằng vũ trụ là một

sinh mệnh lớn, mỗi cá nhân chỉ là một đơn vị nhỏ trong sinh mệnh lớn đó, chỉ là một dạng thức sinh mệnh của trời đất vạn vật, cùng tuân theo nguyên lý sinh tồn chung, nguyên lý này nhất trí với nguyên lý lớn của vũ trụ. Tướng thuật chủ trương "người noi theo trời" và từ đó cho rằng, căn cứ vào "quy luật chung của sự tự nhiên" có thể giải thích và dự kiến số phận đặc thù của cá nhân. Dù rằng các nhà tướng thuật không nhìn thấy hoặc căn bản phủ nhận mặt "nhân định thắng thiên", lẫn lộn xã hội học với sinh lý học, nhưng quan niệm về sinh mệnh đó, đã chú ý đến sự chế ước của qui luật tự nhiên của vũ trụ đối với số mệnh con người, đến mối liên hệ phức tạp giữa thế giới khách quan với sự diễn biến của số mệnh cá nhân, ra sức dùng những qui luật tự nhiên mà họ phát hiện được để vạch rõ từng mối liên hệ được ẩn dấu đó.

Để xây dựng học thuyết vũ trụ của tướng thuật, tức xây dựng toà nhà về qui luật tự nhiên, tướng thuật đã sử dụng những tri thức khoa học mà người thời đó biết được như thiên văn, lịch pháp, địa lý, sự vận chuyển các mùa, vật lý, y học... để làm vật liệu xây dựng cho mình.

Như sự tìm tòi nghiên cứu của tướng thuật về sinh lý của loài người. Tướng thuật đã nghiên cứu mối quan hệ đối ứng giữa đặc trưng sinh thái của cá nhân với số mệnh và đã lập nên mối quan hệ với qui luật sinh lý. Tuy sự nghiên cứu khoa học về qui luật sinh lý của con người ở thời cổ đại Trung Quốc là cực kỳ ít ỏi, căn bản chưa thể nói gì đến việc nghiên cứu về những hiện tượng cơ bản của sinh mạng như các quá trình vật lý, hoá học. Mô thức vũ trụ xuất phát từ sự đồng nguyên đồng lý, đồng bộ tiêu trường (tăng giảm) của trời đất tự nhiên, hình thái sinh mệnh, nhân sự xã hội và lý luận của sách Hoài Nam Tử và của Đồng Trọng Thư tỏ rõ rằng người

xưa cho thiên lý của con người thực ra là hình ảnh thu nhỏ của trời đất, vự trụ;

"Cho nên thân thể con người: đầu tròn như hình trời, tóc bao bọc như tinh tú, tai mắt đột xuất như mặt trời mặt trăng, mũi miệng thở hít như gió thổi, trong lòng hiểu biết như thần minh, cũng no đói ấm lạnh như muôn vật... Dấu hiệu của trời đất, sự phụ trợ của âm dương, thường thể hiện ở thân thể. Thân mình cũng như trời, nên số có thể xem ở tướng, mệnh có liên quan với tướng. Trời lấy số đầy của năm mà tạo nên người. Cho nên có 366 đốt xương nhỏ phù hợp với số ngày, 12 khúc xương lớn phù hợp với số tháng, trong có ngũ tạng hợp với số ngũ hành; ngoài có tứ chi hợp với số tứ thời; lúc nhìn lúc nhắm (mắt) hợp với ngày đêm; lúc cương lúc nhu hợp với đông hạ; lúc buồn lúc vui hợp với âm dương; lòng có lo toan hợp với độ số; hành động theo luân lý, hợp với trời đất. Tất cả những cái đó đều tỏ rằng giữa trời với người đều có sự phù hợp với nhau".

Việc sinh thành, kết cấu, công năng của con người đều hợp với trời như vậy, thế thì chỉ cần theo qui luật của đạo trời là có thể giải thích những bí ẩn về sinh lý trong cơ thể con người, là có thể suy đoán ra mọi thông tin về số mệnh có liên quan.

Đó là điểm xuất phát lý luận của tướng thuật. Rất nhiều phép tắc của tướng thuật như "đầu tròn chân vuông", "ngũ nhạc tứ độc", "lục diệu", "thiên vị", "nhân vị", "địa vị", "thủ chương bát quái đồ"... đều lấy đó làm căn cứ. Dùng con mắt khoa học hiện đại để xem xét, thì các đại sư kinh học hầu như không hiểu biết gì về sinh lý con người, chỉ toàn nói lằng nhằng, nên tướng học không có chút giá trị khoa học nào đáng nói. Nhưng lý luận và phép tắc tướng thuật không chỉ có thế, nếu gạt bỏ lý luận về người hợp với số trời

và thuyết luân lý gượng ép, thì tướng thuật vẫn xuất phát từ qui luật sinh trưởng tốt xấu không đều của sinh vật trong tự nhiên, cho rằng tướng mạo phù hợp với tự nhiên mới là tướng mạo thượng đẳng, lại xuất phát từ đặc trưng sinh lý và công năng sinh lý của các bộ phận khác nhau của con người, quy nạp thành một số tiêu chuẩn phù hợp với sức khoẻ và sự trường thọ của một số bộ phận. Đó là những chỗ mà cho đến nay vẫn đáng được chúng ta chú ý của tướng thuật.

Nhu cầu phân tích căn cứ vào sinh lý của tướng thuật, đã hấp thụ rất nhiều thành quả của y học truyền thống cổ đại Trung Quốc khiến cho y học và tướng thuật có mối liên hệ chặt chẽ.

Toàn bộ lý luận của Trung y có thể khái quát thành mô thức vũ trụ lấy âm dương ngũ hành làm bản nguyên và các thuyết âm dương nóng lạnh, ngũ hành, ngũ tạng, lục khí được xây dựng trên cơ sở người hợp với số trời. Trung y cho rằng ngũ tạng, lục phủ, ngũ quan, cửu khiếu của con người, không những là một thể thống nhất mà còn phối hợp tương sinh tương thắng tác động lẫn nhau với bốn mùa, bốn phương, ngũ hành, ngũ vị, ngũ âm, ngũ thanh, ngũ sắc, ngũ tình, ngũ khí nữa. Hoà hợp với âm dương, điều hoà với bốn mùa", "tiếng nói hoà hợp với ngũ âm, khí sắc hoà hợp với ngũ hành" thì mới là người trường thọ thông minh thuận theo đạo tự nhiên. Nếu không như vậy sẽ xuất hiện tai hoạ, bệnh tật. Bởi vì sinh lý của con người có mối liên hệ nội tại "giữa trong và ngoài có sự ứng hợp với nhau" cho nên ngũ quan, cửu khiếu, da, tóc, khí sắc đều là biểu trưng của ngũ tạng lục phủ tương ứng với chúng, ta có thể qua việc phân tích hình thái biểu lộ ra bên ngoài để thấy được đặc tính của nội tạng, suy ra bệnh lý của cơ thể. Có thể thấy rằng Trung y truyền thống buổi ban đầu cũng là một loại thuật số ngũ hành có đúng có sai. Tướng thuật và Trung y thực ra là hai loại phương thuật khác dòng nhưng cùng nguồn với nhau, chỉ khác nhau

về nội dung nghiên cứu mà thôi. Tướng thuật ngày càng phát triển theo hướng huyền bí, còn Trung y ngày càng tiến theo hướng thực chứng và khoa học. Nhưng vì rất nhiều lý luận Trung y được tướng thuật tiếp thu nên tướng thuật, trong một mức độ nhất định cũng có thành phần mặc nhiên phù hợp với khoa học. Như tướng thuật cho rằng tai nhỏ cao hơn lông mày thì sống quá 100 năm, vành tai dày chắc thì sống lâu, vành tai mỏng thì chết non, vành tai mơ hồ (?) thì tồn thọ. Những lời đó giống với lý luận Trung y cho rằng "thận sinh não" "tai dày chắc thì thận khoẻ" "tai mỏng thì thận yếu". Tai thông với não và thận, là biểu trưng của tim và thận. Từ lý luận đó suy ra: Vành tai dài, dày dặn thì trên mức độ nhất định đúng là dấu hiệu tỏ rằng thận khoẻ, điều đó đã được lâm sàng Trung y chứng thực. Lại như tướng thuật cho rằng hình dáng và màu sắc của móng tay có quan hệ tới thọ hay yếu của con người, điều đó cũng có căn cứ nhất định trong y học.

Kiểu nói về "khí sắc", "thanh hành" của tướng thuật, nếu tước bỏ những phần huyền bí của nó thì thực chất cũng là cách chẩn đoán và quan sát của Trung y.

Về quan hệ giữa tướng thuật và Trung y, chúng ta sẽ dành riêng so sánh phân tích trong chương nói về "nguyên lý tướng thuật và học thuyết Trung y", trên đây chỉ là một số dẫn chứng mà thôi.

Ngoài ra lý thuyết số mệnh của tướng thuật còn bao gồm một số nhân tố khoa học khác, như khoa học về sự sống, tâm lý học, di truyền học... Những điều đó đều đáng được chú ý.

Tóm lại, do tướng thuật có một số thành phần khoa học nguyên thủy, thô sơ, mơ hồ như trên đã nêu, nên các thầy tướng đã có thể nói mò mà trúng được vài phần, khiến mọi người tin. Đồng thời cũng do bản thân những nhân tố khoa học đó lại hoà lẫn trong nội

dung văn hoá phong kiến, cộng thêm việc các thầy tướng mở rộng và gán ghép tùy tiện với các nội dung nhân sự xã hội, nên danh giới giữa khoa học và ngụy tạo càng mơ hồ khiến tướng thuật trở thành một môn huyền học vô cùng huyền bí. Kết quả là tướng thuật ngày càng phát triển thành một môn phương thuật như thật như giả, như có như không, mang đậm tính thần bí.

2

LƯỢC SỬ TƯỚNG THUẬT

Lịch sử tướng thuật ở Trung Quốc có thể nói là có nguồn xa dòng dài. Với tính cách là một dạng văn hoá trong xã hội, tướng thuật đã chảy ngầm trong dòng lịch sử văn hoá truyền thống Trung Quốc, tỏ rõ sức ngoan cường mạnh mẽ của nó. Nghiên cứu tướng thuật, cần phải khảo sát quá trình tự hoàn thiện và không ngừng biến đổi trong dòng lịch sử dài lâu, khảo sát hoàn cảnh xã hội khiến nó hưng thịnh và suy tàn, khảo sát những hiệu ứng xã hội lớn lao và những hiện tượng văn hoá, những suy nghĩ lô- gích kèm theo do tướng thuật sản sinh trong quá trình lịch sử, để từ đó nhận thức sâu sắc được cơ chế nội tại và nguyên lý văn hoá của tướng thuật.

1. THỜI KỲ XUÂN THU-CHIẾN QUỐC: TƯỚNG THUẬT RA ĐỜI

Trước thời Xuân Thu-Chiến Quốc, tức thời tam đại Hạ, Thương, Chu, người dân thời cổ đã bắt đầu suy nghĩ về "mệnh", nhưng cái "mệnh" sơ khai thời đó hoàn toàn trong tay thiên đế, do thiên đế ban cho con dân của mình. Thiên đế không chỉ quyết định

đăng cấp sang hèn mà còn nắm quyền sinh sát, làm chúa tể việc cát hung, họa phúc của con dân:

"Thương đế coi sóc con dân, chống lại tất mang tai họa" (Quốc Ngũ - Tấn ngữ).

"Tiên vương có trách nhiệm nghiêm cách tuân thủ mệnh trời" (Thượng thư-Bàn Canh).

Bất kỳ là bậc thiên tử hay kẻ dân đen thì việc cát hung, họa phúc đều nằm trong tay thiên đế, mà ý của thiên đế thì không ai có thể thay đổi, "chống lại tất mang tai họa", ai cũng phải tuân thủ luật lệnh của thiên đế, dù trong cuộc sống có gặp rủi ro thế nào, cũng chỉ đành "nghiêm cách tuân thủ mệnh trời". Mệnh trời đã không thể thay đổi, không thể chống lại, mỗi con người chỉ có việc an phận, cung kính tuân theo danh phận và trật tự đã định mà sống, thế thì còn cần xem tướng làm gì nữa? do đó, ở thời Hạ, Thương, Chu không có hoàn cảnh xã hội và không khí tinh thần cho sự ra đời của tướng thuật, càng không thể sản sinh ra môn mệnh lý học nghiên cứu về quy luật của số mệnh cá nhân. Vì vậy, Tuân Tử nói rằng:

"Việc xem tướng người, cổ nhân không có, các học giả không nói tới" (Tuân Tử-Phi Tướng).

Như vậy, thuật xem tướng người có từ thời nào? Người dân thời Hạ, Thương, Chu kính phục "mệnh", kêu gọi người ta suy nghĩ về số mệnh, đến thời kỳ Xuân Thu-Chiến Quốc, sự suy nghĩ đó càng đi sâu thêm, cộng thêm sự thúc đẩy của không khí văn hoá khác, tướng thuật liên tự nhiên sản sinh. Theo khảo chứng, việc ghi chép sớm nhất về tướng thuật là vào thời kỳ Xuân Thu, ở thế kỷ thứ VII trước công nguyên. Tướng thuật được vận dụng trước hết trong

nội bộ giai cấp thống trị. Sách "Tả truyện - Văn Công nguyên niên" có ghi chép:

"Mùa xuân năm Lỗ Văn Công nguyên niên, thiên tử nhà Chu phái quan nội sử là Thúc Phục tới để tham dự tang lễ. Mạnh Mục Bá là Công Tôn Ngao nghe nói Thúc Phục giỏi xem tướng liền gọi hai con ra tiếp kiến ông ta. Thúc Phục nói: "Cậu Cốc có thể nuôi nấng và tế tự ông, cậu Nan có thể an táng ông. Cầm của cậu Cốc rất đầy đặn, con cháu cậu ta tất sẽ thành đạt ở nước Lỗ này".

Quả nhiên về sau, "Công Tôn Cốc sinh một con là Mậu, tức Mạnh Hiến Tử là quan đại phu giỏi của nước Lỗ. "Tả truyện-Văn Công nguyên niên" còn chép một chuyện khác: "Ban đầu, Sở vương dự định lập Thương Thần làm thái tử, liền trưng cầu ý kiến quan lệnh doãn là Tử Thượng. Tử Thượng nói: "Tuổi của đại vương chưa cao, mà người được sủng ái lại có nhiều. Nếu lập Thương Thần làm thái tử rồi sau lại phế truất, thì sẽ sinh loạn. Nước Sở cử thái tử thường chọn những người trẻ, mà Thương Thần có cặp mắt như ong vò vẽ và tiếng nói như sói lang. Đó là một người tàn bạo, không nên lập làm thái tử". Sở vương không nghe theo. Sau này, chính Thương Thần đã giết Sở vương. Sách "Dật Chu thư-Thái tử Tấn giải" có chép: "Sư Khoáng yết kiến thái tử Tấn, nói: "Tiếng nói của ngài yếu ớt, mặt lại đỏ, thuộc hoả sắc, ngài không thọ". Sư Khoáng thấy mặt thái tử Tấn đỏ, cho rằng đó là tướng yếu mệnh. Từ những ghi chép ít ỏi, có thể thấy tập tục xem tướng ít nhất đã hình thành trong giới quý tộc thời Xuân Thu, cho nên Viên Mai nói rằng tướng thuật là tối cổ. Đoạn ghi chép trong Tả Truyện về chuyện Công Tôn Ngao mời Thúc Phục xem tướng cho con mình có thể coi là sự mở đầu của tướng thuật. Viên Liễu Trang, một đại gia về tướng thuật thời Minh cũng nói: "Kể những người giỏi về tướng thuật thì trước hết là Thúc Phục thời Đông Chu. Quan nội sử nhà Chu, Thúc Phục là người

xem tướng đầu tiên ghi trong lịch sử, nhưng thầy tướng nổi tiếng nhất thời đó lại là Cô Bố Tử Khanh. Đến thời Chiến Quốc, những ghi chép về xem tướng dần nhiều lên! Như đoạn ghi chép trong "Tăng Khổng Tử - Cháp tiết thiên": Quốc quân nước Ngụy là Ngụy An Ly vương hỏi Tử Thuận rằng: "Mã Tứ có khí tiết của đại phu, ta muốn mời ông ấy làm tướng quốc, ông xem có thích hợp không?" Tử Thuận nói: "Tôi không được rõ ông ấy có khí tiết không, nhưng tôi nghe người ta nói người có đôi mắt to lại nhìn mọi vật chậm chậm như lợn nhìn thì nhất định là người rất xảo trá, tôi thấy ông ta chính là người như vậy. Ngụy An Ly vương vẫn cứ dùng Mã Tứ. Sau này, đúng như lời nói của Tử Thuận, Mã Tứ quả nhiên phạm tội. Theo một đoạn ghi chép khác, nhà quân sự nổi tiếng thời Chiến Quốc là Tôn Tẫn từng theo học Quỷ Cốc tử, một hôm họ ngồi đàm đạo trong khe núi, Quỷ Cốc tử, bỗng thấy trên mặt Tôn Tẫn xuất hiện khí hung ác, liền kinh dị nói: "Có khí đen, đỏ quần quanh ở vùng nhọc độc, đó là điềm châu ngọc rớt xuống bùn lầy, bản thân bị tù tội, tính mệnh bị đe dọa". Về sau quả nhiên Tôn Tẫn gặp nạn, bị tội lóc xương bánh chè, suốt đời tàn phế. Căn cứ vào những ghi chép đó, kết hợp với lời than của Tuân Tử: "Người đời cho rằng xem xét tướng mạo, sắc thái của con người là biết được việc lành dữ, thọ yếu", thì thấy rằng đến thời Chiến Quốc, tục xem tướng đã từ giới quý tộc lan rộng ra dân chúng, bước đầu trở thành một tập tục.

Sở dĩ tướng thuật có thể xuất hiện vào thời Xuân Thu - Chiến Quốc là vì nó gặp được hoàn cảnh xã hội và môi trường tinh thần giúp cho việc này nở và phát triển.

Việc vương triều Ân bị lật đổ kéo theo nguy cơ cho nền chính trị thần học.

Cuối thời Tây Chu, quốc nhân bạo động, phá tan những lời hoang đường về vai trò thần thánh bất khả xâm phạm của quốc quân, thiên tử. Đến thời Xuân Thu, chế độ chính trị, tổ chức xã hội đều có biến đổi căn bản. Chế độ tể chế bị phá bỏ làm lung lay trực tiếp tới chế độ phân phong theo tông pháp lấy chính trị huyết thống thị tộc làm cơ sở. Nông nô được giải phóng, một số binh dân vươn lên thành địa chủ, cả đến thương nhân cũng dựa vào thế lực tiền bạc để tham dự chính sự. Các chư hầu bị tình thế bức bách, để tranh bá phải buộc lòng sử dụng những nhân tài ngoài huyết thống tông pháp, thậm chí cả đến những người xuất thân nô lệ. Như trong thời Xuân Thu, Bách Lý Hề xuất thân nô lệ, nhờ vào tài trí mà làm tướng quốc nước Tấn trong 7 năm, mở ra tiền lệ dân thường (thứ nhân) ra làm quan. Đến thời Chiến Quốc, bọn người du thuyết như Phạm Tuy Thái Trạch, Tô Tần Trương Nghi từ kẻ đi chân đất tiến lên làm tể tướng. Bọn người chinh chiến như Tôn Tân, Bạch Khởi, Nhạc Nghị, Liêm Pha, Vương Tiễn, từ kẻ không chức tước, tiến lên làm đại tướng, từ đó bắt đầu tiền lệ những kẻ áo vải tiến lên làm khanh tướng ở đời sau. Mà tầng lớp vốn được Thượng đế cho làm chủ nô lệ, thì có kẻ mất mạng trong tranh giành quyền lực, nhiều kẻ rơi từ tầng lớp trên xuống tầng lớp dưới, những điều đó đã trở thành việc thường thấy trong cơn đảo lộn xã hội lớn thời đó. Như Khổng Tử vốn dòng dõi quý tộc nước Tống, bắt đầu dĩ "vì nghèo phải cố ra làm quan", thậm chí dựa vào chức lại nhỏ và dạy học để kiếm sống; Trang Tử thì tuy xuất thân vương tộc, nhưng hầu như rơi xuống địa vị hành khất.

Quan hệ tông pháp bị phá vỡ, thiên đế quyết định luận bị tiêu vong, những điều đó đã mở luồng suy nghĩ rộng rãi cho việc xem xét số mệnh. Những người có tri thức thời đó đã bắt đầu đi tìm quy luật phổ biến về số mệnh cá nhân xuất phát từ bản thân mỗi con

người. Như thuyết cho rằng thánh nhân phải có tướng mạo của thánh nhân là một thí dụ về sự tìm tòi đó. Thuyết cho rằng thánh nhân phải có tướng mạo của thánh nhân là sự diễn dịch từ những câu chuyện truyền thuyết về Nghiêu, Thuấn, Thang, Vũ mà có. Căn cứ truyền thuyết thì những tiên vương đó đều có tướng mạo cổ quái, như Thuấn có hai con ngươi, Văn Vương có bốn vú. Những sự suy diễn đó dù còn hết sức ấu trĩ, vẫn chưa thoát khỏi mầu sắc thần học, nhưng sự thay đổi từ thiên đế quyết định luận, cho rằng số mệnh được quyết định bởi sự xa gần của huyết thống, chuyển sang tự nhiên mệnh định luận, cho rằng số mệnh không phụ thuộc vào quan hệ huyết thống mà phụ thuộc vào hình thể cá nhân, đã đánh dấu một giai đoạn suy nghĩ quan trọng đầu tiên về số mệnh mỗi con người. Từ quan niệm đó, đi sâu thêm và đem vận dụng cụ thể, thì sẽ hình thành dạng thức đầu tiên của mệnh lý học ở nước ta, tức là thuật căn cứ vào hình thể tướng mạo có những đặc điểm gì để suy ra số mệnh của cá nhân. Một trong những thầy tướng nổi tiếng sớm nhất trong lịch sử Trung Quốc là Cô Bố Tử Khanh, người nước Sở thời Xuân Thu, thuỷ tổ của một môn phái, tương truyền đã từng xem tướng cho Khổng Tử, nói rằng Khổng Tử có đủ dị tướng của bốn vị thánh nhân, tức có bộ mặt giống vua Nghiêu, con mắt giống vua Thuấn, cổ và gáy giống Cao Dao. Thầy tướng nổi tiếng thời Chiến Quốc là Đường Cử, người nước Ngụy, cũng thuộc môn phái đó. Tương truyền, ông ta xem tướng cho Lý Đoái, nói: "Trong 100 ngày nữa sẽ cầm quyền chính trong nước". Sau quả nhiên đúng như vậy. Thái Trạch ở nước Yên hăm mộ, mời Đường Cử xem tướng cho mình. Sau khi quan sát kỹ lưỡng, Đường Cử nói: "Ngài mũi cao, vai rộng, dung mạo đầy đặn, tôi nghe nói thánh nhân bao giờ cũng có tướng lạ, ngài cũng thuộc loại đó". Thái Trạch nói: Giàu sang thì tôi đã có, chỉ xin ông xem cho thọ mệnh thế nào". Đường Cử nói ông ta còn sống được 43 năm nữa. Điều đó về sau được ứng

nghiệm. Có thể thấy lúc đó, người ta đã có quan niệm tương đối bình đẳng, cho rằng người thường chỉ cần có "tướng lạ" là có thể trở thành "thánh nhân".

Cũng vào thời gian đó, một hướng suy nghĩ khác về tướng thuật được gọi mở từ phong tục xem tướng gia súc thịnh hành thời đó. "Lã Thị Xuân Thu -Quan biểu thiên" nói khá kỹ về xem tướng ngựa: "Những người giỏi xem tướng ngựa thời xưa, có Hàn Phong xem răng miệng, Ma Triều xem má, Tử Nữ Lịch xem mắt, Vệ Kỳ xem ria mép, Hứa Bĩ xem mông đít, Đâu Phật Hạp xem ngực, Quản Thanh xem bụng, Trần Bi xem đùi và chân, Tần Nha xem phía trước, Tán Quân xem phía sau. Mười người đó đều là loại giỏi trong thiên hạ". Như vậy phong tục xem tướng gia súc lúc đó khá thịnh hành, lại có tính chuyên ngành cao, phân công rất tỉ mỉ. Điều quan trọng nhất là, người và vạn vật đều sinh sống trong khoảng trời đất, sự sinh tồn có rất nhiều mặt giống nhau khiến người xưa liên tưởng: những phương hướng và phương pháp xem xét loài vật cũng có thể vận dụng để xem xét con người, đúng là: "Không phải chỉ có xem tướng ngựa, người cũng có đặc trưng từng sự việc và cả quốc gia cũng có đặc trưng. Sự xuất hiện liên tưởng đó, liền lập tức được người ta vận dụng trong thực tế và một số người chuyên xem tướng gia súc liền chuyển sang xem tướng cho người. Sách Trang tử, thiên Từ vô Quỷ chép chuyện một người giỏi xem tướng ngựa là Cửu Phương Yên đã xem tướng cho 8 người con của Tử Kỳ, quan tư mã nước Sở. Sự xuất hiện một người vừa giỏi xem tướng ngựa, vừa giỏi xem tướng người chính là kết quả thực tiễn của sự liên tưởng đó. Không nghi ngờ gì, loại thực tiễn này lại thúc đẩy thêm sự liên tưởng đó, khiến nó trở thành một phong tục.

Sự liên tưởng và thực hiện từ việc xem tướng gia súc đến việc xem tướng người còn chịu ảnh hưởng của tư tưởng triết học đương

thời. Sự suy xét của các nhà triết học thời đó đối với sự sống chết của vạn vật, đặc biệt chú ý đến hiện tượng ngưng tụ khí để giải thích quá trình vận dụng, sống chết của vạn vật, đặc biệt chú ý đến hiện tượng ngưng tụ khí để giải thích quá trình vận dụng, sống chết của vạn vật: Thiên "Tri Bắc Du" trong sách "Trang Tử" viết:

"Sinh mệnh của con người, là do khí tụ lại, tụ thì sống, tán thì chết"

Trang Tử còn đi sâu thêm:

"Lúc đầu xét thấy không có sự sống, kỳ thực không chỉ là không có sự sống, mà vốn là không có *hình*, nhưng cũng không chỉ là không có *hình*, mà vốn là không có *khí*. Từ trong khoảng mông lung biến hoá ra khí, khí biến đổi ra hình, hình biến hoá ra sự sống" (Trang Tử-Chí Lạc). Quán Tử-Nội Nghiệp viết:

"Cái tinh tuý của trời, cái hình của đất, hợp lại thành người".

Những tác phẩm trên coi việc sinh thành của con người là kết quả của bẩm khí tự nhiên, coi người cũng như muôn vật đều là sản vật của hợp khí trời đất. Rõ ràng, từ sự liên tưởng việc xem tướng gia súc với việc xem tướng người đi tới quan niệm đại vũ trụ và tư tưởng khí hình tượng sinh, đúng như sự phân tích của các tướng thuật gia đời sau:

"Khí sở dĩ dưỡng hình, trong khoảng ngũ tạng lục phủ, do thất tình (tức: hỉ, nộ, ai, lạc, ái, ố, dục - ND) làm tiêu tan đi. Cho nên biểu hiện ở ngũ nhạc tứ độc, có sự biến hoá của lục khí, không còn dư cái trong và dục, lắng thính thâm thâm, cho nên núi cao sông sâu, không phải lục khí có mà lấy được. Khí thanh long như mây lành tôn mặt trăng, khí chu tước như ráng buổi sớm ánh xuống nước, khí câu trần như gió đen xua tan mây, khí đằng xa như cây cỏ

cùng biến thành tro, khí bạch hổ như mỡ đông, dầu lảng, khí huyền vũ như khói bụi sương mù. Trong sáu khí đó, chỉ có khí thanh long là lành, còn lại thì hoặc chủ về phá tán, hoặc chủ về lo sợ, hoặc chủ về khốc lóc, hoặc chủ về âm tặc. Nếu cốt hình không hợp cách, suốt đời sẽ mang luy, nếu cốt hình ngay ngắn, hợp với số, sau này khí tan, tên tuổi rạng rỡ" (Thái thông giám - Luận khí).

Lý luận về "lấy khí dưỡng hình" là một trong những lý luận quan trọng nhất của tướng thuật. Tư tưởng hình thành trong thời kỳ này rõ ràng đã giữ bỏ được sắc thái thần bí "có tướng mạo kỳ quái là thánh nhân", là tư tưởng chỉ đạo chính thống nhất của tướng thuật. Đương nhiên, nhìn bằng con mắt ngày nay, dạng thức tướng thuật tối cổ đó rõ ràng là một hiện tượng văn hoá lạc hậu, ngu muội, nhưng vào lúc đó, nó không những là sự suy nghĩ tích cực, nghiêm túc của cổ nhân đối với số mệnh cá nhân mà còn là sự tìm tòi có ích về nguyên lý sự sống. Điều rõ ràng nhất là sự xuất hiện của nó là một đòn đánh mạnh vào chính thể thần quyền và thiên đế mệnh luận lúc đó còn ngu muội hơn nữa, và là đại biểu cho một trào lưu tiến bộ.

2. THỜI KỲ LƯƠNG HÁN: TRÀO LƯU SÔI NỔI VỀ TƯỚNG THUẬT

Sự thành lập triều Hán, một triều đại do Lưu Bang, một người xuất thân nông dân, dẫn đầu một đám người dũng sĩ thuộc mọi tầng lớp, đặc biệt là tầng lớp bình dân, đấu tranh đẫm máu mà giành được. Một anh nông dân biến thành hoàng đế khoác long bào, một loạt những kẻ du sĩ, đồ tể, đánh trống thổi kèn, buôn vải, đánh xe, lưu manh trộm cắp như Trần Bình, Phàn Khoái, Chu Bột, Quán Anh, Lâu Kính, Hàn Tín, Bành Việt thoát một cái trở thành tầng lớp

cao nhất trong giai cấp thống trị. Những sự thực sống động ấy là một đòn đánh mạnh vào thiên đế mệnh luận, lấy huyết thống thân sơ để định sang hèn của tầng lớp quý tộc từ Xuân Thu-Chiến Quốc tới nay đã thất thế. Để tăng cường bộ máy quan liêu, Hán Cao tổ lại triệu các hiền sĩ trong thiên hạ đến kinh sư, ban cho quan chức, các tướng trong quân đội cũng được quy định đãi ngộ theo công lao lớn nhỏ. Như vậy, kẻ sĩ có hy vọng ra làm quan, sĩ tốt có hy vọng thăng quan. Thời Tây Hán còn lập nhà Thái Học, bồi dưỡng quan chức trong đám học trò. Từ đó kẻ sĩ có cơ hội tòng chính, vươn lên tầng lớp trên.

Hán Vũ đế lại càng coi trọng việc chiêu nạp nhân tài, tìm kiếm khắp nơi, người tài đồn dập xuất hiện. Thời Đông Hán, kẻ sĩ lại có con đường làm quan thông qua việc mở các cơ quan của triều đình, mở khoa hiếu liêm. Nhưng những cải cách về chế độ chính trị, chế độ tuyển dụng quan lại đó cùng với những biến động nhân sự do sự tranh giành quyền lực trong nội bộ giai cấp thống trị cũng tạo nên những cảnh ngộ khác nhau cho con đường làm quan của rất nhiều người. Người thành công thì mừng rỡ, kẻ lận đận thì buồn chán, mong mỏi, do đó dẫn đến nhiều cảm khái và suy nghĩ, có người không tìm thấy nguyên nhân từ nhân sự xã hội, liền tìm trong khí vận may rủi để tự an ủi, hoặc đi tìm cát hung trong số mệnh để lý giải việc thăng quan hay thất chức. Hoàn cảnh xã hội và trạng thái tinh thần đó lại tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của tướng thuật và sự lan tràn của tập tục xem tướng, do đó đã tạo nên cao trào tướng thuật lần thứ nhất tại Trung Quốc kể từ thời Xuân Thu tới lúc đó. Thời Tân Hán là thời biến đổi long trời lở đất, số mệnh cá nhân thay đổi rất rõ rệt, điều đó rất có lợi cho sự phát triển của tướng thuật. Chỉ riêng trong gia tộc Lưu Bang, đã có khá nhiều tài liệu ghi chép về xem tướng. Ngoài câu chuyện về một ông già xem

tướng cho Lưu Bang và các con mà chúng tôi đã nói tới ở trên, còn nhiều tài liệu khác nữa. Như "Hán thư - Cao Đế kỷ" nói Lưu Bang có tướng mạo rất kỳ dị: mũi cao, trán rộng, râu tóc đẹp, đôi mắt có 72 nốt ruồi. Lại nói khi ông ta làm đình trưởng, có Lã Công người ở Đan Phụ đến nhà huyện lệnh lánh nạn. Hào kiệt, quan lại ở huyện Bái nghe nói nhà huyện lệnh có khách quý, đều tập nập đến chào mừng. Lúc đó Tiêu Hà chủ trì bữa tiệc, quy định là những ai mang lễ vật dưới 1000 đồng tiền thì phải ngồi chiếu dưới. Lưu Bang không mang theo một xu nhưng nói bữa là có lễ vật một vạn đồng tiền. Do thường ngày ông ta hay dở trò vô lại nên khách khứa đều coi thường, chỉ có Lã Công là người tinh thông tướng thuật thấy tướng mạo ông ta sang hết mức, vội ra ngoài cửa cung kính đón tiếp, mời ngồi lên chiếu trên, nói: "Tôi từ trẻ đã thích xem tướng, đã xem cho nhiều người, chưa thấy ai tướng tốt như ngài". Rồi bất chấp sự phản đối của vợ con, đem con gái là Lã Trĩ, vốn được người có địa vị cao như huyện lệnh cầu hôn, gả cho Lưu Bang. Những câu chuyện về tướng mệnh như thế vốn ghi rất nhiều trong sử sách đời Hán, càng ngày càng thần kỳ. Phàm những người hiển đạt ở triều Hán, như thừa tướng Chu Á Phu; Trường Bình hầu Vệ Thanh, sủng thần Đặng Thông, Ngô Vương Ty, Hoài Nam vương Anh Bố, Hán tướng quân Lý Quảng, thừa tướng Hoàng Bá, ngự sử đại phu Ngô Hiến, người đẹp trai Trần Bình... đều có kèm ghi chép về loại tướng mệnh như trên.

Thời Đông Hán, tướng thuật càng phổ biến rộng rãi hơn. Theo ghi chép trong Hậu Hán thư, thậm chí ngay khi hoàng đế tuyển chọn quý nhân, mỹ nhân, cung nữ thể nữ, đều cử các quan chức trong cung đình mang theo thầy tướng "đến các vùng nông thôn quanh Lạc Dương xem xét con gái các nhà lương thiện tuổi từ 13 đến 20, có nhan sắc đoan trang xinh đẹp. Những người hợp cách,

được đem về cung lựa chọn lần nữa rồi mới dâng vua". Còn ngôi hoàng hậu thì bao giờ cũng là người trước đó được các thầy tướng đoán cho là đại quý nhân. Như Minh Đức hoàng hậu, lúc chưa vào cung, Thái phu nhân mời thầy tướng xem tướng, xem tướng xong thầy tướng trầm trồ kinh ngạc, nói: "Tôi ắt sẽ phải xưng là thần hạ (bê tôi) trước người con gái này". Chương Đức, Đậu hoàng hậu "mấy lần hỏi han các thầy tướng, xem xong họ đều nói là đại tôn quý, không phải là dung mạo thân thiếp". An Tư, Diêm hoàng hậu khi 13 tuổi, có thầy tướng Phương Thông xem tướng, xem xong kinh sợ sụp lạy mấy lần, nói tướng mạo cô là "mặt trăng nép cạnh mặt trời", là tướng mạo cực quý mà ông ta chưa từng thấy.

Những thuyết mệnh tướng đó còn được phản ánh vào các tác phẩm văn nghệ thời đó. Những năm Kiến An cuối thời Hán, xuất hiện tác phẩm thơ trường thiên tự sự nổi tiếng nhất trong văn học sử Trung Quốc, mang tên "Khổng Tước đông nam phi" (Chim công bay về phía đông nam): Mẹ của Tiêu Trọng Khanh một viên tiểu lại ở Giang Phủ, khăng khăng đòi đuổi con dâu là Lưu thị, phá bỏ nhân duyên nồng thắm của hai vợ chồng con trai. Vũ khí duy nhất của Tiêu Trọng Khanh để đấu tranh với lễ giáo phong kiến tàn khốc chỉ là lời cầu xin: "Con đã có tướng lộc mỏng, may mà có được người này". Điều này tỏ rõ tập tục xem tướng ở thời đó đã thịnh hành và chiếm địa vị thế nào trong dân gian.

Tập tục xem tướng tương đối mộc mạc, dần dần người ta say mê tướng thuật đến mức cuồng nhiệt. Những người say mê nhất thậm chí liên tưởng đến việc xem tướng của đồ vật liên quan đến người để xét số phận của người chủ đồ vật đó, như môn "tướng ấn", "tướng hốt", "tướng thủ bản", căn cứ vào con dấu (ấn), hốt và thẻ bài (thủ bản) để đoán số mệnh cho người chủ, thật là cuồng si đến mức nực cười.

Một dấu hiệu khác của cơn sốt tướng thuật thời Lương Hán là việc xây dựng lý luận tướng thuật. Như "Hán thư - Nghệ văn chí" đã ghi chép về phép xem tướng người trong 24 quyển. Lại như ghi chép trong "Hoài Khánh phủ chí", chỉ riêng thầy tướng nổi tiếng là Hứa Phụ đã viết các loại sách Đức khí ca, Ngũ cung tạp luận, Thính thanh tướng hình. Đáng tiếc là những trước tác đó đã thất lạc, ta không còn được thấy. Nhưng có thể khẳng định là vào thời Tây Hán, lý luận tướng thuật bước đầu đã được chỉnh lý.

Nếu như ở thời Tây Hán, lý luận mệnh học bước đầu được xây dựng, phần nhiều còn là sự tổng kết sự việc cụ thể, thì sang thời Đông Hán, có sự khái quát triết học về thuyết nguyên khí của Vương Sung, tướng thuật Trung Quốc mới có cơ sở triết học rõ ràng, trở thành một biến chủng trong triết học cổ đại Trung Quốc.

Tác phẩm "Luận hành" của Vương Sung là một tác phẩm triết học mang đầy tính duy vật. Vương Sung cho rằng, cơ sở tạo nên thế giới là "khí", còn gọi là "nguyên khí", muôn vật do đó mà sinh ra. Do "khí tính" không đều nên mọi vật thể đều khác nhau. Trời và đất đều là các thực thể có hình, là tự nhiên có hàm chứa "khí". Trời đất là không có bắt đầu, không có kết thúc, không sinh ra, cũng không chết đi, không có sinh mệnh và cảm giác. "Đạo trời tự nhiên vô vi" không thể sáng tạo ra muôn vật, "trời đất hợp khí, muôn vật tự sinh ra", căn bản không có đáng tạo hoá. Trời không hiểu tiếng nói của người, không thể thực hiện việc thưởng phạt, "Người không thể lấy hành động để cảm tới trời, trời cũng không thể làm theo hành động của người". Đây vốn là một quan niệm tiến bộ, duy vật về tự nhiên, nhưng nó lại máy móc đem tính tất nhiên của tự nhiên loại suy vào xã hội loài người, rơi vào chủ nghĩa định mệnh tự nhiên, thần bí. Nó cho rằng việc an nguy, trị loạn của quốc gia, việc sang hèn, giàu nghèo của cá nhân đều là các sự kiện ngẫu nhiên, do "mệnh" là cái

không thể giải thích được, quyết định. Mà "mệnh" của người ta bao gồm sang hèn, giàu nghèo, hiển ngü hoàn toàn là do tự nhiên, do cốt tướng bẩm khí sinh ra. "Luận hành - Cốt tướng thiên" nói: "Người ta thường cho là mệnh khó biết. Thực ra mệnh rất dễ biết. Nhưng biết để làm gì? Mệnh là ở cốt thể. Mệnh người do thiên bẩm, và thể hiện ra dấu hiệu ở thân thể".

"Phương pháp căn cứ vào khớp xương, xét dấu hiệu ở ngoài da để xét tính mệnh của người, không khi nào không ứng nghiệm"

"Cho nên người biết xem tướng, xem cốt thể có thể thấy rõ việc giàu sang hay nghèo hèn như người ta nhìn đồ vật bày trên mâm, trên bàn, hiểu rõ được tác dụng của từng thứ... Cốt tướng phú quý thì không bao giờ gặp phải cái khổ của cảnh bần hàn; cốt tướng bần tiện thì không thể gặp cái vui sướng của cảnh phú quý".

Nghe thế có nghĩa là, muốn biết "mệnh" của một người, chỉ cần xem xét xương cốt, hình thể, màu sắc, hình vân trên da là có thể đưa ra những phán đoán linh nghiệm. Cốt tướng là do tự nhiên sinh ra, do bẩm khí mà thành, nó quyết định số phận suốt một đời người. Người có tướng giàu sang không bao giờ nghèo hèn, người có tướng nghèo hèn, không thể được hưởng giàu sang.

Vương Phù cuối đời Đông Hán cũng có quan niệm như vậy. Tác phẩm "Tiềm phù luận" do ông viết ra có nói trong thiên Tướng Liệt:

"Cốt pháp là biểu hiện của tướng lộc, khí sắc là biểu hiện của cát hung, bộ vị là biểu hiện tuổi thọ".

Ở đây, cốt pháp được nói thẳng thừng là biểu hiện của lộc, như vậy "cốt pháp" có tầm quan trọng đối với việc xem tướng.

Thuyết nguyên khí và quan điểm cốt tướng của Vương Sung là sự công kích mạnh mẽ đối với quan điểm thiên mệnh của Đổng Trọng Thư. Tuy về ý nghĩa triết học, thuyết của Đổng Trọng Thư đã sa vào vũng bùn duy tâm định mệnh nhưng xét về ý nghĩa tướng thuật, thì thuyết nguyên khí và quan điểm cốt tướng lại rất hợp với trào lưu xem tướng đương thời, hoặc có thể nói, nó là sự khái quát lý luận của tướng thuật. Dựa trên lý luận đó, những sách tướng thuật đời sau đã nói rõ ràng ngay từ đầu là: "Phàm người ta thụ khí hoài thai, đều hấp thụ ngũ hành, một là nam, hai là nữ nếu nhận được khí không tốt thì hình cốt sẽ tục, nếu nhận được cái tinh túy thì thần khí tất đầy đủ. Hình có cái hậu cái bạc, nên phúc có nhiều và ít; thần sắc có sáng tối, nên kiến thức có trí có ngu. Tuy cát hung, sang hèn không đều nhau nên thần hiện ở động tác, hình hiện ở cốt pháp, thiện ác có tướng, qua đó mà biết".

Tướng thuật đi từ chỗ "tướng mạo lạ là thánh nhân" đến thuyết "hình khí", "cốt tướng" rồi lại đi đến chỗ dùng thuyết bẩm khí làm cơ sở lý luận cho mình. Đó là quy luật phát triển tự thân của tướng thuật, cũng là do không khí văn hoá thịnh hành thời Hán dẫn tới, nhất là sự xuất hiện đồ thức vũ trụ của Lã Thị Xuân Thu, Hoài Nam Tử và thuyết "thiên nhân tương phó" của Đổng Trọng Thư đều đã có ảnh hưởng quan trọng đối với sự phát triển của tướng thuật.

Sự xuất hiện thuyết bẩm khí của Vương Sung khiến tướng thuật bắt đầu có ý thức sửa sang lại lý luận của mình, phong tục xem tướng lại càng nhanh chóng lan tràn trong dân gian. Có thể nói, Lương Hán là thời đại mà tướng thuật đã có sự tự giác thay đổi nhảy vọt về chất.

3. THỜI KỲ ĐƯỜNG TỔNG: SỰ MÊ CUỒNG TƯỚNG THUẬT

Thời Đường là đỉnh cao của xã hội phong kiến Trung Quốc, xã hội có sự phát triển lớn về mọi mặt. Về mặt kinh tế, tầng lớp thống trị đã tích cực thực hiện "chế độ quân điền" có lợi cho sự phát triển sản xuất, làm xuất hiện cục diện vật chất dồi dào, xã hội yên ổn. Nông nghiệp phát triển lại thúc đẩy thương nghiệp thịnh vượng và các thành thị phồn vinh. Thời Đường cùng tồn tại tam giáo Nho, Phật, Lão, những trói buộc về lễ giáo từ thời Hán được hạn chế bớt. Một thời gian, giai cấp thống trị thời Đường đã dốc sức hăng hái trong việc quản lý đất nước, mở ra tiền cảnh tốt đẹp. Đời sống no đủ, tâm cảnh không bị câu thúc, mang hoài bão lớn khiến cho người thời đó có phong cách cao thượng, trọng nghĩa khí. Đồng thời với hiện tượng đó là cuộc sống đời thường đầy rẫy trò giải trí, tình cảm phóng túng, đua đòi hưởng lạc. Tất cả những điều đó làm cho người thời Đường được khơi dậy nhiều tiềm năng và dục vọng, càng có nhiều ham muốn và khát vọng trên cả hai lĩnh vực tinh thần và vật chất. Nhưng việc thực hiện và thoả mãn những cái đó, đối với những người thuộc tầng lớp giữa và tầng lớp dưới, có rất ít đường để chọn lựa ngoài việc gắng sức để ra làm quan. Vì vậy, người người say sưa với quan trường mong mỗi được hiển đạt, trở thành một trào lưu sôi sục của văn nhân thời Đường.

Chế độ quan lại thời Đường vẫn tiếp nối chế độ thời Tùy, chia ra các khoa tú tài, minh kinh, tiến sĩ, minh pháp, minh trị, minh toán, nhất lại, tam lại, sau còn thêm thi thơ phú nữa. Chỉ cần thi đỗ là được Nhà nước bổ dụng làm quan, được hưởng bổng lộc của triều đình. Do đó kẻ sĩ đổ xô lũ lượt vào khoa cử để ra làm quan. Trước niên hiệu Càn Phong (năm 666) kẻ sĩ tham gia thi cử mỗi năm dưới 1000 người, nhưng từ niên hiệu Thuỳ Cùng (685) về sau, số người

tham gia thi cử hàng năm vượt quá 5 vạn. Trong số học trò đi thi đông đảo, một số người vượt được long môn, "một sớm thành danh thiên hạ tở", đạt được nguyện vọng ôm ấp suốt bao năm. Nhưng số người tuyển dụng có hạn, "cháo ít sư nhiều", việc cạnh tranh ở trường thi rất kịch liệt, lại thêm những tệ lậu trong việc chấm thi như xu nịnh nhà quyền quý, hối lộ quan trường, mẹo lấy tên khác, mượn người làm thay, quan hệ thân thuộc, quan hệ thầy trò... Dù có thi đỗ, thì việc chọn tuyển của bộ Lại còn nhiều cửa nhiều nấc, nếu không chạy chọt thì khó được chỗ béo bở, thậm chí còn bị gác lại. Vì vậy, tuy con đường làm quan thời Đường rộng mở, mà vẫn có rất nhiều kẻ sĩ lặn lội về khoa cử, thậm chí chết già trên đường danh lợi. Những văn nhân thất bại trên đường khoa cử, nơi gửi gắm sinh mệnh suốt đời, thấy mộng tưởng tâm huyết bao năm tan vỡ, chỉ thấy kinh hồn lạc phách, oán trách số mệnh. Thế là tâm lý mê tín ăn sâu vào tầng lớp văn nhân một thời, họ cho rằng "mọi sự may rủi đều thuộc về mệnh, đều do duyên nghiệp định sẵn, mọi cát hung, đâu có lo lắng mà được". Duyên nghiệp đó không ai thoát khỏi được, không ai giữ bỏ được. Vì vậy họ đành chìm đắm trong tướng thuật, nhờ các thầy tướng chỉ rõ bến mê, tìm lấy sự an ủi nhất thời. Thế là xuất hiện quang cảnh tập nập trước nhà thầy tướng, thậm chí còn sôi nổi đến ghi tên trước, hẹn ngày được xem tướng.

Thi cử khó khăn, làm quan cũng khó khăn, được làm quan không có ý nghĩa là cứ mãi mãi giữ được vinh hoa phú quý. Nếu có chút sơ xuất thì có thể tiêu ma công danh sự nghiệp, thậm chí rước lấy họa sát thân. Sau đời sơ Đường, thịnh Đường, bọn thống trị một mặt mở rộng việc thu nạp nhân tài, phong cho quan chức, mặt khác khống chế chặt chẽ quan lại, hễ không vừa ý là bỏ tù hoặc giết hại, hình thành cục diện "lúc đó dễ được quan tước nhưng pháp luật rất nghiêm, nên người ta đua nhau ra làm quan nhưng cũng có nhiều

người bị hình phạt và giết hại", lại thêm việc nghi ngờ và kèn cựa giữa các quan lại, quan hệ giữa người với người chỉ nhằm mục đích vụ lợi, căng thẳng, quan lại không ai là không nơm nớp lo âu, như giẫm trên băng mỏng. Đặc biệt là sau thời trung Đường do chế độ khoa cử hủ bại, quan trường hắc ám, tình cảnh không lường trước được của hoạn lộ cá nhân càng thêm nghiêm trọng, hôm nay còn là khách quý ngồi trên chiếu cao, về vạng rất mực, ngày mai có thể trở thành tù phạm quý mọp dưới thêm hoặc thành quỷ không đầu. Người ta không làm sao giải thích được cảnh ngộ bấp bênh đó của kiếp người và cũng không có cách gì chạy trốn được, nên rất tự nhiên, nảy sinh ra quan niệm "chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau". Quan niệm "làm quan là do trời" chi phối cả đến những người tương đối tiến bộ về chính trị như Lưu Vũ Tích. Ông cho rằng "Làm quan không phải là tiền định, thì sao có mệnh làm tể tướng". Những người không có mệnh làm quan thì dù có được làm quan, cũng chỉ như mây khói thoáng qua, không biết lúc nào sẽ mất. Những người có mệnh làm quan, thì dù cảnh ngộ hiện tại có cơ cực thế nào, tài năng kiến thức kém cỏi ra sao tương lai nhất định sẽ được làm quan. Có một câu chuyện kể rằng: Đầu năm Khai Nguyên thời Đường, trung thư lệnh Diêu Nguyên Sùng một hôm mời các quan đến nhà, bí mật bố trí một thầy tướng sau rèm, xem tướng cho tất cả mọi người, xem kỹ trong số đó có ai sau này làm tể tướng không. Xem xong, thầy tướng nói: quan võ Bùi Quang Đình sẽ làm tể tướng. Diêu Nguyên Sùng không tin, lần sau lại mời Bùi Quang Đình đến nhà để thầy tướng ngấm xem xét lại. Xem xong thầy tướng vẫn quả quyết là Bùi sẽ là tể tướng. Diêu Nguyên Sùng rất lấy làm lạ, nói: "Tể tướng phải là người phi thường, còn Bùi Quang Đình thì vẫn không giỏi, võ cũng chẳng tài, sao có thể làm tể tướng được?" Thầy tướng nói: "Ngài xét người bằng tài, tôi xét người bằng mệnh. Tài với mệnh vốn không đi đôi với nhau". Sau quả

nhiên Bùi Quang Đình làm tể tướng một số năm. Câu chuyện trên giống như truyền thuyết, đã tỏ rõ nỗi nghi hoặc, lúng túng của người thời Đường đối với sự bất trắc của hoạn lộ.

Hoàn cảnh chính trị và trạng thái tinh thần đó đã cung cấp miếng đất tốt cho sự phát triển của tướng thuật. So sánh với cơn sốt tướng thuật thời Lương Hán, thì phong tục xem tướng thời Đường không những phổ biến hơn mà còn mang theo đặc trưng thời đại rõ rệt. Người ta không chỉ say mê đàm luận về những truyền thuyết về mệnh tướng của người khác mà còn bắt đầu quan tâm đến mệnh tướng của mình, còn nội dung xem tướng là để bói xem việc thi cử và làm quan. Do lý luận tướng thuật đến thời Đường đã tới mức thành thực, có những nguyên lý triết học ngày càng có ảnh hưởng sâu sắc làm cơ sở lý luận cho mình, nên dễ dàng khiến người ta tin theo. Thế là các văn nhân nho sĩ lấy tướng thuật làm chủ đề đàm luận, mong muốn biết được đường công danh, chen chúc lũ lượt trước nhà các thầy tướng. Như ghi chép vào năm Khai Nguyên, Thôi Viên muốn thi tiến sĩ đã cất công tới Ngụy huyện để cầu kiến thị lệnh Lý Hàm Chương là người rất tinh thông tướng thuật. Để ứng phó với tình hình biến đổi khôn lường trong quan trường, xử lý tốt quan hệ giữa người với người trong giới quan lại, một số quan chức ngoài việc nhờ thầy tướng xem tướng cho mình, còn tốn nhiều công sức, dùng mọi phương thức để tìm hiểu tướng mệnh của đồng僚, của cấp dưới và cấp trên. Như vào năm Quảng Đức, quận thú Mục châu đã cho thầy tướng là Tôn Sính "xem tướng khắp lượt quan lại cấp dưới". Lý Bao ở Triết Đông nghe nói Lâu Thiên Bảo và Lã Nguyên Phương có thuật lạ, liền cử người mời đến, nhờ họ xem cho "những người trong phủ sẽ làm đến chức quan gì". Có thể thấy, do được sử dụng rộng rãi ở quan trường, tướng thuật đã trở thành một phương pháp quan trọng để xem xét người và giữ vững quan

tướng trong giới quan lại. Điều này không thể không được coi là một cảnh quan văn hoá lớn.

Do tướng thuật được lưu hành rộng rãi, được mọi người tin theo đến mê cuồng, nên xem tướng trở thành một nghề không vất vả gì mà kiếm nhiều bổng lộc, một số văn nhân thất bại trên đường khoa cử cũng gia nhập hàng ngũ này để kiếm cơm ăn, một số người vì thế mà nổi tiếng, trở thành đại tướng sư. Theo ghi chép trong kinh truyện, những tướng sư nổi tiếng thời Đường có hơn 30 người như Ất Phát Hoàng Lễ, Viên Thiên Cương, Viên Khách Sư, Trương Quýnh Tăng, Trương Cảnh Tăng, Tiết Đại Đỉnh, Tang Đạo Mậu, Tôn Tư Mạc, Lý Sinh, Tôn Sinh, Hành Tương... Sách tướng thuật cũng xuất hiện hàng loạt, có tới 30 loại, gồm 139 quyển.

Thời Tống không hoàn toàn giống với thời Đường về tình hình chính trị xã hội, thi cử làm quan, nhưng biến động về chính cục gây ảnh hưởng đến vận mệnh cá nhân, việc bấp bênh về nhân sự vẫn còn nhiều điểm giống nhau. Các sĩ đại phu trông mong qua việc lập công lập nghiệp để thực hiện hoài bão, lưu danh sử sách, làm rạng rỡ tổ tông vẫn không hề mấy may suy giảm; phong tục mê tín tướng thuật không hề sút kém. Do đó người thời Tống cũng như người thời Đường vẫn mê cuồng tướng thuật.

Đầu thời Bắc Tống, có một vị Ma Y Đạo giả. Tương truyền cuốn Ma Y tướng pháp là do ông viết ra. Cuốn sách đã tổng kết và phát triển lý luận tướng thuật. Do cuốn sách được viết thông tục dễ hiểu, lưu truyền rộng rãi trong dân gian, có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của tướng thuật. Trong lịch sử tướng thuật, không nghi ngờ nữa, cuốn Ma Y tướng pháp là một tác phẩm quan trọng, có ảnh hưởng sâu sắc đến sự phát triển tướng thuật đời sau. Trần Đoàn, nhân vật Đạo giáo đầu đời Tống tinh thông tướng thuật, tục truyền

là nhờ Ma Y Đạo giả truyền thụ cho. Trần Đoàn từng xem tướng cho Tống Thái tổ, "sau cưới lừa vào Biện Kinh, dọc đường nghe tin Tống Thái tổ lên ngôi, cười lớn, ngã lăn xuống đất, nói: Thiên hạ yên định rồi". Sau này khi Tống Thái tông lập tự, còn mời Trần lão tiên sinh đến xem tướng cho các con. Theo ghi chép trong Đông Hiên bút lục:

"Thái Tông... lệnh cho Trần Đoàn tới nơi vương cung để xem tướng cho các vương. Đoàn trở về tâu rằng:

"Thọ vương sau này sẽ làm chủ thiên hạ. Thần vừa tới vương phủ của Thọ vương, thấy hai người ngồi ở cửa, hỏi họ tên, nói là Dương Mân và Dương Sùng Huân, đều là quan chức thân cận của vương gia. Thần xem xét hai người ngày sau đều là quan đứng đầu văn võ, do đó mà biết mệnh của người chủ". "Thái tông cả mừng. Lúc đó Châu Tông là Thọ vương. Sau này Dương Mân làm thị trung, Dương Sùng Huân làm thừa tướng, đúng như Trần Đoàn đã xem tướng". Trần Đoàn chỉ xem tướng cho hai quan chức dưới quyền mà dám khẳng định được Thọ vương sẽ làm chủ thiên hạ, có thể thấy bản lĩnh xem tướng của ông ta thật đã tới mức thần diệu.

Đến đời Tống, trước tác về tướng thuật đã cực kỳ phong phú, trong đó có trước tác là tổng kết kinh nghiệm của người đời trước, có trước tác là lập thuyết cho môn phái mới, nhưng về lý luận thì vẫn theo dòng "bẩm khí", "cốt tướng". Thông Chí - Nghệ văn lược của Trịnh Tiều có ghi chép 73 trước tác về tướng thuật thuộc các loại "tướng kinh", "tướng thư", "tướng thư đồ", chứng tỏ rằng vào thời Tống, tướng thuật đã thịnh hành như thế nào.

Với nhiều tác phẩm phong phú như vậy, tướng thuật nghiêm nhiên trở thành một môn học vấn. Từ các tác phẩm đó, có thể thấy vào thời Tống, tướng thuật đã định hình, có sự tổng kết về các mặt

như diện mạo, cốt, khí, thần, sắc. Nếu so sánh với Ma Y tướng pháp, càng thấy rõ điều đó. Các tác giả của những tác phẩm đó như Tôn Tri Cổ, Lưu Hư Bạch, Chung Vũ lệ, đều là các chuyên gia tướng học nổi tiếng thời đó.

Một tiêu chí khác về sự mê cuồng tướng thuật thời Tống là sự thịnh hành của thuật xem tướng đồ vật. Chúng ta đã biết, thời Hán có thuật xem tướng từ vật suy ra người như "tướng ấn", "tướng hốt". Phương thuật đó còn truyền tới đời Tống. Theo ghi chép trong tập bút ký "Liễu hoa châu nhàn lục" của người thời Tống:

"Tạ Thạch, tự là Nhuận Phu, người Thành Đô. Khoảng niên hiệu Tuyên Hoà tới kinh sư, xem tướng chữ để nói hoạ phúc của người, người cần xem chỉ tùy ý viết một chữ là ông ta phân tích chữ mà nói, không có ai là không đúng một cách kỳ lạ".

Thông qua một chữ viết tùy ý để phân tích về hoạ phúc của người viết chữ, từ xem tướng chữ mà xem tướng người, có thể coi là một môn phụ của tướng thuật đời Tống. Theo nói lại, Tống Huy tông từng viết một chữ "triều", giao cho Trung quý nhân đem cho Tạ Thạch xem. Tạ Thạch đặt tay lên trán nói: " Chữ "Triều", phân tích ra là ngày 10 tháng 10, không phải là người trời sinh vào ngày này tháng này, thì còn ai viết ra nữa?" Trung quý nhân về bẩm lại với Huy tông, liền gọi Tạ Thạch vào vườn sau, xem chữ viết của các cung tần, không ai là không linh nghiệm. Do đó, Tạ Thạch được phong làm Thừa tín lang, danh tiếng vang lừng, "bốn phương đến xem tướng, trước cửa nhà đông như chợ".

Quang cảnh "trước cửa nhà đông như chợ" là sự miêu tả chân thực về cơn sốt tướng thuật thời Đường Tống.

4. THỜI MINH THANH: SỰ CHỈNH LÝ CỦA TƯỚNG THUẬT

Đến thời Minh, tập tục đàm luận về tướng thuật thịnh hành trong các sĩ đại phu từ thời Đường Tống không hề giảm mà lại tăng lên, ngay đến nhà đại nho cũng hâm mộ. Đúng như Tống Liêm đã viết trong Lộc Mệnh biện: "Từ gần đây, các bậc đại nho không ai là không ham thích đàm luận về phương lộc mệnh". Thời Tống, các loại sách tướng đầy rẫy, đã tới độ thành thực, đến thời nhà Minh, càng lưu truyền rộng rãi, dân gian tràn đầy quang cảnh xem tướng, bàn mệnh, tạo nên bức tranh thế tục về xem tướng. Việc lưu hành sách xem tướng càng mở rộng ảnh hưởng của tướng thuật, người ta chỉ cần biết chữ qua loa là cũng giở xem sách tướng, "tự học thành tài". Còn việc trao đổi, nghiên cứu về tướng thuật luôn luôn là thú tiêu khiển cao nhã của các sĩ đại phu lúc trà dư tửu hậu ngoài thú thi họa cầm kỳ. Phong cách cao nhã đó dần dần lan truyền tới các tầng lớp dưới cùng với các sách tướng thuật, trở thành trò tiêu khiển của mọi người lúc đã no nê hoặc thành một triết lý nhân sinh mà người ta cầu mong lúc đói khát.

"Vẫn có người lớn tiếng giảng giải về số mệnh của người khác". Việc chìm đắm vào thuyết mệnh lý, mê cuồng không tỉnh ngộ từ thời Đường Tống, những dư ba của việc mò mẫm quan hệ nhân sự phức tạp vẫn tiếp tục lan tràn ở thời Minh. Sự nảy mầm quan hệ sản xuất tư bản ở thời Minh đã thúc đẩy thêm sự phồn vinh của các đô thị và làm đông đảo thêm tầng lớp thị dân. Nền kinh tế hàng hoá, ở một số mức độ nhất định đã ảnh hưởng đến kết cấu kinh tế xã hội tự cấp tự túc của từng gia đình trong xã hội phong kiến truyền thống Trung Quốc. Do sự tăng lên của hoạt động kinh tế về sản xuất, lưu thông, sự giao lưu giữa người với người ngày càng tăng, quan hệ giao tiếp cũng đa dạng, phức tạp. Đời sống kinh

tế là trung tâm sinh hoạt hàng ngày của những người bình thường, mối liên hệ về kinh tế liên quan đến nhiều mặt của xã hội, ngay dù trong quan hệ gia đình thân thuộc cũng vẫn có những mối liên hệ kinh tế. Do đó, việc đàm luận về mệnh tướng ở thời Minh không còn chỉ bó hẹp trong giới sĩ đại phu, giới quan lại. Nơi đàm luận về mệnh tướng cũng không chỉ ở quan trường mà mở ra trong mọi môi trường khác. Bất luận là giữa vợ với chồng, giữa vợ cả vợ lẽ, giữa các bạn buôn, giữa thầy với trò, giữa các bè bạn, giữa chủ và tớ, phàm nơi nào có mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau thì đều có đất để tướng thuật phát huy tác dụng. Đó là đặc điểm mới trong lịch sử phát triển tướng thuật xuất hiện trong tình hình quan hệ sản xuất có thay đổi ở thời Minh.

Tập tục này xuất hiện trước hết trong giai cấp thống trị. Chính quyền triều Minh do đấu tranh nhung mã mà lập nên, thành viên trong giai cấp thống trị có không ít người xuất thân hàn hàn, để xác lập địa vị thống trị thiêng liêng "nhận mệnh ở trời", họ không những không cấm chỉ tướng thuật mà ngược lại, còn rất tin và ca ngợi vào tướng thuật. Mọi sinh hoạt thường ngày của họ cho tới công việc chính trị, cũng thường thường nhờ cậy ở tướng thuật. Ở phần trên chúng tôi đã nói tới chuyện Hoàng đế Vĩnh Lạc Chu Lệ, ngay cả chuyện tuyển phi tần trong hậu cung cũng trưng cầu ý kiến các thầy tướng. Đó là một ví dụ điển hình. Hoàng đế đã dốc lòng tin ở tướng thuật, dùng tướng thuật để quyết định công việc hàng ngày như thế, thì dân gian, không cần nói cũng rõ, nhà nhà đều có sách tướng thuật, người người say sưa nói chuyện số mệnh. Do đó đẻ ra bao chuyện ly kỳ cổ quái về tướng thuật, chép đầy trong các bộ kinh sử, tử, tập, các vở kịch tuồng và tiểu thuyết.

Cha con Viên Cung thời Minh là những nhân vật tương đối nổi tiếng trong lịch sử tướng thuật. Tướng thuật của Viên Cung là do

một di tặng truyền cho. Về sau, ông ta đã xem tướng cho Yên Vương (tức Minh Thành Tổ Chu Lê), nói: "Dáng đi nhẹ nhàng như rồng nhật giác cắm lên trời, là thiên tử đời thái bình". Minh Thành Tổ lên ngôi, Viên Củng làm quan tới chức Thái thường thị thừa, "làm nhà ở phía Tây Ngân Thành, xung quanh nhà trồng liễu, tự hiệu là Liễu Trang cư sĩ". Viên Củng tập hợp thành tựu học thuật và những bàn luận về nhân tình thế sự của mình thành tập "Liễu Trang tập". Tập "Liễu Trang tướng pháp" mà đời sau các thầy tướng truyền nhau đọc, tương truyền cũng là do Viên Củng làm ra, nhưng có người cho rằng đó là sách do người đời sau mượn tên Viên Củng mà viết ra. Con của Viên Củng là Viên Trung Triệt "từ nhỏ học được thuật của cha", tinh thông tướng thuật, cũng nổi tiếng trong thời Minh. Nhưng, về nhân cách Trung Triệt rõ ràng không bằng cha. Minh sử nói ông ta "tính thâm hiểm", nếu có mâu thuẫn với quan chức nào thì thường dùng tướng thuật để hãm hại, kẻ sĩ đều khinh ghét, không coi là người nữa.

Phong tục xem tướng thời Thanh không kém gì thời Minh, càng thế tục hoá hơn, phổ biến trong bình dân hơn. Điều quan trọng nhất là, thời Thanh là thời kỳ chỉnh lý, hội biên quan trọng đối với các sách vở tướng thuật. Trào lưu mệnh học từ thời Đường Tống, đã kích thích sự nảy sinh cành nhánh trong tướng thuật, hình thành rất nhiều lưu phái và phương pháp. Các thuật sĩ không thoả mãn với các trước tác được lưu truyền lại từ thời cổ, luôn tìm tòi trong nguồn văn hoá cổ, khơi ra luồng lạch mới, tìm tòi lý luận mới, lập ra môn phái mới, hoặc cải tạo lại lý luận truyền thống lưu truyền từ xưa, lấy một phần trong đó để xây dựng thành thuyết mới. Vì vậy, trong một loại lý luận mệnh học thường có rất nhiều chi phái, có phái còn du nhập cả lý luận mệnh học của Triều Tiên, Ấn Độ, Tây Âu, hình thành cục diện chông chéo, đủ màu đủ vẻ. Trong đó thuật đoán số

tám chữ (bát tự) mở đầu từ thời Đường Tống (tức toán mệnh thuật thường được nói đến) là biểu hiện rõ ràng nhất.

Tướng thuật cũng không ngoại lệ, trải qua sự truyền bá và bổ sung vào thời Minh Thanh, càng ngày càng tỏ ra tạp loạn. Về phía các thầy tướng, do sự phổ cập của sách vở tướng thuật, các thầy cảm thấy có nguy cơ vì càng ngày càng có nhiều người hiểu lý luận tướng thuật, nếu các thầy tướng chỉ biết một tri thức đơn sơ nhất thì không thể thoả mãn nhu cầu của Xã hội, có nguy cơ mất căn cựa. Thế là, các thầy tướng phải học thêm các phương pháp bói toán khác để trở thành người đa năng. Nhưng các môn phái tướng thuật và mệnh học, quá phức tạp bề bộn lại có tình trạng vàng lẫn trong đất, hạt châu mất cá không dễ phân biệt. Có những thầy tướng không hiểu sâu sách kinh điển của mệnh học nên khi luận bàn có nhiều chỗ ngược lại với tinh thần mệnh lý; lại có thầy không chịu bỏ công nghiên cứu mệnh lý, chỉ dùng cách nói ba hoa dựa vào tâm lý người xem tướng hoặc nói mông lung làm rối người nghe cho qua chuyện; có người vận dụng một cách máy móc mệnh quyết, biến mệnh lý biến hoá vô cùng thành cái chết cứng, gán ghép gượng gạo vào những điều có sẵn nên không sao biện luận cho thông. Những loại như thế có rất nhiều, không thể kể hết. Hiện tượng bất lương đó đã trực tiếp phá hoại "thanh danh" của tướng thuật hơn cả. Vì vậy một số nhà tướng thuật học có đầu óc, vì mục đích nâng cao địa vị xã hội của tướng thuật, đã thu dọn chỉnh lý, khai thác mọi tinh hoa truyền thống của tướng thuật, gạt bỏ những tạp chất cặn bã. Công việc này được bắt đầu vào thời Minh.

Khoảng năm Vĩnh Lạc, Minh Thành Tổ lệnh cho Giải Tấn và một số người biên tập bộ "Vĩnh Lạc đại điển". Các sách vở từ trước thời Minh đều được tập hợp lại, các sách tướng thuật cũng không ngoại lệ. Phần các sách tướng thuật đã được in ra, không kể chất

lượng ra sao, nếu là một thuyết đều được thu thập lại. Như các tác phẩm Nhân luận đại thống phú, Nguyệt Ba Động trung ký 1 quyển do Trương Hành Giản thời Kim soạn, Ngọc quân chiếu thần cục do Tống Tề Khâu thời Đường soạn, Thái Thanh thần giám 6 quyển do Vương Phúc thời Hậu Chu soạn v.v... Những sách kinh điển về tướng thuật đó, nhờ có bộ "Vĩnh Lạc đại điển" mà được bảo tồn cho tới ngày nay.

Nếu khi làm Vĩnh Lạc đại điển, các sách tướng thuật được thu thập không kể tốt xấu, thì đến thời Thanh, các trước tác tướng thuật đã được tuyển chọn, đào thải theo các tiêu chuẩn triết học, mệnh lý. Khoảng năm Khang Hy thời Thanh, Trần Mộng Lộc đã biên soạn thành một bộ "Cổ kim đồ thư tập thành" có qui mô lớn nhất, thể lệ tốt nhất, có tác dụng rộng rãi nhất, còn bảo tồn được đến nay. Bộ sách này đến niên hiệu Ung Chính lại được sửa chữa bổ sung, tập hợp các tư liệu từ thời Khang Hy về trước. Bộ này có công lớn nhất đối với việc chỉnh lý và tập hợp về tướng thuật. Sách tướng thuật Trung Quốc vốn có nhiều loại thuộc các môn phái khác nhau, tuy có nhiều trước tác lý luận và bí quyết tướng thuật lưu hành ở đời, nhưng phần nhiều đều chỉ bó hẹp theo thành kiến hẹp hòi, trọng điểm chú ý có khác nhau, rất hạn chế về qui mô và dung lượng. Còn phần tướng thuật trong "Cổ kim đồ thư tập thành", đã biên chép có hệ thống, phân thành môn loại toàn bộ những sách vở chính thống quan trọng dựa trên cơ sở lý luận âm dương ngũ hành, bát quái dịch tượng xuất hiện từ thời Khang Hy về trước thành cuốn Thần tướng toàn biên. Sách gồm 14 phần, 20 vạn chữ, hơn 100 hình vẽ minh họa, trở thành một bộ sách kinh điển về tướng thuật có qui mô lớn nhất, tính lý luận cao nhất, nội dung đầy đủ nhất. Các loại sách tướng thuật lưu hành rộng rãi khắp thành thị, nông thôn từ thời Thanh lại đây, nhất là những sách tướng thuật của thư phòng phái,

đại đa số đều lấy nội dung ở sách trên. Đó là bộ sách hội tụ tinh hoa của tướng thuật truyền thống Trung Quốc, là thành tựu cao nhất của việc nghiên cứu tướng thuật Trung Quốc đương thời. Khoảng niên hiệu Càn Long, Vĩnh Dung lại chủ trì biên soạn một bộ tùng thư đồ sộ là Tứ khố toàn thư, về cơ bản bao gồm được những trước tác quan trọng thời cổ đại Trung Quốc từ Càn Long trở về trước. Sách tướng thuật tuy là "ngôn luận của cử lưu bách gia" (ý nói không phải thuộc dòng chính thống -ND), nhưng với nguyên tắc "hễ có tính thực dụng, cũng được tuyển chọn" nên lại chỉnh lý, hệ thống hoá một lần nữa: Hai bộ sách "Cổ kim đồ thư tập thành" và "Tứ khố toàn thư" chọn và chỉnh lý tướng thuật chủ yếu dựa vào nguyên tắc "có trình bày rõ phép tắc tri lý tính học, quan tâm đến thể đạo nhân tâm". Còn những sách từ trước đời nhà Thanh "do những người vô học", "ghi những chuyện vụn vặt", "đều loại bỏ không thu thập", những trước tác phương thuật không thuộc về chân nghĩa của "lý học" đều bị loại ra khỏi hai bộ sách này. Những sách tướng thư được thu thập tất cả đều là kỳ hình biến chủng của triết học truyền thống Trung Quốc, tức hoặc gần hoặc xa có gốc gác từ lý luận triết học âm dương ngũ hành. Chính nhờ được hai bộ sách trên thu thập mà tướng thuật Trung Quốc chính thức bước vào "đại nhĩ chi đường" (tức nơi dành riêng cho những bậc cao nhĩ -ND), địa vị của tướng thuật trở thành danh chính ngôn thuận.

Ngoài việc chỉnh lý sách tướng thuật của các quan chức triều đình, các thầy tướng trong dân gian cũng như các tiền bối của họ, thu thập và biên soạn một số trước tác tướng thuật trong đó tương đối nổi tiếng là cuốn "Tướng lý hành chân" do Trần Chiêu ở Nghĩa Ninh biên soạn. Sách gồm 10 quyển, quyển đầu khắc in vào năm Đạo Quang thứ 13 (1833-ND). Gọi là "hành chân" có nghĩa là đã sàng lọc, tuyển chọn. Theo Trần Chiêu, sách tướng thuật đời Thanh

hỗn độn, phức tạp gồm cả tinh hoa và cặn bã, bộ mặt thực sự của tướng thuật càng ngày càng bị che lấp bởi những bụi bặm của bàng môn tả đạo, cần làm công việc đãi cát lấy vàng. Quả nhiên, công lao của Trần Chiêu đã không uổng phí, sau khi sách này in ra, nhanh chóng trở thành tác phẩm chọn lọc tốt nhất được giới tướng thuật coi trọng, nổi tiếng ngang với các cuốn "Ma Y tướng pháp" và "Liễu Trang tướng pháp", trở thành một trong những cuốn sách lưu hành khắp phổ trường, được các thuật sĩ giảng hồ sử dụng rộng rãi.

5. THẾ KỶ HAI MƯƠI: SỰ CHÌM NỔI CỦA TƯỚNG THUẬT

Đến thời Thanh, do tác phẩm tướng thuật được chỉnh lý và đưa vào Cổ kim đồ thư tập thành và Tứ khố toàn thư nên tướng thuật cũng gặp hai số phận khác nhau: Một là những trường phái được tuyển vào hai bộ sách trên, do được sự thừa nhận của triều đình nên có thể phát triển mạnh mẽ một cách danh chính ngôn thuận. Hai là những môn loại tướng thuật bị hai sách trên đào thải thì từ đó suy sút không có đất lưu truyền. Hai số phận đó dẫn tới sự phân hoá của tướng thuật và các thầy tướng, đồng thời cũng là một mối họa tiềm tàng khiến tướng thuật đi tới chỗ suy vi. Đặc biệt là từ cuối Thanh về sau, tướng thuật bắt đầu xuống dốc, cả về lý luận và kỹ thuật đều không phát triển đáng kể, địa vị của thầy tướng cũng xuống thấp, trở thành kẻ hèn kém lang thang kiếm sống khắp kẻ chợ làng quê, những quan chức giàu sang chỉ coi việc xem tướng là một trò chơi lúc nhàn hạ, mà không hề coi trọng nó, phát triển nó. Đầu thế kỷ 20, tướng thuật càng suy, bị giới trí thức coi rẻ, địa vị các thầy tướng càng xuống thấp, nói chung hễ ai có chút tri thức hoặc nghề nghiệp thì đều không muốn làm nghề thầy tướng nữa. Những người còn làm nghề, đa số là những người mất sức sống lao động hoặc

những người thất ý trong cuộc sống nhưng lại không muốn lao động, chỉ muốn khua môi múa mép để kiếm ăn qua ngày.

Sự suy vi của tướng thuật là do nhược điểm bản thân của nó và do hoàn cảnh xã hội. Xét từ góc độ tướng thuật, đến khoảng thời Minh Thanh, sự phát triển tướng thuật đã tới tột đỉnh. Mà một hệ thống lý luận khi tới điểm đó, nếu không được con người phát triển hoàn thiện, hoặc được tu sửa và bổ sung cho thích hợp tình hình mới, thì hệ thống lý luận đó sẽ đi tới bước đường cùng. Tướng thuật đã tới bước đó, nhưng không có ai đứng ra nghiên cứu, phát triển (đặc biệt là thời kỳ mới triều Thanh, đầu Dân quốc). Tướng thuật đã không phát triển, lại thêm tình hình tạp loạn bằng môn tả đạo phát triển lung tung như chúng tôi đã nói ở trên, khiến người ta không biết nghe ai. Một số thầy tướng vốn không hiểu biết bao nhiêu về tướng thuật, cũng nhập nhằng "treo biển" xem tướng, khiến mọi người đặc biệt là giới trí thức có phản cảm. Với tính cách là một môn "hiền học", đến lúc đó tướng thuật đã gặp phải thách thức nghiêm trọng, nhưng đáng tiếc là nó không còn sức hồi xuân nữa. Xét từ góc độ hoàn cảnh xã hội, từ cuối triều Thanh đến đầu thời Dân quốc, sự phát triển lịch sử của xã hội Trung Quốc gặp rung chuyển lớn, văn hoá truyền thống của Trung Quốc lần đầu tiên bị thách thức, ngọn lửa Ngũ tứ lại thiêu đốt văn hoá truyền thống. Văn hoá truyền thống đã như vậy thì văn hoá thần bí đặc biệt là phương thuật vốn được coi là trò mê tín, càng không thể đứng vững trước sự xô đẩy của sóng gió thời đại. Thế đạo biến đổi, nhân tâm cũng biến đổi. Cùng với sự mở cửa của Trung Quốc thời cận đại, nền văn minh phương Tây truyền vào trung Quốc. Thông qua tác phẩm "Thiên diễn luận", các tri thức khoa học như tâm lý học, di truyền học được truyền bá và phổ cập, người ta bắt đầu có nhận thức sơ lược về thiên thể, vũ trụ, đời sống nhân loại; mô hình vũ trụ âm

duyên ngũ hành mà tướng thuật lấy làm trụ cột bị lay chuyển. Mạnh được yếu thua, cá lớn nuốt cá bé trở thành đặc trưng của thời đại. Những thuyết giáo hủ lậu như an phận thủ thường, ôm cây đợi thỏ, ngồi đợi vận may mà tướng thuật Trung Quốc đề xướng, đã không còn linh thiêng nữa. Sự biến đổi của xã hội lại kéo theo những biến đổi lớn trong đời sống con người. Quan điểm số mệnh công danh, lễ nghĩa của tướng thuật Trung Quốc đã không còn phù hợp với nội dung đời sống thực tế nữa. Như vậy, trước sức ép to lớn từ cả hai phía trong ngoài, tướng thuật chỉ còn thoi thóp.

Dù tướng thuật với tính cách một môn "học vắn" đã hết khí số, nhưng tập tục xem tướng thì không thể nhất thời biến mất, vì tâm lý mê tín vốn tồn tại phổ biến. Thời Dân Quốc, tướng thuật vẫn lưu hành rộng rãi trong các làng quê hẻo lánh và các phố phường chợ búa như một nghề mạt hạng, khắp nơi đều có thể thấy bóng dáng của thầy tướng trong câu chuyện ở đầu làng cuối xóm, cũng thường thấy kháo nhau về chuyện linh nghiệm của tướng thuật. Dù trong dân gian hay những người giàu sang, đều vẫn còn người có say mê tướng thuật. Thời kỳ quân phiệt hỗn chiến, dân chúng lâm than vì tại họa bất kỳ, thậm chí đói khát lang thang, cuộc sống bị hãm trong nước sôi lửa bỏng không có cách gì giải thoát chỉ đành qui cho số mệnh; bọn quan lại, kẻ giàu sang thì sống cuộc sống xa hoa, nhưng lại lo mất đi trong chốc lát, cũng gửi gắm hy vọng vào sự may mắn của số phận. Do đó, lúc này số người mê tín vào số mệnh đặc biệt nhiều, khắp nơi đều thấy các thầy tướng hành nghề.

Lục Vinh Đình, một nhân vật quân phiệt ở Quảng Tây, vào thập kỷ 20, là người vô cùng mê tín rất say mê tướng thuật. Lục Vinh Đình (1859 - 1928) là người miền núi, thân thể cao lớn, cánh tay to, sắc mặt hồng hào, khuôn mặt đầy đặn hơi dài, to tai, mũi cao, lông mày rậm, mắt nhỏ, dài và sáng. Khi ông ta làm giặc cướp

ở vùng Long Châu, thường ở trong hang núi, kết đảng với tên cướp Trương Lạp Châu, thường học hặc nhau vì chia của không đều. Có lần xô xát lớn, Trương ghi mối hận, nhằm lúc Lục đang ngủ say trong hang, liền chìa súng bắn một phát, tưởng đã giết chết được Lục, không ngờ Lục há miệng nằm ngủ, phát đạn chỉ sượt qua khoé miệng bên phải, Lục nhảy phắt dậy, Trương liền bỏ chạy, Lục Vinh Đình vì bị phát đạn đó, trở thành méo miệng, hai môi không ngậm khít lại được, ảnh hưởng đến sự cân xứng của khuôn mặt, nhưng vì vậy lại trở thành dữ tợn, uy nghiêm, ai đã thấy một lần đều không thể quên được khuôn mặt đó. Có một lần trong dinh Đốc quân, những người xung quanh bàn luận về tướng mặt, Trương nói mặt của Vương giống chữ "xá", Lý cũng nói mặt của Triệu giống chữ "xá", Lục Vinh Đình cảm thấy hứng thú liền hỏi: "Thế mặt ta giống chữ gì? Người bên cạnh liền trả lời: "Mặt ngài giống chữ mẫu". Tất cả cười râm, Lục cũng cười lớn. Nói cho đúng khuôn mặt của Lục cũng chẳng có gì "phi phạm", nhưng từ sau khi ông ta làm quan, có thấy tướng nói rằng ông ta có "quí tướng", nào là "lông mày lười kiếm, mắt hổ, miệng rộng, mắt cực sáng", nào là "mắt âm dương, lông mày như tằm nằm, miệng rộng dứt vừa nắm đấm"... Như vậy rồi bản thân Lục cũng thấy mình nhiều lần gặp nạn lớn mà không chết, sau lại được làm đốc quân, đúng là nhờ có tướng lạ.

Khi Lục Vinh Đình làm đốc quân ở Quảng Đông, trên đường phố Quảng Châu khắp nơi đều có thấy tướng, là "Ma Y tính tướng" hoặc "Toán mệnh tiên sinh". Có một lần Lục Vinh Đình ngờ rằng các thầy tướng đoán mình có tướng lạ vì họ biết mình là đốc quân nên nói nịnh, nên ông ta hoá trang thành nông dân, có hai vệ sĩ thường phục để theo ngầm bảo vệ, đi ngất ngưỡng, ra phố xem tướng. Lục là nhân vật danh tiếng lừng lẫy ở Quảng Châu, đi thân thể cao lớn, không có vỏ bọc, lại có người đi theo, thì dù có hoá

trang thành nông dân cũng không che được các thầy tướng giang hồ. Thầy tướng đó biết đối phương là một "ông bự" toan nịnh nọt một phen để được hậu thưởng nhưng không ngờ nhìn kỹ thấy Lục Vinh Đình rất quái tướng, mắt to mắt nhỏ, miệng rộng mặt vẹo thì không nhin được cười nói "Ông vốn là quan to, sao lại làm thành hình dạng này? Thật là không rủi lại tự chuốc lấy rủi". Lục Vinh Đình cũng không trách cứ gì thầy tướng, cắt hứng đi về phủ. Từ đó ở Quảng Châu lưu hành một câu vè: "Lục Vinh Đình xem tướng, không rủi chuốc lấy rủi".

Lục Vinh Đình mê tín tướng thuật chỉ là một ví dụ điển hình. Sự thực, đa số quân phiệt lúc đó đều mê tín, có người còn mang cả thầy tướng đi chinh chiến sa trường, kiêm dùng làm mưu sĩ. Thời kỳ Quốc Dân Đảng thống trị, tướng thuật vẫn lưu truyền trong tầng lớp dưới của xã hội thượng lưu, phong tục xem tướng vẫn thịnh hành.

Sau giải phóng, chính phủ kêu gọi nhân dân phá bỏ mê tín, xây dựng nhân sinh quan khoa học, đồng thời nghiêm cấm hành động mê tín kiểu phong kiến, từ đó tướng thuật suy dần, các thầy tướng cùng theo đó mất dần tầm tích. Nhưng, do trình độ văn hoá còn lạc hậu, trong nông thôn rộng lớn vẫn còn nhiều nông dân mê tín ở số mệnh, cho rằng chỉ có số mệnh mới làm thay đổi được tình cảnh của mình. Mê tín là miếng đất để tướng thuật sinh tồn, chỉ cần trong quan niệm của người ta còn hạt giống mê tín, thì gặp khí hậu thích hợp, nó sẽ lại nảy ra. Từ sau cải cách mở cửa, theo làn sóng giải phóng tư tưởng, nhưng căn bã lảng động từ lâu lại được quấy lên, biểu hiện cụ thể là một số sách tướng thuật được một số người vụ lợi ấn hành vụng trộm, với số lượng khá lớn để kiếm lợi nhiều. Ở các phố phường và các điểm thắng cảnh du lịch đôi khi thấy xuất hiện bóng dáng các thầy tướng. Tuy họ vẫn còn tránh né, nhưng

những người muốn xem tướng vẫn có thể tìm thấy họ. Một phong tục đã mất hầu như lại có cơ sở sống lại...

Một động lực khác khiến "tướng thuật tái sinh" là do ảnh hưởng của làn sóng xô vào từ Hồng Kông, Đài Loan. Trong khi tướng thuật biến mất ở đại lục thì ở Hương Cảng, Đài Loan vẫn còn phong tục xem tướng, sách tướng thuật vẫn ẩn hành rộng rãi. Sau khi cánh cửa đại lục mở rộng, phong tục xem tướng ồ ạt vào cùng với hàng hoá, vật tư nhập khẩu làm đẩy lên phong tục xem tướng ở lục địa.

Xem tướng có khả năng lại trở thành một tệ nạn xã hội. Đây quyết không phải là một lời báo động giạt gân. Nếu không tiến hành việc hướng dẫn, giáo dục nhân dân và không vạch trần chân tướng và ngăn cấm tướng thuật, thì tướng thuật lại có thể lan tràn, trở lại quang cảnh lịch sử cũ. Nếu quả thật như vậy, thì thành quả xây dựng từ tưởng mấy chục năm nay sẽ tiêu ma trong phút chốc.

Có người có thể nêu câu hỏi: Nếu nói rằng tướng thuật là sản vật của một trình độ kinh tế, trình độ nhận thức thấp kém thì tại sao ở những nơi có kinh tế phát triển cao, nhân dân được học tập nhiều, khoa học kỹ thuật tiến nhanh vùn vụt như Hương Cảng, Đài Loan, Nhật Bản, mà vẫn có miếng đất cho tướng thuật phát triển? Tại sao ở môi trường hiện đại hoá như vậy, tướng thuật lại không bị thiếu dưỡng khí mà chết? Đây là một vấn đề mới đối với chúng ta khi nghiên cứu tướng thuật.

Chúng tôi đã từng nói, mê tín là miếng đất sinh tồn của tướng thuật, hễ nơi nào còn tồn tại mê tín thì nơi đó sẽ có dưỡng khí cho tướng thuật sinh tồn. Những quốc gia và khu vực như Hương Cảng, Đài Loan, Nhật Bản tuy có trình độ kinh tế tương đối cao, có khoa học phát triển, nhưng gốc rễ mê tín ẩn náu trong tầng sâu tâm lý

dân tộc vẫn chưa bao giờ mất, có điều chỉ biểu hiện ra khác nhau trong mỗi thời kỳ, mỗi trường hợp khác nhau mà thôi. Đặc biệt là trong tầng lớp tương đối nghèo khổ, mê tín vẫn dai dẳng bám theo người ta từng ngày. Kinh tế phát đạt, tất sẽ đưa đến đời sống vật chất phong phú, nhưng chúng đem lại loại chứng bệnh của nền văn minh hiện đại, tức cảm giác trống rỗng trong tâm hồn, cảm giác mất mát. Những cảm giác đó có thể dẫn tới sự nảy sinh tư tưởng mê tín.

Một mặt khác, cùng với sự biến đổi và phát triển của xã hội, trong đời sống hàng ngày, sự giao tiếp của người ta càng rộng, quan hệ giữa người và người càng phức tạp, sự phát triển và thành công của sự nghiệp cá nhân, quan hệ hôn nhân càng bị nhiều nhân tố chi phối. Sự phát triển xã hội cũng mang lại nhiều nhân tố bất an, môi trường ô nhiễm, tai nạn giao thông, các loại bệnh tật nảy sinh. Nếu kinh tế suy thoái, sẽ có nhiều người thất nghiệp, phá sản. Tất cả những điều đó, khiến cho con người hiện đại, ngoài việc có đời sống vật chất đầy đủ, còn luôn luôn lo lắng vì cảm giác mất an toàn. Hàng ngày, nếu chỉ thiếu thận trọng một chút là có thể mất cơ nghiệp, nguy hiểm đến tính mạng. Khi cuộc sống đã không có cảm giác an toàn, luôn thấp thỏm lo toan, hoặc do nền văn minh vật chất hiện đại làm nảy sinh sự trống rỗng về tinh thần, thì sẽ xuất hiện tâm lý gửi gắm hy vọng hoặc thất vọng trước số mệnh. Lúc đó, biện pháp tốt nhất là xin thầy tướng đoán cho để rồi sau đó sẽ tránh rủi ro may, có cuộc sống yên tâm hơn.

Lấy ví dụ như Đài Loan. Tuy về kinh tế Đài Loan có sự phát triển vượt bậc, đời sống nhân dân tương đối cao, nhưng sự phát triển xã hội cũng kéo theo nhiều vấn đề, lại thêm tàn dư mê tín phong kiến, tín quỷ thần, tập tục xem tướng số lưu hành rộng khắp toàn đảo, trong khắp các tầng lớp nhân dân. Theo Trung ương Nhật

báo Đài Loan ngày 6.9.1991, "Một vài năm gần đây, giới tôn giáo ở Đài Loan có xu thế phục hưng mạnh mẽ, nơi thờ cúng tăng nhanh đến chóng mặt, số người xuất gia cũng tăng cao chưa từng có". "Nói thực, phong tục bói toán đã thâm nhập mọi tầng lớp, mọi chương trình học tập! Anh có thể thấy trên sân khấu, thầy trò khoa vũ đạo sát vai cùng biểu diễn với các đồng nam ở các đền chùa, các giáo sư đại học đến dâng hương ở Long Sơn tự để cầu cho nền dân chủ, khi trời hạn lâu, các quan chức chen chúc trong các đền miếu từ nam đến bắc để cầu mưa, còn có cả những quan chức quan trọng đem biển ngạch đề trên tượng gỗ để đi làm công tác ngoại giao".

Mê tín tôn giáo còn nhộn nhịp như thế, nên tướng thuật và mệnh học dựa vào tướng mạo và tám chữ để đoán số mệnh luôn được coi là "chân thực đáng tin", "có lý lẽ và chứng cứ" ... càng được lưu hành rộng rãi. Điều thú vị là không những chỉ các nhân vật nhỏ ở ngõ xóm, chợ búa có phong trào luận bàn số mệnh, mà ngay cả một số nhân vật lớn có tiếng tăm cũng rất tin mệnh thuật, coi việc nói chuyện về mệnh thuật là chuyện cao nhã.

Theo Trung Quốc thời báo ngày 2.3.1991 ở Đài Loan, Lôi Bình Chương bí thư của Tổng thống Lý Đăng Huy, sau khi về hưu liền làm ông thầy đoán số! Lôi Bình Chương năm nay gần 70 tuổi theo Lý Đăng Huy gần 40 năm từ Sở Nông Lâm, Hội Nông Phục, Viện Hành chính Đài Loan, chính phủ Đài Bắc rồi đến Phủ Tổng thống Đài Loan, luôn luôn là mưu sĩ không thể thiếu bên cạnh Lý Đăng Huy, là quan chức hành chính được Lý Đăng Huy nể trọng. Sau khi về hưu, Lôi nhàn rồi không có việc gì liền đoán số cho người khác bằng phương thức gửi thư. Những đồng sự cũ của ông ta nghe tin đó đều kinh ngạc. Lôi cười xoa nói: "Nhà Phật coi trọng việc thi xā (bố thí) gọi là thi xā tức là dùng trí tuệ để giúp đỡ người khác. Tôi đoán mệnh cho người, xưa nay không quan tâm đến việc

người ta có trả tiền không". Vị quan dưới quyền hàng đầu của Tổng thống sao lại mê đoán mệnh đến thế?

Ngày 15.10.1956, khi nhận chức ở Sở Nông Lâm Đài Loan, Lôi Bình Chương được phái đến công tác ở Vân Lâm, khi trở về lỡ mất chuyến xe khách, đành đi loanh quanh trên đường phố Bắc Cảng, bỗng thấy xa xa có một hiệu sách nhỏ, liền thuận chân đi tới. Ở hiệu sách xoàng xĩnh chốn nông thôn này, Lôi Bình Chương mua được cuốn "Uyên Hải Tử Bình" chuyên nói về cách đoán số 8 chữ. Sau khi mua sách, ông ta bỏ ra bốn năm năm, cuối cùng nắm vững lý luận và cách vận dụng điều nói trong sách, rồi bắt đầu dùng các đồng sự trong Sở Nông Lâm làm đối tượng "thực tập", thử đoán số cho họ.

Có một lần Lôi Bình Chương đoán mệnh cho Tổng thống Lý Đăng Huy, ông ta nói quả quyết: "Tuổi trung niên tốt hơn tuổi thanh niên, tuổi văn niên lại càng tốt hơn tuổi trung niên". Vì lúc đó hai người có cả quan hệ việc công lẫn quan hệ cá nhân, nên họ lấy việc đoán mệnh làm thứ tiêu khiển ngoài giờ làm việc, chứ không thật coi là chuyện nghiêm túc. Nhưng, qua đó, ta cũng có thể thấy bản thân Lý Đăng Huy cũng là người có hứng thú với việc đoán mệnh.

Thái độ của Lôi Bình Chương trong cuộc sống không hề tỏ vẻ cố tình huyền bí: Ngược lại, 38 năm nay ông ta lặng lẽ dùi mài. Thời kỳ Lý Đăng Huy làm thị trưởng Đài Bắc, ông ta làm tham sự toà thị sảnh, khi Lý Đăng Huy làm chủ tịch tỉnh Đài Bắc, ông ra làm cố vấn trong tỉnh phủ, khi Lý Đăng Huy trúng cử phó tổng thống, Lôi Bình Chương trở thành cố vấn duy nhất trong văn phòng phó tổng thống cho đến ngày gần đây về hưu, Lôi Bình Chương trước sau đều giữ thái độ làm việc nghiêm túc, không đến muộn,

không về sớm. Trong 6 năm 8 tháng 10 ngày phục vụ trong tổng thống phủ ông ta không xin nghỉ phép lần nào.

Từ khi Lôi Bình Chương bắt đầu nhận đoán mệnh qua đường bưu điện, ông ta đã nhận được gần 2000 bức thư nhờ đoán mệnh. Những người viết thư gồm đủ dân buôn, lính tráng, có cả những người giàu sang phú quý, thậm chí có cả giáo sư, tiến sĩ. Cầm bó thư to lớn trên tay, ông ta tươi cười nói: "Thế là đủ để tôi bận rộn hai, ba năm!".

Những người nắm được mệnh lý và đoán mệnh không chú ý đến thù lao như Lôi Bình Chương tất nhiên không nhiều. Tuyệt đại đa số "toán mệnh tiên sinh" đều nhằm mục đích kiếm cơm, tiền công càng nhiều càng tốt, còn có tinh thông mệnh lý hay không chỉ là chuyện thứ yếu. Tướng thuật là môn cũng thịnh hành như toán mệnh, vì xem tướng không phức tạp khó hiểu như phép đoán mệnh 8 chữ nên càng dễ phổ cập. Theo thống kê, hiện nay số thầy tướng chuyên nghiệp ở Đài Loan có tới 3000 người. Theo trình độ chuyên môn, có thể chia làm hai loại: Một loại tiếp tục đi theo hướng lý luận tướng thuật cũ không xa rời chút nào nên tự mệnh danh là "truyền thống", "chính tông", các thầy tướng phần nhiều xuất hiện với tư cách học giả nghiên cứu. Loại khác thì trên cơ sở lý luận truyền thống, có bổ sung bằng khoa học phương Tây như: phân tích tâm lý, tương lai học, điện toán hoá... cùng với nội dung bình phán theo quan niệm giá trị phương Tây. Với khẩu hiệu "Khoa học" "Chính xác"; các thầy tướng thuộc phái này đều tự xưng là học rộng cả đông tây, có những người là nhà tâm lý học hoặc bác sĩ, bác sĩ, giáo sư y học thực thụ. Người ta xem tướng là nhằm mục đích tìm hiểu về 4 mặt: tiền tài, hôn nhân, công danh, thi cử. Thí dụ về đường công danh: Phong khí của những người làm quan hiện nay ở Đài Loan tất nhiên không thể coi như thời Đường Tống, cũng khác

với thời Quốc Dân Đảng cầm quyền ở đại lục, mà có những đặc sắc mới. Như trong Đảng Dân Tiến, có một lần bầu bí thư trưởng, phái Mỹ Lệ đảo và phái Tân Trào lưu mỗi phái để cử một người, hai bên tranh chấp không thoả thuận được, cuối cùng liền mời một đại tướng sư xem tướng cho hai người để chọn người có tướng mạo lạ và số mệnh tốt làm người trúng cử, đồng thời mời luật sư đến làm công chứng. Sự kiện này có thể coi là cuộc hôn nhân hiện đại giữa tướng thuật và chính trị!

Bước vào thế kỷ hai mươi, số phận của tướng thuật trắc trở, nổi chìm bất định, việc nghiên cứu về tướng thuật hầu như trong trạng thái đình trệ. Còn những tác phẩm dùng nhãn quan khoa học để đánh giá tướng thuật thì vô cùng hiếm hoi. Theo tác giả sách này được biết, những trước tác nghiên cứu tướng thuật thì về mặt lý luận chỉ có mấy cuốn: "Dự đoán về sinh mệnh ở Trung Quốc- Tướng và số mệnh" của Thượng Quan Vân, "Phương thuật dân gian thời cổ ở Trung Quốc" của Trương Vinh Hoa, "Thiên cơ được tiết lộ - tướng thuật về mệnh học Trung Quốc" của Trương Minh Hỉ (Trung Hoa thư cục Hương Cảng). Trong số đó, cuốn "Thiên cơ được tiết lộ - tướng thuật và mệnh học Trung Quốc" của tiên sinh Trương Minh Hỉ là đáng được lưu ý nhất. Sách này mở đầu bằng truyền thống triết học, văn hoá Trung Quốc, trình bày lịch sử của tướng thuật, nội dung chủ yếu của tướng thuật, ảnh hưởng của tướng thuật với văn hoá truyền thống Trung Quốc, với việc tạo thành tâm thái văn hoá của dân tộc. Sách đã trích dẫn rộng rãi, phân tích xác đáng, đặc biệt là đã khéo vận dụng tư duy và thành quả mới trong khoa học hiện đại, nhằm thông qua mối quan hệ tương hỗ giữa triết học, luân lý, tôn giáo khoa học, văn hoá để giải thích cơ sở xã hội mà sự tồn tại và phát triển tướng thuật với tính cách là một hiện tượng văn hoá. Về phương pháp và điểm nhìn là mới mẻ, về kết luận cũng rất đáng

tin cậy, có thể nói, cuốn sách này là cuốn phong phú nhất có giá trị học thuật cao nhất về nghiên cứu tướng thuật từ đầu thế kỷ 20 đến nay.

Việc nghiên cứu tướng thuật tuy ở trạng thái đình trệ, lý luận tướng thuật không có sự phát triển mới, nhưng do nhu cầu xem tướng, nên sách tướng thuật thời kỳ này được in ấn không ít. Những sách tướng thuật tiêu biểu như Ma Y tướng pháp, Liễu Trang tướng pháp, Thần tướng toàn biên, Thần tướng kim giao tiền, Thần tướng thiết quan đao, Thần tướng hành chân... được đọc rộng rãi từ cuối thời Minh đến đầu thời Dân Quốc, các phường in cho ra đời với số lượng nhiều không thể kể xiết. Ở Hương Cảng và Đài Loan hiện nay, ngoài việc tiếp tục xuất bản những sách xem tướng trên, còn trích biểu, tóm tắt một cách phổ thông, dễ hiểu để đáp ứng nhu cầu của người đọc hiện đại muốn tiết kiệm thời gian và sức lực. Như cuốn Diện tướng đại toàn của Bạch Vân Sơn Nhân do Đông Hưng xuất bản xã ở Đài Loan xuất bản, là thuộc loại này. Qua lời tựa của cuốn sách, có thể thấy đặc trưng của tướng thuật ngày nay và dụng ý của người biên soạn:

"... Thế thì làm thế nào để biết được bản thân vào lúc nào sẽ bị tụt từ cao trào xuống dề trào hoặc vươn từ dề trào lên cao trào? Đó là, nhờ tương lai học. Xem tướng mặt và xem tướng tay đều là kết tinh sự tích lũy thống kê kinh nghiệm của tiền nhân. Chúng ta có thể vận dụng những qui tắc đó để tìm hiểu cá tính của bản thân hoặc người khác, dự đoán xu thế diễn biến tương lai. Điều đó giống như việc đài khí tượng dự báo thời tiết, tuy không thể chính xác trăm phần trăm, nhưng còn tốt hơn một anh mù cưỡi ngựa lao bừa xông bừa rất nhiều. Cũng theo lý lẽ đó, trên khuôn mặt của một người, ta có thể thấy được cảnh ngộ tốt xấu và xu thế phát triển của số mệnh. Vì vậy, chúng tôi đặt tên sách này là "Nhìn thấy được số

mệnh" (Lần xuất bản đầu, cuốn sách có tên như thế -T.G) để các bạn đọc và học tập một cách hứng thú, cũng đạt được kết quả "hiểu biết không cần thầy dạy".

Bạch Vân Sơn Nhân coi tướng thuật là tương lai học, rõ ràng là đã đem một số nguyên lý của tương lai học pha trộn vào tướng thuật. Điều đó không những chỉ là để lôi cuốn khách xem tướng, mà còn tỏ rõ con đường phát triển quanh co của tướng thuật hiện đại. Những trước tác thuộc loại đó còn có "Giản dị thư tướng học" do Hứa Tiên biên soạn (Nhà xuất bản Trường Giang, Hương Cảng), "Chí ban mệnh tướng đại toàn" (Xem tướng số qua nốt ruồi) do Thứ Lang Nhân Nhân biên soạn (Nhà xuất bản Quảng Nam thư cục, Hương Cảng).

Một đặc điểm nổi bật của tướng thuật hiện đại là việc dịch và giới thiệu một số sách dạy xem tướng của nước ngoài cho đông đảo độc giả. Kỳ thực có thể nói tướng thuật là sản phẩm của Trung Quốc. Về sau, do giao lưu văn hoá rộng rãi nên tướng thuật mới lưu truyền ra nước ngoài và hấp thụ thêm những yếu tố văn hoá của nước ngoài, có được sự phát triển mới. Những sách xem tướng loại này được dịch và giới thiệu trở lại thường đem đến cho những người vốn chìm đắm trong tướng thuật truyền thống cảm giác được mở rộng tầm mắt. Như những cuốn "Sức khoẻ và tướng tay", "Phép xem tướng người" của tướng sư nổi tiếng Nhật Bản là Môn Hiệp Thượng Bình biên soạn, Tạ Triệu Lâm và Tăng Trĩ dịch, do hai Nhà xuất bản Ngũ Châu và Hoàn Sinh ở Hương Cảng xuất bản. (Cuốn "Phép xem tướng người (Nhân tướng học) còn lấy tên là "Thuật quan sát người" (Quan nhân thuật); cuốn "Từ tướng mặt phán đoán tính cách" của tác giả Pháp Bao Di (Hong Phí Chiến dịch, Nhà xuất bản giáo dục Quảng Tây), cuốn "Tướng tay và đời người" do Tiên Cư Sơn Nhân biên dịch "nhà xuất bản Môi trường, Trung Quốc) đều

thuộc loại đó. Giữa tướng thuật truyền thống Trung Quốc với tướng thuật nước ngoài đã có sự khác nhau rõ rệt về các mặt nội dung, phương pháp, mục đích. Về điểm này, chúng tôi dành để phần sau sẽ nói.

Từ sau khi nước ta cải cách và mở cửa, do tướng thuật lại nổi lên nên sách tướng thuật cũng được ấn hành, nhưng chủ yếu là in lậu thường thấy ở các quây sách địa phương. Chúng đều là ấn phẩm bất hợp pháp, bị Chính phủ cấm lưu hành. Loại sách này vì là in lậu nên có nhiều lầm lỗi khó đọc. Nhưng vì do hiếu kỳ nên vẫn có người tìm mua của lái sách. Theo một người buôn sách quen biết với tác giả cho biết, thì loại sách này bán khá chạy. Từ việc sách tướng thuật bán chạy, ta đại khái có thể thấy một tâm thái văn hoá.

3

CÁC NHÂN VẬT TƯỚNG THUẬT

Tướng thuật đã có một lịch sử rất dài, trong một thời gian khá dài được coi là một môn học nổi tiếng. Những người đã đưa tướng thuật tới chỗ thành thực, tới chỗ cuồng nhiệt là rất nhiều, rất nhiều phần tử trí thức được gọi là "tướng sư" "tướng sĩ". Nhưng trước đời Tần Hán, chưa có đội ngũ thầy tướng chuyên nghiệp. Ban đầu người giỏi xem tướng thường là một thành viên trong nội bộ giai cấp thống trị hoặc một trí thức cao cấp có quan hệ giao du với tầng lớp trên. Như nhà tướng thuật Thúc Phục thời Xuân Thu từng làm Nội sử nhà Chu. Những người giỏi xem tướng thời đó được coi là có tài năng đặc biệt được tầng lớp quý tộc hết sức tôn trọng và mục đích xem tướng của họ, ngoài việc để trở tai và coi đó là một thú cao nhã, còn không đòi hỏi "một sự thù lao nào". Thời Chiến Quốc, khi tướng thuật gia Đường Cự xem tướng cho quý tộc Thái Trạch, Thái Trạch không hề trả tiền, chỉ "cười, cảm ơn rồi đi". Đường Cự cũng không lấy đó làm điều phải suy nghĩ, đúng là một việc cao thượng diễn ra trong khi trò chuyện mà thôi. Thời Xuân Thu -Chiến Quốc, người ta ưa chuộng những người thông minh ăn nói giỏi,

thuật ăn nói trở thành tập tục một thời, kẻ sĩ đều ganh đua nhau, để được vua quan sủng ái. Việc xem tướng thời đó không thể không chịu ảnh hưởng của tục đó. Từ thời Hán về sau, việc xem tướng trở thành chuyên nghiệp, các nơi treo biển xem tướng đã xuất hiện ở các đô thị. Một số phân tử trí thức tinh thông tướng thuật hoặc những người gặp việc bất như ý ở quan trường, hoặc cầu quan không được, đều xoay ra làm "tướng sư" chuyên nghiệp.

Trong các nhân vật tướng thuật, đáng chú ý nhất là các "tướng sư", đặc biệt là những "tướng sư" nổi tiếng. Họ đã có những cống hiến lớn cho tướng thuật. Tướng thuật là sự chuyển hoá từ môn xem tướng gia súc. Nó đi vào những tư tưởng của Đạo gia, Nho gia, Âm dương ngũ hành, bát quái, dịch số rồi diễn tiến thành môn "thuật học" rất nghiêm cẩn, phức tạp, biến hoá tinh thâm, chứa đựng tâm huyết của biết bao tướng sư. Nếu chúng ta không chỉ coi tướng thuật là một loại mê tín, mà coi nó là sự biến chủng của văn hoá truyền thống Trung Quốc, đóng góp vào sự phong phú của văn hoá tinh thần Trung Quốc thì chúng ta không nên quên những người đã khám phá và vận dụng tướng thuật. Từ một góc độ khác mà xét, các tướng sư là những người có tri thức và bản lĩnh xuất sắc phân hoá từ đội ngũ trí thức được đào luyện theo cách "học giỏi để ra làm quan". Các loại sử sách thường liệt các tướng sư vào loại "phương kỹ", rõ ràng coi họ là những người thuộc dạng kỹ thuật. Tôi cho rằng xem trong lịch sử nhân tài Trung Quốc, phạm những người được liệt vào loại "phương kỹ" đều đáng để chúng ta viết về họ. Về các tướng sư, để có thể dự đoán được một cách tương đối chính xác sự sang hèn, hoạ phúc trong số mệnh của một cá nhân, họ cần phải nắm vững mối liên hệ nội tại giữa qui luật sinh mạng với sự thể hiện ở hình thể. Muốn vậy, họ phải thành thực lý luận trung y và có kinh nghiệm thực tiễn nhất định. Ngoài ra còn cần nghiên cứu thấu

triệt toàn bộ các nhân tố cấu thành sự biến đổi xã hội trên các mặt chính trị, kinh tế, tình đời, việc đời cùng với rất nhiều nhân tố khó dự đoán, như "điều lành điều dữ" trên cõi đời; cần phải phân biệt làm rõ "dòng dõi đức độ", "tâm thuật thiện ác" của khách xem tướng, những mặt đó là những nhân tố căn bản ẩn dấu, biến hoá khôn dò nhưng lại có quy luật, chi phối xu thế phát triển của số mệnh cá nhân. Để làm được những điều đó, các tướng sư thời cổ đại cần có lý luận triết học cao sâu, sự tu dưỡng tư duy lô gích nghiêm ngặt, sự từng trải xã hội phong phú, năng lực xã hội to lớn cùng với tài năng biểu đạt giỏi giang bằng lời lẽ hùng biện và trình bày trên văn bản. Như vậy, tướng sư là loại hình nhân vật đa tài, nói theo ngôn ngữ hiện đại, họ vừa phải là nhà mỹ học, nhà trung y học, cần có trí tuệ và năng lực tổng hợp của nhà triết học nhà lô gíc học, nhà hoạt động xã hội, nhà hùng biện. Một số tướng sư đã chiếm vị trí nổi bật quan trọng trong tầng lớp thống trị, và biểu hiện phong độ của chính trị gia. Tóm lại, tướng sư là loại nhân tài đặc biệt trong lịch sử Trung Quốc, họ đã từng chiếm địa vị đặc biệt của loại "phương kỹ". Sự xuất thân của các tướng sư, việc đãi ngộ chính trị, đãi ngộ về sinh hoạt và bản lĩnh tướng thuật của họ đều là những vấn đề chúng ta cần quan tâm khi nghiên cứu.

Sau khi xem tướng trở thành phong tục, những người ham mê tướng thuật, say sưa đàm luận tướng thuật, có cả đế vương khanh tướng thuộc tầng lớp thống trị cao nhất, có cả quan lại quyền quý các cấp, có cả trí thức nho sinh thuộc hàng cự phách, cũng có nhiều tầng lớp bình dân, dân buôn, thợ thuyền, nông phu, ngư tiều, nhưng thành viên thuộc giai cấp thống trị phong kiến vẫn chiếm số đông. Nhưng, những người nói chung ham mê xem tướng, ngoài việc để lại cho hậu thế một vài giai thoại, còn không có cống hiến gì có giá trị với tướng thuật. Còn những nhà nho cự phách, ngoài việc tin ở

tướng thuật, còn có những phân tích tinh tế về tướng thuật nữa, rất đáng để cho người nghiên cứu tướng thuật chú ý. Đối với loại nhân vật này, chúng tôi cũng trích yếu một số để bình luận.

1. CÁC ĐẠI TƯỚNG SƯ

Cô Bố Tử Khanh. Thời Kỳ Xuân Thu - Chiến Quốc, rất nhiều người biết xem tướng, như Thúc Phục xem tướng cho con Công Tôn Ngao, Mã Thượng xem tướng cho Thương Thần, Sư Khoáng xem tướng cho thái tử Tấn v. v... nhưng nổi tiếng nhất là Cô Bố Tử Khanh. Do thiếu sử liệu nên không khảo cứu được về sự tích trong cuộc đời Cô Bố Tử Khanh chỉ còn một câu chuyện về việc ông ta xem tướng được ghi lại trong "Sử Ký - Việt thế gia":

"Năm Tấn Định công thứ 12 (500 năm TCN), Cô Bố Tử Khanh gặp Triệu Giản Tử. Giản Tử gọi các con lại để nhờ xem tướng, sau khi xem cho tất cả, Tử Khanh nói: "Mấy người con của ngài không ai có thể làm tướng được". Giản Tử lo lắng nói: "Chẳng lẽ nhà họ Triệu chúng tôi lại suy bại sao?". Tử Khanh nói "Vừa rồi, trên đường, tôi gặp một người trẻ tuổi có phải là con của ngài không? Giản Tử liền gọi Vô Tuất ra, Tử Khanh vừa trông thấy Vô Tuất liền đứng dậy nói: "Đây mới thật là vị tướng quân chân chính". Giản Tử lúng túng nói: "Mẹ nó địa vị thấp hèn, nó là con một nô tỳ của tôi sao có thể hiển quý được?" Tử Khanh nói: "Đó là ý trời. Thấp hèn cũng chẳng sao. Nhất định sau này sẽ hiển quý".

Qua câu chuyện trên, ta có thể thấy tướng thuật của Tử Khanh có đặc trưng thời đại. Phần trên chúng tôi đã nói, thời Xuân Thu - Chiến Quốc đã phá bỏ chế độ tông pháp kế thừa theo huyết thống. Hiện tượng thứ dân làm quan, khanh tướng xuất thân áo vải rất phổ biến. Vô Tuất, con Giản Tử "tuy hèn hạ nhưng tất sẽ giàu sang",

ngoài hình thể của anh ta mà Tử Khanh xem tướng đã phát hiện, còn là phản ánh của một hiện tượng xã hội nữa.

Cô Bố Tử Khanh là thủy tổ của phái tướng thuật chủ trương "có tướng mao lạ là thánh nhân". Truyền thuyết nói ông ta đã xem tướng cho Khổng Tử, nói Khổng Tử có bộ mặt đặc trưng của bốn vị thánh nhân: mặt giống vua Nghiêu, mắt đỏ giống vua Thuấn, cổ và gáy giống vua Vũ, miệng như miệng chim giống như Cao Dao. Tính chân thực của truyền thuyết trên thật đáng ngờ, có thể là do người đời sau tôn sùng Cô Bố Tử Khanh bịa đặt ra, vì ngay Cô Bố Tử Khanh cũng chỉ biết tướng mao của bốn thánh nhân kia qua truyền thuyết, rồi lại từ truyền thuyết mà so sánh với tướng mao Khổng Tử? Có điều, tướng mao của Khổng Phu tử của chúng ta không đẹp để gì lắm đó là điều có thể tin được.

Do Cô Bố Tử Khanh rất tinh thông tướng thuật, có ảnh hưởng rất lớn. Các thầy tướng đời sau tôn ông là thủy tổ của môn xem tướng người, nên thuật xem tướng người cũng được gọi là thuật Cô Bố Tử Khanh.

Đường Cử: Tướng thuật gia thời Chiến Quốc, người nước Lương (nay là Khai Phong - Hà Nam), "Sử ký - Thái Trách liệt truyện" ghi chép: Đường Cử từng xem tướng cho Lý Đới, đoán trước: "Trong 100 ngày sẽ nắm quyền chính trong nước". Lại nói với Thái Trách: "Tiên sinh mũi hếch, vai lồi, mắt to, sống mũi tẹt, đầu gối cong. Tôi nghe nói thánh nhân không thể lấy tướng mao mà nói được, tiên sinh là người như thế chăng?", "Tuổi thọ của tiên sinh, từ nay trở đi, còn 43 năm nữa". Sử liệu về Đường Cử không nhiều, nhưng theo ngôn luận của ông ta, thì là điển hình của phái tôn thờ thuyết "Thánh nhân dị tướng".

Hứa Phụ trong các nhà tướng thuật nổi tiếng, hầu như toàn là nam giới, chỉ có nhà tướng thuật nổi tiếng thời Hán, là nữ giới, đó là *Hứa Phụ*. Bà cũng như những người đàn ông khác, nổi tiếng lòng lẫy trong lịch sử tướng thuật, về cả lý luận và thực tiễn đều có cống hiến quan trọng với tướng thuật.

Hứa Phụ là người đất Ôn thuộc Hà Nội (nay là huyện Ôn, Hà Nam). Vì sử sách không dành riêng ghi chép về bà, nên ta không tìm hiểu được toàn diện về ngày sinh ngày mất và sự tích cuộc đời bà, chỉ thấy được một vài dấu vết trong *Sử ký* và *Hán thư*.

Chuyện xem tướng của *Hứa Phụ*, điều được người ta ca ngợi nhất là phán đoán về "miệng có nếp nhăn", "nếp nhăn chạy vào miệng". Theo ghi chép, sau khi bà xem tướng cho *Đặng Thông*, sủng thần của *Hán Văn Đế*, chỉ ra là *Đặng* có nếp nhăn chạy vào miệng, sẽ chết đói". Về sau, dù *Văn Đế* có cấp cho *Đặng Thông* cả núi đồng (núi có mỏ đồng -ND) và ưu đãi mọi bề, nhưng cuối cùng *Đặng Thông* vẫn chết đói. *Hứa Phụ* còn xem tướng cho *Chu Á Phu*, cũng đề xuất ý kiến như thế. "*Sử ký* - *Giáng hầu Chu Bột thế gia*", có ghi chép:

"... Khi *Á Phu* chưa làm tước hầu, mà đang làm Hà Nội Sử, *Hứa Phụ* xem tướng cho, nói: "Ba năm sau nữa, ngài sẽ là hầu tước, làm hầu tước tám năm thì làm tể tướng, nắm chính quyền cả nước rất cao sang, các nhân thần không có ai được như thế. Sau 9 năm nữa, ngài sẽ bị chết đói". *Á Phu* cười nói: "Anh tôi đã tập tước hầu của cha tôi, nếu anh tôi mất, thì con anh tôi sẽ nối tước hầu của cha. *Á Phu* này sao mà làm hầu tước được? Mà đã cao sang như bà nói, thì làm sao lại có thể chết đói? Bà hãy nói cho tôi nghe lý lẽ". *Hứa Phụ* chỉ vào miệng ông, nói: "Có nếp nhăn chạy vào miệng. Đó là tướng chết đói".

Theo lý luận của tướng thuật trên miệng có nếp nhăn, thì phải quan sát kỹ lưỡng, nếu có nếp nhăn chạy vào miệng, thì đó là triệu chứng chết đói, dù rằng hiện nay cao sang hiển hách thế nào cũng không thoát khỏi số chết đói.

"Ma Y tướng pháp" nói: "Nếp nhăn trên môi cần được quan sát kỹ, Nếp nhăn nhẹ màu xanh là tướng chết đói. "Thần tướng thiết quan đao -Tướng khẩu bí quyết" nói: "Nếp nhăn nhiều và có sắc nhuận màu đỏ son là vượng cách của thủy, giàu sang phúc thọ sẽ tới", "nhiều nếp nhăn thì con cháu thịnh vượng, nếp nhăn quá mượt lại rộng, phía ngoài vành môi nếp nhăn chỉ chút thì nghèo và dễ phạm vào hình phạt", "nếp nhăn chạy vào trong, phòng đói khát". Nếp nhăn rất nhiều loại, chủ có loại "nếp nhăn chạy dọc", "nếp nhăn mờ", "nếp nhăn chạy vào miệng" là điều đói khát. Thực tiễn của Hứa Phụ đã đặt cơ sở cho lý luận đó.

Trong xã hội phong kiến, phụ nữ thường chỉ được đọc sách trong khuê phòng, hoặc theo đòi nữ công. Những người như Hứa Phụ rất ít thấy, bởi vì nếu đã xem tướng, đặc biệt là trở thành một tướng sư nổi tiếng thì nhất định phải xuất đầu lộ diện thường xuyên, đi nhiều, rèn luyện khả năng quan sát tinh nhạy, tài ăn nói giỏi giang. Đó là điều không dễ dàng đối với một phụ nữ thời đó. Từ việc Hứa Phụ có thể thường xuyên ra vào các nhà quyền quý, ta có thể khẳng định hai điểm: một là Hứa Phụ không phải là một phụ nữ bình thường, mà có mối quan hệ nào đó với tầng lớp trên, cũng có khả năng bà thuộc tầng lớp giữa hoặc dưới, nhưng sau là một nữ quan, sinh hoạt trong tầng lớp trên. Hai là tướng thuật của Hứa Phụ rõ ràng chiếm hàng đầu lúc đó, ai cũng thần phục, nếu không thì làm sao có thể giao du với tầng lớp trên, càng không thể chỉ vào sủng thần của nhà vua mà nói "Nếp nhăn chạy vào miệng, sẽ chết đói", được.

Ngoài thực tiễn xem tướng, Hứa Phụ còn tổng kết qui luật tướng thuật. Cuốn "Tướng thư" trong Đôn Hoàng di thư là cuốn sách xem tướng cổ nhất hiện còn, theo khảo chứng là do 12 người, trong đó có Hứa Phụ viết ra.

"Tục tu Tứ khố toàn thư đề yếu "có nói":

"Đôn Hoàng vốn có quyển 3 của cuốn sách còn lại đó. Quyển Giáp có phần tự tư, phần 2: thân thể và tướng mạo, đến phần 30: vân tay, chân. Quyển Ất bắt đầu từ phần 18: đầu và trán, cũng đến phần 30: vân tay, chân. Quyển Bính bắt đầu từ phần 3: ngũ quan, đến phần 35: xem khí sắc trên mặt. Sau lời thuật có thêm một hàng: các phần từ thân thể đến mặt có 36 phần. Như vậy toàn cuốn sách có 36 tiết. Gộp những phần tàn khuyết của ba cuốn trên thì từ phần 1 đến phần 36 là toàn cuốn sách. Như các phần: tướng lông mày, tướng mũi, tướng tai, tướng miệng, tướng vân trán, tướng vân tay, tướng vân bàn chân... là những phần quan trọng nhất của tướng gia. Những phần tướng vân trán, tướng vân bàn tay, tướng vân bàn chân được phân tích tường tận nhất. Cuốn sách được lưu hành rất rộng ở thời đó nên còn nhiều bản truyền lại và các câu chữ cũng có sai khác nhau đôi chút".

Do đó thấy rằng, bộ "tướng thư" trên của Hứa Phụ và những người khác có hai đặc điểm nổi bật: Một là: Tương đối đầy đủ các bộ phận, các phần: lông mày, mũi, tai miệng, trán, vân tay, vân chân "là những phần quan trọng nhất của tướng gia". Từ điểm này có thể thấy phạm vi và kết cấu cơ bản của tướng thuật đã cơ bản hình thành qua thực tiễn của các tướng gia đời Hán như Hứa Phụ. Thuật xem tướng và sách tướng sau này đều trên cơ sở những nội dung đó mà phát triển chút ít mà thôi. Hai là "cuốn sách này được

lưu hành rất rộng ở thời đó". Điều này tỏ rõ Hứa Phụ đúng là một danh gia về tướng thuật thời đó.

Ngoài ra theo ghi chép trong "Hoài Khánh phủ chí", Hứa Phụ còn viết những tác phẩm "Đức khí ca", "Ngũ cung tạp luận", "Thính Thanh tướng hình", Sách "Thông chí - Nghệ văn lục" của Trịnh Tiều còn chép "Hứa Phụ tướng thư" ba quyển, "Hứa Phụ Kim ca" một quyển. Những trước tác đó phần nhiều đã thất tán, không còn được thấy nữa. Nhưng, xét từ tên sách, việc nghiên cứu tướng thuật của Hứa Phụ đã đạt tới trình độ khá sâu, ngoài những kiến giải về cách xem tướng các bộ phận trên cơ thể nói chung, còn chú ý tới mối quan hệ giữa "đức khí" với tướng mạo, điều đó đã đi vào cốt tuỷ của tướng thuật. Qua tiếng nói của một con người để phân rõ đặc điểm tướng mạo, tính cách và số mệnh, cũng là một nội dung quan trọng của tướng thuật. Nhưng chỉ những tướng thuật gia có tài nghệ cao siêu mới làm được điều đó. Như vậy tỏ rằng Hứa Phụ đích xác là một nữ tướng thuật đại sư không thể xem thường.

Theo ghi chép trong "Sử ký - Ngoại thích thế gia", Hứa Phụ từng xem tướng cho Bạc Cơ, nói sẽ sinh thiên tử. Sau quả đúng như vậy. Cao Tổ phong bà làm Minh Trĩ Đình hầu.

Chu Kiến Bình Tướng sư thời Tam Quốc. Người đất Bái (nay thuộc Giang Tô) nước Ngụy. Giỏi xem tướng ngựa và nổi tiếng về xem tướng người.

Theo "Tam Quốc chí - Phương kỹ truyện", có một lần, Ngụy Văn Đế Tào Phi chuẩn bị tuần du, cung nhân đặt một con ngựa từ ngoài vào, Kiến Bình đứng bên đường thấy con ngựa đó, liền nói với người bên cạnh: "Tướng con ngựa này, chỉ hôm nay là chết". Văn Đế lên ngựa, con ngựa ghét mùi hương ở áo Văn Đế, giật mình

hùng hổ cắn vào đầu gối Văn đế, Văn Đế cả giận sai người đem giết chết. Quả ứng với lời đoán của Kiến Bình.

Chu Kiến Bình dùng thuật xem tướng ngựa vận dụng vào xem tướng người, "khắp các xóm ngõ, không ai là không ứng nghiệm". Khi Tào Tháo còn làm Ngụy công, nghe tin, triệu vào cung cho làm quan lang. Khi Tào Phi làm Ngũ Quan tướng, có lần mời hơn 30 khách, Tào Phi hỏi Kiến Bình xem mình thọ được bao nhiêu và tướng mạo các quan khách có mặt ra sao. Kiến Bình nói: "Tướng quân phải thọ tới 80, năm 40 tuổi có va vấp nhỏ xin phải thận trọng, giữ gìn sinh mạng mình". Lại nói với Hà Hưu Uy: "Ngoài 49 tuổi làm châu mục, nhưng có tai hoạ. Nếu thoát được hoạ đó thì có thể sống tới 70 tuổi, làm quan tới tước công". Nói với Ứng Cự: "Năm 62 tuổi, khi làm thường bá, ngài gặp tai hoạ, một năm trước khi nhận chức đó, ngài gặp một con chó trắng, nhưng chỉ một mình ngài nhìn thấy, người khác không ai nhìn thấy". Lại nói với Tào Bưu: "Ngài nắm quyền ở phiên quốc, đến năm 57 tuổi, có hoạ binh biến, nên cẩn thận đề phòng". Những lời nói trên của Kiến Bình, sau đều ứng nghiệm. Như Tào Bưu sau được phong làm Sở vương, năm 57 tuổi hợp mưu với Vương Lăng làm phản, bị xử tội chết.

Về tướng thuật của Kiến Bình, người đời đều khen ngợi. Tuân Du, Chung Dao ở Dĩnh Xuyên là bạn thân, thường mời xem tướng. Tuân Du chết trước, con còn nhỏ. Chung Dao giúp coi sóc việc nhà, toan đem người thiếp của Tuân Du gả cho người khác. Ông ta viết trong một bức thư: "Tôi và Tuân Du từng mời Chu Kiến Bình xem tướng, Kiến Bình nói: Ngài Tuân Du tuy ít tuổi hơn, nhưng việc hậu sự phải nhờ cậy ngài Chung Dao. Tôi từng nói đùa với Tuân Du: Đến lúc đó thì phải gả chồng cho người thiếp của anh thôi! Không ngờ nay tuân Du chết thật, lời nói đùa thành ra chuyện thật! Bây giờ phải gả chồng cho cô ta để cô ta có cuộc sống khá hơn. Thuật xem

tướng của Kiến Bình quả là giỏi. Thật có thể sánh với Đường Cử, Hứa Phụ!"

Nhưng Kiến Bình cũng có lúc đoán sai "như khi đoán cho tư không Vương Sưởng, chinh bắc tướng quân Trình Hỷ, trung tu quân Vương Túc. "Năm 62 tuổi, Vương Túc bị bệnh nặng, các thầy thuốc đều nói là không chữa được. Trước khi mất phu nhân hỏi có di chúc lại gì không. Vương Túc nói: Kiến Bình nói ta thọ tới 70 tuổi làm quan đến chức Tam công, nay đều không phải, nên nghĩ sao đây! "Tình hình đó có thể nói tướng sư nào cũng gặp phải. "Tam Quốc chí" nêu thẳng ra đúng là ngọn bút trung thực mẫu mực của người viết sử.

Ất Phật Hoàng Lễ. Đại tướng sư cuối Tuỳ đầu Đường tỉnh Sơn Đông. Về chuyện xem tướng của Hoàng Lễ, sử không ghi chép nhiều. Theo ghi chép trong "Tân Đường thư - Phương kỷ" "Khi hoàng đế còn ở phiên quốc, triệu kiến, Hoàng Lễ chúc mừng; "Đại vương là vị vua vạn thặng (Vạn thặng: muôn cỗ xe, tức là làm hoàng đế - ND), chỉ cần chú ý đức mà thôi". Khi lên ngôi vua, liền triệu tập các tướng thuật gia lại, cho Hoàng Lễ đứng đầu. Trong nước rối loạn, Vua nói: "Lời đoán trước của nhà ngươi về trẫm đã ứng nghiệm, nhưng sau này sẽ thế nào? " Hoàng Lễ ngập ngừng. Vua biết, nói: "Không nói thì sẽ chết!" Hoàng Lễ nói "Thần thấy các bày tôi sẽ chẳng thể cùng với bệ hạ được lâu nữa. Nhưng thánh nhân không thể xem tướng, nên thần không thể biết hơn". Vì vậy, vua ra lệnh giám thị không cho Hoàng Lễ ra ngoài xem tướng nữa.

Tuỳ Dạng đế là hoàng Đế kiêu dâm xa xỉ nhưng lại rất mê tín. Theo cuốn "Tuỳ Dạng Đế diễn sử" do Tề Đông dã nhân thời Minh viết: Khi hoàng hậu Độc Cô sinh ra ông ta, "Chỉ thấy trong bụng kêu vang một tiếng, như tiếng sấm, rồi thấy một con rồng vàng từ

trong mình bay ra ngoài, lúc đầu còn nhỏ, sau càng bay càng to dần, đến khi bay đến giữa trời, khoảng hơn 10 dặm thì nhe nanh múa vuốt bay lượn mãi. Đang mãi nhìn xem thì một trận cuồng phong nổi lên, con rồng vàng không hiểu sao, bị rơi xuống đất, đứt mất đuôi. Nhìn lại thì thấy là không phải rồng mà là một con chuột lớn". Cha là Văn Đế "Nghe nói hoàng hậu mơ thấy rồng vàng rực rỡ, biết đó là tinh tượng đế vương, rất lấy làm mừng rỡ, nhưng nghe nói bị rơi xuống đất, đứt mất đuôi, giống như con chuột lớn thì lại ngấm lo buồn. "Mộng triệu đó ngấm chỉ ra con đường số mệnh của Dạng Đế. Dạng Đế sau này, biết mộng triệu đó, nhưng không sửa chữa những hành vi nham hiểm, ác độc, dâm dăng, ngược lại càng mê tín phương thuật tìm cách cầu xin cuộc sống giàu sang dậm dặt mãi mãi".

Tướng mạo của Dạng Đế, theo sự quan sát của cha là Văn Đế: "Thằng bé này lông mày lồm chồm, tiếng cười the thé, không sợ không giàu sang, nhưng e rằng phá nát gia đình ta cũng là thằng này". Vì sinh ra đã có tướng mạo hiên ngang, nên Át Phật Hoàng Lê mới nói ông ta là "vạn thắng chúa", nhưng từ hình mạo suy ra đức nên mới can trước "câu chú ý đến đức". Sự quan sát của Hoàng Lê là vô cùng chính xác. Tuy Dạng Đế cảm kích trước sự chỉ vạch của Hoàng Lê, nên sau khi lên ngôi đã giao cho ông quản lý các nhà xem tướng và coi Hoàng Lê cũng như là một quan chức trong triều. Nhưng khi Dạng Đế hoang dâm làm hỏng chính sự, đứng trước nguy cơ mất ngôi, tính mệnh bị đe dọa, không biết làm thế nào, lại mời Hoàng Lê chỉ vạch cho, Hoàng Lê biết khí số trên trời đã hết, nhưng không tiện nói thẳng, chỉ đành ngậm miệng mà thôi. Cuối cùng bị Dạng đế hạ giết, phải ứng phó bằng cách nói "Thần không thể biết", kết quả bị Dạng Đế giảm lòng "không cho nói với người ngoài" nữa.

Ất Phật Hoàng Lễ còn xem tướng cho Kinh Châu đại đô đốc, trưởng sử Tiết Đại Đình. Khi làm trưởng sử Giới Châu của triều Tùy, cha tiết Đại Đình mưu phản bị giết, Tiết Đại Đình bị phế làm đầy tớ nhà quan, đầy đi Thân Châu. Khoảng niên hiệu Trinh Quán thời Đường, với thân phận quan nô, Tiết Đại Đình thỉnh giáo Hoàng Lễ, Hoàng Lễ nói: "Anh là quan nô, định hỏi cái gì?" Hỏi xong bảo Đại Đình cởi hết quần áo, xem kỹ một lượt, rồi chỉ vào dưới lưng Đại Đình, nói: "Sau này, anh nhất định sẽ làm quan đứng đầu địa phương, như loại thứ sử chẳng hạn". Đại Đình nghe nói, bàng hoàng như rơi trong đám sương khói, và Hoàng Lễ đã thản nhiên bỏ đi.

Viên Thiên Cương, đại tướng sư nổi tiếng nhất thời Đường, cũng là người nổi danh trong lịch sử tướng thuật Trung Quốc. Ông là người Thành Đô tỉnh Tứ Xuyên, năm sinh năm mất không rõ. Về chuyện xem tướng của ông, "Tân Đường thư" và "Cựu Đường thư" đều có ghi chép. Theo ghi chép trong "Tân Đường thư" - Phương kỹ" thì Viên Thiên Cương lúc đầu làm quan cuối triều Tùy, giữ chức Diêm quan lệnh (quan coi về sản xuất và phân phối muối - ND), trong lúc việc quan nhàn rỗi, thường nói chuyện tướng thuật. Ông từng giao du với Đỗ Yêm, Vương Khuê, Vĩ Đình và xem tướng cho từng người. Với Đỗ Yêm, ông nói: "Lan đài, học đường đều rộng sẽ nổi danh về văn chương", (Lan đài, còn có tên gọi Kim quỳ, Thiên Khố, chỉ cánh mũi Học đường, chỉ phần ngoài tai chủ về thông ứng tài trí). Với Vương Khuê, ông nói: "Pháp lệnh rõ rệt, trời đất cùng châu vào, không tới 10 năm sẽ làm quan tới ngũ phẩm". (Pháp lệnh là vết nhân dọc từ hai bên mũi xuống khoé miệng, trời đất tức thiên địa. Thiên chỉ trán, địa chỉ cằm). Với Vĩ Đình, ông nói: "Mặt như hổ, sẽ làm quan võ". Ba người này, theo tướng thì đều làm quan to, nhưng Thiên Cương nhắc nhở họ: "Nhưng cả ba vị

về sau đều bị khiển trách, tôi đã thấy rõ điều đó". Quả nhiên về sau Đỗ Yêm là học sĩ, Vương Khuê làm thái tử trung doãn, Vĩ Đình làm tả vệ soái. Khoảng năm Vũ Đức đời Đường Cao tổ, cả ba người đều phạm tội bị đày tới Tập Châu, lại gặp Viên Thiên Cương. Thiên Cương an ủi họ: "Cuối cùng các anh vẫn có những ngày giàu sang. Đỗ Yêm sẽ làm quan tới tam phẩm, nhưng về tuổi thọ thì không dám nói. Hai vị Vương, Vĩ cũng đều làm quan tới tam phẩm, nhưng chậm hơn Đỗ Yêm, nhưng lại thọ hơn Đỗ Yêm. Có điều, cuối đời buồn thảm". Những lời đoán của Thiên Cương, về sau đều được chứng thực hết.

Thiên Cương còn xem tướng cho Đậu Quĩ, nói Đậu Quĩ: "Ông có tướng phục tề quán ngọc chấm, mười năm sau sẽ hiển quý". (phục tề quán ngọc chấm, còn gọi là phục tề tháp não, tức xương sống mũi gồ lên kéo dài tới chân tóc). Quả nhiên về sau, Đậu Quĩ làm Ích Châu hành đài bộc xạ. Nhưng Thiên Cương lại bảo ông ta: "Ông làm tướng rất ham giết người, xin tự kiểm chế". Không lâu sau, Đậu Quĩ phạm tội giết người, bị bãi chức, Thiên Cương lại nói với ông ta: "Ông đừng lo, trán bên phải của ông bóng và rung động. Không lâu sau sẽ được phục chức. Quả nhiên, không lâu sau Đậu Quĩ được phục chức, còn làm tới đô đốc.

Song chuyện được nhiều người ca ngợi nhất là Viên Thiên Cương đã xem tướng cho Vũ Tắc Thiên. Đầu niên hiệu Trinh Quán được Đường Thái tông triệu kiến, Thái Tông rất khen ngợi tài của ông, nói ông còn giỏi hơn Nghiêm Quân Bình thời Hán. Thiên Cương đối đáp rất khéo: "Vì ông ấy không gặp thời nên thần mới hơn ông ấy được". Thái tông vui vì đã được nịnh khéo, ban thưởng rất hậu, ở đây không nói chuyện ấy nữa.

Khi Vũ Tắc Thiên mới sinh, còn nằm trong tã lót, Thiên Cương gặp mẹ bà ta là Dương thị, liền nói ngay là "số sinh ra quý tử". Dương thị gọi hai con trai là Nguyên Khánh và Nguyên Sảng ra cho Thiên Cương xem tướng. Thiên Cương nói: "Làm quen tới tam phẩm, giữ được nghiệp nhà. "Lại xem cho chị Vũ hậu là Hàn Quốc phu nhân, Thiên Cương nói: "Cô gái này giàu sang nhưng không lợi đường chồng con". Sau cô ta lấy Việt Thạch ở Hạ Lan, goá chồng sớm. Vũ Tắc Thiên là con gái thứ hai của Dương thị, lúc ấy do bảo mẫu bọc trong tã, Thiên Cương xem kỹ mặt mũi, kinh ngạc nói: "Mắt rồng cổ phượng. Số cực quý. Nếu là con gái, sẽ làm thiên tử". Dương thị kinh lạ, vui mừng, hết sức trọng đãi Thiên Cương. Khi Vũ hậu quyền nghiêng thiên hạ, lại càng tôn sùng Thiên Cương.

Ngoài ra, Thiên Cương còn vâng mệnh Thái tông lần lượt xem tướng cho Sầm Văn Bản, Trương Hành Thành, Mã Chu. Với Sầm, ông nói: "Vành tai lằng lằng lông mày dài quá mắt nên văn chương nổi tiếng thiên hạ. Xương đầu không đầy đặn, nhìn từ phía trước thấy, chỉ làm quan tới tam phẩm. Thịt không xứng với xương không phải là điềm sống lâu". Với Mã Chu ông nói: "Ông có tướng phục tể quán não, lưng lại có gồ lên, là điềm hiển quý. Từ thời cận cổ, những người làm bày tôi chưa có ai được như ngài. Song do mã trạch xích và nhĩ vô căn, hậu cốt bất long, nên tuổi thọ không dài". Về Trương Hành Thành "Làm quan muộn nhưng cuối cùng lên tới chức tể tướng". Theo "Tân Đường thư - Liệt truyện", ba người trên về quan chức, thành tựu, tuổi thọ đều giống như Viên Thiên Cương đã nói. Như Sầm Văn Bản năm Trinh Quán nguyên niên, ngoài chức bí thư lang, còn kiêm trung thư tể tướng. Thái tông ban lệnh tịch điền và ngày đầu tiên triều kiến quần thần, Văn Bản dâng lên hai bài văn "Tịch điền" và "Tam nguyên tụng", lời văn đẹp đẽ, phong phú. Lý Tịnh lại tiến cử lên hoàng đế được thăng chức lên trung thư

xá nhân. Lúc đó, Nhan Sư Cổ làm thị lang, từ thời Vũ Đức, phàm có chiến cáo hoặc việc lớn đều do Nhan khởi thảo. Nay có Văn Bản lại giỏi giang và nhanh nhạy hơn, thường có sáu bảy viên quan cấp dưới chuẩn bị sẵn giấy bút chờ ông lần lượt đọc cho chép, không bao giờ sai sót. Sư Cổ bị khiển trách bãi chức. Ôn Ngạn Bác xin cho ông ta: "Sư Cổ thạo công việc, giỏi viết văn cáo, nay thiếu người xin được phục chức". Hoàng đế nói: "Trẫm đã chọn một người, ông khỏi lo". Liền cho Văn Bản làm thị lang, chuyên ghi chép việc cơ yếu. Sau ông theo Thái Tông đi đánh Liêu Đông, do làm việc mãi tiếp rất được việc "từ việc quan trọng về lương thảo, giáp binh, điều phối quan lại đều không qua khỏi tay nên bị lao碌 quá độ tinh thần sa sút, dung nhan cứ chỉ sút kém, đến U Châu, bị bệnh mất đột ngột, năm đó 51 tuổi. Sự tinh thâm về tướng thuật của Thiên Cương qua đó có thể thấy là tốt bậc.

Thiên Cương giỏi biết các việc thọ, yếu, thành đạt và vấp vấp của người khác, đồng thời cũng nắm vững số mệnh của mình. Đầu niên hiệu Vũ Đức, Cao Sĩ Kiên có lần hỏi ông. "Cuối cùng ngài sẽ làm tới chức quan gì? "Thiên Cương nói: "Vào tháng tư, mùa hè năm nay, khí số của tôi sẽ hết". Quả nhiên Thiên Cương tạ thế đúng thời gian trên, khi đó ông giữ chức hoả tể lệnh.

Qua những câu chuyện trên, chúng ta thấy trình độ tướng thuật của Thiên Cương thật là tinh thâm không lường hết được. Khi đã xem tướng cho ai thì có căn cứ chính xác, không bao giờ sai, như nói Mã Chu không sống được lâu thì chỉ rõ, do mã trạch xích và nhĩ vô căn, hậu cốt bất long". Trình độ cỡ đại sư đó thì bọn thuật sĩ giang hồ không có ai theo kịp.

Trong khi rồi rỗi lúc làm quan và xem tướng, Viên Thiên Cương còn ghi chép những kiến giải và kinh nghiệm xem tướng của

mình thành sách để đời sau biết được sự tinh diệu. Trước tác về tướng thư của ông, theo "Tân Đường thư - Nghệ văn, quyển ba", có "Tướng thư" 7 quyển, "Yếu quyết" 3 quyển. "Tứ khố toàn thư" tổng mục. Tổng mục có ghi "Cửu thiên huyền nữ lục nhâm khoá" một quyển, là do người thời Tống - Nguyên mượn danh Viên Thiên Cương để soạn ra. Theo "Thông chí - Nghệ văn lược" của Trịnh Tiểu đời Tống, thì ngoài hai cuốn "Tướng thư" và "Yếu quyết" ra, sách tướng của Viên Thiên Cương còn có "Nhân luân qui giám phú" 1 quyển, "Khí thần kinh" 5 quyển, "Cốt pháp" một quyển ba loại. Có thể thấy, tướng tác của ông khá phong phú.

Con của Viên Thiên Cương là Viên Khách Sư nối tiếp học thuật của cha, cũng tinh thông tướng thuật. Truyền thuyết nói ông từng cùng những người khác đi thuyền qua sông, thuyền mới rời bến, ông đã la lớn, đòi thuyền phải quay ngay lại. Người đi cùng lấy làm lạ, túm lại hỏi duyên cớ. Khách Sư đáp: "Mọi người đi trên thuyền, lỗ mũi đều có khí màu đen không thể qua sông được. Nếu không sẽ có tai họa lật thuyền". Đang nói thì có người đàn ông chân thọt lưng gù cứ đi lên thuyền, Khách Sư liền nói ngay: "Có quý nhân đến rồi, chúng ta có thể qua sông được". Quả nhiên thuyền tới giữa sông cuồng phong nổi lên, thuyền lắc lư điên đảo, vô cùng nguy hiểm, nhưng cuối cùng vẫn sang tới bờ bên kia. Khách đi thuyền không ai không kinh ngạc trầm trồ trước tài đoán của Viên Khách Sư.

Trong lịch sử tướng thuật tên tuổi cha con Viên Thiên Cương vang dội trên tướng đàn nên có nhiều tướng sĩ lợi dụng, hoặc lấy tên ông để vào sách của mình, hoặc tự nhận là "Viên Thiên Cương chân truyền" làm chiêu bài hành nghề nên dẫn tới tình trạng lẫn lộn trắng đen, để khuấy đục nước bắt cá. Linh hồn cha con Viên Thiên Cương nếu mà biết được, chắc phải nực cười!

Trương Cảnh Tàng là đại tướng sư thời Đường nổi danh ngang với Viên Thiên Cương, người ở vùng Tường Xã tỉnh Hà Nam (nay là vùng đông bắc huyện Trường Cát tỉnh Hà Nam). Năm sinh năm mất và tiểu sử của Trương Cảnh Tàng cũng không khảo cứu được. Căn cứ vào sự việc ông ta xem tướng cho Diêu Sùng, ta biết đại khái ông là người đời Đường Thái Tông.

Đời Đường Thái tông, thái tử liêm sử Tường Nghiêm đến hỏi Cảnh Tàng về tiền đồ của mình. Cảnh Tàng nói: "Ông bị nguy hiểm dưới ba thước đất, sau 6 năm được hiển quý, năm 60 tuổi làm thứ sử Bồ Châu, không có lộc" Sau Thái Tông chuẩn bị đánh Cao Ly, Tường hăng hái xin đi sứ, giữa đường bị Mạc Ly Chi bắt, tuy bị hành hạ nhưng vẫn kiên trinh bất khuất, quân địch đành đem giam xuống hầm dưới đất. Sáu năm sau, Cao Ly bị dẹp, ông mới được về nước. Thái Tông khen ngợi lòng trung nghĩa thăng lên làm triều tán đại phu. Năm 60 tuổi, quả được làm thứ sử Bồ Châu, nổi danh vì chính tích.

Lúc đó Lưu Nhân Quĩ và người làng là Tịnh Hiền đến hỏi về số mệnh. Cảnh Tàng nói: "Ngài Lưu làm quan tới ngũ phẩm rồi bị khiển trách, sau lại ở chức vị đứng đầu các bày tôi". Và nói với Tịnh Hiền cười diễu Cảnh Tàng, rồi nổi giận nói: "Ba đứa con tôi đều giàu có, nhiều ruộng nương nhà cửa, sao tôi có thể chết nơi đất khách được? "Ngờ đâu chẳng bao lâu sau, ba người con của Tịnh Hiền đều chết, nhà cửa ruộng nương đều bán hết cả, Tịnh Hiền quả bị chết trong nhà bè bạn. Lưu Nhân Quĩ sau này làm Thượng thư bộ xạ kiêm tể khách của thái tử, nắm chính sự. Thời Vũ hậu, đổi sang chức Văn Xương tả tướng, đồng phụng các loan đài tam phẩm. Khi mất được "trăm quan đi đưa tang, khóc lóc", đúng là "chức vị đứng đầu các bày tôi", vinh hoa tuyệt đỉnh.

Nguy Nguyên Trung khi còn trẻ, có lần tìm Cảnh Tàng để nghị xem tướng, hỏi hết điều nọ đến điều kia, Cảnh Tàng không nói một lời. Nguy Nguyên Trung giận quá hoá khùng, hùng hổ nói: "rùi may đều có số, cần gì đến anh". Nói xong, phất tay áo bỏ đi. Cảnh Tàng lập tức đứng dậy, đón lấy nói: "Tính của ngài lúc nóng giận mới thấy rõ, tất sẽ là khanh tướng". Nguyên Trung là người bộc trực không câu nệ dững cảm can ngăn, nghĩa khí hiên ngang, nhiều lần bị đồng liêu cấu kết hãm hại. Có lần Vũ hậu hỏi ông ta: "Khanh nhiều lần bị gièm pha, tại sao vậy? " Nguyên Trung trả lời: "Thần như con hươu, những kẻ bịa đặt vu cáo thần đều như những kẻ đi săn, muốn lấy thịt thần làm mồi, giết thần để cầu công danh. Thần sợ gì tội? " Tính cách ông như thế, năm Thánh Lịch thứ hai, Nguyên Trung được đổi làm phượng các thị lang, đồng phượng các loan đài bình chương sự. Quả ứng với lời đoán của Cảnh Tàng.

Diên Sùng, Lý Hối Tú, Đỗ Cảnh Kim khi chưa hiển đạt thường giao du với Trương Cảnh Tàng. Cảnh Tàng xem xét kỹ tướng mạo ba người, rồi nói với họ: "Ba người đều sẽ làm tể tướng, nhưng anh Diêu là hiển quý nhất". Bình luận của Cảnh Tàng có sức cổ vũ lớn đối với ba người. Như Diêu Sùng khi còn trẻ, là người phong lưu thoải mái, khí tiết thanh cao ham mê học tập. Thời Vũ hậu, ông đã làm thị lang nhưng vẫn không hề bê trễ, vẫn miệt mài đọc sách, chính tích ngày càng nổi bật. Năm Thành Lịch thứ ba, lại làm phượng các loan đài bình chương sự rồi phượng các thị lang. Năm Tiên Thiên thứ hai, đời Huyền Tông nói: "Khanh có biết săn không? "Diêu Sùng đáp: "Khi trẻ, thần đã quen. Năm hai mươi tuổi, thần ở Quảng Thành Trạch, lấy việc xua chim ưng đuổi thú làm vui. Trương Cảnh Tàng bảo thần sẽ là vương tá (bây tôi gần gũi nhà vua - ND) nên thần không dám hoài phí thời gian, miệt mài đọc sách sợ không xứng làm khanh tướng, song hồi nhỏ đã từng đi săn, nay tuy

già vẫn còn đi săn được". Đó thật là những lời thành thật tự đáy lòng của Diên Sùng. Vốn là con nhà quyền quý chỉ biết "Xua ung đuổi thú", sau khi nghe lời Cảnh Tàng mới cảnh tỉnh, ra sức phấn đấu rồi làm tới khanh tướng. Lời của thầy tướng, có thể kích thích lòng người, làm thay đổi cuộc đời. Câu chuyện trên có thể coi là một ví dụ điển hình.

Triệu thị, vợ của lang trung Bùi Khuê có ánh mắt dong đưa, Trương Cảnh Tàng nói với bà ta: "... Sách tướng nói: "Mục hữu tứ bạch, ngũ phu thủ trạch" (mắt có bốn phần trắng, đổi chồng đến năm lần). Phu nhân rồi sẽ đắc tội". Theo tướng lý, đàn bà có cặp mắt lòng trắng nhiều hơn lòng đen, hay cúi xuống nhìn trộm giống con lợn, là người dâm dật. Quả nhiên, chẳng bao lâu sau, Triệu thị phạm tội thông gian.

Nếu Diên Sùng nghe lời Trương Cảnh Tàng rồi cố gắng phấn đấu làm nên sự nghiệp hiển hách, là trường hợp tướng thuật giúp con người phấn đấu đi lên, thì Lưu Tư Lễ, nghe lời Trương Cảnh Tàng lại đi theo con đường cụt, cuối cùng đổ máu trên pháp trường hồn về chín tuổi. Khi còn trẻ, Lưu Tư Lễ theo Trương Cảnh Tàng, học thuật xem tướng. Cảnh Tàng bảo anh ta: "Trải qua chức thứ sử, lên tới Thái Sư". Sau khi được nghe lời đoán đó, Lưu Tư Lễ vô cùng mừng rỡ, nôn nóng điên cuồng. Thời Vũ hậu, Lưu quả nhiên được làm thứ sử Cơ Châu, nhưng không kiếm chế được đã tâm bồng bột, muốn mau chóng được làm thái sư nên đã ngầm cấu kết với lục sự tham quân Lạc Châu là Kỳ Hạp Diệu mưu phản. Kỳ thậm chí còn nói Lưu "có long khí như đại đế", càng làm cho Lưu quyết tâm phản. Ai ngờ khi sự việc bại lộ, ngôi của Kỳ không thành, mà còn uổng mạng. Cái chết của Lưu, nếu nói là do dục vọng quyền lực làm hại thì không đúng bằng nói là do tướng thuật đã đưa hắn đến chỗ chết.

Những chuyện đại loại như chuyện Lư Tư Lễ, tôi thường được nghe nói trong cuộc sống hàng ngày. Có một số người có tâm lý trông chờ may rủi, nghe những lời đoán xằng của các thầy tướng, lập tức coi là thật hoặc cuống cuồng nôn nóng làm hỏng việc, hoặc uất ức đau buồn mà chết, khiến những người say mê tướng thuật, không thể không lấy đó làm răn.

Bị hạn chế về sử liệu, chúng ta không biết được Trương Cảnh Tàng có lận đận về hoạn lộ không, nhưng ông ta đã giao thiệp trong quan trường, lại đoán trúng cho mấy vị tể tướng đương triều nên chắc chắn ông ta không thể gặp cảnh quân bách. Ông ta có trước tác tướng thuật nào lưu truyền ở đời không, chúng ta không có tài liệu để suy luận.

Tôn Tư Mạc sinh năm 581, mất năm 682, là nhà y học nổi tiếng thời Đường, đồng thời còn là người dạy học. Người vùng Hoa Nguyên (nay ở đông nam huyện Diêu, Thiểm Tây). Ông tinh thông học thuyết Lão Trang, bách gia, nhất là tinh thông y học và âm dương đoán số. Ông ở lâu dài trong Chung Nam Sơn. không màng danh lợi, đóng cửa trước tác và chữa bệnh, đời sau tôn xưng ông là "được vương".

Tôn Tư Mạc nổi tiếng trong đời về y học, nhưng cũng nghiên cứu khá sâu về tướng thuật. Cống hiến lớn nhất của ông với tướng thuật là đã đem nguyên lý y học vận dụng vào nhân sự xã hội, từ góc độ y học để tìm hiểu nắm vững con đường số mệnh của con người.

Nguyên lý cơ bản của tướng thuật là ở chỗ cho rằng giữa trời với người có sự nhất trí, sự sinh thành, kết cấu sinh lý, công năng sinh lý của con người đều phù hợp với trời (tức với tự nhiên - ND). Sự sinh tồn và phát triển của con người cần phải thuận theo quỹ đạo

vũ trụ của đại tự nhiên, nếu đi ngược lại sẽ sinh tai hoạ cho sinh mệnh. Tôn Tư Mạc đã từ góc độ y học mà trình bày rõ thêm lý luận tướng thuật này. Theo ghi chép trong "Tân Đường thư - Ẩn dật", thì Lư Chiêu Lân, một trong tứ kiệt trên văn đàn thời sơ Đường, đã từng theo Tôn Tư Mạc ẩn cư ở Thái Bạch Sơn. Một lần, Lư mắc bệnh nặng, trị bằng mọi cách không khỏi, liền hỏi Tôn Tư Mạc. Tôn vừa chữa bệnh, vừa giảng giải cho Lư về mối quan hệ giữa trời và người:

"Trời có bốn mùa, ngũ hành, lạnh và nóng thay thế nhau, hoà thì thành mưa, giận thì thành gió, ngưng đọng thì thành tuyết sương, trương ra thì thành cầu vồng, đó là qui luật thông thường của trời. Người có tứ chi ngũ tạng khi thức khi ngủ, ăn uống đi lại, lưu giữ lại là thể chất, biểu lộ ra là khí sắc, phát ra là thanh âm, đó là qui luật thông thường ở người. Dương dùng cái hình, âm dùng cái tinh là điều giống nhau giữa trời với người. Khí bốc lên và mất đi sinh ra nhiệt, bị sinh ra hàn, kết lại thì thành u nhọt, khí gấp thì sinh ra xuyên, kiệt thì khô xác, phát ra mặt, động ra hình. Trời đất cũng như vậy: ngũ vĩ tức doanh, bột tuệ phi lưu (sao chổi di động), là điểm nguy hiểm, lạnh nóng không đúng lúc là do trung (bốc hơi) và bị, đá dựng thành gò là u nhọt của đất, núi lở đất sụt là ung thư của đất. Gió cuồng mưa lớn là xuyên của trời, sông ngòi cạn kiệt là do đất khô xác. Thấy thuốc giỏi có thể trị bệnh bệnh thuốc; thánh nhân thì dùng đức để điều hoà nhân sự. Cho nên, người có bệnh có thể chữa trị, trời có tai biến có thể trấn áp. Tôn Tư Mạc cho rằng, hình thể khí sắc của con người cùng với sự hoà giận, ngưng đọng, trương ra của trời đều tuân theo một hành trình đồng bộ nhất trí, đều lấy "dương thì dùng cái hình, âm thì dùng cái tinh" làm cấu kiện và hình thức biểu hiện của sinh mạng. Đạo âm dương là nguyên tắc cần tuân thủ của trời đất, nhân sự không thể có sự xa rời dù là nhỏ.

Nếu không trong cơ thể sẽ có thể phát sinh các tật bệnh về hàn nhiệt, mụn nhọt, và các bệnh xước, chảy máu... Trời đất cũng có thể phát sinh những vận động không theo qui luật giống như con người mắc bệnh vậy. Mà sự biến hoá bên trong cơ thể người, nhất định sẽ phát ra mặt, thể hiện ra tướng mạo". Điều này giúp cho chẩn trị tật bệnh, và còn có thể giúp cho sự quan sát về tướng thuật.

Lư Chiến Lân lại hỏi "Còn nhân sự thì sao?" Tôn Tư Mạc đáp:

"Con tim là vua, vua thì phải cung kính nên cần thận trọng. Kinh Thi nói: "Chiếu chiếu căng căng, như lâm thâm uyên, như lý bạc băng" (nơm nớp lo sợ, như xuống vực sâu, như giẫm trên băng mỏng). Đó là sự thận trọng. Lá gan, là tướng, nhiệm vụ là phải quả quyết, nên cần dũng cảm. Kinh Thi nói: "Cư cư vũ phu, công hầu can thành" (kẻ vũ phu hùng dũng có thể làm nên bậc công hầu). Đó là sự dũng cảm. Kẻ nhân giả phải tinh, đó là biểu tượng của đất, nên cần phải vuông. "Truyện" nói rằng: "Bất vị lợi hồi, bất vị nghĩa cứu" (không để cái lợi lôi kéo, không áy náy vì làm việc nghĩa). Vương là như thế. Kẻ trí giả phải động, đó là biểu tượng của trời, nên cần phải tròn. Kinh Dịch nói: "Kiến cơ nhi tác, bất sĩ chung nhật" (Thấy thời cơ là làm, không đợi hết ngày). Tròn là như thế".

Vì giữa người với trời đất đồng sinh đồng tức, nên "nhân sự" do hoạt động của con người tạo ra, tự nhiên không thể tách rời qui luật vận động của trời đất, vũ trụ. Cho nên triết học, y học, cho đến tướng học của Trung Quốc đều vô cùng coi trọng mối quan hệ giữa trời đất với nhân sự, như câu "Trời có lúc đầy lúc vơi, người có lúc thịnh lúc suy, nếu không thận trọng, thì không yên ổn được". "Tôn Tư Mạc cho rằng về mặt nhân sự xã hội, thận trọng và dũng cảm là điều quan trọng nhất. Thận trọng là làm việc gì cũng không được nóng nảy, liều lĩnh, phải xem xét suy nghĩ kỹ rồi mới hành động.

Dũng cảm tức là phải quyết đoán nhanh chóng khi gặp việc cần giải quyết, như tướng lĩnh dẫn quân đánh thành, nếu chỉ hơi chậm trễ do dự là có thể mất cơ hội tốt. Dũng cảm không phải là làm liều, mà lấy thận trọng làm tiền đề. Phẩm hạnh của con người nếu đạt tới tầm cao "nhân", "trí", thì hành vi cần như biểu tượng của đất, chính trực công bằng, không bị danh lợi lôi kéo, không áy náy khi phải chủ trì việc nghĩa, trong ngoài ứng hợp với nhau, lời nói và việc làm phù hợp nhau" (Hạn Phi Tử - Giải lão"). Cần phải là biểu tượng của trời, xúc hội quán thông mà không nghiêng lệch, thấy thời cơ chín muồi là lập tức hành động, không chờ đợi lỡ việc. Lòng phải sáng như gương trong, thấy sự vật là hiểu rõ ngay.

Đặt con người vào trong vũ trụ, người là một phần tử trong đại tự nhiên, cần phải tuân theo phép tắc của đại tự nhiên đó là xuất phát điểm đầu tiên của tướng thuật. Đúng như câu nói trong "Thái Thanh thần giám - Thuyết ca". "Đạo vi mạo hê, thiên dữ hình. Mặc thụ âm dương, bẩm tính tình. Âm dương chi khí thiên địa chân, Hoá xuất trần hoàn kỷ dạng nhân. Ngũ nhạc, tứ độc giai hữu thần. Kim mộc thuỷ hoả thổ vi phạm. Quân tri thức thủ tạo hoá lý, tương phùng thuỷ khả luận nhân luân".

*(Đạo là tướng mạo, trời cho hình
Trao khí âm dương, cho tính tình
Âm dương khí ấy như trời đất
Hoá các loại người trên trần gian
Ngũ nhạc, tứ độc đều có thần
Kim mộc thuỷ hoả thổ đều phân
Anh nên biết rõ, lẽ tạo hoá
Hiểu rồi, mới nói được nhân luân)*

Sự biến hoá trong nội bộ thân thể người khiến tật bệnh biểu hiện ra ngoài hình thể. Điều đó giống như sự vận động của trời đất sinh ra sấm, chớp, mưa, gió vậy. Sự quan sát ngoài hình thể là bước thứ nhất trong sự chẩn bệnh của Trung y, cũng là đường chủ yếu của tướng thuật. Do đó tướng thuật và y học có quan hệ rất sâu về nguồn gốc, nói y, tướng là đồng nguyên không phải là nói quá. Đi sâu thêm ta thấy, bởi vì con người là quần thể sinh hoạt trong môi trường xã hội, nên tất nhiên có các loại quan hệ luân lý. Tướng thuật cũng coi luân lý là cột trụ lý luận quan trọng và cho rằng con người ngoài việc tuân theo những phép tắc của đại tự nhiên, còn phải hoà hợp và tuân thủ những tiêu chuẩn nhân luân trong hiện thực. Từ những nội dung trình bày trên của Tôn Tư Mạc, ta thấy, với tư cách là một nhà y học, ông hiểu rất sâu tầm quan trọng của hình sắc đối với việc chẩn trị. Nhưng không chỉ thế, với tư cách một nhà tướng thuật, ông càng hiểu rõ hơn, những triệu chứng trên hình thể chỉ là góc độ và thủ đoạn quan sát. Muốn phán đoán một cách chính xác tiền đồ số mệnh của cá nhân còn cần phải coi nhân sự xã hội là một hệ tham chiếu quan trọng. Đó là điều độc đáo của Tôn Tư Mạc với tư cách một đại tướng sư.

Tôn Tư Mạc đã có một bản lĩnh cao thâm như vậy về y lý và tướng lý, nên thực tiễn xem tướng của ông đã tỏ ra hết sức thần diệu. Tôn Xử Ước từng mời ông xem tướng cho con mình. Tôn Tư Mạc xem xét kỹ một lượt rồi nói: "Tài trí biểu lộ sớm, nên làm quan muện, mang hoạ khi cầm quân". Về sau, quả nhiên ứng nghiệm, Thái tử chiêm sự là Lư Tề Khanh khi còn rất nhỏ, đã được Tôn nói: "Sau 50 năm sẽ là phương bá. Cháu ta là thuộc lại, mong sẽ yêu mến nó". Lúc đó, cháu của Tôn Tư Mạc là Tôn Phổ còn chưa sinh ra. Sau này, Tề Khanh làm thứ sử Từ Châu, Tôn Phổ quả nhiên là thuộc hạ của ông ta, làm chức huyện thừa. Tài năng tướng thuật của

Tôn Tư Mạc tới mức như vậy, thực khiến người ta khó tin là sự thực.

Ma Y đạo giả. Đạo sĩ thời Tống, cùng Trần Đoàn ẩn cư trong một toà nhà bằng đá, không ai rõ tên họ. Ma Y là tên hiệu của ông, Sách "Cải lương hiệu chính Ma Y tiên sinh thần tướng biên" nói: "Ma Y là dị nhân thời cổ, giấu tên họ, lấy đó làm hiệu". Sự tích cuộc đời của Ma Y đạo giả chỉ thấy trong một vài tài liệu linh tinh. Sách "Thiệu thị văn kiến lục" của Thiệu Bá Ôn thời Tống có viết trong quyển 7:

"Khi Tiền Nhược Thuỷ tìm gặp Trần Hy Di ở Hoa Sơn, Hy Di nói: Ngày mai anh nên trở lại. Nhược Thuỷ đến theo hẹn, thấy Hy Di và một lão tăng ngồi bên lò lửa dưới đất. Vị sư già nhìn kỹ Nhược Thuỷ rất lâu rồi lấy que lửa viết ba chữ: không làm được, và thông thả nói: "Dòng nước xiết đẩy lui người". Nhược Thuỷ từ biệt ra về, Hy Di không lưu lại. Sau Nhược Thuỷ thi đỗ làm khu mật phó sứ, tuổi mới 40 đã ra làm quan. ban đầu, Hy Di nói Nhược Thuỷ có tiên phong đạo cốt, nhưng chưa quyết định được, liền mời lão tăng xem cho. Vì lão tăng nói: "Không làm được", nên không lưu giữ Nhược Thuỷ nữa. Song, dòng nước xiết đẩy lui người, đến cõi thần tiên cũng không xa vậy, Lão tăng đó, là Ma Y đạo giả đấy".

Thiệu Bá Ôn là người đời Tống Triết Tông. Lời nói của ông rất đáng tin. Khảo sát các sách tướng trước thời Bắc Tống, đặc biệt là những trước tác sát trước thời Tống, như "Thái Thanh thần giám" của Vương Phác thời Hậu Chu, đều không thấy tên Ma Y đạo giả, mà về sau đa số tướng thư đều nói Trần Đoàn (tức Hy Di) từng học Ma Y. Do đó suy ra: Ma Y đạo giả đại để là người cuối thời Ngũ Đại, đầu thời Tống.

Qua đoạn sách trên của họ Thiệu thấy Tiền Nhược Thuỷ có tướng mạo tinh thần "tiên phong đạo cốt", vẫn quyết định bỏ con đường thi cử, một lòng đề nghị Trần Đoàn nhận làm đệ tử. Vì có mặt thầy là Ma Y nên Trần Đoàn không tiện quyết định, đành bảo Nhược Thuỷ "ngày mai lại đến". Ma Y quan sát kỹ lưỡng tinh thần tướng mạo của Nhược Thuỷ, không nói năng gì, dùng phong cách tiên nhân viết trên đất ba chữ "Không làm được", đại ý tỏ rằng Nhược Thuỷ chưa dứt hết bụi trần, sao có thể ẩn cư nơi rừng núi tu thuật luyện đan cho được? Nhược Thuỷ nghe theo lời ông, trở lại phàm trần, sau quả nhiên nhẹ bước công danh, đắc ý trên hoạn lộ. Hành động thần tình đó của Ma Y thật đã biểu hiện phong độ tuyệt vời của một đại tướng sư.

Qua việc luyện các thuật phục khí, tị cốc, hoàng bạch của Trần Đoàn, ta có thể thấy rằng Ma Y, người thầy của ông, là chuyên gia về các mật này. Là một đạo sĩ, trình độ tinh thâm của Ma Y có thể nói là không ai sánh kịp, thực sự là "tiên phong đạo cốt". Tướng thuật của ông đã rất tinh thâm, lại thêm ông là thầy học của đại tướng sư Trần Đoàn nên đời sau không khỏi có thái độ thần bí hoá đối với tướng thuật của ông. Theo "Thiệu thị kiến văn lục" quyển 7 của Thiệu Bá Ôn, thì:

"Tiết độ sứ Hà Nam là Lý Thư Chính làm phản chống lại nhà Hậu Chu. Cao Tổ ta (tức Triệu Khuông Dã sau này là Thái Tổ Triều Bắc Tống, lúc đó là tướng nhà Hậu Chu - ND) làm khu mật sứ đem binh thảo phạt. Lúc đó Ma Y đạo giả nói với Triệu Tấn rằng: "Dưới thành có khí tượng của ba vị thiên tử. Thư Chính giữ lâu sao được?" Chẳng bao lâu, thành bị phá. Thư Chính có người con dâu, vốn là con gái Phù Ngạn Khanh, các thầy tướng đều cho là sẽ cao sang rất mực, Thư Chính nói: "Có con dâu như vậy, thì số ta tất khá", nên quyết làm phản. Thành bị phá, cả nhà tự thiên Phù thị

ngồi im trong nhà, quân lính kéo vào, Phù thị quát mắng: "Cha ta có giao tình cố cự với Quách Công (tức Chu Cao Tổ Quách Uy - ND), các người không được vô lễ!" Quân sĩ tâu lên lệnh, lệnh cho Sài Thế Tông thu nhận, sau lập làm hoàng hậu. Khí tượng của ba vị thiên tử nói ở đây, là Chu Cao Tổ, Sài Thế Tông và Cao Tổ bản triều (tức Triệu Khuông Dã - ND) lúc đó cũng ở trong quân. Ma Y đạo giả, thật là dị nhân vật". (Là dị nhân, vì đã biết trước là Sài Vinh - sau là Sài Thế Tông và Triệu Khuông Dã sau sẽ đều là thiên tử). Truyền thuyết trên rất giàu sắc thái truyền kỳ. Chắc hẳn Ma Y đạo giả đã từng xem tướng cho Chu Cao Tổ, Quách Uy Chu Thế Tông Sài Vinh và Tống Thái Tổ Triệu Khuông Dã nên mới có thể có kết luận giống như "dị nhân" như vậy.

Điều đáng tiếc là những "chuyện thần thoại" trong việc xem tướng của Ma Y đạo giả được sử sách ghi chép rất ít, chúng ta không được biết thêm tài năng thần diệu của ông. Nhưng thông qua trình độ tướng thuật của ông, rất tự nhiên, người ta nghĩ ngay tới tác phẩm rất được tôn sùng trong lịch sử tướng thuật. Đó là cuốn "Ma Y thần tướng toàn biên", gọi tắt là "Ma Y thần tướng". Từ những tên gọi trên, ta thấy bộ sách này tương truyền là do Ma Y đạo giả làm ra, đó là cống hiến quan trọng của Ma Y đạo giả với tướng thuật.

Nhưng có một nhà nghiên cứu tỏ ý hoài nghi việc này. Họ căn cứ vào một số tư liệu liên quan, cho rằng bộ sách này do người đời sau đổi tên viết ra. Lục Huyền Sùng thời Thanh, cho rằng "Đời sau lấy tên của Ma Y để viết" Ngô Nhạc, cũng nói: "Gần đây, ngoài đời lưu hành các sách xem tướng đều nói là của Ma Y đạo giả" Quyển 4 trong sách Ma Y tướng pháp" bản mới có dùng chữ "Ma Y tiên ông", tác giả cho rằng không phải như vậy. Sách lại nói, vào mùa đông rét mướt, Ma Y ở trong ngôi nhà bằng đá tại Hoa Sơn, ngồi

bên bếp lửa dạy Hy Di. Hy Di đến theo hẹn, Ma Y không dùng lời, chỉ dùng que lửa viết chữ trên tro bếp, im lặng dạy Hy Di. Ma Y chỉ viết "Thần Dị phú" "Kim toả phúc", "Ngân chủy phú" là ba tác phẩm tướng thuật. Tương truyền, Ma Y đạo giả còn viết: "Ma Y đạo giả chính dịch tất pháp", nhưng không thể khảo chứng được. Sách này cũng chú rõ Trần Hy Di, căn cứ vào đó mà suy ra, thì "Ma Y tướng pháp" đại khái ban đầu do Trần Hy Di chỉnh lý, người đời sau không ngừng bổ sung mà thành.

Đến thời Thanh, theo "Thuỷ Kinh tập" "Tướng lý hành chân" thì cuối Minh đến Thanh, sách "Ma Y tướng pháp" đã lưu truyền rộng rãi, nhưng vẫn không ngừng được bổ sung chú thích và xuất hiện bản mới. Như cuốn "Ma Y tướng pháp" do Vũ Anh thời Thanh sửa chữa, cuốn "Hiệu chính tăng thích hợp tính Ma Y tiên sinh thần tướng bí pháp" do Lục Huyền Sùng hiệu biên...

Ma Y đạo giả là vị thần tướng trong lịch sử tướng thuật Trung Quốc. Những truyền thuyết về ông có rất nhiều, nên các thầy tướng đời sau mượn tên ông để viết sách cũng không có gì là lạ.

Trần Đoàn (? - 989) là đạo sĩ cuối thời Ngũ Đại, đầu thời Tống. Tên tự là Đồ Nam lấy hiệu là Phù Dao tử. Người vùng Châu Nguyên thuộc Hà Châu (nay là Lộc áp, Hà Nam). Theo ghi chép trong "Tống sử - Ẩn dật": Trần Đoàn khi bốn, năm tuổi, đang chơi đùa bên bờ sông Xương Thuỷ, được một thiếu phụ cho bú, từ đó trở nên hết sức thông minh nhanh nhẹn. Khi lớn lên, đọc rộng kinh sử bách gia, chỉ nhìn qua là thuộc và nổi tiếng thơ văn trong xóm làng. Khoảng niên hiệu Trường Hưng thời Hậu Đường, đi thi tiến sĩ, thi trượt về nhà. Từ đó "không màng danh lợi, lấy non nước làm vui" "sau cùng ẩn, cư ở Vũ Dương Sơn, tu luyện, nhịn ăn ngũ cốc hơn hai năm, mỗi ngày, chỉ uống mấy chén rượu, ham thuật hoàng bạch,

đọc Kinh Dịch không lúc nào rời tay. Năm đầu Thái Bình Hưng Quốc, Tống Thái Tông khâm phục tinh thần phương sĩ "độc thiệu kỳ thân, không can dự thế lợi" của ông" rất trọng đãi, ban cho hiệu là "Hy Di tiên sinh", sửa nơi ở của ông là Vân Đài quan và thường cùng ông xướng họa thơ phú. Nhưng Trần Đoàn vẫn lưu luyến núi rừng, mấy tháng sau, Tống Thái Tông đành để ông về lại chốn cũ. Tướng thuật của Trần Đoàn là học từ Ma Y đạo giả, đúng là thầy giỏi có trò hay. Trải qua nỗ lực học tập trở thành đại tướng sư thời Tống sau Ma Y đạo giả. Tướng thuật của Trần Đoàn hoà hợp cả phương thuật của Đạo gia nên cũng có nhiều sắc thái thần kỳ giống như Ma Y đạo giả.

Tương truyền, ông từng xem tướng cho Triệu Khuông Dẫn, nói Triệu có tướng thiên tử. Sau Trần Đoàn cười lừa đi biện Châu, giữa đường nghe tin Thái Tổ lên ngôi, liền cười lớn lăn xuống đất, nói "Thiên hạ yên định rồi".

Theo "Thiệu thi văn kiến lục" quyển 7 của Thiệu Bá Ôn, thì:

"... Nhà vua (Tống Thái Tông) thấy ông giỏi xem tướng, liền bảo ông sang sảnh phía nam xem cho Chân Tông lúc đó chưa được truyền ngôi. Vừa đến cửa, ông đã quay lại. Mọi người hỏi duyên cớ, ông nói: "Những người phục vụ trước vương môn đều là bậc khanh tướng, cần gì phải xem cho vương nữa. Thấy những người này là đoán định được rồi". Hai chuyện xem tướng trên được truyền tụng mãi ở đời sau. Qua đó, thấy được trình độ xem tướng của Trần Đoàn. Đặc biệt là chuyện xem tướng cho Chân Tông, là xem tướng được cho người dưới quyền, hà tất phải xem tướng cho vương nữa! Logich này của tướng thuật là do có tướng lý tinh thâm và kinh nghiệm phong phú vượt xa các tướng sĩ thông thường.

Sách "Tổng bái loại sao" ghi chép: Trương Quai Nhai học làm thi thư "muốn giành trạng nguyên", nhưng do tệ lậu của quan trường, ngôi trạng nguyên lại rơi vào tay Hồ Đán". Trương công phần xé hết mũ áo, muốn theo Trần Hy Di học đạo, tìm vào rừng núi nhờ Hy Di dạy làm thầy tổ chí quyết không làm quan nữa. Hy Di rất tình, vừa thấy đã nói: "Ông đáng làm công khanh, vất vả suốt đời... Chỗ này không phải là nơi lâu các". Quai Nhai kiên trì xin nhập đạo. Trần nói: "Tính ông nóng nảy, vào đạo sao được?". Quả nhiên, năm sau Trương thi đỗ. Hy Di gửi tặng bài thơ: "Chinh Ngõ nhập Thục thị tâm thường, Đỉnh phật sinh ca cứu hoá mang. Ngật đắc Giang Nam giai lệ địa, Khước ung đa tụ não biên sang" (Tạm dịch:

Đánh Ngõ, vào Thục mấy lần

Xa nơi ca múa, vào tâm đạo tên.

Giang Nam đất tốt sống yên

Là nhờ nhọt mọc ngay bên chóp đầu)

Xem thơ, Trương lúc đầu không hiểu rõ ý. Quả nhiên về sau ông phải hai lần vào Thục. Lần đầu, để dẹp loạn Vương Quân, Lý Thuận, lần sau để dẹp cuộc làm phản của cấp di Dư Hàng và tiền tả đạo Tăng Thiện Đà. Đó là những việc nguy hiểm khi "vào Thục đánh Ngõ". Ông mấy lần xin về nghỉ, nhưng triều đình không cho, đến khi lên nhọt ở não, ông xin về Kim Lăng (tức Nam Kinh ngày nay, thuộc miền Giang Nam - ND) dưỡng bệnh, triều đình mới thuận cho.

Lại theo "Thiệu thị văn kiến lục" quyển 7:

"Tiên sinh Chung Phóng, tự Minh Dật ẩn cư ở Báo Lâm Cốc trong Chung Nam Sơn, nghe tiếng đồn về tiên sinh Trần Hy Di ở Hoa Sơn, liền đến thăm. Hôm đó, Hy Di tiên sinh sai người quét

dọn nhà và nói: "Sẽ có khách quý đến". Minh Dật ăn mặc như tiểu phu vái lạy dưới thêm. Hy Di vội đỡ dậy, nói: "Ngài đâu phải tiểu phu. Hai mươi năm nữa sẽ là quan to, tiếng tăm vang lừng thiên hạ". Minh Dật nói: "Tôi vì muốn đạo mà đến đây, không phải để hỏi về quan tước". Hy Di cười nói: "Sự sang hèn của người ta đều có số mệnh. Người sang không thể hèn, người hèn cũng không thể sang được. Cốt tước của ngài cao sang tuy có muốn tiếc nơi rừng núi nhưng e rằng cũng không ở yên được. Sau này ngài sẽ tự biết". Sau, Minh Dật ở Châu Miếu, triều đình triệu về làm tư gián, nhà vua cầm tay dắt lên long đồ các, bàn việc thiên hạ, rất tôn trọng. Ông từ biệt về núi, triều đình lại điều làm gián nghị đại phu, sau đổi làm cấp sự trung, rồi đổi làm công bộ thị lang. Hy Di lại bảo Minh Dật: "Ngài không lấy vợ thì có thể được trung thọ". Minh Dật nghe theo, tới năm 60 tuổi thì mất".

Hai câu chuyện trên cho thấy, cả Trương Quai Nhai và Phùng Phóng đều có chí muốn đi ẩn dật, nhưng chỉ vì "tính tình nóng nảy", "cốt tước cao sang", không có duyên kiếp của Đạo gia, được Trần Đoàn thấy rõ và khuyên ngăn, mới phát huy tài năng, "tiếng tăm vang khắp thiên hạ". Con mắt của Trần Đoàn thật là sắc bén thấu triệt, như xuyên thấu cả mây mù.

Trước tác của Trần Đoàn có "Võ cực đồ", "Tiên Thiên đồ", "Chỉ huyền thiên", "Tam phong ngụ ngôn", đều là những tác phẩm tinh thâm về lý học và dưỡng đan. Ngoài ra ông còn sáng tác hơn 600 bài thơ.

Trong tướng học sử có cuốn sách tên là "Tâm t
trước kia ghi là Trần Đoàn soạn. Trần Hùng Mưu th
chép sách này trong cuốn "Huấn tục khiển qui" có c
"Đây là trước tác nổi tiếng về tâm tướng, cho rằng t

thiên"

th có

sau:

tâm

sinh ra. Tâm có thiện ác, có trung hậu và bạc bẽo, nên sự tốt xấu của tướng theo đó mà ra". Cuốn sách "Trần Hy Di Tâm tướng thiên thuật số" do Tô Văn Trạc biên soạn rất có giá trị tham khảo.

Viên Cung (1334- 1410) tự là Đình Ngọc, người đất Ngàn Thành (nay là Ninh Ba, tỉnh Chiết Giang) là tướng thuật đại sư nổi tiếng nhất thời cuối Nguyên đầu Minh.

Viên Cung sinh trong gia đình thư hoạn. Cao Tổ (cụ năm đời) là Viên Dung, tiến sĩ triều Tống, cha là Viên Sĩ Nguyên, làm quan tới chức hàn lâm kiểm duyệt. Từ nhỏ đã có bẩm tính thông minh, hành vi khác người, có tiếng về thơ văn. Theo "Minh sử - Phương kỹ", tướng thuật của Viên Cung là học được từ một vị tăng nhân. Một lần ông đi thuyền ra biển, đến chơi một nơi danh thắng có tên là Lạc Già Sơn. Trên núi, may mắn gặp được một dị tăng là Biệt Cổ Nhai, một người tính thông tướng thuật. Vị sư thấy Viên Cung tướng mạo khác thường, có phong độ khiêm cung mãi tiếp, liền đem toàn bộ thức truyền lại cho học Tướng thuật của Biệt Cổ Nhai khác hẳn với các thầy tướng khác. Khi ông dạy Viên Cung, trước hết bắt Viên Cung ngửa mặt nhìn mặt trời đến lúc mắt hoa mờ quá rồi cho vào buồng tối để phân biệt đậu đỏ, đậu trắng. Rồi ban đêm lại treo chỉ ngũ sắc ngoài cửa sổ, rồi bảo Viên Cung lợi dụng ánh sáng để phân biệt các loại màu chỉ. Sau khi luyện được những công cơ bản đó, Biệt Cổ Nhai mới dạy Viên Cung xem tướng người. Về phương pháp là vào buổi tối thắp hai ngọn đuốc lớn rồi quan sát hình trạng khí sắc người, sau đó phối hợp với năm sinh tháng đẻ của người được quan sát mà đoán số mệnh. Làm như vậy, kết quả rất chính xác "không bao giờ lầm lẫn".

Tướng thuật của Viên Cung đã khá nổi tiếng ngay từ cuối thời Nguyên, "đã xem tướng cho mấy ngàn sĩ đại phu, về những chuyện

hoạ phúc, sống chết, công danh, tài lộc, ngày giờ kiêng kỵ... không điều nào là không đoán trúng một cách kỳ lạ".

Phổ Hoá Thiếp Mộc Nhi là nam đại phu triều Nguyên, mộ danh Viên Cung, đã từ Phúc Kiến đi thuyền tới bãi phỏng Viên Cung, xin Viên Cung chỉ cho tiền đồ trên hoạn lộ. Viên Cung nói với ông ta: "Thân khí của ngài nghiêm túc, dáng điệu thoải mái, là tướng đại quý. Nhưng vùng ấn đường, tư không có màu tía, làm quan trong 114 ngày bị cướp ấn. Song giữ được lòng trung chính, lưu danh hậu thế. Xin ngài luôn nhắc nhở mình". Ấn Đường, là thuật ngữ tướng thuật, chỉ một trong "mười ba bộ vị", ở giữa hai lông mày dưới trung chính và trên sơn căn. Tư không là vùng chính giữa trán. Các nhà tướng thuật coi hình trạng khí sắc của ấn đường, tư không là cái quyết định quan lộc của người ta. Phổ Hoá Thiếp Mộc Nhi về sau tới nhậm chức ở Giang - Triết, quả nhiên bị Trương Sĩ Thành cưỡng bức đoạt ấn, đã chống lại và chết.

Viên Cung còn xem trước cho Trình Từ là hiển phò Giang Tây, nói "Ông có màu vàng và tía tái hiện ở đế toạ, trong một ngàn ngày có hai việc vui. Nhưng người lạnh lòng không giữ được lòng trung". Một năm sau, Trình Từ thăng lên chức binh bộ thị lang, không lâu sau làm thượng thư, một năm sau, hàng triều Minh, làm lại bộ thị lang. Những sự kiện đó, đúng là "trong khoảng một ngàn ngày".

Lại xem tướng, cho Đào Khải, nói: "Ngài có ngũ nhạc triều tập, nhưng khí sắc chưa hiện ra, ngũ tinh rõ ràng, nhưng chưa thấy quang trạch nên im lặng đợi thời. Không tới mười năm sẽ tiến lên về văn, làm bày tôi của triều đại khác quan chức tới nhị phẩm, ở vùng Kinh, Dương". Ngũ nhạc, chỉ năm phần trên mặt, gồm: Trán là nam nhạc; Hành sơ. Cằm là bắc nhạc; Hông sơn, gò má trái, là đông nhạc Thái Sơn, gò má phải là tây nhạc; Hoa Sơn, mũi là trung

nhạc. "Ngũ nhạc triều tập" được coi là quý tướng, có thành tựu về sự nghiệp. Ngũ tinh gồm: Trán là Hoả tinh, mũi là Thổ tinh, miệng là Thuỷ tinh, tai trái là Kim Tinh, tai phải là Mộc tinh. Tướng thuật gia coi ngũ tinh rõ ràng nhưng chưa chiếu sáng, là điểm lúc đầu nghèo hèn nhưng sau sẽ giàu sang. Về sau, Đào Khải quả nhiên làm lễ bộ thượng thư triều Minh kiêm tham chính hành tỉnh Hồ Quảng.

Đến đầu thời Minh, thanh danh của Viên Cung càng rực rỡ, ai cũng cả ngơ. Trong đó có chuyện được các tướng sĩ đua nhau truyền tụng là chuyện xem tướng cho Minh Thành Tổ Chu Lệ. Theo "Minh sử", Diêu Quảng Hiếu vô cùng mê tín tướng thuật của Viên Cung và giới thiệu ông với Chu Lệ lúc bấy giờ còn là Yên vương. Viên Cung được triệu đến Bắc Bình, thấy Yên vương có các vệ sĩ xúm xít xung quanh, đang luyện tập bắn cung. Khi uống rượu nghe nhạc trong lầu liên tiến tới, quì xuống nói: "Sao điện hạ lại coi nhẹ thân mình như vậy?" Các vệ sĩ đều cười ông nói năng vô vị, nhưng Yên vương thấy thái độ ông rất nghiêm túc, liền mời về dinh. Viên Cung nói tiếp: "Ngài đi đứng như rồng như hổ, nhật giác tháp thiên, là tướng mạo thiên tử đời thái bình. Năm bốn mươi tuổi, râu dài quá rốn, sẽ lên ngôi chí tôn". Lại nói: "Những người phục vụ uống rượu trong lầu vừa rồi, tương lai đều là công hầu tướng soái cả". Lúc đó Chu Doãn Văn đang làm vua, niên hiệu là Kiến Văn. Yên vương từ lâu đã có lòng không thần phục. Nghe Viên Cung nói thế thì rất mừng rỡ, nhưng lại lo ông ta nói lung tung khắp nơi, vội đưa ông ta về Tung Sơn tự. Sau, Yên vương lấy cớ đem quân hỏi tội bọn gian thần bên cạnh vua, đem quân xuống Nam Kinh, chiếm lấy ngôi vua. Rồi triệu Viên Cung vào cung, phong chức "thái thượng thị thừa", "ban cho áo, mũ, ngựa xe, vải vóc lụa là, và nhà cửa". Viên Cung không lưu luyến núi rừng như Trần Đoàn, liền mặc quần áo quan

lại, cười tuán mã, đi lại giữa Đại thường tự và Hoa ốc, rõ ra vẻ một ông quan xem tướng".

Nội dung xem tướng gồm cả toàn thân, lớn thì như hình thể, nhỏ thì tới lông tóc. Riêng Viên Củng còn xem cả tướng vú nữa. "Minh sử - Kim Trung truyện" có chép: khi Kim Trung chưa phát tích, từng giao du với Viên Củng. Có lần vợ Kim ôm con cho bú, Viên Củng nhìn thấy cặp vú của vợ Kim Trung, liền nói: "Phu nhân sẽ đại quý". Sau Kim Trung làm tới Binh bộ thượng thư, bà vợ vì thế mà đại quý.

Viên Củng không chỉ xem hình mạo người ta mà còn xét được cả tâm tính. "Người ta không sợ nghĩa mà sợ họa hoạn, phải luôn luôn từ chỗ bất thiện dẫn dắt tới chỗ thiện, thay đổi phẩm hạnh đi, chuyện ấy có nhiều". Vì bản thân ông ta là người trung hậu hay giúp đỡ bạn bè, ra ơn với họ hàng nên ông ta thường khuyên người ta làm điều thiện.

Những năm cuối đời, Viên Củng ở vùng ngoại ô phía tây Ngân thành, trồng rừng liễu xung quanh nhà, lấy hiệu là Liễu trang cư sĩ. Niên hiệu Vĩnh Lạc năm thứ 8 (1410), ông mất lúc 76 tuổi. Hoàng đế Vĩnh Lạc cho tiến hành tang lễ và tặng chức Thái thường thiếu khanh.

Viên Củng có tác phẩm "Liễu trang tập" còn "Liễu trang tướng pháp" lưu hành vào đời sau là do người đời đội tên, không phải là tác phẩm do ông soạn.

Viên Trung Triệt tự là Tĩnh Tự, con của Viên Củng. Được cha truyền cho tướng thuật từ nhỏ. Cũng là một đại tướng sư thời Minh.

Theo "Minh sử - Phương kỹ", khi Yên vương triệu Viên Củng vào yết kiến thì trình độ tướng thuật của Trung Triệt đã khá tinh

thâm. Ông ta theo cha tới Bắc Bình được Yên vương ban yến. Trong bữa tiệc, Yên vương muốn thử tài xem tướng của Trung Triệt, lệnh cho ông ta xem tướng cho các quan văn võ có mặt. Trung Triệt tất nhiên không bỏ qua cơ hội phô diễn tài năng. Ông ta nhìn khắp một lượt, rồi ung dung nói: đồ đốc Tống Trung mặt vuông tai to, thân ngắn khí phù, bố chính sứ Trương Bình mắt vuông ngũ tiểu, bước đi như rắn; đô chỉ huy Tạ Quý ục ịch béo sẫm và khí đoán, đô đốc Cảnh Hiến Quyên xương gồ gề, sắc như lửa; kiểm đô ngự sử Cảnh Thanh người ngắn, tiếng nói vang. Những người đó theo tướng pháp, đều đáng tội "tử hình". Nghe xong, Yên vương rất mừng, càng quyết tâm làm phản. Sau Yên vương lên ngôi vua, Viên Cung được trọng thưởng, Trung Triệt được triệu vào, phong chức hồng lô tự ban.

Minh Thành Tổ rất ưa thích Trung Triệt, không lâu sau, thăng Trung Triệt làm thượng bảo tự thừa, sau đổi làm trung thư xá nhân. Từng theo Thành Tổ bắc tuần, trên đường bàn luận về số mệnh, nói mọi điều hay, Thành Tổ nắm tay hỏi han, quan hệ rất thân thiết. Sau khi bắc tuần trở về, có lần Thành Tổ đuổi hết tả hữu, hỏi riêng về tiền đồ, họa phúc của các quan văn võ như Chu Phúc, Chu Năng, Trương Phụ, Lý Viễn, Liễu Thăng, Trần Mậu, Tiết Lục, Diêu Quảng Hiếu, Hạ Nguyên Cát, Kiểm Nghĩa, Kim Trung, Phương Tân, Ngô Trung, Lý Khánh... Mọi lời đoán sau này đều nghiệm.

Từ thời Đường tướng thuật đã rất phổ biến, người ta hỏi thầy tướng về việc được, mất quyền lực, thậm chí các quan chức không nhờ thầy tướng xem tướng cho mình, còn nhờ xem cho các quan hạ dưới quyền và đồng僚 để cầu phúc tránh họa. Thật đáng ngạc nhiên, tệ tục đó truyền mãi tới thời Minh, ngay đến Minh Thành Tổ, hoàng đế đương triều cũng nhờ Trung Triệt giúp tìm hiểu số mệnh các bầy tôi. Điều này cho thấy vai trò của tướng thuật

dưới triều Minh. Sau khi Thành Tổ đoạt được ngôi hoàng đế, hoàng đế Kiến Văn đi đâu không biết tung tích, khiến Thành Tổ rất lo lắng, chỉ lo sau này Kiến Văn gây khó khăn cho mình, nên đã phái người đi các nơi tìm tung tích Kiến Văn. Ông ta phái Trình Hoà đi Tây Dương, nghe nói cũng vì mục đích đó. Không tìm thấy Kiến Văn nên Thành Tổ mãi mãi không yên tâm. Viên Cung từng nói ông ta "dáng đi như rồng như cọp, nhật giác thắp thiên là thiên tử đời thái bình", khiến ông ta quyết tâm cướp ngôi, và cuối cùng đã thành công. Sau khi lên ngôi, làm sao giữ cho ngôi vua yên ổn, làm sao giải quyết tốt quan hệ vua tôi, xem ra ông ta lấy biện pháp nhờ cha con Viên Cung xem tướng làm biện pháp quan trọng.

Viên Trung Triệt làm trung thư á nhân trong chín năm rồi trở lại làm thượng bảo tư thừa, "Tiểu Thiếu Khanh". Có một vị vua mê tín tướng thuật như vậy nên quan chức của Viên Trung Triệt mỗi ngày một cao, mỗi ngày một vững chắc. Điều này cũng ít thấy trong lịch sử tướng thuật. "Nhà vua biết Trung Triệt từ khi còn làm phiên vương, nên đối đãi khác với các ngoại thần. Trung Triệt vì được nhà vua coi trọng, nên dám nói thẳng". Tình "thân mật" đó bên ngoài là quan hệ vua tôi, nhưng về sâu xa, là quan hệ giữa thầy tướng và khách xem tướng.

Phương pháp xem tướng của Trung Triệt giống như cha mình. Có nhiều "dật sự" về sự ứng nghiệm trong việc xem tướng của ông ta, có thể thấy trong các tiểu thuyết dã sử. Ông ta từng xem tướng cho Vương Văn, nói Vương "mặt không có sắc, tướng pháp gọi đó là lệ huyết đầu", xem tướng cho Vu Khiêm, nói Vu Khiêm "mắt thường nhìn lên trên, tướng pháp gọi đó là vọng đao nhãn". Sau này, cả Vương Văn và Vu Khiêm đều bị xử tội chém đầu.

Viên Củng truyền tướng thuật cho Trung Triệt nhưng không truyền được cho con tính thuần hậu, tốt bụng của mình. Con người Trung Triệt khác hẳn cha, tính tình nham hiểm, bụng dạ hẹp hòi. Khi ông ta có mâu thuẫn với ai, liền lợi dụng quan hệ đặc biệt của mình với Thành Tổ để hãm hại người đó, đặc biệt khả ố là ông ta dùng tướng thuật để vu cáo, "khi có hiềm khích với quân thần, thì dùng tướng thuật để gièm pha với trên". Được sủng ái vì tướng thuật lại dùng tướng thuật hại người, đó là một đặc điểm lớn của Trung Triệt.

Nửa đời trước của Trung Triệt được Thành Tổ yêu quý, nâng đỡ, có thể nói là một quan xem tướng đắc ý, nhưng từ 50 tuổi về sau thì rất không đắc ý, nguyên nhân là "bị nếm mùi giáng chức và xử phạt" "Niên hiệu Chính Thống, lại bị giáng chức và cho về hưu". Trong hai lần bị xử phạt đó, thời gian trước sau hơn 20 năm, đại tướng sư cũng chịu theo số mệnh, không còn vênh vang được nữa.

Trung Triệt rất ham đọc sách đã ghi những hiểu biết tướng thuật thành sách "Nhân tướng đại thành". Sống tới năm 83 tuổi. Khi ông ta chết, Thành Tổ không còn coi trọng và không cho tổ chức tang tế. Về điểm này ông ta không có được niềm "vinh diệu" như cha mình.

2. PHÁC HỌA VỀ CÁC THẦY TƯỚNG

(1) - HỌC VẤN, XUẤT THÂN

Thành phần của các thầy tướng thời cổ tương đối phức tạp. Họ vừa được phân thành "chuyên nghiệp" và "nghề dư", vừa được phân thành "phái thư phòng" chú trọng về nghiên cứu lý luận và "phái giang hồ" chỉ nhằm mục đích hành nghề kiếm sống. Về

những thầy tướng chuyên nghiệp, có người xuất thân từ tầng lớp sĩ phu phong kiến, có người là hoà thượng, đạo sĩ, có người là giang hồ thuật sĩ đời đời kiếm sống bằng nghề này. Về các thầy tướng nghiệp dư, nói chung đã có nguồn sống chính, hoặc là đế vương khanh tướng, hoặc là văn nhân, hoặc làm ruộng, làm thơ, đi buôn, những lúc nhàn rỗi, lấy chuyện tướng thuật làm vui, để bàn về số mệnh con người. Trong số họ có người đạt tới trình độ khá cao. Theo ghi chép, Tề Cao Tông, Đường Huyền Tông, Tống Nhân Tông, Nguyên Thái Tổ, Minh Thành Tổ đều là những "minh quân" am hiểu tướng thuật. Lý Bạch, nhà thơ lớn thời Đường, ngoài việc uống rượu ngâm thơ, cũng học lỏm và biết xem tướng. Trong "Thuỷ Kính tập" có ghi một câu chuyện đáng ngạc nhiên: Quách Tử Nghi, một công thần trong cuộc dẹp loạn An Lộc Sơn, khi còn là một tên lính mà Lý Bạch đã nói với người khác: "Tráng sĩ này lông mày dài tới tóc mai, mắt sáng rực, mặt gân guốc, tiếng nói vang xa, tỏ rằng cốt lực có dư, ngày sau tất giữ chức cao hơn người". Qua lời nói của Lý Bạch thấy ông đã đạt tới trình độ "chuyên nghiệp" về tướng thuật. Đại văn hào Tô Thức thời Tống cùng với Âu Dương Tu, trong lúc rỗi rãi việc quan, cùng nhau thù tạc, cùng rất có hứng thú với tướng thuật. Trong "Cửu trì bút ký", Tô Thức có viết:

"Ân Dương Văn Trung công thường nói, lúc nhỏ có nhà sư xem tướng cho mình, nói tai trắng hơn mặt sẽ nổi tiếng trong thiên hạ, môi không che hết răng thì vô cơ bị gièm pha lời nói đó rất ứng nghiệm. Tai trắng hơn mặt thì ai cũng đều nhìn thấy; còn môi không che hết răng, tôi không dám hỏi ông, không hiểu sự việc như thế nào".

Tô Thức còn thích giao du với các thầy tướng, bàn về số mệnh tốt xấu. Ông rất tán thưởng thầy tướng Trình Kiệt, làm bài thơ "Tặng Trình Kiệt, người giỏi xem tướng", tán dương ông là "Tâm

truyền di học bất mưu thân, tự yếu thanh thời duyệt tấn thân" (Lòng truyền di học chẳng mưu thân, tấm lòng trong sáng tiến lên quan).

Những người giàu sang hiển đạt, văn hào nhà sĩ cũng chẳng thoát khỏi thế tục, đều gia nhập trào lưu xem tướng, còn những quan lại văn nhân nói chung, những người làm ruộng, đánh cá, kiếm củi thì càng nói nhiều đến tướng thuật. Người ta bị cuốn vào trào lưu này với những động cơ khác nhau. Khắp nơi từ hoàng cung, dinh quan, phố phường đô thị, làng quê xóm núi đều thấy bóng dáng các thầy tướng, nghe thấy những tiếng rao "làm mê hoặc lòng người, thu hút hồn vía người ta".

Vì muốn hiểu rõ, nắm vững và vận dụng tướng thuật cần có tri thức về các mặt triết học, y học, văn hoá, cần có sự từng trải phong phú và năng lực quan sát, hùng biện nên những người làm nghề này tuyệt đại đa số là các phần tử trí thức, tức là những người từ nhỏ đã thuộc lòng thi thư, ôm ấp hoài bão thi đỗ làm quan, tầng lớp kẻ sĩ từng "coi việc thiên hạ là chức trách của mình", từng tự răn "kẻ sĩ quân tử không vì nghèo khó mà lời lỏng đạo", tại sao lại đi theo con đường ngược lại, rơi vào xã hội thế tục, làm cái công việc tướng thuật ở dưới đáy xã hội này? Giả Nghị đời Hán từng nói: "Những thánh nhân thời xưa, nếu không ở triều đình thì sống với nghề bói toán, làm thuốc". Câu nói trên rất phù hợp để khái quát con đường nhân sinh trắc trở của các thầy tướng và tâm trạng đau buồn khó nói của họ. Họ vốn miệt mài đèn sách bao năm nhằm mục đích hiển đạt để kinh bang tế thế, như câu nói "đọc sách để hiển đạt, tiến vào chốn miếu đường, tạo phúc cho chúng sinh". Nhưng cuộc sống hiện thực lại làm tan vỡ lý tưởng của họ, chế độ tuyển chọn quan lại bất hợp lý, những tệ lậu ở trường thi khiến hàng loạt phần tử trí thức không có cách nào thực hiện được nguyện vọng ôm ấp suốt đời. Sự hắc ám ở quan trường, việc tranh giành quyền lực tàn khốc khiến

một số trí thức phong kiến chính trực không muốn bước vào quan trường để giữ gìn nhân phẩm thanh bạch và sự thoải mái về tinh thần. Cả hai loại người "muốn làm quan mà không được", và "không muốn làm quan", ngoài việc buồn bã, gửi gắm tình cảm vào non nước, vẫn cần giải quyết nhiều việc thực tế trong đời sống là sinh kế và sự khuây khoả tinh thần. Những người "trượt làm quan" thì không biết dùng một bụng sách vở vào việc gì khác, những người "không muốn làm quan" thì có thể do hoàn cảnh gia đình không đến nỗi quá lo toan về sinh kế, nhưng ngoài việc ngâm hoa vịnh nguyệt cũng thuận theo thế tục, đi vào tướng thuật cũng là lẽ tự nhiên. Kết quả là, đã có người bàn luận tướng thuật, có người làm tướng thuật thì sẽ dần dần hình thành đội ngũ những phần tử trí thức chuyên môn về tướng thuật.

Phân tích tỉ mỉ, ta lại có thể chia những người làm tướng thuật thành mấy loại:

Một là, những người bất đắc chí về thi cử, lấy tướng thuật làm nghề nghiệp. Loại này đông nhất. Nếu trình độ tướng thuật bình thường, thì lang thang khắp đầu đường cuối ngõ, đến mức buồn khổ tiêu tụy, có người biến thành kẻ chạy theo đồng tiền, khua môi múa mép để kiếm sống cho gia đình. Nếu trình độ tướng thuật tinh thâm, thì lại hoàn toàn khác có thể ở yên một nơi, có khách nghe tiếng tự tìm đến, không phải xông pha nắng gió, lang thang đầu đường cuối ngõ và tuy không thực giàu có cũng chẳng phải quá lo về sinh kế. Nếu lại được các quan to nhằm trúng, mời đến nhà làm mưu sĩ, thì cuộc sống sẽ thay đổi. Thời Đường Tống, các quan to có thói quen mời thầy tướng đến nhà, nên một số thầy tướng cũng nhờ chủ mà được sang lây. Sách "Tống bài loại sao" có chép: "Trương bộc xạ Tề Hiền khi ở Giang Nam, có viết thư giới thiệu Vương Dục Công với Tiền Hy Bạch. Lúc đó, Tiền nhờ tài danh mà làm quan to, có mời

một thuật sĩ ở phủ của mình. Vương đến xin yết kiến, bị giữ lại ở ngoài cửa, liền lớn tiếng mắng người coi cửa. Thuật sĩ từ trong nhà nghe thấy, liền nói với Tiễn: "Không biết ngoài ấy là ai. Nhưng nếu hình thể xứng với tiếng nói thì trên đời này không có ai cao sang hơn. Chỉ e hình thể không xứng tiếng nói, xin mời vào, để tôi xem. Có thể từ việc nghe tiếng nói mà bảo Tiễn Hy Bạch đón khách vào, vị thuật sĩ này thật có bản lĩnh không tầm thường."

Hai là, sau khi thất bại về thi cử, không xông pha bụi trần nữa, mà đi tu, ẩn cư nơi rừng núi, vừa nghiên cứu kinh Phật, lại cố kiến giải tinh thâm về tướng thuật. Loại người này lấy việc tu dưỡng tính tình, giải cứu chúng sinh làm chính. Họ xem tướng cho người chỉ là để giúp chỉ rõ đường mê, nói chung không thu tiền. Thích Hoảng thời Đường, Ma Y đạo giả và Trần Đoàn thời Tống đều thuộc loại này. Điển hình nhất là Trần Đoàn. Khoảng niên hiệu Trường Hưng thời Hậu Đường, Trần Đoàn cũng nhiệt tâm theo đuổi công danh không may thi trượt phải về. Từ đó, đoạn tuyệt ý nghĩ thi cử làm quan, dốc lòng theo phương thuật. Những truyền thuyết trong dân gian nói về chuyện thần nghiệm khi xem tướng của các hoà thượng, đạo sĩ có rất nhiều. Đó là sự miêu tả đời sống của loại người này.

Ba là, Cũng có một loại tướng sĩ xuất thân từ gia đình thư hoạ, bản thân cũng đặc ý trên hoạ lộ. Như Viên Củng có cao tổ là Viên Dung là tiến sĩ xuất thân, cha là Sĩ Nguyên làm quan tới chức hàn lâm kiểm duyệt. Viên Củng lớn lên trong hoàn cảnh đó, tự nhiên được nung nấu ý thức làm quan. Vì vậy, Viên Củng quen với hoạ lộ, lại nhờ vào tài năng tướng thuật, cuối cùng làm tới chức thái thường thị thừa. Lại như Tống Tề Khâu thời Nam Đường tác giả của "Ngọc quán chiếu thần tặc". Từ nhỏ đã hiếu học, sau khi ra làm quan lần lượt lên tới chức hữu bộc xạ bình chương sự, tư đồ, thái bảo trung thư lệnh. Trương Hành Giản, tướng thuật gia thời

Kim, là tiến sĩ năm Đại Định thứ 19, lần lượt làm lễ bộ thượng thư, hàn lâm học sĩ thừa chỉ, thái tử thái phó. Trong lúc việc quan rồi rã, Trương Hành Giản còn nghiên cứu tướng học, viết nên tác phẩm "Nhân luân đại thống phú" được các tướng thuật gia tôn sùng. Có điều, trong đội ngũ các thầy tướng, những người may mắn như thế là cực kỳ ít ỏi.

Bốn là, có thầy giỏi truyền nghề cho. Có một loại phân tử trí thức vốn ra sức đọc sách để mong hiển đạt, nhưng nửa đường, chịu ảnh hưởng của người khác nên đổi sang học tướng thuật là nghề dễ kiếm sống mà có lúc cũng có thể giàu sang. Về chuyện truyền nghề của thầy, do sự cạnh tranh sinh tồn tàn khốc, một số thầy tướng coi học vẫn là cần câu cơm, với chiêu bài "thiên cơ", "bí tàng", không chịu dễ dàng truyền thụ cho ai, chỉ truyền cho con cái và người nhà, "học được điều gì là ghi chép, giấu đi, coi như châu ngọc". Lời tựa sách "Thần tướng thiết quan đao" của Phá Nạp Văn Cốc sơn nhân viết: "Tôi ở ẩn trong Hoa Sơn tự ở Đại An sơn bên phải bờ sông, được một dị nhân cho cuốn sách, nói: "Con có trí thông minh, lại có linh cảm, được cuốn sách này, có thể ngao du sơn thủy, xem tướng cho các kẻ sĩ trong thiên hạ. Nhưng không được đem khắc in truyền cho người khác. Sách này có tên là tiết lộ thiên cơ nếu khinh suất truyền cho người khác, sẽ bị trời phạt... Tôi đem về cất giấu trong chùa, thế là không tiết lộ. Học trò ta chớ coi thường". Đoạn văn trên có thể coi là sự biện bạch tốt nhất cho tâm lý thần bí đó. Viên Thiên Cương và Viên Thiên Khách thời Đường, Viên Cung và Viên Trung Triệt thời Minh đều là cha truyền cho con. Những tướng sư không có con nối dõi, tất tìm những nhân tài có bẩm tính thông minh đặc biệt mới truyền thụ. Nhà sư Chu Huyền Sài thời Hậu Đường "có người thầy giỏi xem tướng, ông đi theo suốt mười năm, không nề gian khổ, mới được truyền cho bí quyết". Đủ thấy, học nghề là

không dễ dàng. Theo ghi chép, Mạc Hoà là tiến sĩ thời Thanh, năm Đạo Quang làm tới hộ bộ thượng thư, có tài lạ, giỏi tướng thuật. Một lần khi tan triều, đi thăm khách, nửa đường gặp một anh học trò có tướng mạo lạ, liền sai tùy tùng mời đến phủ đệ, nói với anh học trò là: xem tướng mạo anh không có hy vọng gì đỗ tiến sĩ, nhưng tướng thuật của lão phu, chỉ có thể truyền cho anh. Sau khi anh thi rớt thì cứ đến đây. Anh học trò đó quả nhiên thi trượt, đành đến gặp Mạc Hoà. Từ đó hai người cùng nhau nghiên cứu tướng thuật. Khi có khách đến nhà, Mạc Hoà bảo anh học trò nấp sau bình phong quan sát, sau đó thầy trò đối chiếu kết quả xem tướng. Cứ nhiều lần như vậy, qua một số năm, anh học trò đó được chân truyền của Mạc Hoà, "dần nổi tiếng với đời về tướng thuật".

Sự thực, mọi chuyện gia về tướng thuật, bao gồm cả Trần Đoàn, Viên Cung đều phải có thầy truyền dạy. "Tông sư học nghệ" trở thành con đường chủ yếu để có học vấn hành nghề trong ngành tướng thuật.

(2) ĐẶC TRUNG VỀ NHÂN CÁCH

Đặc trung nhân cách của các thầy tướng có thể khảo sát từ hai mặt:

Trước hết, do các thầy tướng từ nhỏ đã học kỹ thi, thư, chịu ảnh hưởng khá sâu của văn hoá truyền thống Trung Quốc. Đặc biệt, quan niệm chính thống của Nho gia đã trở thành qui phạm đối nhân xử thế của họ. Điều đó khiến nhân cách của họ đại thể không khác với các phần tử trí thức nói chung. Nhưng do tướng thuật là sự tổng hợp các tri thức về triết học, y học, lô gích học, xã hội học, tâm lý học và còn cần sự từng trải xã hội rộng rãi, nên các thầy tướng thường có con mắt nhạy bén và thái độ toàn diện về phương thức tư

duy, tác phong quan sát, óc phân tích hơn những người trí thức nói chung. Khi tướng thuật đã tiến hành sự tổng hợp cả Nho, Phật, Đạo, thì các thầy tướng còn hấp thu nhân sinh quan nhân quả báo ứng của đạo Phật và "vô vi, vô bất vi" của Đạo gia và thể hiện những cái đó vào lời nói việc làm khi xem trước của mình. Vì có "dị thuật" nên các thầy tướng, kể cả chuyên nghiệp và nghiệp dư đều được mọi người trong xã hội coi là một nghề đặc biệt, được đãi ngộ đặc biệt, có sự đánh giá đặc biệt, do đó mà hình thành tâm lý nghề nghiệp và đạo đức nghề nghiệp riêng.

Vì những nguyên nhân đó, với tư cách là những người làm nghề đặc biệt các thầy tướng đều phấn đấu nhằm đạt mấy điểm sau: Học vấn phải tinh thâm, không để xem lầm cho người mà mất uy tín của mình; Nhân phẩm phải trung hậu nghiêm túc, mọi việc nghe nhìn, nói năng cử chỉ phải hợp lễ nghi, thực hiện đúng lời Khổng Tử: "Không hợp với lễ thì không nhìn, không hợp với lễ thì không nói, không hợp với lễ thì không nghe, không hợp với lễ thì không làm" (trừ những trường hợp đặc biệt, được người xem tướng đồng ý); Nhân cách phải liêm khiết, thấy lợi phải nghĩ đến điều nhân, không tìm mọi cách xoay tiền, không nói dối người; Phải thực hiện đạo lý khuyến khích người làm lợi cho quốc gia và xã hội, phải giúp đỡ người nghèo, không ruồng rẫy người nghèo, xu kẻ giàu sang; Lời nói phải trung thực, không tán bốc xu nịnh, cần nhã nhặn, tránh thô lỗ, cần từ tốn, không vội vàng... Đặc biệt là sau khi Phật giáo thịnh hành, việc các thầy tướng khuyên người làm điều thiện trở thành đạo đức nghề nghiệp phổ biến. Trong những sách vở ghi chép về những chuyện đó, "Tổng bài loại sao" có ghi một chuyện như sau: "Đình Tấn Công vốn người đất Ngô, đời cháu đời đến Kiến An, nhà giàu có. Con cháu có người tên là Thực, trẻ trung tuấn tú, có tài, ham cờ bạc. Tuy thường được bạc, nhưng lại phụng phí

chơi bời. Cha anh ta nhiều lần trách mắng, vẫn không hối cải. Người cha nổi giận, trói giam trong buồng, không cho ăn uống, đói gần chết. Một bà già trong nhà thương hại, phá vách cho trốn đi. Người cha thấy con trốn đi thì mừng không hỏi han tới nữa, nhưng cho rằng tất chết nơi ngồi rãnh. Thực nhờ bà bạn giúp đỡ lộ phí đi đến kinh sư, xin thi vào Thái học dự cống. Năm Hy Ninh thứ 9, được ghi tên ở Nam tỉnh.

Ở chùa Tướng Quốc có một thầy tướng nổi danh, khách đến xem tướng đông như chợ. Thực liền đến thăm. Thầy tướng nói: Khí sắc ngài cực tốt, tôi chưa thấy ai có tướng tốt như ngài. Sẽ đỗ đầu. Rồi viết chữ lớn trên tường: "Trạng nguyên năm nay là Đinh Thực". Thực càng tự phụ, vẫn giữ ham thích cũ. Lúc đó có hai học trò đất Thực là bạn học, có nhiều tiền, cũng thích đánh bạc. Thực mời họ đến tửu lâu, sai đầy tớ mang đồ đánh đống bạc bên cạnh. Hai bạn cùng cười, cùng đánh bạc trên gác nhỏ. Ban đầu đặt tiền một vạn quan, càng đánh càng hăng, mê say không nghĩ. Xong buổi đánh bạc, vì Thực đánh giỏi buổi đó được sáu trăm vạn, đếm đủ tiền rồi về. "Hai ngày sau, lại đến chỗ thầy tướng. Thầy tướng kinh ngạc nói: "Sao ngài hôm nay khác hẳn hôm trước. Sao còn có thể đỗ đầu được nữa? Làm hỏng cả thuật xem tướng của tôi!" Thực xin thầy tướng nói rõ. Thầy tướng nói: "Xem tướng người trước hết phải xem thiên đình, khoảng hoàng sáng bóng thì tốt, nay lại thấy khô xác và đen, nhất định là có tâm địa bất thiện có hành động vụ lợi, phụ cả thân mình rồi!" Thực hoảng sợ liền nói hết sự thực, rồi hỏi: "Bây giờ sửa chữa lại, có được không?" Thầy tướng nói: "Nếu đã quyết tâm, thì cội u minh sẽ thấu hiểu. Nếu thực lòng hối lỗi, thì còn có thể chiếm bằng đầu, ở dưới năm người khác". "Thực liền tìm hai anh học trò đất Thực, trả lại quá nửa số tiền được bạc. Khi thi đình, xướng danh, Từ Phong đỗ đầu, Thực đỗ thứ sáu".

Câu chuyện trên rất có ý nghĩa: Đinh Thục không nghe lời dạy bảo của cha, nhưng lại hết lòng tin lời thầy tướng. Thầy tướng nói anh ta có số đồ trạng nguyên, anh ta không lo tiến thủ, lại chơi bời ngông cuồng khiến hình sắc thay đổi. Sau nhờ nghe lời nhắc nhở của thầy tướng mới chiếm được vị trí thứ sáu bảng đầu. Thầy tướng khuyên người làm việc thiện là thái độ nhân sinh của Phật giáo.

Một số bộ phận thầy tướng chán ghét quan trường hoặc gặp nhiều va vấp trong đời sống hiện thực thì biểu hiện phẩm cách cao ngạo siêu trần thoát tục. Họ dấu mình nơi rừng núi, lưu luyến sông hồ, không màng danh lợi, xem tướng cho người đời, thường nói thẳng xấu tốt, thiện ác, không động lòng vì tiền bạc. Ma Y đạo giả, Trần Đoàn là đại biểu điển hình của lớp thầy tướng này.

Sau nữa, tuyệt đại đa số thầy tướng là người thất ý về sự nghiệp, có đời sống quần bách. Vì vậy, đứng trước tiền bạc, việc tuân thủ nghiêm khắc qui tắc nghề nghiệp của các thầy tướng đối với một số người là vô cùng khó khăn. Đại đa số tình huống là, vì công danh lợi lộc, họ không tiếc khôn khéo nịnh hót, nói dối trá để kiếm tiền, tỏ rõ nhân cách bỉ ổi dễ tiền, bị mọi người khinh rẻ.

Một số thầy tướng hoặc thất lợi về đường khoa cử, hoặc hết đường làm quan, rõ ràng thấy tiền đồ mờ mịt, nhưng vẫn không nguôi mộng giàu sang. Họ chọn nghề tướng thuật, gắng sức nghiên cứu cho sâu, lấy đó làm nghề nghiệp, ngoài việc giải quyết cơm áo, còn không ngừng tìm kiếm cơ hội để vươn tới đích giàu sang, cái đích mà họ đã không đạt được bằng đường khoa cử. Đối với khách hàng xem tướng, những ai họ thấy tướng mạo xoàng xĩnh thì khéo léo nói qua quýt mấy câu để kiếm vài đồng uống rượu. Nếu gặp người có "quí tướng" thì căn cứ tình hình xã hội lúc đó, căn nhắc tình thế, thấy người đã có phát đạt, thì ra sức làm thân, nói sau này

phú quý xin đừng quên nhau" để hồng được chiếu cố về sau. Theo "Nam sử - Tống Vũ Đế kỷ": "Khi Tống Vũ Đế còn hàn vi, có người ở Tấn Lăng là Vi Tảo giỏi xem tướng, Hoàn Tu mời ông ta đến xem tướng cho Lưu Dự, sau là Tống Vũ Đế, xem có thể làm tới quan Châu không. Trước mắt, Vi Tảo nói Tống Vũ Đế có thể làm thứ sử Biên Châu, nhưng lại ngầm nói với Tống Vũ Đế, Tống vũ Đế hiểu ý cười nói: "Nếu đúng sẽ cho ông làm Tư mã". Sau quả thực Tống Vũ Đế làm hoàng đế, Vi Tảo lập tức tìm đến yêu cầu thực hiện lời hứa trước, nói: "Thành Vượng trước kia đã không phụ lời nói "đồng diệp", nay bệ hạ cũng không nên quên lời hứa cho tôi làm Tư Mã. Tôi không dám xin làm Tư Mã cầm quân chỉ xin chỉ huy quân hầu cận". Tống Vũ Đế thấy anh ta cầu xin tha thiết, đành phải thực hiện lời hứa. Tính cách vô lại cò kè xin xỏ của Vi Tảo, đúng là tiêu biểu cho loại tướng sĩ đó.

Đương nhiên, số thấy tướng may mắn gặp được vị "chân mệnh thiên tử như thế là cực thiếu số, còn số lớn thấy tướng thì hoặc mở cửa hàng, hoặc lưu động khuê chuông gõ mõ để xem tướng cho mọi người là chính. Loại thấy tướng này có số phận hẩm hiu, chịu mọi cảnh đời đen bạc, chiếm số đông nhất trong hàng ngũ các thầy tướng và đời sống rất thấp. Do sống dưới đáy xã hội, trải mọi cảnh đời nên loại thầy tướng này không kể gì đến đạo đức, luôn quay quắt dờ mọi trò miệng lưỡi, không tiếc thủ đoạn gì để kiếm tiền. Lỗ Tấn đã từng khắc hoạ hình tượng loại nhân vật này. Ông viết, các thuật sĩ xem tướng "đối với khách, rất ít thầy dám quả quyết nói họ nghèo túng suốt đời, và nếu có thì mỗi thầy cũng nói một phách, thầy A nói số nghèo, thầy B nói số giàu, làm cho người nghèo không biết số phận mình sẽ ra sao" (Xem "Hoa biên văn học"). Các thầy tướng chẳng qua chỉ dựa vào tâm lý muốn thay đổi số phận,

giữ bỏ nghèo hèn vươn tới giàu sang của người ta, rồi dùng lời hoa mỹ để moi tiền mà thôi.

Chúng ta hãy chịu khó xét một vụ án điển hình để thấy được diện mạo của loại thầy tướng này:

Thời cận đại ở huyện Hoàng Mai phía đông Hồ Bắc có một nhà giàu tên là Dương Bách Vạn. Ông ta muốn giữ được gia tài nên muốn tìm kiếm chỗ dựa trong quân đội, liền cho hai con vào quân đội. Đáng tiếc là hai cậu con không có "số mệnh tốt", mãi mãi vẫn không làm nên trò trống gì. Dương Bách Vạn không biết làm thế nào, đành nhờ thầy tướng ở địa phương tên là Trại Lưu Cơ tìm giúp một thanh niên có tướng tốt để nhận làm con nuôi rồi lại cho vào phục vụ trong quân đội. Chẳng bao lâu, Trại Lưu Cơ tìm được một thanh niên tên là Tô Thành Long, khoe là anh ta có tướng đại quý. Hãy nghe Trại Lưu Cơ giới thiệu.

Trại Lưu Cơ chỉ vào hình vẽ thập nhị cung rồi nói: "Trước hết hãy nói về mệnh cung của Tô Thành Long - Mệnh cung ở giữa hai lông mày phía trên sơn căn. Cung này rất cân đối, bằng phẳng, nếu lại thêm ngũ nhạc triều qui, tam đình bình mãn, thì sẽ giữ được sự hiển đạt, quan lộc thăng tiến suốt đời. Trong ngũ nhạc, trung nhạc là quan trọng nhất cần cao và gồ, được đồng tây nhạc triều ứng là đại cát... Tô Thành Long đúng là như vậy. Đương nhiên, chỉ có ngũ nhạc cao đẹp mà không có nước thì không đẹp. Do đó, tứ độc phải sâu và bóng mát là quý tướng. Mà Ngô Thành Long thì có tứ độc thâm tàng thanh khiết. Bây giờ xem ngũ tinh, lục diệu, tam tài, tam đình của anh ta, tất cả đều là chính cách. Tất cả đều thể hiện quý tướng. Có bài về nói rằng:

*Tả nhĩ kim tinh tu yếu bạch
 Quan tước chung tất hoạch
 Khẩu vi thủy tinh tu vi hồng
 Quý hiển tác tam công
 Ngạch khoát tu bình, trung chính mẫn
 Quan lộc tảo tảo ban*

Dịch:

*Tai trái kim tinh bạch
 Quan tước tất giành được
 Miệng - Thủy tinh cầu hồng
 Giàu sang tới tam công
 Trán rộng, giữa đầy đặn
 Quan lộc sẽ vô hạn...*

Ngoài ra, đặc biệt nhất là "Nhạc phù vân" ở bàn tay anh ta...
 "Trại Lưu Cơ vừa nói vừa giở sách "Tướng pháp bí quyết", lật mấy
 trang, chỉ vào hình vẽ vân tay, nói tiếp: "Đây là 24 bức vẽ vân tay,
 đây là "đái ấn vân", chỉ sẽ đeo ấn làm thái sư. Có câu vè:

*Chưởng thượng văn như đái ấn hình
 Tiên trình hợp chủ hữu công danh
 Mạc ngôn phú quý ngô bất nguyện
 Tự hữu thanh danh tác thượng khanh*

Dịch:

*Vân tay đeo ấn rõ hình
Tiền đồ sáng sủa công danh rõ ràng
Dù rằng chẳng muốn giàu sang
Công hầu khanh tướng thanh danh tự vẻ*

Đây là "bình phù vân", ra làm thống soái vào làm tể tướng. Ngày xưa Trần Bình có loại vân tay này bây giờ Tô Thành Long cũng có. Có câu vè:

*Bình phù vân hiệu chương trung ương
Niên thiếu đăng khoa sĩ lộ trường
Tiết hoặc định ứng quyền yếu vị
Công thủy thanh sử, mỹ danh dương*

Dịch:

*Giữa tay hiện dấu bình phù
Trẻ trung thi đỗ, hoạn đồ dài lâu
Số này chức trọng quyền cao
Công lao, danh tiếng ghi vào sử xanh"*

Dương Bách Vạn nghe Trại Lưu Cơ nói một tràng như vậy thì nở từng khúc ruột, vội vàng tổ chức rùm beng, đưa Tô Thành Long gia nhập quân đội của Ngô Bội Phu (một chi của quân phiệt Bắc Dương - ND). Nhưng qua ba năm, Tô Thành Long mới làm đến chức tiểu đoàn phó. Dương Bách Vạn rất nôn nóng. Rủi hơn nữa là, chẳng bao lâu sau, lại thấy Tô Thành Long chống nạng về nhà: anh ta bị thương trong chiến đấu. Dương Bách Vạn nổi giận dùm dùm, lập tức cho gia nhân đi tìm Trại Lưu Cơ tới, giận dữ túm ngực Trại

Lưu Cơ, gầm lên: "Quân thối mồm! Anh phải trả lại ta năm trăm đồng bạc trắng!"

Anh Trại Lưu Cơ này không phải tay vừa, đã rất dày dạn, nên chẳng coi Dương Bách Vạn vào đâu. Anh ta ra sức vùng khỏi tay Dương Bách Vạn, lớn tiếng nói: "Ông làm gì mà nhắng lên thế! Tướng thuật của tôi tuyệt đối không có sai. Chẳng qua là ông định hạn thời gian phát tích của ta quá cứng nhắc. Lưu Bị thời Tam Quốc có tai to rủ đến vai, tay dài quá gối có tướng đại phú đại quý. Nhưng khi chưa gặp Gia Cát Lượng thì long đong thế nào! Sau được Gia Cát Lượng phò tá mới thay đổi nhanh chóng, sau lên ngôi hoàng đế. Tục ngữ nói: Số may đến cũng có thời, số may chưa đến thì đòi làm sao. Tô Thành Long nhất định sẽ thành danh lớn, chỉ có điều đáng trách ông là ông đã gửi nhầm anh ta vào chỗ đồ bị thịt Ngô Bội Phu! Ví thử đưa vào dưới trướng Trương Tác Lâm thì làm gì đến nỗi như thế? Ông dù có mất toi năm trăm đồng bạc trắng đi nữa, cũng không chứng minh được là tướng của Tô Thành Long không tốt, càng không thể nói là tướng thuật của tôi không cao minh. Chỉ có thể nói là số ông không ra gì!"

Đó, thật là biện luận hùng hồn: Trại Lưu Cơ xỏ ra một tràng nghị luận, dẫn chứng cổ kim, là phải tay giữ sạch trách nhiệm. Ngược lại, còn nói Dương Bách Vạn, người đã mất toi năm trăm đồng bạc trắng, đang đùng đùng nổi giận, là có số không ra gì. Thật là già mồm cãi bừa, hung hăng đến cùng cực!

Quả nhiên, Dương Bách Vạn bị anh ta đấu gục.

Trại Lưu Cơ thấy ông ta biến sắc, liền đổi giọng nói: "Đương nhiên, ông cũng không cần vội mất tiền để đi mua quan cho anh ta, hãy để tôi xem lại tướng cho anh ta, nếu tướng cơ của anh ta chưa thay đổi thì làm sau cũng không muộn".

Sự tình đã đến nước ấy, Dương Bách Vạn đành chỉ có cách nghe theo anh thầy tướng. Ông ta phải lấy giọng hết sức nhã nhặn nói: "Thời, lại phải nhờ anh xem giúp thời, để khỏi lại để tiền xuống sông, xuống biển!"

Trại Lưu Cơ đúng là đại biểu điển hình cho loại thầy tướng mồm miệng giảo hoạt. Đối với họ, miễn là kiếm được tiền, còn thể diện, uy tín, nhân cách tất cả đều chẳng cần giữ gìn, cứ cái chày cái búa, cố xoay tiền cho được, bịa đặt kinh người, lúc thế này lúc thế khác, nói đông nói tây, dùng mọi thủ đoạn quỷ kế đa đoan. Điều nhục cười là những người như Dương Bách Vạn hiểu lơ mơ về tướng lý, lại mê tín hết mức. Thật đúng là đối tượng để loại thầy tướng này kiếm chác. Dương Bách Vạn đã tốn tiền, bị lừa, mà vẫn cứ phải đa tạ thầy tướng

Thầy tướng thì cười thâm vì chẳng tốn công sức gì mà vớ được món tiền, còn người xem tướng cũng mừng thâm vì chỉ tốn mấy đồng tiền, lại mua được danh giá. Tình đời như vậy, làm sao tướng thuật không thịnh cho được?

(3). ĐỊA VỊ XÃ HỘI

Địa vị xã hội của thầy tướng tùy thuộc vào thái độ các thời đối với tướng thuật mà thay đổi. Đường Tống là thời đại mê cuồng tướng thuật, thầy tướng bình thường mở quán xem tướng cũng đông nghịt khách khứa, thu nhập rất khá. Theo ghi chép trong "Trật quý nhĩ lục": "Trên các đường phố lớn, nơi các sĩ đại phu thường qua lại, thuật sĩ khắp nơi đều tụ tập, họ tới đây vì để kiếm được nhiều tiền".

Do đó, các thầy tướng thời này thu nhập không thiếu, sống cuộc đời sung túc. Nếu tướng thuật không được người đời ưa

chuộng, thì mức sống của thầy tướng sẽ tụt xuống nhiều. Theo "Kim sử - Tông vọng truyện", năm Đại Định thứ 12 (1172), nhà vua xuống chiếu, qui định: "Từ nay, các tôn thất, tông nữ và quan tam phẩm, ngoài việc xem tướng số về việc hôn nhân, làm nhà cửa, tang sự, cấm không được xem số mệnh. Người vi phạm sẽ bị phạt tù ba năm, tái phạm sẽ xử nặng hơn". Có điều, trong lịch sử tướng thuật, việc cấm đoán như thời Kim là cực ít. Nói chung, địa vị kinh tế của các thầy tướng đều khiến người ta ao ước. Họ chỉ cần nói mấy câu, làm ra vẻ một nhà dự đoán thông hiểu cổ kim, rồi đưa ra lời đoán, là ít ra cũng được mấy trăm tiền, nhiều là mấy lạng vàng hoặc bằng hiện vật vải lụa. Đúng như Bì Nhật Hưu đã nói: "Những người tự xưng là giỏi thuật của Tử Khanh, Đường Cử thì kiếm ra vàng bạc, dễ như trở bàn tay". "Không ít người vì thế nhanh chóng trở thành cự phú". Những thầy tướng có tiếng đó cũng rất chú ý đến trang phục, "áo mũ đàng hoàng", phục trang hoa mỹ, bày biện trong nhà đẹp đẽ, thái độ đối nhân xử thế văn nhã, đường hoàng chững chạc rõ ra phong thái một vị thần sĩ, không hề có dáng nghèo túng của loại văn nhân thất ý. Nhưng tuyệt đại đa số thầy tướng không có số may thì không thể như thế. Họ lang thang khắp chốn, khua môi múa mép, mà vẫn không có thu nhập ổn định, thậm chí có người đầu bù tóc rối, ăn mặc rách rưới, khốn khổ hèn hạ. Loại thầy tướng giang hồ này tất nhiên không có địa vị xã hội gì.

Về mặt chính trị, những thầy tướng tinh thông tướng thuật, lại gặp vận may tất nhiên là khác hẳn. Họ lợi dụng sự ưa thích tướng thuật của giai cấp thống trị để giao du rộng rãi với tầng lớp trên trong xã hội, giành được tiếng tăm, địa vị khá cao trong xã hội, hình thành một tầng lớp đặc biệt về chính trị, xã hội, là tầng lớp "khanh tướng áo trắng". Họ thường là cố vấn về nhân sự cho kẻ cầm quyền các cấp, qua việc xem tướng để bày mưu kế cho việc đề bạt và

giảng cấp quan lại. Như con của Pháp Hùng, thái thú đời Hán do giỏi tướng thuật được đặc chiếu gọi về kinh giúp đỡ triều đình tiến cử nhân tài. Danh thần Hồ Quảng chính là người được anh ta tiến cử và triều đình bổ dụng. Đại tướng sư Viên Thiên Cương cũng đến kinh sư làm cố vấn cho Đường Thái Tông, tướng thuật của ông ta đã nổi danh khắp kinh kỳ, thôn dã, ông ta lại là người rất giỏi tăng bốc, đoán ý nhà vua "xem khí sắc, ngôn ngữ mà có hành vi thích hợp", nên rất được Đường Thái Tông tán thưởng. Thái tông đã nghe theo lời đoán hình mạo của ông ta để cất nhắc nhiều quan chức. Triều Nguyên càng coi trọng những người xem tướng, đoán số mệnh, coi họ là lực lượng tham mưu quan trọng. Theo "Mắc- cô- pô- lô du ký", thì "trong số người Nguyên có khoảng 5 ngàn người chiêm tinh và bói toán, việc ăn mặc của họ do hoàng đế cung cấp". Nguyên Thái Tổ (tức Thành Cát Tư Hân - ND) là người cực ham tướng thuật. Sau khi ông ta lên ngôi đại hãn, sao có thể quên được viên tướng sĩ đã từng đoán ông ta là "có tướng thiên tử"? Minh Thái Tổ không những mời thuật sĩ Lưu Cơ xem tướng cho mình mà còn mời ông xem tướng cho Dương Hiến, xem có thể làm tể tướng được không. Tướng sư Viên Trung Triệt có thể tùy sự yêu ghét của mình mà gièm pha, vu hãm triều thần với Minh Thành Tổ. Qua việc này, có thể thấy địa vị và tác dụng của ông ta trong triều đình ghê gớm thế nào. Vì thế, sự thao túng của thầy tướng thường có thể gây tác động đến việc chính trị và quân sự của quốc gia, đến sự vinh nhục của một số cá nhân.

Thầy tướng khi đã nổi tiếng thì không những nhiều bổng lộc mà tên tuổi còn được ghi vào sử sách. Như nhiều bộ sử đã đưa nhiều thầy tướng nổi danh vào phần liệt truyện, khiến đời sau biết được về họ. Một số người trong bọn họ còn được phong hầu bá tướng, được trọng dụng và sủng ái. Như thầy tướng nổi danh đầu

thời Hán, bà Hứa Phụ ở Hà Nội được Hán Cao Tổ phong là "Minh Thư Đình hầu".

Loại thầy tướng này được sự coi trọng của giai cấp thống trị, tự nhiên là quen với sự sùng ái, sống cuộc đời nhàn nhã sung sướng. Quan lại nói chung và dân chúng đều kính sợ họ, đâu dám đắc tội với họ? Vì tính mạng nhỏ nhoi cùng với tiền đồ của mỗi người đều phụ thuộc vào câu nói của thầy tướng, nên ai cũng phải làm thân để được lòng họ. Chỉ dựa vào những lời vàng ngọc của thầy tướng mà người chưa được làm quan sẽ được làm quan, đang làm quan nhỏ sẽ được thăng lên quan to. Làm một thầy tướng, thật sướng biết bao! Nói chung các quan chức, để đảm bảo cho hoạn lộ gặp nhiều may mắn tránh được rủi ro, đều dùng thầy tướng làm trợ thủ về chính trị. Loại thầy tướng này đại khái như một đại quản gia, có những kẻ bất lương, lợi dụng uy thế của chủ, tác uy tác phúc với người khác hống hách một thời. "Thành tự" của loại "khanh tướng áo trắng" này chủ yếu là nhờ nguyên nhân mê tín của giai cấp thống trị, nhưng đồng thời cũng là do thủ đoạn đầu cơ chính trị, theo gió bỏ buồm của họ. Các thầy tướng đều hiểu rằng nếu chỉ xem tướng ở phố phường chợ búa thì nhiều lắm cũng chỉ có cơm ăn áo mặc. Muốn triệt để thay đổi số phận, thực hiện được mong ước khi miệt mài học tập, thì phải tham gia vào chính trị, dùng bản lĩnh tướng thuật để mở con đường tiến thân về chính trị. Bản thân tướng thuật chỉ nói về mệnh lý tự nhiên của cá nhân, xưa nay không đề cập đến thời sự, giữ một khoảng cách nhất định với nền chính trị trong xã hội. Vì vậy, các thầy tướng muốn can thiệp vào "quốc sự" là việc không dễ dàng, chỉ có cách là thiết lập quan hệ với những người quản lý "quốc sự" thì mới đạt được mục đích của mình. Do đó, các thầy tướng một mặt ngao du từ phương xem tướng để có tiếng tăm,

mặt khác tìm tòi cơ hội phân tích thời thế, nhằm đúng một số người có khả năng thuộc loại "tiềm long ngoạ hổ" dùng cách xem tướng để nói quả quyết rằng họ có tiền đồ "giàu sang không thể nói hết", cổ vũ họ "khởi sự". Một mai "khởi sự" thành công, những người đó sẽ không quên được "tài năng dự đoán" của thầy tướng và sẽ cất nhắc. Thầy tướng do đó sẽ tiến thẳng vào hoạn lộ. Đại tướng sư Viên Cung cũng trải qua đoạn đường như thế: Khi Chu Lệ còn là Yên vương, Viên Cung đã nói ông ta "long hành hổ bộ, nhật giác tháp thiên, thái bình thiên tử dã". Đến khi Chu Lệ kéo quân xuống Nam Kinh, lên ngôi hoàng đế, trở thành Minh Thành Tổ, Viên Cung liền được triệu vào cung, được phong làm "Thái thường thị thừa", nhảy phát lên hàng quan triều. Lại như đạo sĩ Tiêu Tử Thuận thời Tùy, nổi tiếng về tướng thuật, khi Tùy Văn đế Dương Kiên chưa lên ngôi, Tiêu Tử Thuận đã nói nhỏ với ông ta: "Diện tướng của ngài đáng làm thiên tử, cần hết sức bảo trọng". Sau, Dương Kiên dễ dàng diệt được Chu Hiến Đế, một hoàng đế trẻ con mới 9 tuổi vừa lên ngôi hoàng đế triều Bắc Chu được 1 năm, rồi lập ra triều Tùy, đã không quên thầy tướng, liền "dùng Tử Thuận làm Khai Phủ". Các thầy tướng Lai Hoà, Trương Tân, Đồng Tử Hoa cũng đã từng xem tướng cho Dương Kiên khi ông ta còn "như con rồng phục", Dương Kiên cũng không quên họ. Lai Hoà "làm quan tới ngũ phẩm suốt hơn hai mươi năm", Trương Tân làm thứ sử Hoa Châu, Tử Hoa làm thượng nghị đồng. Thật là linh đình hoạn lộ. Nếu người được xem tướng không có tướng thiên tử, chỉ cần dự đoán cho sau này sẽ làm quan to, đến lúc đó, họ cũng sẽ không quên cất nhắc người đã xem tướng cho mình. Năm Quảng Đức thời Đường có một thầy tướng tên là Tôn Sinh, xem tướng cho Thôi Hoán lúc đó còn giữ chức quan nhỏ Vạn niên úy, nói quả quyết tương lai ông ra sẽ làm thứ sử Hàng Châu và nói thêm "sau này xin nhớ, chớ có

quên nhau". Sau Thôi Hoán quả nhiên làm thứ sử Hàng Châu rất nhớ ơn Tôn Sinh, liền tìm tới nhà Tôn Sinh. Lúc đó, Tôn Sinh đã chết, Thôi Hoán liền cất nhắc con Tôn Sinh là nha tướng và "cho nhiều thóc lúa vải vóc để ứ lạo gia đình". Thế là thầy tướng được giàu sang nhờ khách xem tướng, các quan lại cũng nhờ thầy tướng để thực hiện mục đích chính trị của mình, đúng là hai bên đều có lợi.

4

TÀI LIỆU TƯỚNG THUẬT

1. LƯỢC THUẬT VỀ SÁCH TƯỚNG THUẬT

Trong quá trình thực tiễn lâu dài, tướng thuật đã sản sinh rất nhiều tướng thuật gia trứ danh và nhiều truyền về xem tướng, đồng thời cũng xuất hiện nhiều trước tác tướng thuật.

Thời Xuân Thu - Chiến Quốc, tướng thuật đã từng bước lưu hành và tiến tới thành thực. Một số thiên chương chưa thật hoàn bị về tướng thuật đã xuất hiện, những sách tướng có hệ thống và thật nghiêm cách vẫn chưa có. Từ cuối thời Chiến Quốc đến đầu Tần Hán, đặc biệt là từ khi bắt đầu triều Hán, tướng thuật đã trở thành một môn học có hệ thống lý luận độc đáo, một loạt sách tướng có quy mô đầy đủ đã ra đời. Như một số quyển trong bộ "Tướng thư" của tướng thuật gia nổi tiếng thời Hán là Hứa Phụ, là sách tướng tới cổ còn lại tới bây giờ. Theo "Tục tu Tứ khố toàn thư đề yếu", "Đôn Hoàng" vốn có 3 quyển sót lại của bộ sách này, quyển Giáp có phần tự trị, từ phần hai bắt đầu từ hình thể tướng mạo đến phần 30

là vân chân tay; quyển Ất bắt đầu từ phần 18: đầu, cũng đến phần 30; quyển Bính bắt đầu từ phần 3: ngũ quan, đến phần 35: xem tướng sắc khí của mặt". Qua đó thấy rằng "Tướng thư" có thể lệ hoàn chỉnh, đề cập tới các bộ phận từ đầu tới chân, đã là một trước tác tướng thuật đúng quy cách. "Sách này phân tích rất tường tận", "chắc sách này lưu hành rộng rãi ở thời đó, nên có nhiều truyền bản, câu văn cũng có hơi khác nhau. "Căn cứ vào đó, có thể coi sách này là đỉnh cao đầu tiên trong lịch sử sách tướng thuật. Theo ghi chép, Hứa Phụ còn viết những sách "Tướng pháp thập lục thiên", "Đức khí ca", "Ngũ quan tạp luận", "Thính thanh tướng lĩnh"... Vì vậy, có thể nói, Hứa Phụ không chỉ là nhà thực tiễn về tướng thuật, mà còn là nhà viết sách tướng thuật có nhiều thành tựu.

"Hán Thư - Nghệ Văn chí" còn ghi chép 24 quyển "Tướng nhân", "Quận trai độc thư chí" 3 quyển, ghi chép về Sách tướng của 32" nhà sau Hứa Phụ và viết thành sách. Những trước tác trên, một lần nữa tỏ rõ, chậm nhất là ở thời Hán, việc chỉnh lý bước đầu có hệ thống về lý luận tướng thuật đã có quy mô đầy đủ. Từ đó về sau, đời nào cũng có trước tác mới về tướng thuật, liên tục không dứt đoạn.

Thời Đường - Tống, tướng thuật đạt tới mức mê cuồng, các truyền thuyết ghi chép về tướng thuật nhiều không kể xiết, việc trước thuật về tướng thuật cũng đạt tới đỉnh cao mới. Số trước tác tướng thuật thời kỳ này rút cục đã có bao nhiêu, hiện nay vẫn chưa thống kê được đầy đủ. Có điều, chúng ta căn cứ vào "Thống Chí - Nghệ Văn lược" của Trịnh Tiều đã ghi 73 bộ trước tác tướng thuật, thì thấy được tình hình trước tác nhiều như thế nào. Tên, số quyển vào tác giả của 68 bộ sách đó là:

- | | |
|------------------------------|----------|
| 1. "Tướng thư" xem "Tuỳ chí" | 46 quyển |
| 2. "Tướng kinh yếu lược" | 3 quyển |

Tiêu Cát soạn

3. "Tướng kinh" 30 quyển

Chung Vũ Lệ soạn

4. "Tướng thư đồ" 7 quyển

5. "Viên Thiên Cương tướng thư" 7 quyển

6. "Triệu Nhuy tướng thuật" 1 quyển

7. "Nhân luân qui giám", 1 quyển

Viên Thiên Cương soạn

8. "Nhân Luân qui giám phú" 1 quyển

Viên Thiên Cương soạn

9. "Cô Bố Tử Khanh tướng pháp" 3 quyển

10. "Ma Tử Kinh" 3 quyển

11. "Nội Nhân Thông Thân Luận" 3 quyển

Đường Cử soạn

12. "Nguyệt Ba đông trung ký" 1 quyển

13. "Nguyễn Linh tử tướng pháp" 1 quyển

14. "Nguyên Linh sư tướng pháp"

15. "Liễu Tuỳ Phong chiêu khí khắc ca" 1 quyển

16. "Thập Thất gia tập tướng thư" 1 quyển

17. "Chiêm khí sắc yếu quyết đồ" 1 quyển

18. "Viên Thiên Cương yếu quyết" 3 quyển

19. "Hoàng Đế thần quang kinh" 1 quyển

20. "Đường Cử tướng hiển cốt pháp" 1 quyển

21. "Luận cốt chỉ qui tâm minh quyết" 1 quyển

- | | |
|-------------------------------------|---------|
| 22. "Tạ Công luận sinh tử hậu pháp" | 1 quyển |
| 23. "Mê Chiêu hình thìn ngoại luận" | 1 quyển |
| 24. "Khánh Lịch truyền ngôn tập" | 3 quyển |

Tôn Tri Cổ soạn

- | | |
|--------------------------------------|---------|
| 25. "Hứa Phụ tướng thư" | 3 quyển |
| 26. "Vũ Hầu tướng thư" | 1 quyển |
| 27. "Viên Thiên Cương khí thần kinh" | 5 quyển |
| 28. "Dương Long Quang tướng thi" | 1 quyển |
| 29. "Ngọc Sách bảo văn" | 7 quyển |
| 30. "Ngọc Sách bảo văn tuỷ tâm ký" | 1 quyển |

Chu Thế Minh soạn

- | | |
|---|----------|
| 31. "Trương Thiệp nhân luân chân quyết" | 10 quyển |
| 32. "Ma Đăng nữ tướng kinh" | 1 quyển |

Phạm Động soạn

- | | |
|---------------------------------------|---------|
| 33. "Nguyễn Chân nang" | 1 quyển |
| 34. "Lý Thuần Phong nguyên quan kinh" | 1 quyển |
| 35. "Thông tiên ca" | 1 quyển |

Lý Thuyên soạn

- | | |
|---|---------|
| 36. "Tôn Nguyên cốt pháp" | 1 quyển |
| 37. "Tướng Truỷ" | 1 quyển |
| 38. "Động Linh bí quyết" | 1 quyển |
| 39. "Động Nguyên Linh yếu quyết" | 1 quyển |
| 40. "Nga my khí pháp" | 1 quyển |
| 41. "Tống Tể Khâu ngọc quán chiếu thần cục" | 2 quyển |

- | | |
|---|---------|
| 42. "Ngọc Hoàn kinh" | 1 quyển |
| 43. "Tích vi bí chương" | 1 quyển |
| 44. "Kim ca khí sắc bí quyết" | 1 quyển |
| 45. "Thập tam gia tướng thư" | 1 quyển |
| 46. "Trần Đoàn nhân luân phong giám" | 1 quyển |
| 47. "Ngụy đạo sĩ tướng pháp" | 1 quyển |
| 48. "Cô Nham tướng pháp" | 1 quyển |
| 49. "Tam phụ học đường ngọc quyết" | 1 quyển |
| 50. "Ngũ tinh tướng pháp" | 1 quyển |
| 51. "Động thiên ấn quyết" | 1 quyển |
| 52. "Nhất hành tạp tướng ca" | 1 quyển |
| 53. "Tâm ấn tướng thư" | 1 quyển |
| 54. "Quỷ Cốc Tử quan khí sắc xuất tướng đồ" | 1 quyển |
| 55. "Viên Thiên Cương cốt pháp" | 1 quyển |
| 56. "Thiên Hoa Kinh" | 1 quyển |
| 57. "Thiên Văn tiên sinh thai tức tam phương chủ" | 1 quyển |
| 58. "Khâu tiên sinh định tính tình thi" | 1 quyển |
| 59. "Hải uyên kinh" | 1 quyển |
| 60. "Ngọc tiên nhân tướng thư" | 1 quyển |
| 61. "Quy giám cốt pháp" | 1 quyển |
| 62. "Hình thần bí yếu" | 1 quyển |
| 63. "Tam phủ kỳ thuật" | 1 quyển |
| 64. "Lâm Tú Ông truyền thần tướng" | 1 quyển |
| 65. "Kim toả ca" | 1 quyển |

- | | |
|-----------------------------|---------|
| 66. "Kim lệ tướng thư" | 1 quyển |
| 67. "Hứa Phụ Kim ca" | 1 quyển |
| 68. "Lịch đại sử tướng lục" | 1 quyển |

Trên đây là tổng kết của Trịnh Tiều trong "Thông Chí" về những trước tác tướng thuật trước thời Tống. Thật là ngổn ngang bề bộn, khiến người ta hoa mắt. Trong số gần 200 quyển sách tướng thuật đó, đã đề cập đến mọi mặt của tướng thuật, chúng ta có thể thấy được thành tựu huy hoàng về tướng thuật từ thời Hán tới thời Tống.

Thời Minh Thanh là giai đoạn tướng thuật tiếp tục phồn vinh và đi vào chính lý, có nhiều trước tác tướng thuật và phần nhiều là trước tác mang tính tổng hợp.

Hai cha con Viên Cung, Viên Trung Triệt thời Minh đã viết nên bộ "Liễu trang tướng pháp" được lưu truyền rộng rãi và ca ngợi phổ biến trong dân gian từ Minh Thanh đến nay.

Trước tác tướng thuật thời Thanh có rất nhiều trong đó tương đối nổi tiếng là cuốn "Tướng lý hành chân" của Trần Đàm Dã. Cuốn này có thể được coi là một tập đại thành về tướng pháp.

Từ thời cổ tới nay, tướng thuật thịnh hành không suy, trước tác tướng thuật ra hết cuốn này tới cuốn khác, vậy làm thế nào để tra tìm tài liệu về tướng thuật? Đó là vấn đề đầu tiên người ta gặp phải khi nghiên cứu tướng thuật. Vương Minh Thịnh thời Thanh nói: "Môn mục lục học là môn quan trọng đầu tiên của việc học. Phải hỏi đường từ đây thì mới biết lối mà vào cửa ("Thập thất sử thương xác"). Chỉ có tìm hiểu rõ mục lục của sách tướng thuật thì mới nắm vững các đầu mối phát triển của tướng thuật và mới nghiên cứu được tướng thuật. Vậy thì, trong số sách tướng thuật bề bộn đó, làm

sao gỡ ra để nắm được mối manh của nó? Ở đây chúng tôi giới thiệu ba bộ tổng tập để độc giả tra cứu.

Khoảng niên hiệu Vĩnh Lạc thời Minh, Minh Thành Tổ lệnh cho Giải Tấn và những người khác biên tập bộ "Vĩnh Lạc đại điển" tập hợp các loại thư tịch từ thời Minh về trước, gồm cả các trước tác tướng thuật. Phàm những sách tướng thuật đã thành văn, thì không kể chất lượng ra sao, chỉ cần tự thành một thuyết, đều được tập hợp lại. Do đó, những trước tác tướng thuật từ thời Minh về trước, lần đầu tiên được chỉnh lí toàn diện và thu thập lại. Đối với việc bảo tồn tướng thư, "Vĩnh Lạc đại điển" đã có công lao không thể xoá nhòa. Rất nhiều sách tướng thuật ngày nay chúng ta còn nhìn thấy được là nhờ "Vĩnh Lạc đại điển" bảo tồn và lưu truyền đến ngày nay. Những cuốn "Thái Thanh thần giám", "Nhân Luân đại thống phú" là do "Vĩnh Lạc đại điển" thu thập ghi chép và "Tứ khổ toàn thư" chỉnh lí nên mới có hình thức như ngày nay.

Khoảng niên hiệu Khang Hy thời Thanh, Trần Mộng Lôi và những người khác biên tập bộ sách có quy mô lớn nhất tồn tại tới ngày nay là bộ "Cổ kim đồ thư tập thành" có thể lệ tốt nhất, tác dụng rộng rãi nhất. Bộ sách này sau lại được hoàng đế Ung Chính tổ chức cho hiệu chỉnh và bổ sung thêm những tư liệu từ Khang Hy về trước.

"Cổ kim đồ thư tập thành" gồm có một vạn quyển, 60 quyển mục lục. Phân làm 6 phần, 32 điển, 6109 bộ, cộng 160 triệu chữ. Trong đó, nghệ thuật điển trong phần 4 là Bác vật hội biên gồm có tinh mệnh bộ, tuyền trạch bộ, thuật số bộ, kham dư bộ, Thần dị điển có đạo thư bộ, phương sĩ bộ, tinh động bộ, phục thực bộ... đều thuộc loại phương thuật. Công việc hệ thống hoá và chỉnh lí của bộ sách đối với tướng thuật đạt tới một trình độ khá cao. Tướng thuật

của Trung Quốc có nhiều môn loại, khác nhau về tướng phái, tuy có không ít trước tác lý luận và bí quyết tướng thuật lưu hành ở đời, nhưng phần nhiều chỉ bó hẹp trong từng tướng phái, trọng điểm nghiên cứu không giống nhau, quy mô và dung lượng rất có hạn. Tướng thuật bộ trong "Cổ kim đồ thư tập thành" có cách làm độc đáo, đã lấy những sách vở mệnh quyết chính thống, quan trọng theo lý luận âm dương ngũ hành, bát quái Dịch tượng xuất hiện từ Khang Hy về trước, phân ra môn loại, biên tập một cách hệ thống thành bộ sách "Thần tướng toàn biên". "Thần tướng toàn biên" là bộ sách kinh điển về tướng thuật có quy mô lớn nhất, nội dung tỉ mỉ nhất ở Trung Quốc cho tới ngày nay. Những sách xem tướng các loại lưu truyền rộng rãi từ đầu Thanh về sau đại đa số là lấy nội dung từ bộ sách này. Nó đã hội tụ tinh hoa của tướng thuật truyền thống Trung Quốc, đại biểu cao nhất cho thành tựu của việc nghiên cứu tướng thuật Trung Quốc đương thời.

"Cổ kim đồ thư tập thành" vẫn là tài liệu quan trọng để nghiên cứu có hệ thống về tướng thuật Trung Quốc. Trong mục lục, quyển 647 là "Bách vật hội biên Nghệ thuật điển" của bộ sách này đã đưa ra nhiều tư liệu về sự phát triển tướng thuật, gồm:

- Tướng thuật bộ tổng luận: "Tuân tử. Phi tướng thiên", "Luận hành - Cốt tướng thiên" "Thiền phụ luận - Tướng lệ".

- Tướng thuật bộ danh lưu liệt truyện: Chu: Cô Bố Tử Khanh. Hậu Hán: Chu Kiến Bình. Tống: Vĩ Tẩu; Bắc Tề. Hoàng Phủ Bình, Ngô Sĩ, Giải Pháp Tuyền. Tùy: Vĩ Đình, Lai Hoà. Đường: Viên Thiên Cương, Trương Cảnh Tăng, Ất Phật Hoàng Lễ, Kim Cương Phong, Trần Chiêu, Hạ Vinh, Lạc Sơn Nhân, Long Phục Bản, Đinh Trọng. Hậu Đường: Chu Nguyên Báo. Tống: Ma Y Đạo Giả, Tăng Diệu Ứng, Phó Ban, Lưu Hư Bạch, Bồ Bào đạo giả, Diệu Ứng

Phương, Cảnh Thính Thanh. Nguyên: Lý Quốc Dụng, Thái Hoà. Minh: Ngô Quốc Tài, Viên Cung, Viên Trung Triệt, Lý Hoà, Phùng Hạc Lộc, Tăng Như Lan, Trương Điền, Vương Nhân Mỹ, Lưu Giám, Triệu Khải, Trần Thanh, Cừu Lô Cung, Thôi Miên, Cố Tiết, Đường Cổ Phong, Ngô Tông Thiện, Mao Đồng.

- Tướng thuật bộ nghệ văn: "Luận tướng" (Ngụy Vương Lân), "Tướng luận" (Tào Thực), "Tướng kinh tự" (Lương. Đào Huyền Cảnh), "Tướng kinh tự" (Lưu Tuấn), "Thái Trạch tự Đường Sinh tướng tán" (Bắc Chu - Dũ tín), "Tập thuyết" (Đường - Hàn Dũ), "Tích quán Nghi tướng luận" (Lý Đức Dụ), "Tướng luận" (Đỗ Mục), "Tướng giải" (Bì Nhật Hưu) "Bạt chu tướng sĩ tăng quyền" (Tống Lưu Khắc Tráng) "Tặng Mã tướng sĩ nhị thủ" (Lưu Khắc Tráng), "Tặng Kính Hồ tướng sĩ" (Văn Thiên Tường), "Tặng Thu Nguyệt Diệp Tướng sĩ" (Tiền Nhân), "Tuyên châu Bải Nhâm tái tặng Dương tướng sĩ" (Tiền Nhân), "Tặng Tướng sĩ Tiền Tử Chương" (Cao Chử), "Âu Dương Tu sĩ yết thư nghệ", "Lương Quyền Quận thì dĩ đại chi" (Phương Nhạc), "Tặng Tướng Giả" (Nguyên - Triệu Mạnh Phủ), "Tặng Tiết Tướng Sĩ" (Trịnh Nguyên Hưu), "Mã Chu kiến Thái tông đồ" (Minh - Cao Khải), "Tặng Tướng sĩ (Trương Tuyên).

Tướng thuật bộ kỹ sự (I, II, III)

Tướng thuật bộ tập lục.

Mục lục này của tướng thuật bộ gồm các trình bày lí luận, nhân vật tướng thuật, thơ văn về tướng thuật, sự tích, điển cổ tướng thuật... Nội dung kỹ lưỡng, rộng rãi, mạch lạc rõ ràng. Như "Tướng thuật bộ kỹ sự tam biên" đã tập hợp ghi chép từ "Cấp Trung Chu thư" "Tả Truyện" "Sử ký" đến "Tiêu cung cự sự" "Chu hoá loại biên" bao gồm chính sử, dã sử, bút ký, ngữ lục có liên quan đến lịch

sử và truyền thuyết về tướng thuật, đề cập đến các mặt chính trị, quân sự, kinh tế, phong tục, cộng 157 điều, nội dung vô cùng phong phú. Những tài liệu nghiên cứu tướng thuật đời sau đều rút ra từ đây. Chúng ta hãy tùy tiện rút ra một câu chuyện xem tướng có liên quan mật thiết đến chính trị.

"An Ly vương nước Ngụy hỏi Tử Thuận: "Con người Mã Hối tuy ít văn tài, nhưng trong sáng cương trực, có tiết của kẻ đại trượng phu, ta muốn dùng làm tướng quốc, có được không?" Trả lời: "Biết bày tôi không ai bằng vua, sao có chuyện được hay không được? Còn về tiết trong sáng cương trực, thần vẫn chưa rõ" Vương hỏi: "Tại sao?" Trả lời: "Chư Tôn Khanh nói rằng: Phàm người ta, mắt dài mà nhìn như lợn nhìn, người trông đứng đắn nhưng lòng quay quắt. căn cứ vào đó mà xem tướng người thì không bao giờ sai. Thần xem Mã Hối thân thể không có chuyện gì, nhưng cặp mắt rất đáng nghi". Vương vẫn dùng Mã Hối. Sau ba tháng quả nhiên Mã Hối mắc tội" (Khổng Tử tử - Cháp tiết nhiên) Câu chuyện trên là một điển hình để nghiên cứu quan hệ giữa tướng thuật với chính trị. An Ly vương muốn sử dụng Mã Hối. Tử Thuận trả lời là tướng Mã Hối đáng nghi: "Mắt dài và nhìn như lợn nhìn"... cuối cùng quả nhiên Mã Hối "mắc tội". Ở đây, tướng thuật được sử dụng giúp giai cấp thống trị tuyển chọn quan lại, tỏ rõ tác dụng và địa vị của tướng thuật trong đời sống chính trị đương thời. Những câu chuyện như loại này trong lịch sử nhiều không kể xiết, những ghi chép trong tướng thuật bộ chỉ là một phần số đó. Dù như vậy, những tư liệu trong này cũng giúp chúng ta rất nhiều.

Đối với những tư liệu về tướng thuật trong "Cổ Kim Đồ Thư Tập Thành" một mặt chúng ta có thể chỉnh lí sắp xếp, tập hợp thành sách để tiện cho độc giả nói chung sử dụng, mặt khác có thể căn cứ vào đây mà tiếp tục tìm tòi, thu thập và chỉnh lí rộng rãi hơn nữa

các tài liệu tướng thuật trong các thư tịch cổ, để làm công tác chuẩn bị tư liệu cho môn tướng thuật học trong lịch sử văn hoá nước nhà. Hai công việc đó đều chờ đợi sự nỗ lực của những người nhiệt tâm với tướng thuật. Khoảng năm Càn Long, một số người do Vĩnh Dung đứng đầu lại biên soạn bộ "Tứ Khố Toàn Thư" có quy mô đồ sộ, về cơ bản đã bao gồm hết các trước tác tướng thuật thời cổ đại Trung Quốc từ Càn Long về trước, trong đó Tứ bộ thuật số loại có thu không ít trước tác tướng thuật, độc giả có thể tra cứu.

"Tứ Khố Toàn Thư" có quan hệ rất mật thiết với "Vĩnh Lạc Đại Điển". Về tướng thư những sách trong "Tứ Khố Toàn Thư" có cuốn là theo sách trong "Vĩnh Lạc Đại Điển", có cuốn là biên tập theo "Vĩnh Lạc Đại Điển". Như cuốn "Thái Thanh Thần Giám" trong "Tứ Khố Toàn Thư" là thu thập sắp xếp lại từ "Vĩnh Lạc Đại Điển" chia thành 6 quyển. Dù thế nào thì "Tứ Khố Toàn Thư" và "Vĩnh Lạc Đại Điển" đều được biên soạn theo "Thánh chỉ" nên có tính quyền uy của loại sách "Khâm Định", những sách tướng thư trong đó đều qua chọn lọc kỹ lưỡng, có giá trị nghiên cứu cao. đương nhiên, vì cái ra sau thường hơn cái ra trước, nên về mặt chọn lọc sách tướng thư, rõ ràng "Tứ Khố Toàn Thư" kỹ lưỡng hơn "Vĩnh Lạc Đại Điển" một chút.

2. GIỚI THIỆU MỘT SỐ CUỐN QUAN TRỌNG

Trước tác tướng thư cổ đại Trung Quốc nhiều không kể xiết, nhưng nhìn chung lại đều là đại đồng tiểu dị, những cuốn ra sau đều phần nhiều là bổ sung cải biên hoặc hiệu đính của những cuốn ra trước, cũng có sách là chép lẫn nhau. Tuy vậy, có một số cuốn có tính hệ thống cao, có tính thực dụng và hoàn chỉnh. Bộ phận này là tinh hoa của trước tác tướng thuật kế tục được dòng chính của tướng

thuật. Dưới đây sẽ giới thiệu một số trước tác tướng thuật tương đối quan trọng căn cứ vào "Tứ Khố Toàn Thư" và "Cổ Kim Đồ Thư Tập Thành".

(1). TƯỚNG THƯ

Nguyên đề: Bọn Hứa Phụ 12 người đời Hán. "Đôn Hoàng di thư" là sách tướng cổ nhất hiện còn. Cuốn sách này không toàn vẹn và vẫn chưa được chỉnh lý tốt. Có thể "Tứ Khố Toàn Thư" đề yếu" nhìn qua diện mạo của nó Bản Đôn Hoàng có ba tàn quyển của bộ sách này. Quyển Giáp có phần tự tri, phần 2 bắt đầu từ thân thể mắt mũi, đến phần 30 là vân chân tay. Quyển Ất bắt đầu từ phần 18: đầu và trán, cũng đến phần 30 là vân chân tay. Quyển Bính bắt đầu là phần 3: ngũ quan đến phần 35: khí sắc ở mặt. Sau lời thuật có thêm một hàng: các phần từ thân thể, đến mặt hợp lại là 36 phần, tỏ rằng bộ sách hình như có 36 tiết, gộp những phần tàn khuyết trong 3 quyển chỉ có phần 1 và phần 36 là được hoàn toàn. Như các phần tướng lông mày, tướng mũi, tướng tai, tướng miệng, tướng vân trán, tướng vân tay, tướng vân chân, sách này phân tích rất tường tận. Bản cuốn sách này ở đương thời được lưu hành rất rộng rãi, nên có nhiều truyền bản, câu văn giữa các bản có khác nhau chút ít". Căn cứ vào đoạn văn trên, dù cuốn sách hiện có còn được hoàn toàn không, nhưng thấy nó đã đề cập tới những bộ phận quan trọng nhất từ đầu đến chân và sự phân tích lại "rất tường tận" rất được hoan nghênh ở đương thời. Do đó có thể nói, bộ "tướng thư" tối cổ hiện còn này đã dựng được bộ khung cho lý luận tướng học Trung Quốc.

(2). NGỌC QUẢN CHIẾU THẦN CỤC

Bản cũ đề: Tống Tề Khâu thuộc Nam Đường soạn. Ba quyển, theo "Nam Đường thư - Bản truyện" Tề Khâu sinh vào thời Ngũ

Quý loạn lạc, thời Liệt tổ Lý Biên của nước Nam Đường, từng làm quan tới chức đồng bình chương sự, kiêm tri thượng thư tỉnh sự, mừng vì giỏi quyền thuật, cũng thích thuật số, thu nạp nhiều môn khách, đàm luận không chán. "Ngọc quán chiếu thần cục" chuyên bàn về tướng thuật. Có người ngờ là sách do tập thể môn khách của Tống Tề Khâu soạn, mượn tên ông ta mà lưu hành ở đời. Về các bản in và số quyển của sách này, có nhiều thuyết khác nhau "Tống Sử - Nghệ Văn chí", "Kinh Tịch chí" của Tiêu Hồng đều cho là "Ngọc quán chiếu thần cục" có hai quyển; "Thư lục giải đề" của Trần Chân Tôn lại nói "Ngọc quán chiếu thần" (thiếu chữ "cục") có 1 quyển; "Thập quốc Xuân thu" của Ngô Chú Thần lại ghi "Ngọc quán chiếu thần cục" của Tề Khâu có 10 quyển; "Độc thư mẫu câu ký" của Tiền Tăng ghi giống như "Thập quốc Xuân Thu" và cho rằng hình mạo của con người, có hình nhìn thấy được gọi là "dương cục" (thượng cục), còn lộc mệnh của con người nằm ngoài hình, không có tượng để quan sát gọi là "âm cục" (hạ cục).

Cuốn "Ngọc quán chiếu thần cục" mà chúng ta thấy trong "Tứ Khố Toàn Thư là gốc từ "Vĩnh Lạc Đại Điển". Sách này "Chủ yếu lấy hình trạng để lập luận" chuyên bàn về phép xem hình tướng. "Tứ Khố Toàn Thư" Tổng mục đề yếu" nói: "Thấy nghị luận rất tinh tế rõ ràng và các sách dùng phần nhiều trên đời ít thấy, lại dùng nhiều lời văn cũ, nên có đính chính đôi chỗ, sắp xếp thành 3 quyển".

(3). THÁI THANH THẦN GIÁM

Tác giả là ai, không khảo chứng được. Bản cũ đề: Vương Phác thời Hậu Chu soạn, đó là nguy thác. "Việt nhĩ đường tùng thư" thu thập sách này và ghi là Vô Danh thị soạn. "Tân Ngũ đại sử" của Âu Dương Tu nói: Vương Phác là người minh mẫn, nhiều tài năng

không chỉ giỏi việc đời nay mà về âm dương pháp luật không gì không thông hiểu. "Cự Ngưu đại sử" của Tiết Cư Chính cũng nói Vương Phác có nhiều tài năng, tinh vi thanh luật, không gì là không tường tận. Nhưng hai sách đó đều không nói là Vương Phác giỏi tướng thuật. Thêm nữa, phần tự trong sách này có viết: "Rời khỏi Lâm Ốc động, xuống núi ba năm, lục tìm cổ kim, soạn thành sách này". Khảo về gia thế và hoạn lộ của Vương Phác, ông chưa hề đến Giang Tả, sao có thể ẩn cư ở Lâm Ốc sơn? Rõ ràng đề là Vương Phác soạn là ngụy thác. Đại khái là do Vương Phác nổi tiếng vì tinh thông thuật số, nên người đời làm thư liên mượn tên ông để in sách. Một số sách trong "Vĩnh Lạc Đại Điển" đôi khi có sai lầm, "Tứ Khố Toàn Thư" căn cứ vào đó chỉnh lý sắp xếp lại, được 7, 8 phần mười sách đó, biên thành 6 quyển. Đó là bộ "Thái Thanh thần giám" mà hiện nay chúng ta thấy được.

Sáu quyển sách này, chuyên bàn về tướng pháp. Trong lời "tự" tác giả rất lấy làm tâm đắc với sách của mình, cho rằng mình tự dựng lên một thuyết, quyết không phải là loại sách dung tục.

"... Cho nên thuật tướng luận hình thần từ đây mà hừng khởi. Thu thập rất rộng, bàn luận rất sâu. Sau Hứa Phụ, Viên Thiên Cương, Đào Ân Cư, Lý Thuần Túc, còn rất nhiều người song họ đều đi sâu vào cái huyền bí, tìm tòi cái chí diệu, nên quá tạp loạn, mỗi người nói một cách khác nhau, khiến cho người đọc không thể quán thông được. Tôi đã từ lâu để tâm vào vấn đề này, khảo sát cổ kim, tìm tòi mọi chốn. Rồi liền rời Lâm Ốc động xuống núi ba năm, tìm khắp sách cổ kim, khảo sát những vấn đề cực huyền bí, tập hợp thành cuốn sách riêng của mình, gọi là sách Thái Giám thần Thông, là từ ý "chí đại ngọc minh, hình vô bát giám, chí thanh chí huỳnh, tượng vô bát phân..."

Nhìn tổng quát cả cuốn sách, thì những lời trên của tác giả không phải là nói suông. "Tứ Khố toàn thư tổng mục đề yếu" cũng đánh giá tương đối cao về cuốn sách này: "Các thiên mục được dẫn trong sách đại đa số đều là bản trước đời Tống, Việc xét chung về số lý, phân tích ý nghĩa sâu xa cũng rất tinh tế, ngờ là cũng do người đời Tống viết, không phải những lời đàm luận quàng xiên của các thuật sĩ đời sau". Đúng là "Thái Thanh thân giám" đã dẫn rất nhiều sách tương tự đời Tống về trước. Những sách đó, đến đời Khang Hy triều Thanh đã hiếm thấy, vì vậy chúng là những tư liệu rất quý. Quyển một dẫn "Thuyết ca", "Hưu ca", "Tướng pháp diệu quyết", "Thần bí luận", "Thành Hoà tử thống luận". Quyển hai dẫn ba thiên thượng, trung, hạ, của "Tập thuyết", hai thiên thượng hạ của "Kim thư thất ẩn", Quyển ba dẫn "Đại súc bí thần khí ca", "Tứ Đường linh ứng bổ khí ca", "Nguyên linh thất văn". Những sách đó đều là tướng thư cổ, "ngày nay không còn nhìn thấy" (lời bạt của Ngũ Thiệu Đường), Còn về quan điểm tướng, cũng có phần độc đáo, "rất có lí trí". Quyển hai phần "Ngũ tạng sở xuất" viết: "Gan thể hiện ở mắt, lại thể hiện ở gân, mạch, móng chân tay; tim thể hiện ở lưỡi, lại thể hiện ở huyết khí, lông, tóc; phổi thể hiện ở mũi, lại chủ thể về hô hấp của da, tì thể hiện ở môi, lại chủ về thịt; thận thể hiện ở tai, lại chủ về xương, răng. Đoạn lý luận tướng lý này gắn bó chặt chẽ với lý luận trung y, cung cấp những lý luận cho luận chứng của tướng về ngũ quan: mắt, mũi, lưỡi, môi, tai. "Giáp Ất kinh" viết: Mũi là cơ quan của phổi, mắt là cơ quan của gan, miệng là cơ quan của tỳ, lưỡi là cơ quan của tim, tai là cơ quan của thận. "Sự thể hiện của ngũ tạng" tương ứng với điều đó. Quyển hai "Ngũ hành tướng sinh ca" đem nguyên lý của ngũ hành tương sinh vận dụng vào việc tìm duyên cho họa phúc thể hiện ở ngũ quan, tướng lý rất rõ ràng: "Nhĩ hữu thủy châu, tị hữu lương, kim thủy tương sinh chủ đại xương. Nhân minh, nhĩ hảo đa thần khí, nhược

bất vi quan, phú cách cường. Khẩu phương thị trực nhân tu quý, kim thổ tương sinh tử thụ lang Thân phương nhân hắc mộc sinh hoả, vĩ nhân chí khí đa tài lượng. Thiệt tướng thần hậu, hoả sinh thổ, thử nhân hữu phúc, trung niên xương. Nhãn trường mi tú túc phong lưu, thân toạ kim, chương triều thẩm đường" (Dải tai rủ xuống, mũi gỗ: kim sinh thủy, rất tốt, mắt sáng tai thính nhiều thần khí: không làm quan thì cũng giàu có. Miệng vuông, mũi thẳng, kim thổ tương sinh, sang trọng, quyền quý. Môi vuông, mắt đen, mộc sinh hoả, người có chí khí, nhiều tài năng. Lưỡi dài, môi dày, hoả sinh thổ, người có phúc, lúc trung niên sẽ thịnh. Mắt dài, mi rậm, sẽ phong lưu, ngồi ở nhà vàng làm việc xét xử). Quyển ba là quyển rất hiếm có: "Tâm thuật luận" và "Luận đức", hai thiên đó bàn về "tâm chính thì có phúc", "đức ở trên hình" rất tường tận, hình thành quan điểm đặc sắc của cuốn này là: hình tướng và tâm tướng là hai mặt trong, ngoài đối với nhau, có tác dụng tương hỗ với nhau.

Tóm lại, "Thái Thanh thần giám" gồm nhiều tư liệu quý, lập luận có căn cứ, sắp xếp có thứ tự, là một trước tác tướng học tương đối tốt.

(4). NGUYỆT BA ĐỘNG TRUNG KÝ

Không có tên người soạn, thấy ghi trong "Thông chí - Nghệ văn lược" của Trịnh Tiên đời Tống. Một quyển. Nói là Lão Quân ghi chép trong Nguyệt Ba động, Thái Bạch sơn, gồm 9 thiên. "Quân Trai độc thư chí" của Triều Công Vũ cũng ghi cuốn này, gồm một quyển. "Tống sử- Nghệ văn chí" ghi "Nguyệt Ba động trung quy giám" một quyển, "Nguyệt Ba động trung chí" một quyển, đều không ghi tên người soạn, còn về một cuốn sách có hai tên hoặc hai bản lưu hành riêng thì nay không khảo chứng được. Khảo trong thể

lệ của "Vĩnh Lạc Đại Điển" còn truyền tới bây giờ, có thể căn cứ bản của người Tống để ghi chép lại, có một thiên nguyên tự, xưng là Lão Quân đề tại bức tường cổ trong khám thờ thất linh phía Nam thuộc Nguyệt Ba động, Hồng Linh khê, Thái Bạch sơn.

Sách này lưu truyền đã lâu, nhưng các tướng thư đời sau rất ít trích dẫn. "Tứ Khố Toàn Thư tổng mục đề yếu" viết "Thấy tướng pháp được bàn tới trong sách có phần rõ ràng hơn các sách thông tục về sau, tất là có được truyền thụ, có 9 chương từ Tiên Tế đến Ngọc Châm, lời lẽ rất cổ. Do đó bản trong "Tứ Khố Toàn Thư" giữ nguyên như bản trong "Vĩnh Lạc Đại Điển". Vì số thiên và số trang tương đối nhiều nên chia làm hai quyển. Bản mà chúng ta hiện có là bản của "Tứ Khố Toàn Thư".

(5). NHÂN LUÂN ĐẠI THỐNG PHÚ

Do Trương Hành Giản thời Kim soạn. Hành Giản đời đời làm lễ quan, làm tới lễ Bộ thượng thư, Hàn lâm học sĩ thừa chỉ, thái tử thái bảo. Ông nghiên cứu rộng rãi cả thiên văn thuật số, nổi danh khắp triều đình, thôn dã đương thời. "Kim sử - Bản Truyện" nói ông sáng tác văn chương 15 quyển, nghi lễ 120 quyển, nhưng không nói ông làm "Nhân luân đại thống phú". "Thiên Khoảnh đường thư mục" của Hoàng Ngu Tắc có một quyển "Nhân luân đại thống phú" nhưng không ghi tên người soạn. "Vĩnh Lạc Đại Điển" ghi chép sách này và đề là Hành Giản soạn, còn kèm theo lời chú của Tiết Diên Niên. Căn cứ vào đó, đời sau đều cho là sách này do Trương Hành Giản soạn. Bản trong "Vĩnh Lạc Đại Điển" của sách này không nhiều quyển, kiểm tra từ đầu đến cuối đều hoàn bị, đáng làm bản gốc. Bản "Tứ Khố Toàn Thư" cũng căn cứ vào đó để chỉnh lý.

Cuốn này có một quyển. "Tứ Khố Toàn Thư tổng mục đề yếu" nói: "Sách này chuyên nói về tướng pháp, chữ nghĩa rất rõ ràng, giản dị. "Tiết Diên Niên khen sách này" đề cương dẫn dắt không dưới hai ba ngàn chữ, bao quát toàn bộ tướng thuật, các điều mục trôi chảy và có thứ tự". Trong sách có chỗ tự cho là cao siêu, lời lẽ khoa trương, đó là tật của các nhà phương thuật không lấy gì làm lạ. Lời chú của Tiết Diên Niên tường tận giúp cho độc giả xem sách được thuận tiện, nhưng cũng có chỗ lời văn đã rõ, lại còn thêm chú thích, làm cho sách trở thành nặng nề, thô thiển.

(6). THẦN TƯỚNG TOÀN BIÊN

Thác danh Trần Đoàn thời Tống soạn, Viên Trung Triệt thời Minh đính chính. 13 quyển, một quyển mở đầu. Là một trong những tướng thư lưu hành rộng rãi nhất ở thời Minh, Thanh. Được thu thập vào "Cổ Kim đồ thư tập thành - Bác vật hội biên - Nghệ thuật điển - Tướng thuật bộ" có bản in Bảo Hàn lâm vào năm Càn Long thứ 51. Sách gồm tổng luận, chép tương đối nhiều trước tác tướng thuật cổ đại, là tập đại thành về phép xem tướng người.

(7). MA Y TƯỚNG PHÁP

Bản cũ đề Bào Túc Chi thời Minh soạn. Hai quyển Tác phẩm bàn về phép xem tướng người mượn tên Ma Y đạo giả thời Ngũ Đại. Biên soạn thành hình thức ca vè, nhiều lời lẽ thô thiển. Là sách tướng thư lưu hành rộng rãi nhất trong các quán xem tướng thời cận đại, được các thuật sĩ giang hồ sử dụng nhiều.

(8). QUÝ TIỆN ĐỊNH CÁCH NGŨ HÀNH TƯỚNG THU

Bản cũ đề: Viên Thiên Cương thời Đường soạn. Thật ra là do người thời Minh giả thác. "Tứ Khố Toàn Thư tổng mục - Thuật số

loại tôn mục nhị" viết: "Thuyết trong sách nói sự biến đổi các bộ vị trong 12 giờ ở các mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông và nói giờ nào thì sinh cư tại đầu Hoàng Đế, giờ nào... thì ở tay Hoàng đế, giờ nào thì sinh cư ở chân Hoàng Đế. Đồng thời nói rằng sinh cư ở đầu thì sang, ở chân là hèn. Rất kỳ quái nhảm nhí, không đáng tin. Gần đây, trong hoàng lịch có vẽ thành đồ hoạ, lưu hành rất rộng. Được thu thập vào "Vĩnh Lạc Đại Điển".

(9). THẦN TƯỚNG THIẾT QUAN ĐAO

Mượn danh Trần Đoàn thời Tống. Theo lời tựa của Phá Nạp Vân Cốc sơn nhân thì: Sách này do một dị nhân cho tôi. Dị nhân nói: "Con có cốt cách thông tuệ, có linh căn, được sách này có thể ngao du sơn thuỷ, xem tướng cho kẻ sĩ trong thiên hạ. Những không được khắc, in truyền cho người khác. Sách này có tên Tiết lộ thiên cơ, nếu khinh xuất truyền bá, tiết lộ sẽ bị trời khiển trách. Con người cần giữ bí mật "Sau khi Phá Nạp Vân Cốc sơn nhân được sách này lấy tên là Thiết Quan Dao, ngao du khắp bốn biển, xem tướng cho nhiều người. Sau gặp giặc giã, liền chạy về Nam Kinh, đổi tên là Kim Giao Tiễn, mượn tướng thuật để ngao du các danh sơn, tìm thần tiên, nhưng không gặp. "Sau tôi về ở Thái Hồ gặp một người xem tướng có thể bài ghi: "Ta vốn theo tướng pháp của Bạch Vân tiên sinh". Trong chốc lát không thấy người nữa, chỉ còn tám thẻ bài nằm lại, tôi nhặt tám thẻ bài, mới tỉnh ngộ ra rằng, tướng pháp này là mật bản của Trần Hy Di tiên sinh".

Sách gồm bốn quyển, là các bài về xem tướng người, giản dị dễ hiểu. Xem xét kỹ lưỡng mới thấy sắp xếp hỗn loạn, như các phần "định pháp xem tướng tay", "bí quyết xem tướng tay", "sắc quyết xem tướng tay" lại xếp phân tán vào ba quyển 1, 3, 4, không sắp xếp theo loại. Từ đó thấy rằng, vì được dị nhân cho sách, nên không

tránh khỏi thần thánh hoá người đó. Vì vậy, sách này có cái gọi là "tứ mật", "ngũ cấm", "tam kỳ". "Sách này có tứ mật: mật thứ nhất không có bản khắc, mật thứ hai vĩnh viễn không truyền, mật thứ ba chứa trong khẩu quyết, mật thứ tư là cái hình thần". "Sách này có "ngũ cấm": cấm truyền cho kẻ bất trung bất hiếu, cấm truyền cho kẻ ác độc tham lam, cấm truyền cho kẻ không theo lễ, cấm truyền cho kẻ được sách quên thấy, cấm truyền cho kẻ khinh suất tiết lộ những điều được dạy". "Sách này có 3 điều kỳ lạ: kỳ lạ thứ nhất là người ngu cũng học được, kỳ lạ thứ hai là không nhớ mà linh, kỳ lạ thứ ba là càng học càng tinh, biến hoá khôn lường". Thời Ung Chính nhà Thanh, Ngô Cương sơn nhân ở Sơn Âm được sách này, đem dung vào tướng thuật, cũng nói là linh dị khác thường: "Sau khi tôi được sách, đem nghiệm nhiều lần, càng thấy kỳ diệu như thần. Cho nên người đời lúc đó gọi tôi là thần tiên mất biết" Người ta thường nói các thầy tướng hay tự khoe khoang, ở đây có thể thấy một thí dụ.

Từ cuối Thanh đến nay, các hiệu xem bói còn lưu hành một cuốn tướng thư, được các thuật sĩ giang hồ ở Quảng Đông và Hương Cảng rất hay dùng. Đó là cuốn "Thần tướng Kim Giao Tiên". Sách này không ghi số quyển, đầu sách đề "La Phù Tây Hà sơn nhân thụ". Nhưng xem "Lời tựa Thần tướng Thiết Quan Dao" có thể biết. Do đó, "Thần tướng Thiết Quan Dao" và "Thần tướng Kim Giao Tiên" có thể là cùng một cuốn sách.

(10) LIỄU TRANG TƯỚNG PHÁP

Mượn danh Viên Cử (hiệu Liễu trang) thuật sĩ thời Minh. Vì là mượn danh nên lời tựa của Viên Cử ở đầu sách e rằng cũng là ngụ tác. Trong "Lời tựa" có nói "Tôi lúc đầu ngao du ở Triết tỉnh, rồi đến Giang Nam, sau đến Kinh độ, đã xem tướng mấy chục vạn

người có dị tướng, dị sắc, chưa bao giờ lầm lẫn. Mỗi năm ngồi bên cửa sổ, viết ba bản cho cuốn sách này, chia làm thiên, địa, nhân. Bản thượng có thể biết việc sang hèn, đạt và cùng của người ta, bản trung có thể biết cát hung họa phúc trong năm của người ta, bản hạ có thể biết lành dữ trong tương lai, việc thịnh suy của con cháu. Tất cả đều gồm trong 42 quyết".

Viên Cung là tướng thuật gia nổi tiếng thời Minh. Người đời sao mạo tên ông để viết sách là rất có khả năng. Nhưng dù vậy, "Liễu trang tướng pháp" có ảnh hưởng rất lớn, là một trong những tướng thư lưu hành ở phổ phường thời cận đại, được các thuật sĩ giảng hồ dùng nhiều.

(11) TƯỚNG LÝ HÀNH CHÂN

Do Trần Chiêu ở Nghĩa Ninh soạn vào thời Thanh, gồm mười quyển. Một quyển đầu. Có bản in năm Đạo Quang thứ 13. Sách này là trước tác tập đại thành về tướng thuật thời Thanh có ảnh hưởng rất lớn trong giới tướng thuật. Vì có nội dung toàn diện, lời lẽ thông tục nên được các thuật sĩ giảng hồ quen dùng, là một trong những tướng thư lưu hành rộng rãi trong các phố phường thời cận đại. Ngày nay, sách này đôi khi còn thấy ở các quán sách, nhưng phần nhiều là in ấn lộn xộn, không tiện cho đọc giả.

3. HƯỚNG DẪN ĐỌC MỘT SỐ SÁCH KINH ĐIỂN VỀ TƯỚNG THUẬT

Trong rừng sách tướng thuật, nói một cách tổng quát, mỗi cuốn đều có tác dụng góp phần vào việc xây dựng và truyền bá lý luận tướng thuật. Nhưng qua việc nghiên cứu các thí dụ ở mỗi cuốn sách, ta phát hiện thấy có rất nhiều cuốn là đại đồng tiểu dị, có tác phẩm

không có đóng góp gì mới về lý luận, chỉ là sự góp nhặt phục vụ cho nhu cầu xem tướng mà thôi. Do đó đứng trước một số trước tác tướng thuật bề bộn đó, nhiệm vụ đầu tiên là tìm ra tinh hoa, đặt ra trước mắt chúng ta. Qua việc làm nghiêm túc của nhiều nhà nghiên cứu, đã dần dần phát hiện thấy trong lịch sử trước tác tướng thuật, có một số cuốn có tác dụng then chốt đối với việc xây dựng lý luận và truyền bá tướng thuật, chiếm địa vị đặc biệt trong lịch sử tướng thuật, được giới tướng thuật coi là kinh điển. Trong đó, hai cuốn "Ma Y tướng pháp" và "Thần tướng toàn biên" được ví là hai viên ngọc về tướng học, được coi trọng rộng rãi. Xét về địa vị và tác dụng, "Ma Y tướng pháp" đã bước đầu hoàn thành việc xây dựng nên hệ thống lý luận tướng thuật có tác dụng bắc cầu, nối tiếp thời đại trước với thời đại sau. "Thần tướng toàn biên" thì coi trọng về tổng kết, qui nạp tướng thuật, có công lao của một tập đại thành. Do đó, với những người nghiên cứu sâu tướng thuật hoặc những người đọc nói chung, đều cần có sự chuẩn bị tiếp thu hai bộ này. Dưới đây, sẽ căn cứ vào những tư liệu hữu quan để giới thiệu hai bộ sách trên.

(1) MA Y TƯỚNG PHÁP

Về tác giả và niên đại ra đời của "Ma Y tướng pháp", hiện nay chưa có ý kiến kết luận. Theo ghi chép trong "Thần tướng toàn biên" và "Hiệu chính tạng thích Ma Y tiên sinh thần tướng biên" do Lục Huyền Sung hiệu biên thì Ma Y đạo giả là thầy dạy của đại tướng sư Trần Đoàn đầu đời Tống, ban đầu tu đạo trong một ngôi nhà bằng đá ở Hoa Sơn, có thể là một tăng nhân hoặc đạo sĩ, không rõ tên họ. "Ma Y" là đạo hiệu của ông. Sách "Cải lương hiệu chính Ma Ty tiên sinh thần tướng biên" có phê chú: "Ma Y, dị nhân thời cổ. Dấu họ tên lấy đó làm hiệu". Ngoài ra, căn cứ vào "Văn kiến tiền lục" của Bá Ôn ở Ninh Thiệu thì khi Tiền Nhược Thuỷ thời

Tống đang học để đi thi, tìm gặp Ma Y đạo giả xin xem tướng. Tăng nhân nói: "Dòng nước xiết đẩy lui người, nhưng thần tiên cũng không xa!" Tiền Nhược Thủy thì đổ vào khoảng năm Ung Hy nên việc ông tìm gặp tăng nhân khi còn là cử tử là câu chuyện đầu đời Tống, không có gì phải nghi ngờ. Lại căn cứ Trần Đoàn cũng từng học Ma Y thì có thể đoán định Ma Y đại để là người thời Ngũ Đại, đầu Bắc Tống.

Song, Ma Y đạo giả có phải là tác giả sách "Ma Y tướng pháp" không? Theo sự khảo chứng của các chuyên gia thì "Ma Y tướng pháp" ngờ là do người đời sau thác danh mà viết nên. Lục Huyền Sùng thời Thanh cho rằng "Người đời sau đều lấy Ma Y làm hiệu để truyền lại". Nghê Nhạc thời Thanh trong "Thần tướng toàn biên khảo" cũng nói: "Gần đây khẩu truyền sách xem tướng người, đều lấy tổ là Ma Y đạo giả". Bản "Ma Y tướng pháp" ngày nay chỉ nói Ma Y viết "Thần Di phú" "Kim toả phú" "Ngân Chủng phú" và nói Ma Y vào mùa đông giá rét, ở ngôi nhà đá tại Hoa Sơn ngồi bên lò dầy Hy Di, không dùng lời nói, chỉ dùng que lửa viết chữ vào tro, lặng lẽ dạy Hy Di. Sách "Ma Y đạo giả chính dịch tâm pháp" có chú rõ: Trần Đoàn "đã tiếp nhận được đầy đủ". Từ đó ta thấy "Ma Y tướng pháp" đại thể là do Ma Y đạo giả lặng lẽ truyền thụ cho Trần Đoàn, Trần Đoàn chính lí lại, bổ sung và giải thích thêm, người đời sau lại không ngừng bổ sung lại thành sách.

"Ma Y tướng pháp" có ảnh hưởng lớn đến tướng thuật đời sau. Tới thời Minh Thanh thì lưu truyền rất rộng rãi, phổ biến trong quần chúng. Thẩm Thái đời Minh, trong bài "Hoàn đại ký chúng bằng tự tướng" viết "Đầu đỉnh phương câu, yêu thúc điều, khí ngạo, Ma Y tướng pháp ngã độc cao, huyền diệu" (Đầu chút khăn vuông, lưng thất vải: Ngạo ngễ, Ma Y tướng pháp ta hơn người: Huyền diệu!) Đây là hình ảnh một sĩ đại phu vì giỏi Ma Y tướng

pháp nên có thái độ cao ngạo với các bạn đồng liêu. Trong các sách tướng sau này, hễ động đến là dẫn "Ma Y tướng pháp" làm chứng, làm chuẩn, những ví dụ về điều này nhiều không kể xiết. Đương nhiên, trong quá trình đó, "Ma Y tướng pháp" cũng không ngừng được bổ sung và giải thích. Do đó, chúng ta không nên coi "Ma Y tướng pháp" là một hiện tượng cuốn sách đơn độc, mà nên coi là một tinh thần, một truyền nối trong tướng thuật, là kết quả tập hợp trí tuệ của nhiều người. Nó vừa là sự hội tụ tinh hoa tướng thuật từ thời Tống về trước, vừa xúc tiến thành quả nghiên cứu từ đời Tống về sau. Nó đã vứt bỏ sắc thái thần bí tối tăm mù mịt trong tướng thuật và những thành phần huyền ảo do các thầy tướng cổ tình đặt bày ra, xây dựng lên một hệ thống lý luận tương đối hoàn chỉnh, hợp lý. Ngoài ra, "Ma Y tướng pháp" thông tục dễ hiểu, có tính thực dụng cao, đã xây dựng lên hệ thống cơ bản lấy thực dụng làm chủ đạo của tướng thuật từ thời Tống trở về sau. Do đó, "Ma Y tướng pháp" có thể được coi là cuốn sách nhập môn hoặc tài liệu cơ sở của tướng thuật Trung Quốc.

Các văn bản "Ma Y tướng pháp" từ xưa tới nay rất phức tạp. Bản được các tướng thuật gia chỉnh lý cẩn thận và được lưu hành tương đối phổ biến là bản "Ma Y tướng pháp" do Vũ Anh điện thời Thanh hiệu đính và bản "Hiệu chính tạng thích hợp tính Ma Y tiên sinh thần tướng biên" do Lục Huyền Sùng hiệu biên.

Nội dung cơ bản, khuôn khổ lý luận và phương pháp tướng thuật của "Ma Y tướng pháp" ra sao? Chúng ta hãy lần lượt bàn tới từng vấn đề.

Nội dung cơ bản của "Ma Y tướng pháp" phân thành 4 loại:

Một là, khái luận, bàn về những khái niệm cơ bản của tướng thuật. Đây là phần thường thức. Chủ yếu bao gồm: "13 bộ vị", "lưu

liên vận khí", "12 cung", "ngũ tinh lục diệu", "ngũ nhạc tứ độc", "lục phủ tam tài tam đình", "cửu châu bát quái", "tứ học đường bát học đường" và "phương vị thời không".

Hai là, toàn thể luận hoặc tổng hợp luận bàn về tinh thần, khí sắc, xương thịt, tiếng nói, tư thế dung mạo của con người, như "luận thần", "luận hình", "luận thần hữu dư", "luận hình hữu dư", "luận cốt", "luận nhục", "luận khí", "luận thành"... v... v...

Ba là, ý nghĩa luận, tức là lấy chuyên môn về cát hung hoa phúc và những hạng mục ý nghĩa đặc biệt để lần lượt bàn về sống chết hoa phúc, cát hung từng năm như "thập nhị cung luận", "lục phủ tam tài tam đình", "tứ học đường", "ngũ hành hình tướng", "tiền bạc", "nam nữ", "quan lộc" v.. v...

Bốn là, phân biệt luận, phân biệt các bộ vị, từ đầu, ngũ quan, tứ chi và nốt ruồi, vết, vân để xét các mặt tốt xấu của số mệnh, cùng thông, cát hung. Trong đó đặc biệt là ngũ quan tạo thành nội dung chủ yếu của "Ma Y tướng pháp".

Khuôn khổ lý luận của "Ma Y tướng pháp" trên thực tế là khuôn khổ lý luận cơ bản của tướng thuật Trung Quốc. Về điều này, ở các chương khác đã đề cập. Nay căn cứ vào cuốn "Trung Quốc sinh mệnh dự trắc" của Thượng Quan Vân để nói rõ thêm.

Khuôn khổ lý luận của "Ma Y tướng pháp" đã đưa ra phương pháp giải quyết phù hợp tướng thuật cho các mâu thuẫn xung đột trong nội bộ hình tướng. Vì vậy, muốn đột phá khuôn khổ lý luận đó, phải tìm ra mâu thuẫn chủ yếu của hình tướng và phương pháp giải thích nó.

Sự cân bằng và đối xứng trong tướng thuật chủ yếu chú trọng đến phần mặt, tức là xem xét đến phần mâu thuẫn trong kết cấu phần mặt và biện pháp xử lý mâu thuẫn đó.

Cân bằng, tức là các bộ vị trong ngũ quan có thống nhất không, có hài hoà không, không được cái thì to quá, cái thì nhỏ quá, cái quá cao, cái lại quá thấp làm mất mức độ vừa phải, mất sự cân đối về kết cấu.

Đối xứng, tức là hai tai, hai mắt, hai lông mày, hai phủ trên, hai phủ dưới và hai phủ giữa phải chỉnh tề đồng nhất không được khác nhau về độ lớn, về vị trí cao thấp, về đậm nhạt, to nhỏ, dày mỏng.

Tướng thuật gia cho rằng nếu một khuôn mặt có tổ chức ngũ quan và trán, cằm, má, lưỡng quyền, phần dưới má, tức ngũ nhạc lục phủ, tam đình tam tài hài hoà đối xứng thì đó là thượng tướng. Nếu không hài hoà và không đối xứng, tạo thành mâu thuẫn thì đó là hạ tướng.

"Ma Y tướng pháp" rất coi trọng sự cân bằng và đối xứng của các bộ vị trên mặt và đã viết: "Tướng mạo tu sở thượng hạ đình, tam đình bình đẳng cánh tương sinh, nhược hoàn nhất xứ vô quân đẳng, hảo ác trung gian hữu cải canh" (tướng mạo cần xem thượng hạ đình, tam đình bình đẳng tất tương sinh, nếu có chỗ nào không cân xứng, điều xấu sẽ thay điều tốt lành). "Thần Dịch phú" viết: "Tam đình bình đẳng thì suốt đời không thiếu lộc, ngũ nhạc triều quy thì cuộc đời sẽ lắm tiền tài. Đó chính là điều mà tướng thuật vẫn tuân theo, tức là "tam đình bát quái cân hoà xứng, ngũ nhạc tứ độc định cao thâm".

Vấn đề tương xứng và tương hợp

Sự tương xứng và tương hợp trong tướng thuật chú trọng tới xương thịt, vóc người của toàn thân, tức là xét tới mâu thuẫn và sự hiệp điệu của toàn bộ kết cấu hình thể.

Tương xứng, là nói đến sự cân bằng, đối xứng giữa mặt với thân thể và tứ chi về các mặt gầy béo, cao thấp, ngắn dài, lớn nhỏ. Nếu có sự cân bằng đối xứng thì là tướng hữu thành, nếu giữa mặt và hình thể toàn thân hoặc giữa thân mình và tứ chi không cân bằng đối xứng thì không phải là tướng hữu thành. Tương xứng, còn chỉ sự cân bằng giữa xương và thịt. Xương không ít, thịt không nhiều, hai cái phối hợp bổ trợ cho nhau thì là hữu thành. Nếu thịt không đủ làm cho cốt lộ hoặc thịt quá nhiều chảy xệ thì là vô thành.

"Ma Y tướng pháp" nói "Người gầy cũng không được lộ cốt, người béo cũng không được chảy xệ", "đầu nhỏ mà thân lớn, trên ngắn mà dưới dài thì là hình bất túc. "Trong phép xem tướng theo ngũ hành, "kim không ngại vuông, mộc không ngại gầy, thủy không ngại béo". Những điều đó đều để nhấn mạnh vấn đề tương xứng và tương hợp. Vấn đề doanh túc và xúc thông

Doanh túc và xúc thông trong tướng thuật là nói về tinh thần của động thái, tức là bàn về tinh thần trong cơ thể người ta có đầy đủ dồi dào không, cũng tức là hệ thống tinh thần có được điều hoà không.

"Ma Y tướng pháp" nhấn mạnh mối quan hệ giữa tinh thần và tướng người, cũng tức là coi trọng vấn đề doanh túc và xúc thông.

Doanh túc, chỉ trạng thái tinh thần hưng vượng, đầy đủ, dồi dào, không bị khô kiệt, trống rỗng không đầy đủ. "Ma Y tướng

pháp" nói: "Mặt mũi đỏ dần: phát tài, thân thể an khang", "Thân đoãn vô quang: sắp đi về cõi u minh" Một con người nếu tỏ ra có tinh thần dồi dào, đầy sức sống, khí sắc sáng láng hoặc uy nghiêm khiến người khác phải sợ, hoặc toả thần thái bao trùm người khác thì dù rằng hình mạo không đẹp đẽ cũng khiến người khác cảm thấy cao sang. Loại tướng như thế là thượng tướng. Nếu tỏ ra tinh thần ủ rũ, mệt mỏi, sắc thái nhợt nhạt hơi hảm hoặc ngang bướng thô lỗ hoặc hẹp hòi phù phiếm, thì dù hình mạo rất tốt cũng khiến người ta cảm thấy dè tiện dung tục. Loại tướng như thế là hạ tướng.

Xúc thông là tinh thần có đủ nhưng ẩn tàng không lộ ra, vừa không tùy tiện phát lộ, vừa phát lộ có chừng mực, nhưng khi đã phát lộ thì thông suốt linh hoạt. Không nên lúc lộ, lúc tán, tùy tiện phát lộ vì như thế sẽ lưu tán không có nhịp độ. Hoặc giả tinh thần hèn nhược, không thể phát lộ ra, khi phát thì không biến thông. "Ma Y tướng pháp" có phụ lục "Đạt Ma tổ sư tướng quyết bí truyền" nói: "Định thì không lộ, phát ra thì có thần lâu dài không tán thoát, gặp thay đổi không kinh sợ". Muốn đạt được yêu cầu của loại "thần" đó thì trước hết phải có năng lực xúc thông.

Vấn đề trật tự và cấu thể

Trật tự và cấu thể của tướng là nói về hai mặt diện tướng ngũ quan và khí sắc tinh thần. Đó là sự khảo sát tổng hợp về kết cấu chỉnh thể của tổ chức ngũ quan phối hợp với khí thể sắc trạch của một con người.

Gọi là trật tự, là chỉ bố cục chỉnh thể của xương thịt ngũ quan và mỗi tổ chức xương thịt của ngũ quan có kết cấu hợp lý, trật tự rõ ràng, không xâm phạm nhau, không quá lồi quá lõm, không chen chúc xiêu vẹo, không phân tán tản mạn, trên dưới phối hợp với nhau đúng mức độ. "Ma Y tướng pháp" cho rằng nếu ngũ quan trên mặt

xiêu vẹo thì người đó không ngay thẳng, nếu chen chúc thì người đó hay gò bó, nếu tán loạn thì người đó hành động thiếu chủ định, nếu lồi lõm thì người đó hành động kỳ cục.

Gọi là cấu thể, là chỉ các tổ chức khí quan trong xương thịt của ngũ quan trên mặt phải đầy đặn nở nang, tỏ ra rắn chắc và có khí thể, phát huy được đầy đủ công năng. Việc phát huy đầy đủ công năng lấy sự hoàn chỉnh hợp lý của cấu tạo tổng thể bộ mặt và sự hữu thành của bản thân các bộ vị làm căn cứ. Mà bố cục tổng thể của tổ chức xương của các bộ vị lại lấy việc có khí thể và có phát huy đầy đủ được công năng làm tiêu chí.

Nếu bố cục tổng thể trên mặt của các bộ vị có kết cấu hợp lý, có trật tự rõ ràng, thấu khí dồi dào, sắc trạch tươi sáng, như mũi cao, miệng đỏ dẫn ngay ngắn, có góc cạnh, hai tai tươi tắn, to cao, vành tai rõ ràng, ngũ nhạc tam đình đều đặn nở nang cùng châu vào nhau... Như thế thì có khí thể, có cấu thể rất tốt, tỏ rằng sẽ thông đạt may mắn, phú quý hanh thông. Ngược lại cấu thể của các bộ vị không tốt, tỏ rằng sẽ cùng trệ bất hạnh, nghèo hèn và gặp nhiều tai họa.

"Ma Y tướng pháp" cho rằng trật tự và cấu thể của tướng có ý nghĩa chủ đạo và mang tính chất tổng thể. Sách nói "suốt đời vất vả, là do hạ đình dài" "xem tướng mạo trước hết cần xem ngũ nhạc, ngũ nhạc đầy đặn thì người đó phú quý vinh hoa. Sau nữa là xem ngũ nhạc có châu vào nhau không, nếu được như vậy thì quan lộc vinh xương". "Ấn đường quá hẹp, thì muộn vợ muộn con", "sống mũi thấp tet không nghèo cũng chết non". Chỉ xem sự dài ngắn của hạ đình mà biết trước được cuộc sống vất vả hoặc giàu sang, sống mũi thấp tet mà "không nghèo cũng chết non", mới nghe ra có vẻ

như là lấy một khuyết tật nhỏ mà lấn át tất cả. Có lẽ đây cũng là sự nhấn mạnh vào trật tự và cấu thể của "Ma Y tướng pháp" chăng?

Vấn đề hồ bổ và hồ nghịch

Hình tướng của một con người bao giờ cũng không thể hoàn mỹ. Nếu có thiếu sót tạo thành sự hụt hẫng trong cái đẹp chung thì làm sao? Tướng thuật gia cho rằng: "Không có vấn đề lớn, có thể bù đắp được. Đó là vấn đề hồ bổ và hồ nghịch trong tướng thuật."

Vấn đề "hồ bổ và hồ nghịch" này trong "Ma Y tướng pháp", theo sự nghiên cứu của Thượng Quan Vân, chủ yếu gồm có: tỵ thân bổ nghịch, tương quan bổ nghịch, tương xứng bổ nghịch, hình thân bổ nghịch, tâm hình bổ nghịch, đại bổ tiểu nghịch, đại nghịch tiểu bổ, v... v... Như tương xứng bổ nghịch là chỉ sự bổ nghịch giữa chính thể với bộ phận và giữa bộ phận với chính thể. Các tổ chức, khí quan bộ vị bên ngoài của một con người nào đó đều cân bằng đối xứng, hài hoà với nhau, tinh thần khái sắc bên trong cũng dồi dào sáng nhuận, cảm giác về chính thể là rất tốt. Duy có cái miệng (xuất nạp cung, thuỷ tinh) lại không đẹp, to và hở, góc cạnh không rõ hoặc sắc không đỏ tươi, thì chính thể bộ mặt có thể bổ cứu cho thiếu sót đó của cái miệng. Kết quả tuy ở năm 60 tuổi đó vận khí không tốt hoặc giả suốt đời thường bị ghét bỏ, bị mọi người chán ghét, nhưng sẽ không ảnh hưởng tới kết cục của số phận suốt đời giàu sang phúc thọ. Lại giả dụ một người có chính thể bộ mặt cho người ta có cảm giác không tốt, nhưng lại có đôi mắt đen lánh, dài và thanh tú, đầy thần sắc sáng láng, kèm theo đôi lông mày dày rậm, chiếm vị trí nổi bật trên toàn khuôn mặt thì có thể phát huy ảnh hưởng mạnh mẽ, bổ cứu cho thiếu sót của chính thể. Đó là sự bổ nghịch của bộ phận với chính thể. Nói chung, nêu cấu thể của

chính thể rất tốt, bộ phận cá biệt vô thành thì gọi là bổ; bộ phận cá biệt tốt nhưng chính thể không tốt thì gọi là nghịch.

Lại thí dụ về tâm hình bổ nghịch. Tuy hình tướng là hữu thành, nhưng nếu tâm tướng không tốt thì gọi là "nghịch", cái nghịch đó xung phá làm số mệnh tốt do hình tướng sinh ra sẽ bị giảm sút nhiều, trở thành không lành. Nếu giả sử hình tướng không tốt thuộc vào loại hạ tướng, nhưng lại có tâm địa lương thiện, làm thiện tích đức, thì số mệnh không tốt do hình tướng sinh ra sẽ có thể chuyển biến mà thành tốt. Đó gọi là "bổ". Mối quan hệ giữa hình tướng và tâm tướng mà chúng ta nói khi bàn về tâm tướng kỳ thực là mối quan hệ tâm hình bổ nghịch đó. "Ma Y tướng pháp" rất coi trọng mối quan hệ bổ nghịch, và có những lời bàn đặc sắc được người đời sau ca ngợi, như "không làm nên âm công cho kiếp trước thì cũng làm nên đạo quả cho kiếp sau", "xem xét hình mạo cũng phải xem xét cái cả tâm nữa" "có tướng không tâm thì tướng sẽ mất theo tâm", "có tâm không tướng thì tướng sẽ sinh ra theo tâm" v... v...

"Ma Y tướng pháp" tuy trình bày không dài nhưng nội dung bao hàm lại vô cùng phong phú, không những từ đó có thể nghiên cứu tướng thuật mà còn tìm thấy tinh thần chói sáng về triết học, văn hoá truyền thống, tâm lý và phong tục nữa.

(2) THÂN TƯỚNG TOÀN BIÊN

Có thể nói, giá trị của "Thân tướng toàn biên" là ở chỗ nó đã thu thập tư liệu một cách toàn diện và sắp xếp rất khéo léo.

"Thân tướng toàn biên" gồm 13 quyển và 1 quyển đầu.

Quyển đầu bàn về cơ sở lý luận của tướng thuật và những vấn đề liên quan, bao gồm ngũ hành, khí thần, ngôn ngữ hành vi... có tính chất thông luận.

Quyển một là cơ sở tướng pháp, mở đường hướng dẫn cho người mới học, có giải thích về phương pháp, cách thức và từ ngữ. Thí dụ như thiên đầu "tướng thuyết" dạy người ta về thứ tự xem tướng: "Phàm xem tướng mạo của con người, trước hết xem cốt cách, sau xem ngũ hành, xem sự dài ngắn của tam đình, xét diện bộ có đầy đặn không, mắt và lông mày có thanh tú không, thần khí có dồi dào không, xem chân tay dày mỏng như thế nào, râu tóc thưa rậm ra sao, xét cỡ người cao thấp, ngũ quan và lục phủ có hữu thành không... Về các mặt tinh tú, phú quý, bản tiện, thọ yếu, cùng thông, vinh khổ, lưu niên, lưu cữu tất thấy đều kỹ lưỡng, vận dụng vào xem tướng người, không thiếu điều gì. Người học cần xem xét kỹ, suy xét liên hệ với nhau, không nên bỏ sót. "Ngoài ra, còn bàn luận về kinh nghiệm "thập quan" "ngũ pháp".

Quyển 2 bàn về ngũ quan, trên thực tế bao gồm những nét chính về xem tướng mặt, tức phân biệt bàn về hiện trạng cát hung từ ngũ quan đến tam tài lục phủ tam đình.

Quyển 3 bàn về tướng thuyết ngũ hành cùng các bộ phận mặt, lông mày và mắt, chủ ý so sánh và thuyết minh một số thuật ngữ, như "vong thần cách", "lục xung cách", "thập sát cách", "diên thượng", "thập đại không vong"...

Quyển 4 tiếp tục bàn về tướng mặt, từ ấn đường sơn căn đến mũi, tai, miệng, lưỡi, và cũng đề cập một phần đến thân thể như ngực, lưng, nách, thắt lưng, hạ bộ. Nhưng không hiểu sao phần "Ma Y tướng tâm" cũng nằm trong quyển này.

Quyển 5 bàn về ngôn hành cử chỉ và ngũ hành tướng lý cùng một số chuẩn tắc về tướng giàu, tướng sang, tướng hèn. Nhưng không hiểu sao cũng có phần "quan nhân bát tướng pháp", đúng ra nên thuộc nội dung của quyển một.

Quyển 6 là "Thần Di phú" của "Ma Y tướng pháp"

Quyển 7 là một số trước tác tướng thuật bao gồm "Nhân Luân đại thống phú" của Trương Hành Giản.

Quyển 8 cũng là trước tác tướng thư, gồm "Quý nhân tiên sinh tướng pháp".v. v...

Quyển 9 là một số thiên về tướng thuật của một số tướng thuật gia nổi tiếng, như "Tướng phú" của La Châu Nhân...

Quyển 10 bàn về vân tay, chân, cũng còn có một số nội dung về "bàn về nhân", "xem tướng tam tài"...

Quyển 11 bàn về hình tướng của phụ nữ và một số tướng người giống như cầm thú, như "Quý Cốc tử tướng phụ nhân ca"...

Quyển 12 bàn về trán, nốt ruồi, khí sắc.

Quyển 13 bàn tổng quát về khí sắc, như "Sơn căn thần sắc" "luận hắc sắc". ..

Xét nội dung mỗi quyển, thấy trong đó không có sự phân loại rành mạch, chỉ phân một cách đại lược, như quyển 11 biên lẫn cả hình tướng phụ nữ với hình tướng người giống cầm thú và không thấy có căn cứ lý luận gì. Nhưng nếu chúng ta không để bị lệ thuộc vào sự phân quyển thì có thể thấy những người biên soạn có mong muốn tập hợp những luận thuật của các sách tướng khác nhau về cùng một loại vào cuốn này. Các tác giả bàn về tay về chân, tức làm

việc hội tập các ý kiến bàn về tay, chân của các cuốn sách khác nhau lại để tiện xem xét, nghiên cứu. Từ góc độ đó mà xem xét, thì "Thần tướng toàn biên" giống như một cuốn hội biên về thuật xem tướng các bộ vị khác nhau bằng các phẩm loại tướng thuật khác nhau.

Xét về thứ tự trình bày trong mỗi quyển, thấy gồm có phần tổng luận, phân phân luận. Phần tổng luận là khái luận về chủ đề và nội dung được lựa chọn trong quyển đó. Như quyển 1, lấy "tướng thuyết" làm tổng luận, nói rõ thứ tự và phương pháp cơ bản của việc xem tướng mạo người, trên thực tế cũng là nói rõ các bộ vị của hình tướng ở các thứ tự khác nhau và địa vị của nó trong chỉnh thể hình tướng. "Tướng thuyết" là phương pháp chung nhất. Dưới đó là phần "phân thuyết" gồm "thập quan", "ngũ pháp", "thiết tướng ca", "thuần dương tướng pháp nhập môn", "bát học đường luận", "điều tam đình", "tướng cốt", "tướng nhục"... từ các góc độ khác nhau để bàn về phương pháp xem tướng người. Lại như quyển 2 bàn về ngũ quan, trước hết có phần thông luận của cả quyển với tên "Đạt Ma ngũ quan tổng luận" sau đó mới bàn về ngũ quan (Thái thánh quan, bảo thọ quan, giám sát quan, thẩm biện quan, xuất nạp quan).

"Thần tướng toàn biên" đã thu thập rất nhiều tướng thư, đó là điều rất quý. Sau này, tướng thuật gia Viên Trung Triệt thời Minh thấy rằng sách này vẫn chưa đủ thông tục toàn diện, lại thêm phần đính chính, chú thích, làm cho nội dung sách càng phong phú dễ đọc. Những đính chính, chú thích của Viên Trung Triệt chủ yếu biểu hiện ở ba mặt:

Một là, chú thích, thuyết minh một số câu khiến nó trở nên dễ đọc với nhiều người hoặc làm cho những ý cật hung trở nên rõ ràng. Như phần "Ngũ quan thuyết Thái thánh quan" trong quyển hai có

câu "Thiếp nhục thủy châu hồng nhuận tự nhiên, chủ tài lộc hạnh thông" được Viên chú như sau: "thiếp nhục là ẩn phục, hồng nhuận là thủy châu tươi ánh, chủ suốt đời tài lộc dồi dào, mưu cầu việc gì đều thành đạt, trời sinh tự nhiên giàu sang". Trong quyển 6 ở "Thần Dị phú" có câu "Hà mục hải khẩu, thực lộc thiên chung", được Viên chú như sau "mắt là quan của tứ độc, là sông (hà) vậy. Nếu mắt sáng láng mà không lộ, nếu miệng vuông vắn mà không phản, sẽ quý hiển, ăn lộc nghìn chung, như thế gọi là hà mục hải khẩu, lời nói có dung nạp mà không phản lộ vậy".

Hai là, dẫn dụng rộng rãi nhiều sách khác, có luận chứng đối với nguyên văn. Như "Ngũ quan thuyết - Thái nạp quan" ở quyển 2, câu "thông minh cao trùng", Viên chú rằng "cao trùng" là quá lông mày. Quách Lâm Tông nói: "Tai là vua, lông mày là bày tôi, vua cần cao mà bày tôi cần thấp. Cao vượt qua lông mày chủ về sang, thông minh về văn học, tài giỏi giàu sang vậy". Vạn Kim tướng nói: "Tai cao hơn lông mày một tấc vĩnh viễn không bị khốn", lại nói: "Tai mà vượn cao tiếng tăm hơn người". Tống Tề Khâu nói: "Tai tới nhật giác là đại quý". Hứa Phụ nói: "Tai có thể tới nhật giác là đã uống thuốc bất tử, lại chủ suốt đời ít bệnh, thọ lâu, tài trí hơn người". Ở đây, họ Viên không ngại trích dẫn nhiều, đã dẫn tới lời của bốn danh gia, không nhằm mục đích gì khác là để nói rõ ý tai cao hơn lông mày thì thông minh phú quý.

Ba là, có sự bình luận tướng học đối với nguyên văn, giúp ích cả cho tướng học và độc giả. Phần "Thần Dị phú" ở quyển 6 có câu "đại tặc trị nhân tính mệnh, tiểu tặc cứu nhân nan nguy, bất vi thế kiến âm dương, diệc tác lai sinh đạo quả", được Viên chú rằng "Tướng pháp nói về việc nhỏ dự đoán cát hung, có thể giúp người tránh dữ tìm lành; nói về việc lớn, biết rõ sinh tử, như mời đức lên thuyền để người gặp điều dữ khỏi chìm đắm có thể giúp người khỏi

hoạ gặp phúc vậy. Người học tướng pháp nên thông suốt lẽ này thì thuật của mình sẽ có ích cho người, sẽ thu được sự báo đáp cho mình". Quyển 1 có năm bài về về phương pháp tướng thuật là "Thuần dương tướng pháp nhập môn đệ nhất", "Quỷ Cốc tử tướng biện vi mang đệ nhị", "Lâm tông tướng ngũ đức phối ngũ hành đệ tam", "Đường Cử tướng thần đệ tứ", "Hứa Phụ tướng đức khí đệ ngũ", rất được Viên Trung Triệt tôn sùng: "Năm điều tướng pháp, gọn gàng đầy đủ cả tinh lẫn thô, bao gồm mọi mặt của tướng pháp, nhìn qua thấy lời lẽ giản đơn, nghĩ sâu thấy lý cao sâu vô cùng". Một đại tướng sư ca ngợi 5 điều tướng pháp như vậy, không khác gì đã chỉ đường cho người mới nhập môn.

"Thần tướng toàn biên" là tập đại thành về tướng thuật cổ đại Trung Quốc, tiêu biểu cho thành tựu cao nhất của tướng thuật cổ đại. Với những người nghiên cứu tướng thuật nên coi cuốn này là sách gối đầu giường để thường xuyên đọc và nghiên cứu thì không bao lâu sẽ tiếp thu được tinh hoa của tướng thuật Trung Quốc. Điều đáng tiếc là hiện nay trong nước chưa có bản sách đã qua chỉnh lý, độc giả nói chung không có để đọc và không dễ đọc hiểu. Việc chỉnh lý sách này, chia rõ từng đoạn từng câu, chú giải, phân tích đã trở thành một công tác cấp thiết chủ yếu đối với công tác nghiên cứu tướng thuật. đương nhiên, toàn bộ công việc chỉnh lý, nghiên cứu các sách vở cổ về tướng thuật cũng đều cần được tăng cường.

Thấy rằng độc giả nói chung không dễ thấy được bộ "Thần tướng toàn biên" chúng tôi trích mục lục các phần của bộ sách để giúp tham khảo:

Thần Tướng Toàn Biên 1

Tướng pháp. Thập quan. Ngũ pháp. Thiết tướng ca. Luận hình dung. Luận khí sắc. Thuần dương tướng pháp nhập môn đệ nhất.

Quý Cốc tử tướng biện vì mang đệ nhị. Lâm Tông tướng ngũ đức phối ngũ hành đề tam. Đường Cử tướng thần khí đệ tứ. Hứa Phụ tướng đức khí đệ ngũ. Thập tam bộ vì tổng ca. Lưu liên vận khí bộ vì ca. Vận khí khẩu quyết. Thức nhân ca, Thập nhị cung quyết. Thập nhị cung tổng quyết. Tướng dung quý tiện. Tứ học đường luận. Bát học đường luận. Học đường thi. Diệu tam đình. Luận hình hữu dư. Luận thần hữu dư. Luận hình bất túc. Luận thần bất túc. Luận cốt nhục. Tướng cốt, tướng nhục.

Thần Tướng Toàn Biên 2

Ngũ quan tổng luận. Ngũ quan thuyết. Thái thính quan. Bảo thọ quan. Giám sát quan. Thẩm biên quan. Xuất nạp quan. Nhất viết nhĩ vì thái thính quan. Nhị viết mi vì bảo thọ quan. Tam viết mục vì giám sát quan. Tứ viết tị vì thẩm biên quan. Ngũ viết khẩu vì xuất nạp quan. Hữu Phụ luận nam nữ ngũ quan. Ngũ nhạc. Tứ độc. Ngũ tinh lục diệu ngũ nhạc tứ độc chi thuộc. Ngũ tinh lục diệu thuyết. Ngũ tinh lục diệu quyết đoán thi. Lục phủ tam tài tam đình chi đồ. Lục phủ luận. Tam tài tam đình luận. Tướng tam chủ. Luận tam trụ. Tướng tam đình. Ngũ hành hình tướng.

Thần Tướng Toàn Biên 3

Ngũ hành tượng thuyết. Luận hình. Luận thần. Đạt Ma tướng chủ thần hữu thất. Luận khí. Luận ngũ âm. Luận thanh. Hứa Phụ thính thanh thiên. Phú cách lệ. Đại phú cách. Trung phú cách. Quý cách lệ. Đại quý cách. Trung Quý cách. Tiểu quý cách. Phú tướng khẩu quyết. Quý tướng khẩu quyết. Thọ tướng cách. Phúc đức cách lệ. Thành cách lệ. Thành bại bất túc cách. Tiến cách lệ. Thoái cách lệ. Động cách lệ. Tán cách lệ. Phát đạt. Thanh nhàn an lạc. Ôn hậu. Thông minh. Ngu ngoan dung lại. Cương cường. Hẩn tịch. Kỹ xảo. Cô cách. Cùng hiển yếu tướng. Hình khắc. Khắc phụ mẫu.

Khắc thế thiếp. Khắc tử tức. Cô thân cách. Quả tử cách. Vong thần cách. Kiếp sát cách. Lục xung cách. Lục hại cách. Hoa cái cách. Dương nhận phá gia văn. Diệu thượng thập đại không vong. Thập sát cách. Gian trá cách. Khoan đại cách. Tham thực cách. Lao lục cách. Tứ phản cách. Tam tiêu cách. Lục tiêu cách. Ác tử cách. Nghịch thủy cách. Hoả tai cách. Khương mỹ cách. Nhân diệu tổng luận. Luận diệu. Tướng diệu. Tướng đầu. Luận phát. Luận mi. Tướng mi. Quỷ mi. Sơ tán mi. Hoàng bạc mi. Tảo mi. Tiềm dao mi. Bát tư mi. La hán mi. Long mi. Đa điệp mi. Kiếm mi. Sư tử mi. Tiễn thanh hậu sơ mi. Khinh thanh mi. Đoản xúc tử mi. Tuyên loa mi. Nhất tư mi. Ngoạ tâm mi. Tân nguyệt mi. Hổ mi. Tiểu tảo triều mi. Đại đoản xúc mi. Thanh tử mi. Gián đoạn mi. Giao gia mi. Tướng mục luận. Đạt Ma tướng nhân. Long nhãn. Phượng nhãn. Hầu nhãn. Tướng nhãn. Quý nhãn. Thước nhãn. Sư nhãn. Hổ nhãn. Ngưu nhãn. Khổng tước nhãn. Uyên ương nhãn. Minh Phượng nhãn. Thụy phượng nhãn. Âm dương nhãn. Hạc hình nhãn. Nga nhãn. Đào hoa nhãn. Tuý nhãn. Hạc nhãn. Dương nhãn. Ngư nhãn. Mã nhãn. Trư nhãn. Xà nhãn. Cáp nhãn, Lang nhãn. Phục tê nhãn. Viên nhãn. Lộc nhãn. Hùng nhãn, Hà nhãn, Giải nhãn. Yến nhãn. Giá cáp nhãn. Miêu nhãn.

Thần Tướng Toàn Biên 4

Tướng án đường. Tướng sơn căn. Tướng tị. Long tị. Hổ tị. Hổ dương tị. Sư tị. Huyền đằm tị. Phục tê tị. Ngưu tị. Tiệt giản tị. Toán tị. Thịnh nang tị. Hầu tị. Ứng truy tị. Cẩm tị. Tíu ngư tị. Tam loan tam khúc tị. Kiếm phong tị. Thiên ao tị. Cô phong tị. Lộ tích tị. Lộ táo tị. Chương tị. Tinh tị. Lộc tị. Viên tị. Nhân trung luận. Tướng nhân trung thiên. Tướng nhĩ. Hứa Phụ tướng nhĩ thiên. Thổ nhĩ. Kỳ tử nhĩ. Hổ nhĩ. Tiễn vũ nhĩ. Kim nhĩ. Mộc nhĩ. Thủy nhĩ. Hoả nhĩ. Trư nhĩ. Đê phán nhĩ. Thủy mi nhĩ. Thiếp não nhĩ. Khai hoa nhĩ.

Phiến phong nhĩ. Thử nhĩ. Lư nhĩ. Tướng khẩu. Hứa Phụ tướng khẩu thiên. Tứ tự khẩu. Phương khẩu. Ngưỡng nguyệt khẩu. Loan cung khẩu. Ngưu khẩu. Long khẩu. Hồ khẩu. Dương khẩu. Trư khẩu. Xuy hoả khẩu. Trân văn khẩu. Anh đào khẩu. Hầu khẩu. Chiến ngư khẩu. Phục thuyền khẩu. Luận thần. Hứa Phụ tướng thần thiên. Luận xỉ. Hứa phụ tướng xỉ thiên. Luận thiệt. Hứa Phụ tướng thiệt thiên. Luận nhiệm tu (râu ria). Tướng ngư vĩ. Luận cảnh hạng. Luận bối. Luận yêu. Tướng yêu. Luận phúc. Tướng phúc. Luận hung nhũ. Tướng hung nhũ. Ma Y tướng tâm. Tam thập lục thiện đường tâm yếu quyết. Tướng tể. Tướng hạ bộ.

Thần Tướng Toàn Biên 5

Tướng hành luận. Tướng hành thiên. Tướng toạ. Luận ngoạ. Tướng ngoạ. Luận thực. Tướng thiện. Tướng ác. Tướng danh tiên. Tướng kiêu nạn. Tướng trung tín từ hiếu. Tướng ngu tịch. Hung bạo. Tướng hình dãi sát. Tướng tật bệnh. Quan nhân bát tướng pháp. Tướng phú. Tướng quý. Tướng bản tiện. Tướng cô khổ. Tướng thọ. Tướng yếu. Tướng phân thiết tư pháp. Ngũ hành ca. Ngũ hành sở sinh. Ngũ tạng sở xuất. Ngũ hành tương ứng. Ngũ hành tương sinh ca. Ngũ hành tương khắc ca. Ngũ hành tỷ hoà tương ứng. Tướng ngũ trường. Tướng ngũ đoản. Tướng ngũ hợp. Tướng ngũ lộ. Tướng ngũ tiểu. Tướng lục đại. Tướng lục tiểu cực. Tướng lục các. Tướng lục tiên. Tướng lục tiểu quý. Tướng quý trung tiện. Tướng bát đại. Tướng bát tiểu. Biên mỹ ác nhi thập chủng. Hình thần. Tinh thần. Tướng thập thiên la. Tướng thập nhất thiên la. Thần khí chương. Thể luận chương. Khí khí chương.

Thần Tướng Toàn Biên 6 (quyển sáu)

Thần Di phú (kèm lời tựa)

Thần Tướng Toàn Biên 7 (quyển bảy)

Nhai Điện đạo nhân thần nhân kinh. Lã Thuần Dương tướng phú. Ma Y kim toả phú. Ngân chủng ca. Đệ Hành Giản nhân luân đại thống phú. (thượng)

Thần Tướng Toàn Biên 8 (quyển tám)

Nhân luân đại thống phú (hạ). Trần Hy Di phong giám ca. Viên Liễu Trang thức nhân phú. Thái Ất Chân nhân thư. Điều Khoát Thương ngọc quân quyết. Quỷ Nhãn tiên sinh tướng pháp. Đường Cử nguyện đàm thần diệu quyết. Tây Nhạc tiên sinh tướng pháp.

Thần Tướng Toàn Biên 9 (quyển chín)

Viên Liễu Trang nhân tướng phú. Ngô Tâm giám thông nguyên phú. Quân Lược nhân luân uyển áo phú. Kinh thần phú. Chúc đàn kinh. La chân nhân tướng phú. Dương thị luận thần khí. Đạt Ma động tĩnh luận. Viên Liễu Trang tạp luận thượng thiên. Trung thiên. Hạ thiên. Ma Y tạp luận. Phú quý tướng pháp. Tâm kính ca. Đắc ý ca. Tướng nhân ca. Cùng tướng ca. Nghiên si ca. Hà trí ca. Dững tri ca. Cô quý ca. Hung bạo ca. Liệt hại ca. Vô tử ca. Chính hình ca. Chính sắc ca. Chính thanh ca. Thể cốt ca.

Thần Tướng Toàn Biên 10 (quyển mười)

Luận thù. Luận chưởng đồ. Tứ quý văn. Bái tướng văn. Đái ấn văn. Bình phù văn. Kim hoa ấn văn. Nhận trận văn. Song ngư văn. Lục hoa văn. Huyền ngư văn. Tứ trư văn. Độc triều văn. Thiên ấn văn. Bảo huân văn. Tam nhật văn. Kim qui văn. Cao quyết văn. Ngọc trụ văn. Tam kỳ văn. Bút trận văn. Lập thân văn. Ngọc tỉnh văn. Tam phong văn. Mỹ lộc văn. Học đường văn. Xa luân văn.

Phúc hậu văn. Dị học văn. Tiểu quý văn. Thiên hỷ văn. Xuyên tư văn. Chiết quế văn. Tam tài văn. Thiên kim văn. Ly quái văn. Chấn quái văn. Ngân hà văn. Hoa cái văn. Văn lý văn. Âm đức văn. Trí tuệ văn. Sơn quang văn. Chú sơn văn. Ẩn sơn văn. Dật dã văn. Sắc dục văn. Loạn hoa văn. Sắc lao văn. Hoa tửu văn. Đào hoa văn. Hoa liễu văn. Uyên ương văn. Hoa thoa văn. Đào hoa văn (trùng - ND), Du hoa văn. Ngư văn. Hoa cái văn (trùng với trên - ND). Triều thiên văn. Nô bộc văn. Sinh chi văn. Thê thiếp văn. Nhật trùng văn. Khắc phụ văn. Khắc mẫu văn. Quá tuý văn. Tham tâm văn. Nguyệt giác văn. Vong thần văn. Kiếp sát văn. Tam sát văn. Chu tước văn. Tiểu thực văn. Tướng thư. Hứa Phụ tướng thư thiên. Luận chưởng văn. Luận thư bối văn. Ngọc chưởng ký. Tướng chưởng hỷ ố. Hợp tướng cách. Phá tướng cách. Căn cơ sở thuộc. Tướng chỉ chưởng. Tướng cốt nhục. Cơ tam tài. Tướng tam kỳ. Tứ căn cơ. Tướng tài lộc. Tướng sinh tử. Luận trảo. Luận túc. Tướng túc. Hứa phụ tướng túc thiên. Tướng chỉ đảm khí. Tướng khí sắc. Tướng iau kĩ. Túc đồ. Luận tứ chi. Tướng mao.

Thần Tướng Toàn Biên II (quyển mười một)

Đạt Ma phụ nhân tướng. Ma Y, Thu Đàm Nguyệt luận nữ nhân. Quý Cốc tử tướng phụ nhân ca. Thu Đàm Nguyệt thuyết phụ nhân ca. Nữ ngọc quân quyết. Linh đài bí quyết. Trần Hy Di động nguyên kinh. Nữ nhân hung tướng ca. Nữ nhân luận. Nữ nhân ca. Nữ đức luận. Luận phụ nữ quý tiện cách. Nữ nhân cứu thiện tướng. Nữ nhân cứu ác tướng. Phụ nhân thập tiện ca. Phòng phu luận. Phụ phu tương khắc luận. Nữ bản cơ bạc. Sản dục. Khí thần hôn ám luận. Đố khí ca. Quân lộ tướng anh nhi. Tướng anh nhi quý tiện. Nhân tướng cầm thú hình quyết đoán. Phượng hình. Hạc hình. Ưng hình. Yến hình. Cáp hình. Nga hình. Anh vũ hình. Khổng tước hình. Tước hình. An thuận hình. Uyên ương hình. Cốc hình. Kê hình. Ấp

hình. Giá câu hình. Lộ ti hình. Cáp hình. Châu hình. Nha hình. Cốt hình. Nhận hình. Quán hình. Hổ hình. Long hình. Lân hình. Sư hình. Hổ hình. (trùng - ND). Tượng hình. Té hình. Viên hình. Hầu hình. Qui hình. Ngưu hình. Thử hình. Xá hình. Mã hình. Dương hình. Lộc hình. Hùng hình. Ngư hình. Trư hình. Cẩu hình. Giải hình. Miêu hình. Chương hình. Hà hình. Báo hình. Lư hình. Hồ hình. Sài hình. Tinh tinh hình. Thố hình. Lạc đà hình. Tượng cầm mục loại. Cầm mục thi đoán. Tượng cầm mục loại. (trùng - ND). Thú mục đoán thi.

Thần Tướng Toàn Biên 12 (quyển mười hai)

Ngạch bộ tướng. Luận ngấu văn đồ. Diệu văn đồ. Ngạch văn bộ tướng. Luận ngạch. Diệu thương văn lý. Chấm cốt bộ tướng. Tướng cốt tiết. Tướng diện bộ cốt cách. Luận đầu diện hắc tử. Diện chí cát hung đồ. Nam tử diện chí đồ. Nữ nhân diện chí đồ. Luận hắc tử. Tướng hắc tử. Luận ban điểm. Ngũ sắc. Cửu châu bát quái can chi đồ. Định cửu châu khí sắc cát hung. Luận tứ thời khí sắc. Luận ngũ sắc cát hung ứng thời sinh tử. Hựu luận khí thời khí sắc. Biện sắc ca. Diện bộ khí sắc thi. Biện khí sắc. Biện tứ quý sắc. Biện khẩu sắc. Biện nhĩ sắc. Biện mi sắc. Biện nhĩ sắc. Biện diện sắc. Biện tứ thời thi. Ngũ sắc sở thuộc. Cửu tiên hội nguyên khí sắc ca. Thu đàm khí sắc ca. Lục khí.

Thần Tướng Toàn Biên 13 (quyển mười ba)

Thông thần quỷ nhãn vạn kim khí sắc thiên. Sơn căn hắc sắc, Sơn căn thanh sắc. Chuẩn thượng hồng hoàng tử sắc. Chuẩn thượng hồng hoàng. Chuẩn đầu thanh tử. Luận sắc loại. Khí lệnh sắc chương. Khí sắc ca. Sát sắc ca. Thanh sắc loại. Xích sắc loại. Bạch sắc loại. Hoàng sắc loại. Tử sắc loại. Hắc sắc loại. Nguyệt thuộc khí sắc. Tứ quý khí sắc thi. Luận thanh sắc. Luận tử sắc. Luận

hoàng sắc. Luận bạch sắc. Luận hắc sắc. Hoàng khí ca. Xích khí ca. Thanh khí ca. Bạch khí ca. Hắc khí ca. Khí sắc luận. Đoán tứ quý luận. Khí sắc tướng phúc ca. Ngũ ngôn thi quyết, Thất ngôn quyết. Cửu linh ca. Ca hỉ khí. Ca hung khí. Quan viên khí sắc ca. Sĩ thứ khí sắc ca. Ngũ sắc thi. Hy Di tử khí sắc luận. Khí sắc sinh tử mạch hậu. Nhật thần khán khí sắc. Mạch sắc ứng thọ quyết. Định nguyệt phân khí sắc. Diện bộ khí sắc xuất mật cát hung ca. Thanh sắc xuất mật. Thanh sắc cát hung ca. Bạch sắc cát hung tướng. Bạch sắc xuất mật. Bạch sắc cát hung ca. Hắc sắc cát hung tướng. Hắc sắc xuất mật. Hắc sắc cát hung ca.

5

CÁC MÔN LOẠI TƯỚNG THUẬT

Phương pháp xem tướng đều thông qua việc quan sát kỹ lưỡng để dự báo cát hung phúc họa, ở đây không cần nói kỹ nữa. Về đội tượng được xem xét quan sát, có 3 loại là hình thể, mạch và vật thể. Từ đó, có thể phân tướng thuật làm ba loại là hình tướng, mạch tướng và vật tướng.

1. HÌNH TƯỚNG

Người ta thường nói tướng thuật, kỳ thực là chỉ hình tướng. Hình tướng là qua việc quan sát các bộ vị của thân thể và sự biến hoá tương quan giữa chúng để dự báo cát hung. Đó là nội dung chủ yếu của tướng thuật mà chúng ta thường nói. Tướng thuật cho rằng "mệnh người do thiên bẩm và biểu lộ ra ở hình thể". "Tính mệnh lộ ra ở hình cốt, cát hung thể hiện ở khí mạo", "phạm giữa mệnh và tướng giống như âm thanh và tiếng vang. Âm thanh từ mình phát ra, tiếng vang liền ứng theo, tuy mọi người thọ yếu khác nhau, hiển ngu không giống nhau, nhưng qui luật chung là có thể biết được". "Bởi vì thân thể không lúc nào không biểu lộ ra những dấu hiệu của

sinh mệnh", "cho nên các thánh hiền thời xưa thường xem hình mạo để biết tính chất, biết tính chất thì hiểu rõ cái tâm, hiểu rõ cái tâm thì biết cái đạo. Quan sát hình mạo sẽ thấy cát hung rõ ràng. Và lại Phục Hi có nhật giác, Hoàng Đế có long nhan (mặt rồng) Thuấn có hai con người, Văn Vương có bốn vú, đều là thụy tướng của người xưa, thể hiện ra như vậy, là thánh nhân vậy. Còn tất cả mọi người hiền ngu khác, cũng đều hiện ra ở mọi dấu hiệu nhỏ bé ở bàn tay, ngón tay, không ai ra khỏi qui luật chung đó. Vì vậy, thuật xem tướng hình thần bắt đầu được xây dựng nên". ("Thái thành thần giám" - Tự). Rõ ràng, thông qua hình thể để phân biệt thiện ác cát hung là phương pháp và nội dung cơ bản của hình tướng. Sự quan sát hình thể nhằm mục đích vạch ra thiện ác và tính tình, sự thiện ác của tính tình là cơ sở của cát hung.

Nếu hình tướng lấy nhân thể làm đối tượng quan sát, thì mọi bộ vị của thân thể có thể là dấu hiệu biểu lộ ra, như xương khớp, da thịt, lông mày, râu ria, lông tóc, trán má, mắt, mũi, miệng, môi, răng, lưỡi, tai, cổ, vai, nách, lưng, vú, bụng, eo lưng, rốn, hậu môn, tứ chi, tay, chân, bàn tay, ngón tay, móng tay, móng chân, khí quan sinh dục, tinh thần khí sắc, bởi lẽ cử chỉ cho tới việc đại tiểu tiện đến là những cái bao hàm sâu xa liên quan tới số mệnh khác nhau và trở thành đối tượng quan sát. Thoạt nhìn qua thì hình thái người ta khác nhau, nhiều biểu hiện rối rắm phức tạp, nhưng trên thực tế đều có dấu hiệu để nắm bắt, đều có ý nghĩa. Chỉ cần nắm vững qui tắc vận động của hình thái có thể hiểu rõ được đó, thì có thể vạch ra những thông tin về số mệnh hàm chứa trong đó. Trong con mắt nhà tướng thuật, sự huyền bí của tướng thuật chỉ là do dân chúng nói chung không hiểu được các "mật mã" chỉ thị số mệnh mà thôi. Trình độ cao thấp của các tướng sĩ biểu hiện ở sự thông hiểu các "mật mã" đó và trình độ thao tác của họ.

Ban đầu, sự quan sát và bình luận của các tướng thuật gia đối với các bộ vị của hình thể tương đối thô sơ và giản đơn. Cuốn "Tướng pháp thập lục thiên" thác danh Hứa Phụ chỉ căn cứ vào 14 bộ vị cụ thể của thân thể người và 2 mặt hành vi, tiếng nói để bình phán về số mệnh con người, và lại mỗi điều lại riêng rẽ, không liên quan bổ trợ cho nhau. Ngoài ra, các thầy tướng mỗi người lại chỉ chú trọng đến những bộ vị khác nhau, như vậy, tất nhiên sẽ dẫn tới kết quả là do biểu trưng ở các bộ vị của một con người khác nhau nên sẽ suy ra những kết luận về số phận khác nhau, và không thể nào phản ánh được những sai khác nhỏ bé trong số phận giữa người này với người khác và sự chìm nổi, biến hoá trong số phận của một con người nên không thể kết luận cho tròn trĩnh được. Thế là, hình tướng rất nhanh chóng phát triển theo ba hướng. (1) Sự đi sâu, chia nhỏ trong cơ cấu các bộ vị của hình thể. Sau này, hình tướng không giản đơn lấy sự khác biệt đại khái của một bộ vị nào đó để làm căn cứ phán đoán số mệnh nữa, mà tiến hành qui nạp, phân loại, coi chúng nằm trong hệ thống lớn và hệ thống nhỏ có tầng thứ rất chi tiết, nội dung rất phong phú. Như về mặt chia ra làm 13 bộ vị, thuộc về một hệ thống lớn. Riêng về tai đã chia ra hơn 20 loại có quan hệ đến số mệnh, thuộc một hệ thống nhỏ. Sự phối hợp liên hệ giữa hệ thống lớn và hệ thống nhỏ, đã giải quyết được những sai biệt nhỏ về số mệnh giữa người này với người khác. Sự bình phán về số mệnh đã từ chỗ giản đơn phán đoán về thọ yếu, sang hèn phát triển thành sự dự báo về hoạn lộ, nắm được thăng tiến, tật bệnh, sinh đẻ, gia đình, hoạ phúc, ăn uống, đi xa v.v., hầu như trình bày hết mọi nội dung sinh hoạt của một đời người. (2) Sự chỉnh thể hoá các bộ vị của hình thể. Lúc ban đầu, tướng thuật không xem cả toàn thân để dự đoán số mệnh. Có người thiên về xem tướng mặt, có người thiên về xem cốt tướng... người nào theo thuyết của người đó, thành nhiều chi phái. Sau này phát triển lên, tướng thuật ngày càng chặt

chẽ, đại đa số thầy tướng không còn xem xét cô lập một bộ vị để dự đoán số mệnh nữa mà coi mọi bộ vị trong hình thể là một thể thống nhất hữu cơ, mỗi bộ vị có tác động chủ yếu hoặc thứ yếu đến số mệnh và chỉ phối những mặt khác nhau của số mệnh. Việc xem hình tướng cũng theo thứ tự nhất định, tức là trước hết xem xương khớp, sau đến tam đình rồi đến mặt và khí sắc... gọi là "thập quan pháp". Sau cùng tổng hợp mọi biểu trưng bên ngoài rồi dự đoán số mệnh. Như vậy, giải quyết được vấn đề những hình tướng khác nhau, sẽ có số mệnh khác nhau. (3) Động thái hoá sự giải thích số mệnh. Hình tướng của con người là một đặc trưng sinh lý suốt đời biến đổi rất ít. Lấy đó mà bàn mệnh vận, tất nhiên sẽ dẫn tới tình trạng "cứng đờ", chỉ thấy "mệnh" mà không thấy "vận", mà trên thực tế thì mệnh vận con người không ngừng biến hoá. Vì vậy, tướng thuật lại đề xuất ra thuyết về khí sắc, tức là căn cứ vào màu sắc đỏ, vàng, xanh, đen, tía, trắng biểu hiện ở các bộ vị khác nhau trên mặt để suy ra hoạ phúc cát hung trước mắt và lâu dài về sau. Đồng thời lại xây dựng nên thuật số "lưu niên vận khí" và phối hợp cái đó với mệnh tướng của các bộ vị trên hình thể. Đặc trưng bộ vị quyết định số mệnh chung, còn khí sắc quyết định sự biến hoá cụ thể của cát hung hoạ phúc trong một phạm vi thời gian không gian. Do đó mà tạo nên thuyết mệnh vận vừa tương đối ổn định, vừa biến hoá vô cùng. Như vậy là, cuối cùng họ đã cho là xây dựng được một học thuyết trọn vẹn, không còn kẽ hở, giải quyết được toàn bộ khó khăn của tướng thuật. Trước tình hình đó, mọi người chỉ thấy cái bên ngoài, không nghiên cứu sâu về thực chất, cũng cảm thấy rất có lý và hoàn toàn tin tưởng.

Do hình tướng là chủ thể của tướng thuật nên người ta thường coi hình tướng là toàn bộ tướng thuật. Để tiện trong khi trình bày,

chúng tôi vẫn theo như cũ, tức là coi hình tướng là nội dung chủ yếu của tướng thuật để phân tích, đánh giá ở phần dưới.

2. MẠCH TƯỚNG

Mạch tướng cũng còn gọi là Thái Tổ mạch là một loại phương thuật thông qua sự biến hoá về mạch trong cơ thể người để dự báo cát hung hoạ phúc. Vì thông qua phương pháp chẩn mạch của Trung y để đạt tới mục đích đó nên nó được coi là một loại tướng thuật đặc biệt. Về nguồn gốc của mạch Thái Tổ, hiện nay vẫn có nhiều thuyết khác nhau, nhưng thuyết được nhiều người nhất trí thì cho rằng Trương Thái Tổ, người ở Thành Sơn thời Minh được một vị ẩn giả bí mật truyền cho, rồi ông thực nghiệm nhiều lần, chỉnh lý lại và lưu truyền ra. Thái Tổ có viết cuốn "Thái Tổ mạch bí quyết" gồm hai cuốn thượng và hạ, thuộc loại trước tác trong hệ thống tướng pháp Thái Tổ mạch. Phương pháp mạch Thái Tổ mà ngày nay ta được biết là nhờ ở cuốn sách đó. Trương Thái Tổ cho rằng, sự thay đổi về mạch đập của con người là cùng một nguyên lý với ngũ hành bát quái, Hà đồ Lạc thư. Chỉ cần nắm vững bí quyết của mạch Thái Tổ thì không những có thể chẩn bệnh cho người mà còn có thể dự đoán mệnh vận. Tương truyền, Thái Tổ mạch pháp u linh nghiệm dị thường" không những có thể dự đoán mọi điềm cát hung, suốt cả đời người, thậm chí còn có thể căn cứ vào mạch tướng của cha để dự đoán tiền đồ vận mệnh của con nữa.

Căn cứ vào nguyên lý chẩn mạch của Trung Y, mạch quyết Thái Tổ qui nạp sự biến hoá của mạch tướng con người thành "ngũ dương mạch", "ngũ âm mạch", "tứ doanh mạch".

Gọi là "ngũ dương mạch" tức là năm loại mạch tướng: phù, hoạt, thực, huyền, hồng, Thái Tổ mạch quyết nói:

"Phù, là mạch nhẹ và ở bên trên, ấn hiện hoãn tán, như nước làm nổi vật lên, ấn mạnh xuống thì không thấy, để nhẹ tay thì thấy rõ, càng nhẹ càng thấy mạnh, rõ ràng ở đầu ngón tay. Nếu tam bộ đều phù, thì là tâm khí bất túc.

Hoạt, là mạch không có đầu nổi như chuỗi hạt liên tục, ấn mạnh tay thì càng mạnh thấy rõ ở đầu ngón tay.

Để nguyên tay thì thấy mạnh hơn mạch hồng. Nếu tam bộ đều hoạt thì là can khí bất túc.

Thực, là mạch ngược với hư. Nguồn mạch lâu dài không dứt, đặt nhẹ tay thì mạch rõ, ấn mạnh tay thì thấp thoáng như mạch huyền, nhỏ hơn mạch hồng. Nếu tam bộ đều thực thì là tì khí không đủ.

Mạch huyền là ấn tay xuống thấy căng như dây đàn, ấn mạnh thì đập vừa phải, ấn nhẹ thì càng gấp, mạch tụ mà không tán, để lâu vẫn không thay đổi.

Nếu tam bộ đều huyền, thì là phế khí không đủ.

Hồng, là mạch lớn, có nguồn sâu, dòng dài. ấn tay xuống tìm mạch, thấy không huyền không phù. ấn nhẹ ấn nặng đều như vậy. Nếu lại tìm nữa thì bỗng thấy mạnh. Nếu tam bộ đều hồng thì là thận khí bất túc".

Năm hiện tượng phù, hoạt, thực, huyền, hồng là dấu hiệu của "Ngũ dương mạch", chủ yếu khác nhau về mức độ nặng nhẹ, sâu nông. Như mạch phù là "nhẹ thì có nhiều, nặng thì có ít", mạch hồng là "không huyền không phù, nhẹ nặng đều có"...

Gọi là "ngũ âm mạch" tức là bốn loại mạch: vi, trầm, hoãn, sắc.

Thái Tổ mạch quyết nói:

"Mạch vi là mạch rất nhỏ và yếu. ấn mạnh tay để tìm thì thấy như sợi tóc, thấp thoáng ẩn hiện, như trạng thái nửa có nửa không. Nếu tam bộ đều vi, thì là huyết trệ và thần bất túc.

Mạch trầm, như hòn đá ném xuống nước chìm xuống tận đáy. ấn mạnh tay để tìm thì phảng phất thấy. So với mạch vi, thấy mạch này hiện chậm trên xương. Nếu tam bộ đều trầm, thì là vị (dạ dày) nghịch và khí bất túc.

Mạch hoãn, như sợi tơ trong máy không cuốn vào trục, ấn ngón tay thì thấy hoãn, xê dịch thì thấy vi, nhưng lại không gấp bằng vi, không trầm không phục, đó là hoãn. Nếu tam bộ đều hoãn thì là thận yếu và tinh không đủ.

Mạch sắc, là trệ mà không hoạt, dưới ngón tay như có cát chìm, như dao vót tre, trầm mà thô, ấn nặng thấy động vào ngón tay, ấn nhẹ thì như không có; trước thực sau hư lặp lại không ngừng. Nếu tam bộ đều sắc thì là hồn không đủ.

So sánh với năm dấu hiệu của "ngũ dương mạch" thì "ngũ âm mạch" tỏ ra yếu ớt nhỏ nhoi, mặt khác "ngũ dương mạch" lấy huyết khí của các bộ vi khí quan làm đối tượng chẩn đoán, còn ngũ âm mạch" lại lấy tinh thần hồn phách của toàn thể con người làm mục đích kiểm tra. Do đó thấy rằng "ngũ âm mạch" nhỏ yếu khó tìm, song lại rất quan trọng, nếu tinh thần hồn phách của một con người trầm trệ bất túc, thì hình thể cũng sẽ khô xác.

Gọi là "tứ doanh mạch".

Thái Tổ mạch quyết nói: Tứ doanh là nhẹ nặng và đục, là âm. Phàm muốn biết sự sang hèn, giàu nghèo, thọ yếu của con người thì phải tìm trong tứ doanh mạch.

Người có mạch khinh (nhẹ) thấy như ngón tay sờ vào ngọc, thuần túy ôn nhuận, là người có tri thức minh mẫn, lộc vị quyền quý.

Người có mạch thanh (trong), thấy phẳng lạng trong và nổi, như lông vũ nhẹ, không trầm không lắng, luôn thấy đập nhẹ.

Người có mạch trọng (nặng) thấy hoãn và thô, lấy tay ấn xuống thấy mạch đục, mạch đục thì khí cũng đục.

Người có mạch trọc (đục) thấy đục, trầm mà căng lại ấn có trọc trọc, cũng cần xem xét bản nguyên của nó".

"Tứ doanh mạch" xem ra có tính tổng hợp, tổng quát. Sau khi hiểu sâu hai loại mạch "ngũ dương", "ngũ âm", còn cần phải đánh giá nghiên cứu tình hình nhẹ nặng trong đục của nó, sau đó mới có thể tổng hợp dự đoán trạng thái vận động của sinh mạng và từ đó suy ra xu hướng sang hèn, giàu nghèo, thọ yếu của mệnh vận. Do đó, "tứ doanh mạch" là hết sức quan trọng.

Mạch Thái Tổ lấy "ngũ dương mạch", "ngũ âm mạch" làm cơ sở, lấy "tứ doanh mạch" làm hệ quan chiếu đánh giá, rồi lại tham hợp mạch tướng nam nữ và tiêu chuẩn giá trị của tướng lý, là có thể chỉ ra tiền đề mệnh vận của một cá nhân. "Thái Tổ mạch bí quyết" nói rằng: "Mạch Thái Tổ, lấy việc nhẹ trong hay nặng đục để bàn về mệnh. Nhẹ trong là dương là giàu sang, nặng đục là âm, là nghèo hèn. Đàn ông lấy bộ can mộc làm chủ, quyết định công danh cao thấp, đàn bà lấy vị phế kim đoài làm chủ, quyết định việc phúc đức. Còn như nhẹ trong, như ngón tay sờ ngọc, thấy thuần túy ôn nhuận, đập vào đầu ngón tay rõ ràng, lục mạch (sáu mạch) không khác nhau. Như dòng chảy liên tục không đứt đoạn, dù có tạt nhỏ, vẫn trong không đục, chủ về người có bẩm tính xung hoà, trí thức minh mẫn, lộc vị cao, đó là mạch trong nhẹ. Mạch nặng đục thì đập vào

ngón tay không rõ ràng, như vung cát khô khắp đầu ngón tay, trước lớn sau nhỏ, số lần ngưng nghỉ hỗn tạp, khắc với bản thân, đó là mạch nặng đục. ấn ngón tay xem xét kỹ, không lần nào sai". Đoạn văn trên nói rõ thực chất của tướng pháp theo mạch Thái Tổ. Tướng pháp mạch Thái Tổ chủ yếu lấy bốn loại mạch nhẹ trong nặng đục làm phép tắc cơ bản để bàn về tướng người. Người có mạch tướng nhẹ trong là sang người có mạch tướng nặng đục là hèn. Nam giới chủ yếu cần nắm can mạch, theo đó để phán đoán công danh phú quý "nếu tam bộ đều hoạt, là can khí bất túc" đó là điều kỵ với mạch tướng đàn ông. Nữ giới chủ yếu cần nắm phế mạch, do đó có thể phán đoán phúc phận. "Nếu tam bộ đều huyền là phế khí không đủ", đó là điều kỵ với mạch tướng của đàn bà.

Mạch Thái Tổ dung hợp cả mạch lý của Trung Y và các yếu tố văn hoá âm dương ngũ hành, Hà đồ, Lạc Thư, rồi dùng tiêu chuẩn giá trị của tướng lý để đối chiếu, phát huy tỏ rõ đặc trưng hoà trộn vào nhiều thành phần văn hoá. Vì loại tướng thuật này lấy tên chính là chẩn mạch của Trung Y nên càng dễ thu hút mọi người, khiến mọi người tin tưởng, đã từng lưu hành rộng rãi trong thời Minh, nổi danh là "không bao giờ sai".

Cần xuất phát từ góc độ sử tướng thuật để đánh giá thế nào về mạch tướng Thái Tổ? Đó là một vấn đề cần được trả lời nghiêm túc. Từ góc độ Trung Y, thông qua tình hình biến đổi về mạch đập ở chín vị trí thuộc ba bộ vị đầu, tay, chân để quan sát sự mạnh yếu của hình khí thân thể, phân tích mức độ nặng nhẹ và các bộ vị có tật bệnh, sau đó có thể điều chỉnh âm dương hư thực để đạt tới mục đích trị bệnh. Nhưng mạch Thái Tổ thì lại từ cơ sở đó tiến lên một bước, thêm vào sự giải thích về phạm trù tướng lý. Tính lôgích của luồng suy nghĩ là: Hình thể khí huyết, âm dương hư thực trong cơ thể người ta tất phải thông qua mạch tướng để biểu hiện ra các dấu

hiệu ở các bộ vị (chủ yếu là ba bộ vị đầu, chân, tay) của thân thể, mà các bộ vị của thân thể lại là bản thể của hình tướng, sự biến hoá của mạch tướng dẫn tới những dấu hiệu khác lạ trên hình thể, thông qua những dấu hiệu khác lạ trên hình thể, có thể dự đoán được chương trình vận động của sinh mệnh. Thí dụ, từ lý luận tướng thuật, lông mày thuộc cung bảo mệnh, là biểu trưng tuổi thọ, sự hiền ngu, sang hèn của con người; coi các kiểu lông mày sơ lang, tế bình, khoát tú, tu trường, như trăng mới mọc là tướng thuật thông minh, tường thọ, phú quý, coi các kiểu lông mày nông nghịch, đoản xúc, tảo trửu (như cái chổi), khô tiêu là tướng ngu xuẩn, đoản thọ, ti tiện. Từ góc độ Trung Y, những biểu hiện trên của lông mày có quan hệ mật thiết đến khí huyết, âm dương đúng như "Vọng chẩn tôn kinh" đời Thanh đã nói:

"Lông mày, là bẩm sinh ở một khí mà ra. Nói theo kinh lạc, là thuộc về chân tay, thái âm thái dương vậy. Lông mày có sự khác nhau về nhiều ít, thưa mau, tinh tế, dài ngắn đều do khí huyết nhiều ít, do phú bẩm trong đức vậy. Tướng gia nắm cái thường (cái cố định - ND), nên căn cứ vào đó để xét sự hiền ngu; y học gia thì xét cái biến, cũng có thể biết bệnh tật tử sinh. Đạo lý tuy khác nhau, nhưng qui tắc là thống nhất. Nay xét về phương pháp, đại để có sáu loại: Lông mày nghiêng là mặt sắp hết; lông mày lông mi sụp xuống, là chứng lệ phong; lông mày nhú lại, là về mặt đau đớn. Nhuận trạch là huyết khí đủ; khô xác, là huyết khí suy kiệt. Còn về màu của lông mày, người xưa cũng nói tới. Có thơ rằng "Hoàng sắc chi mục nhất niên kỳ, hắc sắc tông mi nhiều mục bi. Nhược nhiên bạch sắc liên mi mục, tri thị bì phi phế tật vi. Mi trung nhược kiến thanh, xích, hắc. Viễn hậu hoàn tu bán niên kỳ. Cận khán tam ngũ thất nhật nội, hốt nhiên bạo tử cánh vô nghi". (Sắc mắt có màu vàng thì trong khoảng một năm, màu đen sẽ từ lông mày toả xuống xung

quanh mắt: có chuyện bi thương. Nếu màu trắng llen cả lòng mày và mắt thì biết da dẻ và phổi có chớm bệnh. Trong lòng mày nếu thấy các màu xanh, đỏ, đen thì triệu chứng sẽ hiện ra trong khoảng nửa năm. Lúc đó, trong khoảng năm bảy ngày, đột nhiên sẽ chắc chắn chết đột tử).

Từ đó thấy rằng, lông mày nhuận trạch hay khô kiệt là do nguyên nhân khí huyết đầy đủ hay suy kiệt. Những bộ vị khác trong hình thể (đặc biệt là phần mặt) có sự thay đổi đều liên quan đến huyết khí. Từ huyết khí mà xét sự thay đổi đó là bước đầu của việc chẩn bệnh và cũng là yếu quyết của việc xem tướng. Đó là cơ sở sinh lý và lôgích trong tư duy của mạch Thái Tổ. Câu nói "Tướng gia nắm cái thường", "y học gia xét cái biến" trong đoạn văn trên, thực ra chỉ là sự so sánh tương đối, bởi vì tướng gia xem tướng người, y học gia chẩn đoán sự biến đổi đều không thể tách rời trạng thái thường xuyên và sự biến đổi của hình thể, đó là đạo lý chung, đối với Thái Tổ mạch tướng lại càng như vậy.

Trung y chẩn mạch là thông qua hiện tượng của mạch để quan sát sự vận động của huyết khí, sự đủ thiếu của tinh thần để phân biệt tình trạng hàn nhiệt của thân thể rồi căn cứ vào chứng bệnh mà cho thuốc. Mạch đập kỳ thực chẳng qua là sự phản ánh của mạch khí ra bên ngoài cơ thể, nó chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố. Khi các nguyên nhân bên trong và bên ngoài kích thích cơ thể, gây ảnh hưởng đến sự tuần hoàn huyết khí thì mạch đập sẽ biến đổi. Ngoài ảnh hưởng của khí hậu, hoàn cảnh các mùa trong năm đối với sự tuần hoàn huyết khí, thì tình hình tâm trạng cũng có ảnh hưởng quan trọng đến mạch đập. Do đó, ngay dù trong cùng một người thì mạch đập cùng một ngày cũng có thể khác nhau. Mạch Thái Tổ lấy hiện tượng mạch đập đó ghép vào các triệu chứng cát hung thì thật là hoang đường. Mạch Thái Tổ luôn nhấn mạnh "can bộ khinh

thanh (nhẹ trong) thì phúc lộc giàu sang; tâm bộ khinh thanh thì thông minh phát đạt; thận bộ khinh thanh thì trí xảo khiêm hoà; phế bộ khinh thanh thì nghĩa dũng mưu lược; tì bộ khinh thanh thì phú quý thanh danh". Thực ra những điều đó chỉ tỏ rõ thân thể khoẻ mạnh, tình hình khiêm hoà, không vội vã nôn nóng còn thì không có quan hệ gì với việc giàu sang hiển đạt cả.

3. VẬT TƯỚNG

Trong lịch sử tướng học có một loại xem tướng dựa vào việc quan sát những đồ vật có liên quan đến con người để dự đoán cát hung quý tiện của người đó. Môn đó, gọi là vật tướng.

Vật tướng là một "quái thai" trong lịch sử phát triển của tướng thuật. Trong lịch sử lâu dài do tướng thuật phồn thịnh, có nhiều người mê tín tướng thuật, coi tướng thuật là một loại phương thuật lý tướng để dự đoán mệnh vận, đã gửi gắm rất nhiều hy vọng vào thao tác của các thầy tướng. Mặt khác do tướng thuật như một cây có nhiều cành lá, đẻ ra nhiều môn phái khác nhau, nên những người mê tín gán ghép phỏng đoán, cho rằng nếu như hình mạo đã có thể tỏ rõ quý tiện cát hung thì những vật phẩm gắn gũi với con người cũng có thể tỏ rõ thị hiếu, tính tình của con người và đương nhiên cũng có thể căn cứ vào những vật đó để dự đoán cát hung.

Ngoài việc liên tưởng từ hình mạo, sự ra đời của môn vật tướng còn có liên hệ mật thiết với tục "vật chiêm" của người thời cổ. "Vật chiêm" là loại hoạt động mê tín thông qua cảnh vật tự nhiên để dự đoán cát hung. Tục này đã được ứng dụng rộng rãi trong dân gian trong mọi thời kỳ lịch sử ở Trung Quốc. Câu phúc trừ tai, không gì giản đơn hơn là tiện tay nhón lấy một vật rồi tùy ý gán ghép ý nghĩa. Ví như thời Hán đã có thuật xem tướng gió, căn cứ vào

hướng gió, sức gió và thời gian gió thổi để đoán cát hung. "Thái Bình ngự lãm" quyển 9 đã trích ghi bài "Tướng phong phú" của Trịnh Huyền và bài "Tướng phong phú" của Trương Hoa, tức là coi gió cũng có "điềm lành" và "điềm gở". "Thái Bình ngự lãm" quyển 872, mục "điềm lành" có nói: "Phù Thuy đồ" nói: Tướng phong là gió tốt, còn gọi là cảnh phong. Mùa xuân thì phát sinh, mùa hạ thì mạnh đủ (tướng doanh), mùa thu thì thu tàng, mùa đông thì an ninh" Phần "điềm gở" dẫn Sử ký: "Cuối đời Ân Trụ, gió lớn thổi xiêu bò ngựa, làm đổ nhà bạt cây, tràn lan mây chực dậm. Chu bèn diệt Ân". "Theo nhìn nhận của người xưa thì gió núi, sông... mọi vật tự nhiên đều chứa đựng điềm lành và điềm gở, chỉ có điều chưa được người ta hiểu mà thôi. Con người với tư cách là vạn vật chi linh, sống trong thế giới vật chất này, đem những điều lành, gở của các sự vật, hiện tượng liên quan đến con người gán ghép cho con người, đó là "thành quả tư tưởng" của các vật tướng gia.

Vật tướng còn phân loại các vật phẩm khác nhau để xem tướng như xem tướng ấn, xem tướng chữ xem tướng tên, xem tướng hốt... Dưới đây sẽ nói sơ lược về từng loại.

Phép xem tướng ấn là phương pháp căn cứ vào quả ấn và những chữ triện khắc trên ấn chương để đoán cát hung họa phúc. Về người đầu tiên đề ra phép xem tướng này, hiện nay chưa có kết luận nhất trí. "Thái Bình Ngự lãm" quyển 683 dẫn "Tướng ấn thư": "Phép xem tướng ấn, vốn do Trần Trường Văn đề ra... đoán cát hung đúng tới 8,9 phần. Trọng Tướng hỏi Trường Văn học phép này ở ai, Trường Văn trả lời: "gốc từ thời Hán" lại dẫn "Tướng ấn kinh": "Ấn có 8 góc hoặc 12 góc. Ấn cần phải vuông vắn, trên ỏn dưới phẳng, sáng láng sạch sẽ, như vậy thì đều lành". Về những trước thuật về phép xem tướng ấn, ngoài hai cuốn "Tướng ấn thư" và "Tướng ấn kinh" mà "Thái Bình ngự lãm" dẫn ra, "Tuỳ thư - Kinh

Tịch chí" có ghi chép: "Tướng bản án pháp chỉ lược sao" của Vĩ thị và "Trình Thâu Bá tướng án pháp" mỗi cuốn gồm một quyển, nhưng đều đã thất lạc.

Phép xem tướng chữ, còn gọi là "chiết tự", "trắc tự". Phương pháp này chia chữ ra các bộ phận rồi gán ghép vào chuyện nhân sự để đoán cát hung. Sách "Hữu Đài tiên quán bút ký" thời Thanh viết:

"Thuật chiết tự, xưa gọi là xem tướng chữ, thời Tống có Tạ Thạch (xem Hà Cư "Xuân chư kỷ văn", thời Minh có Trương Thừa Tra (xem "Lưu Tích phi tuyết lục"). Chuyện về Tạ Thạch thì nhiều người biết, còn Trương Thừa Tra thì ít người biết tên. Phương pháp xem tướng là tùy ý nêu ra một chữ, rồi suy diễn sự liên quan mà đoán cát hung. Ngày nay những thầy tướng giang hồ kiếm sống bằng nghề này thường chuẩn bị sẵn một số chữ và học thuộc những câu về đoán những chữ đó rồi nói với khách hàng. Làm như thế sao có thể trúng được!".

Bí quyết của phép xem tướng chữ xem ra là ở chỗ "suy diễn sự liên quan mà đoán cát hung", việc "suy diễn" này đáng để ta xem xét. "Sự liên quan" này là muốn nói những dấu hiệu chỉ sự biến hoá của sự vật. Với thầy tướng đoán chữ, đó là việc sau khi phân tích chữ, suy đoán ra sự cát hung của khách xem tướng.

Những thầy tướng giỏi xem tướng chữ có nhiều, trong đó, nổi tiếng hơn cả là Tạ Thạch, Chu Sinh thời Tống, Trương Thừa Tra thời Minh, Phạm Hành thời Thanh. Họ đã xem tướng chữ thế nào? Chúng ta hãy xét hành trạng của chuyên gia nổi tiếng về tướng tự là Tạ Thạch thì có thể biết qua được đôi điều. "Tống bài loại sao" viết:

"Tạ Thạch (Nhuận Phu) là người Thành Đô. Khoảng năm Tuyên Hoà, đến kinh sư, dùng phép xem tướng chữ để nói hoạ phúc của

người. Người cần xem tướng chỉ cần tùy ý viết một chữ, ông sẽ phân tích chữ đó để nói, không lần nào là không đúng một cách kỳ lạ. Danh tiếng động đến Cửu trùng (nhà vua), Thượng hoàng liền viết một chữ "Triều", sai Trung Quý nhân đem tới cho Tà Thạch xem. Thạch nhìn chữ, rồi ngấm Trung Quý nhân và nói: "Đây không phải là chữ của nương nương, song cái nghề mọn của Tà Thạch này, căn cứ và chữ mà nói thì hôm nay chịu ơn tao ngộ là ở chữ này, mà phạm tội thích chữ vào mặt, lưu đây cũng là ở chữ này. Chữ "Triều", phân tích ra là 4 chữ thập nguyệt thập nhật (mồng 10 tháng 10), nếu không phải là bậc người trời sinh vào ngày tháng này (tức Thượng Hoàng Tống Triết Tông - ND) thì còn ai viết vào đây nữa. Mọi người có mặt cả kinh, Trung Quý nhân trở về tâu lên. Ngày hôm sau, Tà Thạch được triệu vào hậu uyển, vua lệnh cho tả hữu và các cung phi viết chữ đưa cho Tà Thạch xem, ông nói đều rất chính xác.

Hoàng đế ban thưởng rất hậu và phong làm Thừa Tín lang. Từ đó, bốn phương tìm đến xem tướng, ngoài cửa lúc nào cũng đông như chợ".

Lại căn cứ vào sách "Lưu Tích phi tuyết lục" nói "Gần đây, những người chiết tự để đoán cát hung, không ai bằng Trương Thừa Tra, ông căn cứ vào chữ, vẽ thành quẻ rồi nói chứ không cần làm gì khác. Đầu niên hiệu Hồng Vũ, có hai ông tham tri chính sự là Lưu công và Vương công đến Triết Giang, đổi Cung Bắc Lâu thành Lai Viễn, rồi yết bảng lên. Thừa Tra đến xem rồi nói: "Nội ba ngày sẽ có việc tang" Quả nhiên, ba ngày sau, mẹ của Vương công ốm chết. Vương Công hỏi duyên do, Thừa Tra nói: "Chữ lai" có hình chữ "tang", chữ "viễn" có hình chữ "ai", hai dấu chấm bên cạnh là "lệ điểm" (dấu nước mắt) vậy, "Vương công nhờ Thừa Tra đổi chữ khác, liền đổi thành Trấn Hải Lâu".

Có sáu phương pháp cấu tạo chữ Hán, là: tượng hình, chỉ sự, hội ý, hình thanh, chuyển chú, giả tá. Mỗi nét bút, mỗi bộ thủ đều là biểu hình hoặc hội ý hoặc biểu ý, hoặc biểu thành, trong đó đã gồm trí tuệ và sắc thái văn hoá tinh thần của cổ nhân, nhưng nếu đem chúng ra để suy việc nhân sự thì thật là khiếm cưỡng gán ghép, không đáng tranh cãi. Như cách của Trương Thừa Tra, từ hai chữ Lai Viên, mà nói rằng "hai dấu chấm bên cạnh liền nhau", là "lệ điểm" thì thật là không thể tưởng tượng được, không hiểu ra làm sao cả.

Phép xem tướng tên căn cứ vào tên người, xét số nét chữ nghiêng đứng thừa mau, phát âm lên thấy âm dương trong đục, có ý nghĩa lành dữ thuận nghịch mà đoán định số mệnh của người đó là giàu hay nghèo, sang hay hèn. Người xưa có tên, lại có tự, về mặt ý nghĩa, tên và tự là thuộc cùng một phạm trù (nói chung là đồng nghĩa) hoặc tương phản tương thành, như tướng sư đời Minh là Viên Cung, tự là Đình Ngọc, chữ Cung có bộ Ngọc (Vương) âm Cộng, tên và tự đều có liên quan tới "ngọc". Phương pháp xem tướng tên là đi tìm sự hài hoà đối xứng về hình, âm, nghĩa giữa họ và tên, giữa tên và tự rồi từ đó gán ghép với nhân sự mà đoán cát hung. Nếu giữa họ, tên, tự của một người có sự đối nghịch về hình, âm, nghĩa thì thấy tướng phần nhiều nói là hung. Do đó người đời thường tiến hành đổi tên là vì nghe theo sự "mách bảo" của các thầy tướng, coi đó là một việc làm khôn ngoan để tìm điều lành, tránh điều dữ.

Tên và tự chẳng qua là tiêu chí bên ngoài của người ta, thực ra chúng không có gì quan hệ với số mệnh cả. Một con người dù đặt tên là Trương Tam hoặc Lý Tứ, thì sự thiên bẩm, phẩm hạnh, tiền đồ có gì khác nhau? Song, lại có người mê tín ở tên và tự của mình cho rằng thời vận xấu và thời vận tốt đều có liên quan đến tên và tự.

Vì vậy có người nghe thấy đoán số nói rằng trong mệnh lý của mình thiếu "kim", liền vội vàng đổi tên là "Kim Hâm" (chữ "hâm" gồm 3 chữ "kim" chồng lên nhau - ND); có người nghe nói mệnh lý của mình thiếu "mộc" lại đổi tên thành "Mộc Sâm" (chữ "sâm" là 3 chữ mộc chồng lên nhau - ND) người khác nghe nói mệnh lý của mình thiếu "thổ", liền đổi tên thành "Nghieu" (chữ "nghieu" gồm ba chữ "thổ" chồng lên nhau - ND). Kỳ thực đó chỉ là việc làm thừa thãi, vô ích. Các thầy tướng nắm lấy tâm lý mê tín đó của người đời, liền đặt chuyện ra xung quanh vấn đề tên và tự, nghiên cứu cầu kỳ về hình, âm, nghĩa, chẳng qua chỉ là trò chơi chữ nghĩa mà thôi.

Phép xem tướng hốt. Hốt là một bản mỏng cầm ở tay của các quan triều khi châu vua vào thời cổ. Trên hốt có ghi những việc cần tấu bẩm đề phòng quên sót. "Tấn thư - Hưng Phục chí" viết: "Bản cầm ở tay tức là hốt thời cổ. Thượng thư lệnh, bộc xạ, thượng thư trên tay cầm thủ bản, trên có cây bút đựng trong túi da, gọi là hốt". Xem tướng hốt tức là các thầy tướng dùng tay sờ mó hốt (thủ bản) của các quan để dự đoán về quan lộc và thọ yếu của viên quan đó.

Phép xem tướng hốt ước chừng cổ nguồn gốc từ thời Hán. "Thái Bình Ngự lãm" dẫn "Thủ bản kinh" nói: "Xem tướng thủ bản có từ Tiêu Hà, còn gọi là "Tứ Hạo", lúc đầu chưa lưu hành rộng, sau Đông Phương Sóc thấy và khen, nói "điều này không phải người thường có thể làm được". Vệ tư không Trần Trường Sử thấy thế viết thư thán phục, rồi truyền theo Hứa Sĩ Tông, Vĩ Trọng Tường, sau Quản Lộ thấy và truyền lại". Phép này có phải do Tiêu Hà sáng tạo ra không, nay không thể khảo chứng được.

Từ Tuỳ Đường về sau, sĩ đại phu thích bàn về tướng thuật, phép xem tướng hốt từng lưu hành rộng rãi, lúc việc quan rồi lại mang hốt ra để dự đoán về tiền đồ hoạn lộ của nhau, coi như một

loại thú cao nhả của các sĩ đại phu. Theo "Nam sử - Canh Đạo Mẫn truyện":

"Đạo Mẫn rất giỏi xem tướng thủ bản, Thời Tống Minh đế Vương Hưu Hựu ở Sơn Dương là người thường có lời lẽ gây xích mích với người khác, một lần gặp Đạo Mẫn liền gửi bản (hốt) của mình, nói là của người khác, bảo Đạo Mẫn xem. Mẫn nói: "Bản này của người giàu sang, nhưng hay gây xích mích với người khác". Vương Hưu Hựu thấy Đạo Mẫn nói đúng, không khỏi giật mình. Nhưng ông ta không tìm cách sửa đổi lời lẽ, để thận trọng trong nói năng hoặc sửa đổi thói quen lỗ mǎng trong giao tiếp, mà lại tìm cách đổi lấy thủ bản của người khác, cho rằng đổi đi như vậy thì sẽ không "vì lời lẽ mà gây xích mích với người khác". Thế là, ông ta nghe ra một cách, đem đổi thủ bản của mình lấy thủ bản của Chử Uyên là một sủng thần của nhà vua. Không ngờ, việc bị Chử Uyên phát hiện, tâu lên vua khiến hoàng đế nổi giận. Vương Hưu Hựu lại càng lo sợ không lúc nào yên tâm. Đó là câu chuyện "thủ bản hại chủ" nổi tiếng trong lịch sử tướng thuật.

Lại có chuyện do Khang Biền chép trong "Kịch đàm lục - Long đải chiếu tướng hốt" như sau:

"Khoảng niên hiệu Khai Thành thời Đường, có Long Phục Bản, không có mắt, giỏi nghe tiếng và sờ nắn, nói việc lành dữ; với thẻ tre, hốt trúc, chỉ lấy tay sờ nắn là biết quan lộc và tuổi thọ. Tống Kỳ là viên quan nổi tiếng, được nhiều quan lại xu phụng. Lúc đó Tiêu Tướng Chí ở Vĩnh Lạc cũng làm gián quan, cùng đến, đưa hốt cho xem. Phục Bản nghe chiếc hốt của Tiêu khá lâu. Sau đến hốt của Tống Kỳ, Phục Bản nói: "Hốt của trưởng quan". Kỳ tỏ vẻ không vui".

Long Phục Bản "không có mắt", không thể "xem tướng". Anh ta chỉ vận dụng tài nghệ nắn xương vào việc sờ nắn bản (hốt), thế mà cũng rất "linh nghiệm". Xét thái độ các quan trong triều với việc xem tướng hốt, thấy phương thuật này quả thật có tính mê hoặc cao. Tống Kỳ vốn là viên quan "nổi tiếng", nhiều quan lại phải xu phụng, rất lấy làm đặc ý. Thế mà khi nghe Long Phục Bản nói hốt của ông ta chỉ là "hốt của trường quan", lời nói của anh mù, vốn chẳng có gì đáng phải chú ý, mà Tống Kỳ lại "không vui", làm như Long Phục Bản đã chặn đứng tiền đồ của ông ta vậy.

Xem tướng hốt cũng như xem tướng chữ, xem tướng tên đều là biến chủng của tướng thuật suy từ người ra vật, lấy vật để chỉ người. Sự ly kỳ hoang đường của chúng đều như nhau, không đáng tranh biện. Xét về tính chất, loại vật tướng này mang nhiều tính chất bói toán, so với tướng thuật chân chính (tức hình tướng), có khoảng cách rất xa.

6

XEM XÉT TOÀN BỘ VỀ HÌNH TƯỚNG

I. PHƯƠNG PHÁP QUAN SÁT HÌNH TƯỚNG

Nói hình tướng không phải chỉ nói các bộ phận của cơ thể người mà còn bao gồm mọi nội dung hữu quan khác, như thần thái, khí sắc, trạng thái vận động của cơ thể, cùng với ngôn ngữ, cử chỉ... Các nhà xem tướng cho rằng, xem tướng cho người không chỉ xem một bộ phận nào, mà phải quan sát tổng thể, nắm vững tổng hợp đặc trưng tướng mạo của người và dự đoán cát hung họa phúc của người đó. Trước một nội dung hình thể phong phú như vậy, người thầy tướng phải bắt đầu quan sát từ bộ phận nào? Cũng tức là nói, người thầy tướng phải quan sát bộ phận nào trước hết và trình tự quan sát như thế nào? Làm thế nào để nắm vững được đặc trưng tướng mạo của một người, để căn cứ vào đó mà dự đoán họa phúc? Những vấn đề liên quan đến phương pháp quan sát, là điều chúng ta phải hiểu rõ trước khi tìm hiểu nội dung hình tướng.

Cũng như những trước thuật chuyên luận khoa học khác, rất nhiều sách tướng cũng bắt đầu bằng làm sáng tỏ những khái niệm chuyên ngành, bàn trước hết những phương pháp xem tướng cơ bản. "Thần tướng toàn thiên I" nói trước hết trình tự, các bước và phương pháp luận của vấn đề quan sát tướng mạo:

"Đại phạm xem tướng mạo cho người, trước hết phải xem cốt cách, sau đó xem ngũ hành. Lường tam đỉnh dài hay ngắn, xem bộ mặt đầy hay voi, xem mắt mày có thanh tú không, xem thần sắc tươi khô thế nào, tay chân dày mỏng ra sao, râu tóc thưa dày thế nào, lườn thân thể cao thấp dài ngắn, ngũ quan hữu thành không, lục phủ hữu tỵ không, xem tướng qui triều của ngũ nhạc, xem kho dựn có đầy không, xem âm dương suy hay thịnh, quan sát có uy nghi không, biện rõ hình dung có đôn hậu không, khí sắc vui buồn thế nào, da thịt thô mịn ra sao, xem đầu vuông tròn thế nào, đỉnh đầu nhô phẳng ra sao, xương cốt sang hay hèn, thịt xương thưa dày, hơi thở nhanh chậm, tiếng nói có vang không, tâm địa có tốt không, tất cả phải theo bộ vị tuổi tác mà suy, cốt cách hình dạng mà đoán. Không thể xu nịnh lấy lòng làm hại thanh danh gia truyền. Nhưng nói giàu sang, nghèo hèn, thọ yếu, cùng thông, tươi khô, được mất, dài ngắn, tốt xấu đều phải chặt chẽ, theo tướng mà luận, không chút sai thất. Người học xem tướng phải tham cứu kỹ sảng, suy tìm cặn kẽ, không thể sơ xuất".

Các nhà xem tướng cho rằng, khi xem tướng thì trước hết phải xem cốt cách. Đây là điều mấu chốt quan trọng nhất. Muốn được cốt cách là nắm được xu thế chính của số mệnh. Sau đó là "tam đỉnh" tức là ba phần của cơ thể: Đầu là thượng đỉnh, từ vai đến hông là trung đỉnh, từ hông đến chân là hạ đỉnh. "Tam đỉnh" là cái khung giá chung của cơ thể người, chỉ cần nhìn qua, tam đỉnh, dài ngắn, to nhỏ không cần đối là tuổi thọ ngắn, tam đỉnh cân xứng là tròn đủ

phúc thọ. Đây cũng là nét chung. Tiếp sau đó mới đến bộ mặt, mắt mày, tay chân râu tóc. Có thể thấy đi từ to đến nhỏ, từ chung đến riêng, phải nắm được tổng thể. Đó là phương pháp cơ bản của việc xem tướng.

Trên cơ sở nguyên tắc chung này, nhà xem tướng còn qui định các bước cụ thể của việc xem tướng. Đó tức là "quan nhân thập pháp" (mười cách xem tướng người)

Sách "Thần tướng toàn thiên I" nói.

"Một là lấy uy nghi. Như hổ xuống núi, trăm giống thú đều kinh, như chim ung vọt lên, cỏ chồn run sợ. Không giận mà oai, không chỉ trông mắt, mà phải xem khuôn dáng mặt mày và thần khí mà định.

"Hai là xem sự đôn trọng và tinh thần, thân như thuyền vạn học, lướt đi giữa sóng to gió lớn, lay không động dấn không đến. Ngồi nằm đi đứng, thần khí nhanh nhẹn nhẹ nhàng, ngồi lâu mà không kém vẻ, càng thêm sắc sảo sáng sủa, như mặt trời mọc phương đông, làm chói mắt người nhìn, như trăng thu vắng vạc treo cao, sáng trong rực rỡ, vẻ mặt ánh mắt đều sáng ngời như mặt trời mặt trăng, chói chang trong sáng, tự nhiên đáng yêu, sáng sủa sạch sẽ, người ta nhìn mà thấy sáng. Tướng mạo như vậy, không đại quý cũng tiểu quý, giàu có thể đoan chắc, không thể nói quàng.

"Ba là lấy trong đục, người mà cơ thể dày, tự nhiên sẽ giàu sang tuy gầy dầy nhưng tinh thần đẹp tốt, cơ thể suy là sang, (địa vị xã hội cao - ND). Người đục mà có tinh thần gọi là hậu, hậu thì phần lớn là giàu. Đục mà vô thần, gọi là nhuyển (mềm yếu - ND), người nhuyển thì cô (ít anh em con cháu - ND) không cô thì yếu.

Bốn là xem đỉnh đầu tròn trán cao. Đầu là chủ của thân, là đứng đầu tứ chi. Đầu vuông, đỉnh cao là thiên tử ngôi cao, người trán vuông, đỉnh lồi là lương thần phụ tá, người đầu tròn thì giàu mà lại thọ, người trán rộng thì cũng có địa vị cao, người đỉnh đầu phẳng giàu mà sống lâu, người đầu dẹt tuổi nhỏ long đong, người trán dẹt tuổi trẻ hư hỏng, người trán thấp ngu dại ngoan cố phải chịu tội hình, người trán lẹm tuổi nhỏ khốn khổ, có phần lồm xuống rìa tóc chỗ lồi chỗ thụt không đều, phải tội hình. Phải xem đủ, không thể nói chung đồng loạt sẽ sai lầm.

Năm là xem ngũ nhạc và tam đình. Gò má trái là đông nhạc, đều phải ngay thẳng không lệch, không thể lồi thô nghiêng lồm, trán là nam nhạc, cũng cần vuông vắn ngay thẳng, không nên lẹm vệt, thấp lồm; gò má phải là tây nhạc, cũng cần như gò má trái, cằm là bắc nhạc, cần phải vuông tròn đầy đặn, không thể nhọn vệt nghiêng lệch, vênh cong, mũi là trung nhạc, cũng cần ngay ngắn, chọc thẳng lên ấn đường (giữa hai lông mày). Tam đình là: trán, dưới mũi, quai hàm. Đây là tam đình của mặt, cũng gọi là tam tài, lại gọi là tam chủ, tam biểu, đều phải bằng nhau. Thượng đình dài thì tuổi nhỏ vất vả, trung đình dài thì phúc lộc tốt, hạ đình dài thì về già tốt lành. Tam đình bằng nhau thì cả đời ăn mặc không thiếu, nếu tam đình, nhọn, lệch, thô, lộ đều không lợi. Có thể theo bộ vị khí sắc theo lưu niên (chỉ vận mệnh theo từng năm - ND) mà suy, không thể nói chung.

Sáu là lấy ngũ quan lục phủ. Mày là khí quan bảo thọ, cần trong sáng, cao ráo, thưa đẹp, dài cong, cần cao hơn mắt một thốn. Mắt là khí quan giám sát, đen trắng phân minh, hoặc là mắt phượng, mắt voi, mắt bò, mắt rồng, mắt hổ, mắt hạc, mắt khỉ, mắt công, mắt uyên ương, mắt sư tử, mắt chim thước, thân mắt kín đáo không lộ ngoài, lòng đen đen như sơn, lòng trắng trắng như ngọc,

đuôi sóng mắt dài chĩa ra tai, tự nhiên thanh tú, có uy. Vậy là khí quan giám sát thành. Tai là khí quan nghe, to nhỏ không luận, cần vành bờ phân minh, tốt nhất là trắng hơn mặt, tai thủy, tai mộc, tai kim, tai bờ, tai quân cờ tròn, tai áp sát não, nhìn thẳng vào mặt không thấy tai, cao hơn mày một tấc, vành bờ dày cứng, màu hồng tươi, bên trong có lông dài, lỗ không quá nhỏ quá to. Vậy là khí quan nghe thành. Mũi là khí quan biện xét, nên đầy đặn, dóc thẳng, có thịt, mũi rộng, tề tề, mũi hổ, sư tử, cừu, mũi như ống cất ngang, như túi đựng đồ vật, như túi mật treo, ngay ngắn, không xiên, không lệch, không thô, không quá nhỏ. Như vậy khí quan biện xét thành. Miệng là khí quan xuất nạp, môi đỏ răng trắng, hai môi dày như nhau, nhân trung sâu dài, hình trăng lưỡi liềm ngửa, cong như cung, miệng vuông chữ tú, miệng bờ, rộng, hổ, hai môi không trái nhau, không ngang, không vênh, không nhọn. Vậy là khí quan xuất nạp thành.

Lục phủ thì thiên đình (phần trán giữa hai mày) nhật nguyệt (?) nhị quái (hai góc trán) là thiên phủ, tốt nhất là vuông tròn sáng sủa sạch sẽ, không nên lộ cốt. Vậy là thiên phủ thành.

Lưỡng quyền là nhân phủ, nên vuông thẳng cắm vào mai, không thô, không lộ, cùng áp vào vòm vương. Vậy là nhân phủ thành.

Quai hàm là vị cảnh địa phủ, tốt nhất là phụ đỡ nhau, cắm như vách đứng, không tối, không thâm, không nhọn, không lệch, không thô. Vậy là địa phủ thành.

Bấy là lấy eo tròn, lưng dày, ngực phẳng, bụng phệ, có tam giác (ở lưng) tam nhâm (ở bụng) da thịt mịn là được. Lưng dày, rộng, eo cứng, eo tròn, kiêng nhất là sống lưng thành rãnh, lưng mỏng vai xuôi, vai ngang cổ nhỏ. Lưng hông phải tròn, phải xứng, phải to, phải phẳng, không thể nhỏ, mềm, yếu, lồi, lõm, cong, mông

phải phẳng dày, không nên lõm thành vũng, ngực phải phẳng, đầy, xương không lộ dưới cổ không thừa, dưới ức không lõm xuống, bụng phải như túi, như quả bầu, dưới rốn thớ thịt ngang, không nên nhọn nhỏ, hoặc như bụng chim, ngực gà, bụng chó. Như thế là không được.

Tám là lấy tay chân. Nền nhỏ, non, đầy đặn. Bàn tay chân có bát quái, đường bàn tay chân rõ ràng.

Chín là lấy giọng nói và tâm địa. Sách nói: Muốn rõ được việc trong lòng, chỉ nhìn thần con mắt. Mắt là cửa sổ của lòng dạ, nhìn mắt thiện hay ác, hẳn biết bụng tốt hay xấu. Vị trí của ấn đường, phúc đường, dù tướng mạo không tốt bằng tâm địa, cuối cùng cũng sẽ giàu sang, nếu tướng mạo đường đường nhưng tâm địa gian hiểm thì dù phú quý cũng sẽ lui bại bất cứ lúc nào. Tiếng nói phải vang, phải từ đan điền phát ra, vang dội như tiếng sấm rót vào tai, hoặc như tiếng chuông đồng khánh ngọc, hoặc như tiếng dội trong chum, như tiếng trống đồng la đồng, hoặc như tiếng vàng, hoặc tiếng trường có hậu, như tiếng trống, đều cần vang xa vang sâu, xuất từ đan điền.

Đó là tướng giàu sang dài lâu.

Mười là xem hình cục và ngũ hành. Hình cục là hình vóc chung của thân hình con người. Hoặc như hình rồng, hình hổ, hình hạc, hình sư tử, hình chim công, chim loan, hình bò, hình khỉ, hình báo, hình điều thừ, hình voi, hình phượng, hình uyên ương, hình cò vạc, lạc đà, hoàng anh, huyện tước... Đó là tướng phú quý. Hoặc hình lợn, hình chó, hình dê, hình ngựa, hình hươu, hình quạ, hình chuột, hình hổ ly. Đó là tướng hung bạo, nghèo hèn chết yếu. Ngũ hành là kim mộc thủy hỏa thổ. Sách nói: Kim mà ra kim thì tính tình cương nghị, mộc ra mộc thì của cải đủ, thủy ra thủy có tài văn

chương, hoả ra hoả thì nhanh nhạy quả đoán, thổ ra thổ thì kho tàng đầy. Hình kim màu trắng, tốt nhất là trắng, mộc hình gầy, tốt nhất màu xanh đen, thuỷ tốt nhất là béo đen, hoả không kiêng nhọn, tốt nhất màu đỏ, thổ tốt nhất là dày và màu vàng. Đó là chính cục ngũ hành, hợp với nó thì giàu sang, phúc thọ, trái lại thì nghèo hèn, chết non. Nhưng người học dựa vào ngũ hành và cốt cách mà suy đoán, phép coi tướng lắm mối, cần nhất phải tổng hợp tất cả mà xuy đoán.

Nhà tướng thuật cho rằng, "thập quan" là trình tự xem tướng, bất luận quan sát người nào, dự đoán bất cứ điều gì, đều phải tuân theo thứ tự đó, nếu không thì lẫn lộn chủ thứ, đặt ngược gốc ngọn, sẽ ảnh hưởng đến kết quả dự đoán. Trong "thập quan" này ba quan trước thì lấy tinh thần phong thái, một người nào đó thần thái ra sao, là điều kiện tiên quyết của việc phán đoán. Người ta thường nói thầy tướng giỏi quan sát lời nói sắc mặt là có căn cứ. Từ quan thứ tư đến quan thứ tám là đi vào hình tướng, là nội dung chủ yếu của việc quan sát hình tướng, quan thứ chín bề ngoài là phần bổ sung của hình tướng thực ra là hạng mục tham khảo chủ yếu nhất của hình tướng, người ta nói hình mạo tốt đến mấy mà tâm địa không tốt thì cũng không thể có phúc lộc. Quan thứ mười là tổng kết chung trên cơ sở chín quan trên, thực ra cũng là cái nhìn tổng thể.

Nhưng có những người cho rằng "thập quan" vĩ mô này tuy có lợi cho việc phán đoán tổng thể, tránh được phiến diện, cố chấp một mặt nào riêng biệt, nhưng vì nó chung chung quá, không cụ thể, chi tiết, cho nên khó nắm, khó vận dụng trong thao tác, nhất là khi góc độ quan sát khác nhau, thì thường thường vượt khỏi phạm vi "thập quan". Do đó, một số nhà xem tướng đã căn cứ vào những nhu cầu khác nhau mà phân loại kỹ hơn, tỉ mỉ hơn đưa ra "quan nhân bát tướng pháp" (tám phép xem tướng người), "tướng phân thất tự pháp" (phép xem tướng người theo bảy chữ), "thập tự diện tướng

pháp" (phép xem tướng mặt mười chữ), "cửu thành chi thuật" (thuật cửu thành) "nhân tướng tam tập lục pháp" (ba mươi sáu phép xem tướng người)... Trong đó, còn có cách phân kỹ hơn, như "quan nhân bát tướng pháp" (tám phép xem tướng người) lại chia thành tướng nam, tướng nữ, mỗi loại lại theo tám chữ mà phân loại. Nam tướng là: 1- Uy: tức là uy nghiêm, đáng sợ, chủ về quyền thế; 2- Hậu: tức hậu trọng, hình mạo đôn hậu, nghiêm trang, chủ về phúc đức; 3- Thanh: tức thanh tú, tinh thần tươi vui; 4- Cổ: tức cổ quái xương xẩu gồ ghề; 5- Cô: hình cốt cô hàn; 6- Bạc: thân hình xấu xí yếu ớt; 7- Ác: tức gian ác, hình thù hung dữ; 8- Tục: tức tục trọc, hình mạo thô lỗ tối tăm. Nữ tướng là: 1- Kính: giàu có, sống lâu và nhiều con trai; 2- Trọng: trong trắng, và nhiều phúc trạch; 3- Khinh: nghèo hèn và chết non; 4- Hỷ: dâm dăng và bị quyến rũ; 5- Uy: cương cường và đối trá; 6- Khủng; dễ xung khắc và lòng dạ độc ác; 7- Ác xấu xí mà cổ quái, 8- Hãi; dễ nghi ngờ sợ hãi và dễ biến đổi.

"Tướng phân thất tự pháp" và "quan nhân bát tướng pháp" đại thể giống nhau, nhưng cũng có đặc điểm riêng của nó, là một cách nhìn khác của nhà xem tướng. "Thần tướng toàn thiên ngữ" viết:

"Một là thanh: Hán Cao Tổ mũi gồ mặt rộng, Đường Thái tông tu thể rồng phượng, tượng trưng của mặt trời, đều là "thanh".

"Hai là cổ, Lão Tử mình như cây cao, Khổng Tử mặt như mặt sông Kỳ trong mưa phùn (?), Hoàng Yên mặt không có da, đều là cổ".

"Ba là tú: Trương Lương đẹp như con gái, Trần Bình sạch như viên ngọc trên mũ là tú".

"Bốn là quái: Lư Kỷ đời Đường mặt quỷ màu xanh đen, môi rộng, đầu báo, Triệu Phương Nhân nhìn đất trông trời (?), Quí Cốc Tử lộ xỉ lộ hầu đều là quái".

"Năm là đoan: Cao Dao mặt như quả dưa gọt vỏ, Lý Bạch thân hình như sao sáng, Trương Phi mắt vàng râu hổ đều là đoan".

"Sáu là dị: Nghiêu lông mày tám màu, Thuấn mắt hai con người. Đại Vũ tai ba lỗ, Văn Vương bốn vú, Thương Hiệt bốn mắt, Lý Kiều hơi thở như rùa (?) đều là dị".

"Bảy là nộn: Nhan Uyên sơn đình nhật giác (mũi cao trán lõi), Sâm Văn Di lông mày dài hơn mắt, thịt không cân đối với xương (?) đều là nộn".

Hiển nhiên là từ góc độ "thiện tướng" mà chia tướng thành 7 loại, lại lấy thánh nhân, quý nhân làm ví dụ, mang nặng tư tưởng "kỳ hình dị tướng"

"Thập tự diện tướng pháp" (phép xem tướng mặt mười chữ) là phương pháp xem tướng mặt, lấy đặc điểm của mười chữ để chỉ mười kiểu mặt:

- (1) Mặt chữ Viên: tròn, béo, sáng suốt, vui vẻ.
- (2) Mặt chữ Điền: hai má rộng, bền bỉ, kiên nghị.
- (3) Mặt chữ Do: mặt hình trứng, phần dưới nở, rất bền bỉ.
- (4) Mặt chữ Phong: da mặt phân hai má trùng lõng, thiếu chí tiến thủ.
- (5) Mặt chữ Dụng: hai má phải trái không cân bằng, tính không cẩn thận vững vàng.

(6) Mặt chữ Mục: mặt vuông dài chữ nhật, làm gì cũng hăng hái không chịu thua.

(7) Mặt chữ Đồng: quai hàm banh, mặt hình bốn góc, thông minh độ lượng.

(8) Mặt chữ Vương: gò má rộng, dám nghĩ dám làm.

(9) Mặt chữ Giáp: trán rộng cằm nhọn, suy nghĩ kín kẽ, thiếu dũng khí trong hành động.

(10) Mặt chữ Thân: gò má nhô cao, cằm gầy nhọn, dễ xúc động, hay buông thả mình.

Phép này chỉ hạn chế trong tướng mặt, là phương pháp xem tướng vì mô, nhưng vì mặt xem tướng mặt, nó lại là phương pháp vĩ mô, vì nó chỉ chú ý khuôn mặt, chỉ nắm phần chung nhất, cần phải dựa trên cơ sở đó mà đi sâu quan sát từng bộ phận của tướng mặt.

"Thuật cửu thành" là phương pháp quan sát trí tuệ, thiện ác, sang hèn, và phúc đức dày mỏng của người qua tinh thần, hồn phách hình mạo, khí sắc, cử chỉ, hành động, nhìn ngó, tài trí, đức hạnh. Sách "Nguyệt Ba động trung ký (thượng)" viết:

"Người ta thụ khí hoài thai, đều bẩm thụ ngũ hành, lẽ là nam, chân là nữ. Nếu gặp sự thiên lệch không cân bằng, thì hình mạo sẽ tầm thường, bẩm thụ được tinh túy thì thần khí sẽ trọn vẹn. Hình có dày mỏng, nên phúc có sâu nông, thần có sáng tối, cho nên khí chất có ngu trí. Tuy lãnh dữ sang hèn không như nhau, nhưng thần khí thể hiện ở động tác, hình mạo thể hiện ở cốt pháp, thiện hay ác là có thể biết được. Nay theo tinh thần, khí sắc, cốt pháp, mà lần lượt khảo sát, đặt ra thuật cửu thành để xem xét: một là tinh thần, hai là hồn phách, ba là hình mạo, bốn là khí sắc, năm là cử chỉ, sáu là

hành động, bảy là nhìn ngó, tám là tài trí, chín là đức hạnh. Phàm tinh thần phân minh là một thành, hồn phách khảng khái là hai thành, hình mạo vững vàng là ba thành, khí sắc trong sáng là bốn thành, cử chỉ ngay thẳng là năm thành, hành động hợp nghĩa là sáu thành, ngó nhìn trong sáng thẳng thắn là bảy thành, tài trí tinh nhanh là tám thành, đức hạnh mẫu mực là chín thành".

Phương pháp này theo cử chỉ, cốt pháp, xét thần thái, hình mạo, phân biệt thiện ác và chia thành chín bậc mà trình bày theo thứ tự. Như vậy không những sẽ nắm được nội dung chủ thể của hình tướng, mà còn có thứ tự mạch lạc rõ ràng khi thao tác, đủ cả hình mạo, thần thái, khảo sát hình trí, bàn chung hình đức, kín kẽ không thiên lệch. Vì vậy, "thuật cửu thành" được giới tướng số coi là một phương pháp có trình độ cao, rất dễ thao tác.

"Nhân tướng tam thập lục pháp" (36 phương pháp xem tướng người) do nhà xem tướng Viên Cung đời Minh đề xuất, nổi tiếng là tỉ mỉ, cụ thể. Trong tác phẩm "Liễu trang tướng pháp", Viên Cung chủ trương xem tướng phải bao gồm 36 hạng mục toàn thân, người đời sau gọi đây là phương pháp (Mãn đình phương" (hoa đầy sân). Ba mươi sáu hạng mục đó là:

1: Đầu (trán) 2: Tóc (tóc mai 3: Mày, 4: Mắt, 5: Tai, 6: Mũi, 7: Nhân trung, 8: Môi, 9: Răng, 10: Lưỡi, 11: Râu, 12: Nao, 13: Cổ, 14: Vú, 15: Bụng (hông), 16: Lưng, 17: Rốn, 18: Mông, 19: Tay, 20: Đùi, 21: Chân, 22: Ngọc hành, 23: Bìu dái, 24: Lỗ dít, 25: Lông, 26: Lông tơ, 27: Nốt ruồi, 28: Bớt (vết), 29: Điểm (dấu vết nhỏ), 30: Da (vân nếp da), 31: Xương, 32: Máu (khí sắc), 33: Chấn cốt (xương sọ phần gáy), 34: Tiểu tiện, 35: Đại tiện, 36: Tiếng nói.

Ba mươi sáu hạng mục này phân tích rất đầy đủ, chi tiết, là một cách quan sát hết sức kỹ càng, nhưng nó chỉ coi trọng hình mạo, ít

nhiều đề cập đến âm thanh mà không tính đến ngôn ngữ, cử chỉ. Hơn nữa, thứ tự của nó hình như không hợp lý lắm, "tướng xương" một phần rất quan trọng lại được đặt sau lông tóc, sẹo vết, tiếng nói, cũng đặt sau đại tiểu tiện. Đây là điều cần phải chú ý. Theo Viên Cung, 36 bộ vị này là nội dung chủ yếu của việc "quan sát hình tướng, phán đoán cát hung". Một tướng sĩ có tinh thần trách nhiệm phải xem xét tổng hợp tình hình cụ thể của 36 bộ vị thì mới có thể kết luận sang hèn, lành dữ của một người. Trên thực tế, các tướng sĩ chỉ lấy "thập quan" và "thuật cửu thành" tương đối tổng quát làm phương pháp luận, sau đó mới đi sâu vào 36 bộ vị để quan sát vĩ mô.

Trong một số tình hình nào đó, hình tướng có thể biến đổi, làm ảnh hưởng đến kết quả quan sát của người xem tướng, và bản thân các tướng sĩ cũng mất đi sự phán đoán bình thường. Do đó, các nhà tướng thuật cho rằng có năm trường hợp không nên xem tướng, nói "tướng hữu ngũ bất khán" (có năm trường hợp không xem) Một, sau khi uống rượu không xem, tửu khí vào mắt, khó hiện cát hung. Hai, sắc dục quá nhiều không xem, khí sắc đen tối, khó phân lành dữ. Ba, sau cơn giận không xem, gân xanh đầy mặt, tối sáng khó phân. Bốn, người đông không xem, tinh thần khó tập trung. Năm, bản thân có việc không xem, tâm không đặt vào chỗ xem tướng, nhìn mà không thấy. Trong "năm trường hợp không xem" này, ba trường hợp đầu nằm về phía khách quan, trường hợp thứ tư và thứ năm là nói về phía thầy tướng. "Năm trường hợp không xem" có lí nhất định, nhưng vì không đủ rõ ràng, nên thường thường lại trở thành cái cớ biện hộ cho thầy tướng. Ví dụ như "sắc dục quá nhiều" là một loại tình thái, không có giới hạn chặt chẽ, một người sinh lý bình thường, tình dục sẽ mạnh yếu khác nhau trong những tình hình (tâm tình, hoàn cảnh...) khác nhau, rất khó coi đó là một triệu

chúng vướng suy của một người, loại như "người đông" là tâm lí không dám tin vào mình, thấy tướng sợ rằng đông người nhiều mắt, sẽ phát hiện ra mưu mẹo mảnh khoé của thầy, cho nên giương cái chiếu bài này để chuẩn bị đường lui.

Thực ra, trừ những thầy tướng có trình độ cao, nổi tiếng, có thể ý vào sự tin cậy của mọi người mà dám nói thẳng, nói thật, không né tránh, còn các thầy tướng khác cũng khoe khoang tài thần mắt thánh của mình, nói rằng có thể nói rõ tương lai lành dữ của mọi người, nhưng vẫn có thói quen khôn khéo giữ mình trong mọi trường hợp, để phòng "hoa tòng khẩu xuất" (tai hoạ từ miệng mà ra), vì thế cần nhắc rất kỹ nên nói gì không nên nói gì. Sách "Thần tướng thiết quan đao" quy định "tướng hữu tam bất linh" (xem tướng có ba trường hợp không linh ứng), tức là: Người không có vận không thể nói là không, sợ rằng người đó sẽ tìm cách tự sát, có hại cho âm đức của mình; kẻ hung bạo không thể nói là hung bạo, sợ rằng nó sợ ta biết mà hại ta; người đã hết số không thể nói thẳng, sợ người đó lo buồn, gia đình người đó cũng bị thương vì ta, thật ra là không có ích lợi gì. Như vậy là thẳng thừng bảo các thầy tướng có thể nói dối, làm đảo lộn phải trái. "Người không có vận không thể nói là không", tức là có thể nói là có, có thể nói là vận không sâu, tức là phải bịa ra lời nói dối, để lừa người. Đây rõ ràng là bóc trần bộ mặt thật của các thầy tướng. Cái gọi là "năm trường hợp không xem tướng" cũng có quan hệ mật thiết với tâm lý con buôn này.

Nói chung, sau cả một loạt sửa đổi, hoàn thiện, phương pháp xem tướng đã đạt đến trình độ vừa nắm chung vừa tỉ mỉ, vừa có cách nắm khái quát chỉnh thể lại có thể tùy cơ ứng biến về thao tác. Trong tình hình đó, phương pháp xem tướng đã ngày càng chặt chẽ, có hệ thống, trong vận dụng, ngày càng dễ phổ cập, phát huy.

2. TIÊU CHUẨN CHUNG CỦA HÌNH TƯỚNG

Hình tướng bao gồm tất cả các bộ vị của thân thể và tinh thần, động tác hữu quan và tất cả đều được các nhà xem tướng coi là tiêu chuẩn để nhận định đẹp xấu, lành dữ. Như các tướng sĩ cho rằng, mắt là khí quan giám sát, phải là trong sáng, có thần, đen trắng phân minh mới tốt, "trắng như ngọc, đen như sơn, chỉ thẳng vào tai là tướng đại quý, trường hợp ngắn, bé mà sáng, có ánh sáng lạ chiếu lấp lánh, loại vừa quý vừa thọ, nếu mắt lồi mà lộ, nhìn mà có thần thái, cũng chủ quyền sát, trường hợp mắt to mà không sáng, dài mà có thần, bên ngoài không có thượng hạ đường (?), có mạch máu đỏ ngang dọc, mắt nhìn không xa, mắt nháy luôn như buồn ngủ, nặng nề mà không khép kín, tròng mắt vàng là tướng xấu" (Thái thanh thần giám. Luận nhãn bộ"). Đó là tiêu chuẩn mắt xấu đẹp theo tướng thuật. "Thiện tướng" tức là đẹp, "bất thiện tướng" là xấu. Đẹp thì lành, xấu thì dữ. Nhưng để chỉ đạo, giúp đỡ việc nhận xét tỉ mỉ, các nhà xem tướng đã định ra những tiêu chuẩn để giám định, phân biệt. Điều này nhất trí với việc quan sát hình tổng thể.

Có rất nhiều tiêu chuẩn để phân biệt lành dữ sang hèn trong phạm vi toàn thân, ở đây chọn giới thiệu một cách giản yếu:

Giàu: Tức là cái mà các nhà xem tướng nói là nhiều cửa, cơm áo đầy đủ. Tướng mạo nhiều bộ vị của thân thể hợp với quy phạm cùng tạo ra tướng giàu. "Thần tướng toàn thiên trí - Tướng phú" viết: "Hình tướng đầy đặn, thần thái yên vững, khí trong tiếng vang, cổ to trán đầy, mắt sáng mày rộng, tai dày môi đỏ, mũi thẳng mặt vuông lưng dày, hông ngang, da bóng bụng phệ, răng bờ hàng thẳng đều là tướng giàu". Sách "Chiếu đảm kinh" viết: "giàu sang nhìn mắt mày, nghèo hèn nghiệm má cằm. Chú: Mày đã thừa đẹp,

mất lại trong suốt, đó là người giàu sang. Má cảm đầy đặn, chủ phúc hậu". Sách "Ngọc quán chiếu thân cục - Thượng" viết: "Ngôi như chèn đá, đi như mây bay, gọi là tướng giàu".

Quý (sang, địa vị xã hội cao): Nhà xem tướng gọi là cao quý, tôn nghiêm là chỉ địa vị xã hội mà người ta theo đuổi một cách phổ biến. Nhà xem tướng cho rằng, một người quý, có khi do sự tu dưỡng luyện của mình mà đạt được, có khi là quý thân yêu quý mà làm cho, có khi là sao trên trời trích giáng mà nhập vào người, có khi là thần tiên đầu thai mà sinh. Tất cả những quan điểm đó đều thoát ly hiện thực xã hội cụ thể, không thể tiếp cận sự thật được, có khi là hoàn toàn hoang đường. Thân hình thế nào mới coi là quý? "Thần tướng toàn thiên ngữ - Tướng quý" viết: "Tinh thần trong suốt xương lõi trong, cương nghị mệnh mông ai biết được? Khí vũ hiện ngang quay quanh sinh. Đi như mây cuốn ngồi đá đặt; người bé tiếng to cách sông nghe, mặt rộng trán rộng như vách đứng; ánh mắt long lanh như sao treo, sống mũi thẳng đứng xuyên giữa trời, tiếp tiếng sau lưng thân không quay, không đeo lan chi mình tự thơm, trên đài dưới ngấn tay quá gối; hai mắt người kếp nào ai hay, giọng rồng tiếng chuông mặt đầy thuốc; phấn như giả điệp dải như châu, da như mỡ đông mắt đen nhánh, thân như chữ cụ, mặt chữ điền; rồng lướt hổ đi rất đường hoàng; gò má cao phẳng gáy đầy, lưỡi dài đến mũi có vân dọc; gân trong gang tấc chẳng thấy tai, chính diện vờ vờ như ẩn chỉ (?); miệng đỏ lưng dày da có vảy, trời đất châu nhau mọc xương cốt; trong trong chứa đục đục mà trong, dưới chân có lông thêm hắc chí (nốt ruồi đen), ngón tay dài tròn lưỡi rồng hổ, mọc từ xương đầu dòng đôi tai; chín châu nối nhau ngựa dịch nhiều, biên địa nổi cao không hiểm trở?" Tiêu chuẩn này phản ánh yêu cầu cao nhất về hình tướng người trong dân gian cổ đại, rõ ràng là mang tính chất mẫu mực lý tưởng, không phải là tiêu chuẩn

người thường có thể đạt được, có chỗ lại còn mang màu sắc thần thoại, như nói "mất hai con người" (con người kép), "giọng rồng". Bởi vì "quý nhân" dù sao cũng là thiếu số, mà "quý" lại là cái mà người người đều mong muốn. Các nhà tướng thuật biết rõ điều đó nên cứ định tiêu chuẩn thật cao, có tính chất treo cao mà bán, người ta có thể trông thấy được mà không sao với tới được.

Nếu nói rằng tiêu chuẩn trên mơ hồ, chung chung quá, thì nó đã được "ngũ đại", "ngũ tiểu", "lục tiểu quý" bổ sung rõ ràng, chi tiết hơn. "Ngũ đại" chỉ tướng đầu, mắt, bụng, tai, miệng đều to có liên quan đến "quý". Sách "Thái thanh thân giám" quyển 6 nói: "Hình tướng ngũ đại là, một là đầu to, hai là mắt to, ba là bụng to, bốn là tai to, năm là miệng to. Người có tướng ngũ đại, phải là sinh thành không có khuyết tật gì thì chắc phú quý rồi". Nhưng cũng không phải hễ cứ to là tốt, phải có một số điều kiện, "hoặc đầu to mà không có góc, mắt to mà tối đục, bụng to mà không tròn phệ, tai to mà không có vách thành, miệng to mà môi mỏng thì lại tướng bất tiện". "Ngũ tiểu" là trái với "ngũ đại", nhỏ mà khéo thì cũng có thể là quý. "Thái thanh thân giám" quyển 6 nói: "Tướng ngũ tiểu là: một, đầu nhỏ; hai, mắt nhỏ; ba, bụng nhỏ; bốn, tai nhỏ; năm, miệng nhỏ. Cả năm bộ vị này đều ngay ngắn, không có khuyết tật mà đều nhỏ, là tướng quý. Nếu ai đó ba bốn bộ vị nhỏ mà một hai bộ vị to thì là tướng bất tiện. Nếu như đầu nhỏ mà có góc, mắt nhỏ mà thanh tú, bụng nhỏ mà tròn phệ, tai nhỏ mà có thành vách, miệng nhỏ mà răng thẳng, đều là tướng quý. "Lục tiểu quý" (tướng quý lục tiểu) là chỉ mắt, tai, miệng, mũi, bụng, hông đều nhỏ mà đều đẹp. "Thần tướng toàn thiên - Tướng lục tiểu quý" nói: "Trán nhỏ mà vuông phẳng, mắt nhỏ phải tinh tú, mũi nhỏ sống trụ phẳng, tai nhỏ chấn thái ôm, bụng nhỏ trĩ xuống dưới, miệng nhỏ đỏ càng

xanh (?), hồng nhỏ phải tròn trặn, mình nhỏ tam đỉnh đều, đều là tướng phúc thọ"⁽¹⁾.

Phú và quý là cái mà người xem tướng tìm kiếm, nói tướng tốt chủ yếu là nói tướng phú quý. Đây là tiêu chuẩn số một. Vì vậy, tướng phú quý là điều cao nhất, những ý tướng của người xem tướng về mặt này cũng rất phong phú, các nhà xem tướng dựng lên hình tướng ngũ quan, hình thể, thần sắc, tiếng nói và cử chỉ đều đẹp. "Thần tướng toàn thiên - Tướng thiện" viết: "Đầu thẳng đứng mà vững, trán vuông mà rộng, mày thưa mà đẹp, mắt dài mà trong, vành tai phẳng dày, sống mũi thẳng đứng, lòng rộng mà khoan hoà, lưng dày mà dầy, nhân trung phân minh, môi đỏ và ngay ngắn, khí hoà mà thuận, tiếng tròn mà rộng, vóc dáng ngay thẳng mà cao lớn đẹp đẽ, da sáng mà có ánh, lời nói có mạch lạc, ăn uống có điều độ, tiến lui hợp nghi lễ, hành động có mức độ thích hợp". Hình tướng đẹp nhất là thực ra chỉ là tương đối, vì khó ai có đủ những ưu điểm này, chỉ cần đạt đến một mức độ đại thể như vậy thì đã là tốt lắm. Hình tướng đẹp nhất còn phụ thuộc vào sự phối hợp cân đối giữa các bộ phận cơ thể, do đó các nhà xem tướng khi quan sát các bộ vị, trong lòng vẫn có cái tiêu chuẩn đó chỉ đạo, chú ý hệ thống, tránh mâu thuẫn. Ngoài ra các phái tướng thuật còn có những thuyết minh bổ sung tiêu chuẩn đó, để cho nó hoàn thiện hơn. Có cái gọi là "thập mỹ", "thập thanh". "Thập mỹ" là tiêu chuẩn mười tướng đẹp, đạt yêu cầu đó thì có thể phát huy vai trò của mình trong các lĩnh vực quân sự, chính trị, giàu có, địa vị cao: Bàn tay mềm như bông mà mắt đẹp có thần, miệng rộng dứt lợt nắm tay; (2) Da thịt toàn thân như châu như ngọc; (3) Mảnh gầy đầu tròn, (4) Thịt phía sau tai dày dặn (nhưng không phải là thấy được má từ phía sau đầu); (5) Âm nang (bìu dái) thơm, da thịt nhuần, khí sắc luôn luôn

⁽¹⁾ Nói "lục tiểu" mà lại đến tám bộ vị? - ND

tươi sáng; (6) Minh gầy da trắng, mu bàn tay đen mà lòng bàn tay trắng (tức là âm trung sinh dương); (7) Mắt trong suốt có thần, môi đỏ tươi nhuận; (8) Thân hình tuy bé nhưng tiếng nói trong, vang; (9) Mắt có dạ quang, có thể nhìn thấy trong đêm tối. (10) Râu ria thanh tú. "Thập thanh" cũng là mười tiêu chuẩn tướng đẹp: (1) Tiếng nói trong vang, trước nhỏ sau to, không được trước to sau nhỏ dần, nhẹ dần, (2) Lông tóc nhỏ mềm, không thô cứng quá; (3) Răng nhỏ đều sắp xếp chỉnh tề, trắng đẹp như ngọc; (4) Bàn tay đỏ nhuận, ngón tay dài, chỉ bàn tay như tơ, không có đường xấu; (5) Tai trắng hơn mặt mà lại có ánh nhuận; (6) Lông mày đen, tóc bóng đều; (7) Mắt trong có thần, môi đỏ; (8) Gầy nhưng không lộ xương, không thiếu máu, da đỏ nhuận; (9) Gầy nhưng vú đầy, rắn chắc; (10) Lỗ rốn sâu. Yêu cầu "thập mỹ", "thập thanh" rất cao, người nào đạt được ba bốn tiêu chuẩn đã là tốt, đương nhiên đạt càng nhiều tiêu chuẩn càng tốt.

Nghèo hèn (bần tiện): Một người không có địa vị xã hội gì, quần bức về kinh tế, đời sống chật vật, khó khăn coi là người hèn. Mơ tưởng phổ biến của người ta là giàu sang phát đạt. Thuật xem tướng chính là muốn nói cho người ta biết ai đó sẽ giàu sang hay hèn, mà loại trừ các nhân tố giai cấp, xã hội, và phấn đấu cá nhân.

Thế thì, hình tướng thế nào là nghèo hèn? Các nhà xem tướng cho rằng, trái với tướng giàu có, tướng nghèo hèn là hình tướng các phần của cơ thể không điều hoà, hoặc là có nhiều khuyết tật xấu. "Thần tướng toàn thiên ngữ - Tướng bần tiện" nói: Đầu nhỏ, trán hẹp, tai mỏng, da thô, miệng bé, thịt nhão, hình thô, thần thái khiếp nhược, khí đục, tiếng rè, lưng gầy, lưng mỏng, bàn chân dài, vai ngắn, ăn như chuột, đi như rắn đều là tướng nghèo hèn". Nói cụ thể hơn, tướng người nghèo hèn có thể quan sát theo các mặt dưới đây: "Muốn biết tướng mạo kẻ nghèo hèn, mũi hớt sống bẹt răng lợi lộ,

lưng sẽ dưới nhẹ trên nặng, mày nhú trán bóng tóc đan nhau, lưng lõm thành rãnh ngực lộ cốt, vú nhỏ như kim, trán dưa gọt; hông rộng lộ sườn mày sát mắt⁽¹⁾, thân thô mà đen mặt như hoa; mở mồm chưa nói rãi đã rớt, gối quyền nhô cao bước xiêu xiêu ("quyền" phải là gò má sách in thành chữ "quyền" là nắm tay, sai - ND), miệng nhọn môi chúm như thổi lửa, khoát tay lác đầu hay than vãn; tứ thủy nghiêng đổ thân như nhất, tam đình dài ngắn lỗ mũi xa; lưng ong tiếng nhanh và tiếng khô, hơi ngắn xuất phát từ gan mật; hình hơn cả thể thể không đủ, sắc lại theo sắc làm sao yên? Đầu mũi rú thịt má nhọn ngắn, trên thọ treo kim miệng thất bao, xanh đen mặt mày đầy cấu bẩn, da như củi khô lộ hiểm hoi; hố mắt khô lõm gian môn đứng; cười nói vô duyên thân cơ hàn, dáng đi như rần giọng chuột đục; đầu ruồi quả cầu chủ gian manh, miệng thối mọc ria nhìn xuống đất; nếp nhăn trên mũi nhìn sát râu, ngũ hình bất chính thân nghiêng lệch; cười nói khó khăn lộ cả răng, trán nhỏ đầu nhọn hàm má hẹp; vẻ mặt tiêu tụy tóc đan nhau, luôn giữ vẻ buồn như nức nở, đầu mày như khoá lăm oán than. Tướng mày biểu chắc sẽ bản tiện, vẫn phải đề phòng cửa nhà tan". "Bài "thơ tướng" không ra thơ này đã phân tích rất toàn diện tướng mạo nghèo hèn, ai dính vào một hai tướng như vậy thì đành chịu xúi quẩy.

Lại có nhà nói kỹ hơn về chữ "tiện" (hèn mọn, không có địa vị xã hội), phân cấp phân loại sự hèn mọn để thuyết minh. Quyển 6 "Thái thân thần giám" viết: "Sáu tướng hèn mọn là: Góc trán lõm khuyết, thiên trung (phần trên trán) mỏng thấy là một, lưng ngực đều mỏng là hai, tiếng nói rời rạc yếu ớt là ba, tai mắt nhìn nghiêng là bốn, sống mũi cong bẹt là năm, ánh mắt vô thần là sáu. Người có tướng lục tiện chỉ là tối tở của người". Có nhà tướng thuật cho thế là

⁽¹⁾ Nguyên văn: "Hông rộng lộ cánh tay" (yêu khoát lộ tí) khó hiểu, có thể chữ "tiếng" (xương sườn) đã nhầm thành chữ "tế" (cánh tay) - ND.

chưa toàn diện, đưa ra quan điểm "thập sát" chỉ mười tướng nghèo hèn, (1) hình mặt như mặt người say rượu; (2) hay nói lảm nhảm một mình (3) không có đờm mà hay cố khạc nhổ (4) trong mắt luôn có tia máu, lộ rõ về hung dữ; (5) thần trí lẫn lộn, cả ngày trầm mạc mơ màng; (6) giọng nói cứ như lang sói gào; (7) có ria mà không có râu (8); khi ăn hay toát mồ; (9) mũi cò, lỗ mũi héch; (10) hôi nách nghiêm trọng. Cả "lục tiện" và "thập sát" đều chỉ bổ sung cho bài thơ "tướng bản tiện" mà trên thực tế chưa có sự phát triển gì.

Sau khi tổng hợp đặc trưng của tướng mạo bản tiện, các nhà xem tướng đã rút ra kết luận về "ác tướng" bao gồm hình thể, ngũ quan, thần sắc đều không đẹp. "Thần tướng toàn thiên ngũ - tướng ác" nói: "Đầu nhọn trán hẹp, mày năng tóc khô, tai lặn lưỡi lộ, miệng to môi mỏng, mạch máu đỏ xuyên qua mắt, mắt có quầng, vẻ như hãi, sắc như cáu bẩn, đầu mũi nhọn, cằm nhọn". Tướng ác tất nhiên ít phúc, sẽ bản tiện.

Ngoài tiêu chuẩn tướng giàu sang và nghèo hèn, các nhà xem tướng còn đưa ra tiêu chuẩn tướng thọ yếu, thiện ác, cô khổ, hôn nhân v.v.. Không thuật kỹ ở đây, mà nói gộp trong khi phân tích cụ thể các bộ vị hình tướng. Cần phải chỉ ra rằng các nhà xem tướng còn định ra tiêu chuẩn tướng thọ yếu, thiện ác, trinh dâm, sang hèn, hôn nhân, hình khắc, chứa đẻ của phụ nữ khác với nam giới. Quan điểm phụ nữ của các nhà xem tướng trực tiếp khởi nguồn từ xã hội phụ quyền phong kiến, coi thường phụ nữ và quyền lợi của phụ nữ. Trong xã hội phong kiến, phụ nữ và quyền lợi của phụ nữ Trung Quốc chưa từng có ý nghĩa tồn tại độc lập mà chỉ là vật phụ thuộc của nam giới. Cái gọi là số phận của họ hoàn toàn không phải là sự phát triển cá tính đầy đủ và tiến trình cá nhân được xã hội thừa nhận, thọ yếu, hiền đức, thiện ác, thành bại, hình khắc, chứa đẻ... tất cả chỉ phụ thuộc vào nam giới, vì nam giới. Do đó, các nhà xem

tướng cho rằng với phụ nữ thì dịu dàng, xinh đẹp, biết yêu chiều, là quý, còn cứng rắn, thô bạo, bừa bãi là xấu. Đó là căn bản của tướng mạo phụ nữ. Còn sang hèn, hoa phúc, lành dữ v. v.. hoàn toàn do địa vị xã hội của chồng, con quyết định. Vì bản chất, từ tướng lý, nam là dương nữ là âm, dương thì cứng rắn là tốt, âm thì nhu mì là hay, cái đạo âm dương đó tuyệt đối không thể thay đổi. Vì thế "nam nhi không thích mang tướng nữ, nữ nhi không thích mang tướng nam" là nguyên tắc cơ bản nhất. Nam mà dịu dàng, nhút nhát là yếu kém, nữ mà cương cường dũng cảm, là thô bạo, đều là trái với đạo trung chính hoà bình. Nói khác đi tướng thuật mang bản chất phụ hoạ với quan niệm luân lý phong kiến, tạo ra hố ngăn cách giả tạo giữa tướng nam và tướng nữ, hai loại hình tướng, hai cảnh ngộ hai yêu cầu, hai số phận khác nhau.

Thọ yếu, thiên ác, quý tiện, trinh dâm, chứa đẻ của tướng nữ, có tiêu chuẩn chặt chẽ, lại mang dấu ấn thời đại rõ rệt: về nhân phẩm đạo đức, trinh chính hay tà dâm, nam nữ phải như nhau, tức là nam giới cũng có vấn đề trinh dâm. Nhưng trong xã hội phụ quyền phong kiến, nam giới có thể có năm thê bảy thiếp, đàn điểm dĩ thoã, hoàn toàn không bị gò bó gì, còn phụ nữ thì mang nặng cái gông phu quyền, trên đầu bị khoá chặt bởi cái khoá trinh dâm, mọi lời nói cử chỉ, ánh mắt nụ cười đều đem cái gương trinh dâm ra mà so sánh, trinh thì được biểu dương là liệt nữ, dâm thì thập ác không tha. Nếu về tiêu chuẩn hình tướng, đặc trưng tướng trinh hay dâm là thế nào? các nhà tướng thuật cho rằng, người nào trán tròn tai dày, lưỡng quyền kín đáo có thể, mũi thẳng tóc thưa, nhuận mà bóng, ánh mắt trong, thân mềm tính ngay, mắt không nhìn nghiêng, bước nhẹ chậm rãi, tiếng trong không rè, yêu kiều mà có uy, dịu dàng mà có dáng... là người trinh chính. Trái lại, tướng phụ nữ dâm đẳng là đầu dẹt trán hẹp, đầu to mà không có dáng đẹp, trán rộng mà tóc

mai xuống sâu, ngũ quan bất định, đầu dơi tai chuột, mắt nhắm mày cau, hai mắt lả lơi, đuôi mắt cụp xuống, mũi hếch lên cao, nhân trung cong, mép có nếp nhăn, môi xanh như đồng, môi rú không có tai, môi vênh lưỡi nhọn, tai lặn như tai dê, mặt như hoa đào, mặt nhiều dấu vết, trên mặt có hai chỗ lõm, thịt trên mặt nổi gò, mặt to mũi bé, mặt dài mắt tròn, mặt bóng thân rít, mình dài cổ ngắn, lưng lõm bụng bé, vai gầy eo lưng nhỏ, mông vênh ngực cao, đầu vú lõm xuống, bụng lệch, ngón tay ngón chân ngắn, rốn lồi và chệch xuống phía dưới, thịt nhão như bông, da bóng như dầu, da trắng như phấn, da nhẵn như vải, chân hạc lưng cong, trên đùi có lông, mắt lồi trắng bạc, nhìn nghiêng nhìn trộm, chưa nói đã cười, đầu lắc tay vẩy, hay ngoái đầu nhìn lại, một bước đi ba lần lắc, đi như ngỗng như vịt, thấy người thì che mặt, thân nhẹ như liễu, hay tựa cửa nhìn, đỡ cằm cắn móng tay, cao răng vò áo, tiếng nong hơi cạn, hay nói một mình, nói một câu ba lần ngắt giọng, nói năng huyền thuyên, hát hay lắc mình, rút đầu thè lưỡi, một môi hay rung, rướn mình vươn vai, ngồi không yên ổn, cử chỉ si mê, không việc gì mà giật mình, tính tình hay thay đổi, ngủ mơ hay khóc, ngừng kim chau mày, nũng nịu vô dáng, yêu kiều không có uy. Phụ nữ dính vào một hai điều trên sẽ bị coi là dâm đẳng, sớm muộn sẽ có chuyện vượt rào theo trai.

Tướng phụ nữ được các nhà xem tướng bình luận tổng hợp thành "cửu thiện tướng" và "cửu ác tướng" (chín tướng tốt và chín tướng xấu). Cửu thiện tướng (chín tướng tốt) là: Đầu tròn trán phẳng, xương nhỏ da mịn, môi đỏ răng trắng, mắt dài mày đẹp, ngón nhọn bàn tay dày, đường bàn tay nhỏ như tơ, tiếng nói trong như nước, cười không lộ răng, bước đi chậm rãi, nằm ngồi đoan chính, thần khí trong hoà, da dẻ mịn nhuận. Cửu ác tướng (chín tướng xấu), là: Mặt xấu lưỡng quyền cao, lộ hầu lộ răng, đầu tóc rối

bù, đi như rắn bước như chuột, hai mày nối liền nhau lại thô nặng, dưới mũi có chỉ vàng râu, mắt trắng như mắt dê, tiếng mạnh khê cháy, có ria mép đen. Tuy các nhà xem tướng định ra cả một loạt những tiêu chuẩn tốt xấu, nhưng trong thực tế, rất ít khi có người chỉ có những tướng tốt hoặc chỉ có những tướng xấu, thậm chí không thể có ai như vậy. Thường thường người ta đã có một số tướng tốt lại có một số tướng xấu. Làm thế nào trong trường hợp đó? "Ngọc quán chiếu thân cục", viết: "Trán rộng nhưng cằm nhọn, xương đẹp nhưng da thô, tai dày nhưng sống mũi tẹt, mắt dài nhưng mày nhú, miệng ngay nhưng tiếng nói khàn, lưng đầy nhưng ngón tay dài đục, lưỡi tuy đỏ nhưng miệng như thổi lửa, môi đẹp nhưng răng không đều, hơi tuy trong nhưng dáng đi lệch, lưng tuy dày nhưng đi như chạy, tiếng nói tuy khoan hoà nhưng thần thái như si, mắt trong sáng nhưng hay nhìn ngang nhìn ngửa, nằm ngồi tuy ngay ngắn nhưng hay ăn vặt, đầu tuy dài nhưng lưng lại gầy, trong tướng pháp gọi những trường hợp này là "chiết trừ" tức là tướng tốt tướng xấu lẫn lộn. Như thế thì hoặc giàu nhưng chết yểu, hoặc địa vị thấp nhưng sống lâu, hoặc địa vị cao nhưng nghèo, hoặc trước sang sau hèn, trước giàu sau nghèo". Kiểu tướng "chiết trừ" này tạo dễ dàng cho người xem tướng khi phán đoán.

Với người phù hợp với tiêu chuẩn tướng tốt, nhà xem tướng có thể ba hoa mấy lời đẹp đẽ và dặn dò "xin chúc mừng" và "sau này chớ quên tôi", với người tướng mạo không đẹp lắm thì than thở mấy câu rồi dặn dò tu nhân tích đức để lấy "đức" bổ cứu cho tướng, thay đổi số phận.

Những tiêu chuẩn tổng thể này là rất quan trọng trong tướng thuật. Mục đích của việc xem tướng đối với thầy tướng hay người đến xem tướng đều là nhằm tránh cái xấu cầu tốt. Những tiêu chuẩn này ngoài cái yếu tố sinh lý và tâm lý, còn có cả những nội dung về

mặt đạo đức xã hội, chuẩn mực hành vi, là một thể tổng hợp, hoặc là sự giải thích ý thức phong kiến bằng tướng thuật. Điều này rất rõ trong tiêu chuẩn tướng nữ giới.

3 TƯỚNG XƯƠNG (CỐT TƯỚNG)

Người xem tướng quan sát khung xương người gọi là "nắn xương" "sờ xương", tức là sờ nắn hình dáng xương người để căn cứ vào đó mà đoán số mệnh. Trong các bộ phận xem tướng thì tướng xương là quan trọng hàng đầu "xem tướng người ta thì coi xương là chính", "sang hèn do tướng xương quyết định". Vì thế các tướng sĩ xưa này coi việc quan sát xương là cơ bản nhất, là mấu chốt.

Tướng xương được chú ý từ đời Hán. Hoài Ân hầu liệt truyện trong "Sử ký" ghi: "Khoái Thông làm thầy tướng thuyết Hàn Tín rằng: Sang hèn là ở tướng xương, buồn vui là ở vẻ mặt". Đầu đời Hán, Khoái Thông nổi tiếng vì tài xem tướng, đã hiểu rất rõ tính chất quan trọng của tướng xương. Sau đó, trong "luận hành" Vương Sung đã bàn về quan hệ giữa tướng xương với số mệnh, khẳng định vị trí quan trọng của tướng xương trong lý luận tướng thuật. Cuối đời Hán, Vương Phù cũng rất coi trọng tướng xương, ông viết trong sách "Tiềm phu luận": "Trong xương cốt đều có các phần thể hiện số phận, cho thấy rõ là sang hay hèn... Tướng xương là biểu hiện bên ngoài của lộc tướng, là chứng triệu của lành dữ". Ông cho rằng tướng xương là quyết định phúc lộc. Sau đời Hán nhiều truyền thuyết thần kỳ về tướng xương được ghi lại nhiều trong sách vở, hề nói đến tướng thuật là nói đến thể tướng xương. Triệu Xước truyện trong "Bắc sử" viết: "Nhà vua thường nói với Triệu Xước: "Trẫm không tiếc gì với khanh, có điều tướng xương của khanh không được quý lắm". "Hiển hoàng hậu Tiêu thị truyện" trong "Liêu sử"

ghi: "Phương tổ để ra hoàng hậu thấy cốt tướng dị thường, đã đem nuôi riêng một chỗ khác vì sợ có kẻ ngấm hại". Đó là việc xảy ra trong đám quí tộc ở triều đình. Vua quan, quí tộc nhìn xét người qua tướng xương, đủ thấy quan trọng của tướng xương. Sách "Định mệnh lục" ghi: "Năm 14 hiệu Thiên Bảo đời Đường, ở huyện Trần Dương có một người nhà Mã Sinh, chỉ cần sờ nắn xương là biết được quan tộc đến đâu". Vi Tuân viết trong "Lưu tân khách gia thoại lục": "Cuối đời Trinh Nguyên Đức Tông, có người mù tự xưng là tướng cốt sơn nhân, ai muốn xem tướng, người đó chỉ dùng tay sờ nắn là biết được sang hay hèn". Những ghi chép như vậy đời Đường còn nhiều, sang đời Tống, trước khi lên ngôi, Tống Chân Tông đã mời người mù coi tướng cho Trương Kỳ, Hạ Thủ Bán, Dương Tông Huân v.v. bằng cách nắn xương và nghe giọng nói. Dưới đời Chính Thống vua Mạc Tông đời Minh cũng có tài liệu ghi chép về những người giỏi nắn xương. "Canh Ty thiên" viết: ở chùa Bán Đường thuộc Hồ Khâu có nhà sư mù cả hai mắt, giỏi nắn xương xem tướng, nói về số phận người rất trúng". Các tướng sĩ đời sau vì thế coi nắn xương là hạng mục quan trọng nhất của việc xem tướng.

Cái mà các sách tướng gọi là tướng xương bao gồm nội dung hai mặt, một là chủ chung hình tướng khung xương người ta. Vương Sung, Vương Phù chính là bàn về hình tướng khung xương này. Một nữa là hình tướng của xương, đối với tướng da, tướng thịt. Các nhà tướng thuật cho rằng, giữa xương với thịt thì xương là quân, thịt là thần, hình tướng khung xương giữ vai trò chủ đạo trong hình tướng toàn thân. "Chiếu đảm kinh - Cốt luận" viết: "Xương là gốc của tứ chi, phải nên trong tròn dài nhỏ, tương xứng với thịt bên ngoài. Nếu xương mà nặng nề thô trệ, da thịt lại dày, thì gần như là

đục. Nếu xương mà liền nhẹ nhỏ, da thịt lại mỏng, thì gần như là tắc (?).

Đại để phải cao thẳng, không ngang không lộ, tương ứng với thịt, đó là tướng tốt. "Thần tướng toàn thiên" có hai bài thì nói về quan hệ giữa xương với da: "Xương không lộ thì lại không lộ, còn phải tròn trong có tú khí. Xương là dương hể thịt là âm, âm không nhiều hể dương không bám. Nếu được âm dương xương thịt đều, trẻ không quý thì già hắc giàu". Lại nói: "Người sang xương cốt nhỏ tròn dài, ngoài xương không gân thịt lại thơm. Vua xương tồi thịt cùng ứng phụ, không hắc không ngồi ăn kho trời. Xương thô đầu được giàu cơm áo, ngồi vị cũng không chớ có cầu. Rỗng hỏ không nên khác hãm nhau. Gân vắn trên xương nghèo hèn lâu".

Các nhà xem tướng cho rằng, tướng xương là cách cục cả đời, giàu sang hay nghèo hèn, phúc lộc hay hung hoạ tất cả đều do tướng xương tốt hay xấu. Xương phải cao đẹp, không nên ngang, phải tròn mà không thô, người gầy không lộ xương. Xương thịt bám nhau sánh với nhau, không nên rời nhau và không cân đối. Xương ở dưới thịt, thịt bám vào xương, quan hệ như âm dương giao cảm, dương cương âm nhu, âm dương điều hoà, cương nhu dựa nhau, xương thịt tồn tại tự nhiên là tướng xương lý tưởng nhất. Do đó, thịt phải đầy đặn, không nên có thịt thừa thịt bườu, xương phải bền chắc, không nên hột. Thịt hơn xương là âm thắng dương, xương yếu hơn thịt là dương thắng âm. Tình hình âm dương trái nghịch nhau như vậy gọi là "tướng lệch về một phía", không lợi cho lộc mệnh. Viên Thiên Cương đời Đường cho rằng: "Sâm Văn Bản thịt không xứng với xương, không phải là triệu chứng sống lâu". Thịt không nên thừa, xương không nên thiếu, âm dương cân đối, cương nhu vừa phải, xương thịt tương xứng, đó là "lý tốt". Đốt xương như đá như vàng, phải cao đẹp mà không nên rộng, phải tròn mà không thô,

người gầy không nên ít thịt lộ xương, nếu không thì số mệnh nhiều trắc trở gian nan. Người béo cũng không nên thịt nặng ngập xương, nếu không thì số mệnh cũng trắc trở, thọ yếu khó lường. Tóm lại tướng xương không nên nhẹ, lộ, mỏng phải đầy tròn vừa phải.

Lẽ ra tướng xương phải bao gồm các bộ phận xương toàn thân, các nhà tướng thuật cũng chú ý đến xương một số bộ phận, như xem tướng tay phải xem xương tay, nói "bàn tay rất cần phải có xương, xương lộ thì lạnh, lạnh thì nghèo". Nhưng tướng xương nói đến trong tướng thuật chủ yếu là nói phần xương đầu có thể sờ nắm được, nhìn thấy được, tất cả hơn mười mẫu. Do đó, các nhà tướng thuật cho rằng "tướng xương của người ta không ngoài xương đầu trán, gò má. Đầu trán quan trọng nhất là xương sọ và xương gáy. Đầu có tượng trời, là thống lĩnh các bộ phận toàn thân, là thủ lĩnh của trăm xương. Đầu nên nghiêm đẹp, đầy đặn, hình tròn, không nên nhọn mỏng, thiếu lõm, nghiêng lệch, xương đầu phải đầy đặn tuấn tú, lồi dày vừa phải, dài vuông cân đối.

Xương đầu, quan trọng nhất, có quan hệ đến số mệnh nhất là "cửu cốt". "Nguyệt ba động trung ký - Thượng" viết: "Cửu cốt đều quý tướng. Cửu cốt gồm: Một là xương gò má (quyền cốt); hai là dịch mã cốt (phần từ gò má kéo dài đến mai), ba là tướng quân cốt (xương gò má đầy đặn ngang tai), bốn là nhật giác cốt (xương mày trái lồi lên, kéo dài đến chân tóc bên trái), năm là nguyệt giác cốt (xương mày phải lồi lên kéo dài đến chân tóc bên phải đối xứng với nhật giác cốt bên trái), sáu là long cung cốt (xương hốc mắt tròn nổi), bảy là phục tê cốt (xương sống mũi vươn thẳng lên đến đỉnh đầu), tám là cự ngao cốt (xương rãnh hai bên tai lồi lên), chín là long giác cốt (phía trên mày hơi cao lên như cái sừng, toả ngang ra hai bên đến chân tóc hoặc sau gáy).

Dưới đây là hình cừ cốt và quan hệ của chúng với lộc mệnh:

Quyển cốt: xương hai bên gò má, còn gọi "đông nhạc" "tây nhạc", "nhân phủ". Lưỡng quyền phải đối xứng vừa phải, không nên lồi cao mà cũng không nên thụt lõm. Nếu xương gò má thoai thoải vươn vào góc mai là tướng phú quý. "Thần tướng toàn thiên - Thập quan" nói: "Lưỡng quyền là nhân phủ, phải ngay ngắn đi vào tóc mai, không thô không lộ, đối xứng cân đối, nếu thô lộ cao thấp không đều là phủ bất thành, giữa đời trắc trở". Nói chung người ta cho rằng, xương gò má lồi, đầy đặn nhiều thịt là có thể gánh vác trách nhiệm nặng, có quan hệ với quyền thế.

Dịch mã cốt xương gò má vươn dài vào tóc mai, nổi lên như ngựa trạm, lại gọi là "Long linh cốt". Trương Hành Giản viết trong "Nhân luân đại thống phú": "Trước dịch mã sắc vàng bóng, đến tuổi trắn niên được thụ lộc ban". Tiết Diên Niên chú: "Dịch mã ở dưới mai, sau đuôi mày. Người nào dịch mã màu vàng đỏ thì khi trưởng thành sẽ được ơn ban tứ của vua". "Chiếu đảm kinh" nói: "Phàm gặp việc thiên di, trước hết nhìn dịch mã". Nói chung người ta cho rằng người có tướng xương này có thể phát triển ra bên ngoài để thành tựu sự nghiệp lớn.

Tướng quân cốt. Xương gò má đầy đặn ngang tóc, còn có tên là phượng vĩ cốt: Người có tướng xương này nên tòng quân, có thể làm đến chức quan võ quan trọng.

Nhật giác cốt, xương mày trái gồ lên kéo dài đến tóc mai bên trái, đối xứng với "nguyệt giác" ở bên phải. "Nguyệt ba động trung ký" viết: "Xương phía trên mày trái hơi lùm lên thì gọi là nhật giác cốt". Các nhà tướng thuật cho rằng, người có tướng nhật giác cốt, sẽ đại quý. Lưu Tuân viết trong "Biện mệnh luận": "Long tê nhật giác là tướng đế vương". Lý Thiệu chú dẫn "Tướng thư của Chu Kê

Bình": "Trán có long tê đi vào chân tóc, bên trái gọi là nhật giác, bên phải là nguyệt giác sẽ trị vì thiên hạ". Theo "Quang Vũ đế ký - trong Hậu Hán thư": "Vũ Đế cao 7 xích 3 thốn, mày râu đẹp, miệng rộng, mũi cao, nhật giác". Có thể thấy nhật giác cốt là tướng đế vương.

Nguyệt giác cốt xương mày phải gồ lên, kéo dài đến chân tóc, đối xứng với "nhật giác" ở bên trái. "Nguyệt ba động trung ký" viết: "... trường hợp xương mày phải lùm lên thì gọi là nguyệt giác cốt". Tướng mày là quý tướng. Tiết Đạo Hành viết trong "Lão thị bi": Châu hành nguyệt giác, biểu tướng của bậc đế vương "(châu hành là nói tướng mắt to, sáng đẹp - ND).

Các tướng sĩ cho rằng, người có nhật giác nguyệt giác cốt, sẽ thành đạt vói vọi trước tuổi ba mươi.

Long cung cốt. Xương hốc mắt tròn nổi. "Nguyệt ba động trung ký" viết: "... Người quanh mắt nổi tròn gọi là long cung cốt. Người có tướng này nếu thịt xương đầy đặn, ánh mắt như cháy, có thể xứng là anh hùng hào kiệt.

Phục tê cốt, xương sống mũi cao thẳng, vươn tới đỉnh đầu. Trương Hành Giản Viết trong "Nhân luân đại thống phú": "Tướng phục tê cốt là tướng công thần rường cột". Tiết Diên Niên chú: "Phục tê cốt khởi đầu từ ấn đường cho đến đỉnh đầu, xương nổi lùm lùm đi vào chân tóc, sáng bóng không gãy vỡ. Người có tướng đó phải có ngôi vị công khanh". Người ta còn cho rằng, phục tê cốt phối hợp với khí sắc, khí thể lông mày thì càng đẹp, có thể giàu sang suốt đời.

Trường hợp phục tê cốt đẹp nhất là "phục tê tháp não" tức là từ trên mũi, phục tê cốt nổi lên, cắm thẳng vào chân tóc. Các tướng sĩ

cho rằng đó là tướng đại quý. Hàn Dũ vốn là người thông hiểu tướng thuật trông thấy nhà sư Trùng Quán đến thăm, đã nhìn tướng mạo Trùng Quán mà than thở: "Có sư đến thăm gọi đến nơi, phục tề thấp não cao gò mà", một người có "quý tướng" như vậy tại sao không làm quan mà lại đi ở chùa? Điều này có lẽ chỉ có nhà sư biết.

Cự ngao cốt, xương hai bên tai nổi cao. "Nguyệt ba động trung ký" nói "... xương hai bên bờ tai cao gọi cự ngao cốt". Xương này nối với hõm nhĩ ở dưới, thông lên đến não đều nổi cao hình thành thế kim mã ngọc đường. Người ta nói người có tướng này có thể làm đến thượng thư.

Long giác cốt, xương trên mày, lồi lên như sừng toả ngang ra hai bên trái phải, đi vào chân tóc hoặc sau gáy. "Nguyệt ba động trung ký" viết: "... xương hai mày đi vào hai chân mày, nổi cao lên như sừng gọi là long giác cốt, cũng gọi phụ giác cốt". Đây cũng là tướng làm quan to.

"Cửu cốt" là quý tướng, trong lịch sử có nhiều truyền thuyết về tướng xương đẹp mà hiển quý. "Hậu Hán thư - Lương hoàng hậu ký" viết: "Năm thứ ba niên hiệu Vĩnh Kiến (hoàng hậu, cùng với cô được tuyển vào hậu cung, bảy giờ mới 13 tuổi. Thấy tướng Mao Thông trông thấy giật mình bái lạy chúc mừng: "Đây là tướng nhật giác yểm nguyệt tướng, cực quý, thần chưa từng được thấy bao giờ". Nhà thơ lớn đời Đường là Lý Bạch có nhật giác cốt. Ông làm thơ ngâm gió ngổi trăng nhưng đã có lúc muốn dự khoa minh kinh để đi làm quan. Đời Đường các văn nhân muốn qua thi phú để nổi tiếng, thi đỗ tiến sĩ, ít ai muốn dự khoa minh kinh. Vì vậy Lý Giáng nói với Lý Bạch: "(Ông có tướng) nhật giác chân đình, không phải là người tầm thường. Khoa minh kinh tầm thường, không hợp với ông".

Về "cửu cốt", các tướng sĩ giang hồ quan niệm hơi khác, tuy cũng nói là tướng quý ở xương đầu, nhưng tên gọi và bộ vị thì hơi khác:

1- Thiên đình cốt, ở giữa trán, tốt nhất là đầy đặn hơi lồi lên, kỵ lõm thịt đột ngột.

2- Ngọc chẩm cốt, ở phía trên gáy, càng nổi càng tốt.

3- Đầu đỉnh cốt, tức hộp sọ đỉnh đầu, tốt nhất là bằng phẳng ngay ngắn, không lồi không nhọn.

4- Nhĩ môn cốt, ở phần trước trán, chỗ tóc mai, cần nổi mà không lõm.

5- Thái dương cốt, ở phía trên đuôi mày, cần nhỏ mà nổi rõ, rất kỵ nghiêng gầy hoặc thịt lõm.

6- Mi bàn cốt (xương đế mày) quá nổi thì kiêu ngạo, thịt lõm thì gian tà tham lam, hơi lùm là tốt nhất.

7- Tỵ hương cốt (xương sống mũi) tốt nhất là nối liền với xương thiên đình (phần giữa đỉnh trán)

8- Quyền cốt (xương gò má) phải khỏe, có thể, kỵ quá cao, lệch.

9- Đỉnh cốt (xương thóp) phải bằng phẳng, đầy đặn, có thịt. Đỉnh cốt còn gọi là an ninh cốt.

Ngoài "cửu cốt" ra, về tướng xương đều còn nhiều ý kiến khác, tất cả đều cho rằng quý tướng phần lớn ở trên đầu. Do các chi phái khác nhau, nhiều khi cùng một vật mà mỗi phái gọi theo một cách khác, ví dụ phần xương nổi lên sau tai gọi là thọ tinh cốt, lại gọi là ngọc đường cốt, thọ đường cốt. Đương nhiên, trong thực tế thao tác các tướng sĩ khó mà sờ nắn kỹ toàn bộ xương đầu, cũng không cần thiết phải làm như thế mà chỉ quan sát mấy xương quan trọng nhất.

Trong xương đầu, quan trọng nhất là "cửu cốt", nhưng càng quan trọng hơn cả "cửu cốt" là xương gáy phần sau não. Các nhà xem tướng cho rằng, xương gáy (chằm cốt) phát triển thì phúc thọ phú quý: "Nguyệt ba động trung ký" viết: "Trước là trán, sau là não, trước là tinh đường, sau là ngọc chằm. Xương ngọc chằm có mười tám kiểu, đều là tướng giàu sang". "Thần tướng toàn thiên - Chẩn cốt bộ tướng" nói: "Trong tướng xương của người, tướng quý không ngoài xương đầu, cái quý lạ nhất trong đầu trán không gì ngoài xương gáy, có xương gáy như núi có ngọc, sông biển có châu, cả đời nhờ nó mà vinh hiển... Phần sau não gọi là tinh đài, nếu có xương gọi là xương gáy (chằm cốt), đây nổi thì phú quý, lõm thụt thì bán tiện". Có xương gáy không những "cả đời nhờ nó mà vinh hiển", thậm chí nó còn có thể quyết định tướng mệnh các bộ phận khác. Như Trương Nghiêm Phong đời Tống có "ngũ nhạc triều tông", tướng mặt rất tốt, nhưng sau não không có xương gáy, cho nên Trần Hy Di nói Trương Nghiêm Phong đáng lẽ thân quý tử vinh (bản thân có địa vị cao sang, con cái vinh hiển) nhưng vì trước sau không tương ứng, cho nên vẫn là phá tướng; còn nếu như tướng mặt không được đẹp lắm, nhưng có xương gáy đỡ cho thì vẫn không coi là tướng xấu.

Xương gáy không chỉ có 18 kiểu, có học giả nói là có 23 kiểu, "Thần tướng toàn thiên" lại nói có đến 35 kiểu, mà vị trí khác nhau, hình dáng khác nhau, mức độ phú quý cũng rất khác nhau. Dưới đây giới thiệu hình vẽ ngọc chằm của "thần tướng toàn thiên" để độc giả tham khảo:

HÌNH NGỌC CHẮM



* Ba xương tròn, gọi là tam tài chẩm, có thể làm đến tể tướng.



* Bốn góc mỗi góc nổi lên một xương, ở giữa cũng có một nổi cao, gọi là ngũ nhạc chẩm, có thể được phong hầu.



* Hai xương nổi lên hơi nhọn gọi là song long cốt, có thể được phong đại tướng quân.



* Bốn phía cao giữa lõm trung, gọi là xa trục chẩm, có thể được phong tước công hầu.



* Ba xương nổi lên, gọi là liên quang chẩm, xương nhỏ thì có thể có lộc hai nghìn thạch, nếu xương to thì có thể làm đến đại tướng, tể tướng.



* Một xương cong hình trăng lưỡi liềm giữa, gọi là yểm nguyệt chẩm, có thể làm chức khanh giám.



* Một xương cong úp, hình lưỡi liềm úp, gọi là phú nguyệt chẩm, có thể làm chức triều lang.



* Hai xương cong một úp một giữa đối nhau, gọi là tương bội chẩm, có thể nhậm chức quan văn, võ.



* Trên một xương, dưới hai xương xếp theo dạng chữ phẩm, gọi là tam tinh chẩm, có thể làm chức lương phó chí quân.



* Bốn phía có xương nổi lên, có góc gọi là phương chẩm, có thể hưởng lộc hai nghìn thạch hoặc chức quan dài phủ.



* Một xương nổi lên, tròn nhuận, gọi là viên nguyệt chẩm, có thể làm chức quan thanh nhân trong quán, điện.



* Một xương nổi lên, trên vuông dưới tròn, gọi là thủy lộ chẩm, có thể làm viên ngoại lang.



* Trên dưới tròn mà có cạnh như cái bốn, gọi là ngọc tôn chẩm, có thể làm đến khanh tướng, xương nhỏ thì cũng làm đến thứ sử.



* Hai xương cong tựa lưng vào nhau, gọi là bội nguyệt chằm, có thể hiển quý dài lâu.



* Đây là nhất tự chằm, người sẽ chân thành đáng tin tôn quý, tính tình cứng rắn mạnh mẽ.



* Đây là hồi hoàn chằm, còn gọi là suất phúc chằm, cha con đều hiển quý.



* Đây là tả trường chằm



đây là tả tât chằm,

Đây là liễu tât chằm,



sang vừa nhưng sống lâu.



* Đây là tam quan chằm, trong nhà có đến mấy người cùng phú quý.



* Đây là liên chằm, còn gọi liệt hoàn chằm, nối với ngọc đường cốt sau hai tai. Tướng này quý, thọ nhưng tính tình thất thường.



* Đây là kê tử chằm (kê đản chằm: gáy trứng gà). Tướng này tính tình nóng nảy, cương trực.



* Đây là sơn tự chằm, hoặc gọi là hoành sơn nhất tự chằm, tính chân thành đáng tin, hiển đạt, cương trực.



* Đây là huyền châm chằm. Tiểu quý.



* Đây là thủy châm chằm, lại gọi hữu ngọc chằm, tướng sống lâu.



* Đây là khuất tôn chằm, tướng gần hiển đạt, có lộc nhưng không có chức tước.



* Đây là thượng tự chằm, chí cao gan lớn, có thành có bại cuối cùng tiểu quý.



* Đây là yên cổ chằm, thành bại thay nhau, địa vị thấp mà không chắc chắn.



* Đây là đỉnh tự chằm, tướng tính tình khoan luận, gần tiểu quý.



* Ba xương nổi lên phía trên, một xương đỡ ngang phía dưới, cũng gọi sơn tự chằm, tướng thông minh phú quý, trường thọ.



* Một xương tròn, một xương vuông, gọi là điệp ngọc chằm, tướng giàu có mà vẻ vang.



* Một xương nổi lõi cao nhọn, đây gọi là tượng nha chằm, tướng có quyền phục binh tướng.



* Một xương nổi cao mà chia bốn góc, gọi là huyền châm chằm, tướng làm chức quan võ.



* Một xương mọc ngang, gọi là nhất dương chằm, tướng giàu to sống lâu.

Các tướng thuật gia cho rằng, chỉ cần có một trong những tướng xương gáy nói trên thì đã có thể cho là tướng tốt rồi, đương nhiên có càng nhiều thì càng tốt hơn, "Phàm là ngọc chằm chỉ cần có xương hơi nổi gồ lên thì đều đã có lộc thọ rồi". Xương gáy (chằm cốt) càng gần phía dưới thì càng dễ nhận ra, nếu cao hơn thì sẽ vuông, khó nhận biết. Dưới con mắt người đời nay khó có ai tin

rằng chỉ nhờ một cục xương gáy như vậy mà trở nên phú quý. Cái hoang đường, thần bí của tướng thuật là ở chỗ này.

Cùng là tướng xương còn có tướng đầu

Các tướng thuật gia cho rằng, đầu là tôn quý nhất trong toàn thân, là thủ lĩnh của trăm xương, là chỗ hội tập của quần dương, là chính tông của ngũ hành. "Nguyệt ba động trung ký" viết: "Muốn xem tướng người, trước hết xem tướng đầu. Đầu là chủ của ngũ tạng, là tông của bách thể, tứ duy bát phương đều phải ngay ngắn... Đầu không có xương lạ thì khó mà coi là quý tướng". Đầu chiếm chỗ cao nhất lại tròn, là hình trời, phải là cao lớn đẹp đẽ, đầy đặn, cái đức tượng trưng cho trời phải là nghiêm chính ở trên, không lệch không lay, "cao mà tròn, chứa cái hư không mà lớn, đó là dẫn đầu". Một cái hộp sọ có hình tướng như vậy là tướng phú quý. Nhọn, mỏng mà bé, có chỗ lõm thụt mà nghiêng lệch không ngay ngắn, đó tướng nghèo hèn. Xương đầu tốt nhất là đầy đặn, tuần tú, thẳng đứng, vuông vắn, không lồi ngấn, nhọn dài. Đỉnh đầu thẳng vút lên là quý, lệch lõm nghiêng lệch là yếu, là tiện; da đầu dày, xanh thì cơ áo đủ, tốt lành. Da đầu mỏng, trắng thì bản tiện khổ sở. Da đầu màu đỏ thì hoang tán. Da đầu đầy đặn dư thừa thì của cải nhiều. Đầu có bướu thịt (như sừng) là tướng giàu sang. Đầu lệch về bên trái thì hại cha, lệch về bên phải thì hại mẹ. Khi đi đứng mà đầu lắc, khi ngồi thì đầu gục xuống là tướng bản tiện. Đầu và thân phải cân đối, thân nhỏ đầu to, thân to đầu nhỏ đều là tướng xấu.

Theo hình tướng ngũ hành, hình tướng đầu được chia thành mấy loại:

"Ngưu đầu tứ phương" hoặc còn gọi "ngưu đầu bát phương": trán rộng, xương đỉnh phẳng, các góc sụn lâm nhật nguyệt nổi lên ở hai bên tả hữu. "Tứ phương", "bát phương" là tả các loại xương trán

nhô cao, đẩy lên, có thể đạt bốn phương hay tám phương. Phương đây là phương hướng đông, tây, nam, bắc, đông nam, đông bắc, tây nam, tây bắc. Đây là tướng giàu có sang trọng, có thể thành người có công danh sự nghiệp lớn.

Hổ đầu: Minh to đầu tròn, như đầu hổ, cung quan lộc ở chính giữa trán cũng có xương lồi lên theo chiều dọc, mắt và mũi đều rất to, mắt rất có uy. Người có tướng đầu hổ có thể có địa vị rất cao trong giới quân sự, chính trị. Tục ngữ nói: "Hổ đầu cao khởi phúc lộc vô tỉ" (đầu hổ ngẩng cao, phúc lộc không ai sánh kịp), "đầu hổ, hàm én, nam nhi rõ tài khanh tướng". Tướng hàm én là nói cằm hai ngấn và quai hàm đầy đặn, mặt vuông hình chim én bay. Người ta nói, Ban Siêu đầu bút tòng nhung (vút bút theo nghề binh) có tướng như vậy, cho nên đã nhiều lần lập công lớn, được phong Định viễn hầu.

Cầu đầu: đầu tròn nhọn, tướng vô dụng. "Thái thanh thân giám" viết: "Đầu chó nhọn tròn, tuôn nước mắt buồn".

Long đầu long não: Đầu to xương nổi lên là long đầu, sừng nổi cao mà rõ, nối liền với đỉnh bách hội, có người xương ngọc chằm sau não nổi lên như chuỗi hạt châu, đầy đặn đẹp đẽ. Đó là long não. Long đầu long não là đầu và não đặc biệt phát triển. Đó là tướng đặc biệt thông minh, có thể làm nên sự nghiệp lớn, có địa vị cao, được người ta ngưỡng vọng.

Lộc đầu (đầu hươu), dài, bé, đẹp. Tướng ý chí mạnh mẽ, cứng rắn, kiên nghị, không lay chuyển được.

Lại đầu (đầu cái), đầu rộng chiều ngang, lòng dạ rộng rãi, sống lâu.

Tượng đầu (đầu voi), cao dày, có thể mạnh mẽ, tướng phúc lộc, trường thọ.

Tê ngư đầu (đầu tê), cao ngất ngểu, uy phong, không mất giàu sang.

Xà đầu (đầu rắn) đầu dẹt mỏng, tướng tài lộc mỏng manh.

Khác đầu (đầu chôn), nhỏ, tướng bản cùng, lắm nạn.

Đặc trưng nổi bật nhất của tướng đầu là tóc. Theo các nhà tướng thuật, tướng tóc cũng rất quan trọng. Đầu tóc là biểu hiện bên ngoài của khí huyết, có quan hệ rất lớn đối với số phận sang hèn, giàu nghèo tốt xấu, lành dữ của người. "Tóc dày là khí huyết đầy đủ, tóc thưa là khí huyết yếu, tóc nhuận là khí huyết vượng, tóc khô là khí huyết yếu". "Đầu tóc mịn dày thơm là tướng giàu sang, phúc thọ. Đầu tóc thô cứng dài bản là tướng nghèo hèn, chết non." "Thần tướng toàn thiên tam luận phát" viết: "Tóc tốt nhất là dày mà nhỏ, ngắn mà nhuận, đen mà bóng, đẹp mà thơm. Nếu tóc vàng lấm ngang trái trắc trở, tóc đỏ lấm tai hoạ, tóc thô cứng mà xơ tính nóng nảy cô độc, tóc dày mà hơi thổi là tướng trắc trở bất tiện, tóc rối như cỏ bông tính sảo quyết mà nghèo khổ, chân tóc thấp là bất tiện, chân tóc cao tính ôn hoà, tóc gáy cao tính ác độc. Vì vậy, hai bên tai mà không có tóc thì tính tàn nhẫn độc ác, tóc mọc lan đến mày, mọc nhiều ở trán thì gặp nhiều tai ách. Tóc mai thưa, thô, cứng không có đủ, tóc mai khô xơ, lo buồn đến già". "Đầu nhỏ tóc dài đầu vết tan, tóc dài đầu hẹp mệnh không trường. Tóc mọc đến tai thì chết đói, tóc cuộn xoay ốc hẳn đau thương. Người tóc bạc sớm thì hung, tóc bạc đen thì cát". "Xưa nay chưa có tể tướng tóc dày, cũng chưa có người tài giỏi đầu hói". Có một số thầy tướng giang hồ còn nói: "Phụ nữ tóc dài hơn người đều nghèo hèn, cuộc đời rủi ro, nam giới tóc dài thì suốt đời vất vả, không có cuộc sống tốt đẹp, người đầu bù tóc rối thì ngu muội ngoan cố. Người tóc thưa dễ tìm chức tước, kẻ tóc dày hay gây sự, bận vì kiện tụng, người có tóc đỏ không có binh quyền mà lại dễ mắc bệnh hầu, bệnh nổi ban, người

đầu tóc rối hay飄落 không được ở yên một chỗ". Tóm lại các nhà xem tướng không bỏ qua mái tóc mà cho rằng có liên quan đến số phận người.

Xương với thịt liên quan với nhau, là biểu lý của nhau. Do đó các nhà xem tướng khi nói đến xương là cũng nói đến thịt. Các nhà xem tướng cho rằng xương thịt liên quan đến sức khoẻ và tính cách. Cơ bắp và gân cốt phối hợp cân đối cũng như âm với dương, nhu với cương. Cơ bắp cần rắn chắc, thơm ấm, da mịn trơn, màu da trắng nhuận là tốt nhất, nếu da thô cứng và đàn hồi kém, màu xám và khô, da đen mà hôi, hoặc thịt mỏng mà sắc non thì đều không tốt lắm. Lại còn nếu mặt đầy những thớ thịt ngang thì tính tình hằn hung bạo. Nếu mặt gầy thì số phận cũng trắc trở, người gầy không nên gầy đến mức lộ xương, đó là tướng ít phúc nhiều hoạ. Người béo không nên béo đến mức không thấy rõ được xương. Người béo quá cũng là tướng vận số trì trệ. Còn nếu thân khí không được sáng sủa, lộ hết gân hết xương, thân không có thịt, da không có màu thịt thì chỉ e rằng sức khoẻ không tốt. "Thái thanh thân giám" viết: "Thịt phải dai và chắc, xương phải thẳng mà nhô lên. Thịt không muốn ở trong xương (?) là âm bất túc, xương không muốn ở ngoài thịt (?) là dương hữu dư. Vì thế người béo thì hơi ngắn, ngựa béo thì hay thở dốc, đó là vì thịt không cần nhiều, xương không thể thiếu. Âm dương cân bằng, cương nhu vừa độ, xương thịt tương xứng là tốt hơn cả. Do đó béo lên nhanh mà hay thở dốc, đó là triệu chứng chống chết. Thịt không nên mọc ngang, ngang thì tính cương mà đa sát, thịt không nên nhão, nhão thì tính nhu mà đa trệ. Khắp mình có lông thì tính cương mà hay nóng. Béo không có nếp nhăn, đó là dấu hiệu gần chết. Thịt cần thơm mà ấm, sắc cần trắng mà nhuận, da cần mịn mà trơn, đó đều là tướng đẹp". "Thần tướng toàn thiên" có bài thơ bàn về thịt: "Xương thịt mịn màng lại bóng trơn, da hồng trắng bóng số giàu

sang. Sờ vào mềm mại mà lại ấm, cả đời rút cục ít tai ương. Thịt căng da ráp là tối kỵ, căng như mặt trống mệnh không trường. Đen nhiều đỏ ít nhiều trắc trở, toàn thân da bóng tính quá cương".

Phải nói rằng, tướng thuật đòi hỏi xương thịt tương xứng, không quá béo, không quá gầy, nếu không nói tướng số hoang đường thì đòi hỏi đó là phù hợp với y lý đông y và thuật dưỡng sinh. Hiện nay, đời sống được nâng cao, đang có xu thế phổ biến là người ta béo lên. Một số trẻ em cũng quá béo, do đó cử động chậm chạp, nặng nề. Thịt đang lấn xương, âm đang thắng dương, như vậy là không tốt. Những người quá béo biết được tướng lý về quan hệ giữa thịt và xương có lẽ là có ích.

Tướng xương vốn là một vẻ đối với vẻ kia là tướng mặt, một bộ phận quan trọng trong hệ thống tướng thuật. Các nhà xem tướng nói chung không chỉ nói về tướng xương. Trong thời kỳ "ngũ tứ" có người tách tướng xương ra thành một hệ thống riêng, xây dựng lên cái gọi là "cốt tướng học", cho rằng qua quan sát hình dạng và tình trạng của xương đầu mà dự đoán về bẩm tính tài trí, tính cách, từ đó dự báo tiền đồ, số mệnh người. Về mặt này, có ảnh hưởng hơn cả là bộ sách "Tướng cốt học" của Phụng Bình Sinh. Sách này vận dụng nguyên lý cốt tướng, kết hợp với các khoa học tâm lý, sinh lý hiện đại để đi đến những phát minh nào đó. Tác giả viết: "Cốt tướng học là khoa học về xương đầu người. Quan sát hình trạng xương đầu để tìm hiểu tính chất của người, đó là điều thuần túy dựa vào khoa học, ai cũng có thể hiểu được, không có gì là không thể tưởng tượng được. Tóm lại là, não tuỷ ở trong hộp sọ, là thủ phủ của tinh thần. Dung tích hộp sọ lớn nhỏ, ít nhiều là có quan hệ với tài trí năng lực và tính cách của người. Đó là điều đã được khoa học chứng minh. Mà não tuỷ nhiều ít là tỷ lệ với hộp sọ, trí năng hơn người thì hộp sọ phải to hơn, trái lại thì nhỏ hơn. Đó là điều ai cũng biết. Còn xương hộp sọ

có hình dáng trạng thái thế nào là thuộc về loại tài năng gì, đó là phạm vi của cốt tướng học. Theo các khoa tâm lý học, sinh lý học đây là chân lý xác thực, có thể kết hợp với các khoa học khác mà ứng dụng rộng rãi vào mọi mặt của nhân sinh". Vì sách này dựa vào những kiến thức khoa học hiện đại, cho nên nhiều luận điểm của nó vẫn có giá trị tham khảo lớn, nó có thể giúp chúng ta từ cốt tướng truyền thống mà bước sang một lĩnh vực mới.

4 - TƯỚNG MẶT

Tướng mặt theo tướng thuật truyền thống bao gồm hai nội dung, một là chỉ việc quan sát mặt người mà dự đoán số mệnh, một nữa là quan sát hình tướng các bộ phận nhân thể, kể cả bộ mặt. Tướng mặt chúng ta nói ở đây là quan sát bộ mặt người để dự báo tương lai.

Bộ mặt người ta thể hiện đầy đủ dung mạo và nghi biểu của một người, cũng là biểu hiện bên ngoài của hình trạng sức khoẻ và thể giới nội tâm. Vì vậy, xưa nay người ta rất coi trọng tướng mặt. Các nhà tướng thuật càng coi trọng giá trị tướng thuật của bộ mặt. Theo các nhà tướng thuật, tướng mặt có thể nói là nguồn của tướng thuật. Người thời Xuân Thu nói: "coi tướng" chủ yếu là xem tướng mặt. "Tả truyện - Văn công năm dậu" đã chép rằng tướng sĩ Thúc Bộc nói với Công Tôn Ngao rằng, ông Cốc cầm nỏ, nhất định là rất có hậu cho nước Lỗ. Vì vậy có những nhà tướng thuật coi tướng thuật chỉ là tướng mặt.

Các nhà tướng thuật cho rằng mặt là đại biểu của tất cả các bộ phận cơ thể người, là hình thức bên ngoài của nội tạng người, trên bộ mặt, tam tài thành tượng, nó quyết định cát hung hoạ phúc cả một đời người. Vì vậy, trên mặt ngũ nhạc tứ độc phải hướng vào nhau, tam đình phải đầy đặn, dung mạo phải đoan trang, thần khí phải hoà bình. Đây là cái nền của phú quý, không thể coi nhẹ. Nếu

trên mặt các phần của ngũ quan nghiêng lệch, khuyết lõm, dung mạo xấu xí, khí tối sắc mờ thì đó là tướng bất tiện. Sắc mặt phải tươi nhuận trong sáng như ngọc, phải đen như sơn mà toả sáng, phải sáng vàng như hạt dẻ hấp chín, phải đỏ thắm như hạt điều. Đó là tướng tốt lành. Trái lại, sắc mặt đỏ rực như lửa thì hẳn là chết non chết yếu, mặt tối sẫm như đất bụi thì hẳn nghèo hèn tổn thọ. Sắc mặt tái xanh khi giận là tướng hiểm độc. Mặt mà thịt bấp nổi như nắm tay, nam hẳn khắc con mà nghèo khổ, nữ hẳn khắc chồng mà hèn mọn. Bộ mặt như trăng rằm, thanh tú mà có thần là mặt sáng mai, trai thì công hầu khanh tướng, gái hẳn hậu phi, phu nhân. Da mặt dày là tướng chậm chạp thuận lương, rất giàu có. Da mặt mỏng là tướng tính tình nhạy cảm, cả đời bôn hàn khốn khó. Người béo mà mặt gầy tính tình chậm chạp, sống lâu. Người gầy mà mặt béo, tính nóng nảy chết non. Mặt trắng mà người đen tính tình thay đổi thất thường, khốn khó suốt đời. Mặt đen mà người trắng, tính tình ít thay đổi, giàu sang suốt đời. Mặt như dưa vàng, vinh hoa phú quý, mặt như bí xanh, hiền triết thông minh.

"Thần tướng toàn thiên" đã phân loại tướng mặt như sau:

"Mặt cần dài mà vuông, nếu nhọn trên nhọn dưới như hạt táo là tướng bất tiện. Mặt có lục phủ: xương đầu là hai phủ trên, xương gò má là hai phủ giữa, quai hàm là hai phủ dưới. Trên nhọn thì bất lợi, dưới nhọn hẹp là hèn mạt. Xương gò má có vằn thọt đi vào tai, nếu lại cả đi vào mai là tướng hiển quý, cao mà hẹp là tướng cô độc. Xương cằm nở rộng là tướng giàu, nhọn là tướng cùng khổ. Xương quai hàm rộng, từ phía sau tai nhìn thấy được là tướng tâm độc. Mặt có tam đình: từ chân tóc đến mày là thượng đình, từ mi đến đầu mũi là trung đình, từ mũi đến cằm là hạ đình. Thượng đình dài là tướng cao sang, trung đình dài là tướng không có trung chủ, hạ đình dài thì hậu vận kém. Mặt có lục diệu ngũ tinh: đầu là hoả tinh, mũi là

thổ tinh, mày trái là la hâu, mày phải là kế đô, miệng là thủy tinh, mắt trái là thái dương, mắt phải là thái âm, tai trái là kim tinh, tai phải là mộc tinh, giữa hai mày là tử khí, sơn căn là nguyệt bội".

Qua đoạn văn trên, có thể thấy các nhà tướng thuật đã lao tâm khổ tứ trong việc phân chia khu vực trên mặt. Không phải trước hết họ chú ý đến ngũ quan với hình thể rõ ràng dễ thấy mà trước hết là phân chia mặt thành nhiều phần, sau đó bàn về sự tốt xấu của các phần các điểm, nhằm về cơ bản nắm được đặc trưng tổng quát về bộ mặt, rồi đi vào quan sát vi mô để tránh nông cạn, phiến diện.

Nội dung cụ thể của việc khảo sát tướng mặt nên đi theo con đường mà các tướng thuật gia đã vạch ra để đi sâu tìm hiểu cho đến khi tìm được ý nghĩa chân chính của nó, tức là trước hết phân tích bộ mặt theo cách làm của các nhà tướng thuật và tính chất tốt xấu của các bộ phận đó, sau đó quan sát kỹ ngũ quan và ý nghĩa tốt xấu của chúng.

Bộ mặt phân chia khu vực hoặc hợp thành loại là căn cứ vào đặc trưng kết cấu, đặc trưng khí quan và cách cục mệnh lộc. Các phái tướng thuật có nhiều thuyết về phân loại, dưới đây khái quát mấy loại:

Thuyết ngũ tinh, lục diệu, ngũ nhạc, tứ độc.

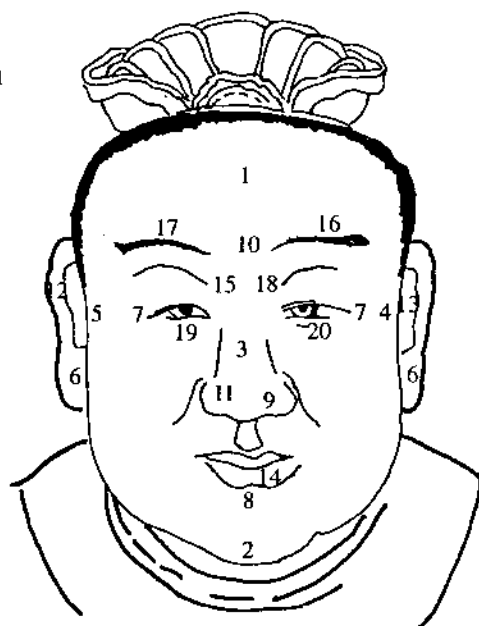
Ngũ tinh là: hỏa tinh, thổ tinh, mộc tinh, kim tinh, thủy tinh lần lượt chỉ trán, mũi, tai phải, tai trái, miệng.

Lục diệu là: tử khí, la hâu, kế đô, nguyệt bội, thái âm, thái dương lần lượt chỉ ấn đường, mày trái, mày phải, sơn căn, mắt phải, mắt trái.

Ngũ nhạc là: Hành sơn, Hằng sơn, Tung sơn, Thái sơn, Hoa sơn, lần lượt chỉ trán, cằm, mũi, gò má trái, gò má phải.

Tứ độc là Giang, Hà, Hoài, Tế chỉ tai, mắt, mồm, mũi.

1. Nam nhạc Hành sơn
2. Bắc nhạc Hằng sơn
3. Trung nhạc Tung sơn
4. Đông nhạc Thái sơn
5. Tây nhạc Hoa sơn
6. Giang
7. Hà
8. Hoài
9. Tế
10. Hoả tinh
11. Thổ tinh
12. Mộc tinh
13. Kim tinh
14. Thuỷ tinh
15. Tử khí
16. La hầu
17. Kế đô
18. Nguyệt bội
19. Thái âm
20. Thái dương



Sơ đồ ngũ tinh, lục diệu, ngũ nhạc, tứ độc

(Trích từ "Thần tướng toàn thiên")

Trán là hoả tinh, hoả tinh phải vuông, vuông thì có ấn vàng (ở phương nam); Mũi là thổ tinh, thổ thì phải dày, dày thì trường thọ (ở giữa); Miệng là thuỷ tinh, thuỷ phải đỏ, đỏ thì làm tam công (ở phương Bắc); Tai phải là kim tinh, kim tinh phải trắng, chức quan rất cuộc không thể không được (thuộc phương tây); Tai trái là mộc tinh, mộc tinh thì phải châu, ngũ phúc đều nhiều

(thuộc phương đông). Ngũ tinh phải phân minh, ngũ tinh cùng chiếu (chiếu vào nhau), nếu ngũ tinh phân minh mà cùng chiếu thì dù lúc đầu địa vị thấp nhưng về sau ắt cao sang, còn nếu ngũ tinh phân minh mà gò bó thì dù lúc đầu cao sang, về sau cũng nghèo hèn. "Thần tướng toàn thiên nhị" viết: "Kim mộc tinh là tai, quý nhất phải có vành có khuôn rõ ràng, màu sắc của nó đỏ trắng không đều, phải rộng, như miệng dấu, ngay ngắn không lặn không nhọn, không bé, nói chung phải cao hơn mắt mày, màu trắng như bạc thì rất tốt, người có tướng ấy thì kim tinh, mộc tinh chiếu mệnh, nhất định phát lộc sớm. Lặn, lệch, vành hẹp dù to hay nhỏ thì cũng là hãm hai sao kim mộc, người có tướng đó thì hao tổn ruộng đất nhà cửa, phá tán của cải, vô học. Thổ tinh là miệng, có tên là nội học đường, môi phải đỏ, rộng nhân trung sâu, răng miệng ngay ngắn, có đường nét đẹp đẽ, thì sẽ làm quan ăn lộc. Nếu môi răng không ngay ngắn, góc trong có màu vàng thì nghèo hèn. Hoả tinh là trán, nếu trán rộng, chân tóc sâu, người có tướng đó có lộc vị y thực, con bốn năm người, bản thân có tài năng, học thức, bố mẹ cao sang, được hoả tinh chiếu mệnh, có ruộng đất nhà cửa, thọ 99 tuổi. Nếu nhọn xấu, nhiều nếp nhăn tức là hoả tinh bị hãm, không được cao sang, con chỉ một hai người, đến già không được nhờ cậy, cơm áo bình thường, lại không được anh em giúp đỡ, ba phương vô chủ, hại của chết vợ. Thổ tinh là mũi, đầu mũi phải đầy đặn, không lộ hai lỗ, sống đến thượng thọ, sống mũi đầy thẳng, đầu mũi không lệch, thì tức là thổ tinh không bị hãm, có phúc lộc thọ. Nếu trung nhạc thổ tinh không ngay, đầu mũi nhọn lộ lỗ, đầu mũi cao tức là trung nhạc thổ tinh bị hãm, sẽ nghèo hèn, ít sản nghiệp, tâm tính không thẳng thắn".

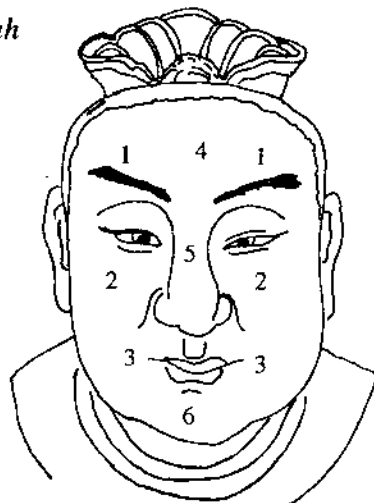
Mắt trái là thái dương, mắt phải là thái âm. Mắt phải sáng, đồng tử phải đen. Điều này có quan hệ đến lộc vị. Nếu mí mắt đen thâm, e bản thân ốm yếu, bệnh tật. Sơn căn là nguyệt bội, phải phẳng thẳng và đầy đặn, không nên có nếp nhăn hoặc nốt ruồi xung phá. Mày trái là la hầu, mày phải là kế đô, lông mày phải dài, phải bằng nhau, hai mày không nên quá gần nhau, nếu không thì bị ức hiếp, tổn hại tình cảm, lục thân cũng bị liên lụy, khí sắc kỳ hờn ám, càng kỳ nhầy bóng như bôi mỡ, để tránh bất hạnh. Ấn đường là tử khí, phải bằng phẳng đầy đặn, tròn ngay sáng sủa, tượng trưng cho cá tính rộng mở, lạc quan tiền đồ rộng lớn. "Thần tướng toàn thiên" viết: "Thái dương thái âm là mắt phải đen trắng phân minh, dài nhỏ, song song đi vào mai tóc, người lông đen nhiều, lông trắng ít sáng sủa thì được hai sao âm dương chiếu mệnh, làm gì cũng thuận lợi, cốt nhục đều cao sang. Nếu lông trắng nhiều lông đen ít màu vàng đỏ là hai sao âm dương bị hãm, tổn bố mẹ, hại vợ con, nhà tan đất mất, lâm tai họa và chết trẻ. Nguyệt bội tinh là sơn căn, từ ấn đường trở xuống bị chia phá thì là tướng bị nguyệt bội chiếu mệnh, sơn căn bị hãm, con cháu không may, nhiều tai ách, tu không thành, học không đỗ, tan sản nghiệp, hại con cái. La hầu kế đô là mày, nếu hai sao này thô đen, qua mắt mà vào tóc mai thì đó là tướng có lộc cơm áo, con cái bố mẹ đều có địa vị, thân quyến cũng sang. Đó là nhờ hai sao chiếu mệnh. Nếu mày nổi liền với nhau, màu đỏ mà ngắn thì đó là tướng con cái, cốt nhục có người chết bất đắc kỳ tử. Sao tử khí là ấn đường phải phân minh, không có nếp thũng, tròn như hạt châu, đỏ là tướng cao sang, nếu màu trắng như bạc thì giàu sang lớn, trường hợp màu vàng thì có đủ áo cơm. Nếu hẹp mà không đều, có nếp nhăn mờ là không tốt, con cái hai ba người không được nhờ, không có lộc hậu, tổn hại nhà cửa ruộng đất".

Trong ngũ nhạc thì trung nhạc phải nổi cao, đông nhạc phải vươn thẳng mà châu ứng, không dấy, không cao thì không có khí thế, là kẻ tiểu nhân nghèo hèn, cũng không được sống lâu. Trung nhạc lệch mỏng, không có thế thì tứ nhạc không có trung tâm, nếu có tướng tốt khác thì cũng không thể giàu sang lớn, càng không thể có quyền thế uy nghiêm, không sống lâu được, nhiều nhất cũng chỉ đến trung thọ, nam nhạc nghiêng lệch thì gia tài phá tán, bắc nhạc nhọn lép thì sự nghiệp bất thành, trước sau không thể có địa vị cao sang. Đông tây nhạc nghiêng lệch thì không có uy thế, hơn nữa tâm tính độc ác, bất nhân. Do đó ngũ nhạc phải châu vào nhau thì mới tốt.

Tứ độc phải sâu dài, bờ phải đầy đủ, không khuyết hãm, có thế thì mới có tài trí hơn người, của cải được tích tụ nhiều lên. Nói cụ thể, tai là Giang độc (Trường giang) lỗ tai phải sâu rộng. Đó là tướng thông minh, giữ được nghiệp nhà. Mắt là Hà độc (Hoàng hà) phải to, phải sâu, phải sáng. Đó là tướng thông minh, sống lâu. Nếu nông, nhỏ tối thì cả đời lận đận, chết yếu. Mắt không to cũng không nhỏ thì cũng hiển quý. Miệng là Hoài độc (sông Hoài) phải to vuông vắn, môi lợi phải che chở nhau, không được một dày một mỏng, nếu không thì chết non, không có phúc cuối đời, gia nghiệp vỡ tan. Mũi là Tể độc (sông Tể) phải đầy đặn tròn sáng, không vỡ không lộ. Được thế thì giàu.

Thuyết lục phủ, tam tài, tam đình

1. Thiên thương: thượng phủ
2. Quyền cốt: trung phủ
3. Di cốt: hạ phủ
4. Thiên :thượng đình
5. Nhân :trung đình
6. Địa: hạ đình

*Hình lục phủ tam tài, tam đình**(Trích "Thần tướng toàn thiên")*

Lục phủ bao gồm hai xương hàm, hai xương má. Vị trí cụ thể là: hai phủ trên từ góc hàm tới thiên thương, hai phủ giữa từ mệnh môn đến huyệt nhĩ, hai phủ dưới từ xương vai đến địa các. Lục phủ vốn có nghĩa là thủy, hỏa, kim, mộc, thổ, cốc, là kho tích tụ của cải. Người xưa coi lục phủ là căn bản để sinh tồn. Các nhà tướng thuật cho rằng, có thể nhìn thấy được lục phủ mà người ta dựa vào đó để sinh tồn có đầy hay không qua tướng mặt. Bộ vị của lục phủ phải đầy phải giàu phải cao: "Lục phủ cao, khỏe, cả đời no đủ". "Thần tướng toàn thiên" nói: "Lục phủ đầy thẳng, không có dấu vết khuyết lõm thì tài vượng. Thiên thương cao nổi nhiều tài lộc, đại các vương đều muôn mẫu ruộng, khuyết lõm không hợp". Người mà lục phủ đều lép là người tài trí non thấp, không thể có phúc lộc. "Nhân luân đại thống phú" của Trương Hành Giản viết: "Lục phủ mong sao chặt mà đầy". Tiết Diên Niên chú: "Cần đầy mà chặt, không vụn vặt cô lộ".

Tam tài là thiên, nhân địa. Trời, đất, người liên quan chặt chẽ với nhau, phải phù hợp hài hoà nhau. Đây là một quan niệm cơ bản về thế giới của người xưa. Quan niệm đó vận dụng vào tướng thuật để hình tượng hoá đặc trưng bộ mặt: trán ví với trời, tròn, rộng là quý; mũi ví với người, ngay ngắn đều đặn thì thọ; cằm ví với đất, vuông rộng thì giàu. Tam đình là ba phần trên, giữa, dưới của mặt, từ chân tóc đến hai mày là thượng đình, từ mày đến mũi là trung đình, từ nhân trung đến cằm là hạ đình. Trên thực tế, vị trí của tam đình là gần với tam tài, thượng đình tượng trưng cho trời, trung đình tượng trưng cho người, hạ đình tượng trưng cho đất. Các nhà xem tướng cho rằng, thượng đình dài mà đầy đặn, vuông mà rộng là tướng cao sang, trung bình đầy, thẳng, đẹp là tướng sống lâu, hạ đình ngay ngắn vuông vắn đầy đặn, dày, tròn, nhuận là tướng giàu có. Nếu thượng đình hẹp nhọn, không đầy đặn là tướng gặp nhiều tai ách trong đời, vất vả long đong, nghèo hèn đau khổ. Trung đình ngắn, nhỏ, lệch, bẹt là tướng bất nhân bất nghĩa, nghèo hiểu biết, vào tuổi trung niên thì lụi bại. Hạ đình dài hẹp, nhọn mỏng thì nghèo đói và chết sớm. Tam đình đều nhau là tướng tốt nhất, tam đình không đều là tướng cô đơn, nghèo khổ, hèn mọn. "Tam đình" còn được gọi là "tam chủ", thượng đình là sơ chủ, chỉ số phận hồi nhỏ; trung đình là trung chủ chỉ số phận tuổi trung niên; hạ đình là mạt chủ, chỉ số phận cuối đời.

Thuyết mười ba bộ vị:

Mười ba bộ vị tướng mặt là mười ba phần trên một người tính từ chân tóc giữa trán đến cằm. Trán gồm bốn bộ vị: "thiên trung", "Thiên đình", "tư không", "trung chính", hợp thành "cung quan lộc". Phần giữa hai mày là "án đường", phần giữa hai mắt là "sơn căn". Sống mũi chia thành "niên thượng", "thọ thượng", đầu mũi gọi là "chuẩn đầu", dưới mũi là "nhân trung", miệng là "thủy tinh"

dưới môi "là thừa tương", và cằm là "địa các". Mười ba bộ vị là bộ vị cơ bản của tướng mặt, tính theo một đường thẳng từ chân tóc giữa trán đến cằm. Có lẽ các nhà xem tướng cho rằng tướng mười ba bộ vị này chưa đủ nói lên cái chặt chẽ, cái thần bí của thuật tướng mặt, cho nên đã để cho mười ba bộ vị này thống lĩnh hơn một trăm bộ vị theo hướng ngang, thật là rối cả mắt, loạn cả trí. Xin liệt kê hơn một trăm bộ vị đó để tham khảo (do 13 bộ vị thống lĩnh, tính từ trái sang phải):

Thiên Trung: Thiên nhạc, tả sương, nội phủ, cao quảng, xích dương, vũ khí, quân môn, phụ giác, biên địa.

Thiên đình: Nhật giác, long quán, thiên phủ, phòng tâm, thượng mộ, tứ sát, thành đường, dịch mã, điều đình.

Tư không: Ngạch giác, thượng khanh, thiếu phủ, giao hữu, đạo trung, giao ngạch, trùng mi, sơn lâm, thành hiền.

Trung chính: Long giác, hổ giác, ngư giác, phụ cốt, nguyên giác, phủ kích, hoa cái, phú đường, thái hà, giao ngoại.

Ấn đường: Giao toả, tâm thất, lâm trung, tửu tôn, tinh xá, tấn môn, kiếp lộ, thượng lộ, thanh lộ.

Son căn: Thái dương, trung dương, thiếu dương, ngoại dương, kê vĩ, gian môn, thần quang, thiên xương, thiên tính, thiên môn, huyền vũ.

Niên thượng: Phu toà, trường nam, trung nam, thiếu nam, kim quý, cấm phòng, đạo tặc, du quân, thư thượng, ngọc đường.

Thọ Thượng: Giáng quĩ, qui lai, đường thượng, cô di, tị muội, huỳnh đệ, ngoại sinh, mệnh môn, học đường.

Chuẩn đầu: Táo thượng, cung thất, khúc ngư, viên thương, hậu các, thủ môn, bình tốt, ấn thụ, đình uý, lan đài.

Nhân trung: tinh bộ, tướng hạ, tế trù, nội các, tiểu lại, kỹ đường, bác sĩ.

Thủy tinh: các môn (bắc lân), khách xá (binh giản), thương lữ, sơn đầu.

Thừa tướng: tổ trạch (lâm uyển), hạ mộ (tràng điền), tửu trì, giao quách.

Địa các: Hạ trạch (nô tỳ), dung ma, khanh khiển, bi trì, nga áp.

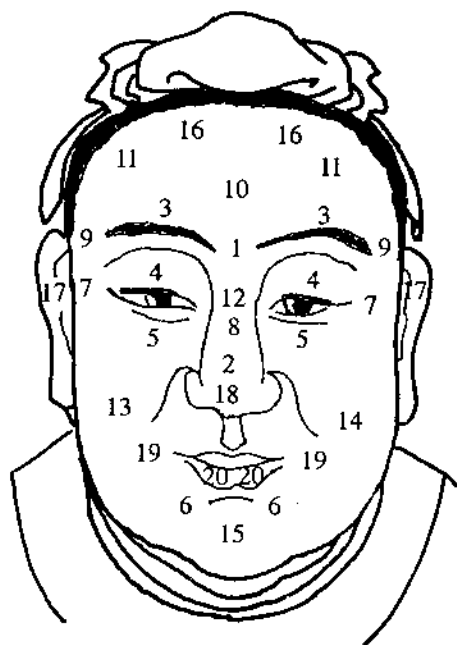
Về ý nghĩa mệnh học của hơn một trăm bộ vị này, các sách tướng nói chung có giải thích tỉ mỉ. Ví dụ sách "Tướng lý hành chân" viết về "long giác" như sau: "Long giác là bộ vị chủ về quyền vị, còn gọi là "phiên giác". Người có xương thịt ngay ngắn đẹp đẽ, trên lông mày có cạnh nổi lên như long giác thì chức vị hẳn rất hiển hách, lại còn ấm cật tử tôn (che chở đem lại an toàn phúc lộc cho con cháu). Nếu đầy đặn thì phải làm đến bát toà. Phụ nữ có tướng ấy cũng cao sang. Có màu vàng đỏ xuyên suốt thì sẽ được đế vương ban tước. Còn màu sắc xấu thì không tốt".

Tất cả 13 bộ vị và hơn một trăm bộ vị như nói trên, tất cả đều có ý nghĩa tốt hoặc xấu. Các nhà xem tướng cho rằng khi xem tướng mặt cần phải xem xét kỹ, khảo sát tổng hợp, không thể chỉ căn cứ vào một bộ vị nào mà kết luận vội vàng. "Tướng lý hành chân" đã căn dặn các nhà xem tướng "Phàm xem tướng, xem một bộ vị có thể nói cát hung, được một chữ có thể định số mệnh chung thân, có một nếp nhăn một nốt ruồi có thể biện biệt sự lý, có khí sắc có thể rõ hoạ phúc. Nhưng không thể nệ vào một bộ vị nào mà phán đoán số mệnh chung thân. Cho nên để không sai, không bỏ sót, toàn nhà ở chỗ có thể thần, có thể hoá, nhìn hình phải xét thần, xem mắt phải nhìn mày, nghe tiếng nói nắn xương, quan sát kỹ cử chỉ động tĩnh, phải khắp phải kín, được thế thì lành dữ tốt xấu mới nắm

chắc được". Quan điểm này thể hiện phương pháp luận cần nắm tổng thể của thuật xem tướng.

Thuyết thập nhị cung, ngũ quan:

1. Mệnh cung
2. Tài bạch
3. Bảo thọ, huynh đệ
4. Điền trạch
5. Giám sát, nam nữ
6. Nô bộc
7. Thê thiếp
8. Tật ách
9. Thiên di
10. Quan lộc
11. Phúc đức
12. Tật ách
13. Tây nhạc
14. Đông nhạc
15. Bắc nhạc
16. Nam nhạc
17. Thái thánh
18. Thảm biên
19. Địa khố
20. Xuất nạp



*Hình thập nhị cung, ngũ quan
(Trích "Thần tướng toàn thiên")*

Thập nhị cung tức mệnh cung, tài bạch, huynh đệ, điền trạch, nam nữ, nô bộc, thê thiếp, tật ách, thiên di, phúc đức, tướng mạo. Ngũ quan là: mắt là giám sát quan, miệng là xuất nạp quan, mũi là thẩm biện quan, tai là thái thính quan, mày là bảo thọ quan. Thập nhị cung vốn là thuật ngũ thiên văn học, chỉ vị trí mỗi năm vài 12 lần gặp nhau của mặt trăng mặt trời vận hành một vòng trên hoàng đạo ngũ quan vốn là thuật ngũ sinh lý học và chính trị học chỉ năm khí quan chủ yếu của cơ thể người và năm chức quan chủ yếu trong quan chế cổ đại. Tướng thuật đã dùng những thuật ngữ đó với mục đích thể hiện tư tưởng triết học thiên nhân nhất thể và nhấn mạnh ý nghĩa mệnh tướng của những bộ vị đó.

Về vị trí cụ thể của thập nhị cung và ý nghĩa hình tướng của chúng. "Thần tướng toàn thiên" có bài "Thập nhị cung quyết" trình bày rất kỹ, tóm tắt như sau:

1. Mệnh cung: ở giữa hai mày, phía trên sơn căn, tức là ấn đường. Sáng như gương thì học vấn thông hiểu, sơn căn đầy đặn phẳng phiu thì phúc nhiều thọ lâu, thổ tính cao thẳng, châu giữ tài tinh, mắt đen trắng phân minh thì tiền lụa đầy kho. Trán như chữ xuyên, mệnh gặp dịch mã tinh, quả được như vậy, bảo đảm song toàn phú quý, lồm chồm thì bản hàn, mày nối liền nhau, số mệnh nghèo hèn, loạn lạc xa quê lại khắc vợ. Trán hẹp mày khó thì của mất, vận bĩ.

2. Tài bạch, mũi là tài tinh, ở ngôi vị cao, như ống cất ngang, như túi mật treo thì tiền của đầy kho, cao thẳng đầy đặn thì cả đời tài vượng. Giàu sang thì mũi ngay thẳng không lệch. Mũi như mỏ ung tan của bản hàn. Lỗ mũi ngẩng lên thì không có gạo qua đêm, bếp nước sạch trơn, trong nhà không có chút gì dự trữ.

3. Huynh đệ, ở giữa hai mày thuộc la hầu kế đờ. Mày dài quá mắt, ba bốn anh em không hình khác, mày đẹp mà thưa, gốc cạnh

tự nhiên ngay ngắn như có trăng non hoà đồng, vĩnh viễn siêu quần. Nếu mày thô, xấu, liền nhau không chia biệt, mày vòng tắc mắt thì anh em ít, lông mày hai kiểu thì hằn khắc mẹ, nối nhau vàng mỏng, lưu lạc quê người, xoắn xuýt lông quăn, anh em như chuột như rắn.

4. Điền trạch, ở trên hai mắt, sợ nhất có mạch đỏ xiên mắt, nếu thế thì phá sạch từ tuổi trẻ, về già không gạo nuôi thân, mắt phượng mày cao, gia tài giàu đủ. Âm dương xương khô, ruộng vườn khó giữ. Mắt lửa vàng băng, gia tài khánh tận.

5. Nam nữ tức lệ đường dưới hai mắt Tam dương phẳng đầy, cháu con phúc lộc vinh xương, ẩn ẩn mày ngài, con cháu hãy còn thanh quý (vị cao mà không giàu), lệ đường lõm sứt, hẳn là nam nữ vô duyên; nốt ruồi đen vân xiên, đến già cháu con hẳn khác.

6. Nô bọc (tức địa các - cằm). Đầy đà tròn trặn, kẻ hầu người hạ thành đàn, giúp rập sớm hôm, nhất hô bách ứng. Không như chữ tứ, thì quyền gọi nhóm quất chạy; địa các nhọn lệch, nhận ân sâu mà trở thành cừ địch; vân xoắn thực lõm, nô tỳ không có, tường xiên mái đổ, ơn thành oán thù.

7. Thê thiếp, vị ở đuôi cá (đuôi mắt), chỉ phần cuối mắt, lại gọi là gian môn. Bóng nhuan không nếp nhăn, hẳn vợ bảo toàn tứ đức, đầy đặn bằng phẳng, lấy vợ của cải đầy hòm. Quyền tinh xâm thiên (gò má cao gần ở phía gần trán), nhờ vợ mà được lộc, gian môn lõm sâu thường làm chàng rể mới. Đuôi mắt nhiều nếp răn, vợ dễ phòng chết thảm, gian môn âm đậm, thì chắc sinh ly, nốt ruồi đen, nếp nhăn nghiêng, hay ngoại tình và đa dâm dục.

8. Tật ách, ở phía dưới ấn đường, trong sơn căn. Nổi cao đầy đặn, phúc lộc vô cùng, nối với phúc tê, có tài văn chương rực rỡ, ngũ phúc vẹn toàn, tuổi thọ cao vừa, vợ chồng giai lão. Có vân dấu,

thấp thỏm, luôn năm tật bệnh nặng nề, xương khô nhọn lệch, sao khỏi suốt đời khổ ải, khí sắc mờ mịt, tai ách liên miên.

9. Thiên di, ở góc lòng mày, lại gọi là thiên thương. Đây đặn nổi cao, thần sắc sáng sủa thì hẳn chẳng có gì lo ngại. Đuôi cá vị bằng, đến già được người khâm phục, bùng bùng địch mã, làm quan rong ruổi bốn phương, góc trán thấp lõm, đến già khó tìm chỗ trú, mày nối liền nhau, tướng này lia nhà phá tổ, thiên địa nghiêng lệch, nhiều lần chuyển dịch biến thiên. Có tướng như vậy, nếu không đổi cửa thì sửa mố.

10. Quan lộc, ở chính giữa trán, trên hợp với ly cung. Phục tề đến đỉnh chóp, cả đời không đến tưng đình, địch mã châu về, việc quan quấy nhiễu, vầng trán quang minh, siêu quần hiển đạt, góc trán đường đường, có phạm việc quan cũng khỏi, cung này có vết vỡ, thường việc ngang trái xảy ra, mắt đỏ như mắt cá chép, thì không tội chết cũng tội dày.

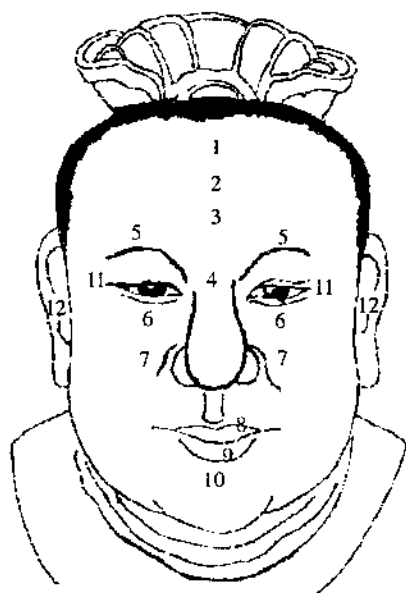
11. Phúc đức, ở vị thiên thương, dính liền với địa các. Ngũ tinh châu về, suốt đời phúc lộc dồi dào, trời đất châu nhau, đức hạnh vẹn tròn ngũ phúc, cằm tròn trán hẹp, nên hay tuổi trẻ khổ đau, trán rộng má nhọn, cuối đời lâm vào vận bất. Mày cao mắt đứng, thì cũng bình bình, mày trắng tai vênh, chớ nói gì phúc đức.

12. Tướng mạo, cung này là một tổng thể, chỉ tướng mạo chung cả bộ mặt. Trước quan sát ngũ nhạc rồi xét tam đình đầy đặn, tướng này phú quý vinh hoa. Tam đình bằng nhau, chưa chắc bình sinh hiển đạt. Ngũ nhạc châu nhu, quan tước vinh thăng, đứng ngôi uy nghiêm, được người người tôn quý. Trán chủ về vận trẻ, mũi chủ về trung niên, địa các thuỷ tinh chủ về hậu vận. Nếu là lõm thụt, chắc hẳn không lành.

Nếu nói thập nhị cung là nói hoạ phục các vị trí trên mặt phẳng của mặt thì ngũ quan là nơi cất hung của các bộ vị nổi cao. Mệnh tướng ngũ quan chẳng khác gì mấy mệnh tướng của tai, mắt, mũi, mồm, chỉ khác nhau ở chỗ nặng nhẹ mà thôi. Dưới đây là bản vẽ mệnh tướng ngũ quan.

Thuyết tứ học đường, bát học đường

1. Cao minh học đường
2. Cao quảng học đường
3. Lộc học đường
4. Quang đại học đường
5. Ban chuẩn học đường
6. Minh tú học đường
7. Quan học đường
8. Trung tín học đường
9. Nội học đường
10. Quảng đức học đường
11. Ngoại học đường
12. Thông minh học đường



Hình tứ học đường, bát học đường

(Trích "Thần tượng toàn biên")

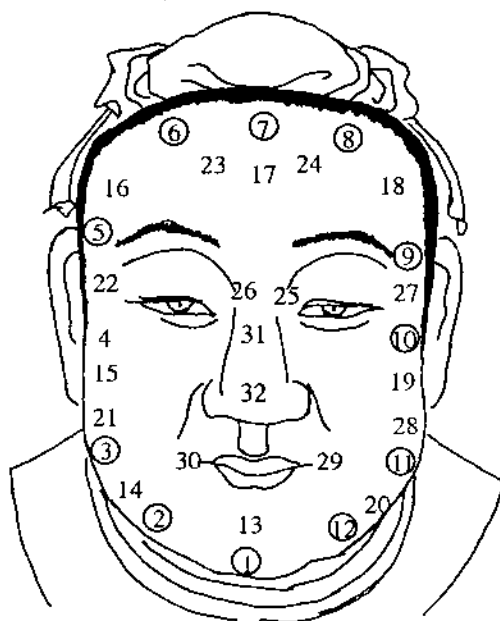
Học đường là vị học thức. Có các thuyết tam phụ học đường, tứ học đường, bát học đường v. v... khác nhau. Tam phụ học đường là thượng phụ, trung phụ, hạ phụ, tương đương với tam đình, thượng đình, trung đình, hạ đình. Tứ học đường thì coi mắt

là quan học đường, răng cửa là nội học đường, trán là lộc học đường, cửa tai là ngoại học đường. Bát học đường thì mày là ban chuẩn học đường, mắt là minh tú học đường, đầu là cao quảng học đường, trán là cao minh học đường, ấn đường là quang đại học đường, môi là trung tín học đường, lưỡi là quảng đức học đường, tai là thông minh học đường. Các nhà tướng thuật cho rằng, mắt phải dài mà trong, chủ tước vị quan chức; trán phải rộng mà dài, chủ quan chức và tuổi thọ, răng cửa phải đủ, ngay thẳng và kín, chủ trung tín hiếu kính, thưa, thiếu mà nhỏ, chủ cuồng vọng, tai phải đầy đặn, sáng nhuận, chủ thông minh, nếu tối tăm ảm đạm thì là người ngu muội, thô lỗ. Lại nói, trong bát học đường, muốn biết thọ yếu thì nhìn mày, muốn biết sang hèn thì nhìn mắt, muốn biết phúc nhìn đầu sừng, muốn biết giàu nghèo nhìn trán, muốn biết quan tước nhìn ấn đường, muốn biết lộc nhìn môi, muốn biết đức nhìn lưỡi, muốn biết danh nhìn tai. "Thần tướng toàn thiên" có bài thơ về "học đường" nói rằng: "Mang sách ôm đàn chẳng thành danh, học đường vô vị hãm tam đình. Nhìn trong vị ấy mà vô ứng, uổng đem năm tháng ở triều thần. Muốn nói người ít lộc không quan, thanh khí đạo môn có la vân. Nguyệt lộc nhon đầu thật tổn tài, thiếu thời lưu lạc lắm họa tai; miệng lưỡi nhà quan không ai nói, chỉ mong hiền triết xem tướng thôi".

Thuyết cửu châu bát quái, can chi:

Ung châu vị càn, phía dưới lúm đồng tiền bên trái.

1. Tý
2. Sửu
3. Dần
4. Mão
5. Thìn
6. Tỵ
7. Ngọ
8. Mùi
9. Thân
10. Dậu
11. Tuất
12. Hợi
13. Kỷ – Khảm
14. Duyệt – Cấn
15. Thanh – Chấn
16. Từ – Tốn



Hình cửu châu bát quái can chi
(Trích “Thần tướng toàn biên”)

- | | |
|------------------|-----------|
| 17. Dương – Ly | 25. Mậu |
| 18. Kinh – Khôn | 26. Kỷ |
| 19. Lương – Đoài | 27. Canh |
| 20. Ung – Càn | 28. Tân |
| 21. Giáp | 29. Nhâm |
| 22. Ất | 30. Quý |
| 23. Bính | 31. Dự |
| 24. Đinh | 32. Chuẩn |

Ung châu tại Càn. Phía dưới lúm đồng tiền bên trái - Vị Càn bắt đầu từ góc tây bắc, còn gọi là thiên môn. Màu vàng thì nên cầu quan tước, có thể được của; màu trắng thể hiện sự xa cách, màu đen là muốn làm việc bất nhân hoặc là có bệnh tật lo âu; màu bích là có người ngầm mưu hại, màu tía xúng tâm vừa ý, màu xanh thì chức quan sắp mất, nhiều tật bệnh, anh em yếu thế.

Ký châu ở Khảm, ở hướng chính bắc dưới môi dưới. Màu tía thì của cải tăng tiến, có thêm nô tỳ, lại được ngựa quý. Màu xanh, thăng quan tăng lộc, tiểu nhân thì được của cải, màu vàng thì nhà ở không yên, nên cầu yên làm việc thiện; màu bích nếu là quân tử thì tốt là tiểu nhân thì xấu; màu trắng có việc âm; màu đỏ là tà ác, muốn ngầm hại người khác; màu đen có là tai họa tù ngục.

Duyệt châu ở Cấn, phía đông bắc dưới lỗ lúm đồng tiền trên má. Màu vàng thấy vào tháng giêng thì tốt, nếu thấy vào mùa hạ mùa thu thì bố mẹ ốm đau; màu trắng, là quân tử thì thăng quan, là tiểu nhân thì được tiền của; màu tía là có người dèm pha việc hôn nhân, nên thắt đai cơm rượu; màu xanh là có việc ngang trái cản trở; màu đỏ có việc vui mừng nhưng cũng dễ gây ra việc tranh cãi nhau, màu bích thì có việc kiện tụng, màu đen thì là người trộm cướp.

Thanh châu ở Chấn, hướng chính đông trên gò má phải. Màu trắng thì nên ra vào làm lung, sẽ được tiền của, màu đỏ thì gặp việc gì cũng phải nhẫn nại, bình tĩnh chờ nóng, màu vàng thì không quá mười ngày sẽ có tang, màu xanh thì phải yên phận, giữ phép, màu bích thì có tai ách; màu tía thì mắc bệnh nặng, mời tăng ni đạo sĩ cầu yêu trừ tà thì yên.

Từ châu ở Tốn, phía đông đuôi mắt phải. Màu xanh thì có người âm quấy nhiễu, chú ý đề phòng vạ miệng; màu đỏ thì luôn

làm việc cầu an; màu biếc thì sinh quý tử; màu vàng thì trăm sự "không như ý", màu đen chủ tật bệnh, phải chữa trị sớm.

Dương châu ở Ly, chính nam trên ấn đường. Màu vàng thì quân tử thăng quan, tiểu nhân gặp việc tốt lành, phối hợp với màu đỏ nhuận ở nhật giác nguyệt giác, có việc tốt lành; màu xanh với nam giới thì nổi khổ ly biệt hoặc có tai họa tù ngục; màu đen thì điều lo; màu bích thì lìa xa vợ con.

Kinh châu ở Khôn, tây nam dưới đuôi mắt trái. Màu vàng thì nối tiếp nhau đến Lương châu, có việc vui mừng, màu xanh có điều lo nghĩ băn khoăn; màu trắng thì có việc chịu nhục nhã; màu bích có tai họa ập đến, màu đỏ phải đề phòng mất trộm cướp; màu đen, có bệnh phải chữa trị mới yên; màu tía thì phụ nữ có việc tư thông.

Lương châu ở Đoài, hướng chính trên gò má trái. Màu vàng thì được hoạnh tài (tiền bạc phi nghĩa); màu trắng thì con cháu hiển đạt; màu đỏ thì dùng văn chương mua danh, lại có bệnh màu đen thì thăng quan, hoặc có yến tiệc; màu xanh thì có việc mưu cầu con gái người khác; màu bích thì mưu sự bất thành; màu tía trong nhà mất trộm.

Dự châu ở giữa chính trên sống mũi. Màu trắng chủ việc tốt lành; màu đen trong nhà có việc bất hoà, dẫn đến bệnh tật; màu bích có việc lo buồn; màu tía có tiệc vui; màu đỏ phiền não u uất, màu xanh lo sợ không nguôi; màu vàng luôn tràn ngập trong cung, là tướng có việc vui mừng; màu đỏ thấp thoáng thấy bên trái, bên phải thì nếu là quân tử sẽ thăng quan tiến chức, nếu là tiểu nhân thì thêm của.

Thuyết cửu chân bát quái can chi, từ khí sắc khác nhau mà dẫn đoán việc tốt xấu, họa phúc. Sách "Tướng thư - Tướng, sắc phát

diện đồ khăn cát hung ách pháp". Đôn Hoàng nói: "Hình vẽ của châu, phân mặt, nhìn sắc phát ra ứng bộ phận nào, ở chỗ bộ phận đó, nếu thấy sắc tốt khí vàng, tươi sáng nhuần nhả tiến hành trong bộ phận thì nên đến chỗ đó. Nếu có màu sắc xấu phát ra chỗ nào mà muốn đến đó là không may mắn, hẳn cho tai họa, không nên đi". Ngoài khí sắc ra, các tướng thuật gia còn cho rằng, cửu châu chân đầy đặn, kỵ thụt lõm cấu bản. "Thần tướng toàn thiên" có bài "Định cửu châu khí sắc cát hung" viết: "Ký chân đầy đặn thì nhiều ruộng, khuyết lõm thì lắm tai họa; Dương châu đầy đặn thì sẵn cơm áo, thụt lõm thì nhiều trắc trở, Thanh châu đầy đặn thì sẵn vàng lụa, khuyết lõm thì lắm thành bại; Ung châu đầy đặn thì nhiều quan lộc, khuyết lõm thì lắm chuyện thị phi; Dự châu đầy đặn thì nhiều phúc thọ, khuyết lõm thì không dài lâu; Kinh đầy đặn thì nhiều văn chương, khuyết lõm thì ít kiến thức. Tỳ châu đầy đặn thì nhiều con cái, khuyết lõm thì đau buồn; Lương châu đầy đặn thì có tín nghĩa, khuyết lõm thì thiếu tình người; Duyệt châu đầy đặn thì nhiều an thái, khuyết lõm thì nghèo hèn".

Thuyết ngũ quan ngũ hành sinh khắc:

Ngũ hành can chi phối với nhau cùng sinh ra muôn vật là quan điểm triết học cơ bản của Trung Quốc về sự sinh tức diễn tiến của thế giới. Tướng thuật đã vận dụng quan điểm đó vào đặc trưng hình tướng ngũ quan, từ đó mà đưa ra thuyết ngũ quan hành sinh khắc. Các nhà tướng thuật cho rằng ngũ quan của mặt người và ngũ hành của tự nhiên liên quan với nhau. Mắt là giáp ất mộc, mộc phối với nhân, chủ về tình hoa tú phát, quyết định người có địa vị cao hay không; Mũi là bính đinh hỏa, hỏa phối với lễ chủ về quyền uy, quyết định tính tình cương nhu của người; Mũi là canh tân kim, kim phối với nghĩa, chủ về hình phạt nguy nan, quyết định người thọ hay yếu; Miệng là mậu kỷ thổ, thổ phối với tín, chủ về sinh dưỡng

vạn vật, quyết định người giàu hay nghèo; Tai là nhâm quý thuỷ, thuỷ phối với trí, chủ về thông minh mẫn đạt, quyết định người hiền hay ngu. Đây trên thực tế là từ quan hệ tương hỗ giữa các khí quan mà khảo sát đặc trưng hình tướng ngũ quan, nói rõ ngũ quan phối hợp giống đờ nhau, phải tướng sinh mà rất kỵ tương khắc.

"Thái Thanh Thần giám" có hai bài ca quyết về ngũ hành sinh khắc.

Bài ca ngũ hành tương sinh

Tai như chân rử, mũi như rường, kim thuỷ tương sinh đại thịnh xương. Mắt tinh tai sáng nhiều thần khí, Nếu chẳng làm quan cũng phú cường. Mồm vuông mũi thẳng người thật quý, kim thổ tương sinh giải ấn trường. Môi đỏ mắt đen mọc sinh hoạ, là người chí khí lắm bạc vàng. Lưỡi dài môi chính hoạ sinh thổ, là người có phúc trẻ tuổi sang. Mắt dài mày đẹp phong lưu thật, mình đeo ấn vàng giữa triều đường.

Bài ca ngũ hành tương khắc

Tai to môi mỏng thổ khắc thuỷ, suốt đời nghèo túng, uống tài trí.
Môi to tai mỏng cũng không hay, người có tướng này không thể quý.
Mũi to mắt nhỏ kim khắc mộc, đã đành nghèo hèn lại có độc.
Mắt to tai nhỏ học khó thành, tuy có của tiền tuổi thọ ít.
Lưỡi nhỏ miệng to thuỷ khắc hoả, tính nóng lại thêm cô đơn quá.
Lưỡi to mũi nhỏ hoả khắc kim, tiền lụa vừa gom hoạ tới liền.
Tai nhỏ mũi khoằm nào có lạ, tham lam độc ác nhiều tai hoạ.

Mắt to môi nhỏ mọc khắc thổ, người có tướng này không giàu có.

Môi to mắt nhỏ là tướng khổ, già lão bản hàn chết không mộ.

Bài ca cho thấy các nhà tướng thuật nói tướng đẹp của ngũ quan phải là có vị trí thích hợp, to nhỏ vừa phải. Trái với tiêu chuẩn đó là tương khắc, ít phúc vô duyên.

Cơ sở lập luận của các thuyết nói trên không hoàn toàn nhất trí. Nếu nói rằng các thuyết "Ngũ tinh lục diệu ngũ nhạc tứ độc", "Lục phủ tam tài tam đình", "Cửu châu bát quái can chi", "Ngũ quan ngũ hành sinh khắc" là gắn đặc trưng kết cấu và khí quan sinh lý mặt người với đạo tự nhiên của trời đất để dự đoán số mệnh người thì các thuyết "Thập nhị cung ngũ quan", "Tứ học đường bát học đường" lại gắn kết cấu và khí quan sinh lý mặt người với các vấn đề chính trị, kinh tế, văn hoá, đời sống hàng ngày để dự đoán số mệnh người. Bộ mặt người được coi như hình ảnh thu nhỏ của vũ trụ và xã hội. Hình thái xã hội phản ánh trên mặt người quá đơn giản, nhưng đã được miêu tả một cách có hệ thống trong thuyết "Mười ba bộ vị". Thuyết đó không những đã thể hiện lý luận "Thiên nhân nhất thể" mà người ta đã dùng tổ chức chính trị, quan hệ nhân luân phong kiến để thống suất mệnh lý, trình bày kết cấu tướng mặt, xây dựng hệ thống mệnh tướng, hơn nữa còn đưa tất cả bẩm tính tiên thiên, nhân sự xã hội hậu thiên của một người vào trong đó, làm cho vũ trụ tự nhiên, hình thái sinh mệnh, nhân sự xã hội thống nhất vào một cơ cấu tư tưởng triết học. Như vậy, tướng thuật với tư cách một dạng thức văn hoá thần bí Trung Hoa đã vượt qua giai đoạn định mệnh luận tự nhiên ban đầu mà bắt đầu quy hoá một cách tự giác và hoàn toàn vào văn hoá chính thống phong kiến, đánh dấu sự ra đời của thuật xem tướng mặt với tư cách một hình thái văn hoá xã hội.

Trong toàn bộ hệ thống lý luận tướng thuật, bảy thuyết về tướng mặt nói trên đã tổng kết những "tinh túy" của người xưa, có tính hệ thống và tính lý luận cao nhất, tiêu biểu cho những thành tựu cao nhất của thuật tướng mặt đời sau. Thế nhưng với con mắt ngày nay, chúng ta dễ dàng thấy có tính hoang đường của nó. Trước hết, hoàn toàn không có căn cứ hiện thực gì để nói rằng giữa kết cấu bộ mặt và khí quan sinh lý bộ mặt người với tự nhiên và xã hội có một quan hệ đối ứng nào đó, đây rõ ràng chỉ là một ý niệm hư huyền của các nhà xem tướng. Đây chỉ là kết quả của sự thẩm thấu của hình thái xã hội hiện thực và ý thức triết học truyền thống vào tướng thuật, cũng là kết quả của việc các nhà tướng thuật muốn đưa một hình thái sinh mệnh thuần tự nhiên vào hình thái xã hội, nhằm nâng cao công năng xã hội cho hình tướng, vô luận thế nào đấy cũng chỉ là sự ước đoán chủ quan mà không phải là thực nghiệm, chỉ là đoán chừng, không khoa học. Mặt khác, các nhà tướng thuật đã sống sượng đưa hình thái sinh mệnh tự nhiên vào hình thái xã hội, đóng cái dấu ấn hình thái xã hội vào hình thái sinh mệnh, rồi lại xuất phát từ cái dấu ấn đó trên hình thái sinh mệnh mà làm chứng cho tính chất tốt hay xấu, thông minh hay ngu muội của người. Thứ lô gíc luận chứng loanh quanh đó bộc lộ bản chất yếu đuối phi khoa học của tướng thuật. Ngoài ra, ngay cả ngày nay thì đặc trưng của bộ vị tướng mặt mà suy cứu tài năng bẩm tính tiên thiên của người còn chưa được khoa học nghiệm chứng, thế thì nói chi cái nhà tướng thuật, qua đặc trưng bộ vị tướng mặt mà suy ra địa vị xã hội cao thấp thu nhập kinh tế nhiều ít và những sự kiện lành dữ của một người, càng là hoang đường vô căn cứ.

Các nhà tướng thuật không chỉ dùng bảy thuyết nói trên và tướng mặt để thẩm định một cách có hệ thống các vùng trên mặt người, họ còn căn cứ vào kết cấu hình trạng và đặc điểm sắc thái

của các bộ vị và các khí quan trên mặt mà quy định ra những kết luận mệnh tướng tương đối độc lập mà lại rất tỉ mỉ, cặn kẽ. Nhìn từ góc độ tướng thuật, những kết luận mệnh tướng cụ thể của từng bộ vị này là sự chi tiết hoá của thuật tướng mặt. Đi sâu tìm hiểu những đặc trưng mệnh tướng của các bộ vị cụ thể là một cách quan trọng để gỡ bỏ tính chất thần bí của tướng thuật, làm sáng tỏ tính chất phi lý tính của thuật tướng mặt. Do đó chúng tôi giới thiệu vắn tắt dưới đây những tướng lý chủ yếu của một số bộ vị quan trọng.

Trán

Các nhà tướng thuật cho rằng "một bộ mặt quý hay tiện, tam phụ nhục hay vinh, tất cả định đoạt ở cái trán", vì thế đã đưa tất cả năm bộ vị mấu chốt nhất là thiên đình, thiên trung, tư không, trung chính và ấn đường đặt cả vào trán và coi rằng chúng thống lĩnh tất cả các bộ vị khác trên khuôn mặt. Xương trán phải trùm lên, phải rộng rãi, sừng sững như vách đứng, từ ấn đường lên đến thiên đình, có thể nhìn thấy một xương trán vươn lên.

Người có tướng trán như vậy sẽ thông minh hơn người "sớm thành đạt mà vẻ vang". Các bộ vị biên địa, sơn lâm của trán phải đầy đặn, rộng rãi ky thụt lõm, xương vách hai bên trán vươn thẳng to lớn là tướng giàu sang, chức vị tới tam phẩm. Năm bộ vị thiên đình, thiên trung, tư không, trung chính ấn đường mà cùng ngay ngắn, sáng sủa là tướng thông minh hiển đạt; nếu trán hẹp, nhỏ, tóc phủ nhiều là tướng ngu dốt bất tiện, mặt trán nhỏ hẹp, gò bó thì đến già vẫn nghèo túng, quần bách, mặt trán to rộng, ihoảng dăng thì đến già tốt lành. "Thái thanh thần giám" viết: "Ngạch giác cao tủng, chức vị sang trọng, thiên trung phong long, sĩ hoạn hữu công, ngạch tiểu diện đại, quý tử nhân thượng, ngạch phương trán khởi, cát vô bất lợi, ngạch huỳnh vô hà, nhất thế vinh hoa" (nghĩa là: Góc trán

cao vút, chức vị cao nặng, thiên trung đầy đặn, làm quan có công, trán nhỏ mặt lớn, tốt lành không có gì bất lợi, trong sáng không có vết, cả đời vinh hoa). Tóm lại, trán phải rộng thoáng, đầy đặn, kỵ hẹp nhỏ, khuyết lõm.

Thiên trung, thiên đình, tư không, trung chính, ấn đường là năm bộ vị quan trọng tạo ra cái trán. Muốn đi sâu tìm hiểu tướng trán, không thể không biết về năm bộ vị này.

Thiên trung ở phần chính giữa trán chỗ sát chân tóc, trên là hoa tinh, dưới là thiên đình. Đây là điểm khởi đầu của cung quan lộc, được coi là vị thứ nhất ở chính giữa trán. Nếu thiên trung đầy đặn mà sáng sủa tươi nhuận thì tức là thân tâm đều khoẻ mạnh, từ tuổi trẻ đã gặp vận tốt, Nếu lõm, khuyết vỡ là do di truyền của thể hệ trước không tốt hoặc do bản thân bất hiếu mà gây ra, không những ảnh hưởng xấu đến sự nghiệp tương lai mà chỗ ở, chức vị đều không yên ổn. Nếu phát hiện thấy khí đen lờn vờn đi xuống như giun bò, cho đến ấn đường, thì sẽ bị tai hoạ đột ngột bất ngờ, không kịp để phòng giải ách.

Thiên đình là vị thứ hai của trán, ngay dưới thiên trung. Tướng pháp coi thiên trung là cha, thiên đình là mẹ, cho nên thiên trung có nốt ruồi là không được cha yêu, thiên đình có nốt ruồi là không được mẹ yêu. thiên đình cao, không lệch khuyết là tướng đẹp, kỵ có nốt ruồi hoặc sẹo. Nhật giác; nguyệt giác hai bên thiên đình nếu tương ứng nâng đỡ nhau, khí thể tiến lên đỉnh đầu, xuống đến sống mũi, khí sắc sáng nhuận thì có hy vọng sớm thành đạt.

Tư không, lại gọi là tư đồ, ở giữa trán là vị thứ ba của cung quan lộc. Tư không tốt nhất là bằng phẳng. Nếu xương tư không trùn lên hoặc như cự ngao nhập hải, hoặc phục tề suốt đến đỉnh đầu là tướng quý hiếm thấy, nếu bị nếp nhăn hoặc nốt ruồi xung phá thì

kém đi. "Thái thanh thần giám" quyển hai nói: "Tư không là bộ vị chủ tam công thiên quan, xương nổi sáng nhuận thì có thể làm đến tam công cửu khanh. Sắc xấu thì không tốt".

Trung chính, ở giữa trán, sát trên ấn đường, là vị thứ tư của cung quan lộc. Trung chính có vai trò rất quan trọng trong tướng mặt. Muốn xem hiện tại thuận hay nghịch, cát hay hung và nguyên vọng tương lai có thực hiện được hay không đều phải xem trước hết khí sắc của trung chính. Nếu bằng phẳng sáng nhuận, không vết, không sẹo, không nốt ruồi thì là tướng người có nghị lực, sự nghiệp thuận lợi, nếu có sẹo vết là tướng có tính khinh mạn người trên, khó thăng tiến, nếu có nốt ruồi xấu thì trắc trở nhiều, tiền của không toại nguyện, vận mệnh không hanh thông. "Thái thanh thần giám" quyển hai viết: "Trung chính chủ quán liêu, cũng chủ về quan vị cao thấp tiến thoái. Xương nổi sắc nhuận là tướng làm quan không bị cách".

Ấn đường ở giữa hai mày, dưới trung chính, trên sơn căn là một trong mười ba bộ vị, còn có tên là "khuyết đình", "mệnh cung", "phúc đường", "tử khí tinh", "quan lộc cung", "quang đại bộ học đường". Các nhà tướng thuật cho rằng, ấn đường quan hệ đến tính tình, nguyên vọng, tuổi thọ, thành bại, tinh thần, vận mệnh của một người, tùy hình trạng, màu sắc mà phán đoán. Ấn đường cân bằng phẳng ngay ngắn, rộng hẹp vừa phải (tốt nhất rộng bằng độ rộng một đốt ngón tay rưỡi). "Thần tướng toàn thiên" có bài "Tướng ấn đường", nói: "Ấn đường là tử khí tinh, ở giữa hai đầu mày, phải rộng rãi ngay ngắn bằng phẳng, thư tiêm hai mày... Giữa ấn đường có xương nổi hèm lên là tướng quý, nhọn hẹp là tướng nghèo". "Thái thanh thần giám" quyển hai nói: "Ấn đường chủ về hai chức thiên ấn, cũng gọi là dương khuyết đình, là quan coi về ấn tín. Phương thốn nổi mà sáng là tướng quan hai ngàn thạch, phương

thốn phẳng mà tĩnh là tướng quan tam phẩm không rời cửa khuyết, phương thốn hãm cũng là phú quý. Ấn đường hẹp, hai mày nối liền nhau là tướng cả đời không có lộc, nếu có thêm sẹo, vết, nốt ruồi thì công việc có thể không tốt lành".

Quan sát tướng trán còn phải đặc biệt chú ý nếp nhăn. Các tướng sĩ cho rằng nếp nhăn quan hệ đến quý tiện, không thể coi nhẹ. Nếu trán vuông, rộng đầy đặn mà lại có nếp nhăn đẹp thì là tướng tước lộc cao, cả đời giàu sang; nếu trán bóp hẹp, khuyết lõm lại có nếp nhăn xấu thì là tướng nghèo hèn. Nếp nhăn trán luôn luôn liên hệ đến tước lộc chức quyền. Nếp nhăn khác nhau, tước vị sẽ khác nhau. "Thái thanh thần giám" quyển 5 viết: "Có ba nếp nhăn hai đầu vểnh lên gọi là yển nguyệt văn, chủ về triều lang, ba nếp vểnh, một nếp dọc xuyên thẳng gọi là thiên trụ cốt văn, chủ về quan võ, nếp nhăn hình chữ vương, chủ về công hầu, nếp nhăn dọc từ thiên trung đến ấn đường gọi là huyền vân văn, chủ chức khanh giám, ấn đường có nếp nhăn dọc dài ba tấc, gọi là hạc túc văn, chủ chức tổng lộ (quan dẹp đường), nếp nhăn chữ tinh, chủ chức viên ngoại, nếp nhăn chữ xuyên, chủ về lo buồn, hình phạt tội tù, nếp nhăn chữ thập chủ việc tốt lành, nếp nhăn chữ điền chủ về giàu có nếp nhăn chữ sơn là tướng theo hầu vinh quý, nếp nhăn chữ át là tướng làm quan kinh triều, nếp nhăn dạng chón nước chủ về hiển đạt vinh quý; nếp nhăn nổi, cắt nhau, nối chân nhau là tướng nghèo khổ, nhiều tai hoạ..."

Mày mắt

Mày được các nhà tướng thuật coi là bảo thọ cung coi về vận mệnh cùng thông; "Quảng giám tập" lại nói: "Mày là quân, mắt là thần, phải sáng dài quá mắt, song song hàng nhau. Nếu ngắn hơn mắt anh em bất hoà dù có đến ba bốn anh em, cũng không được

nhờ cậy". Mày là "hoa của mặt" như hoa của cây cỏ, như ánh sáng nhật nguyệt, có quan hệ mật thiết với cá tính, tuổi thọ, hiển ngũ, sang hèn của người. Các nhà tướng thuật cho rằng, lông mày thưa nhỏ, bằng rộng, dài đẹp là tướng thông minh hơn người, nếu thô rậm, rối, ngắn thì là tướng ngu dốt, hung ác, lông mày dài hơn mắt là tướng giàu sang. Đường Thái Tông từng bảo Viên Thiên Cương coi tướng Sầm Văn Bản. Viên Thiên Cương nói Sầm: "Học đường sáng sủa, mày dài quá mắt, ắt sẽ nổi tiếng thiên hạ về văn chương". Mày ngắn không đủ che mắt, hoặc là gần sát mắt là tướng nghèo khó, mày cao sát đầu là tướng tính tình cứng rắn nóng nảy, đuôi mày cụp xuống là tướng tính tình nhu nhược, đầu mày tiếp nối nhau nghèo đói và hại cho anh em, lông mày mọc ngược, không tốt cho vợ, xương mày nổi cao, hung ác gặp lắm trắc trở, vận mệnh khó khăn; trong mày có sọc đen, thông minh hiển quý, lông mày vươn cao, dờ rộng lớn, trong mày có lông trắng, tuổi thọ cực cao, trên mày có nếp nhăn dọc thẳng, đại tác đại lợi, trên mày có nhiều nếp nhăn ngang, nghèo khổ ít của cải.

Độ thưa dày của lông mày cũng đáng chú ý. Những người có lông mày rậm phải đi đôi với mai rậm, râu rậm gọi là tam rông. Lông mày thưa, phải mai thưa, râu thưa gọi là tam hy. Có như vậy, trên dưới khớp nhau là tướng hoàn mỹ, không thế là có chỗ chưa tốt.

Lông mày thế nào thì cát, lông mày thế nào thì hung, rất lắm ý kiến. Sách "Tướng lý hành chân" đời Thanh đã tổng kết khá toàn diện: "Mày xanh vào mai, vị đến tam công. Mày như cung cong còm áo vô cùng. Mày cao vọt dậy, quyền cao lộc hậu. Lông mày rù dài chắc hẳn sống lâu. Lông mày nhuần sáng dễ thành quan sang. Mày như trắng non, thông minh ai hơn. Mày dài quá mắt, trung trực nhiều lộc. Lông mày mịn màng, không hiển cũng sang. Góc mày

chọc mai, là người có tài. Mây như trăng cong, hiền lành sáng trong. Mây mà cao thẳng, chức cao trong trắng. Mây thanh cao trường, bốn bể danh vang. Mây thanh có vẻ, thanh cao tiết kể. Mây nổi không phân, sớm về mộ phần. Mây như chổi xể, ân tình sớm vỡ. Mây ngắn hơn mắt, tính tình cô độc. Mây trăng đầu tháng, hiền lành trong sáng. Có khí đỏ vàng, vinh quý vui mừng. Mây không phủ mắt, người tan của mất. Xương mây nhô cao, một đời lao đao. Mây tròn rậm thấp, suốt đời vất vả. Lông mây nổi liền, tuổi thọ khó toàn. Mây mọc lông hào, tuổi thọ bền cao. Mây có nếp nhăn, trắc trở khó khăn. Mây dài quá mắt, anh em hoà mục. Lông mây đứt đoạn, anh em lìa tán. Ngắn cụt cục súc, phân tán cô độc. Lông mây loà xoà, nữ thiếu nam đa. Mây đẹp thân hoà, hưởng phúc sáng loà. Lông mây mịn nhỏ, đa tài đa nghệ. Mây có chấm đen, nhiều tài lắm ngón. Mây dạng trăng non, danh tiếng nức bốn phương. Mây dài hơn mắt, năm sau anh em. Mây như chổi xể, tám chín anh em. Mây mắt bằng nhau, anh em một vài. Mây không bằng mắt, ít anh em nhất, dù có một đôi, riêng anh riêng tôi.

Về hình dáng của mây, các nhà tướng thuật chia ra nhiều loại: khinh thanh mi (mây thanh nhẹ), tiêm đao mi (mây đao nhọn), đoàn xúc tú mi (mây ngắn thanh tú), bát tự mi (mây chữ bát), toàn loa mi (mây xoắn ốc), long mi (mây rồng), sơ tán mi (mây tán thưa), la hán mi (mây la hán), tảo trư mi (mây chổi xể), sơ đoàn mi (mây thưa ngắn), kiếm mi (mây lưỡi kiếm), tiền thanh hậu sơ mi (mây trước thanh sau thưa), liễu điệp (mây lá liễu), giao gia mi (mây gặp nhau), quý mi (lông mây quý), sư tử mi (mây sư tử), nhất tự mi (mây chữ nhất), tán nguyệt mi (mây trăng non), tiểu tảo trư mi (mây chổi nhỏ), ngoạ tầm mi (mây con tầm), hổ mi (mây hổ), thanh mi (mây thanh), gián đoạn mi (mây đứt đoạn), đại đoàn xúc mi (mây thô ngắn) v. v... và với mỗi dáng mây, đều có bình luận về hoạ

phúc. Ví dụ, với mày dáng trăng non thì nói: "mày thanh mát tú quả tốt lương, lại thích đuôi mày quét thiên thương, đường lệ vui vầy đều phú quý, sau này đỗ đạt bái tiên đường". Đông y cho rằng, quan sát đôi mày có thể đoán trước bệnh sống hay chết. Các nhà tướng thuật phụ họa theo đó mà đưa ra thuyết về tướng lông mày quyết định thọ yếu, phúc họa. Sách "Vọng chấn tân kinh" đã nói rõ quan hệ giữa đông y với tướng thuật.

"Mày là bẩm mội khí mà sinh ra, về kinh lạc thì mày thuộc về kinh thư túc thái âm. Nó nhiều, ít, thưa dày, thô mịn là do khí huyết nhiều ít, phú bẩm đục trong quyết định. Nhà tướng thuật biết rõ quy luật đó, có thể dự đoán được người hiền hay ngu, nhà y học phân biệt được sự khác nhau mà có thể dự đoán bệnh sống hay chết. Đạo tuy khác nhau nhưng căn cứ là một".

Dưới mày là mắt. Các nhà tướng thuật cho rằng, cũng như trời đất có mặt trăng mặt trời là nguồn ánh sáng, mặt trời là gương soi vạn vật, mắt là mặt trăng mặt trời của một con người, quang hoa của nhật nguyệt là tinh thần của người. Tinh thần của người tập trung vào tâm khi người ngủ, toả ra ở mắt khi người thức. Mắt là chỗ biểu hiện, trú ngụ của tinh thần người vậy. Mắt phải dài đẹp, rõ ràng, lòng trắng trắng như ngọc, lòng đen đen như sơn, nếu mắt lại vươn tới tai vào tóc mai thì đây là tướng đại quý. Nếu mắt nhỏ ngắn mà sáng, lấp lánh ánh sáng lạ thì đó là tướng vừa quý vừa thọ. Nếu trông mắt lồi, có thần quan rùng rục thì đó là tướng nắm quyền sinh sát. Nếu mắt to mà vô thần, dài mà không sáng, không có thượng hạ đường bên ngoài có mạch máu đỏ xuyên trông, nhìn không được xa, trông mắt luôn luôn đưa đi đưa lại hoặc mí mắt nặng nề mà khép không kín, trông mắt thoáng có ánh vàng, thì đó đều là tướng không hay. Nhà tướng thuật Đồng Chính đời Hậu Hán nói: "Từ đầu mắt đến cuối mắt, khi khép mở đều có ánh sáng lạ thì đó là tướng

thần tiên, tướng phi phạm", "Thần tướng toàn thiên" dẫn "Đạt ma tướng nhãn" nói:

"Đẹp mà ngay, nhỏ mà dài, thần định là lộ ra mắt, thần lộ rồi thù ngay, trên dưới không trắng, nhìn lâu không thoát, gặp biến không hoa".

"Đẹp" là nói ánh mắt rực thân, "ngay" là nói dáng mắt ngay ngắn đẹp đẽ, người mắt nhỏ mà không dài chỉ có tài vật, mắt dài mà không nhỏ là người làm điều ác. Ánh mắt định thần mà không lộ, không phóng tầm mắt ra ngoài, rốt cuộc vẫn là người ngu, ánh mắt có thần mà không thu lại kịp thời thì sẽ trôi nổi bên ngoài, thần không thu về được, lòng trắng phía trên nhiều là người gian ác, lòng trắng phía dưới nhiều sẽ gặp hình phạt. "Nhìn lâu không thoát" là nói thần tướng vượng; bỗng gặp kinh biến mà mắt không hoa là tướng tâm chính.

Sách lại dẫn một bài quyết:

"Mục tú nhi trường, tất cận quân vương (mắt đẹp mà dài, hẳn gần vua chúa). Nhân tự tức ngu, tất định gia phi (mắt như mắt cá giếc, hẳn là nhà nhiều cửa). Mục đại nhi quang, đa tiền điền trang (mắt to mà sáng, sẽ có thêm nhiều ruộng vườn). Mục đầu phá khuyết, gia tài kiệt diệt (đầu mắt vỡ khuyết, gia tài khánh kiệt). Mục lộ tứ bạch, trận vong binh tuyết (mắt trắng cả bốn phía, hẳn trận địa mất binh lính bị diệt chết). Mục vi phượng loan, tất định cao quan (mắt như mắt loan mắt phượng, chắc hẳn làm quan to). Mục hữu tam giác, lòng nhân tất ác (mắt có ba góc, người này ác độc). Mục đoản mi trường, dụ ích điền trang (mắt ngắn mày dài, càng nhiều ruộng đất). Mục tinh như độc, tất định quý chiết (tròng mắt nếu lồi, chắc chắn chết non). Xích ngân xâm đồng, quan sự trùng trùng (vết đỏ lẩn tròng, việc quan trùng trùng). Mục xích tinh

hoàng, tất chủ yếu vong (mắt đỏ trông vàng, hẳn là chết yếu). Mục trường nhất thốn, tất tá minh vương (mắt dài một tấc, hẳn giúp vua tài). Mục liệt hữu uy, vạn nhân quy y (mắt rực lửa có uy, cả triệu người theo về). Mục hữu dương mục, tướng hình cốt nhục (mắt như mắt dê, làm hại cốt nhục). Mục như phong mục, ác tử cô độc (mắt như mắt ong, chết thảm cô độc). Mục vi xà tinh, lang độc hồ hình (mắt như mắt rắn, độc như rắn, xảo quyết như hồ). Mục vĩ tương thủy, phu thê tương ly (đuôi mắt rủ xuống, chồng vợ lìa tan).

"Ma Y tướng pháp" lại có một bài thơ nói về mắt:

*"Trắng như nhật nguyệt phải phân minh
Mắt phượng mày rồng thấy trong xanh
Sợ nhất mắt vàng thêm mạch đỏ
Suốt đời hung bạo sống không thành.
To nổi mắt dê là tướng dữ
Bơ vợ tiền của sạch sành sanh.
Mắt nhỏ lại sâu không tâm phúc
Người hay nhìn trộm hiểm thật tình".*

Về tướng mắt còn một số ý kiến khác nữa, nhưng đại để đều thế cả.

Người ta còn ví mắt người với mắt các loại động vật như mắt rồng, mắt phượng, mắt voi, mắt rùa, mắt hổ, mắt sư tử, mắt bò, mắt công, mắt uyên ương, mắt phượng gáy, mắt âm dương, mắt hình hạc, mắt ngỗng, mắt hoa đào, mắt say, mắt hạc, mắt dê, mắt cá, mắt lợn, mắt vằn, mắt bồ câu, mắt chó sói, mắt cò, mắt vượn, mắt hươu, mắt tôm, mắt mèo... Mỗi kiểu mắt như vậy còn được gán cho một kiểu dự báo lành dữ, họa phúc nhất định. Như nói lý tướng nhất là

mắt rỗng, đó là tướng phú quý vinh hoa nhất đẳng: xấu nhất là mắt ngựa, đó là tướng khắc vợ khắc con lại khôn đốn vặt vãi. Rõ ràng là khó thuyết phục được ai.

Mắt là một tinh, là biểu chứng bên ngoài của gan. Đồng ý cho rằng sự thay đổi hình dáng màu sắc của mắt là triệu chứng bên ngoài của tình trạng gan. Tướng thuật cũng dựa vào đó để nói về họa phúc. "Vọng chẩn tuân kinh" đời Thanh viết:

"Tướng sĩ nhìn mắt để đoán người hiền hay ngu, phải căn cứ vào lúc thường. Thấy thuốc nhìn mắt đoán bệnh, phải rõ khi biến... Quan sát mắt không chỉ xét hình dạng, mà phải trông khí sắc... Mắt đỏ bệnh tại tim, trắng bệnh tại phổi, xanh tại gan, vàng tại tì, đen tại thận, màu vàng khó tả là bệnh ở trong ngực..."

Mũi

Mũi trong tướng thuật còn gọi là "trung nhạc", "thổ tinh", "thổ tú", "thẩm biện quan". Các nhà tướng thuật cho rằng mũi chiếm vị trí cao mà là biểu hiện bên ngoài của tướng, là cửa xuất nạp khí của một thân thể. Mũi thuộc thổ, là linh miếu của phổi, tiêu biểu cho "kho thu tàng" của người. Hình tướng của mũi là có quan hệ với khí chất, tính tình và phúc lộc của người.

Xem tướng mũi, trước hết phải xem ấn đường và sơn căn.

Ấn đường ở giữa hai mày, dưới trung chính, trên sơn căn, là vị trí quan trọng để sống mũi xuyên lên đỉnh đầu. Ấn đường màu sắc nhuận hồng, đầy đặn rộng rãi bằng phẳng ngay ngắn, hai mày dàn rộng, được lan dài và đình uỷ châu nhau, mới là tướng đẹp, quý. Nhỏ mà lệch lõm, hai mày gần sát nhau, lại thêm mang tai ngắn, ít râu là tướng gia tài phá tán, học vấn không thành, cô độc, đốn hèn. Giữa ấn đường có xương lùm lên là tướng quý, nhọn hẹp thì hèn

nghèo. Giữa ấn đường có ba vết nhân dọc như chữ xuyên là tướng lắm điều lo nghĩ.

Son căn tức sống mũi, nên cao, không nên thấp, tẹt, lại cần phải sáng sủa. Nếu son căn không nghiêng lệch mà luôn sáng, nhuần là tướng cuối đời có lộc, giàu sang và sống lâu. Sơn căn nối liền với trán, sống mũi nổi, ngang với trán thì có quan lộc, ít điều lo lắng, son căn ngắn gầy, sống mũi nhỏ, hõm, gầy là tướng nghèo đói, không sự nghiệp. Sơn căn thô, tối, không có thịt, là tướng học hành không nên nổi, không có lộc. Nói chung son căn đầy đặn, không gầy là tướng quý. "Cổ kim tiểu thuyết" đã viết về cô gái nghèo hèn rách rưới nhưng lại là cô gái có son căn không gầy, có quý tướng, về sau nhất định sẽ thành nhất phẩm phu nhân.

Từ ấn đường đến son căn, dưới đó là mũi. Tướng thuật phân chia mũi thành ba phần: trụ mũi (tức sống mũi), chuẩn đầu (đầu mũi) và lỗ mũi (hai cánh mũi). Nói tóm lại, mũi là thổ tinh. Núi không hiểm cao, đất không hiểm dày. Mũi ngay ngắn đầy đặn, sống mũi cao thẳng nối với ấn đường, xuyên thẳng lên trán như cái trụ trời, tương ứng với thiên đình, đầu mũi đầy đặn, nổi cao, hình như túi mật treo, như ống cất ngang, màu sắc sáng vàng, được sắc của thổ, lại tương ứng với hai bộ vị lan đài, đình ứng là mũi đẹp. Người có tướng mũi như thế sẽ no đủ, vận hội sẽ hanh thông. Trái với thế là tướng mũi xấu. Nói cụ thể hơn, sống mũi cao, ngay ngắn, vững chắc, có xương là tướng được hưởng lộc, lại sống lâu. Mũi không ngay thì trong đời thường gặp trắc trở. Đầu mũi đầy đặn, nhiều thịt thì giàu sang. Trái lại, sống mũi nhọn, mỏng là tướng cô đơn, nghèo hèn. Lỗ mũi hếch, lộ là mũi cò, cô độc nghèo đói. Lỗ mũi to rộng mà không lộ là tướng thông minh. Hai cánh mũi cân đều đặn, cân xứng, không xiên, không lệch.

Trong "Thần tướng toàn thiên" có bài quyết "tướng mũi" viết:

"Mũi như ống cắt, còm áo khỏi lo. Mũi hếch lộ lỗ, chết non, trác trở. Mũi mỏ điều hầu, tướng lắm lo âu. Mũi có ba khúc, nhà rách cô độc. Mũi lõm ba chỗ, anh em lìa bỏ. Đầu mũi mà thẳng, được còm áo ngoài, đầu mũi nổi lồi, sang giàu hơn người. Đầu mũi màu hồng, xuôi ngược tây đông. Mũi gãy lộ xương, suốt đời chìm nổi. Đầu mũi thịt rù, tham dâm ai bằng. Đầu mũi béo tròn, thừa đủ áo còm. Đầu mũi mỏng nhọn, cô đơn hèn mọn. Mũi vượt thiên đình, bốn bể nổi danh. Sống mũi không xương, chết trẻ thảm thương. Mũi lộ thấy xương, chết đói tha hương. Đầu mũi nhọn lệch, lòng dạ xiên méch. Đầu mũi phải sáng nhuận, sơn căn không được gãy".

Các tướng sĩ ví mũi với rất nhiều vật khác. Chủ yếu là cho hình dáng mũi và cũng gán cho các hình dạng khác nhau ấy những tính chất họa phúc khác nhau. Ví dụ như nét mũi sống gãy, nổi cạnh, đầu mũi khoằm là mũi điều hầu, coi đó là tướng độc ác, luôn tìm cách hãm hại người và cuối cùng số phận chẳng ra sao. Lại còn nào mũi rỗng, mũi hổ, mũi dê, mũi sư tử, mũi túi mật, mũi phục tề, mũi bò, mũi ống cắt ngang, mũi khỉ, mũi cá giếc, mũi lưỡi kiếm ,v. v...

Đồng y cho rằng, quan sát hình sắc mũi, có thể biết được tình trạng sức khỏe là có liên quan đến số phận giàu nghèo sang hèn, vì các tướng sĩ cho rằng một người yếu đau bệnh tật là không thể giàu sang được. Đó là một nguyên nhân của sự gắn bó giữa đồng y với tướng thuật. Hãy xem đồng y bàn về cái mũi. Sách "Kim quĩ yếu lược" viết:

"Mũi xanh là bụng đau, mũi lạnh thì chết. Đầu mũi hơi đen là có thủy khí; màu vàng là trong ngực hàn. Mũi màu trắng là mất máu... Mũi là hợp với phế. Mũi to là tàng khí có thừa. Mũi nhỏ là tàng khí bất túc. Mũi sưng phù là tà khí thịnh. Mũi lõm khuyết là

chính khí suy. Mũi thở trướng là phế hư, mũi thở ngửa là phế thực. Mũi khô là chứng hàn nhiệt, mũi thối rữa là bệnh cam sang. Lỗ mũi khô là bệnh của kinh dương minh, sống mũi sập là chứng bại phong. Phía dưới mũi sưng tấy đỏ như nhọt, là bệnh cam trong ruột có sâu. Chảy nước mũi đục là cảm phong nhiệt bên ngoài, chảy nước mũi xanh, là ngoại cảm phong hàn”.

Nhân trung

Nhân trung là vết lõm ở phần chính giữa phía trên môi trên. Tướng thuật coi nhân trung là ngôi rãnh của cơ thể. Ngôi thông thì nước chảy, cạn hẹp thì nước đọng, nhân trung dài hay ngắn có thể quyết định mạng sống dài ngắn, nhân trung rộng hay hẹp quyết định con cái đông hay ít. Vì thế nhân trung còn được gọi là cung thọ mệnh, tử tức. Nhân trung đẹp là nhân trung dài, sâu vừa và phía ngoài rộng, thẳng mà không xiên, rộng mà rủ xuống dưới. Nhân trung nhỏ mà hẹp thì cơm áo quần bách; đầy mà bằng thì khốn khó trắc trở, trên hẹp dưới rộng thì đông con cháu; trên rộng dưới hẹp thì ít con cháu; trên dưới rộng đều, phần giữa rộng thì con cháu khỏe, khó trưởng thành; trên dưới thẳng mà sâu cháu con chật nhà; trên dưới bằng mà rộng không có con cháu, sâu, mà dài sống lâu, nông và ngắn chết yếu. Nhân trung quanh co là người bất tín, nhân trung ngay thẳng là người cương trực, trung nghĩa, ngay ngắn mà thẳng góc, không thể không giàu sang, sống lâu; xiên lệch co ngắn chết non nghèo hèn. Nhân trung rõ ràng như lòng tre chẻ là tướng giàu sang, có phúc lộc, nếu quá nhỏ không rõ, như cái kim treo thì nghèo đói không con. Nếu nhân trung dần dần bằng đi mất hẳn thì tuyệt tự, nghèo khổ. Tóm lại, nhân trung cần sâu rộng, thông suốt rất kiêng hẹp, nông, tắc.

Tai

Tướng thuật còn gọi "thái thính quan", "giang độc", "kim tinh" (tai trái), "mộc tinh" (tai phải), "thọ tinh", "thông minh bộ học đường". Tướng thuật cho rằng, tai thông với tâm, thận, tướng tai có quan hệ với trí, ngu, thọ yếu và vinh nhục, khổ sướng. "Thần tướng toàn thiên - Tướng nhĩ" viết: "Tai suốt não mà thông với ngực, có quan hệ với tim và thận. Cho nên thận khí vượng thì tai tỏ, thận khí hư thì tai không trong không sáng, vì thế tai chủ tiếng tâm và tính hạnh". Như vậy là nói thính giác của ai đó như thế nào là có quan hệ với sự thông minh hay ngu dốt của người đó. Mà tai tinh hay không tinh là do thận khí vượng hay hư quyết định. Quan điểm tai thông với thận vốn là lý luận đông y. "Vọng chẩn tuân kinh" đời Thanh viết:

"Tai là cung của thận, do đó xem tai tốt hay xấu, là có thể biết được thận khoẻ hay yếu. Sao vậy? Tai đen thớ nhỏ là thận bé, thớ thô là thận to, tai cao thận cao, tai lùi về sau thận thấp. Tai dai khoẻ thận khoẻ, tai mỏng không dai thận yếu... Thận chủ xương, do đó tai nổi màu sắc là bệnh ở xương. Tai đỏ, nhiều nhiệt khí, tai xanh trắng, thiếu nhiệt khí. Tai đen, da huyết thiếu khí. Đỏ vàng là phong, xanh đen là bệnh, trắng là trần.

Y học từ góc độ bệnh lý mà nói ảnh hưởng của thận đối với tai, qua tai mà chẩn đoán tình trạng sức khoẻ. Kết quả quan sát đó đã trực tiếp trở thành căn cứ lý luận của tướng thuật.

Căn cứ vào lý luận đông y, phụ hoạ vào nhân sự, tướng thuật cho rằng, tướng tai lý tướng là: dày, dai, dài, thì thọ khảo sống lâu, vành bờ phân minh thì thông minh, dái tai dày, rú thì giàu có sống lâu, tai dày thịt thì giàu đủ, trong tai có lông thì trường thọ, tai có nốt ruồi đen thì sinh quý tử, cửa tai rộng lớn thì có chí hướng lớn

lao, sự nghiệp thành đạt, tai mỏng mà hướng về phía trước thì gia tài phá tán, phải bán nhà bán ruộng, tai lộn, khuyết vênh, lộ thì suốt đời vất vả, cuối cùng không có nhà để ở, hai tai to nhỏ khác nhau thì đời sống không thuận, gặp nhiều trở ngại, hai tai màu sắc sáng sủa, hồng tước thì tiền đồ rộng lớn, tiếng tăm lừng lẫy; trái lại, thô đen thì nghèo đói, ngu dốt.

Có "Bài quyết tướng tai" như sau:

*"Tai như xách lên, tiếng tăm lừng lẫy.
 Hai tai rủ vai, hiển quý không sai.
 Tai trắng như mặt tiếng nổi như cồn.
 Tai hình quân cờ, lập kế thành gia.
 Tai như hoa bay, xa tổ lìa quê.
 Tai mỏng như giấy, nghèo đói bơ vơ.
 Tai như tai chuột, nghèo hèn chết yếu.
 Tai lộn không vành, nghiệp tổ tan tành.
 Tai có châu rú, áo cơm no đủ.
 Tai mỏng không gốc, sống không mấy chốc.
 Cửa tai to rộng, thông minh bay bổng.
 Tai có thành dày, thọ khảo lâu dài.
 Dưới tai xương tròn, tiền của không còn".*

Về cát hung của tướng tai các tài liệu "Thần tướng toàn thiên", "Tướng lý hành chân" v. v... còn bàn nhiều nhưng chủ yếu đều cho rằng hai tai phải có vành, có bờ rõ ràng, phải dài, rộng, dôi, màu sắc trắng hồng, mà không nên bé nhỏ, lộn, lệch, đen xám. Sách tướng nói: "Đại để người có địa vị cao có mắt quý không có tai quý, người

thấp hèn có tai quý, không có mắt quý. Người coi tướng giỏi trước hết coi màu sắc, sau đó mới xem tướng hình". Với hai tai, màu sắc không thể bỏ qua.

Tướng mặt mỗi người một khác, tai cũng đa dạng. Các nhà tướng thuật phân loại tai theo hai mặt: Một là hình tướng ngũ hành, tai dày, to béo, màu sắc đỏ nhuận, ấy là tai thổ, giàu sang trường thọ. Hơn mày một tấc, tai vành nhỏ, tai trắng hơn mặt có chân rú, ấy là tai kim sang giàu nổi danh, nhưng hại con, về già cô độc. Vành bay tai lợn ấy là tai mộc của tiền bất túc, vất vả cực nhọc. Tròn dày quá mắt, sát não rú châu, cứng dai nhuận đỏ ấy là tai hỏa, sống lâu mà có độc (không con). Hai là căn cứ vào hình dáng mà đặt tên, tai quân cờ, tai hổ, tai đuôi tôm, tai lợn, tai thấp lùn, tai rú vai, tai sát não, tai nở hoa, tai quạt gió, tai chuột, tai lừa. v. v... Nói chung tai quân cờ thì trung niên phú quý, tai hổ thì thích mạo hiểm, địa vị cao mà có uy. Tai đuôi tôm thì của cải sạch tan, tai lợn thì tuổi già âm đạm, nhiều tai hoa, tai thấp lùn thì của hết người chết, tai rú vai thì sang không nói hết, tai hoa nở thì khi trẻ giàu có, về già nghèo khổ, tai quạt gió thì tuổi nhỏ sung sướng, lớn lên lụi bại, tai chuột hay trộm cướp sẽ bị hình phạt, tai lừa thì làm gì cũng trắc trở, suốt đời nghèo khổ.

Miệng

Miệng, tướng thuật gọi là "xuất nạp quan", "thủy tinh", "thủy tú". Tướng thuật cho rằng miệng là cửa ngôn ngữ, là cửa ải thị phi, là cửa ngoài của tâm. Phải ngay ngắn rộng rãi, phải đầy đặn đỏ nhuận thì mới có phúc. "Tướng khẩu" trong "Thần tướng toàn thiên" viết: "Miệng là cửa ngôn ngữ, là công cụ ăn uống, là cửa ải tạo hoá vạn vật, lại là cửa ngoài của tâm, là chỗ thưởng phạt ra, là nơi hội họp thị phi. Ngay ngắn đầy đặn, không ngoa xằng gọi là

khẩu đức, phỉ báng lắm lời gọi là khẩu tặc". Như vậy là không chỉ lấy đặc trưng sinh lý mà nói về miệng, mà còn coi là một tiêu chuẩn đạo đức xã hội, khiến cho ý nghĩa mệnh lý của miệng càng sâu rộng hơn. Trong ngũ hành, miệng là thủy tinh cho nên lại gọi là cửa biển: "Miệng là biển lớn, là dòng dung nạp bách đạo".

Ý nghĩa lành dữ của miệng cũng dựa theo y lý. "Vọng chấn tuân kinh" đời Thanh nói: "Miệng là thông khiếu của tỳ, là cửa ngoài của tâm... Miệng trướng phong thì tâm tuyệt. Bệnh kinh giản mất trướng miệng há, bất tỉnh nhân sự là chứng chết. Miệng người bệnh há thì sau ba ngày sẽ chết. Há mồm căng mũi mà thở, là phế tuyệt. Miệng há mà chỉ thở ra không hít vào là phế tuyệt, ba ngày sẽ chết. Người bệnh há hốc miệng là tâm bị bệnh trước. Bệnh nhân mạch tuyệt, miệng há chân phù, trong năm ngày sẽ chết. Miệng như miệng cá, không ngậm lại được hơi thở ra nhiều, hít vào ít là chứng chết". Tướng thuật theo quan hệ giữa tâm và miệng đó, gán thêm một số tiêu chuẩn luân lý để đưa ra những kết luận về cát hung họa phúc cho hình tướng sắc thái của miệng.

Tướng thuật cho rằng, miệng vuông rộng có góc như cái cung, rộng ngang mà dày, ngay ngắn không lệch, môi dày không mỏng đỏ mà nhuận, vuông như chữ tứ là tướng tốt, sẽ sống lâu có địa vị cao, cơm áo nhiều; trái lại miệng nhọn, mỏng, lệch chúm như thỏi lửa, có nếp nhăn dọc đổ vào miệng, há mồm là lộ răng, hay nói một mình thì đó là tướng xấu, cơm áo thiếu thốn, nói xấu ghen ghét. "Ma y tướng pháp" nói: Miệng phải mở như cung, há to ngậm nhỏ, hai môi trên dưới cân xứng, không lộ xỉ, vuông vắn thì xứng là xuất nạp quan". Lại viết: "Người quý môi đỏ như son, lại vuông chữ tứ thì vinh hoa. Kẻ nghèo hèn thường xạm đen như chuột, bán nhà bán ruộng sống lang thang. Thủy tinh đặc địa môi miệng vuông, giàu sang phú quý con cháu thịnh. Trên dưới môi lệch góc mép mỏng cắt

mồm chề bai thuật khó phòng". Sách "Tướng lý hành chân" đời Thanh đã chỉnh lý các cách nói về miệng và tổng kết như sau:

Miệng như bát sa (một thứ son đá), phú quý vinh hoa. Miệng như bôi son, không thể cơ hàn. Miệng đỏ như son, đã giàu lại sang. Miệng môi vừa phải, hẳn là người hiền, đã có đức miệng, tính lại thật lành. Miệng như cái cung, chúc vị tam công. Miệng tía lại vuông thì lắm điền trang. Góc miệng không tương không có trữ lương. Miệng không thấy môi sẽ nắm binh quyền. Miệng lợt nắm tay công hầu thấy ngay. Miệng trễ hai góc, cơm áo thiếu chặt. Miệng lệch cao thấp, đối trá gian tà. Miệng nhọn không ngay, bạn với ăn mày. Miệng như túi thắt, suốt đời đói khát, dù có con trai chớ hồng nhờ cậy. Miệng như con ốc, một đời cô độc. Bên miệng màu tía, tham lam độc địa. Miệng chúm môi nhọn, nghèo khổ nổi trôi. Miệng không thấy răng, già cũng nên thân. Miệng rớt nếp nhăn, cô độc khó khăn. Miệng như thổi lửa, tuổi già độc toạ. Miệng có nếp nhăn, ước nguyện không thành. Miệng rộng môi mỏng, chỉ quen nói người. Miệng rộng lại đầy, phúc lộc nhiều thay. Hai mép vểnh lên, không sợ khó khăn"

Về hình dáng của miệng, người ta ví với nhiều thứ:

Miệng chữ tứ: Góc miệng phân minh, hai môi cân xứng ngắn, hai mép hơi vểnh lên, miệng vuông như chữ tứ (). Đó là tướng thông minh, có tài nghệ, giàu sang hiển đạt.

Miệng vuông: Hai môi ngắn, vuông vắn, đỏ nhuận tươi sáng, cười không lộ răng. Đó là tướng vinh hoa phú quý.

Miệng trắng lưỡi liềm ngựa: Hai môi như trắng lưỡi liềm ngựa, hơi cong lên, răng trắng môi đỏ. Đó là tướng có tài văn chương, nổi danh.

Miệng cong hình cung: Hai môi cong hình cung, đỏ như son, màu sắc tươi sáng, tướng suốt đời giàu sang.

Miệng trâu: Hai môi dày, đầy đặn trong cái đục thấy được cái trong. Đó là tướng thông thuộc, giàu sang khoẻ mạnh.

Miệng rồng: Hai môi đầy đặn, sáng sủa, mép miệng thanh tú. Đó là tướng hiển đạt, có quyền thế.

Miệng hổ: Rộng dút lọt nắm tay, mép ngay ngắn. Đó là tướng vui sướng, giàu có.

Miệng dê: Nhọn dài, không có ria, hai môi nhỏ mỏng. Đó là tướng nghèo hèn, dễ gặp vạ miệng.

Miệng lợn: Môi trên dài mà thô, môi dưới nhọn, nhỏ, mép rõ dài. Đó là tướng dễ bị người khác dè bĩu, nói xấu, suốt đời trắc trở khó khăn.

Miệng ngựa: Há quá to. Tướng đồ kỵ, tham lam, áo cơm thiếu thốn.

Miệng thổi lửa: Như miệng người đang thổi lửa, nhỏ nhọn. Đó là tướng cơm áo khó khăn, suốt đời vất vả.

Miệng nếp nhăn: Trên môi loạn nếp nhăn. Tướng cuối đời cô độc, cơm không nổi bữa, áo không kín thân.

Miệng anh đào: Miệng to như anh đào, môi đỏ như bôi son, răng nhỏ kín, cười đẹp như sen hé nụ. Tướng thông minh hiển đạt.

Miệng khỉ: Hai môi nhỏ, dài, nhân trung như lòng tre chẻ. Đó là tướng suốt đời no đủ, sống lâu có phúc.

Miệng cá chày: Miệng rộng, mép thấp, hai môi không tròn. Đây là tướng nghèo hèn, không thọ.

Miệng cá giếc: Miệng nhỏ. Tướng bản tiện.

Miệng thuyền úp: Hai mép màu sắc đục, hai môi màu thịt bò. Đây là tướng suốt đời nghèo khổ, làm bạn với ăn mày.

Phân chia kỹ miệng gồm ba phần: môi, răng, lưỡi với những yêu cầu về hình dáng, màu sắc khác nhau.

Môi là thành quách của miệng, là cửa của lưỡi, mở môi đóng môi đều có ý nghĩa vinh nhục. Vì thế môi phải đầy đặn, có góc cạnh. Người cả môi trên dưới đều đầy đặn là người trung tín. Người cả hai môi đều ngắn là tiểu nhân nịnh hót. Người môi trên mỏng thì ăn nói hay dối trá, người môi dưới mỏng thì cả đời nghèo hèn. Hai môi phải kín, trái lại dễ bị phỉ báng. "Đông pha chí lâm" đã ghi câu nói của Âu Dương Tu: "Môi không đủ che răng, vô cớ bị huỷ báng". Âu Dương Tu cho rằng câu nói đó "rất nghiêm". Hai môi không nên chúm nhọn, không nên trễ xuống, không nên có nếp nhăn. Màu sắc môi cũng lắm ý. Tướng thuật cho rằng: Môi đỏ thì có phúc, có địa vị. Người môi xanh xám dễ chết non, lắm tai hoạ. Người có môi màu sắc tối thường nghèo khổ. Người môi tía mà sáng là người giàu có, sung sướng.

Răng vận hoá thức ăn để cung cấp cho lục phủ, do đó quan sát răng có thể biết được sức khoẻ, tuổi thọ của người. Tướng thuật cho rằng răng to mà dày, kín dài, mà thẳng nhiều mà trắng là răng tốt. Người răng dày, kín, vững chắc là người trường thọ, người răng rời, không ngay hàng thẳng lối là người xảo quyệt. Người răng hô lộ thì tuổi thọ thấp. Người răng thưa thì nghèo, người răng khuyết, răng rụng là người ngu tối. Người răng khô gặp nhiều tai ách. Người khi

nói không lộ rằng dễ có địa vị cao, người vừa đến tuổi trung niên mà răng đã rụng là người chết non.

Lưỡi là chuông mõ trong miệng, là chỗ trú ngụ của tinh thần, là thuyền bè của tâm, là cốt lõi của tính mệnh, là mấu chốt được mất của cả đời người. Đầu lưỡi dài mà sắc là lý tướng nhất, nếu hẹp mà ngắn cụt thì cả đời khốn đốn hoặc là giả dối gian tà. Người lưỡi to mà mỏng là người hay nói năng xằng bậy. Người lưỡi nhọn mà nhỏ là người tham tiền bất nghĩa. Người lưỡi đỏ như son là người hiền quý, người lưỡi xanh đen là người nghèo hèn, lưỡi đỏ như máu là tướng có phúc lộc. Lưỡi trắng như vôi là tướng bán hàn. Ngoài ra, đường vân mặt lưỡi cũng là dấu hiệu dự báo lành dữ họa phúc. Đầu lưỡi có vân thẳng là tướng quan to đến chức khanh giám. Lưỡi có vân dọc là tướng quan to đến chức điện quán. Mặt lưỡi có vân xoắn là tướng quý nhất, có vân hoa gấm là tướng tước vị cao sang, được ra vào triều đường.

Tiểu kết về tướng mặt: Trong hình tướng thì tướng mặt là có nội dung phong phú nhất. Qua phân tích trên, ta có thể thấy, lớn từ khuôn dáng, nhỏ đến đường vân lông tơ, định vị như ngũ quan, biến hoá như sắc màu, còn có da dẻ, thần khí, tư thế cạnh góc v. v... đến rồi cả mắt. Trong hình tướng, phức tạp nhất là tướng mặt. Không chỉ vì nội dung phong phú mà mặt khác còn vì có nhiều trường phái tướng thuật khác nhau, lý luận không giống nhau, điểm quan sát cũng khác nhau, phái nặng mặt này, phái thiên mặt kia khác nhau rất xa. Tuy vậy, lý luận căn bản của các phái cũng có điểm giống nhau, có khi các phái tiếp nhận lẫn nhau, đặc biệt là các tướng sĩ giang hồ, họ tiếp nhận tất cả, có khi không cần chọn lọc, tạo ra tình trạng lẫn lộn, pha tạp. Với những quan điểm như vậy mà xem tướng, tất nhiên sẽ dẫn đến những kết luận khác nhau, làm cho chúng ta không lẫn ra mối, càng cảm thấy tướng thuật quá thần bí.

Với con mắt ngày nay, qua lớp sương mù của nội dung tướng mặt, có thể khái quát ra bốn cơ sở chủ yếu tạo ra học thuyết tướng mặt:

1 - *Dựa vào thuyết âm dương ngũ hành cổ đại của Trung Quốc.* Thật ra thuyết âm dương ngũ hành là cơ sở lý luận của tướng thuật. Tướng mặt là quan trọng nhất trong tướng thuật. Về mô thức vũ trụ dựa vào thuyết âm dương ngũ hành trên đây chúng tôi đã nói đến. Về tướng mặt, các tướng thuật gia cho rằng, tướng mặt là phỏng theo trời đất. Bộ vị tướng mặt và khí quan tướng mặt đều có vật tượng đối ứng, như trán tượng trời, cằm tượng đất, mắt là trăng sao, tóc là cây cỏ v. v... Đã là trời đất, người hỗn thành một thể, cùng vận hành theo quỹ đạo âm dương ngũ hành, thì bộ vị, khí quan tướng mặt tự nhiên cũng được đặt trong mô thức đó, như thuyết ngũ tinh lục diệu, thuyết ngũ quan ngũ hành sinh khắc, mắt là giáp ất mộc, mày là binh đinh hỏa, mũi là canh tân kim, miệng là mậu kỷ thổ, tai là nhâm quý thủy v. v... Trong mô thức đó, sự vượng suy, ngay lệch của các bộ vị, khí quan tướng mặt được hoà chung trong quan hệ âm dương ngũ hành chủ đạo mọi thứ trên đời. Kết cấu và quan hệ âm dương ngũ hành quy định kết cấu và quan hệ bộ vị và khí quan tướng mặt.

2 - *Dựa vào chế độ chính trị, luân lý đạo đức Trung Quốc cổ đại.* Thuyết âm dương ngũ hành áp dụng vào xã hội nhân sinh, tạo ra cái mô thức vũ trụ rộng lớn. Đó là mục đích cuối cùng của việc nghiên cứu âm dương ngũ hành cổ xưa. Chế độ chính trị, đạo đức luân lý đã thuộc phạm vi mô thức kia thì tất nhiên cũng sẽ ảnh hưởng đến các luận giải tướng mặt của tướng thuật, trong đó biểu hiện rõ nhất là thuyết mười ba bộ vị. Như trong thiên trung có thiên ngục, lộc phủ, vũ khố, quân môn; trong tư không có thượng khanh, thánh hiền v. v... Dưới mắt người đời nay, rõ ràng những cái đó là

kiêm cường, ngô nghệ, nhưng các nhà tướng thuật xưa lại coi là hoàn toàn phù hợp với quan hệ bộ vị, khí quan tướng mặt.

3 - *Dựa vào sinh vật tự nhiên.* Chúng ta biết rằng hình tượng ngũ hành và hình tượng động vật đã được tướng thuật cổ đại dùng để gắn loài động vật với loài người. Nhưng các nhà tướng thuật còn dùng hình tượng động vật để ví với hình tượng người, từ đó mới có mắt người như mắt rồng, mắt rắn, mắt lợn, mắt dê v. v... Quá trình đó, có thể là học theo tự nhiên, nhưng rồi lại trở về với tự nhiên, tiến lên theo vòng tròn.

4 - *Lợi dụng lý luận đông y.* Lý luận đông y là sự tổng kết tình trạng của người cảm nhận được qua quan sát thần khí, triệu chứng bên ngoài, dưới sự chỉ đạo của tư tưởng âm dương ngũ hành. Tư tưởng chỉ đạo của tướng thuật cũng cùng nguồn gốc ấy, và sự tổng kết kinh nghiệm sâu sắc của đông y lại tạo điều kiện cho tướng thuật dự báo cát hung hoạ phúc của người. Đông y cho rằng, khí quan bộ mặt là dấu hiệu của gan, qua quan sát khí quan bộ mặt, có thể biết được tình trạng của lục phủ ngũ tạng. Tướng thuật đã lợi dụng nguyên lý đó như thế nào? Nói giản đơn, thần thái biểu hiện trên vẻ mặt cho thấy tình trạng sức khoẻ và dinh dưỡng của một người. Sức khoẻ là gốc của tuổi thọ, mà tuổi thọ là nguồn của hạnh phúc. Tình trạng dinh dưỡng lại phản ánh cảnh nhà giàu nghèo thế nào. Hơn nữa, thần thái khí sắc còn có thể cho thấy trước hướng phát triển của thân thể. Điều này cũng đã được tướng thuật vay mượn. Lại như đông y cho rằng, tai nối thông với thận, màu sắc vàng, đỏ, xanh, đen, trắng của tai đều chứng tỏ thận khí không bình thường. "Tai nổi ngũ sắc là bệnh tại xương", triệu chứng khá nghiêm trọng. Tướng thuật từ đó nói màu sắc của tai phải tươi sáng, đỏ nhuận, tránh tình trạng xuất hiện "ngũ sắc", nếu không thì là dữ, là nghèo hèn, ngu dốt. Do đó, nắm được nhiều bệnh lý, mượn đó để

phát huy. Đó tức là thực chất tướng thuật dựa lưng vào đông y để dự đoán cát hung, họa phúc của người.

Sau khi đã tìm hiểu đặc trưng các bộ vị tướng mặt rồi, muốn biết số phận một người nào đó ra sao, còn phải tham chiếu cái gọi là "lưu niên vận khí", tức là vận khí theo từng năm của người, có thể tìm được qua 99 bộ vị của mặt, mỗi bộ vị làm chủ vận khí một năm. Như tướng thuật cho rằng bộ vị thượng đình (trán) chủ về vận khí người từ 15 đến 30 tuổi. Trán được chia thành 3 phần: trên, giữa, dưới, vị trí lưu niên cụ thể là:

1. 15 tuổi - Hoà tinh (trán đi vào chân tóc khoảng 2cm) 16 tuổi - Thiên trung (phần trên cùng của trán, sát chân tóc)
2. 17, 18 tuổi - Nhật nguyệt giác (chỗ hơi lõm hai bên xương trán)
3. 19 tuổi - Thiên đình (giữa trán)
4. 20 -21 tuổi - Phụ giác phải trái (dưới nhật nguyệt giác, chệch trái phải trên mày, dưới tuyến nối với tư không)
5. 22 tuổi - Tư không (trung tâm toàn bộ trán)
6. 23-24 tuổi - Biên thành phải trái (chỗ giao hội của chân tóc trên với chân tóc phải trái).
7. 25 tuổi - Trung chính (giữa tư không và ấn đường)
8. 26 tuổi - Khâu lãng (huyệt thái dương trái) 27 Tuổi - Chủng mộ (huyệt thái dương phải)
9. 28 tuổi - Ấn đường (giữa hai mày)
10. 29-30 tuổi - Sơn lâm trái phải (hai đầu trái phải của xương trán, nơi chân tóc hai bên trái phải trên đường thẳng nối nhật nguyệt giác).

Nếu trán không có nếp nhăn, tì vết, hình dáng đầy đặn, cao đầy, vuông vắn rộng rãi, màu sắc sáng nhuận, thì tức là trong khoảng từ 15 đến 30 tuổi, vận mệnh rất tốt. Nếu nhiều nếp nhăn, lõm lõm không bằng phẳng hoặc là thấp hoặc là hẹp lõm thì tức là trong khoảng đó vận mệnh không tốt.

Thuyết "Lưu niên vận khí" khá phức tạp, hơn nữa đều vô lý, xằng bậy, không cần bàn. "Bài ca lưu niên vận khí" dưới đây chỉ để những ai cảm thấy hứng thú thì đọc cho vui:

*"Muốn biết lưu niên vận khí hành.
Trai trái gái phải cần phân minh.
Thiên luân một hai vận tuổi nhỏ.
Ba bốn chu lưu đến thiên thành.
Vành tai thủy châu năm sáu bảy
Tám chín thiên luân đến thượng đình.
Nhân luân mười bốn đến mười một.
Tai quăn vành lật hẳn chẳng lành.
Mười hai, mười ba và mười bốn.
Địa luân chầu miêng thọ khang vinh.
Mười lăm hoá tinh ngay giữa trán.
Mười sáu thiên trung cốt pháp thành.
Mười bảy, mười tám nhật nguyệt giác.
Vận sang mười chín ứng thiên đình.
Phụ giác hai mươi và hăm một
Hăm hai tuổi vận đến tứ không.*

Hăm ba, hăm bốn biên thành ấy.
Hăm năm tuổi gặp ở trung chính.
Hăm sáu lên trụ ở khâu lãg
Sang hăm bảy tuổi xem chủng mộ.
Hăm tám tuổi gặp ấn đường bình.
Hăm chín, ba mươi sơn lâm bộ
Ba mươi mốt tuổi lãg vân trình.
Vận mệnh đi vào bãm hai tuổi
Trán phải ánh vàng tử khí sinh
Bãm ba tuổi đi phồn hà bộ.
Ba mươi tư tuổi đến thái hà minh.
Ba mươi năm tuổi ở thái dương vị.
Ba mươi sáu tuổi hộ, thái âm.
Trung dương chính tuổi ba mươi bảy.
Trung âm bãm tám chủ thông hanh.
Thiếu dương tuổi đúng ba mươi chín.
Thiếu âm bốn mươi ít anh em.
Sơn căn đường xa tuổi bốn mốt.
Bốn hai tuổi đến tình xa cung.
Bốn mươi ba tuổi lên quang điện.
Tứ tuần lễ bốn tiếp tục tăng.
Tuổi thọ bước lên tuổi bốn năm.
Bốn sáu, bốn bảy lưỡng quyền cung.
Chuẩn đầu ở vào tuổi bốn tám.

Bốn chín tuổi vào lan đài cung.
Đình ưng gặp đúng tuổi ngũ tuần.
Nhân trung năm một tuổi thất kinh.
Năm hai, năm ba ở tiên khố.
Năm mười bốn tuổi ăn thương doanh.
Năm nhăm được mời gạo lộc thương.
Năm sáu, năm bảy pháp lệnh rành.
Năm tám, năm chín vào hổ nhĩ,
Vào tuổi sáu mươi gặp thủy tinh.
Thừa tương chính là tuổi sáu một.
Địa khố sáu hai sáu ba thành.
Sáu mươi tư tuổi ở bì tri
Sáu mươi nhăm tuổi nga áp minh.
Sáu sáu, sáu bảy xuyên kim lữ.
Sáu tám ,sáu chín quy lộ trình.
Qua tuổi bảy mươi gặp tụng công
Địa các lại thêm tuổi bảy mốt.
Bảy hai, bảy ba nhiều nô bộc
Tai cốt bảy tư, bảy lăm tuổi cùng,
Bảy sáu, bảy bảy tìm tử vị.
Bảy tám, bảy chín sầu niên canh.
Đến tuổi thái công thêm một tuổi
Lợi gặp dần hổ càng thêm linh.
Tám hai, tám ba cung mảo thổ.

Tám tư, tám năm rồng thìn thành.
Tám sáu, tám bảy cung ty rắn.
Tám tám ,tám chín ngọ ngựa khinh.
Chín mười, chín một dê mùi tổ,
Chín hai, chín ba khí kết quả
Chín tư, chín năm tiếng gà rõ.
Chín sáu, chín bảy chó sủa trắng
Chín tám ,chín chín vừa bán lợn
Muốn hỏi tuổi người quá một trăm
Kỳ dị trở lên bảo trường sinh.
Hết vòng trở lại bàn đến mặt
Hoa ấy nốt ruồi và vết nhăn.
Vận hạn cùng xung sáng tranh tối
Càng gặp lụn bại thuộc u minh
Lại hiếm khí sắc cùng hình khắc
Máu mủ lìa tan khổ lênh dênh
Nếu gặp vận may bộ vị tốt
Khí thuận khí sắc thấy sáng xanh
Ngũ nhạc tứ độc cùng triều củng
Bay cao vận dậm thả bằng trình
Ai biết diệu quyết của thần tiên
Gặp nhau cười nói người đời kính”.

5 - TƯỚNG THÂN

Các nhà tướng thuật cho rằng tướng thân có thể chia ba phần: thượng, trung, hạ trong đó đầu là thượng đình, từ vai đến lưng là trung đình, từ lưng đến chân là hạ đình. Thượng trung hạ đình cân xứng là tướng phúc thọ song toàn. "Thân tướng toàn thiên quyền nhị - Thân tướng tam đình" viết: "Thân chia thành tam đình, đầu là thượng đình, người thấp bé mà đầu dài, người cao lớn mà đầu ngắn, nhỏ thì cả đời nghèo hèn. Từ vai đến eo lưng là trung đình, trung đình phải cân xứng, ngắn thì không thọ, dài quá thì bản cùng, lưng mềm mà đi đứng ngồi đều rung chuyển thì là tướng không thọ. Từ eo lưng đến chân là hạ đình, phải bằng thượng đình mà không dài hơn, dài hơn thì lắm bệnh. Người mà thượng trung hạ đình dài ngắn khác nhau thì không thọ. Tam đình tương xứng thì tướng đẹp".

"Tam đình tướng thân" rõ ràng chỉ là quan sát vĩ mô, tức là nhìn lướt qua toàn thân để nắm tình hình chung về hoạ phúc thọ yếu của một người. Nhưng các tướng sĩ cần quan sát tỉ mỉ một số bộ vị quan trọng trên cơ thể: lưng, hông, ngực, vú, rốn, hậu môn, khí quan sinh dục v.v...

(1) LƯNG, NGỰC, VÚ

"Hán thư" nói rằng Khoái Thông thường nói với Hàn Tín:

"Nhìn tướng mặt của ngài thì cũng chỉ đáng tước hầu, nhưng tướng lưng của ngài thì quý không thể nói hết". "Năng cải trai khê lục" ghi tế tướng đời Tống là Sái Kinh bất hoà với em là khu mật viện Sái Biện, đã cười em: "Tướng xương của em rất đẹp, nhưng cái lưng kém lắm". Qua đó có thể thấy có lẽ lưng Hàn Tín dày chắc, bằng phẳng đúng tiêu chuẩn "quý tướng", còn lưng của Sái Biện

mỏng, cho nên mặc dù tướng xương rất quý cũng không thể coi là tướng phúc thọ. Các nhà tướng thuật cho rằng, lưng dày hay mỏng rất quan trọng, "là nơi quyết định an nguy cả một đời, quyết định giàu nghèo trăm tuổi". Lưng rộng dày bằng phẳng thì suốt đời ít gặp tai họa, lưng hẹp mỏng thì sẽ nghèo khổ, nếu trên lưng có xương nổi lùm lên hoặc là thịt dày, vuông tròn đầy đặn thì đó là tướng thông minh tài trí, phúc lớn vị cao, trái lại, lưng mỏng hẹp, lõm thụt, ngắn nhỏ thì ít phúc, cả đời quần bách, "Thần tướng toàn thiên" quyển tứ nói: "Lưng phải dài, không nên ngắn, nên dày, không nên mỏng. Người lưng mỏng lõm là người nghèo hèn, người lưng bằng phẳng dày đặn là người suốt đời yên vui".

Tướng thuật gia cho rằng, ngực là cung đình của bách thân, là kho phủ của vạn cơ. Cung đình phẳng rộng thì thân yên khí hoà, kho phủ nghiêng thụt thì trí nông lượng hẹp. Do đó, ngực phải phẳng dày, dài rộng thì mới có trí tuệ phúc lộc, trái lại nhỏ hẹp ngắn thì bản bạc "Thần tướng toàn thiên" viết: "Ngực là cung đình của khí huyết, bằng rộng vuông thì phúc lộc tốt. Nếu lệch hẹp và lõm thì biết hẩm vận và một đời".

Vú được các nhà tướng thuật coi là hoa của huyết mạch, ở vào hai bên ngực, là cung nuôi dưỡng con cái, là căn cứ bên ngoài để phân biệt sang hèn. "Minh sử - Kim Trung truyện" chép: Các nhà tướng thuật lớn là Viên Cung đã từng trông thấy vú của vợ Kim Trung nói rằng bà ta sau này sẽ đại quý, về sau quả đúng như lời. Hai vú nên tròn, tím mà không trể xuống, không nên bẹp, nhỏ và trắng nhạt, "Thái thanh thân giám", quyển 6 viết: "Người đầu vú nhỏ hẹp không con không của, người đầu vú trắng không con không địa vị". "Thần tướng toàn thiên" cũng nói: "Vú phải rộng, đen, rậm, không thể hẹp trắng, cong, bé, thậm chí nói, người vú rộng một xích hai thốn là đại quý, rộng một xích là thứ quý. Đầu vú phải

to mà vểnh lên thì mới đông con có địa vị cao. Đầu vú cong mà thấp thì con khó nuôi, con như bùn, đầu vú khoẻ mà to sống lâu nhiều phúc, trắng mà vàng thì vô hiệu. Đầu vú phải có màu tím như quả dâu chín thì mới đông con, nhiều phúc.

Đầu vú có lông thì nhiều kiến thức, đầu vú có nốt ruồi đen sẽ xinh con quý".

(2) HÔNG, BỤNG, RỐN

Tướng thuật gia cho rằng, hông chỉ về vận khí trung niên, là dấu hiệu bên ngoài của quý tiện. "Chiếu đảm kinh" viết: "Không có hông thì không sang, không có lưng thì không giàu". Về tướng hông, thiên "Luận yên" trong "Thần tướng toàn thiên" viết: "Hông là núi của bụng, như vật dựa vào núi, hông là chỗ dựa của yên nguy. Cho nên hông ngay mà thẳng, rộng mà dày là tướng người có phúc lộc; hông lệch mà lõm, hẹp mà mỏng là tướng kẻ nghèo hèn. Người hông ngắn và mỏng thì lắm thành công mà cũng lắm thất bại. Người hông rộng lớn giữ lộc suốt đời. Hông thẳng mà dày là tướng giàu sang, nhỏ mà mỏng là tướng nghèo hàn. Hông lõm trũng sâu là tướng bản cùng, hông cong lượn là tướng kém cỏi". Xét hình dáng, có hông bọ cạp. Có hông ấy thì tính tình khoan hoà và lương thiện; hông ong vàng thì tính tình xấu xa, bỉ ổi, độc ác. Tóm lại, hông phải ngay thẳng, rộng rãi, khoẻ thì mới tốt.

"Ngọc quán chiếu thần cục" viết: "Bụng là lò luyện của thân, bụng chứa ruột, dạ dày mà hoá vạn vật. Bụng cần tròn mà dài, dày mà khoẻ, thế muốn sa xuống, da bụng phải dày mà trơn. Người da bụng dày thì ít bệnh mà giàu. Người da bụng mỏng thì lắm bệnh mà nghèo. Bụng cao thì địa vị thấp mà ngu. Vì sao nói: "Bụng treo hướng xuống giàu sang mà thọ; bụng sa trễ rủ, trí hợp cơ trời; bụng

lệch mà ngắn, ăn không đầy bát; bụng như bế con, khắp nơi biết tiếng". Các nhà tướng thuật cho rằng, nhìn tướng bụng có thể biết giàu nghèo thọ yếu. Thấy tướng nữ nổi tiếng đời Hán là Hứa Phụ cũng nói: "Bụng nhỏ mà trẻ, là trường giả đại phú. Bụng to mà phệ, thiên hạ nghe danh. Bụng như ôm con, vạn quốc nổi tiếng. Bụng như bụng sề, nghèo hèn không nhà".

Trong tướng bụng có thuật ngữ "tam nhân". "Tam nhân" tức là chỉ bụng phình to như treo cái ki. Đó là tướng phú lớn thọ lâu. "Bài phú nhân tượng" của Viên Cử viết: "Bụng tròn dầy như cái ki tròn hể, có tam nhân chi siêu việt; nếu da thô mà nặng tròn hể, hoặc bụng sề mà nghèo ốm truân chuyên". Truyện Quán Lộ trong "Tam quốc chí" viết: "Lung không tam giáng, bụng không tam nhân, đó đều là điềm không thọ". Qua đó ta thấy, dưới mắt các nhà tướng thuật cái bụng to phệ lại là tướng tốt phúc!

Rốn là nguồn của gân mạch, là cửa quan tổng lĩnh tạng phủ. Do đó hình tướng cái rốn xấu tốt là có quan hệ đến thọ yếu trí ngu. "Nguyệt ba động trung ký" viết: "Rốn là chỗ mạch lạc toàn thân hội tụ. Phải sâu lớn. Rốn to và sâu thì được phúc thọ, rốn nông và nhỏ thì ngu dốt chết non". "Nhân luân đại thống phú" của Trương Hành Giảng viết: "Rốn là nguồn gân mạch, là bánh xe giữa thống lĩnh lục phủ". Tiết Diên Niên chú: "Rốn... sâu và rộng là tướng có trí mà có phúc, nông và hẹp là tướng nghèo hèn bạc mệnh. Hướng xuống thì phúc trí, hướng lên thì bản ngu. Người rốn thấp thì phúc trí, hướng lên thì bản ngu. Người rốn cao không đức lượng. Rốn nông và lõm cũng không phải là tướng đẹp".

Rốn sâu và rộng chứa được một quả mận, được coi là tướng phú quý. "Nguyệt ba động trung ký" viết: "Rốn sâu lọt quả mận, giàu sang không khó khăn. "Nhân luân đại thống phú" của Trương

Hành Giản viết: "Rốn sâu lọt quả mận, tiếng tăm ngàn dặm nghe". Tương truyền vợ Tôn Kiên đời Hậu Hán là ngôi phu nhân có thể giấu đạn trong rốn, cho nên đã sinh được bốn con trai, trong đó hai người nổi tiếng anh kiệt. Trái lại, kẻ rốn nông nhỏ thì phần lớn ngu dốt, hèn kém.

(3) MÔNG, HẬU MÔN, KHÍ QUAN SINH DỤC

Tướng thuật cho rằng, mông và hông phải tương xứng. Mông cao mà hông lõm thì địa vị thấp hèn, hông cao mà mông bẹt thì nghèo. Giữa mông với hông thì quí là ở chỗ hông ngay mà rộng, mông phẳng mà tròn.

Hậu môn và khí quan sinh dục là tướng hạ bộ. "Thần tướng toàn thiên" viết:

"Hậu môn gấp mà vuông là quí, đường tiểu tiện rộng mà tròn là tiện. Phần nhỏ và vuông là quí, tiểu nhiên như rắc châu là quí. Bộ phận sinh dục có nốt ruồi đen là quí, ngọc hành thẳng đuột ra là tiện, đầu ngọc hành co lại là quí. Âm mao mọc ngược thì vợ chồng bất hoà". Lại có thơ nói: "Cùng thông thọ yếu đều có nguyên nhân cả. Xem tướng chỗ kín càng giật mình. Qui đầu có nốt ruồi là tướng quí, hậu môn không có lông nghèo suốt đời."

Về tướng thân, con mắt các nhà tướng thuật nhìn thấu cả những chi tiết nhỏ nhất, sâu kín nhất. Khi xem tướng bất cứ nam nữ, đều cần phải vạch áo sờ nắn thì cũng là do cần thiết, không có ý gì đáng phàn nàn(!).

6. TƯỚNG TAY

Tướng thuật cho rằng tứ chi là biểu chứng của bốn mùa xuân hạ thu đông, lại thêm đầu nữa là có đủ cả ngũ hành kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Bốn mùa khí hậu trái tiết, ngũ hành không hợp thì muôn vật sinh trưởng khó khăn. Tứ chi không cân xứng thì một đời nghèo hèn. Vì thế, tứ chi dài ngắn, bàn tay bàn chân to nhỏ, dày mỏng, ngón tay ngón chân dài ngắn to nhỏ và đường vân như thế nào đều là những chỉ hướng phức tạp của mệnh lý.

Nói cung, tay người nên mềm mà dài, cánh tay nên phẳng mà dày, xương tay nên tròn mà thấp (?). Khớp cổ tay nên nhỏ, đốt ngón nên nhỏ, long cốt nên dài, hỏ cốt nên ngắn. Xương tay lộ mà thô, gân nổi mà tán, vân chỉ dày, thịt khô mà gầy, đều là tướng không đẹp.

Tương truyền Vương Khắc Chính đời Tống chết, gia đình làm lễ Phật cầu siêu, Khắc Chính không con trai, chỉ có một đứa con gái hơn mười tuổi quì khóc trước bàn thờ. Vừa lúc đó Trần Đoàn đến viếng. Viếng xong, Trần Đoàn đi ra nói với người khác: "Cô gái họ Vương này tôi chưa nhìn được mặt, chỉ nhìn thấy đôi bàn tay bung lư hương nhưng cũng đủ chắc rằng cô này là quý nhân, nếu là con trai phải vào hàn lâm, là con gái chắc chắn sẽ là quốc phu nhân (vợ chính của chư hầu - ND)". Về sau Trần Tấn công làm tham tri chính sự, không có vợ. Tống Thái tông nói với Trần Tấn công: "Vương Khắc Chính có cô con gái đoan chính, hiền thực ông có thể lấy làm vợ". Thế là Trần Tấn công cưới làm vợ, mấy ngày sau, được phong làm quận phu nhân.

Tướng thuật cho rằng tay là để "cầm nắm" và "thủ xả" vì vậy tay thon dài thì được coi là tướng nhân từ, hay giúp đỡ người khác, còn tay thô ngắn thì được coi là tướng tham bĩ, hay vợ vét. Tay dài quá

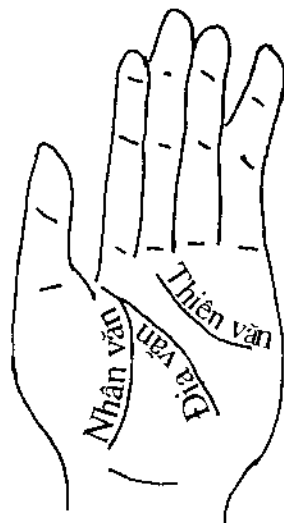
gối là anh hùng cái thế, tay không quá hông bị coi là tướng bần tiện. Người thân nhỏ tay to lăm phức lộc, người thân to tay nhỏ là người thanh bần. Tay gầy mỏng là tướng nghèo, tay thẳng dày là tướng giàu. Tay thô cứng là tướng hèn, tay mềm nhỏ là tướng thanh quý. Tay thiên ấn là tướng hào hoa, tay hôi bần là tướng ô trọc thấp kém.

Ngón tay mảnh nhỏ là tướng thông tuệ, ngón tay ngắn cộc là tướng ngu hèn. Ngón tay mềm, dày kín là có của dư, ngón tay cứng thưa là tướng phá của. Ngón tay như búp măng là tướng thanh bần, ngón tay dài trổng là tướng ngu gàn. Ngón tay như hành bóc là tướng được ăn lộc, ngón tay thô như đốt tre là tướng nghèo hèn.

Bàn tay dài, dày là tướng quý, ngắn mỏng là tướng hèn, cứng mà tròn thì ngu, mềm mà vuông là có phúc. Bàn tay bốn phía dày ở giữa lòng trổng là tướng giàu; bốn phía mỏng, giữa bằng phẳng là tướng nghèo. Bàn tay nhuan sáng là tướng giàu sang, khô xác là tướng bần cùng; bàn tay đỏ máu là tướng phú quý, xanh là nghèo khổ, trắng là nghèo hèn.

Mệnh tướng thuật bàn tay rất phức tạp, đại để có thể chia hai loại: bộ vị và chỉ vân.

Thuyết bộ vị cũng gọi là thuyết thủ hình (kiểu dáng tay), bao gồm vân tam tài, tam chủ, tam kỳ, bát quái thập nhị cung v.v... Vân tam tài là ba đường chỉ vân lớn trong lòng bàn tay, đường thứ nhất là "vân trời" (thiên vân), chủ về gốc rễ, đường thứ hai là "vân đất" (địa vân) chủ về lộc, đường thứ ba là "vân người" (nhân vân) chủ về phúc đức.



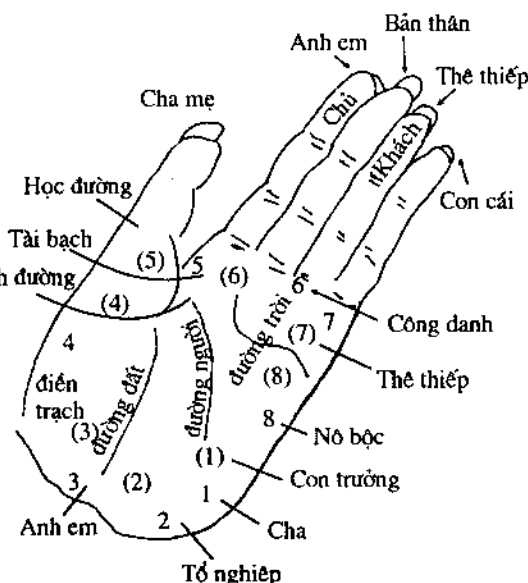
Thiên "Tướng tam tài" trong "Thần tướng toàn thiên" viết: Vân tam tài là ba đường chỉ vân lớn trong lòng bàn tay. Người nào cũng có, có sẵn từ trong thai, chống tay bịt tai mới có được, hết sức vất vả. Từ trên xuống đường thứ nhất thuộc hoả, là "vân trời", chủ về gốc rễ; đường thứ hai thuộc thổ... là "vân đất", chủ về tài lộc; đường thứ ba ở mình đường, là "vân người", chủ về phúc đức". Cả ba đường chỉ vân bàn tay đều trong sáng, không bị các đường khác phá, cắt là tướng có phúc có lộc. Cả ba đường chỉ vân có nhiều thớ dọc thì tính rối lăm tai hoạ, đường thớ ngang nhiều thì ngu và không có địa vị.

Tam chủ là chỉ ba ngón trở, ngón giữa và ngón út của bàn tay. Ngón trở là sơ chủ, thuộc bộ tốn, ngón giữa là trung chủ, thuộc bộ ly, ngón út là lão chủ thuộc bộ khôn, ba ngón lần lượt chỉ vận số tuổi thiếu niên, tuổi trung niên và tuổi già.

Tam kỳ là chỉ ba ụ thịt ở trên bàn tay, chỗ xuất phát của ngón trở, ngón giữa và ngón út, chủ về phúc thọ. Phần "tướng tam kỳ" trong "Thần tướng toàn thiên" viết: "Tam kỳ là ba ụ thịt nổi lên ở khôn, ly, tốn. "Sách "Ngọc chuông ký" nói "Trong bàn tay có gò ụ chủ về phúc thọ".

Bát quái thập nhị cung gọi là chương bát quái, là tám vị trí trong bàn tay mà các tướng thuật gia đã mượn tên bát quái để gọi tên, nhằm đoán số mệnh người.

1. Càn (1) Khai
2. Khảm (2) Hưu
3. Cấn (3) Sinh
4. Chấn (4) Thương
5. Tốn (5) Trụ
6. Ly (6) Cảnh
7. Khôn (7) Tử
8. Đoài (8) Kinh



Trong đó, Càn là thiên môn, tượng cha, địa chi thuộc Tuất Hợi, ngũ hành thuộc Kim. Khảm là hải môn, chủ về căn cơ, địa chi thuộc Tý Sửu, ngũ hành thuộc Mộc. Cấn chủ về điền trạch, mồ mả, địa chi thuộc Sửu Dần, ngũ hành thuộc Thổ. Chấn chủ thê thiếp, lập thân, địa chi thuộc Mão, ngũ hành thuộc Mộc. Tốn chủ tài bạch, lộc mã, địa chi thuộc Thìn Tỵ, ngũ hành thuộc Mộc. Ly chủ quan lộc, địa chi thuộc Ngọ, ngũ hành thuộc Hỏa. Khôn chủ phúc đức, cha mẹ, địa chi thuộc Mùi Thân, ngũ hành thuộc Thổ. Đoài chủ con cái, nô bộc, địa chi thuộc Dậu, ngũ hành thuộc Kim. Cả tám bộ vị đều coi dày, nổi là tốt, thấy lõm bị đường vân cắt là xấu... Nếu các cung Càn, Khôn, Cấn, Tốn có lăm chỉ vân tay rồi thì chỉ đáng làm lính. Cung Càn cao nổi thì con trưởng quyền quý, cung Khảm cao nổi thì được tiền nhân che chở, cung Cấn khắc hãm thì sớm tổn hại cha, con. Cung Chấn cao nổi thì nhiều điền trạch, cung Tốn tán loạn thì phương dụ đảng

cung ly cao là người có công danh, cung Khôn bị phá thì con cái điều linh, cung Đoài bị tổn thương thì chồng vợ goá bụa. Mệnh tướng tám cửa ở trong bàn tay là; cửa Sinh cửa khai đỏ nhuận thì ra vào cần thực, dùng bình tốt, cửa Sinh cửa Hưu cũng vậy, cửa Thương xanh tốt thì bị trừng phạt, mọi việc không có lợi. Cửa Trạ xanh tốt thì không có lợi xuất hành, đại phá tài. Cửa Cảnh xanh tốt thì ra vào phải phòng tai hoạ, trộm cướp. Cửa Tử xanh tốt thì chết. Cửa Kính xanh tốt thì có điều kinh sợ lớn. Tướng thuật rất coi trọng bộ vị và kiểu dáng bàn tay. "Ngọc chương ký" nói: "Phép xem tướng bàn tay là trước xem bát quái, rồi xem ngũ hành. Ngón tay có dài ngắn, bàn tay có dày mỏng. Có thể thấy sao (tinh thần) ứng ở vân mạch, mệnh trướng hoa cái, rõ ràng trên bàn tay, có thể thành văn chương ngọc Thụ". Có thể thấy kiểu dáng bàn tay là kết cấu vĩ mô, không thể không xét. Đường chỉ vân bàn tay là quan trọng, lại cũng rắc rối phức tạp nhất. Các nhà tướng thuật cho rằng: "Trong tay có chỉ vân, cũng như gỗ có thớ, có vân. Vân gỗ đẹp được gọi là vật liệu quý, tay có chỉ vân đẹp là tướng quý. Đường chỉ vân bàn tay có muôn kiểu nghìn dáng, rất phức tạp. Các nhà tướng thuật rất chú ý nghiên cứu, từ chỉ vân trên mu bàn tay đến chỉ vân trong lòng bàn tay, tất cả đều được coi trọng. "Ngọc quán chiếu thân cục" đưa ra 72 kiểu chỉ vân, mỗi kiểu được thuyết minh bằng một bài thơ. Sau khi có ông trình thuyết minh bằng hình vẽ này ra đời, nó được các tướng sĩ coi là khuôn mẫu, lưu truyền hết sức rộng rãi". Dưới đây chọn ra 12 kiểu để độc giả tham khảo:



Chỉ vân bốn mùa

Xuân xanh hạ đỏ, thu nên trắng,
 Trong khoảng bốn mùa đen là đông.
 Thu đỏ đông vàng xuân thấy trắng
 Giữa hạ mà đen ấy là hung.



Chỉ vân báỉ tướng

Đường vân chỉ báỉ tướng ở vị Càn
 Vân này rất giống lưng đàn ngọc
 Tính tình đôn hậu vân chương lạ
 Thường gặp vua hiền quý chuộng sâu



Chỉ vân đeo ấn

Trong tay vân chỉ hình đeo ấn
 Tiền trình hợp chúa rạng công danh
 Chớ bảo giàu sang không hợp nguyện
 Khắc có thanh danh bậc tướng khanh



Chỉ vân trí tuệ

Trí tuệ vân tay nức tiếng vang
 Vân này dài thẳng tựa ngọn thương
 Bình sinh hoạt động thường suy nghĩ
 Hiền lành chẳng có gặp tai ương



Chỉ vân đào hoa

Đào hoa đã rõ thích xa hoa
Chỉ còn tham chén lại yêu hoa
Tính tình một đời sai vì thế
Giữa đời ngoái lại chẳng thất gia



Chỉ vân lục hoa

Chỉ vân lục hoa có gì lạ
Người khác quan to ta hầu hạ
Cuối đời vận hội chuyển hanh thông
Rực rỡ cửa son thôi cũng hã.



Chỉ vân sơn quang

Vân tay sơn quang khá thanh nhàn
Ai phải ai quấy chẳng dự can
Tướng này chỉ hợp tăng vào đạo
Người nhàn phần lớn lại cô quan.



Chỉ vân khắc cha

Chỉ vân tự trời tìm ngón giữa
 Ấy chỉ khôì tình mừng gì nữa
 Công chỉ lại gặp giữa trung tâm
 Tuổi trẻ khắc cha còn gì nữa



Chỉ vân khắc mẹ

Thái âm mà gặp vân xung phá
 Chắc chắn thấy mình không còn mẹ
 Nếu như quá phóng hãỵ còn khá
 Nhìn đời nhất định thấy âm phủ



Chỉ vân hoa cái

Hoa cái thanh long âm đức đồng
 Vân này cát lợi thấy âm công
 Hoặc giả vân hung thêm vào nữa
 May được cứu vớt chẳng còn hung



Chỉ vân tam sát

Vì vợ con bị vân tam sát
Chưa hại vợ con lệ thánh thốt
Nếu vẫn thấy khác sau phải kinh
Đỡ nổi trung niên ngủ một mình



Chỉ vân loạn hoa

Thân mình sinh ra thấy loạn hoa
Thiên tính bình sinh thích xa hoa
Hoa đồng liễu nội luôn vin bẻ
Chỉ thích kiểu nga chẳng đoái nhà

Ngoài ra "Ngọc chương ký" còn phân tích nhiều về các kiểu đường chỉ vân bàn tay, quanh quẩn cũng chỉ họa phúc, thọ yếu, trí ngu, thiện ác, cùng thông, không thể kể hết. Về lý luận, tất cả các thuyết về bàn tay đều không ngoài mô thức vũ trụ, gán ghép cho kiểu dáng chỉ vân tay những hình tượng khác và loại suy từ những mệnh tướng tương truyền trong lịch sử. Ví dụ như nói Trương Lương có chỉ tay bá tướng, Trần Bình có chỉ vân bình phù, vợ Trần Bình là Trương Thị có chỉ vân kim hoa v.v... Trừ một số cá biệt thuyết về màu sắc bàn tay hình như có liên quan đến lý luận đông y ra, hầu như tất cả đều không có căn cứ khoa học.

Hoạ phúc từ chỉ vân tay chưa đủ, các tướng thuật gia còn nói về hoạ phúc từ đường chỉ mu bàn tay và móng tay.

Về đường chỉ mu bàn tay, chỉ phái tướng thuật thủ phòng bàn đến, các tướng sĩ giang hồ không nói gì đến. Về nguyên lý tác dụng của chỉ vân mu bàn tay, có thể xem thiên "Thủ bốc vân" trong "Thái thanh thần giám" quyển 5: "Vân chỉ lưng bàn tay rất là nghiệm. Vì vậy có lý luận ngũ hoà. Ngũ là chỉ hai đốt đầu ngón tay, gọi là "tụ vân", chủ quân thiên tử, đốt dưới là công hầu, đốt giữa là sứ tướng; ngón vô danh mà có chủ khanh giám, ngón út có, chỉ triều lang, ngón cái có chủ cự phú. Phía lưng năm ngón tay có chỉ vân ngang, chủ hầu vương, vân dọc xuyên suốt chủ bá tử tướng, đại tướng. Gốc ngón trở phía lưng cũng gọi là minh đường, có vân lạ, nốt ruồi đen là chủ tài nghệ cao quý. Rốn thành hình chim, dáng chữ lại là thanh cao hiển quý; gốc ngón cái có chỉ vân ngang gọi là không cốc văn, chủ khoan dị, dung nạp tất cả, chủ đại phú. Nếu có hoặc chỉ vân quanh cổ tay, liên tục không dứt, gọi là ngọc xuyên vân chủ được người kính yêu, một chỉ hai chỉ, chủ được hiển vinh châu vua; từ ba chỉ trở lên lại chủ vì địa vị hàn lâm. Nam nữ đều tìm chỉ vân ấy phía kín vòng, còn nếu đứt đoạn, hoặc mất hẳn thì không được chứng nghiệm".

Móng tay, thường được tham khảo khi chẩn đoán bệnh. Y học truyền thống Trung Quốc coi mắt là khiên của gan, lại chủ về gân, màng, móng. Móng tay, trong tướng thuật được coi là phần thừa của gân, từ gan mà ra, chỗ phụ của mặt, có quan hệ đến hiền ngu thiện ác của người. Sách "Thái thanh thần giám" quyển 5 nói: "Xem tướng móng tay cũng có thể tìm ra tốt xấu, hiền ngu!".

Dựa trên nguyên lý đó, các nhà tướng thuật qui nạp ý nghĩ tướng lý móng tay như sau: Nhọn dài thì thông minh, dày chắc là

trường thọ, thô trọc thì ngu dân, khuyết hãm rơi rụng là tật bệnh yếu ớt. Đỏ sáng thì có địa vị xã hội cao, vàng mỏng thì thấp hèn, xanh sáng thì tính trung lương, trắng sạch thì tính ưa nhàn dật, như lá ngô đồng thì vinh hoa, như hình bán nguyệt thì vui sướng, như ngói úp thì thuận hậu, như mũi giáo thì thông tuần, như đá dăm thì ngu dốt".

Hiển nhiên coi đây là chỉ hướng mệnh lý móng tay không bằng coi đây là kinh nghiệm đông y về móng tay vì theo đông y, màu sắc hình dáng móng tay là liên quan đến sức khoẻ, tật bệnh. Độ đáng tin của những kết luận vừa kể là đáng đánh dấu hỏi.

7. TƯỚNG HÌNH THẦN

Hình thần đây là chỉ ngoại hình và khí chất tinh thần. Tướng thuật cho rằng ngoại hình và tinh thần của người là gắn chặt với nhau, không tách rời được. Hình thần tốt hay xấu là có liên quan đến hoạ hay phúc, dữ hay lành. Lý luận về mặt này, thiên "Luận bình thần" của "Thái thanh thần giám" viết: "Hai khí chưa cắt chia thì là một khối minh tịch. Trời đất thành hình thì vạn vật thành thể. Vật có thể thì có tướng, người có hình thì có thần. Hình thể và tinh thần theo nhau mà thành đạo, giúp nhau mà nên đức. Vì vậy người ta sinh ra, có hình thì có thần, có thần thì có đạo. Thần dựa vào hình mà trụ yên, hình dựa vào thần mà vận động. Đại để là hình có thể dưỡng huyết, huyết có thể dưỡng khí, khí có thể dưỡng thần. Vì thế, hình toàn thì huyết toàn, huyết toàn thì khí toàn, khí toàn thì thần toàn, cả hai không thể thiếu một. Hoặc là thần hình hữu dư là triệu chứng có phúc, hoặc là thần hình thiếu kém là nền của hoạ. Cho nên hình thể có tinh thần mạnh mẽ là quý, hình thể vượt tinh thần là tiện. Trong một lúc có thể tinh thần mạnh mà hình thể yếu, không

thể hình thể dư mà tinh thần quá kém". Vì hình thần dựa vào nhau mà tồn tại phát triển thần an trụ dựa vào hình, hình đủ thì thần lớn, cho nên tướng thuật rất coi trọng việc phân tích hình thần đủ và dư.

Hãy xem hình có dư, hình có dư là nói hình thể của một người có những đặc trưng sau: đỉnh đầu tròn đầy, bụng lưng đầy đặn, trán rộng miệng vuông, môi đỏ răng trắng, tai tròn thành chân rử, mũi thẳng như túi mật treo, mắt đen trắng phân minh, mày thưa dài thanh tú, hai vai bằng dày dặn, phía trước ngực rộng bằng, bụng tròn mà sa trễ, lời nói vang giõn, đi ngồi thẳng ngay, ngũ nhạc cùng nổi, tam đình cân xứng, xương chắc thịt săn, tay dài chân chắc, đi đứng hiên ngang, ngồi ngay trông thẳng. Người hình hữu dư thì có thể ít bệnh sống lâu, khoẻ mạnh, vinh giàu.

Từ hình thái khí chất người mà bàn về mệnh lộc, tức là dựa vào thuộc tính ngũ hành. Tướng thuật khi nói về hình hữu dư, còn cho rằng mọi sinh vật đều bẩm thụ khí ngũ hành của trời đất mà sinh ra, hình tượng tính tình động vật tương ứng với hình tượng tính tình người, bẩm thụ đủ khí, thì hình mới có thể hữu dư. Do đó tướng thuật đem hình thần người ví với hình thần chim thú mà suy đoán mệnh lý. Điều này nhất trí với tinh thần tượng trưng động vật của tướng thuật. Ví dụ:

Hình hạc: Tam tài bằng nhau, mắt nhỏ mày dài, mũi nhọn mà nhỏ, miệng dài miệng trễ, toàn thân trên dưới nhỏ dài mà ngay ngắn, địa các nhỏ, ngũ quan đều tốt. Đây là hình chính hạc. Người có hình thần chính hạc là người đại quý, suốt đời cơm áo có dư, ở tam quán nhập khanh vị, tuổi thọ trên trăm năm.

Hình phượng: Trán dài, tam đình đầy đặn, vành tai có thịt, sơn căn cao thẳng, chân đầu tròn nhuần, mắt dài mà đuôi mắt vểnh, miệng như hoa sen, mày thô mà thanh tú, ngũ quan lục phủ đều tốt.

Đây là hình chính phượng. Người có tướng đó thân thể khoẻ mạnh, cao quý tôn nghiêm, giữ cửu đỉnh mà ra triều đường, tính thông tuệ, có tiếng tăm, là người cao nhấ.

Hình rùa: Đầu tròn cổ ngắn, mình to lưng dày, mắt nhỏ mồm to mà rộng, ngũ quan triều tiếp nhau, sơn căn cao nổi. Đây là hình rùa. Loại người này trường thọ, tính đôn hậu, thích cảnh vật tự nhiên, tuổi nhỏ đã nức tiếng gần xa, ngôi vị đáng khanh tướng, phúc lộc thọ vẹn toàn.

Hình tê: Đầu vuông, ấn đường rộng, địa các dày, mắt tròn mày to, thiên đình ngay, ngũ nhạc mỏng, bước đi nặng mà dài, ngũ quan lục phủ đều tốt. Đây là hình chính tê. Người có hình chính tê có thể giữ chức cao nơi điện các, thọ cao lộc hậu, được người tôn kính, phúc lưu đến con cháu.

Hình hổ: Đầu tròn cổ ngắn, địa các nặng dày, cửu châu dồn chặt, mày rậm miệng to mặt vuông mũi to, ngũ quan lục phủ đều tốt. Đây là hình chính hổ. Người có hình chính hổ chức lớn quan to, có văn thao vũ lược, sinh ra đã có sẵn của tiền.

Hình sư tử: Trán vuông, mày to, miệng rộng, mũi to, tai to, mắt to, mình béo, thiên địa tương ứng, tam tài đầy đặn, chương khí dy, huyền bích nổi, ngũ quan lục phủ đều tốt. Đây là hình chính sư tử. Người có hình thần này, uy chuyển núi sông, ngôi vị quân vương. Phụ nữ có tướng này sẽ có ngôi quốc mẫu.

Hình rồng: Ngũ nhạc nổi, tam tài đầy, thiên địa châu nhau, phượng tiết đậm nhiều, ấn đường cao nổi, biên địa rõ ràng, mày phân bát thái, mắt dài hai thốn, tai dài 4 thốn, ngũ quan lục phủ đều tốt. Đây là hình chính rồng.

Người có hình thần này nghi biểu đường đường, quý không nói hết.

Hình chim ưng: Trán đẹp mày rậm, mắt đẹp, miệng nhỏ đi nhanh, tính tình hay thay đổi. Đó là hình chim ưng. Tướng này là tướng thượng tướng quân nhưng hiếu sát và cuối cùng không tốt.

Ngoài ra còn có hình vượn, hình ngựa, hình báo, hình thỏ, hình sơn dương, hình gấu, hình tinh tinh, hình chồn, hình lạc đà, hình hươu, hình chó, hình lừa, hình chim loan, hình chu tước, hình chim vẹt, hình chim công, hình bồ câu v.v... rất nhiều, khó mà kể hết, người có hình thần nào đó mà có khuyết tật thì xếp vào sau, tất cả đều có ý nghĩa lành dữ. Như hình rồng thì ngoài hình chính rồng ra, còn có hình ngoạ long, hình sơn long v.v...

Qui nạp tổng hợp các loại hình thần này, có thể khái quát thành ngũ đoản hình, ngũ trường hình. Nhưng cũng không nên hiểu là đoản hình thì xấu, trường hình thì tốt vì trong đoản có trường, trong trường có đoản.

Ngũ đoản tức là đầu ngắn, mặt ngắn, thân ngắn, tay ngắn, chân ngắn, nếu như xương nhỏ thịt mịn, ấn đường sáng nhiều, ngũ nhạc triều tiếp, thì dù là người có tướng ngũ đoản vẫn là tướng công hầu. Còn nếu người ngũ đoản mà xương hóc thô xấu, ngũ nhạc tàn khuyết thì vẫn là người thấp hèn. Lại như người thượng trường hạ đoản lại đa số là người phú quý, người thượng đoản hạ trường thì đa số là người nghèo khổ.

Ngũ trường là đầu dài, mặt dài, thân dài, tay dài, chân dài. Nếu người ngũ trường mà xương cốt đầy đặn, thanh tú tươi nhuận thì là tướng đẹp. Trái lại xương cốt khô khan, gân mạch nổi lộ, thì tuy là

ngũ trường vẫn là hèn kém. Lại như tướng tay ngắn chân cao thì là tướng nghèo. Tướng chân ngắn tay dài là tướng giàu sang.

Lại nói về hình thức bát túc. Hình bát túc là chỉ tướng hình, thân xấu mà có khiếm khuyết. "Thái thanh thần giám", quyển 4 nói: "Hình bát túc là đỉnh đầu nhọn mỏng, vai cánh chật hẹp, hông ức thưa nhỏ, tay chân ngắn thấp, bàn tay mỏng ngón tay thưa, môi quần trán bóng, mũi thấp tai lặn, mỏng thấp ngực lép, một mày cong một mày thẳng, mắt thấp mắt cao, mắt to mắt nhỏ, gò má bên cao bên thấp, tay có chỉ vân tay không, ngũ không nhắm mắt, con trai mà giọng nói như con gái, răng vàng lại hô, mồm nhọn lại hôi, đầu trọc không tóc, mắt sâu không thấy tròng, đi đứng xiêu vẹo, nhan sắc héo rũ, đầu nhỏ mà thân to, tay ngắn chân dài. Loại người như vậy phần lớn hay ốm đau mà chết non, phúc mỏng, nghèo hèn."

Hiển nhiên, hình bát túc và hình hữu dư khác nhau về căn bản. Chỉ bằng con mắt thẩm mỹ, thì người ta chỉ cảm thấy xấu đáng mà thôi, nhưng với nhà tướng thuật thì điều này có liên quan đến số phận. Trên thực tế, dáng vẻ và khí chất thần thái không phải là nhất trí, hình và thần không có quan hệ đối ứng rõ rệt. Hình xấu mà thần tốt, hoặc hình tốt mà thần xấu là có thể. Vì vậy lý luận của các nhà tướng thuật chỉ là chủ quan, có thể sai lầm.

Riêng thuần về tinh thần, các nhà tướng thuật cũng có nghiên cứu riêng, nói về quan hệ giữa trạng thái tinh thần và tình hình thể chất. Họ quan sát tinh thần mà dự đoán số phận.

Về vấn đề này cũng có sự phân biệt thần hữu dư và thần bát túc. Thần hữu dư là nói trạng thái tinh thần vững vàng, cử chỉ đàng hoàng, bình tĩnh, giới không chế tinh thần của mình. Tướng thuật

cho rằng người thần hữu dư thì trường thọ lại có địa vị cao, "Thái thanh thân giám", quyển 3 viết:

"Người thần hữu dư ánh mắt trong sáng, không nhìn nghiêng liếc trộm, mày thanh tú mà dài. Tinh thần vững vàng, dung mạo sáng trong, cử chỉ đĩnh đạc. Thanh thần trông xa, như trăng thu chiếu sáng trời sương; bình tĩnh nhìn gần, như gió hoà đùa lan xuân. Lúc hữu sự cương nghị, như mãnh thú bước trong rừng sâu. Với mọi người không chút gò bó, như loan phượng bay lượn đường mây. Khi ngồi vững như bàn thạch. Khi nằm thành thoi thư thái như chim vừa chiến thắng không chút nao núng, khi đi đĩnh đạc như dòng nước chảy nơi bằng. Khi đứng hiên ngang như đỉnh cao sừng sững. Nói gì chắc nấy, tính hình không chút hoang mang, buồn vui không động trong lòng, vinh nhục không đời khí tiết. Muôn vẻ rồi bởi trước mắt mà lòng không chút động dao. Như vậy là thần hữu dư. Người thần hữu dư là bậc thượng quý, tai hung khó đánh, lộc trời vững suốt đời".

Người "thần hữu dư" có thể nói là "càng nhìn ta càng thấy cao", đạt đến trạng thái gần như là thiên định. Thánh nhân có lẽ cũng đến thế mà thôi. Khi định ra tiêu chuẩn này, phải chăng các thầy tướng quên mất rằng, người đến cần xem tướng là những con người bình thường? Tiêu chuẩn định ra đấy, nhưng dù có là đế vương thánh tướng đã mấy ai vinh nhục như không, lợi hại vẫn thường, lòng không chút động?

Thần bất tức là chỉ trạng thái thần thái héo rũ, u mê, khiếp nhược, không làm chủ được mình. Tướng thuật cho rằng kẻ nào thần bất tức thì tổn thọ hiểm phúc. "Thái thanh thân giám", quyển 3 viết:

"Người thần bất tức, không say như say, khi thường như ốm, không sầu như sầu, lúc thường như buồn thảm, không ngủ như ngủ,

vừa chớp mắt đã tỉnh giấc; không khóc như khóc, bình thường mà như run sợ, không si như si, không hãi như hãi. Dung mạo cử chỉ tối tăm ngầu đục, như nhiễm chứng điên. Thần sắc thâm đậm, bình thường mà như mất cái gì. Hoảng hốt bàng hoàng, thường như sợ sệt. Nói năng rụt rè, như xấu hổ, như giấu giếm. Dáng vẻ ỉu xiu như bị lãng nhục. Sắc đang tươi mà bỗng tối, nói đang vui mà bỗng ập úng. Đó là trường hợp thần bất túc. Người thần bất túc hay chuốc lấy tai ách tội tù. Dù có tước vị rồi cũng mất hết".

Trạng thái "thần bất túc" này hiển nhiên là sức khoẻ tối tàn, đồng y coi là trong tình trạng bệnh tật. Trong tình trạng đó, làm gì rồi cũng thất bại là hẳn. Tướng thuật từ đó suy ra hung hoạ là dễ hiểu. Nhưng hung hoạ đây không phải là do thần tướng, mà là do tật bệnh.

8. TƯỚNG KHÍ SẮC

Tướng về khí sắc có thể chia thành "tướng khí" mà "tướng sắc", và cũng có thể khảo sát chung tổng hợp.

Tướng thuật cho rằng, trời đất ngự khí âm dương mà thành đức. Hai khí thông suốt điều hoà thì vạn vật hưng thịnh. Hai khí bế tắc, không cân bằng thì không hồng cái này cũng xấu cái khác. Muôn vật xuất phát từ khí mà hiện ra ở sắc. Khí là nguyên sinh lực của người. Hình thể là vỏ ngoài vật chất của người. Khí được dùng để giữ hình. Hình là để chứa khí. Sách cổ nói: "Hình là chất, là khí dụng. Khí nhờ đó chứa đầy trong chất, chất nhờ đó mà vận hành trong khí".

Sắc màu của hình thể người ta kết hợp chặt chẽ với khí mà phản ánh ở da. Câu nói "Vạn vật xuất phát từ khí mà hiện ra ở sắc", chính là nói "khí sắc nhất thể".

Quan sát khí của hình thể người để dự báo cát hung gọi là "coi tướng khí". Về lý luận, tướng thuật coi "khí" là một thứ chất tố và công năng tinh vi sản sinh ra "thần" (tinh thần) trong nội bộ thân thể. "Khí" hình thành theo ba con đường: 1 - Như trên đã nói, là bẩm thụ khí âm dương ngũ hành của trời đất, nó xuất hiện cùng lúc với sinh mệnh. 2 - Là kết quả sự điều nhiếp những tu dưỡng hậu thiên. 3 - Ảnh hưởng hun đúc của hoàn cảnh ngoại giới. Khí là căn bản của hình tướng, ảnh hưởng đến tính tình và họa phúc. Khi có sự phân biệt đục trong, mạnh yếu, thuận nghịch, dày mỏng, nổi chìm, cấp hoãn, co duỗi, tĩnh động v. v... cụ thể phản ánh trong trạng thái tinh thần, kết cấu tướng xương, tố chất âm thanh và sắc màu của bộ mặt, của ngũ quan. Nói chung, khí thanh chính, khoan, hoà, trầm ổn là tốt. Tướng thuật nói: "Cái khí của người thiện thì không cấp, không bạo, không loạn, không nóng, rộng rãi có thể dung.

Nạp mọi vật, như biển cả mênh mông, thư hoà có tiếp mọi thứ, như gió xuân ấm áp, cứng rắn mà có thể chế ngự, không gì có thể lay chuyển được tiết tháo, trong trắng mà có thể giữ sạch, không bụi nào có thể gây bẩn bẩn sắc. Tiểu nhân thì trái lại, không rộng mà lại hẹp không thư hoà mà gay gắt, không cứng rắn mà quá mềm, không trong mà đục, không chính mà tà, không thư mà cấp. Chỉ cần nhìn khí sâu hay nông, xét sắc hấp tấp hay bình tĩnh thì có thể phân biệt được ai là quân tử, ai là tiểu nhân".

Các nhà tướng thuật không lấy việc Mạnh Tử vứt bỏ muôn chung bồng lộc mà "giỏi nuôi cái khí hào nhiên" để nói tính chất

quan trọng của khí. Với họ khí sở dĩ có thể dưỡng hình là vì khí được nuôi giữ trong lục phủ ngũ tạng, tùy theo thất tính mà tụ hay tán và được phản ánh trong ngũ nhạc tứ độc. Khảo sát về mặt mệnh lý người mà khí thư hoà, khoan hậu, không nóng nảy, tàn bạo là người có phúc, được thọ. Trái lại, ai mà khí gấp nóng không thư hoà, nóng nảy bạo ác là người phúc nông lộc bạc. Nếu khi thở hít không phát ra tiếng, tai mình không nghe được, hoặc nằm mà không thở gấp, gọi là quy tức thì tướng trường thọ, nếu thở hít khí đầy mà động thì đó là tướng sắp chết.

Các nhà tướng thuật còn định ra cả cái gọi là "lục khí" khác với học thuyết về dưỡng khí của các nhà dưỡng sinh cổ đại: Khí thanh long, như mây lành quanh trăng, khí chu tước, như sáng mai ánh nước; khí câu trần, như gió đen đùn mây; khí đằng xà, như cỏ cây sắp tàn; khí bạch hổ, như trát sập tô son; khí huyền vũ như dầu mỡ sương mù. Trong lục khí, chỉ có khí thanh long là cát, các khí khác đều chủ phá tán hoặc chủ lo sợ, hoặc chủ khốc lóc hoặc chủ âm tắc, đều là khí hung hoạ. Tương truyền con trai thầy tướng nổi tiếng đời Đường, Viên Thiên Cương tên là Viên Khách Sư, vượt sông gặp nạn, phát hiện thấy mấy chục người trong thuyền đều có khí đen ở mũi mới biết thuyền sẽ đắm, về sau được người khác chỉ cho cách khắc phục, nhờ đó mới thoát chết, "Thái thanh thần giám", quyển ba có bài "Đại súc bí thân khí ca" nói về ý nghĩa cát hung của các khí sắc, như "*ấn đường nổi khí vàng, quan lộc sẽ cao thiên. Khí trắng nhà có tang, khí xanh sinh cải cộ. Trung chính phát vàng tơ, chức thái thú khỏi ngờ. Đồ cấp trong bụng ra, việc công xa cửa nhà. Ánh xanh thì sợ hãi, sắc đen có quỷ quái. Sắc trắng lo việc tang, sẽ có việc truân chuyên. Tơ trắng ngan trên mũi, quanh mồm trong năm xui..."

Quan sát màu sắc của bộ mặt và hình thể để suy đoán hoạ phúc gọi là xem tướng sắc... thay đổi tùy theo từng bộ phận cơ thể, theo ngũ hành, theo mùa, theo giờ. Nhận xét kỹ, có thể định được cát hung.

Các nhà tướng thuật cho rằng, khí mà người ta bắt thụ thay đổi thì mầu sắc cũng thay đổi. Trong tự nhiên khí của ngũ hành thay đổi từng phút từng giây, từ đó sinh ra năm mầu kim, mộc, thủy, hoả, thổ, kim thì mầu trắng, mộc thì xanh, thủy thì đen, hoả thì đỏ, thổ thì vàng. Thổ mà được đúng vàng thì ngũ hành không khắc hại nhau. Mầu sắc thì nhuần và thuần là tốt, nếu mầu sắc không thuần, lẫn lộn lại khô tối thì trong đời sẽ gặp nhiều bệnh tật trong ngực, trong bụng và hay gặp kiện tụng tai ách. Quan điểm này là nhất trí với thuyết "hình tướng ngũ hành". Người ngũ hình nếu được đúng mầu sắc của nó, ví dụ như người hình kim được mầu sắc của kim, người hình mộc có mầu sắc của mộc, hoặc là được mầu sắc tương sinh, như hỏa sinh thổ, người hình hoả mà được sắc vàng thì là tốt, ngược lại là xấu.

"Thái thanh thân giám" quyển 3 đã nói về tốt xấu của năm mầu. Nào là "Thanh sắc xuất", "Thanh sắc cát hung ca", "Hoàng sắc xuất mộc", "Hoàng sắc cát hung ca". v. v... nhưng những điều đã nói thật ra không có căn cứ gì.

Tướng khí, tướng sắc, nói chung là tướng khí sắc. Tướng khí sắc là qua quan sát mầu sắc, hình thể để dự đoán cát hung. Bài "Luận khí sắc" trong "Thần tướng toàn biên 1" viết: "Khí sắc ở giữa da và thịt (ngoài thịt trong da), phải đảm nhận được mới là khí sắc thật". Thiên "Khí sắc" trong "Băng giám" viết: "Người ta lấy khí làm chủ, bên trong là tinh thần, bên ngoài là khí sắc, có khí sắc chung thân: ít nói, luôn luôn sáng tỏ, khoẻ đẹp, lão tố. Có khí sắc một năm: xuân thì xanh, hạ thì lục, thu thì vàng, đông thì trắng. Có

khí sắc một tháng: sau ngày sóc (mồng 1) thì sâm phát (?) sau ngày vọng (rằm) thì ảm được (?). Có khí sắc 1 ngày: sáng sớm xanh, ngày thì động, tối thì ngưng, đêm thì tĩnh (?).".

Trên thực tế, các nhà tướng thuật luôn luôn gắn khí với sắc. Thí dụ nói lục khí, thực ra là lục khí sắc. "Thái thanh thần giám" gọi là "lục thần khí sắc" có thể thấy đây là thể tổng hợp. Lục khí cũng có thể là nói thành lục sắc. Đặc trưng tốt xấu của lục sắc là:

Màu sắc thanh long: Hai mắt có lòng đen lòng trắng rõ ràng, thần quan đỏ vàng, ánh mắt như rọi thấy vào người khác. Người có khí sắc đỏ được thăng quan tiến chức, lắm tài bảo, có lắm việc vui, việc tốt.

Màu sắc chu tước: Mắt đỏ như son, khi có điều lo buồn thì mờ tối. Người có sắc đỏ thì gặp tai ách trong quan trường, có hoạ do ăn nói.

Màu sắc đằng xa: Trên mặt xạm mờ mầu tro đất, tinh thần không sáng suốt. Người có sắc đỏ hay mơ thấy điều quái dị, ở nhà không yên ổn.

Màu sắc câu trần: Mắt rất đục, trắng đen không phân minh, ánh mắt mờ tối, dưới mắt có vệt xanh đen. Người có mầu sắc này là có việc dẫu dúi lòi thôi.

Màu sắc bạch hổ: Hai mắt long lanh khí trắng, giống như nước mắt mà không giống nước mắt, lấp lánh ánh sáng. Người có màu sắc này nhà có việc hung tang hiếu phục.

Màu sắc huyền vũ: Môi xạm tay run, hai bên mép thấp thoáng khí đen. Người có mầu sắc này bị tiểu nhân làm hại, mất trộm.

Các nhà tướng thuật còn cho rằng, xem khí sắc cho người phải xem lúc trời vừa sáng, khi người ta vừa ngủ dậy, đốt nến mà quan sát trong màn. Như vậy mới nhận định được cát hung, muôn người không sai một. Tầm quan trọng của tướng khí sắc không thua kém tướng xương, tướng mặt, tướng tay một tí nào cả. Từ đời Đường về sau, việc quan sát khí sắc để dự đoán cát hung, họa phúc ngày càng được chú ý hơn, được lưu truyền rất rộng. Nhiều nhà xem tướng chuyên về môn này. Tướng khí sắc là một phần của tướng thuật, lại là một môn phái tương đối độc lập của tướng thuật.

9 - TƯỚNG ĐỘNG TĨNH

Động tĩnh đây là nói ngôn ngữ, cử chỉ, bao gồm giọng nói, lời nói, cách đi đứng, nằm ngồi ăn uống. Tương ứng với nó có tướng giọng nói, tướng lời nói v. v... Các nhà tướng thuật cho rằng, đồng thời với việc quan sát hình tướng còn có thể qua ngôn ngữ cử chỉ mà dự đoán cát hung, họa phúc. Thiên "Thần cốt" trong "Băng giám" nói: "Nhà coi tướng luận về thần có sự phân biệt thanh trọc: thanh trọc dễ phân biệt, nhưng tà chính khó phân biệt. Muốn phân biệt tà chính, phải quan sát động tĩnh".

Tướng thuật cho rằng: giọng nói của người ta cũng như tiếng chuông tiếng trống. Khí cụ phát âm càng lớn thì âm lượng càng to, trái lại thì càng nhỏ. Một người mà tinh thần trong sáng thì khí hoà, khí hoà thì âm thư nhuần, tròn, ấm. Trái lại tinh thần hôn trục thì khí ngắn, khí ngắn gấp âm khô, giọng khàn.

Người quyền quý, giọng nói xuất từ trong đan điền mà đạt đến ngoại biểu, thông với thanh và khí. Đan điền là gốc của giọng nói, đầu lưỡi là ngọn của giọng nói. Gốc sâu thì ngọn nặng, gốc nông thì ngọn nhẹ. Giọng nói của người quyền quý nghe tròn, ấm, vang

nhẹ nhàng có trật tự, dài mà khoẻ, to thì như âm hưởng của hồng chung đại cổ, nhỏ thì như ngọc thuỷ lưu minh, như tiếng đàn cầm đàn sắt, dài mà không dứt, sâu mà có thể tàng, to mà không rè đục, nhỏ mà như tươi mới, khẽ mà không rời, dư âm dài lâu. Giọng nói của người thấp hèn phát ra từ đầu lưỡi, cấp xát mà không đạt, rối loạn mà nhẹ nổi, như tiếng la vỡ trống mục, chậm mà lại dứt, mau mà không trôi chảy, nông mà gấp, hoặc to mà tán, hoặc dài mà vỡ, hoặc nhẹ mà không đều, hoặc rời mà không rành rẽ.

Thiên "Tổng luận" của "Chiếu đảm kinh" nói: "Giọng nói là ý nguyên của tâm, là bằng chứng hư thực của ngũ tạng. Nghe giọng nói của một người có thể biết được tố chất của người ấy. Các nhà tướng thuật có lẽ cho rằng, giọng nói là phản ánh của sức khoẻ và tâm thuật, cho nên rất coi trọng quan sát giọng nói. Có người thậm chí nhấn mạnh rằng: "Coi tướng thì thứ nhất giọng nói, thứ nhì khí sắc, thứ ba hình".

Các nhà tướng thuật còn kết hợp quan sát giọng nói với quan sát hình tướng, vì "Ngũ hành tán và tạo ra muôn vật, người ta ở trên muôn vật, giọng nói cũng phân biệt được ngũ âm". "Người ta nắm thụ hình của ngũ hành, thì nhanh, khí cũng ứng với tượng của ngũ hành". Đặc điểm của ngũ âm là: Cung thuộc thổ, giọng trầm dày. Thương thuộc kim, giọng hoà nhuần. Giốc thuộc mộc, giọng cao thông suốt. Chủng thuộc hỏa, giọng gấp khét. Vũ thuộc thủy, giọng tròn gấp. Về thuộc tính ngũ hành của hình tướng, giọng nói là giống nhau, như vậy là hợp tướng. Người mà thuộc tính ngũ hành của hình thể và đặc trưng của ngũ hành của thanh âm phù hợp nhau sẽ giàu có, tốt đẹp. Trái lại thì nghèo hèn, hung ác.

Tướng thuật hoá cho rằng lời nói là tiếng của tâm, qua lời nói có thể thấy được lộc mệnh. Lời nói của người quý ở chỗ giọng nói

bình hoà, tâm khí hoà thì lời nói có phong độ. Lời nói bình hoà thì không trái với chương chí, giao tiếp với người thì quý ở chữ tín, đối xử với người thì quý ở lễ nghi. Lời nói không khoác lác, khoe khoang, có lý có lẽ là người cao sang. Cụ thể hơn: người nói năng gay gắt là người chính trực, người ít nói thì tính điềm đạm, người nói thẳng là người trung trực, người nói khiêm tốn là người khiêm cung, người nói năng xa xôi kỳ lạ là người hay chấp nhặt, người nhiều lời là người giả dối, người nói năng giận dữ là người nóng tính, người nói năng thô bạo là người mãnh liệt, người hay nói nịnh là kẻ a dua, dèm pha, người nói không hết ý là người xảo quyết, người nói mà hay mỉm cười là người nham hiểm, người khoác lác là người thích địa vị cao, người nói năng lối lừa là người thích sự nghiệp lớn lao.

Sinh lý học đã chứng minh rằng cơ sở sinh lý của ngũ âm là phổi, khí quản và yết hầu, dây thanh, vòm miệng và xoang mũi hợp thành. Âm sắc chủ yếu do vòm miệng, và xoang mũi cùng quyết định, âm lượng là yết hầu, thanh đới (dây thanh) rung động quyết định. Phổi quyết định, độ lớn nhỏ của luồng khí, là động lực phát âm. Đặc điểm của giọng nói có liên quan mật thiết đến lượng hoạt động của phổi, mà lượng hoạt động của phổi lại có liên quan chặt chẽ với sức khoẻ của mỗi người. Do đó qua đặc trưng giọng nói mà tìm hiểu tình trạng sức khoẻ của người là có cơ sở khoa học. Tướng thuật qua giọng nói mà dự đoán số mệnh là không có cơ sở.

Các nhà tướng thuật cho rằng đi đứng là tiết của tiến thoái, là nghĩa của khứ tựu, thuộc dương, chủ về đứng. Quan sát dáng đi đứng của một người, tốc độ đi đứng, . v. v... có thể dự đoán được tính cách và thọ yếu của người đó, có thể đoán được giàu nghèo, sang hèn. Quan sát thế nào, kết luận ra sao? Sách "Thần tướng toàn thiên" ngũ, thiên "Tướng hành luận" nói: Người đi giỏi như thuyền

gập nước, không đầu không đến được. Người đi không giỏi như thuyền không gập nước, ắt có hoạ đắm chìm, vướng ngại. Dáng đi của người cao sang như nước chảy xuôi mà không lắc ngang lắc ngửa. Dáng đi của kẻ tiểu nhân như lửa bốc lên, chân nhẹ chân nặng. Đi tốt nhất là không nên ngẩng cao đầu, không lắc mình không gập chân. Đi đứng đường hoàng, tiến thoái hợp độ đó là tướng cao sang. Người gót chân không chạm đất khi đi thì nghèo và yếu. Người cất chân lên là chạy thì lưu lạc tha phương. Đại để là đi đứng chân không gập, đầu không lắc lư, cất bước nhanh nhẹn, chân đi ngay thẳng, bước đi dài, hơi nghiêng về phía trước, không ngập ngừng chập chững là tướng quý".

Dựa theo kiểu dáng đi của động vật, các nhà tướng thuật lại tả dáng đi của người như long hành hổ bộ (rồng đi hổ bước), nga hành áp bộ (ngỗng đi vịt bước), xà hành (đi như rắn), hạc hành (đi như hạc), thử hành (đi như chuột), tước hành (đi như chim sẻ), ngư hành (đi như trâu đi), quy hành (đi như rùa bò), mã hành (đi như ngựa đi). v. v... có đến mười mấy dáng đi và gán cho những dáng đi đó những mệnh lý khác nhau. Ví dụ nói long hành hổ bộ là nói rồng đi thân không động, hổ bước dài mà khoẻ. Người có dáng đi như vậy là người khoẻ mạnh, hứa hẹn nhiều công danh sự nghiệp. "Vũ đến kỷ" trong "Tống thư" nói Tống Cao Tổ (Lưu Dụ) "Đi như rồng như hổ, mắt nhìn phi phạm, có lẽ không thua kém ai". Lại nói xà hành là nói khi đi cả đầu chân đều động, thân hình gập ba khúc. "Thần di phú" nói "bước đi như rắn, hiểm độc mà chết yếu". Lôi chú nói: "Khi đi đầu và chân cùng động, gập ba khúc. Người như vậy khinh xuất mà độc ác, thọ sao được".

Ngồi thuộc âm, chủ về tĩnh trái với đi. Các nhà tướng thuật cho rằng: người ngồi ngay ngắn, vững vàng, không động, đó là "đức của ngồi". Nếu đầu gối không ngừng rung lắc thì tán tài. Người ngồi

lệch lại hay quay người nhìn là người không đứng đắn. Đó là tướng tham bạc. Ngồi mà tướng mặt không cung kính, thân hình không cân trọng, gọi là gân chùng thịt chảy, là tướng xấu. Phải là "Ngồi như núi, đi như nước chảy, thân thể phải nặng, bước đi khoan thai. Đó là tướng ngồi đẹp. Ngồi như đá đóng đinh, ngồi như núi, đó là tướng quý. Ngồi hay rung đùi, như vậy là cây rung thì lá rụng, người lắc thì tài tán.

Động thái tinh thần khi nhìn được gọi là tướng nhìn. Từ rất xưa, người ta đã qua mắt và góc nhìn mà lường được lòng dạ và trí tuệ của người. "Lễ ký - Khúc lễ hạ" viết: "Nhìn thẳng bên mặt là kiêu ngạo, nhìn xuống vào dải áo là lo âu, nhìn nghiêng là gian". "Mạnh tử - Ly lâu thượng" viết: "Ở trên người ta, không gì tốt hơn con mắt. Con mắt không thể che giấu được điều ác". Đời sau tướng thuật coi tướng nhìn là một phần quan trọng của tướng mặt, và đã tổng kết ra những kết luận tương đối có hệ thống. Trần Đoàn viết trong "Ma Y tạp luận": "Nhìn lên là cao quý, nhìn xuống là hiểm độc, nhìn xa là hiền, nhìn gần là ngu, nhìn ngang là có đức, nhìn cao là kiêu ngạo, nhìn thấp là độc ác, nhìn xiên là trộm cướp, nhìn loạn là dâm, nhìn mạnh là bạo".

Thư tịch cổ Trung Quốc, có nhiều chỗ viết về cái nhìn, ("Phi lễ vật thị" cái gì không đúng lễ thì không nhìn) là qui định phạm vi nhìn một cách vô đoán, ảnh hưởng đến tầm nhìn người ta cả trăm ngàn năm nay, đồng thời cũng ảnh hưởng đến quan niệm về cái nhìn của tướng thuật. Nhầm cái "phi lễ" là phạm qui, dễ làm người ta nổi giận, tất nhiên sẽ đem lại những cái phiền phức, rõ ràng là không có lợi. Qui định của "Khúc lễ" trong "Lễ ký" về cái nhìn cũng nói rõ điều đó. Sách "Tả truyện" ghi việc Đan Thành công "Thị hạ ngôn dư" (nhìn xuống mà nói giọng rất yếu ớt), Thúc Hưởng thấy vậy đoán "Đan tử sắp chết chạng", quả nhiên không

bao lâu sau, Đan Thành công chết thật. Điều này không chỉ muốn nói "Thúc Hương là thầy tướng giỏi mà còn cho thấy tướng thuật coi trọng cái nhìn như thế nào.

Nhìn vật gì mà mắt không động dấy, tức là cứ nhìn chăm chăm, không nháy mắt được coi là thái độ ngoan cường, cố chấp. Tướng Tấn Bạch khởi nhìn gì không nháy mắt, được coi là người rất khó mà đối phó lại. Sách "Xuân thu hậu ngữ" ghi việc Bình Nguyên quân nói với Triệu vương: "Trong hội nghị Mẫn Trì, thần thấy Vũ An quân (tức Bạch Khởi) đầu nhỏ mà nhọn, con mắt đen trắng phân minh, nhìn gì không nháy mắt. Đầu nhỏ mà nhọn là người hành động quả quyết, trông mắt đen trắng phân minh là người sáng suốt, nhìn không nháy mắt là người cố chấp không gì thay đổi ý kiến. Ta chỉ có thể cầm cự khó mà đánh bại nó được"

Bình Nguyên quân có giỏi xem tướng hay không, ta không biết, nhưng qua sự phân tích nói trên, ta thấy Bình Nguyên quân có nghiên cứu về tướng thuật.

Tướng thuật cho rằng, nhìn mặt trời mà không nháy mắt là tướng quý. "Bách gia thi thoại" ghi việc Trần Huỳnh Trung thấy Sái Kinh nhìn mặt trời lâu mà không nháy mắt đã nói với người xung quanh rằng Sái Kinh có phúc sống lâu.

Tướng thuật cho rằng nằm yên, thư thái, ít cử là người sống lâu. Về tướng nằm, tướng thuật cho rằng, nằm duỗi tự nhiên như chó nằm là tướng thượng đẳng, nằm co cuộn như rồng nằm là tướng quý, ngủ mà há mồm là tướng chết non, nghiêng răng trong mơ là tướng chết vì chiến tranh, ngủ mà mắt mở trưng trưng là tướng chết đột ngột ngoài đường, trong khi ngủ mơ mà nói năng lung tung là tướng tới tở hèn mọn, nằm thẳng ngửa mặt như thầy chết là tướng ngheo khổ chết non, ngủ say rồi mà ngáy to là tướng ngu dần dề

chết, người nằm sấp úp mặt là tướng chết đói, vừa ngã mình xuống giường đã ngủ là người thấp hèn gần bưng, nằm nghiêng là người tốt, sống lâu, nằm mà trần trọc không yên là tướng tính loạn, giấc ngủ ngắn là tướng tinh thần thanh cao mà có địa vị, giấc ngủ dài, tinh thần không sáng suốt mà thấp hèn, ngủ dễ tỉnh là tướng thông minh, ngủ khó tỉnh là tướng ngu gần, hơi thở đều đặn là tướng sống lâu, thở ra nhiều hít vào ít là tướng chết non, ngủ rồi phát ra tiếng thở phì phì là tướng sắp chết, người thở khê không nghe thấy tiếng là tướng sống lâu.

Tướng thuật thậm chí còn cho rằng cách ăn uống của người ta cũng liên quan đến số mệnh. Các nhà tướng thuật nói ăn uống là để giữ khí huyết, duy trì sự sống. Ăn uống không điều độ thì tính tình sẽ nóng nảy, không hoà dịu, ảnh hưởng đến khí huyết, tính mệnh. Do đó ăn uống phải chậm rãi, có trật tự, nhai phải từ tốn thông thả, ngồi ăn phải ngay ngắn, đầu phải thẳng. Mở mồm ra phải nhanh, nhưng mà không vội, cho tay xuống phải từ từ, nhưng từ từ mà không chậm. Đó là quý tướng. Ngoài ra người ăn ít mà béo là người khoan hoà, ăn nhiều mà gầy là người tính nóng, người ăn vội tính thô bạo, người ăn chậm tính khoan hoà, ăn như lợn ăn là tướng bản cùng, người ăn mà không há miệng to là người đôn hậu, người ăn mà há miệng to là người bất nghĩa. Khi ăn mà lộ răng là tướng nghèo khổ chết non. Ăn mà nhai như bò là tướng phúc lộc, ăn như dê là tướng tôn quý, vinh hiển, Ăn như hổ là tướng soái, ăn như khỉ là tướng sứ tướng. Người nhai đầu lưỡi, một đời nghèo khổ. Vừa ăn vừa nhìn ngược nhìn xuôi là tướng suốt đời đói khát.

Phải nói rằng, xét về mặt sức khoẻ, nghi thức, thái độ yêu cầu của tướng thuật đối với đi đứng nằm ngồi ăn uống v. v... là hợp lý. Ví dụ như dáng nằm, cách ăn là rất hợp với quan niệm và lễ nghi truyền thống. Trạng thái tinh thần của người ta đều được thể hiện

trong đi, ngồi, nói v. v... Qua các mặt đó mà nhìn nhận trạng thái tâm lý của một người là có thể làm được và có ích. Nhưng gần những cử chỉ, dáng điệu đó với số mệnh là quá khiên cưỡng. Ví dụ như nói nằm duỗi tự nhiên như chó nằm là tướng thượng đẳng, nằm ngửa mặt duỗi thẳng là tướng nghèo khổ chết non thì thực là không thể nào hiểu nổi.

10 - TƯỚNG NỐT RUỒI

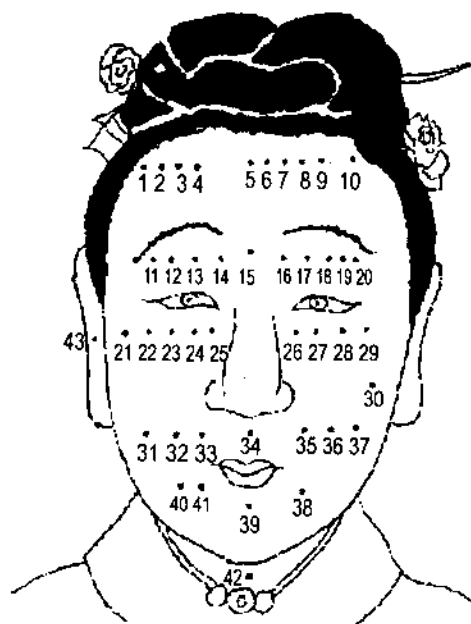
Nốt ruồi là những vết điểm hơi lồi lên trên mặt da. Người ta phân biệt hơi nổi lên là nốt ruồi, bằng phẳng là chấm, xanh vàng là bớt. Nốt ruồi có nâu, xanh, đỏ, đen. Nốt ruồi nâu là những tế bào có sắc tố tập trung ở lớp ngoài da tạo nên, nốt ruồi xanh là do những tế bào sắc tố trong lớp sâu chân bì, nốt ruồi đỏ là do những vi huyết quản phình lên mà thành, đó là một chấm nhỏ màu đỏ thường có ở trên mặt, nếu bị sâu sát thì chảy máu. Những hiện tượng bệnh lý đó của da lại rất được tướng thuật coi trọng, vị trí phân bố của chúng được gán cho những ý nghĩa mệnh lý khác nhau.

Tướng thuật gia cho rằng, người ta sinh nốt ruồi cũng như núi sinh cây cỏ, đất nổi đồi gò. Núi đẹp thì mọc cây đẹp, đất xấu thì nổi gò xấu, người có chất đẹp thì sinh nốt ruồi đẹp để thể hiện cái chất đẹp đó, có chất đục thì mọc nốt ruồi xấu để biểu hiện cái xấu của nó. Sử sách thỉnh thoảng cũng có ghi về tướng nốt ruồi, các nhà tướng thuật vẫn thường nói tới. Ví như "Sử ký" nói Lưu Bang "có 72 nốt ruồi đen ở đùi trái". "Lương thư" nói là Vũ Quý phi có "7 nốt ruồi đỏ ở sườn trái". Dã sử cũng nói An Lộc dưới hai bàn chân đều có nốt ruồi đen v. v...

Tướng pháp thường lấy vị trí, số lượng và màu sắc nốt ruồi để nói về cát hung, quý tiện, "Thái thanh thân giám" quyển 6 viết:

"Nốt ruồi đen xuất hiện chỗ dễ thấy phần lớn là xấu, xuất hiện ở chỗ kín thường là tốt. Do đó nốt ruồi ở mặt thường là xấu. Nốt ruồi đen mà đen như mực, đỏ mà đỏ như son là tốt. Nốt ruồi đen mà có màu đỏ pha lẫn là tướng có chuyện cãi cọ, pha lẫn màu trắng là tướng có điều lo, có pha lẫn màu vàng là tướng dễ quen, mất của. Đây là biến tướng màu sắc, vân thố".

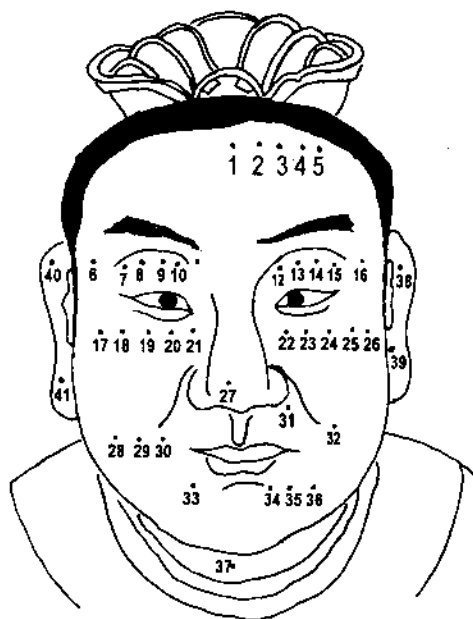
Về bộ vị có thể có nốt ruồi, thường chia thành "nốt ruồi ở đầu, mặt", "nốt ruồi ở tay chân" và "nốt ruồi ở hai phần trên dưới của cơ thể". Về khu vực thứ nhất (đầu mặt) lại chia thành những phần nhỏ phức tạp, như nốt ruồi ở đầu mặt, có "mọc trong tóc thì chủ về giàu có sống lâu, càng lên gần đỉnh đầu thì càng quý, trên trán có thất tinh (7 nốt ruồi), chủ đại quý, ở thiên trung thì có hại cho cha, ở thiên đình thì hại cho mẹ, ở tư không thì hại cả cha cả mẹ..." Trong ba khu vực lớn (đầu mặt, tay chân và mình) thì nốt ruồi ở đầu mặt là chủ yếu nhất, các sách tướng các thời đại bàn luận nhiều về đầu mặt do đó trở thành khu vực có tính tiêu biểu nhất. Các thầy tướng xem tướng cho người cũng chủ yếu chú ý nốt ruồi ở đầu mặt. Có thể tham khảo hai hình vẽ dưới đây:



Ảnh: Nốt ruồi trên mặt phụ nữ

- | | |
|--------------------|-------------------|
| 1. Vợ vua chúa | 2. Chấn chồng |
| 3. Hại bố mẹ | 4. Ít tài tử |
| 5. Hại chồng | 6. Hại người thân |
| 7. Hại chồng | 8. Chết xa nhà |
| 9. Mất chồng | 10. Khó đẻ |
| 11. Tốt | 12. Chồng xa |
| 13. Tốt cho chồng | 14. Ngục |
| 15. Hại chồng | 16. Nuôi tằm tốt |
| 17. Tốt cho con | 18. Có con quý |
| 19. Hại chồng | 20. Sống lâu |
| 21. Bị trộm cướp | 22. Tốt lành |
| 23. Thích gian dâm | 24. Ít con |

- | | |
|-----------------------------|--------------------------|
| 25. Gặp tai ách hồi nhỏ | 26. Hung |
| 27. Hại chồng | 28. Khóc chồng |
| 29. Hiếu đạo | 30. Kính chồng |
| 31. Tự sát | 32. Đố kỵ |
| 33. Tai nạn nước | 34. Sinh đôi |
| 35. Giết 4 con, | 36. Có chuyện khẩu thiệt |
| 37. Hại chồng | 38. Hại đầy tớ gái |
| 39. Gặp tai nạn khi lưu trú | 40. Khổ ốm đau |
| 41. Tai nạn nước | 42. Giết chồng |
| 43. Khôn vặt | |



Ảnh: Nốt ruồi trên mặt nam giới

- | | |
|-----------------------|-------------------|
| 1. Hai bố mẹ | 2. Thích làm quan |
| 3. Quan to, | 4. Chết vì vũ khí |
| 5. Không nên vào lính | 6. Mất cửa to |
| 7. Không tốt | 8. Tai nạn nước |
| 9. Cát | 10. Bất lợi |
| 11. Quý | 12. Đại quý, |
| 13. Quan | 14. Tai nạn nước |
| 15. Hung | 16. Tán tài |
| 17.? | 18. Ít con gái |
| 19. Hay khóc | 20. Mất cha |
| 21. Hung | 22. Tự hại mình |

- | | |
|-----------------------------|-------------------|
| 23. Mất con | 24. Không con cái |
| 25. Ít con | 26. Gian |
| 27. Hung | 28. Chết xa nhà |
| 29. Không nên nuôi bò, ngựa | 30. Tai ách, |
| 31. Tai nạn nước | 32. Được của lớn, |
| 33. Thông minh | 34. Say rượu |
| 35. Tốt | 36. Hiền lành |
| 37. Công hầu | 38. Cát |
| 39. Thông minh | |
| 40. Cát | 41. Hiếu |

Những dự đoán cát hung nói trong hai hình vẽ này là căn cứ vào đâu không rõ, nhưng kết hợp với lý luận tướng thuật nói chung, xét về nội dung thì thấy được rằng đây chỉ là phát triển từ dấu hiệu quý tiện của các bộ vị tướng mặt. Ví dụ, tướng thuật nói: "Trong miệng có nốt ruồi là tướng khổ vì rượu thịt ăn uống", "Trên mặt lưỡi có nốt ruồi là tướng hay nói không", "thừa tướng có nốt ruồi là tướng chết vì say rượu", "sơn lâm có nốt ruồi là tướng bị thú rừng làm hại", "hổ giác có nốt ruồi là tướng có quân quyền", "thiên tỉnh có nốt ruồi là tướng bị tai nạn vì nước", "lao ngục có nốt ruồi là tướng bị tù đầy" v. v... Một số nốt ruồi không thể giải thích được theo bộ vị mặt, có thể là kinh nghiệm của các tướng sỹ nào đó. Nhìn về mặt lý luận thì tất cả đều không có cơ sở khoa học.

Tướng nốt ruồi có lịch sử rất sớm. Trong "Đôn Hoàng tướng thuật" do Hứa Phụ biên soạn (số 3492 bá) có cả một đoạn dài nói về nốt ruồi, như nói "đầu khí quan sinh dục có nốt ruồi là tướng làm quốc sư", "trong mắt cá chân có nốt ruồi là tướng giàu to, nhiều nô tỳ" v. v...

7

TÂM TƯỚNG

Sự phân tích hình tướng của tướng thuật có thể nói là rất kỳ. Các nhà nghiên cứu xưa nay rất chú ý đánh giá nội dung hình tướng. Kê khen người chè. Với tướng thuật, như vậy là quan trọng và cần thiết. Với người xưa, hình và tâm là đi đôi với nhau, nếu hình là hình thức bên ngoài của một nhân tố "chất" nào đó ở bên trong, thì "tâm" là toàn bộ thuộc tính của cá nhân. Quan trọng nhất là, tướng thuật cho rằng, mặc dù việc quan sát hình tướng là rất quan trọng, nhưng để biết hướng đi của một số mệnh nào thì trạng thái tâm lý càng quan trọng hơn, nó không những là gốc của hoạ phúc, lại còn là hướng thay đổi hình tướng bên ngoài có nghĩa là, tâm, sự tu dưỡng đạo đức là nhân tố trọng yếu quyết định tất cả. Tướng thuật coi trọng sự tu dưỡng nội tâm như vậy, họ thấy các nhà tướng thuật coi trọng lễ nghi văn hoá truyền thống, cho rằng sự tu dưỡng nội tâm và cử chỉ hành vi mẫu mực có tác dụng quyết định hoạ phúc tương lai. Đó là một nhận định tương đối khách quan. Đáng tiếc, các nhà nghiên cứu chưa thấy hết điều đó. Trên thực tế, rời bỏ tâm tướng mà bàn về tướng thuật là không toàn diện.

1 - QUAN HỆ GIỮA TÂM TƯỚNG VÀ HÌNH TƯỚNG

Trong quan niệm của người xưa, tâm là khí quan để ra tư duy và tình cảm, dó đó tâm là chủ của thần khí, là nhà của ngũ tạng, nó thống nhiếp các bộ vị toàn thân, có thể ảnh hưởng đến mệnh tướng của người. Tuân Tử sau khi phủ định tác dụng và ý nghĩa của hình tướng, đã cho rằng "tâm" mới là nhân tố quyết định người ta có hạnh phúc hay không. Ông viết: "Xem xét hình tướng không bằng luận về tâm, luận về tâm không bằng chọn thuật. Hình không thể thắng tâm, tâm không thể thắng thuật. Thuật đúng mà tâm theo, thì dù hình tướng xấu mà tâm thuật tốt thì vẫn không ảnh hưởng đến tư cách là quân tử. Hình tướng tốt mà tâm thuật xấu thì vẫn là tiểu nhân" (Tuân Tử - Phi Tướng).

Đoạn nói của Tuân Tử trên đây có nghĩa là: tư tưởng phẩm chất của người ta quan trọng hơn đáng kể bên ngoài. Sự suy nghĩ là chỗ dựa của tư tưởng phẩm chất. Tâm thuật tức là sự suy nghĩ tính toán trong lòng. Nếu tâm thuật thì dù hình tướng có xấu vẫn là chính nhân quân tử, trái lại hình vẻ bên ngoài rất đẹp, rất hợp yêu cầu của mệnh lý, nhưng tâm thuật bất chính thì vẫn cứ là tiểu nhân. Nếu nói tướng thuật là dùng văn hoá phong tục truyền thống để đánh giá số mệnh do hình dáng cơ thể tạo ra, thì lời nói trên kia của tư Tuân Tử là dùng sự tu dưỡng đạo đức để quy định hành vi đối nhân xử thế của người. Hai quan điểm trên khác nhau về điểm xuất phát và kết luận, nhưng nó đã nhấn mạnh tính chất quan trọng của "tâm tướng". Tướng thuật do ảnh hưởng của tư tưởng đó đã coi "tâm tướng" là bổ sung quan trọng của "hình tướng".

Trong "Thái thanh thần giám", quyển 3 có thiên "Tâm thuật luận" nói là do Vương Phác đời Hậu Chu soạn, ngoài ra thiên "luận

đức" nữa cùng nói là của Vương Phác. Cả hai thiên này chuyên bàn về tâm tướng. Đây là tài liệu bàn về tâm tướng sớm nhất và tương đối toàn diện trong sách cổ. "Tâm thuật luận" nói "hình không thắng được dáng vẻ, tâm không làm tối được thuật", nếu không coi trọng việc tu dưỡng, uốn nắn tâm thuật, thì người ta sẽ "bị vật nô dịch", "sẽ bị việc cưỡng đoạt", cuối cùng rơi vào "hung hoạ tội lỗi" không thể rút chân ra được. Thí dụ như của cải, ai ai cũng thích, nhưng quân tử thích của cải mà chỉ lấy nó khi đúng đạo, nếu không trong sạch, làm đúng đạo quân tử, mà lại tham tài tham của, bất chấp thủ đoạn mà làm liều, có thể một vài lần gặp may mà được lợi, cuối cùng vẫn là "tất sẽ tự hại mình". Đến lúc đó thì dù tướng mạo có tốt đẹp đến đâu cũng khó mà cứu vớt được số phận của mình.

Dưới mắt Vương Phác, tâm thuật cũng có tốt, có xấu có cái khả thủ, có cái bất khả thủ. "Tâm thuật luận" viết:

"Khi phải xử lí sự vật, tâm thuật chính, khả thủ có bảy, tâm thuật trái, bất khả thủ cũng có bảy. Cái khả thủ là những gì? Một là trung hiếu, hai là bình đẳng, ba là khoan dung, bốn là thuần túy, năm là chí luật (làm ơn), sáu là hữu thường (giữ nguyên tắc không thay, đổi) và bảy là cương trực. Còn bất khả thủ là gì? Một là nham hiểm, hai là tà uế, ba là khắc nghiệt, bốn là kiêu căng, năm là tranh cạnh, sáu là xiểm nịnh, bảy là cầu thả. Tất cả đều do tâm thật khác nhau mà bị mê hoặc bởi cái khác".

Cái mà Vương Phác nói "tâm thuật chính" và "tâm thuật trái" đương nhiên là mang dấu ấn của thời đại, không thể nhìn với con mắt ngày nay, nhưng hai mặt trái phải mà Vương Phác nêu ra, qua nội dung của nó có thể thấy là phù hợp với quan niệm đạo đức và nguyên tắc xử thế truyền thống của người Trung Quốc. Người ta nói, người nhân từ được trời phù hộ, kẻ độc ác bị trời trừng phạt.

Trong thiên "luận đức", Vương Phác đã đưa ra quan điểm đức quan trọng hơn hình (đức tại hình trên) rất có vẻ biện chứng, nhưng có vẻ như đã đề cao đức quá đáng:

"Cho nên đạo trời che chở, lòng người theo về, hưởng phúc thọ, vinh lại có thể hiểu với cha, trung với vua, hoà với người, tế với vật, là tiêu biểu trước hết của đức của hành, dù chưa được thưởng trong đời mình, ân báo chưa đến với bản thân thì hẳn đến với con cháu. Vì vậy, người giỏi xem tướng trước xét đức rồi sau mới xét hình. Do đó đức tốt mà hình xấu vẫn là quân tử, hình đẹp mà hạnh xấu vẫn là tiểu nhân".

Đức trước hình, đức quyết định hình. Đây là một cách nhìn tương đối khách quan. Nhưng nói chỉ cần có đức thì phúc đến con cháu thì có phần khoa trương.

Cần nói rằng, những tiêu chuẩn tâm tướng của các nhà tướng thuật là quan niệm đạo đức truyền thống, ngày nay chúng ta phải nhìn những tiêu chuẩn đó bằng con mắt phê phán.

Từ Tống Nguyên về sau, các nhà tướng thuật đã xác định địa vị của tâm tướng, trong khi khẳng định hình tướng, họ cũng thừa nhận tính chất quan trọng của tâm tướng. "Ma Y tướng pháp", bản phương, thiên "Tướng tâm" viết: "Có tâm không có tướng thì tướng sẽ theo tâm mà sinh ra, có tướng mà không có tâm, tướng sẽ theo tâm mà diệt. Lời nói đó giản dị, nhưng đã nói được cái diệu của nhân luân...

... Tâm phải khoan bình, hậu bá, không thể hiểm độc hẹp hòi".

Như vậy có nghĩa là, tâm địa tính tình tốt thì tướng cát phúc sẽ nảy sinh, tâm địa tính tình xấu ác thì tướng cát phúc sẽ mất đi. Và như vậy, hình tướng trở thành thứ yếu.

Ngô Xử Hậu đời Tống đã viết trong "Thanh sương tạp ký": "Tuân Tử nói: Xem tướng hình không quan trọng bằng xét tâm". Ngạn ngữ nói: "Có tâm, không có tướng, thì tướng sẽ theo tâm mà sinh ra; có tướng không có tâm, tướng sẽ theo tâm mà diệt". Có thể thấy với các văn nhân, tâm tướng đã có ảnh hưởng khá sâu sắc.

2 - THỰC TIỄN CỦA TÂM TƯỚNG

Tâm tướng trên thực tế là sản phẩm của sự kết hợp tướng thuật với tâm lý văn hoá truyền thống, bởi vì các khái niệm "thiện", "đức", "tâm thuật" của các nhà tướng thuật đều không vượt ra ngoài tiêu chuẩn hành vi quy phạm của xã hội phong kiến Trung Quốc. Thí dụ như những tiêu chuẩn ngôn hành cử chỉ của tướng thuật đã phản ánh đầy đủ yêu cầu đạo đức của các chính nhân quân tử, yêu điều thực nữ và bôn tiểu nhân tiện phụ, lại như sau khi Phật giáo thâm nhập vào tướng thuật thì những tư tưởng không sát sinh, chuyển thế luân hồi, thiện báo ác báo đã trực tiếp trở thành nhân tố ảnh hưởng quan trọng đến phán đoán cát hung phúc hoạ của các tướng sĩ. Tương truyền có một cậu ấm quý tộc tình cờ gặp một nhà sư giỏi xem tướng. Nhà sư bảo cậu công tử: "Anh là người có túc căn, chỉ tiếc là nhân thân bộc lộ, khí sắc bị tối, tóc khô huyết kiệt, tiếng nói tán lặc. Đây là do nghiệp chướng đa sát (sát sinh nhiều). Nếu có thể giới sát phóng sinh thì sẽ được phú quý thọ khảo. Không nghe lời ta, hối sẽ không kịp đâu". Công tử cho là xằng bậy, không nghe còn quát chửi vị hoà thượng. Hắn ta thích ăn thịt bò, đã giết không biết bao nhiêu bò, bà mẹ can ngăn không được. Y bảo với con bò sắp bị giết thịt: "Mày mà biết quỳ lạy ta, ta tha cho", con bò liền sụp xuống lạy. Tên công tử lại quát lớn: "Súc sinh thành yêu quái, bò sao lại nghe hiểu tiếng người?" Và giết chết con bò ngay. Con bò chết thì tên công tử cũng đổ gục xuống cạnh con bò, sùi bọt

mép, rống như bò rồi chết ngay. Đây là một câu chuyện về ác thì có ác báo mà các tướng sĩ hay kể. Lại có chuyện tiến sỹ Từ Ngang đời Minh hay làm việc thiện, như vậy từ là người có tướng vô hậu trở thành người có tướng đông con.

"Tâm" dần dần được coi trọng, các tướng sĩ chú trọng tâm tướng, thực tế đó dần dần được tổng kết thành học thuyết về tâm tướng.

Chúng ta thường nói: "Xét người không thể chỉ nhìn dáng vẻ bên ngoài". Có thể câu nói đó là một điều cước chú về tâm tướng. Nhìn người không thể chỉ xem tướng hình thể mà phải xét đến lời nói, việc làm và đạo đức phẩm chất. Xem phẩm đức đã trở thành một hạng mục không thể thiếu trong việc xem tướng. Thiên "tướng đức" trong "Thần tướng toàn thiên" viết: "Người giỏi xem tướng, trước xét đức rồi sau mới xem hình. Đức tốt mà hình xấu vẫn là quân tử, hình tốt mà việc làm xấu, khó che đây được tính chất tiểu nhân".

"Đức trước mà hình sau", đó là nhận thức chung của các nhà tướng thuật, và được tuân theo chặt chẽ trong thực tiễn. "Tướng đức khí" của Hứa Phụ viết: "Đức trước hình, hình sau đức, tức như Hạng Vũ mất hai con người, về hình là đẹp lắm, nhưng lừa thiêu Hàm Dương ba tháng, chẳng đã nói cái tàn bạo của y sao?" Rốt cục phải tự cắt cổ mình ở Ô giang, hình đẹp đâu đáng cậy?" "Ngọc quán chiếu thần cục" viết: "Hình - đó là vật liệu của người, đức - đó là vật dụng của người. Vật liệu đã tốt rồi lại phải có đức, cũng như vật liệu tốt dẻo gọt thành đồ dùng quý... Vì thế đức trước hình, hình sau đức". Các nhà tướng thuật có cái gọi là "thuật của thành" đó là cách quan sát trí tuệ, thiện ác, quý tiện, phúc lộc của người qua chín mặt: tinh thần, hỗn phách, hình mạo, khí sắc, động chỉ, hành tàng, thiên

thị, tài trí, đức hạnh, "Nguyệt ba động trung ký" viết "Tinh thái phân minh là một thành, hồn thần khảng khái là hai thành, hình mạo định ổn là ba thành, khí sắc minh tịch là bốn thành, động chỉ an tường là năm thành, hành tàng hợp nghĩa là sáu thành, chiêm thị ngay thẳng sáng trong là bảy thành, tài trí ứng phó nhanh là tám thành, đức hạnh mẫu mực là chín thành". Có thể thấy trong "cửu thành" hành vi đạo đức chiếm đến mấy thành. Nếu nói phép "cửu thành" là sự khái quát tổng hợp khá toàn diện của tướng thuật thì tâm tướng là một nội dung quan trọng trong đó.

Trong thực tiễn tướng thuật lâu đời, các nhà tướng thuật đã quan sát và phân loại tỷ mỉ cái gọi là "thiện". "Thanh sương tạp ký" của Ngô Xử Hậu viết (quyển 4):

"... Đây là nói người ta phải coi tâm tướng là trên hết, cho nên tâm tướng có 36 cái thiện. Người ta thường nói ý khí cầu quan, tự mình phải như thế, đó là một. Làm việc có cương có nhu, đó là hai. Yêu việc thiện, gần quân tử, là ba. Có cái ăn ngon thường chia cho người khác, là bốn. Không gần tiểu nhân là năm. Thường làm ân đức, chăm lo phương tiện là sáu. Từ nhỏ biết lo liệu việc nhà, là bảy. Không chán người ta tìm gặp mình là tám. Làm lợi cho người, không chế mình là chín. Không tham sát để thoả lòng ác, là mười. Nghe chuyện gì không kinh sợ hoảng hốt là mười một. Đã hẹn ai không lỡ hẹn là mười hai. Không thay đổi hành vi khí tiết, là mười ba. Đêm nằm ngủ ngay là mười bốn. Trên lưng ngựa không ngoái đầu trông lại mười lăm. Đang đêm không làm người khác giận dữ là mười sáu. Không tô vẽ để che đậy cái sai là mười bảy. Làm việc cho người khác chu đáo là mười tám. Mang ơn người không quên là mười chín. Từ nhỏ đã có khí lượng lớn là hai mươi. Không chê người thiện, làm hại người ác là hai mươi mốt. Thương trẻ mồ côi, giúp người góa bụa, cứu cấp người khác là hai mươi hai. Không giúp kẻ

mạnh ức hiếp người yếu là hăm ba. Không quên tình xưa nghĩa cũ là hăm bốn. Làm việc có ích cho nhiều người là hăm năm. Không nhiều lời, không nói xằng là hăm sáu. Được của người khác thì thấy xấu hổ là hăm bảy. Khen cái tốt đẹp có mức độ, là hăm tám. Khi người khác đang nói, không cướp lời là hăm chín. Hay nói việc tốt của người khác là ba mươi. Không chê áo xấu, cơm không ngon là băm một. Tròn vuông, cong thẳng tùy thời là băm hai. Nghe nói đến việc tốt làm không biết mỗi là băm ba. Biết người đói khát nhọc mệt thường thương xót giúp đỡ là băm tư. Không nghĩ đến việc xấu cũ là băm năm. Bạn cũ gặp khó khăn, hết sức cứu giúp, là băm sáu.

Những người có đủ cả 36 điều thiện đó đáng có ngôi vị chức tước cao nhất, sống lâu chết đẹp. Nếu có phần nào không trọn vẹn thì họa phúc chiết trừ, theo thứ tự mà giảm. Có được 20 điều, là chức vị thứ sử (người đứng đầu quận - ND), có trên mười điều, là quan phụ tá (của thứ sử - ND), có năm sáu điều cũng phải được giàu to".

Rõ ràng 36 điều thiện nói trên, nói là phân loại tướng thuật hay đúng hơn là tiêu chuẩn đạo đức xã hội thời xưa được dán nhãn hiệu tướng thuật. Nhưng từ góc độ tướng thuật mà phân loại đạo đức, lại phụ thêm ý nghĩa tướng thuật, điều đó chứng tỏ trong thực tiễn tâm tướng đã trở nên thành thực.

Khi bàn về tâm tướng, các nhà tướng thuật nhấn mạnh khái niệm đức trước hình sau. Theo quan niệm đạo đức thời phong kiến, trung với vua, hiếu với cha là nhân luân lớn nhất. Tướng thuật cho rằng, người có đức độ bao giờ cũng được đền đáp: "Trung với vua, hiếu với cha mẹ là đức trước hết, là hạnh cao nhất, chưa được dương thưởng, ắt được âm báo, bản thân chưa được hưởng thì con cháu

được hưởng" Ngoài trung với hiếu, khái niệm đức còn rất rộng, mọi lời nói việc làm hợp với đạo đức phong kiến, hợp với qui phạm nhân luân đều gọi là "có đức hạnh". Ngoài tam thập lục thiện nói trên nhiều tướng sĩ còn tùy theo thực tiễn của mình và cách hiểu quan niệm đạo đức của mình mà bổ sung thêm những điều khác. Ví dụ thầy tướng Quách Lâm Tông có thuyết "cửu đức": dung vật (bao dung người khác), lạc thiện (ưa làm việc tốt), hiếu thí (hay bố thí), tiến nhân (giúp người tiến bộ), bảo thường (giữ nguyên tắc bất biến) bất vong (không quên ơn người khác), cầu thân (bản thân siêng năng không sợ vất vả), ái vật (yêu người khác, yêu súc vật, tiết kiệm tiêu dùng), tự khiêm (không kiêu ngạo khinh người). Lại còn những "bát thiện" (tám đức tốt), "thập đức" (mười đức tốt), "Nhị thập bát thiện" (hai tám đức tốt) v. v... Tất cả cho thấy các tướng sĩ đúng là đã coi trọng quan sát nhân tâm, và cũng đã dày công nghiên cứu việc quan sát nhân tâm.

Trong thực tiễn quan sát nhân tâm, các tướng sĩ cũng đã tổng kết ra phương pháp thao tác. "Phong giám" viết: "Thầy tướng giỏi, không xem tướng thân thể, mặt mày". Nghĩa là phẩm đức, trí tuệ của người ta được che kín trong nội tâm, đã bị thể hiện trong hành vi, xem tướng hình thể không thể xác định được hiền hay ngu, thiện hay ác. "Quĩ Cốc tử tướng biện vi nang" viết: "Nhìn người qua hình mạo, sai trong trường hợp Tử Vũ, nhìn người qua lời nói, sai trong trường hợp Tể Dư, Khổng Tử còn nói thế, huống gì kẻ tài năng tầm thường?. Dựa vào hình mạo mà nói tướng mệnh khác nào nhìn con báo qua ống nhỏ. Không rời hình, không nệ cách, nhìn chỗ vô hình, nghe chỗ vô thanh, thế mới là người giỏi xem tướng". Nếu tu dưỡng đạo đức tốt, thì là hình tướng kém, cũng có thể thay đổi được số phận, tiền đồ. Như thế tức là "có tâm không tướng thì tướng sẽ theo tâm mà có, có tướng không có tâm, tướng sẽ theo tâm mà diệt".

Trương Hành Giản đời Kim viết "Nhân luân đại thống phú" đã theo đó mà đưa ra thuyết "Tâm sinh tướng mạo lập tư cơ" (có tâm thì tướng mạo sẽ thành khí). Cho rằng "giả sử tu đức trong lòng, thì cát hung có thể đổi được", "Tâm nẩy ý thiện, mọi phúc theo về". Bí quyết nói: "tâm làm nẩy sinh tướng mạo, đó là nói theo lý. Khi tâm đã điều trác quá làm sinh lý mất hết. Có hình mạo đẹp không thấy giảm, chỉ có phúc giảm đi mà thôi; nuôi dưỡng tâm gang tấc, sinh lý sẽ toàn. Hình mạo xấu chưa đổi, mà phúc tự tăng lên. Người học tướng thuật, không thể không biết điều này". Có thể thấy "tâm sinh tướng mạo" là nói "tâm" có thể bổ khuyết cho chỗ "hình" chưa đẹp, "hình" có thể nhận ảnh hưởng của "tâm". "Tâm" quan trọng đến thế, có thể hiểu vì sao mà "chưa xem hình mạo, trước háy xét tâm địa". Với các tướng sĩ, "khí" đã được dùng để định hình, "hình" lại có thể giữ khí, người nào khí thần yên ổn, thì "buồn vui không đủ để làm rối thân, được mất không thể làm động khí". Trên cơ sở nhận thức đó, các nhà tướng thuật đã liên hệ "tâm" với "khí" hình thành thuyết "tâm khí".

"Tập thuyết thượng thiên" trong "Thái thanh thần giám" viết: "Có trường hợp quan sát tình cảm, tiết tháo một người mà biết được người đó nhất định quý (có địa vị cao), đó là nhờ được "khí". Khí cần thư hoãn mà tĩnh".

Thiên "Luận khí" trong "Thái thanh thần giám" nói: "Vì lẽ đó, khí của người tốt không cấp không bạo, không rối không hoảng, rộng rãi có thể dung nạp người khác, mệnh mông đào dạt như biển cả, hoà dịu có thể tiếp người khác, âm áp tựa gió xuân; cứng rắn giữ được mức độ hợp lý, muôn thói không đủ làm hung lạc tiết tháo, trong mà có thể sạch, nghìn bụi không thể làm bẩn sắc màu! Tiểu nhân thì trái lại, không rộng mà hẹp không hoà mà gay gắt, không cứng rắn mà yếu mềm, không chính mà tà, không thư mà cấp. Chỉ

cần nhìn chí nông hay sâu, xét sắc nóng nảy hay bình tĩnh, là có thể nhận ra quân tử hay tiểu nhân".

Từ khí mà đi đến trạng thái tâm lý, đó là một trong những phương pháp chẩn đoán bệnh chủ yếu của đông y. Các nhà tướng thuật theo đó mà phát huy, từ góc độ tâm tướng mà bàn về quan hệ "tâm" và "khí". Vì có "khí" làm căn cứ, cho nên phương pháp này cụ thể hơn bàn về tâm tướng chung chung.

Từ "tâm thuật" vốn chỉ tư tưởng và sự tính toán trong lòng, sau khi Tuân Tử bàn về "tâm thuật" trong "Phi tướng" thì các nhà tướng thuật đời sau khi nói về tâm tướng thường dùng từ "tâm thuật" để chỉ trạng thái tâm lý thiện hay ác. Thiên "Tâm thuật luận" trong "Thái thanh thân giám" chuyên bàn về tâm thuật chính hay bất chính, khả thủ hay bất khả thủ. Nội dung của cái gọi là "tâm thuật chính" hay "tâm thuật bất chính" rõ ràng là được đo bằng cái thước luân lý đạo đức xã hội, "khả thủ" hay "bất khả thủ" là căn cứ vào tiêu chuẩn nhân phẩm tốt xấu theo văn hoá truyền thống Trung Quốc (nhà Nho). Nhưng sau khi đã có tiêu chuẩn tốt xấu của tâm tướng rồi, đánh giá tâm tướng của một người như thế nào? Nếu như nói hình tướng còn có một số căn cứ khách quan, thì tâm tướng vì không có một cái gì cố định làm chuẩn, phải chăng chỉ tùy ý đoán mò? Bình luận phẩm cách người, các vị tổ đạo nho dạy phải "nghe lời nói, xét việc làm", nhưng các thầy tướng làm sao có thể "xét việc làm" trong thời gian quá ngắn?

Có những thầy tướng đã lợi dụng tình hình không thước chuẩn tâm tướng để lừa bịp, nói năng nói cuội.

Đương nhiên, những tướng sĩ chân chính không như vậy. Thế thì trong thao tác cụ thể, họ làm thế nào? Theo chúng tôi quan sát, có hai mặt:

Thứ nhất, trên con đường nhân sinh dằng dặc đầy những cát hung, hoạ phúc, người, coi hình tướng là "phần cứng" của số phận, tâm tướng sẽ được coi là "phần mềm". Sự kết hợp hữu cơ giữa "phần cứng" và "phần mềm" tạo ra một hệ thống cho sự phát triển vận động của sự vật. Sự kết hợp hình tướng sẽ tạo ra sự thống nhất giữa vật chất và tinh thần để cho con người có hình tướng tâm tướng nhất định đi theo con đường số mệnh nhất định. Hình tướng và tâm tướng thuộc hai lĩnh vực khác nhau nhưng lại thường xuyên bổ sung cho nhau. Tâm tướng bổ khuyết cho chỗ yếu của hình tướng. Hình tướng xấu, tâm tướng cũng xấu, người nào như thế, coi như hết. Câu ngạn ngữ Tiên Tần "Có tâm vô tướng, tướng theo tâm sinh; có tướng vô tâm, tướng theo tâm diệt" đã nói chính xác quan hệ giữa hình tướng và tâm tướng. Hình tướng từ bố cục mà đến, một khi đã định hình, khó bề thay đổi. Do đó người ta hoàn toàn bất lực với hình tướng. Còn tâm tướng là kết quả của hoá dục, có thể uốn nắn, có thể dùng sự tu dưỡng, rèn luyện hậu thiên mà cải tạo. Nắm lấy điểm này, các tướng sĩ đã lấy tâm tướng thuyết minh bổ sung cho hình tướng, thường mang ý nghĩa khuyên răn theo tinh thần văn hoá truyền thống và tinh thần Phật giáo.

Thứ hai, mặc dù tâm tướng có công năng khuyến hoá, các thầy tướng dùng nhiều tinh lực vào đây, mà không đi sâu tìm hiểu hình thái nội tại của tâm tướng. Thế là phủ thêm lên trên sự phân tích tâm tướng một lớp màu thần bí nữa. Để làm sáng tỏ nội dung cụ thể của tâm tướng và đưa một phương pháp thao tác: quan sát tâm tướng, một số nhà tướng thuật đã khảo sát kết hợp hình tướng và tâm tướng. Họ không coi tâm tướng là hư vô huyền bí, có thể tùy ý phán bừa mà đi tìm dấu vết của tâm tướng trên hình tướng. Ví dụ "Thái thanh thần giám", "Tâm thuật luận" sau khi nêu rõ tâm thuật

là có khả thủ, bất khả thủ, đã giải thích cách tìm căn cứ vào sự khả thủ, bất khả thủ về hình tướng như thế nào:

"Có người nói: "Tâm thuật là có khả thủ và bất khả thủ. Có thể từ hình mà biết được không? Xin nói Tướng mạo đoan nghiêm, khí sắc ôn hoà là tướng trung tín. Xương ngay sắc tính là tướng bình đẳng, mày nở mắt to là tướng khoan dung, hoà khí nhân hạ là tướng thuần tuý; mặt nở mũi vàng là tướng huệ (hay làm ơn làm phúc); mũi thẳng thần vững là tướng hữu thường (có nguyên tắc không thay đổi), hình dáng nghiêm trang đáng vẻ cổ kính là tướng cương trực. Có bảy tính đó là khả thủ. Mắt hung thần lộ là hiểm ác; mắt thấy sắc non (mắt hay nhìn xuống, khí sắc không nghiêm) hà tà nể; mắt sâu thịt ngang (thịt nổi bấp trên mặt) là khắc nghiệt; mắt có vẻ giận là kiêu ngạo, mắt cấp sắc tạp (mắt đảo nhanh, đáng vẻ không tự nhiên) là bon chen; hay quan sát nét mặt người đối thoại mà cười hề hề là sơ ản nịnh; có vẻ tức giận mà hay lắc mình là cầu thả. Có bảy tính đó là tâm thuật bất khả thủ.

Qua hình tướng mà tìm căn cứ cho tâm tướng không phải là các tướng sĩ phụ hoạ khéo léo lấy lòng. Theo đông y, trạng thái tâm lý và bộ mặt tinh thần của người ta nhiều khi có thể tìm được dấu hiệu trên hình tướng. Đương nhiên, có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý, tinh thần, không thể chỉ hoàn toàn dựa vào đặc điểm của hình tướng, nếu chỉ chú ý hình tướng thì có thể đi đến những kết luận phiến diện, sai lầm. Ngoài ra, cần thấy là nhiều khi tâm tướng rất trái ngược với hình tướng, hình tướng rất đẹp lại che đậy một bộ mặt tinh thần xấu xa, các thầy tướng rất dễ mắc lừa. Tuy nhiên, hề có dịp, bộ mặt tâm tướng xấu xa kia sẽ phải phơi bày ra hết. Đó là trường hợp "mặt người dạ thú" như người ta vẫn nói. Người ta cũng nói: "biết người, biết mặt, dễ đâu biết lòng". Vì vậy, quan sát tâm tướng không thể không thận trọng. Câu nói: "Đức ở

trên hình, hình ở sau đức, có thể nhất thời có đức mà hình xấu, không thể hình tốt mà vô đức" có lẽ là nhằm vào trường hợp này.

Thực tiễn tìm hiểu tâm tướng đã làm phong phú thêm lý luận tâm tướng. Nhiều sách tướng nói đến tâm tướng, nhưng chỉ nói đến trong những chương tiết riêng biệt bên cạnh các chương tiết khác, ít có công trình chuyên luận về tâm tướng. Đời Tống có Trần Đoàn đã soạn cuốn "Tâm tướng thiên" chuyên bàn về tâm tướng. Sách "Huấn tục di qui" của Trần Đoàn. Lời bạt có ghi: "Sách lấy tên là tâm tướng, muốn nói tướng theo tâm mà sinh ra. Tâm có thiện có ác, có dày có mỏng, tướng cát hay tướng hung gắn bó với nó".

8

PHÊ BÌNH TƯỚNG THUẬT

Chúng tôi cảm thấy sâu sắc rằng, tướng thuật là một phần không thể chia cắt của văn hoá truyền thống Trung Quốc. Trong ý thức chủ quan và đời sống khách quan của người xưa và người nay, tướng thuật đã mọc ra cả một rừng cây lớn khoẻ, chúng ta không thể phủ nhận sự tồn tại của nó, cũng không thể lìa bỏ nó hay thoát ngoài ảnh hưởng của nó. Nhưng nói như vậy không có nghĩa là chúng ta phải trông chờ nó, ỷ lại nó. Vấn đề mấu chốt là chúng ta nhìn nhận nó như thế nào, đánh giá nó thế nào. Do đó, nếu nói rằng chúng ta đã phân tích cơ lý của nó, đã mổ xẻ nó, thì trên cơ sở đó, chúng ta phải tiếp tục cố gắng. Thử xem chúng ta có thể rút từ trong nó một manh mối văn hoá hay không.

1 - TƯỚNG THUẬT VÀ ĐÔNG Y

Hơi thở hình thái của một người có thể là biểu hiện các cung hoạ phúc, cũng có thể là triệu chứng tật bệnh nào đó. Tướng thuật dự đoán cát hung, y học chẩn đoán bệnh tật. Hiển nhiên không phải là nghiên cứu cơ thể người theo ý nghĩa giải phẫu học. Tướng thuật

và đông y có thể nói có mục đích và điểm xuất phát khác nhau, nhưng căn cứ lý luận và phương pháp quan sát lại rất giống nhau, đúng như tục ngữ nói: "Y tướng đồng nguyên" (y học và tướng thuật có cùng nguồn). Thế thì biểu hiện cụ thể của "Y tướng đồng nguyên" là ở chỗ nào? Thảo luận vấn đề này, chúng ta hãy quan sát quan điểm của y thuật và tướng thuật trong việc ăn uống.

Đông y cho rằng, ăn uống không điều độ sẽ dẫn đến bệnh dạ dày. Bệnh dạ dày làm cho hơi ngán, tinh thần thiếu, do đó mà sinh ra đại nhiệt, có lúc hoả vượng, đốt mật. "Hoàng đế nội kinh" viết: mật nóng là bệnh ở kinh túc dương minh. Vì thế, đông y rất chú ý quan hệ giữa ăn uống, đi lại với dưỡng sinh phòng bệnh. Thiên "Thượng cổ thiên chân luận" trong sách "Tổ vấn nói: Ăn uống điều độ, đi lại có chừng mực, không làm việc nhọc mệt quá sức, thì có thể làm cho hình và thần đầy đủ mà sống hết năm trời trăm tuổi". Nhà đông y nổi tiếng Trần Đông Viên nói:

"Ăn uống không điều độ, lao lực quá độ, thì âm hoả có dịp vào trong khôn thổ, làm cho cốc khí, doanh khí, thanh khí, vị khí, nguyên khí không thể đi lên nuôi dưỡng dương khí của lục phủ, thế là ngũ dương đã tuyệt ở bên ngoài, bên ngoài tức là trời, mà đi xuống phụ trong âm hoả của khôn thổ. Làm cho trước đã bị ngũ tặc là mừng, giận, buồn, lo, sợ làm thương tổn, sau đó vị khí không lưu hành được. Lao lực, ăn uống mất điều độ lại tiếp tục, cho nên nguyên khí bị tổn thương" ("Tỳ vị luận"). Nguyên khí đã bị tổn thương rồi, mà "không biết duy trì, bồi bổ, tất nhiên sẽ chết sớm".

Tướng thuật cho rằng, qua ăn uống có thể thấy được một người quý hay tiện. Qua cách ăn uống có thể thấy được tính tình của một người, cũng có thể biết được tuổi thọ của người ấy. Thiên "luận thực" trong "Thần tướng toàn biên" viết:

"Cái mà khí huyết nhờ đó mà phát triển, tính mệnh nhờ đó mà tồn tại là ăn uống. Ăn uống không điều độ thì tính tình nóng nảy không ôn hoà. Vì thế đưa vật ăn vào miệng phải từ tốn mà có thứ tự, nhai phải rộng mà có đáng vẻ, hạ tay xuống phải chậm rãi, mở miệng ra phải nhanh, ngồi phải nghiêm trang, đầu phải ngay ngắn, vội mà không nóng nảy, từ tốn mà không chậm chạp, ứng với tiết. Đó là tướng quý. Khi ngậm thức ăn trong miệng không nói, khi nhai thức ăn không giận, người ăn nhanh dễ béo người ăn chậm dễ gầy. Người ăn ít mà béo tính khoan hoà, người ăn nhiều mà gầy tính rối bẫn. Ăn nhanh thì tính nóng, ăn chậm thì tính dịu. Người ngậm vật ăn trong miệng mà ngửa đầu là người dối rét thấp hèn, người ăn như chim mổ thì bần cùng, người ăn kín miệng thì thuần hậu, người ăn há to miệng thì bất nghĩa. Ăn mà lộ răng là tướng khổ, chết non, ăn mà roi vãi lung tung là tướng chết đói ngoài đường. Ăn như chuột là người dối, ăn như ngựa là bần tiện, ăn như bò là phúc lộc, ăn như dê là tôn vinh, ăn như hổ có quyền tướng soái, ăn như lợn có chức sứ tướng. Nhai ở đầu lưỡi cả đời nghèo khổ, vừa ăn vừa ngó nhìn suốt đời dối rách. Ăn phải nhanh mà không dễ thừa, phải kỹ mà không vội, nuốt không có tiếng động, lưỡi không chớp chép".

Cũng là bàn về ăn uống, lôgích của nhà thuốc là ăn uống không điều độ có hại cho tì vị, tì vị thương tổn thì âm hoá bốc cao, làm tính tình nóng nảy, làm mất nguyên khí, kết quả "từ đó sinh ra bệnh", nếu không nghe lời thầy thuốc thì khó giữ tròn tính mệnh. Do đó điều mà thầy thuốc nói ăn uống mất điều độ, đến nỗi "chết non nửa đời" là nhìn từ góc độ ăn uống thất thường thì có hại cho sức khoẻ, chỗ đúng của thầy thuốc là quan hệ giữa ăn uống và mạng sống. Tướng thuật tuy cũng bàn về ăn uống, nhưng xuất phát từ góc độ y học là chỉ tiếp nhận phần đầu của lôgích y học. Tướng

thuật nói "khí huyết, tính mệnh", "tính nóng nảy không hoà dịu" là bắt nguồn từ lí luận y học "tỳ vị đã hư không thể phù thăng, do đó âm hoả làm tổn thương sinh khí, doanh huyết hao tổn, doanh phục trong đất, âm hoả bốc mạnh, ngày ngày thiêu đốt, làm khí huyết hao tổn" (Lý Đông Viên: "Tỳ vị luận"). Do đó, nhà tướng thuật thấy người nóng ăn vội uống thì đoán ngay người đó không thể sống lâu. Đây là việc rất dễ dàng. Nhưng những nhà tướng thuật chân chính thì không đơn giản như vậy, sau khi nắm được lí luận đông y như vậy, ông ta quay về với hướng suy nghĩ của mình: ăn uống - tinh thần thái độ - sang hèn. Đây tức là tướng ăn uống. Các nhà tướng thuật đem việc ăn uống "nhanh chậm" "lộ hay không lộ răng", "ăn như ngựa", v. v... mà gán cho ý nghĩa số phận xã hội!

Có thể nói, bàn về quan hệ giữa ăn uống với thân thể, nhà y học kiên trì lập trường và góc độ sinh vật, sinh lí, còn nhà tướng thuật thì dùng tính hoa y học mà giải thích vận mệnh. Nhà y học giải thích "ăn uống có điều độ" là ăn đúng giờ, không nóng ăn vội uống, còn nhà tướng thuật ngoài ý nghĩa y học ra, còn gán thêm những ý nghĩa về lễ tiết xã hội. Vì thế mới nói "y tướng đồng nguyên" mà có khác nhau.

Nếu từ góc độ phương pháp luận tổng thể của tướng thuật mà quan sát, chúng ta dễ dàng thấy y và tướng không chỉ "đồng nguyên" trong những vấn đề tiểu tiết kiểu "ăn uống" kia:

Thứ nhất, thuyết thiên nhân hợp nhất là nguồn tư tưởng chung của y thuật và tướng thuật. Chúng ta đã nói đến việc tướng thuật quán triệt vận dụng thuyết thiên nhân hợp nhất như thế nào. Hãy xem y học đã nhận được cái gì từ thuyết thiên nhân hợp nhất ấy. Thực ra tư tưởng thiên nhân hợp nhất là nội dung hạt nhân của y

học Trung Quốc. "Hoàng đế nội kinh" đã nói rất kỹ về tư tưởng đó từ góc độ y học:

Người là chịu ảnh hưởng của trời đất, là tương ứng với nhật nguyệt ("Linh khu - Tuế lệ")

Giềng mối lớn của đất trời, là ứng chung thân với người. ("Tổ vấn - Chí chân yếu đại luận")

Đạo của thánh nhân, trên thì hợp với trời, dưới thì hợp với đất, giữa thì hợp với nhân sự (Linh khu - nghịch thuật yêu sâu")

Nói đúng về trời, hẳn nghiệm với người ("Tổ vấn - Cử bệnh luận")

Người nhờ sinh khí của trời đất, phép tắc của bốn mùa mà thành ("Tổ vấn - Bản mệnh toàn hình luận")

Những ý kiến như vậy, thấy rải rác trong "Hoàng đế nội kinh" và các sách thuốc khác nhau. Qua đó có thể thấy, y học Trung Quốc coi thiên nhân hợp nhất là tư tưởng chỉ đạo. Nhưng nếu chỉ có thế thì chúng ta chưa đủ thấy hết thiên nhân hợp nhất là hoàn toàn dung hợp với y học, vì thuyết thiên nhân hợp nhất thích hợp mọi mặt của văn hoá truyền thống Trung Quốc. Trên thực tế, các nhà y học sáng suốt thời cổ còn thẩm thấu tư tưởng thiên nhân hợp nhất vào mọi mặt của y học Trung Quốc, mọi mặt của cơ thể con người, làm cho nó cùng với y học Trung Quốc tạo thành một hệ thống hữu cơ. Cũng tức là, sau khi xác nhận trời, đất, người trong vũ trụ là một thể thống nhất, không thể chia cắt được, y học Trung Quốc còn cho rằng trong cơ thể con người có một hệ thống tự nhiên thiên nhân hợp nhất. "Cửu châm luận" trong "Linh khu", viết:

"Hoàng đế nói: Xin được nghe thân hình ứng với cử cung như thế nào? Kỳ Bá nói: Xin nói thân hình ứng với cử dã: Châu trái ứng với lập xuân, là Mậu Dần, Kỷ Sửu; Sườn trái ứng với xuân phân, là Ất Mão. Tay trái ứng với lập hạ, là Mậu Thìn, Kỷ Tỵ; Yết hầu, đầu ứng với hạ chí, là Bính Ngọ; Tay phải ứng lập thu, là Mậu Thân, Kỷ Mùi; Sườn phải ứng với thu phân, là Tân Dậu; chân phải ứng với lập đông, là Mậu Tuất, Kỷ Hợi; Lung, mông, hạ khiếu ứng đông chí, là Nhâm Tý; lục phủ và dưới cách mô ứng trung châu".

Theo hệ thống này, thầy thuốc có thể chẩn đoán bệnh không trái ý trời, không trái thời gian, địa điểm, và theo đó mà lập phương (thuốc).

Hiển nhiên, về mặt ý thức có thẩm thấu, khi hợp thuyết thiên nhân hợp nhất, thì tướng thuật và y học là nhất trí. Về tướng thuật, chưa nói gì khác chỉ nhìn chuỗi thuật ngữ: Thiên môn, thiên trung, thiên thương, thiên địa tương hợp, thiên địa tương ứng, thiên giáp, thiên luân, thiên đình, thiên viên, địa phương, địa phủ, địa các, địa khố

... là có thể thấy rõ tướng thuật gắn bó với thuyết thiên nhân hợp nhất đến mức nào.

Nguồn tư tưởng đã là chung, thì trong việc vận dụng cụ thể, tướng thuật và y học tự nhiên sẽ có nhiều chỗ giống nhau hoặc gần nhau.

Đông y và tướng thuật đều rất chú ý đến ảnh hưởng của trời đất, bốn mùa, nhật nguyệt đối với cơ thể người. Đông y nói người ta phải tùy theo biến động của khí hậu bốn mùa mà điều dưỡng ngũ tạng, thần trí thì mới có thể đảm bảo cơ thể khỏe mạnh; tướng thuật cho rằng cơ thể người phải tùy mùa mà động, theo tiết mà biến thì

mới có thể tìm được cát, tránh được hung. Tướng thuật là "xem tướng", đồng y là "vọng chẩn", vì vậy cả hai đều rất coi trọng màu sắc. Đồng y cho rằng "có bệnh ở bên trong thì nhất định có hình tích bên ngoài", cơ thể có bệnh, theo màu sắc bên ngoài có thể chẩn đoán ra, tướng thuật cho rằng khí sắc dẫn đến bệnh chứng, theo đó có thể biết cát hung.

Trời đất, bốn mùa, nhật nguyệt có quan hệ mật thiết với màu sắc. Người cũng như muôn vật, ở những mùa, tiết khác nhau, thậm chí giờ khác nhau thì màu sắc đều có sự thay đổi hết sức tế vi. Thiên "Tứ khí điều thần đại luận", sách "Tổ vấn" nói: "Ba tháng xuân, gọi là phát trần. Trời đất đều sinh, vạn vật nhờ vậy mà phồn vinh, đêm nằm dậy sớm, dạo bước ngoài sân, xoa tóc thư hình, để cho khí sinh; sinh thì đừng sát, cho mà đừng cướp, thưởng mà đừng phạt. Thế là ứng với khí xuân, đó là đạo dưỡng sinh. Làm trái lại thì thương can... Theo qui luật tự nhiên và lý luận Kinh Dịch, tháng 3 là Chấn, trụ ở phương Đông. Phương đông màu sắc là xanh. Thiên "Kim qui chân ngôn luận" viết: Phương đông sắc xanh, vào thông với gan khai khiếu ở mắt, tàng tinh ở gan, bệnh phát thì kinh hải, vị là chua, loại là thảo mộc, vật nuôi là gà, ngũ cốc là mạch, ứng với bốn mùa, trên là tuệ tinh, do đó khí xuân ở đầu, ngũ âm là giốc, số là 8, vì vậy biết được bệnh ở gan, mùi nó khai" như vậy có nghĩa là, mùa xuân đối với người, thì trong là ở gan, ngoài là ở gân, sắc là xanh, trái thì thương can.

Tướng thuật cho rằng: "Khí sắc phát ở ngũ nhạc, ẩn ở lục phủ, triêu kiến ở mặt, tối thì quay về phổi, bụng, tùy theo năm, tùy tháng, tùy ngày, tùy giờ khí sắc thăng giáng, phân ra thành sắc mặt trắng, xanh, đen, đỏ, vàng" ("Thần tướng toàn biên - Biên khí sắc").

Xét theo bốn mùa, đúng là màu sắc biến đổi, cát hung không nhỏ. "Như ba tháng mùa xuân, xanh vượng, đỏ tướng, đen chủ hưu, trắng chủ tù, vàng chủ tử. Nếu là ba tháng mùa hạ, đỏ vượng, vàng tướng, xanh chủ hưu, đen chủ tù, trắng chủ tử. Nếu là ba tháng mùa thu thì trắng vượng, đen tướng, vàng chủ hưu, đỏ chủ tử, xanh chủ tử. Gặp ba tháng mùa đông, đen vượng, xanh tướng, trắng chủ hưu, vàng chủ tử, đỏ chủ tử" (Thần tướng toàn biên - Đoán tứ quý luận). Tướng thuật lại còn có "nhị thập tứ khí khắc ứng khí hình", "ứng thời thì hi; trái trời thì ưu", "Khí xanh ứng với một ngày sau lập xuân, hai ngày sau vũ thủy, ba ngày sau kinh trập, bốn ngày sau xuân phân". Mùa xuân mà sắc mặt xanh thì "người đến sau lại vào, thêm của lắm mừng vui, suốt mùa đông không lo nghĩ".

Có thể thấy, đông y và tướng thuật đều cho rằng cho mùa xuân, sắc mặt xanh là tốt, hoặc là khoẻ mạnh, hoặc là có điều vui. Đây là thí dụ cho thấy đông y và tướng thuật nhất trí về thuyết nhân hợp nhất.

Thứ hai, thuyết âm dương ngũ hành là cái khung sườn chung của đông y và tướng thuật. Triết học và phương thuật cổ đại Trung Quốc cho rằng, sự phát sinh, phát triển và biến hoá là kết quả tác dụng lẫn nhau của âm dương. Phàm những gì động, nóng, ở trên, hướng ra ngoài, sáng, tiến lên, cường tráng đều thuộc dương, cái gì tĩnh, lạnh, ở dưới, hướng vào trong, tối, thoái, hư đều thuộc âm. Âm dương hoà hợp thì muôn vật sinh, âm dương mất cân đối thì vạn vật trái, hỏng. Thuyết ngũ hành có ảnh hưởng rất quan trọng đối với thiên văn, lịch số, y học, phương thuật v. v... cổ đại Trung Quốc. Người xưa coi năm loại vật chất kim, mộc, thủy, hỏa, thổ là những yếu tố tạo ra trời đất muôn vật, ngũ hành tương sinh tương khắc, tuần hoàn mãi không cùng mà sinh sôi nảy nở muôn vật. Thuyết âm dương ngũ hành ảnh hưởng vô cùng sâu sắc đến y học và tướng

thuật. Trong hệ thống lý luận và thực tế thao tác, ở đâu cũng thấy âm dương ngũ hành xuyên suốt. Có thể nói y học và tướng thuật đều lập luận trên cơ sở thuyết âm dương ngũ hành.

Thiên "Âm dương ứng tượng đại luận" trong "Hoàng đế nội kinh - Tố vấn" viết: "Âm dương là đạo của trời đất, là cương kỷ của muôn vật, là cha mẹ của biến hoá, là gốc rễ của sinh sát, là phủ của thần minh". Vì vậy, đông y chia người thành nam dương, nữ âm, nội tạng của người cũng phân chia âm dương, phế thận thuộc âm, tâm can thuộc dương, nói "âm sinh ra ngũ tạng, dương sinh ra lục phủ" Trên cơ sở đó lại chia người thành năm loại căn cứ theo người bẩm khí âm hay dương: Thái âm, thiếu âm, thái dương, thiếu dương và âm dương hoà bình. (Linh khu - Thông thiên thiên")

Vì khí âm dương của người khác nhau cho nên đặc trưng hành vi, bẩm phú nội tâm của mỗi người cũng khác nhau. Đây là kết quả "vọng chẩn" của đông y, qua "vọng" có thể thấy rõ được tính tình của năm loại người nói trên (Linh khu - Thông thiên thiên)

Dựa vào học thuyết âm dương, đông y dùng bốn phương thức chẩn đoán "vọng" (nhìn), "vấn" (nghe) vấn (hỏi), "thiết" (xem mạch) với nội dung rất phong phú. Chúng ta không thể và cũng không cần thiết nghiên cứu sâu các vấn đề này, nhưng từ việc phân chia người thành năm loại với những đặc trưng ngoại hình, cử chỉ, những đặc trưng tâm lý tính thần, chúng ta thấy đông y và tướng thuật rất giống nhau.

"Tố vấn - Tạng khí pháp thời luận" đã nói về ảnh hưởng của qui luật ngũ hành sinh khắc đối với khí ngũ tạng và sinh lý ngũ tạng. Không chỉ thế, đông y qui tâm, can, tỳ, phế, thận thuộc hoá, mộc, thổ, kim, thủy và dựa vào quan hệ sinh khắc của chúng mà nói bệnh lý. Cho rằng mọi khí quan trọng cơ thể đều có quan hệ chế

ước, sinh thành với nhau. Ngay cả trạng thái tinh thần, cũng do quan hệ sinh khắc đó của các khí quan trọng cơ thể mà chịu ảnh hưởng.

Căn cứ vào đó "Linh khu" qui nạp thành năm loại người: người hình mộc, người hình hoả, người hình thổ, người hình kim, người hình thủy, và nói rõ tỉ mỉ màu da, dáng vẻ, bẩm tính ... khác nhau của năm loại người đó, còn dự đoán cả tính cách và cát hung nữa, như nói người hình hoả "khinh tài, thiếu tín", người hình kim "thiện vi lại" người thủy "lục tử" v. v... hoàn toàn giống như tướng thuật.

Tướng thuật cũng coi trọng ngũ hành không kém gì y học. Tướng thuật vận dụng nguyên lý ngũ hành để phân chia loại hình người theo hình tướng và khí chất. Cách làm đó gọi là ngũ hành hình tướng. Ngũ hành hình tướng phân chia đặc trưng ngoại hình của người thành năm loại vuông, thẳng, tròn, nhọn, dày, chia thành năm chính hình kim, mộc, thổ, thủy, hoả, và hai mươi hợp hình: kim mộc, kim thủy, kim hoả, kim thổ, mộc kim, mộc hoả, mộc thủy, mộc thổ, thủy kim, thủy mộc, thủy hoả, thủy thổ, hoả kim, hoả mộc, hoả thủy, thổ kim, thổ mộc, thổ thủy, thổ hoả. "Ngọc quán chiếu thần cục" quyển thượng viết: "Hình ở người, cho tượng kim, mộc thủy, hoả, thổ... kim không hiểm vuông, mộc không hiểm gầy, thủy không hiểm béo, hoả không hiểm nhọn, thổ không hiểm đục", "Chiến đảm kinh" viết: "Hình chính kim vuông, ngang, sạch, trắng, cao, nhọn, tướng của nó thể hiện ở mang, má, ngời, đứng, tiếng nói; Hình chính mộc cao dài thanh tú điều đạt, tướng của nó thể hiện ở mày, tóc, quẻ, tay, chân; Hình chính thổ rộng, lớn, béo, dày, nội tán, tướng của nó thể hiện ở tai, bụng, hông, lưng, đi, ngời; Hình chính hoả trên nhọn dưới to, không béo, không gầy, tướng của nó thể hiện ở chỗ tính tình cấp hoãn; Hình chính thủy

thuật. Trong hệ thống lý luận và thực tế thao tác, ở đâu cũng thấy âm dương ngũ hành xuyên suốt. Có thể nói y học và tướng thuật đều lập luận trên cơ sở thuyết âm dương ngũ hành.

Thiên "Âm dương ứng tượng đại luận" trong "Hoàng đế nội kinh - Tố vấn" viết: "Âm dương là đạo của trời đất, là cương kỷ của muôn vật, là cha mẹ của biến hoá, là gốc rễ của sinh sát, là phủ của thân mình". Vì vậy, đông y chia người thành nam dương, nữ âm, nội tạng của người cũng phân chia âm dương, phế thận thuộc âm, tâm can thuộc dương, nói "âm sinh ra ngũ tạng, dương sinh ra lục phủ" Trên cơ sở đó lại chia người thành năm loại căn cứ theo người bẩm khí âm hay dương: Thái âm, thiếu âm, thái dương, thiếu dương và âm dương hoà bình. (Linh khu - Thông thiên thiên)

Vì khí âm dương của người khác nhau cho nên đặc trưng hành vi, bẩm phú nội tâm của mỗi người cũng khác nhau. Đây là kết quả "vọng chẩn" của đông y, qua "vọng" có thể thấy rõ được tính tình của năm loại người nói trên (Linh khu - Thông thiên thiên)

Dựa vào học thuyết âm dương, đông y dùng bốn phương thức chẩn đoán "vọng" (nhìn), "vấn" (nghe) vấn (hỏi), "thiết" (xem mạch) với nội dung rất phong phú. Chúng ta không thể và cũng không cần thiết nghiên cứu sâu các vấn đề này, nhưng từ việc phân chia người thành năm loại với những đặc trưng ngoại hình, cử chỉ, những đặc trưng tâm lý tính thần, chúng ta thấy đông y và tướng thuật rất giống nhau.

"Tố vấn - Tạng khí pháp thời luận" đã nói về ảnh hưởng của qui luật ngũ hành sinh khắc đối với khí ngũ tạng và sinh lý ngũ tạng. Không chỉ thế, đông y qui tâm, can, tỳ, phế, thận thuộc hoá, mộc, thổ, kim, thủy và dựa vào quan hệ sinh khắc của chúng mà nói bệnh lý. Cho rằng mọi khí quan trọng cơ thể đều có quan hệ chế

tròn, dày, dày dặn, rộng, không bức bách, tướng của nó thể hiện ở lưng, mũi, bụng, má".

Nếu so sánh, chúng ta thấy trong việc giám sát và bình luận hình tướng ngũ hành, đông y và tướng thuật rất giống nhau. Ví dụ người hình kim "Ma Y tướng pháp" nói: "Hình kim vành tai nhỏ, mà nhọn, vuông mà ngang, hình ngắn gọi là bất túc, bên trong chắc gọi là hữu dư". "Thuỷ Kính Tập" viết: "Người hình kim mặt vuông tai ngay, mắt mày thanh tú, môi răng cân đối, đầu tay nhỏ mà vuông, bụng tròn, ngay, sắc trắng, khí trong". Người hình kim trán mặt, tay, chân vuông vắn nhẹ nhàng, nhỏ nhắn, xương chất thịt rắn, màu da trắng sạch. Như vậy là về cơ bản giống với người hình kim theo quan niệm đông y.

Bát quái trong "Kinh Dịch" là tượng trưng cho trời, đất, sấm, gió, nước, lửa, núi, đầm, tám vật tự nhiên, trong đó hai quẻ Càn, Khôn được coi là nguồn gốc tối sơ của mọi hiện tượng tự nhiên và xã hội loài người. Các phương sĩ đời sau kết hợp bát quái với âm dương, phát triển thành công cụ thuyết lý phương thuật. Nội đan, ngoại đan, thuật số, bói toán, phong thuỷ địa lý, coi tướng người, đông y, v. v... đều dùng bát quái để giải thích những vấn đề của mình. Trong "Hoàng đế nội kinh" đã ghi phương pháp chẩn đoán bát quái. "Tổ vấn - Thích nhiệt thiên" viết: "Bệnh can nhiệt, má trái đỏ trước; bệnh tâm nhiệt, mặt đỏ trước; bệnh tỳ nhiệt, mũi đỏ trước; bệnh phế nhiệt, má phải đỏ trước; bệnh thận nhiệt, má đỏ trước. Bệnh tuy chưa phát ra, thấy đỏ là châm, gọi là chữa khi chưa bệnh". Căn cứ lý luận nói gan tả, phổi hữu tức là hậu thiên bát quái đồ.

Phép chẩn bệnh mặt theo bát quái đã được phát huy mạnh trong tướng thuật. Sách "Tướng pháp bí quyết" của Trần Đồ Nam nói: "Bát quái đầy đặn phải là loại gọi được nhiều tài lộc". "Lữ

Thuận dương tướng pháp" cũng nói: "Tam đình bát quái cân tương xứng". Đây là nói tám bộ vị trên mặt đều phải nổi cao, đầy đặn, có thịt, tối kỵ thấp phẳng, thụt lõm, gầy guộc.

Về vấn đề đông y và tướng thuật có chung nguồn, nội dung rất có hệ thống, cũng rất đầy đủ rộng lớn, không thể nói hết ở đây, độc giả có thể tham khảo các chương tiết hữu quan trong sách này. Cần phải chỉ ra rằng, phải phân biệt được chỗ giống nhau và chỗ khác nhau của đông y và tướng thuật. Nói chung đồng nguyên là nói cơ sở triết học và phương pháp lý luận là cùng nguồn, chứ không phải nói đông y là nguồn của tướng thuật. Thứ nữa, vì đông y và tướng thuật có quan hệ đồng nguyên, cho nên cần chú ý khuynh hướng một số tướng sĩ mượn lý luận đông y mà phát huy một cách tùy tiện. Đông y và tướng thuật dù sao cũng không phải là một. Lẫn lộn phải trái, khéo nói lừa người là thủ đoạn quen thuộc của nhiều thầy tướng.

2 - VĂN NHÂN VÀ TƯỚNG THUẬT

Tầng lớp văn nhân cổ đại Trung Quốc rất đặc biệt. Một mặt họ có tài, mong được triều đình trọng dụng để thi triển tài năng, dựng xây sự nghiệp, một khi có tài mà không được người trọng dụng, họ về đồng quê phố chợ, ngao du sơn thủy, mặt khác họ tự coi mình là thanh cao, cậy tài khinh người, không hoà mình trong thế tục. Vì tầng lớp văn nhân thiếu tính độc lập, mà mang nặng tính ỷ lại, là một tầng lớp "ăn nhờ". Họ hy vọng được đi vào xã hội lớp trên giúp đời giúp dân, lưu danh sử sách. Dù không có quan chức, họ cũng muốn trở thành thực khách của tầng lớp quý tộc, vẫn sống trong xã hội thượng lưu. Nếu không muốn lại không thể làm nên "sự nghiệp" gì, họ đành phải sống qua ngày đoạn tháng ở cuối phố đầu chợ hoặc

là tiêu dao sơn thủy để tìm sự an ủi. Chính lối sống đó của họ tạo cho họ điều kiện để tiếp xúc, quan sát, đánh giá tướng thuật, bởi vì vô luận là tầng lớp quý tộc hay bình dân trăm họ đều tin tướng thuật. Nguyên vọng, mục đích của họ khác nhau, nhưng họ có một điểm giống nhau là tin số phận, đều sẵn sàng đem cơ thể, tóc, da của mình giao cho người khác đánh giá số phận.

Giữa nhân văn và tướng thuật có quan hệ mật thiết, lâu đời. Điều đó chủ yếu thể hiện ở hai mặt: trong buổi hàn vi hay khi hiển đạt, các văn nhân có quan hệ nhiều mặt với các tướng sĩ; các văn nhân đã đưa các tướng sĩ hoặc những sự việc hữu quan vào tác phẩm của mình bằng trực tiếp miêu tả, bình luận, hoặc làm mẫu hình nhân vật nghệ thuật của mình.

Ở những thời kỳ khác nhau trong xã hội cổ đại Trung Quốc khi tướng thuật thịnh hành, từ vua quan tướng lĩnh cho đến quân dân trăm họ, tất cả đều chịu ảnh hưởng của tướng thuật, có người say mê chìm đắm trong đó, có người dè bủ chê bai việc đó. Là thành viên của đời sống xã hội, các văn nhân cũng nhạy bén cảm thấy được những sự việc liên quan đến tướng thuật xảy ra trong đời sống xã hội, quanh mình họ.

Truyện Dịch Phương Tiến trong "Sử ký" ghi: "Phương Tiến tự là Tử Ky, người Thượng Sái, Nhữ Nam. Gia thế nghèo hèn. Bố Phương Tiến là Dịch cũng hiếu học, làm chức văn học quận. Phương Tiến 12, 13 tuổi thì mất cha, trở thành học trò mồ côi, sau được bổ làm chức tiểu sử ở phủ thái thú, bị chê bai là chậm chạp dốt nát, không được việc, nhiều lần bị chửi mắng. Phương Tiến tự ái, đến thấy tướng đất Nhữ Nam là Sái Phủ hỏi mình làm gì thì thích hơn. Sái Phủ thấy tướng mạo của Phương Tiến cho là lạ, bảo: "Tiểu sử có tướng phong hầu, nên dùng kinh học tiến thân, hãy cố gắng

học hỏi". Phương Tiến đã chán chức tiểu sử, nghe lời Sái Phủ, bụng mừng thầm. Nhân ốm, về quê thăm mẹ, đã nói với mẹ, muốn lên kinh đô học kinh học. Mẹ thương con trẻ người có chí, bèn cùng đi với con lên kinh đô Trảng An. Sau hơn mười năm học tập, dạy kinh học, học trò ngày càng đông. Các nho sỹ đương thời rất khen. Sau Phương Tiến đỗ xạc sách giáp khoa, được làm quan lang, cuối cùng lên đến chức tể tướng, phong chức cao lãng hầu".

Địch Phương Tiến là một văn nhân cổ đại nổi tiếng về học vấn, về sau được lên chân vào tầng lớp thống trị bậc cao. Trong quá trình từng bước đi lên đó, có sự gợi ý khuyến khích của thầy tướng, như một khâu quan trọng.

Ban Siêu đời Hậu Hán "bỏ bút nghiên theo việc đao cung" được phong đến tước hầu. Chuyện đó mọi người đều rõ. Nhưng việc Ban Siêu xếp bút nghiên là có sự chỉ bảo gợi ý của thầy tướng. Theo "Ban Siêu truyện", thì Ban Siêu nhà nghèo, phải đi viết thuê nuôi mẹ, rất có chí học tập. Có lần Ban Siêu đã vứt bút, than thở: "Đại trượng phu ở đời nên học theo Phú Giới tử, lập công ngoài cõi, giạt ấn phong hầu". Nhưng không biết mình có số phong hầu hay không. Nghĩ vậy Ban Siêu tìm thầy tướng. Thầy tướng nói "Anh đang là một thư sinh áo vải, nhưng đáng phong hầu ngoài vạn dặm". Ban Siêu hỏi vì sao thì thầy tướng nói: "Anh cổ hùm hàm én, bay mà ăn thịt, đó là tướng vạn lý phong hầu!". Câu nói đó của thầy tướng đã cổ vũ Ban Siêu "theo việc đao cung".

Tướng thuật thịnh hành đến mức trở thành chủ đề đàm đạo chủ yếu của các tao nhân mặc khách khi tửu hậu trà dư. Cả đến những văn hào nổi tiếng cũng không đứng ngoài cuộc. Còn chuyện tướng mặt Âu Dương Tu là một thí dụ. "Đông Pha chí lâm" viết:

"Âu Dương Văn trung công (tước hiệu Âu Dương Tu, một chính khách và là nhà văn lớn đời Tống - ND) từng kể rằng hồi ông còn nhỏ đã có nhà sư tướng sĩ coi tướng cho ông, nói rằng ông tai trắng hơn mặt, nổi danh thiên hạ, nhưng vì môi không che kín răng, cho nên vô cớ bị phỉ báng. Lời nói đó nghiệm rất đúng. Tai trắng hơn mặt thì mọi người thấy đó, còn môi không che kín răng, tôi cũng không giám hỏi ông, không biết nó như thế nào".

Đoạn văn trên trong ngữ lục Tô Đông Pha không những cho thấy Âu Dương Tu đã từng xem tướng, mà bản thân Tô Đông Pha cũng cho rằng lời nói của thầy tướng là "rất nghiệm". Dù thấy cả những văn nhân bậc cao cũng tin tướng thuật.

Những đoạn viết về tướng thuật của các văn nhân đã phản ánh tình hình một mặt nào đó của xã hội, đồng thời cũng cho thấy tác giả quan tâm hoặc có nghiên cứu tướng thuật. Trong làng văn cổ đại, nhiều tác giả nổi danh như Giả Nghị, Vương Lăng, Du Tín, Hàn Dũ, Lý Đức Dụ, Đỗ Mục, Bồ Nhật Thư, Âu Dương Tu, Tô Thức, Chu Hy, Lưu Khắc Trung, Văn Thiên Tường, Triệu Mạnh Phủ v. v... đều có tác phẩm viết về tướng thuật, có khi là thơ văn xướng họa với các tướng sĩ, có khi thì phân tích nêu câu hỏi nghi ngờ tướng thuật, cũng có tác phẩm mỉa mai châm biếm. Hoạ sĩ nổi tiếng đời Nguyên Triệu Mạnh Phủ đã có bài thơ "Tặng tướng giả" (Tặng thầy coi tướng) viết về một lần tác giả uống rượu dưới hoa với một tướng sĩ:

"Nghe nói Bá Nhạc giỏi tướng ngựa.

Nghìn vàng một lần thật cao giá.

Có người vung tiền mua ngựa quý.

Coi như ngựa tôi dưới tàu ngựa.

Chàng Trương tuổi trẻ mắt có thần,
 Đã đi khắp nơi, tướng nghìn lần.
 Tôi đây gầy yếu không tướng lạ,
 Đánh giá quá cao e thất chân.
 Mưa liền mấy hôm nay mới tạnh,
 Hoa đẹp nở tươi khoe tình xuân.
 Trước lầu thủy đài xa sắc núi,
 Trên hồ liễu biếc rộng tiếng oanh.
 Phải mua rượu ngon cùng chàng uống,
 Say khướt dưới hoa chẳng ngại ngần.
 Nhạc tìm Đường Cử hỏi lưu niên,
 Chỉ muốn đức ông cho tiểu ấn.

Nhà thơ Đỗ Mục đời Đường nhân đọc "Phi tướng" của Tuân Tử, đã viết bài "Tướng luận" ca ngợi thấy tướng họ Lã, họ Dương là những bậc "đại nho" và nói "quả thật tướng pháp không sai". Nhà thơ Lưu Khắc Trung đời Tống trong bài "Bạt Chu tướng sĩ tặng quyền" thì lại viết với một giọng khác:

"Xưa kia Lâu Tích Thúc có tiếng văn hay, anh bảo tôi: họ Lâu mày rậm, không thể là một ông quan có tướng hay. Tiền Hoàng Tổ đang cầm quân ở Giang Tây, tuổi vừa ngoài bốn mươi, anh lại nói với tôi, họ Tiền kia sắp chết đột ngột. Sau đó đã quả vậy. Nhưng nói người nọ phải làm quan đến nhị phủ, người kia chỉ đáng là theo hầu người khác, người nọ thì là hình quý, rất hung, thế mà mãi chẳng thấy nghiệm gì cả. Tôi xem ra bất chợt tùy tiện nói thì phần lớn đúng, dần đo cân nhắc rồi mới nói lại sai nhiều. Phải chăng có lòng mua thì không được, thờ ơ tình cờ thì lại gặp? Anh cố dài vai

cao, mặt gầy cằm nhọn, nhìn cứ như con hạc con chim. Tôi tuy không biết xem tướng, nhưng biết chắc anh không có tướng tiền lưng vạn lạng, muôn dặm phong hầu. Chắc chắn là vậy. Tôi đang thực bụng khuyên anh, xin anh đừng buông lời nói suông đùa tôi".

Đoạn văn trên đây của Lưu Khắc Trung nói thẳng nói thật, rất sắc bén. Tướng sĩ họ Chu kia nghe được hẳn toát mồ hôi trán.

Những bút ký, ngữ lục nói đến tướng thuật càng nhiều hơn. Thí dụ các tập "Tề đông dã ngữ", "Tốc thủy kỷ văn", "Thiếu thị văn kiến lục", "Xuân chữ kỷ văn", "Thanh sương tạp ký", "Đông Pha chí lâm", "Mẫu thủy yến đàm lục" v. v... đã kể lại nhiều chuyện liên quan đến tướng thuật. Ví dụ "Thanh sương tạp ký" ghi lại câu chuyện như sau: "Có người gọi là Văn Trang công khi đang trấn thủ An Châu, một hôm có hai anh thư sinh áo vải họ Tống đến yết kiến. Ông tiếp đãi trọng hậu và ra đề yêu cầu hai anh em làm thơ "Vịnh hoa rụng".

Ít lâu sau vua ban chiếu mở kỳ thi. Hai thư sinh họ Tống đều ứng chiếu. Văn Trang công nói với hai anh em thư sinh họ Tống: "Thơ vịnh hoa rụng mà không có chữ "rụng", cậu anh lần này sẽ đỗ Trạng nguyên. Anh lại tướng mạo khôi ngô đẹp đẽ, sau này sẽ làm đến tể tướng. Cậu em không thể bằng được, nhưng cũng có trên bảng vàng". Và sau quả đúng như lời tiên đoán.

Mà không chỉ có bút ký ngữ lục, sử sách các đời trước cũng coi tướng thuật như một thứ sức mạnh có thể thay đổi số phận nhân vật, dâng lên những đợt sóng lịch sử: Tư Mã Thiên, Ban Cố, Phạm Hoa, Phòng Huyền Linh, Thẩm Ước, Tiêu Tử Hiền, Diêu Tư Liêm, Ngụy Thu, Lý Bách Dục, Ngụy Trung, Âu Dương Tu v. v... soạn sử, đã đưa vào chính sử nhiều câu chuyện tướng thuật có liên quan đến nhân vật lịch sử, nhất là khi liên quan đến các đế vương khanh

tướng. Qua đó có thể thấy thái độ của các nhà nho sử gia đối với tướng thuật.

Dưới thời Minh Thanh, tiểu thuyết cổ điển phát triển đến đỉnh cao. Là tác phẩm văn học, tiểu thuyết cũng là phản ánh của đời sống xã hội hiện thực. Ngay cả những tác phẩm lãng mạn có tính chất huyền thoại như "Tây du ký" cũng đều là những bức ảnh xã hội. Do đó, tướng thuật, với tư cách một dân tục, được nói đến nhiều trong tiểu thuyết. Những đoạn viết về tướng thuật trong tiểu thuyết là để khắc hoạ nhân vật. Viết tướng thuật nhiều nhất là tiểu thuyết hiện thực xuất sắc "Kim bình mai". Ví dụ:

"Nương tử này, tam đình cân đối, suốt đời cơm áo đầy đủ" (hồi 29). Cũng trong hồi này, "Kim bình Mai" còn có một đoạn dài tả tỉ mỉ một tướng sĩ gọi là Ngô thần tiên, viết rất kỹ về dáng vẻ tác phong, ngôn ngữ cử chỉ, đồng thời còn cho thấy cả thái độ đối với tướng thuật của những nhân vật loại như Tây Môn Khánh.

Ảnh hưởng của tướng thuật đối với văn nhân thể hiện trên nhiều mặt. Cái tâm lý "ăn nhờ ở đậu" của văn nhân làm cho họ băn khoăn về tương lai, do đó trên một mức độ rất lớn, họ dành tin vào số mệnh. Vì họ là văn nhân, cho nên khi đã tin, họ hay bàn luận về tướng thuật, lại hay truyền bá tướng thuật, làm cho tướng thuật lan tràn khắp phố cùng quê. Có thể xem đây là một mặt của phong tục xem tướng.

3 - TÍNH HƯ VỌNG CỦA TƯỚNG THUẬT

Tướng thuật có lẽ là một thứ ma thuật! Trong lịch sử Trung Quốc, nó quá đỗi đã hơn hai nghìn năm. Dòng người cuộn theo nhau như đàn vịt, dấy lên hết đợt sóng này đến đợt sóng khác. Do

nhu cầu an ủi tinh thần, từ vua chúa đến dân đen, hầu như không ai không tin tướng thuật. Đây đó cũng có mấy tiếng kêu, nhưng nó đã bị chìm ngập trong những đợt sóng cuốn cuộn. Ngày nay, qua rừng rậm lịch sử, chúng ta đi tìm hồi âm của lịch sử.

Khổng Tử đang đàm đạo với học trò, Tử Lộ nói với Khổng Tử: Đan Thái Tử Vũ có tướng quân tử, thế mà việc làm không được như tướng mạo, Tể Dư có lời lẽ văn nhã, mà trí không đạt được lời". Khổng Tử nói: "Coi tướng ngựa phải dùng xe, coi tướng người phải xem hành động. Không thể bỏ qua phương châm đó. Nhìn dung mạo mà đánh giá người sẽ sai trong trường hợp Tử Vũ, nghe lời nói mà đoán người, sẽ sai trong trường hợp Tể Dư". Khổng Tử tin theo mệnh trời, ông tin rằng: "Sống chết có số, giàu nghèo tại trời". Thế mà ông không dễ dàng tin rằng dung mạo có thể quyết định số phận và nói không thể nhìn tướng mà xét người.

Nhưng tiếng thờ dài của Khổng Tử chưa thể coi là sự lên án tướng thuật. Tiếng quát thật sự đối với tướng thuật phải đợi một nhà nho hiền triết khác là Tuân Tử mới phát ra. Tuân Tử không còn là tin hay không tin với giọng điệu nhẹ nhàng nữa mà là một tiếng quát lớn thật sự hoàn toàn phủ định nó. Tuân Tử kể rõ quan hệ giữa tướng mạo và thành tựu của các bậc thánh hiền, cho rằng: "Dài ngắn, lớn nhỏ, hình tướng đẹp xấu, không phải là dữ hay lành". Thế tục thích tướng thuật, đó chỉ là do "nghe thấy tận tai, tận mắt không có mấy, mà chỉ nghe những lời bàn luận thấp kém". Tuân Tử cho rằng, hình tướng là không đáng tin, nếu như cần phải "xem tướng" ai đó thì phải xem tướng cái tâm của người ấy, do đó đã nêu ra một luận đề nổi tiếng: "Xem tướng thuật không bằng luận tâm, luận tâm không bằng chọn thuật". Tuân Tử đã dùng kiếm sắc chọc ra một cửa mở, tiếp đó có Vương Sung, Vương Phù tiến theo. Vương Phù đời Đông Hán đã viết "Tiềm phu luận - tướng liệt". Ông nhìn nhận

sự tồn tại của tướng thuật, nhưng cho rằng cái cuối cùng ảnh hưởng đến cảnh ngộ của người ta không phải là cái dụng mạo mà các tướng sĩ lấy làm căn cứ mà là lực lượng xã hội và sự nỗ lực hậu thiên. Ông viết: "Đất mầu mỡ đấy, nhưng không cày cấy thì không có thu hoạch, còn ngựa thiên lý, cốt tướng vẹn toàn, nhưng không quất roi vào không thể đưa ta đến đích: ngọc kia tuy quý, không giữa mài không thành vật dụng có ích. Kẻ sĩ mà không làm quan, không thành tước vị. Như thế đấy, trời đất không thể làm ra quý hay tiện, quý thân không thể làm ra giàu hay nghèo". Đoạn nói này của Vương Phù có thể coi là một liều thuốc đánh thức những người đang mù quáng tin vào tướng thuật của xã hội đương thời.

Nhưng từ đó về sau rất ít có những sự phê phán lý luận tướng thuật một cách có hệ thống. thỉnh thoảng cũng có sự phê bình, nhưng cũng chỉ đưa ra những dẫn chứng để nói tướng thuật không đáng tin. Sách "Lu phổ bát ký" đời Tống có đoạn viết:

"Hán thư" nói Hứa Phụ coi tướng cho Chu Á Phụ nói rằng Chu Á Phụ có nếp nhăn dọc đi vào miệng, đó là tướng chết đói. Rồi cục Chu Á Phụ không ăn gì năm ngày mà chết. Tôi xem "Nam sử" thấy Du Quỳnh chết đói, Chủ Mộng tuổi già chết đẹp thì ra trái ngược hẳn với tướng thuật. Quỳnh nhà giàu có, bữa ăn bày đĩnh, lại tướng mạo khôi đẹp đẽ, ai cũng bảo sẽ là chúa tể một phương. (Thế mà) đến khi Ngụy đánh chiếm Giang Lăng, Du Quỳnh cuối cùng chết đói. Chủ Mộng mặt nhọn gầy có nếp nhăn dọc vào miệng, thế mà rốt cuộc vẫn giữ được cơm áo đến già chết đẹp. Vậy thì tướng thuật có lúc không nghiệm".

Bình luận như vậy là có bằng cứ xác đáng, lời lẽ hùng hồn, nhưng lại có vẻ như là muốn nói "tướng thuật phần lớn nghiệm, chỉ có lúc không nghiệm mà thôi", trên thực chất lại là ca ngợi tướng

thuật. Bởi vì các tướng sĩ vẫn cứ nói "thuật của tôi cũng có khi không nghiệm" để mê hoặc chúng sinh.

Hùng Bá Long đời Thanh sau khi đưa thí dụ nói rõ tướng pháp không nghiệm đã viết thêm:

"Tôi không tin lời thầy tướng. Có người suy đoán vận độ của tôi, xem các bộ vị của tôi, đều nói rằng tướng cực quý, phải là công hầu khanh tướng, mà chỉ từ khoảng ba bốn mươi tuổi là được. Nhiều người lấy điều đó nịnh tôi. Lúc đầu tôi nghe nịnh vậy cũng mừng, chờ mãi đến sau khi thấy thì thường là không nghiệm". "Trường hợp không nghiệm thì không truyền tụng. Nay cho một người không biết coi tướng đi coi tướng cho trăm người, hẳn cũng có một hai người trúng, thế là truyền lời một hai người trúng, đủ để nổi tiếng giỏi coi tướng, không biết rằng nghiệm trúng chỉ là ngẫu nhiên mà thôi" ("Vô hà tập"). Cái ông Hùng Bá Long này có lẽ tướng mặt rất đẹp, có lẽ các thầy tướng đều khen. Thế mà "nay đã trải tuổi bảy mươi rồi" vẫn chưa thấy trở thành "công hầu khanh tướng", cho nên cũng tức "dù có muốn tin mà đâu có thể tin được". Hùng Bá Long dùng thực tế bản thân mình để nói tướng thuật "Thường thường không nghiệm", một cách phê phán tướng thuật rất có sức mạnh.

Nhưng nhìn chung, việc phê phán tướng thuật của người xưa thì "Phi tướng" của Tuân Tử là gay gắt nhất, có lý nhất và cũng có sức mạnh nhất, đời sau chưa có tác phẩm nào hơn được. Lý luận luôn không thể theo kịp thực tiễn, tướng thuật càng phát triển thì lý luận càng trở nên lạc hậu. Khỏi cần bình luận gì thêm. Đây cũng là một hiện tượng thú vị của tướng học.

Nói đại thể, tính hư vọng của tướng thuật chủ yếu biểu hiện ở hai mặt dưới đây:

Thứ nhất, thuyết định mệnh siêu hình. Tướng thuật thực ra là theo lý luận "thiên nhân hợp nhất" để đưa ra cái hiện thực "người lấy khuôn phép từ trời". Nó đem cái nhân thể tồn tại thật sự giao phó cho một lực lượng thần bí khó lường, và đoán trước cái lực lượng vận mệnh thần bí kia sẽ đưa con người đến bến bờ lý tưởng. Cái lực lượng thần bí đó có thể quyết định sinh lão, bệnh tử, giàu, nghèo, sang hèn của con người, mà căn cứ duy nhất là tóc xương thịt của người. Thứ thuyết định mệnh tiên thiên này không tính gì đến ảnh hưởng của hoàn cảnh xã hội và sự phấn đấu hậu thiên của cá nhân, không nhìn thấy được sức sáng tạo lớn lao của con người có thể nhận thức thế giới, cải tạo thế giới đồng thời cải tạo mình, từ đó có thể thấy tướng thuật yêu cầu người ta "vô vi" (không làm gì cả), sinh ra có tướng giàu sang thì được hưởng số giàu sang, sinh ra có tướng nghèo hèn thì phải chịu phận nghèo hèn. Thật ra, một con người giàu sang sung sướng hay nghèo hèn khổ sở, tất cả đều phải trải qua bao nhiêu khúc quanh bước ngoặt, có người trước giàu sang sau nghèo hèn, có người trước nghèo hèn sau mới giàu sang. Mệnh chỉ là một cái gốc hư không, trống rỗng, người ta phải ăn, mặc, ở, đi lại, muốn vậy phải phấn đấu, giãy giụa, đâu có thể "vô vi"! Thuyết mệnh trời là cái nhân lõi tư tưởng của người Trung Quốc cổ đại, tướng thuật chỉ là một thứ chú thích khác của cái tư tưởng cốt lõi đó, chỉ là một sự phát huy cái tư tưởng đó, kết quả là tướng thuật tuyên truyền thuyết mệnh trời, thuyết mệnh trời lại tiêu thụ tướng thuật, cả hai có thể nói là cùng được lợi.

Thứ hai, quan niệm phong kiến được trộn lẫn vào trong đó, cò đại um tùm.

Tướng thuật có thể coi là một bài diễn thuyết về quan niệm phong kiến, nó dán quan niệm phong kiến lên thân hình da tóc người ta, hình thành một hệ thống công lợi lấy quan niệm phong

kiến làm thước đo giá trị. Phương hướng giá trị của tướng thuật được thể hiện rất tập trung ở ngôn ngữ bình phán vận mệnh, nào là sang hèn, giàu nghèo, thọ yếu, hoạ phúc, cát hung, thịnh suy, thiện ác, tà chính, trinh dâm, trung gian v. v... bao gồm hết nội dung các mặt hành vi xã hội, luân lý đạo đức...

Từ hình dáng khuôn mặt của một con người có thể nhìn thấy hết bấy nhiêu nội dung, chúng ta không thể không giật mình kinh nể thần cơ diệu toán của các thần tướng. Hệ thống giá trị này là được xây dựng bằng những tảng đá quan niệm đạo đức phong kiến. Sang với hèn đó tức là quan niệm "Quan bản vị" (lấy chức quan làm căn cứ, được làm quan là sang (quý), không làm quan là hèn (tiện) quan càng cao bao nhiêu thì coi là càng sang bấy nhiêu - ND) là quan niệm đẳng cấp xây dựng trên cơ sở tập tục quý trọng sĩ nho, khinh rẻ nông thương. Hiện tượng này đã thấm đẫm ăn sâu vào lòng người, có người tán thưởng, có người tiếp thụ, cũng có người không chú ý, tướng thuật bê tất cả cái đó vào mình, lải nhải tuyên truyền mãi, cố khơi trong người ta cái khát vọng thay đổi vận hội. Trinh với dâm, rõ ràng là nhằm vào phụ nữ. Tướng thuật có chuyên đề bàn về tướng phụ nữ, tức là từ vóc dáng cho đến sợi tóc của người phụ nữ, tất cả đều ngụ cái ý nghĩa trinh hay dâm. "Thần tướng toàn thiên" quyển 11 có một loạt bài bàn về chuyên đề này: "Đạt Ma phụ nhân tướng", "Ma Y thu đàm nguyệt luận nữ nhân", "Quý Cốc tử tướng nữ nhân ca", "Nữ đức luận", "Luận phụ nhân quý tiện cách", "Nữ nhân cứu thiện tướng", "Phương phụ luận", "Phụ nhân thập tiện ca", v. v... hầu như toàn bộ cái công quan niệm luân lý đạo đức phong kiến trong trên cổ người phụ nữ được trình bày bằng phương thức của tướng thuật, làm người ta trông thấy mà giật mình kinh hãi. "Ma Y thu đàm nguyệt luận nữ nhân" đòi hỏi người phụ nữ phải "hợp nhân luân", phải dịu dàng hoà nhã, nói năng chậm rãi, đi

đúng khoan thai, phải có đủ "tứ đức tam tông", còn nhân duyên đã có phận, tất cả phụ thuộc vào chồng, những người mũi nhọn, răng hỏ, hầu lộ, trán lệch, môi vênh, xương cốt thô, tóc khô... sẽ khắc chồng, làm lụn bại giang sơn nhà chồng, v. v... và v. v... Những "cao đàm khoát luận" như vậy nhặt đâu được đấy. Nhặt lên thì ra được cả chuỗi những hồn ma của tư tưởng trọng nam khinh nữ!

Có người nói, tướng thuật là sách giáo khoa quan niệm luân lý phong kiến. Xem ra nói vậy không phải là quá đáng. Các thầy tướng thời xưa đều là những nhà truyền giáo phong kiến.

Ngoài hai điểm nói trên, tướng thuật còn có những vấn đề loại như khiếm cưỡng phụ họa, ức đoán loại suy, tự mình mâu thuẫn với mình, cố làm ra vẻ cao siêu huyền bí, coi cá biệt là toàn thể v. v... không cần bình luận hết.

Trong cuốn sách "Thiên cơ được tiết lộ", Trương Minh Hỷ đã nói rất đúng: "Cũng như tôn giáo, sự tồn tại lâu dài của tướng thuật, mệnh học là có quan hệ với nhu cầu tinh thần đặc biệt của con người. Người ta có khát vọng mạnh mẽ tự nhận thức mình, tự thực hiện mình. Sự phát triển của con người, một mặt do năng lực khó mà xác định được của cá nhân quyết định, một mặt khác lại do những điều kiện khó mà dự đoán được của hoàn cảnh xã hội quyết định, tính bất định đó làm cho số phận của con người mang màu sắc thần bí khó biết, mà con người thì lại nôn nóng muốn biết rõ số phận sau đây của mình, muốn biết sớm diện mạo và giá trị của chính mình, thế là tạo một thị trường rộng lớn cho tướng thuật, mệnh học vẫn tự xưng là có thể nói trước số mệnh tương lai của từng người. Người ta lại hy vọng bằng sự nỗ lực của cá nhân mà nắm lấy vận mệnh tương lai của chính mình, nhưng do những nguyên nhân xã hội và những biến cố khó tiên liệu mà sự nỗ lực cá

nhân và kết quả thu được lại thường không giống như mong ước, thêm vào đó không thể giải thích được kết quả đó bằng nhân quả tất yếu. Nhịp điệu đời sống xã hội càng nhanh, thì những nhân tố không thể lường trước càng nhiều, có người không thể nào hiểu nổi những điều đã và đang xảy ra, thế là mất lòng tin đối với chính mình, và trở thành tín đồ của thuyết định mệnh".

Chúng ta đang sống trong thời đại phát triển với tốc độ cao. Chúng ta cũng nguyện vọng mạnh mẽ tự ý thức và tự thực hiện. Chúng ta có nhiều cơ hội, nhiều thành công, nhiều vấp vấp. Vậy chúng ta có biến thành "tín đồ của thuyết định mệnh" hay không?

Hãy trông kìa, tướng thuật đang bỏ bỏ diễn thuyết trước mặt chúng ta, những thầy tướng thầy số đang dạo quanh ta. Chúng ta hãy nắm lấy vận mệnh của chính mình! Chúng ta có thể gặp trắc trở, nhưng chúng ta không nản chí, cố gắng vượt lên con đường của lòng ta, kỳ cho thấy một linh hồn loé sáng xuất hiện trên đỉnh núi. Đó, chính là chúng ta!

HẬU KÝ

Vô luận bạn tin hay không tin, hay nửa tin nửa ngờ, hay tạm tin để tự an ủi, tướng thuật vẫn làm cho người ta mê. Tính thần bí của nó, tính hấp dẫn của nó sẽ làm cho người ta không thể không đi gỡ tấm mạng che mặt của nó, để nhìn thấy chân tướng của nó. Đó tức là mong muốn của tôi khi viết cuốn sách này.

Khi mới nhận nhiệm vụ viết, tôi đang "thử nghiệm cứu xem", vẫn ở trong trường đại học, chẳng bao lâu, có lẽ là số phận chẳng, ma xui quỷ khiến thế nào, tôi bỏ hẳn cơ quan đi làm bạn với trà với báo. Vì lẽ đó, phải đến một năm, khi viết khi dừng, tôi muốn hoàn thành cuốn sách này, có đoạn vì vậy có thể mất đi tính liên tục. Thời gian viết dài thì suy nghĩ cũng nhiều hơn, nhưng tôi đã đưa ra được trước bạn đọc chân tướng của tướng thuật hay chưa là vấn đề của trình độ nhận thức của tôi, nhưng tôi mong rằng tôi đã làm được việc đó.

Trong quá trình viết, tôi đã tham khảo khá nhiều tư liệu. Những tác phẩm của người đời nay đã cho tôi nhiều gợi ý và cảm ơn các tác giả liên quan.

Tôi phải cảm ơn các bạn bè đã ủng hộ việc làm của tôi, có người đã góp ý chỉ đạo, có người cổ vũ về tinh thần, có người cho mượn sách tham khảo. Tất cả đã làm tôi cảm nhận được sự ấm áp của tình bạn. Các bạn đó là: Nữ sĩ Âu Vi Vi, Nhà xuất bản Nhân

dân Quảng Tây, Vương Ngọc Đức tiên sinh Sở cổ tịch Trường đại học Sư phạm Hoa Trung, Giáo sư Thang Khai Kiến và tiến sĩ Lâm Lập Bình Sở cổ tịch Trường đại học Ký Nam, Nghê Tuấn Minh tiên sinh Thư viện Trung Sơn Quảng Châu, Chung Bảo Cầu tiên sinh Học viện Mỹ thuật Quảng Châu.

TRẦN HUNG NHÂN

Đầu xuân 1993

tại Nhân Liêu trai Quảng Châu

MỤC LỤC

	Trang
LỜI NHÀ XUẤT BẢN	5
Lời tựa bộ sách	7
ĐẠI ĐIỂN TÍCH VĂN HOÁ THẦN BÍ TRUNG HOA	
Chương một:	13
KHÁI LUẬN	
1. Tướng và thuật xem tướng	17
2. Số phận của môn tướng thuật	23
3. Đặc trưng thần bí của tướng thuật	29
4. Tướng thuật, xét trên góc độ văn hoá	38
Chương Hai:	61
LƯỢC SỬ TƯỚNG THUẬT	
1. Thời Kỳ Xuân Thu - Chiến quốc: tướng thuật ra đời	61
2. Thời kỳ Lương Hán: Trào lưu sôi nổi về tướng thuật	69
3. Thời kỳ Đường - Tống: Sự mê cuồng tướng thuật	75
4. Thời Minh - Thanh: Sự chỉnh lý của tướng thuật	83
5. Thế kỷ hai mươi: Sự chìm nổi của tướng thuật	89
Chương Ba:	103
CÁC NHÂN VẬT TƯỚNG THUẬT	
1. Các đại tướng sư	105
2. Phác hoạ về các thầy tướng	141
Chương Bốn:	163
TÀI LIỆU TƯỚNG THUẬT	
1. Lược thuật về sách tướng thuật	163

2. Giới thiệu một số cuốn quan trọng	173
3. Hướng dẫn đọc một số sách kinh điển về tướng thuật	183
Chương Năm:	207

CÁC MÔN LOẠI TƯỚNG THUẬT

1. Hình tướng	207
2. Mạch tướng	211
3. Vật tướng	218
	227

Chương Sáu:

XEM XÉT TOÀN BỘ VỀ HÌNH TƯỚNG

1. Phương pháp quan sát hình tướng	227
2. Tiêu chuẩn chung của hình tướng	240
3. Tướng xương (Cốt tướng)	250
4. Tướng mặt	268
5. Tướng thân	320
6. Tướng tay	325
7. Tướng hình thần	335
8. Tướng khí sắc	341
9. Tướng động tĩnh	346
10. Tướng nốt ruồi	353
	359

Chương Bảy:

TÂM TƯỚNG

1. Quan hệ giữa tâm tướng và hình tướng	360
2. Thực tiễn của tâm tướng	363
	373

Chương Tám:

PHÊ PHÁN TƯỚNG THUẬT

1. Tướng thuật và đông y	373
2. Văn nhân và tướng thuật	384
3. Tính hư vọng của tướng thuật	390
	399

HẬU KÝ

ĐẠI ĐIỂN TÍCH VĂN HOÁ TRUNG HOA
VƯƠNG NGỌC ĐỨC (Chủ biên) – TRẦN HUNG NHÂN

BÍ ẨN CỦA TƯỚNG THUẬT

Tái bản lần thứ I

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ THÔNG TIN

Chịu trách nhiệm xuất bản:

VŨ AN CHƯỜNG

Chịu trách nhiệm xuất bản:

PHẠM NGỌC LUẬT

Biên tập : NGUYỄN THẾ VINH

Biên tập tái bản : NGUYỄN VĂN TOẠI

Trình bày bìa : KIEN THUC DESIGN

Sửa bản in : NHƯNGÀ

In 1000 cuốn khổ 14,5 x 20,5cm tại Xưởng in NXBNN

Số đăng ký KHXB: 152-XB-QLXB/01- VHTT do Cục Xuất bản ký ngày 18/02/2004.

Giấy trích ngang KHXB do NXB Văn hóa Thông tin ký ngày 18/ 8/ 2004.

In xong và nộp lưu chiểu quý IV/2004.

Văn hóa Trung Hoa không chỉ nổi tiếng vì lâu đời, phong phú, mà còn được người Trung Quốc và nước ngoài ngưỡng mộ vì tính chất thần bí sâu đậm của nó. Nói thần bí, có nghĩa là thần kỳ và bí ẩn. Tất cả những nền văn hóa mang màu sắc thần bí, đều có thể gọi là *Văn hóa thần bí*.

Trong lâu đài văn hóa, không có một nền văn hóa nào khiến người ta say mê, đớp lấy hồn vía, lôi kéo người ta đi sâu tìm hiểu, khiến người ta ngạc nhiên thán phục như *Văn hóa thần bí*.

Văn hóa thần bí là một kho biển ảo thần kỳ, người theo nghiệp học nhìn thấy ở đây ánh hào quang của trí tuệ; người cầm quyền qua đây mà tổng kết những quyền mưu gìn giữ chính quyền; người kinh doanh lấy từ đây vô vàn của cải; kẻ mộng muội thì xin ở đây sợi dây để tự trói mình ...

**ĐẠI
DIỄN
TÍCH** **VĂN HÓA
TRUNG HOA**



VƯƠNG NGỌC ĐỨC

Trích lời tựa Tổng tập **ĐẠI DIỄN TÍCH
VĂN HÓA TRUNG HOA**



Cover design: Nghiem Hoang Anh

Tìm đọc Tổng tập **ĐẠI DIỄN TÍCH VĂN HÓA TRUNG HOA**

TRẠCH CÁT hần bí	Bí ẩn của Chiêm mộng & Vu thuật	Bí ẩn của TƯỚNG THUẬT
Bí ẩn của BÁT QUÁI	Bí ẩn của Phong thủy	QUYỀN MƯU thần bí

0701 751



**Bí ẩn của
TƯỚNG THUẬT**

Giá: 60.000 đ